Trần Trung Viên

sưu tập

Văn Đàn Bảo Giám



vh

nhà xuất bản VĂN HỌC

VĂN ĐÀN BẢO GIÁM

TRẦN TRUNG VIÊN
Sưu tập

VĂN ĐÀN BẢO GIÁM

Dương Bá Trạc *đề tựa*
Tản Đà *đề tựa 1934*
Trần Tuấn Khải *duyệt lại*
Nam Ký *Hán - Việt văn biểu*
Hư Chu *hiệu đính 1968*
Trần Vy Hoàng *sắp xếp lại năm 1998*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời nhà xuất bản

Bộ sách Văn Đàn Bảo Giám (gồm 3 tập) xuất bản lần đầu từ năm 1926 đến năm 1938 mới trọn bộ. Đây là bộ sưu tập hầu hết những thi ca của các bậc tiền nhân danh tiếng trong lịch sử nước nhà qua nhiều thế kỷ cho đến cận đại, (có kèm theo tiểu sử và ảnh một số bậc văn hào như Nguyễn Trãi, Tự Đức, Phan Thanh Giản, Vũ Phạm Hàm, Trương Vĩnh Ký, Đặng Xuân Bảng, Chu Mạnh Trinh, Dương Lâm, Dương Khuê, Nguyễn Khuyến...) Sách lưu hành lúc bấy giờ được độc giả cả ba miền Bắc - Trung - Nam và báo chí nhiệt liệt hoan nghênh, nhiều nhà học giả khen ngợi và đánh giá cao, được coi là một công trình giàu tâm huyết đối với nền quốc văn của ông Trần Trung Viên, rất hữu ích cho việc nghiên cứu thưởng thức nền văn học Việt Nam hiện tại và cho mai sau.

Bộ sách đã được in lại mấy lần, kể cả ở miền Nam trước giải phóng. Nay nhận thấy bộ sách vẫn còn những giá trị lịch sử và văn hóa, một nguồn tư liệu quý hiếm trong việc tìm hiểu văn học Việt Nam, Nhà xuất bản Văn học cho tái bản bộ sách này.

Việc tái bản lần này được ông Trần Vy Hoàng, hậu duệ cụ Trần Trung Viên, chính lý theo phương châm tôn trọng nguyên bản gốc, chỉ hoàn chỉnh thêm những chi tiết như: sắp xếp tập trung bài vở cho có hệ thống từng thể loại, từng tác giả; đính chính một số lỗi chính tả; riêng phần chú thích và điển cố, chữ nghĩa thì để tách riêng cuối từng phần cho sách được thoáng, đẹp. Và sau hết là làm mục lục tổng quan cho dễ phần tra cứu. Phần phụ lục tham khảo về tiểu sử các nhà văn hào, phần Hán Việt văn biểu cũng được đính chính một số về năm tháng cho được chính xác hơn. Riêng phần chữ Hán do điều kiện kỹ thuật, Nhà xuất bản xin được phép lược bỏ.

Nhà xuất bản Văn học xin được trân trọng giới thiệu với độc giả gần xa.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tựa

Văn chương là tinh hoa của trời đất, phát tiết ra ở những người tài trí, cho nên những văn chương tuyệt tác không tiền, tuyệt hậu phần nhiều ở những tay người tài tuấn mô tả ra. Nước ta là một nước văn hiến, có tiếng ở cõi Á Đông, mà các lối quốc văn mới thực là các tinh hoa của tổ quốc.

Xét gốc rễ về phần quốc văn phát hiện ra từ Nguyễn Sĩ Cố nhà Trần, nhưng thủ trọng bất thường, triều đình ít khi lấy quốc văn làm đường thủ sĩ, nên quốc dân cũng không khuynh hướng cho lắm. Còn như các bậc hưu quan dật sĩ, nhiều khi chán văn Hán dùng văn Nôm, để di dưỡng tính tình, chứ cũng không công bố cho quốc dân đồng lãm, nên những lời châu ngọc của các bậc hiền triết mai một ở chỗ nhà cỏ lều tranh, ngày một hao mòn, khó mà tìm lại được.

Gia chi dĩ, chữ nôm của ta thực không chuẩn đích, ai viết ra người nấy đọc được, dẫu sách có ấn hành, nhưng ít người ham dọc, vì chữ nôm chắp chảnh, khó mà đọc thông, nói đến những nông nổi quốc văn của ta, vì những lẽ ấy mà không được phát đạt.

Bây giờ lấy quốc ngữ làm sơ học dồ triệt, lấy quốc văn liệt vào các giáo khoa, khác nào như một cây lão thụ, lại được hưởng thụ hơi dương đầm ấm, mưa móc dồi dào, mà chả đâm chồi nẩy lộc, phát dương sinh sắc hơn trước dư? Vậy thì quốc văn của ta lại càng phải bảo tồn lắm, vì tinh thần văn chương của người ta ký ngụ ở đó; người có lòng sốt sắng với quốc văn mà lại đạm bạc vô tình dư?

Nhân nghĩ đến điều đó, bèn biên tập các văn cổ, chia làm từng đoạn, từng lối, nào: thất ngôn, ngũ ngôn, phú, sách, hát nói v.v... nhan đề là ***Văn Đàn Bảo Giám****, trước là lưu trữ các thơ văn của nước nhà, sau là hiến các bậc cao minh trong lúc thanh nhàn vô sự, thì cái việc sưu tập này, thực là một mảnh chân tâm đối với quốc văn vậy.*

Sau này quốc văn của ta một ngày một thịnh, kêu như gió thổi, dật như sấm vang, cũng là nhờ về các bậc danh nhân đưa đường chỉ nẻo cho. Phương ngôn có câu: Phi cổ bất thành kim, thế đủ biết các lối quốc văn của ta thực là một tấm gương trong rất báu, để lại cho chúng ta đang phấn khích ở lúc học giới tân cựu này vậy.

Tháng chạp năm Ất Sửu
(Février 1926)
Cẩm Đài
TRẦN TRUNG VIÊN

Tựa

Mỗi một nước có một văn chương riêng, văn chương của nước nào tức là quốc hoa của nước ấy, mà chính là quốc hồn của nước ấy. Văn chương người ta tuy vì người mình mấy ngàn năm xưa mài miệt về Hán học, không chú trọng về quốc văn, nên không lấy gì làm được phát đạt cho lắm; nhưng thủ trạch của các tiên nhân ta còn được di trữ phiến mặc nào để lại, cũng đều là lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu; chỉ khốn vì một nỗi linh tinh tản mác ở trong tàn biên đoạn giản, tam sao thất bản, mỗi ngày một mất dần đi. Ấy quốc hoa ta ở đó, mà quốc hồn ta cũng ở đó chứ đâu, kẻ hữu tâm thực không thể không ngậm ngùi than tiếc!

Nay muốn phát dương cái quốc hoa của ta, hoán khởi cái quốc hồn của ta, để mong gây dựng nên cái lâu đài quốc văn ta có một ngày kia cũng tráng lệ nguy nga, cùng với non Tản sông Lô cùng thọ, thì những thơ văn cổ, ta cần phải ra công sưu tập mà hết sức bảo tồn lại mới nên. Ông Trần Trung Viên là một người có lòng ham mến quốc văn lắm, đã chịu khó ra công sưu tập và hết sức bảo tồn được thơ văn cổ rất nhiều, nay đem

ra in để công đồng hiểu; thực là một việc đáng khen vậy.

Dám mong rằng quyển sách này cũng có thể giúp vào một phần việc làm cho quốc hoa ta có ngày phát dương, quốc hồn ta còn ngày hoán khởi; cái lâu dài quốc văn ta có ngày gây dựng được, thì cái công phu của người in quyển sách này có phải là uổng đâu.

Ngày 15 tháng giêng năm Bính Dần
PHÚ HÀ
Tuyết huy DƯƠNG BÁ TRẠC

Bài tựa

Ông Chủ nhân Nam Ký vốn trước có cùng tôi quen biết. Đương An nam tạp chí tiến hành ở Hàng Bông - Hà Nội, ông có qua thăm báo quán; trong khi đàm luận về công việc văn học, ông muốn tôi có ngày về làm sách cho vui. Vậy thời quyển ***Văn Đàn Bảo Giám*** *này sau khi in ra mà tôi được dự có một phần công nhỏ ở cuối ít nhiều trang, cũng là ước cũ duyên xưa vậy.*

Tập ***Bảo Giám*** *này do tay ông Nam Ký cầm đến giao cho tôi ở một nơi biệt ngụ tại Hà Nội, ông ủy thác toàn trách nhiệm muốn thêm bớt, hoặc chú giải, tùy ý. Sau khi tôi đem về Sơn Tây, ngày đêm xét kỹ, thấy trong có nhiều bài của cổ nhân, thực là văn chương kim ngọc, đáng hai chữ* ***"Bảo Giám"*** *thay! Tiếc vì bài là bài sưu tập, văn là văn cổ xưa, cho nên không khỏi có nhiều chữ không hiểu nghĩa, mà tự tài học vấn và cái sức thông minh của mình không đủ đoán ra những chữ nghi ngờ ấy, thực đối với Nam Ký chủ nhân không được hết nghĩa vụ, mà đối với các bạn Độc giả không khỏi chút thẹn thò. Còn như một phiến ngu thành tưởng người đọc qua quyển đây, hoặc có thể lượng xét.*

Tập này sưu tập rất rộng, các thể văn có lẽ hồ hết; mà phần những bài trong các thể xem ra cũng rất nhiều. Phàm việc làm hơi có ý tham, thời không khỏi xô đồ, mà mắt cá thắng hạt trai, thực bệnh chung kim cổ. Nay ông đã ủy cho

tôi được có trách nhiệm thêm, bớt, dẫu không dám bạo tay làm quá, song những bài kém quá, hoặc toàn không rõ nghĩa, cũng có bỏ đi nhiều ít, chừng độ bốn năm phần trong trăm phần. Còn những bài tuy không lấy gì làm hay, mà lời văn cũng xuôi, hoặc là có cổ sắc đặc biệt thời không dám san tước, e có phụ công người sưu tập chăng! Nói về phần thêm thời toàn nhiên tôi không có thêm một bài nào ở trong tập.

Cứ cái hứng thú của tôi đối với những bài cho là có giá trị, mà sắc tướng khác nhau, xin lược biểu nhiều ít:

Thơ thất ngôn *như hai câu của cụ* **Trạng Trình:**

Giăng trong gió mát là tương thức,
Nước biếc non xanh ấy cố tri.

Tuy chưa thần tiên, cũng đã thanh cao đến tuyệt vậy.

Thơ tứ tuyệt *thời như bài "Đèn kéo quân" của cụ* **Thượng Giai:**

Một lũ ăn mày, một lũ quan,
Quanh đi quẩn lại vẫn một đoàn.
Đến khi dầu hết, đèn không cháy,
Chẳng thấy ăn mày, chẳng thấy quan.

Văn hước ngạo đến như thế, tưởng không còn có thể nào hơn!

Thơ bát cú *thời như bài của* **cựu thần nhà Lê** *khóc vua Chiêu Thống, khi đem linh cứu về nước, bốn câu giữa:*

Bể bắc chín lần rồng lấn sớm,
Trời Nam một đính hạc về trưa.
Tưởng câu năm nọ như ngày nọ,
Nhớ đến bao giờ khóc bấy giờ.

Thực là ẩm đạm trầm thống, văn chương do ở chí tình; khiến cho người sau mấy trăm năm, còn muốn chung một giọt nước mắt.

Văn đoán thiên lục bát *thời như bài "Tự thán" của cụ* **Nguyễn Trãi:**

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông
Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay.
Chắc chi thiên hạ ngày nay.
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao.
Đã buồn về trận mưa rào,
Lại đau về nỗi ào ào gió đông.
Mây trôi nước chảy xuôi dòng,
Chiếc thuyền hờ hững bên sông một mình.

Cái khí ngang tàng lỗi lạc hiện cả ở văn chương, mà như tâm sự anh hùng, khó thể người đời biết đến chỗ đau đớn.

Văn đoán thiên song thất lục bát *thời như bài "Chim trong lồng" của* **Quận Hẻo:**

Nhất lung thiên địa tàng thân tiểu,
Vạn lý phong vân cử mục tần.
...
...
Nào khi vỗ cánh rỉa lông
Hót cu thiên - túng trong vòng lao lung.
Chim oanh nọ vẫy vùng dậu bắc,
Đàn loan kia túc tắc cành nam.
...
...
Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu Hán.
Phá vòng vây bạn với kim ô.
Giang sơn, khách diệc tri hồ?

Lời văn khẳng khái hiên ngang, tự có nam nhi khí phách vậy.

Các văn biền ngẫu *thời như bài "Tế vua Quang Trung" của* **Ngọc Hân công chúa** [1]

1. Những bài dài này không thể trích ra ít nhiều câu mà hiểu được cái hay, ai đọc tới sẽ thấy.

Lời nói thực đắc thế, mà nghe ra não nuột can tràng!

Bài "Tần cung nữ oán Bái Công".

Văn chương rất mực tài hoa, thiên cổ khó còn ai sánh kịp.

Trường thiên lục bát *thời như bài hát cổ "Hà Nội ba mươi sáu phố phường".*

Lăng băng mà rất vui!

Trường thiên song thất lục bát *thời như bài "Tự thán" của* **Công chúa Ngọc Hân.**

Lôi thôi mà có cảm.

Phần câu đối thời như mấy chục câu của cụ Tam nguyên Yên Đổ, các câu của cụ Thượng Trứ và còn nhiều của những người khác.

Xem ra đủ vẻ tài tình vậy!

Vì những văn chương của cổ nhân, thiệt có giá trị như thế, mà chữ dùng, cùng là các điển dẫn, đều bởi các sách về Hán văn. Liệu từ nay về sau, nếu không có chú giải mà cứ thế in ra, thời những cái hay kia, khó để mọi ai cùng hiểu. Tôi, địa vị là một kẻ học trò chữ Hán, bổn phận đối với những thứ văn chương ấy, tự mình nguyên chẳng đáng từ nan; huống lại thừa hậu ý của Thư quán chủ nhân ủy thác cho, nên xin hết ngu thành, hiến cùng Độc giả vậy. Lại tiếc vì chỗ ở chân non, ngày tháng tuy như nhàn rỗi, mà sinh nhai quản bút, công việc lại cũng bộn bề. Cho nên trong việc chú giải, có lược, có tường, cũng mong được đồng nhân lượng thứ.

Nay, trước khi đem tập văn này giao trả Chủ nhân hiệu Nam Ký, xin kính viết bài tựa, để ghi lại làm duyên.

Sơn Tây, le 22 Janvier 1934
TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU

Cùng các độc giả
Văn Đàn Bảo Giám

Một nước cường thịnh hay suy nhược, một phần cũng bởi nước ấy có nhiều hay ít sách có giá trị; Muốn biết văn học của một nước thế nào, cũng phải xem ở kho sách nước ấy có những sách gì...

Nay thử nhìn lại kho sách nước ta, tìm xem được mấy quyển có giá trị, giúp ích được cho công cuộc bồi đắp văn học nước nhà...

Phàm ai là người có tâm huyết đối với quốc văn, chắc cũng phải lắc đầu mà than thở.

Bản thư quán từ ghé vai vào làm việc với xã hội đã lạm nhận cái chức trách xuất bản các sách có bổ ích để hiến quốc dân, việc tuy nặng nề, nhưng không dám nản tâm. Bao giờ cũng cần giao thiệp với các nhà khảo cứu quốc văn trong nước, để tìm những áng văn chương có giá trị, có bố ích cho quốc văn, in thành sách, mong bồi đắp cho nền quốc văn, mai sau sẽ phát đạt thêm lên.

*Bộ **"Văn Đàn Bảo Giám"** này, là bộ sách mà sao lục giả đã ra công tìm kiếm các lối văn chương của tiền nhân, chép thành ba quyển có tới ngót 10.000 bài, cách xếp đặt văn chương chia ra từng mục, từng loại, để khi khảo cứu cho tiện.*

Nay bản quán tái bản bộ sách này, lại có sưu tập thêm được gần đủ các tiểu sử, và có tìm được rất nhiều các hình ảnh các danh nho, in vào sách để tiện việc kê cứu.

Thiết nghĩ công cuộc tiến hóa của một xã hội, cần phải có nhiều người giúp sức, mà mỗi người dân cần phải gánh vác một chức vụ tương đương.

Bản thư quán tuy đứng về phương diện doanh nghiệp, nhưng vẫn chịu một phần trách nhiệm đối với quốc văn; cho nên từ khi sáng lập đến nay không lúc nào không lo bồi đắp cho cái lâu dài quốc văn chóng được nguy nga tráng lệ.

Nay in lại lần thứ ba bộ ***"Văn Đàn Bảo Giám"*** *này, dám mong đồng bào sẵn lòng hoan nghênh thì dưới suối vàng các bậc danh nho cũng được thỏa dạ mà cũng khỏi phải phí tấm lòng sốt sắng của những người tận tụy với quốc văn.*

Hà Nội, đầu xuân năm 1932

Nam Ký Thư Quán

THẤT NGÔN BÁT CÚ

LÊ THÁNH TÔN

Người bù nhìn

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ
Vốn lòng vì nước há vì dưa
Xét soi trước mặt đôi vừng ngọc
Vùng vẫy trên tay một lá cờ
Dẹp giống chim muông xa phải lánh
Để quân cầy cuốc gọi không thưa
Mặc ai nhảy nhót đường danh lợi
Ơn nước đầm đìa hạt móc mưa

Cái chổi

Lời chúa vâng truyền xuống ngọc giai [1]
Cho làm lệnh tướng quét trần ai
Một tay vùng vẫy trời tung gió
Bốn cõi tung hoành đất sạch gai
Ngày vắng dủ mây cung bắc hán [2]
Đêm thanh tựa nguyệt chốn lâu đài
Ôm lòng gốc rễ lâu càng dãi
Mòn mỏi lưng còn một cái đai.

Cái xe điếu

Vốn ở lâu đài đã bấy nay
Khi lên dễ khiến thế gian say
Lưng in chính trực mười phân thẳng
Dạ vẫn hư linh [3] một tiếng ngay
Động sóng tuôn mây khi chán miệng
Nghiêng trời lệch đất thuở buông tay
Dưới từ dã lục [4] trên đền đỏ
Ai chẳng quen hơi mến đức này.

Cái cối xay

Thóc lúa kho trời vẫn sẵn đây
Tạc thành cái cối để mà xay
Thu tàng châu ngọc tư mùa đủ
Chuyển vận âm dương một máy xoay
Đất phẳng nổi đùng cơn sấm động
Vừng to vung tế hạt mưa bay
Đem tài xoay xóa ra tay giỏ
Lợi dụng cho dân đủ tháng ngày

Người nấu bếp

Đương cơn lửa cháy thấy ai nào
Hỏa đỉnh điều canh [5] có một tao
Gắng sức phò vua cho ấm nước
Ra tay dẹp bể để yên rào
Trên đầu phất phới tàn bay rợp
Trước mặt nguy nga khói tỏa cao
Thu cuốn bốn bên về một mối
Cha con đều hưởng lộc Thiên tào

Thằng đánh giậm

Rạng ngày cơm nước cất quân mau
Khí nghệ tùy thân đủ trước sau
Cán lọng giữa trời người đứng đó
Vòng cung đạp đất thấy ai đâu
Những phường trê chuối đều sây vẩy
Mấy lũ đòng đong cũng dập đầu
Dẹp nước yên rồi về kẻ chợ
Bấy giờ các chị mới tranh nhau

Qua đèo Ngang

Bãi thẳng ngàn xa cảnh vắng teo
Đèo Ngang lợi bể nước trong veo
Thà là cúi xuống cây đòi sụt
Xô xát trông lên sóng muốn trèo
Lảnh chảnh đầu mầm chim vững tổ
Lanh đanh cuối vũng cá ngong triều
Cuộc cờ kim cổ chừng bao nả
Non nước trông qua vẫn bấy nhiêu.

Hoa sen

Chẳng bận tri trần [6] mảy mảy hơi
Luận bề thanh quý tót xa vời
Nõn nà sắc nước nhờ duyên nước
Ngào ngạt hương trời nức dặm trời
Gấm Chức dong tơ khuây cửi mắc
Gương Hằng ngắm bóng ngại trâm cài [7]
Dao trì lần thấy triều đi rước
Hớn hở thai minh [8] vận thái giai.

Cái điếu

Đã nên danh giá nhất trên đời
Kẻ kính người nưng khắp mọi nơi
Đầu mũ lưng đai ngồi chễnh chện
Lòng sông dạ bể xiết xa khơi
Tiếng kêu réo sấm lừng vang đất
Hơi thở tuôn mây rẽ ngất trời
Một trận ra uy trong nước lộn
Ải nam khói tạt bắc chìm hơi

Người thợ cạo

Mở mặt trần gian ác vạn người
Đông tây nam bắc phải làm tôi
Vài thanh gươm bạc xông trăm trận
Mấy chiếc qua vàng đóng một nơi
Kẻ trọng tam đồ hay bá gáy
Người cao nhất phẩm cũng cầm tai
Trăm năm tiêu sẵn kho vô tận
Xếp túi càn khôn chỉ việc ngồi

Người đi xin

Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay
Khắp hòa thiên hạ đến ăn mày
Hạt châu chúa cất trao ngang miệng
Bệ ngọc tôi từng đứng chắp tay
Nam bắc đông tây đều đến cửa
Trẻ già trai gái cũng kiêng thầy
Đến đâu sẵn có lâu đài đấy
Bốn bể thu về một túi đầy

Thằng mõ

Gớm thay lớn tiếng lại dài hơi
Làng nước ưng bầu chẳng phải chơi
Mộc đạc vang lừng trong bốn cõi
Kim thanh rền rĩ khắp đôi nơi
Đậu đâu đấy đấy đều nghe lệnh
Xã xã dân dân phải cứ lời
Trên dưới quyền hành tay cất đặt
Một mình một cỗ thỏa lòng xơi

Cái nón

Dáng tròn vành vạnh vốn không hư
Che chở bao la khắp bốn bờ
Khi để tướng nên dù với tán
Nên ra thì nhạt nắng cùng mưa
Che dân bao quản lòng tư túi
Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa
Vòi vọi ngồi trên ngôi thượng đỉnh
Ai ai lớn nhỏ đội ơn nhờ

Con chó đá

Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài
Cửa nghiêm chôm chổm một mình ngồi
Quản bao sương tuyết nào chi kể
Khéo nhử cao lương cũng chẳng nài
Mặc khách thị phi giương tráo mắt
Những lời trần tục gác ngoài tai
Một lòng thờ chúa nghìn cân nặng
Bền vững ai hay cũng chẳng dời.

Đề miếu Vũ-nương [9]

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương
Ngọn đèn dù nhẫn đừng nghe trẻ
Làn nước chi cho lụy đến nàng
Chứng quả có đôi vừng nhật nguyệt
Giải oan chi mượn đến đàn tràng
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng

Lời mẹ Vương Lăng tiễn sứ giả [10]

Đình phô đẳng đẵng ngựa dời chân
Nỗi mẹ con này gửi sứ quân
Nhớ Hán lòng còn đan một tấm
Thương Lăng tóc đã bạc mười phân
So bề trung hiếu khôn hai vẹn
Gặp hội công danh dễ mấy lần [11]
Mệnh mẹ lá vàng dầu mỏng mỏng
Về thì nhận kỹ nghĩa quân thần

Đến làng Tam-chế [12]

Bóng ác non đoài bạn [13] xế xế
Bỗng đâu đã tới miền tam chế
Mênh mang khóm nước nhuộm màu lam
Chất ngất đỉnh non lồng bóng quế
Chợ họp bên sông ngẫm có chiều
Thuyền bày trên đất xem nhiều thể
Cảnh vật bằng đây họa có hai
Vì dân khoan giản bên tô thuế

Nhớ chuyện Vũ nương

Ngàn lau san sát cỏ xanh xanh
Xẩy nhớ ngày xưa kẻ tiết trinh
Cách trở bấy lâu hằng giữ phận
Hiềm nghi một phút bỗng vô tình
Hay lòng phó mặc vầng cao thẳm
Lẻ bóng tìm nơi chốn vắng thanh
Dầu nhẫn ai ai qua đến đấy
Thương nàng lại hóa trách Trương sinh

Đề đền Lê Khôi

Dẹp yên bốn cõi mới buông tay
Lồ lộ thai sinh một đóa mây
Tể tướng bếp tàn mai lạnh vạc
Tướng quân doanh vắng liễu chau mày
Phong lưu phú quý ba đời thấy
Sự nghiệp công danh bốn bể hay
Thương ít tiếc nhiều không xiết chế
Miếu đường hầu lấy cột nào thay

TRẦN KHÁNH DƯ

Bán than

Một gánh kiền khôn quẩy tếch ngàn
Hỏi chi bán đó, dạ rằng than
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp
Thử xem sắt đá có bền gan
Nghĩ mình lem luốc toan nghề khác
Nhưng sợ trời kia lắm kẻ hàn

ĐẶNG DUNG

Thuật hoài

Thế sự du du nại lão hà
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca
Thời lai đồ điếu thành công dị
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa
Trí chúa hữu hoài phù địa trục
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà [14]
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch
Kỷ độ long tuyền đái nguyệt ma

Bản dịch của **Trần Trọng Kim**

Việc đời bối rối tuổi già vay
Trời đất vô cùng một cuộc say
Bần tiện gặp thời lên cũng dễ
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay

Vai khiêng trái đất mong phò chúa
Giáp gột sông trời khó vạch mây
Thù trả chưa xong đầu đã bạc
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.

LÊ QUÝ ĐÔN

Trách mình biếng học

(Mỗi câu có tên một thứ rắn)

Chẳng phải *liu điu* cũng giống nhà
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha
Thẹn đèn *hổ lửa* đau lòng mẹ
Nay thét *mai gầm* rát cổ cha
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối
Lằn lưng cam chịu tiếng roi tra
Từ nay *Trâu* Lỗ chăm nghề học
Kẻo *hổ mang* danh tiếng thế gia

Trương Lương

Khôn thay rất mực bác Lưu hầu
Lui tới thong dong tự trước sau
Vì giận không thành mưu Bác lãng
Nên đành phải bội ước Hồng câu
Suy tiêu khiến giặc sinh lòng chán
Tịnh cốc theo tiên kế rất mầu
Sáng cũ một pho ba tấc lưỡi
Nhà nho như thế thực phong lưu

Gia Cát Lượng

Long cương nằm khểnh hát nghêu ngao
Vì cảm ơn sâu biết tính sao
Hai biếu ra quân lòng đã tỏ
Tám đồ bày trận giá càng cao
Tam phân gặp buổi đương tranh vạc
Ngũ trượng ngờ đâu bỗng tối sao
Miếu cũ ngày nay qua tới đó
Tấc lòng khởi kính biết là bao

Từ Thức động

Văn đạo thần tiên sự diểu mang
Bích đào động khẩu thái hoang lương
Càn khôn nhất hạt cùng Từ Thức
Vân thủy song nga lão Giáng Hương
Thạch cổ hữu thanh khao hiểu guyệt
Sa diêm vô vị niết thu sương
Thế nhân khổ tác thiên thai mộng
Thùy thức thiên thai diệc hí trường

Bài dịch khuyết danh

Nghe nói thần tiên chuyện cũng ngờ
Cửa hang đào biếc luống hoang sơ
Càn khôn một cõi cho Từ đến
Mây nước bao lâu để Giáng chờ
Trống đá trăng thanh vang tiếng dội
Bãi đêm muối nhạt đẫm sương vơ
Đời ai khổ những mơ tiên đó
Nào biết thiên thai lại hững ờ

NGUYỄN GIA THIỀU
(Ôn Như Hầu)

Sai thằng Cam

Cam chóng ra thăm gốc hải đường
Hái hoa về để kết làm tràng
Những cành mới nhánh đừng vin nặng
Mấy đóa còn xanh chớ bẻ quàng
Xong lại tây hiên tìm liễn xạ
Rồi sang thư viện lấy bình hương
Mà về cho chóng đừng thơ thẩn
Kẻo lại rằng chưa dặn kỹ càng.

Cung oán thi

1. Thợ trời giéo giắt ý khôn lường
Rúng rẩy hồng nhan phận lạ nhường
Điện quế há rằng nhơ nhuốc phấn
Cung châu nỡ để thẹn buồn gương
Lót chăn thúy vũ năm canh gió
Dựa gối san hô bốn vách sương
Thỏ thẻ sự mình thêm thắc mắc
Hồng nhan chìm nổi cũng là thường

2. Sầu thu chưa dứt lại sầu xuân
Một gánh sầu treo nặng mấy cân
Mặt ủ ê hoa xấu thức ngọc
Má sùi sụt phấn ứa da ngân
Phòng tiêu riêng kẻ hơi dương tối
Điện quế dầu ai vẻ nguyệt ngần

Bối rối nỗi mình thêm bối rối
Tủi trăm chiều lại tiếc muôn phần

3. Lã chã mưa sa dế khóc thầm
Sầu ngày chưa dứt lại sầu đêm
Mưa tan tác liễu trôi ngần mặt
Mốc võ vàng ve tạt bức rèm
Mận chẳng sương đeo mà ủ dột
Đào không nắng táp cũng tơi mềm
Mối sầu này biết ai mà tỏ
Có tỏ cho chăng một bóng thiềm.

4. Vò võ phòng tiêu bấy những nay
Ghềnh khơi khôn giải mạch sầu này
Trăng kề nước giại màn còn xủ
Hoa nở bên tường mắt biếng khuây
Ngơ ngẩn trăm chiều cười nửa miệng
Héo hon chín khúc ủ đôi mày
Trông gương mình lại yêu mình bấy
Còn thức thừa ân cũng có ngày

5. Nỗi nọ đường kia nghĩ cũng rầu
Hết ngày vắng vẻ lại đêm thâu
Nghiên vừa mở đã mềm gan đá
Mực ướm mài đà lộn hạt châu
Tay chép chữ chân ra chữ thảo
Miệng ngâm thơ cảnh hóa thơ sầu
Cũng mong mượn thế mà khuây khỏa
Mượn thế mà khuây khỏa được đâu

6. Trên đài hiu hắt ngọn đèn hoa
Gang tấc xem bằng mấy dặm xa
Một kiếp đã đành rằng để vậy
Chín trùng có thấu đến chăng là

Ỏi tai ngán nỗi đàn ve gảy
Tạn mặt buồn tênh cái nhện sa
Ví biết thân này chi khó bấy
Quyền môn chen chúc chẳng bằng thà

7. Cũng thì má phấn cũng lưng ong
Kẻ ấm nồng sao kẻ lạnh lùng
Cung quế há rằng đeo phận bạc
Phòng tiêu nỡ để lạnh hơi đồng
Giọt rơi luống trót năm canh nguyệt
Đoạn thảm riêng đau chín khúc lòng
Gang tấc khó toan bề tiến thoái
Trêu ngươi chi mấy hỡi thiên công.

8. Trước ốc hoàng hôn đứng vẩn vơ
Thêm ngao ngán cảnh chạnh lòng thơ
Hài hoa chân bước chiều tha thiết
Mắt phụng trông chừng luống ngẩn ngơ
Trứng bạc những khi hơi bích lọt
Nhà vàng bao thuở thỏa ân thừa
Âm thầm luống chịu mình u bế
Đừng trách đời Đường hạn chẳng mưa

CHÚA TRỊNH SÂM

Tây hồ

Lọ là đồn hỏi chốn Bồng Doanh [15]
Này thú này âu cũng có tình

Đôi đóa nhị hồng in dáng tía
Một doành nước biếc ánh trời xanh
Làu làu các nọ phong rèm nguyệt
Văng vẳng chiền kia dõi tiếng kình
Lần trải nắng sương đà mấy tá
Kim ngưu [16] dấu trước hãy rành rành

Động Hương Tích

Trời vừa hé sáng bước lên thuyền
Khoan mái chèo lan ghé bến tiên
Phong nguyệt thờ ơ bầu ngọc đúc
Giang sơn bỡ ngỡ bức tranh in
Kìa kìa qui phượng ngong kinh bối [17]
Nọ nọ lân long lắng giáo thiền
Cảnh lạ thú mầu khôn xiết kể
Thanh kỳ đệ nhất chốn Nam thiên

Chùa Tiên

Chợt khỏi Thiên trù thoắt rẽ bên
Cửa hang thăm thẳm một đường lên
Chở mây quanh quất lồng hương phật
Gõ đá vang lừng lối nhạc tiên
Bảo cái đùn đùn trên bảo tọa
Kim quang chễm chễm trước kim liên [18]
Thanh xa dấu cũ còn ghi để
Quyến được xe loan biết mấy phen

NGUYỄN HỮU CHỈNH
(Cống Chỉnh)

Than thân

1. Tóc chen hai thứ chửa danh chi
Thân hỡi là thân thì hỡi thì
Chưa trả chưa đền ân đệ tử
Thêm ngừng thêm tủi chí nam nhi [19]
Kẻ yêu nên ít bề cao hạ
Nười ghét càng nhiều tiếng thị phi
Tay bé khôn bưng vừa miệng thế
Giãi lòng ngay thảo cậy thiên tri

2. Cửa sổ buồn xem ngựa trắng qua
Vừa khôn thì lại thấy vừa già
Trước đã cậy lòng con cái
Sau còn nhớ đức mẹ cha
Giàu ở làng sang ở nước
No nên bụt đói nên ma
Sắc không chữ ấy âu vàng thếp
Nghĩ lại thì là bẵng cái hoa

3. Phận đành yên phận chửa yên thân
Vàng bạc còn chen đám tục trần
Trong hãy trả ơn bề cốt nhục
Ngoài còn luống tưởng đạo quân thần
Mình ta đã nghĩ ta vô lụy
Dạ chúng đà hiềm chúng bất nhân
Ấy bởi vụng sinh hay lỗi số
Máy thiêng khôn biết mặc xoay vần.

4. Đã hẳn nào là mặt cố tri

Giàu sang tìm đến khó tìm đi
Bạc đen dạ chúng ta hay vậy
Vàng đá lòng ta chúng biết chi
Có phận ra người nên giữ phận
Lỗi thì là đứa vụng tùy thì
May ai nấy gặp chăng mà chớ
Lỡ bước lầm chân cũng vậy vì

5. Của chẳng riêng ai vốn của đời
Có thì ăn mặc có thì chơi
Bán buôn áo cũng bồ nâu đỏ
Hàng chợ cơm dù bát sứ xôi
Rượu uống tiêu sầu năm bảy chén
Thơ ngâm khiển hứng một vài lời
Bá vương nhắm mắt làm chi nữa
Lầm lẫn trời đành đã có nơi

6. Thiệt chăng một đứa dại trân trân
Tài đức thua bên cả thánh thần
Cá nọ mèo tha đầy kẻ đuổi
Lợn kia hùm bắt mấy người ngăn
Tham sinh cho kiệm lòng ưu quốc
Úy tử nên nhiều dạ ái thân [20]
Chữ phú mới hay đè chữ quý
Chửa tin thì hãy nhắc đồng cân

LƯƠNG HỮU KHÁNH

Cùng sang chuyến đò

LƯƠNG HỮU KHÁNH khi còn trẻ thường ăn không đủ bữa, một hôm ngồi đò ngang thấy mấy nhà sư có oản, liền ngỏ ý xin ăn. Mấy nhà sư bằng lòng cho nhưng đòi hãy làm một bài thơ trước khi đò đến bến. Ông bèn làm bài thơ này.

Một hòm kinh sử níp kim cương
Người tớ cùng sang một chuyến dương
Đám hội đàn chay ngươi đủng đỉnh
Ngôi cao chức trọng tớ nghênh ngang
Sao ngươi chẳng nhớ lời Hàn Dũ
Đây tớ còn căm chuyện Thủy hoàng [21]
Phút chốc lên bờ rồi tiễn biệt
Ngươi về tôi Phật tớ tôi Vương

PHAN MẬU HIÊN

Xử thế

Theo đòi đạo Thánh chửa hề sai
Trung hiếu hai bề vẹn cả hai
Xấp xỉnh khi cầy khi bút mực
Lần hồi bữa gạo bữa cơm khoai
Lẽ công trên cõi nhờ trời bụt
Đường lợi trong nhà sẵn đất đai
Hãy giữ phận thường đành gặp hội
Công danh càng vãn phúc càng dài

CỰU THẦN NHÀ LÊ

Khóc vua Chiêu Thống

Linh cữu nhà vua đưa từ Bắc Kinh về Thanh Hóa

Nằm gai nếm mật mấy năm thừa
Nắm cỏ đưa về tấc đất xưa

Bể Bắc chín lần rồng lẩn sớm
Non Nam một đỉnh hạc về trưa [22]
Tưởng câu năm nọ như ngày nọ [23]
Nghĩ đến bao giờ khóc bấy giờ
Thua được cuộc cờ thôi để đó
Gội ơn cây cỏ vẫn còn thưa

VĂN THẦN THỜI LÊ

Lý Ông Trọng

Tầm cả tầm cao chỉn xuất quần
Khí thiêng quang nhạc cấn mười phân
Phò nam dẹp bắc tài văn võ
Trấn nước dầy non sức quỷ thần
Vòi vọi Thụy Hương từ đã dựng
Nhơn nhơn Tư mã tiếng còn rân
Chàng Cao gã Triệu chiêm bao tỏ
Càng sợ An Nam có thánh nhân

Bạch Đằng giang

Leo lẻo doành xanh nước tựa dầu
Trăm ngòi nghìn lạch chảy về chầu
Rửa không thay thảy thằng Ngô chạy
Giặt mỏi lâng lâng khách Việt hầu
Nọ đỉnh Thái Sơn rành rạnh đó
Nào hồn Ô Mã lạc loài đâu
Bốn phương phẳng lặng kình bằng thóc
Thong thả dù ta bủa lưới câu

Mẫu đơn

Dưỡng cẩn vườn tiên của hạ thường
Trăm hoa tươi tốt đã khiêm nhường
Thức tươi chiếm được xuân thiên hạ
Giá trọng kham khoe đất Lạc Dương
Khắp trong đời khen quốc sắc
Hơn chúng bạn khải hoa vương
Dầu thêm hay thốt hay cười nữa
Thấy mặt trong lòng những đoạn trường

Vịnh xuân

Từ thuở Đông hoàng chịu lấy quyền
Thiều quang làm cảnh sang xuân thiên
Đường hoa chấp chới tin ong dạo
Dặm liễu thung dung sứ điệp truyền
Ả Ngụy nàng Diêu khoe đẹp đẽ
Người thơ khách rượu rộn mời khuyên
Nam nhi gặp thuở công khi ấy
Xốc ngựa Tràng An mới phỉ nguyền.

Tàn xuân lữ xá

Hoa bay nước chảy cũng vô tình
Gió quyến xuân đưa đến Sở thành
Hồ điệp mơ màng nhà mấy dặm
Tử quy khắc khoải nguyệt ba canh
Thư nhàn dễ cách lòng nên bạc
Tóc tuyết khôn cầm thức lại xanh
Nẻo ấy chẳng về về ắt được
Năm hồ cảnh vắng có ai tranh

Phù Đổng Thiên Vương

Tinh anh cấu được khí kiền khôn
Thiên tướng vang lừng tám cõi dồn
Nghe tiếng Hùng vương bèn nấy việc
Mảng danh nghịch tặc đã kinh hồn
Vớt vàng ngựa sắt hằng di để
Làng Gióng non Châu miếu hãy còn
Tự điển trời nam ngôi đệ nhất
Am phò quốc thế vững bằng non

Giang thiên mộ tuyết

Bát ngát giang thiên bóng ác thâu
Trời hòa có tuyết cảnh thêm mầu
Hư không vẫy khắp hoa muôn khóm
Thế giới đông nên ngọc một bầu
Buồm chiếu phau phau thuyền chở nguyệt
Áo tơi khụ khụ khách ngồi câu
Đầu Ngô cuối Sở từng đi lại
Vọi hỏi Quân sơn ấy ở đâu

Động Đình thu nguyệt

Thu cao hồ gạch nguyệt bằng ngày
Đáy nước trên không một dạng tày
Cây dựng non Yên xanh dễ thấy
Cát in bãi Sở bạc khôn thay
Dòng lam nghìn dặm quyên phẳng
Hương quế ba canh gió bay
Có khách hứng dòng tìm Phạm Lãi
Cúc chơi mừng thấy nguyệt bằng tay

Trưng vương

Giúp dân dẹp loạn trả thù mình
Chị rủ cùng em kết nghĩa binh
Tô Định bay hồn vang một trận
Lĩnh Nam mở cõi vững trăm thành
Mới dầy bảo vị gia ơn rộng
Đã dội hoa quan xuống phúc lành
Còn nước còn non còn miếu mạo
Nữ trung đệ nhất đấng tài danh

Canh một

Đủng đỉnh trời vừa mọc đẩu tinh
Ban khi trống một mới thâu canh
Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc
Sườn núi chim gù ẩn lá xanh
Tuần điếm kìa ai khua mõ cá
Dâng hương nọ kẻ nện chày kình
Nhà Nam nhà Bắc đều no mặt
Lừng lẫy cùng ca khúc thái bình

Khổng thánh

Hiển minh tượng có đức thần minh
Tiết tự hằng noi tiết thượng đình
Luân lý gây nên nền trị lý
Oai linh cấu được khí dương linh
Nguồn khơi thánh học thu chư sử
Giềng cả cương thường liệt lục kinh
Thể dụng rộng ra công dụng đại
Cổ kinh danh dậy nước thanh danh

VĂN THẦN ĐỜI MẠC

Tô công phụng sứ

Đầu sao chân tuyết mấy quan trình
Sớm gác yên vàng cửa Bắc kinh
Tuôn suối dồi dào lời đối thoại
Chống trời khỏe khoắt sức can thành
Tuy vui yến nhạc nơi Hồ điện
Hằng tưởng uy nghi thuở Hán đình
Vốn giữ đạo ngay cầm tiết cứng
Thề lòng chẳng khuất mệnh cung tinh

Cờ sứ vững cầm một cán không
Mười thu nghìn dặm tiết cô trung
Đất Hồ sương tuyết gầy mình hạc
Đền Hán đêm ngày nhớ mặt rồng
Bể Bắc ngày chầy dê chửa đẻ
Trời Nam nẻo diễn nhạn khôn thông
Khăng khăng chẳng chuyển lòng vàng đá
Bia tạc muôn đời tượng tướng công.

Lâm tuyền kỳ ngộ

Từ nghe kinh giáo dãi bên tai
Hé cửa tùng quan tới mạn ngoài
Khúm núm cúi đầu trên bệ ngọc
Lân la kề bóng dưới thiền trai
Đêm thanh náu gót bên Phàn viện
Ngày vắng dâng hương trước Phật đài

Khấn nguyện lòng này Tam bảo chứng
Một thuyền Bát nhã dễ riêng ai

Một vẻ xem là một ngát ngao
Nhân gian mấy thú đọ thanh tao
Sen so đáy nước lồng gương nguyệt
Cúc lẫn thềm mây sắc vẻ sao
Hoa giỡn long lanh rèm Bích ngọc
Hương đưa sực nức gác Quỳnh dao
Gẫm chiều phong cảnh còn dường ấy
Mặt bạc mày quang phỏng thế nào

Bóng nguyệt từ phen khuất đóa mây
Lòng chung sao nặng một riêng tây
Thành sầu muôn trượng xây nên đột
Bể thảm ba đông chất chứa đầy
Nửa gối mơ màng tin điệp rủ
Năm canh mong mỏi sứ hồng bay
Xôn xao đền quế khi sum họp
Có thấu tình chăng nỗi đắng cay

Hóa thân làm vượn kiếp đà qua
Biến cải hình dung khéo não nà
Mấy đoạn Sở vân xuôi tóc phượng
Nửa vòng thu nguyệt vạnh mày nga
Phủ phê dưới gót phong quần thúy
Chan chứ trên mình mới áo la
Yếu điệu gẫm nhiều phong thể ấy
So bề sắc nước dễ ai đà

Tiện thiếp từ tu ở cõi tiên
Chưa hề bén lụy thói trần duyên

Thày lay âu hẳn tơ bà Nguyệt
Gặp gỡ khôn nài phận ả Quyên
Kim cải, đã đành duyên mắc mưới
Gió trăng bao quản nỗi chê khen
Muôn bề cả giám xin đùm bọc
Hoa nở chiều xuân dễ mấy phen

Chàng đà đo đắn thiếp xin tường
Há thiếp xưa sau dám phụ phàng
Trút ngọc vì đà vâng mệnh cả
Vò tơ nên để rối lòng thương
Năm canh xay nhớ lòng hoài viễn
Chín khúc thêm đau nỗi đoạn trường
Những tưởng ba thân đeo mệnh bạc
Hay đâu áo lại đượm mùi hương.

ĐẶNG SỨC SIÊU

Tối ba mươi tết

Tháng lụn năm cùng sự chẳng cùng
Nửa đêm xuân lại nửa đêm đông
Chi lan tiệc cũ hương man mác
Đào lý vườn xuân tuyết lạnh lùng
...
...
Gà kêu pháo nổ năm canh trót
Mừng tưởng mai đà gặp chúa Đông

PHAN HUY ÍCH

Tiễn quan Trấn thủ

Xôn xao xe ngựa vội lai Kinh
Kẻ vọng trần [24] thêm nặng gánh tình
Chung rượu ngập ngừng cơn hội tiễn
Túi thơ e ấp nẻo quy trình
Tầng mây xa ngóng tòa thai [25] sáng
Bên gác lần nghe tiếng đẩu [26] canh
Dành tiệc sum vầy non nước cũ
Cam nguyền hương lửa vẹn ba sinh

Nhớ quan Trấn thủ

Dặm liễu dong xe cách cõi bờ
Bồi hồi án sách mải trông chờ
Mây tuôn đỉnh thẳm đưa hồn mộng
Nguyệt rõ hiên không gợi ý thơ
Chín bệ dâng lời dù khép mở
Bốn phương trông bóng cũng nương nhờ
Trời cao miền bắc tòa sao phúc [27]
Ngọn bút nào xa dưới ngọn cờ.

Quan Trấn về doanh

Mấy thu cờ súy việc nam hành
Sửa cõi vừa xong lại sửa doanh
Khắp vẻ giang sơn pho thức gấm
Theo nền cung khố đượm đồ tranh
Bóng đường ơn rộng mây lồng tán

Ấn ngọc ngâm khuya nguyệt giãi mành
Khuôn chính mực công lầu vẹn mãi
Phương trời thêm vững mặt tràng thành

NGUYỄN ĐỈNH NGỌC

Ngũ thập ngũ tự thọ

Vừa mới ngày nào tóc chấm vai
Đốt tay bấm đã ngoại năm mươi
Nặng nề chưa dễ đền ơn nước
Khuôn thép còn may trọn cách người
Học cũ thế mà tư tưởng mới
Nhà nghèo cũng vẫn nói cười vui
Hoa sen một giấc say chưa tỉnh
Đã chắc hơn ai chắc kém ai

Chân đi còn khỏe mắt chưa mờ
Thanh phúc trời cho nghĩ quá thừa
Tơ trúc thu còn e tuổi trẻ
Gió trăng nọ chửa sóng lòng thơ
Vịn ven quả đất theo trời chuyển
Khép cánh cung mây hẹn Phật cho
Đã gác chân ra ngoài cuộc đứng
Còn toan theo đuổi với ai giờ

Đọc sử

Giải bể ngàn đông bụi tít mù
Trải qua chớp mắt mấy nghìn thu

Thành Loa vừa thấy xây vua Thục
Ải Lạng quanh co đuổi giặc Ngô
Giấc mộng chẳng lâu mà chẳng chóng
Cuộc đời ai được lại ai thua
Còn non còn nước còn thư thả
Chén rượu Trung Sơn hãy gật gù

Dạy con

Đã chắc rằng: con thép tính cha
Thế tình âu cũng dạy qua loa
Ngoài năm ba quyển còn nhiều việc
Trong ức muôn người dễ thiếu ta
Chưa mở trí khôn đừng dở dại
Muốn xong việc nước phải êm nhà
Năm châu rộng rãi đường phăng phẳng
Trăm tuổi lai nhai hẳn chửa già.

PHẠM THẤU

Qua cửa ngũ môn [28]

Chợt qua năm cửa động lòng thơ
Rồng đá sao rày gọi biếng thưa
Nền nếp vẫn còn nền nếp cũ
Lễ văn sao khác lễ văn xưa [29]
Ý nhân thiên tử thôi chầu sớm
Hay bởi đình thần mới thức trưa
Nào kẻ mây mưa duyên khế trước
Tôn Chu [30] nghĩa cả khéo thờ ơ.

NGÔ THẾ VINH
(Nghè Vinh)

Cáo quan về nhà

Chửa chết cho nên phải sống dai
Sống dai như tớ cũng buồn cười
Đổi liều cừu mã [31] chừng ba chén
Bán rẻ văn chương quá nửa đời
Bút giấy ông Đào [32] còn trách trẻ
Gió trăng thầy Thiệu [33] có thua ai
Trời cho một chữ nhàn là quý
Chẳng cứ dù xe với mũ đai.

NGUYỄN LIÊN PHONG

Nhớ Phan Công Cát

Văn khúc sao sa [34] bấy lúc chầy
Nhớ người tiền bối bụng này khuây
Năm xe sách báu chôn gò đất
Trăm tạ chuông vàng níu sợi dây
Thuận nghịch theo thời may với rủi
Thi trung liều thác thảo hòa ngay
Nợ đời vay trả còn ghe nỗi
Phú mặc cao dày máy trở xoay

PHẠM THÁI
(Chiêu Lỳ)

Tự trào

Có ai muốn biết tuổi tên gì
Vừa chẵn ba mươi gọi chú Lỳ
Năm bảy bài thơ gầy gối hạc
Một vài đứa trẻ béo răng nghê
Tranh vờn sơn thủy mầu nhem nhuốc
Bầu dốc kiền khôn giọng bét be
Miễn được ngày nào cho sướng kiếp
Sống thì nuôi lấy chết chôn đi.

Cảm thán

Năm bảy năm nay những loạn ly
Cảm thương thân phận nhỡ qua thì
Ba mươi tuổi lẻ là bao tá
Năm sáu đời vua thật chóng ghê
Một tập thơ sầu ngâm đã chán
Vài be rượu nhạt uống ra gì
Thôi về tiên phật cho xong kiếp
Đủ ỏa trần gian sống mãi chi.

Gửi cho tình nhân

Đầy hoa dun lá khỏi tay trời
Nghĩ lại tình duyên luống ngậm ngùi
Bắc yến nam hồng thư mấy bức

Đông đào tây liễu khách đôi nơi
Lửa ân dập mãi sao không tắt
Bể ái khơi luôn cũng chẳng vơi
Đèn nguyệt trong xanh mây chẳng bợn
Xin soi xét đến tấm lòng ai.

Khóc cô Trương Quỳnh Như

Trời xanh cao thẳm mấy tầng khơi
Nỡ để duyên ai luống thiệt thòi
Buồn đốt lò vàng hương nhạt khói
Sầu châm chén ngọc rượu không hơi
Lầu tây nguyệt gác mây lồng bóng
Ải bắc hồng sang bể tuyệt vời
Một mối chung tình tan mấy mảnh
Suối vàng ai nhắn hộ đôi lời.

* * *

Oanh ru bên trướng giấc hoa nồng
Say tỉnh hồn mai nhớ lại mong
Non nước mơ màng chừng Chỉ lữ
Mây mưa phảng phất đỉnh Vu phong
Quyên về Viễn phố hoa rầu rĩ
Nhạn tếch Hành dương nguyệt não nùng
Đàn tiếng li loan tay ngại gẩy
Mối sầu ai gỡ hộ cho xong

Mơ tưởng Quỳnh Như

Từ chốn thiềm cung trộm dấu hương
Dễ xui tao khách mối sầu vương
Gió thông réo rắt rong đàn oán

Trăng hạnh chênh vênh rạng bóng dương
Nếu phải tình duyên may chút phận
Thì xin ân ái vẹn hai đường
Phong lưu đôi lứa ai đà dễ
Bụi tục chi cho bợn lóa gương.

BÀ BANG NHÃN

Ngũ Hành Sơn

Cảnh trí nào hơn cảnh trí này
Bồng lai âu cũng hẳn là đây
Núi chen sắc đá màu phơi gấm
Chùa nực hơi hương khói lộn mây
Ngư phủ gác cần ngơ mặt nước
Tiều phu chống búa dựa lưng cây
Nhìn xem phong cảnh ưa lòng khách
Khen bấy thợ trời khéo đắp xây

THÁI DUY THANH

Ngũ Hành Sơn

Hay là ông Lý Khổng lồ [35] xây
Mới có non non nước nước này
Ngó lại ngó qua năm đống đá
Tu lên tu xuống mấy ông thầy

Lên đài Vọng hải trông xa mú
Vào động Huyền không thấy trống quầy
Lếu láo ngâm đưa đôi chén rượu
Cõi trần khi cũng có tiên đây

QUAN HIỆP ĐÀO

Thuật hoài

Năm nay mấy tuổi biết chi chưa
Ngắm nghía mày râu cũng đã vừa
Chén rượu nhớ hoài người lớp trước
Cung đàn quên phắt ngón ngày xưa
Mẹ già tấm kỷ trông khuya sớm
Vui trẻ nhiều năm gội móc mưa
Mấy dặm quan san xa gián cánh
Bụi tùng khóm cúc hãy còn trơ.

Hồ Trúc Bạch

Một chiếc thuyền nan một mái chèo
Đáy hồ lặng sóng nước trong veo
Quanh co thành cỏ đường lai láng
Chen chúc nhà thôn cảnh gấm thêu
Ngũ xã kiều dài đường khách thẳng
Long châu thềm rộng noc chùa cao
Đồn rằng Trúc bạch vui từ trước
Nay mới hay rằng lắm cảnh yêu.

NGUYỄN MINH TRIẾT

Hà tiện

Giàu thì ba bữa khó thì hai
Lần đổi cho qua tháng thiếu đầy
Nón đổi lá ngoài quần đổi ống
Dép thay da mặt túi thay quai
Dặn vợ có cà đừng gắp mắm
Bảo con bớt gạo bỏ thêm khoai
Thế gian mặc kẻ cười hà tiện
Ta chẳng phiền ai chẳng lụy ai

TRẠNG GIÁP HẢI

Bình thi

Đời nhà Mạc, Mao Bá Ôn đến Nam Quan làm bài thơ này, đưa sang sách họa. Vua Mạc sai cụ Trạng Giáp Hải họa lại. Bài này của Mao có ý nói An Nam như cánh bèo, chỉ một trận gió là tan.

Tùy điền trục thủy mạo ương châm
Đáo xứ khan lai thực bất thâm
Không hữu căn miêu không hữu diệp
Cảm sinh chi tiết cảm sinh tâm
Đồ tri tụ xứ ninh tri tán
Đãn thức phù thời ná thức trầm
Đại để trung thiên phong khí ác
Tảo quy hồ hải cánh nan tầm

Bài dịch của **Nam Phong**

Mọc theo ruộng nước nhỏ như châm
Rễ bám nơi nao cũng chẳng thâm
Nào có căn miêu nào có diệp
Dám sinh chi tiết dám sinh tâm
Tụ rồi đã chắc không khi tán
Nổi đóa nào hay có lúc trầm
Đến độ chiều trời phong khí ác
Quét về hồ bể hẳn khôn tầm.

Bài họa của **Trạng Giáp Hải**

Cẩm lân mật mật bất dung châm
Đái diệp liên căn khởi kế thâm
Thường dữ bạch vân tranh thủy điện
Khẳng giao hồng nhật trụy ba tâm
Thiên trùng lãng đả thành nan phá
Vạn trận phong xuy vĩnh bất trầm
Đa thiểu ngư long tàng viễn lý
Thái công vô kế hạ câu tầm

Bài dịch của **Nam Phong**

Mau ken vẩy gấm khó luồng châm
Cành rễ liền nhau mọc rất thâm
Tranh với bóng mây trên thủy điện
Há dung vầng nhật lọt ba tâm
Nghìn trùng sóng đánh thường không vỡ
Muôn trận phong xuy cũng chẳng trầm
Nào cá nào rồng trong ấy ẩn
Cần câu Lã Vọng biết đâu tầm

BÀ NHÀN KHANH

Mừng em họ đậu tú tài

Xa nghe mừng hỏi khách Dương Châu
Thứ mấy cành mai đã dắt đầu
Hoa cỏ chen vào đường tú khí
Giang sơn còn mãi tết thanh thâu
Tài này có lẽ cày nghiêng đất
Sức ấy xem ra kéo đổ cầu
Gặp hội nghênh xuân nhìn rõ mặt
Mà cho thiên hạ thử xem châu

Vịnh cung Thường nga

Niên hoa bao tuổi chị Thường nga
Mà cái xuân xanh vẫn thế a
Trăng gió còn vơi lưng giỏ quế
Nước non chứa chặt một bầu đa
Khi soi gương nước lồng màu thủy
Lúc ngắm vườn xuân suốt bóng hoa
Thử vén cung mây cho kẻ biết
Thanh quang rõ mặt tuyết non già.

Vịnh cảnh Sơn Vi

Khen ai khéo vẽ cảnh Sơn Vi
Cảnh lạ giang sơn lắm cảnh kỳ
Nhạn múa đầu ghềnh in trận tự
Thông reo sườn núi họa cầm ty
Xênh xang mặt đất dăm thằng mục

Díu dắt chân đèo mấy đứa đi
Đài thánh bầu trời riêng một thú
Khách nhàn hoa cỏ cũng tương tri

Bà Chiêu cải giá

Nguyệt lão xe dây khéo vớ quàng
Xe người bạch phát với hồng nhan
Duyên kia đã vẹn lời non nước
Ước nọ nào quên nghĩa đá vàng
Khách điệp mới đưa tin nhạn nhắn
Chúa xuân chi tiếc cánh hoa tàn
Nam âm mấy vận ghi lòng thắm
Mừng chị Chiêu Quân đã quá quan

Đề đền Phù đổng [36]

Phong cảnh khen ai khéo vẽ vời
Vệ linh quanh quất vẫn gần nơi
Nọ đền Hiển thánh bên sườn núi
Kìa miếu Phi tiên giữa góc trời
Phách suối vang lừng khua cõi tục
Đàn thông réo rắt rộn non khơi
Giang sơn thu xếp bao giờ nhỉ
Còn mãi anh linh tiếng để đời

Mừng cháu đỗ cử nhân

Đố ai vẽ được cảnh Dương đài
Cảnh đã xinh thay quả lại sai
Ngắm vẻ châm huê chen ngọc điện

Xem mầu hồng phấn ngỡ thiên thai
Dập dìu gác phượng thông khua trúc
Chíu chít thềm hoa quế rủ mai
Phúc trạch như dây co kéo mãi
Còn non còn nước hãy còn dài.

THƯỢNG TÂN THỊ
Phan Quốc Quang

Khuê phụ thán

1. Chồng hỡi chồng con hỡi con
Cùng nhau trăng khuyết lại trăng tròn
Bên trời góc bể nơi chim cá
Rầy gió mai sương tưởng nước non
Mộng điệp khéo vì ai lẽo đẽo
Hồn quyên luống để thiếp chon von
Ngày qua tháng lại coi đằng đẵng
Muôn dặm xa xa mắt đã mòn

2. Đã mòn con mắt một phương âu
Có thấy chồng con đâu ở đâu
Dầu được non xanh cùng bến tốt
Khó khăn gió thảm với mưa sầu
Trách ai dắt nẻo khôn lừa lọc
Khiến thiếp ra thân chịu dãi dầu
Hỡi đức cao xanh sao chẳng đoái
Tấm lòng trằn trọc suốt canh thâu

3. Canh thâu chưa ngủ hãy còn ngồi

Gan ruột như dầu sục sục sôi
Nghĩa cả ấp iu đành lỡ dở
Công to bú mớm ắt thôi rồi
Quyết gìn giữ dạ tròn sau trước
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nhôi
Non nước xanh xanh trời một góc
Chồng hỡi chồng con hỡi con ơi

4. Con ơi ruột mẹ nẫu như tương
Bảy nổi ba chìm rất thảm thương
Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương [37]
Quê người đành gửi thân trăm tuổi
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp
Để cho vẹn vẽ mối cương thường

5. Cương thường chất nặng cả hai vai
Biết tỏ cùng ai ai hỡi ai
Để bụng chỉn e tầm đứt ruột
Hở môi lại sợ vách nghiêng tai [38]
Trăng khuya nghiêng bóng chênh chênh một
Kính bể soi hình tẻ tẻ hai
Nhắn thử từ đây qua tới đó
Đường đi non nước độ bao dài

6. Bao dài non nước chẳng hay cùng
Xin gửi hồn ta đến ở chung
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết
Trước sau chẳng thẹn với ba tùng
Quê nhà có kẻ lo săn sóc
Đất khách nương nhau khỏi lạ lùng
Mộng tỉnh chưa xong vừa chớp mắt
Trống lầu đâu đã đổ tung tung

7. Đã đổ tung tung tiếng trống thành
Giật mình thức dậy mới tan canh
Sương sa lác đác trên cành lá
Gió thổi hiu hiu trước bức mành
Cảnh ấy tình này thôi hết nói
Trời kia đất nọ nỡ cho đành
Thương nhau chẳng được cùng nhau trọn
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái sinh

8. Kiếp tái sinh biết có gặp không
Kiếp này đành thẹn với non sông
Chiêm bao lẩn thẩn theo hồn bướm
Tin tức bơ vơ lạc cánh hồng
Tính tới tính lui thân cá chậu
Lo quanh lo quẩn phận chim lồng
Đã không chung hưởng thời thôi chớ
Sao nỡ xa nhau chồng hỡi chồng.

9. Hỡi chồng có thấu nỗi này chăng
Sóng gió khi không dậy đất bằng
Non nước chia hai trời lộng lộng
Cha con riêng một bể giăng giăng
Mối sầu kia gỡ quanh chưa dứt
Gió thảm này tuôn cũng khó ngăn
Năm bảy cuộc đời khôn gượng gạo
Canh chầy còn ở dưới cung trăng

10. Ở dưới cung trăng luống nỉ non
Đắng cay như ngậm quả bồ hòn
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỏi
Sương tuyết mình ve ngắm đã mòn
Lắng mõ làng xa nghe cốc cốc
Tiếng chuông chùa cũ động boong boong

Nỗi niềm ai biết ta thương nhớ
Chồng hỡi chồng con hỡi con.

Tục Khuê - phụ thán

Bộ y tiền vận

1. Ủa này chồng ủa này con
Duyên nợ chi xuôi cuộc chẳng tròn
Kẻ ở một mình đau chín khúc
Người đi muôn dặm cách ngàn non
Ôm lòng biển cả trông mù mịt
Ngóng cổ trời cao ngó vót von
Chua xót nỗi niềm ai có thấu
Sương mai ngày tháng luống hao mòn

2. Hao mòn thân thiếp chí lo âu
Sông thác quê người có biết đâu
Nước cũ dẫu còn khôn ngớt thảm
Biển cừu chưa lấp dễ nguôi sầu
Lưới thưa mở đặng chăng thì mở
Phận mỏng dù may rủi mặc dầu
Lưỡng lự ra vào trăng đã xế
Đồng hồ tí tách suốt đêm thâu

3. Đêm thâu ta đứng lại ta ngồi
Bèo bọt trong lòng thể bụng sôi
Kim chích chín chiều đau khó chịu
Tơ vò trăm mối gỡ không rồi
Nghĩ khi gối dựa kề bên cạnh
Nhớ lúc tay bồng để xuống nôi
Chia rẽ bây giờ thành mấy ngả
Trời làm chi tệ lắm trời ôi

4. Trời ôi có phải thiếp bà tương
Giọt lệ vì ai để nhớ thương
Bốn chín tuổi dư gần bóng xế
Hăm hai năm lẻ vắng mùi hương
Biển dâu đổi cuộc xui nên thế
Trâu ngựa đền nghì phải tính phương
Tin tức xa xôi thông chẳng tiện
Vái van sức khỏe được như thường

5. Khỏe được như thường gánh một vai
Chữ tình xin chớ phụ lòng ai
Trăng thề còn đó trơ trơ mặt
Sấm giận vì đâu chát chát tai
Lỡ dở cái duyên mình bốn bảy
Lênh đênh chút phận bến mười hai
Ví chi có phép thâu đường lại
Non nước muôn trùng chẳng mấy ai

6. Chẳng mấy dai mà đã chẳng cùng
Gìn vàng giữ ngọc tiết nhi chung
Trời mây gan óc lo đền nghĩa
Tấm mảng tình duyên phải vẹn tòng
Sương nhễu giọt sầu tươm lá chuối
Gió đưa hơi thảm phất cây tùng
Bỗng đâu nghe đã canh năm trở
Trống đánh tùng tung tủng tủng tung

7. Tủng tung tung tủng trống trên thành
Giấc ngủ không đầy nửa trống canh
Nệm thúy lạnh lùng thương chiếc bóng
Gương nga thấp thoáng rọi bên mành
Từ đâu chồng vợ chia nhau rứa
Cho đó cha con cách bức đành

Thôi thế cũng là trời khiến vậy
Ta nguyền vào tử với ra sanh

8. Ra sanh biết có gặp nhau không
Hay lại như người cách trở sông
Non nước tin chờ thưa cánh nhạn
Đá vàng chỉ quyết nhẹ lông hồng
Kêu hồn Thục đế chim quyên rũ
Than phận Hằng Nga bóng thỏ lồng
Nghĩ nỗi mình đây thêm lắm nỗi
Nỗi thương con với nỗi thương chồng

9. Thương chồng ai rõ bụng ta chăng
Trên có trời cao dưới đất bằng
Giữ dạ chẳng sờn cơn gió táp
Xót lòng còn bận đám mây giăng
Buộc dây u uất bao nhiêu mối
Mở hộc sầu tư biết mấy ngăn
Trước gác chắp tay thơ thẩn bước
Một mình bạn với một vầng trăng

10. Vầng trăng tuy đã ngậm đầu non
Còn thấy xa xa dạng mấy hòn
Đỉnh Ngọc núi Kim hình vẫn tỏ
Sông Hương bến Ngự dấu chưa mòn
Mõ canh xóm Vạn đương hồi cốc
Chuông sám chùa Thiên lát đánh bong.
Gặp gỡ họa là khi ngủ mớ
Ủa này chồng ủa này con.

NGUYỄN BỈNH KHIÊM
(Trạng Trình)

Cảm hứng

Thái hòa vũ trụ bất Ngu Chu
Hỗ chiến giao tranh tiếu lưỡng thù
Xuyên huyết sơn hài tùy xứ hữu
Uyên ngư tùng tước vị thùy khu
Trùng hưng dĩ bốc đồ giang mã
Hậu hoạn ưng phòng nhập thất khu
Thế sự đáo đầu hưu thuyết trước
Túy ngâm trạch bạn nhậm nhàn du

Bài dịch của **Phan Kế Bính:**

Non sông nào phải buổi bình thời
Thù đánh nhau chi khéo nực cười
Cá vực chim rừng ai khiến đuổi [39]
Núi xương sông huyết thảm đầy vơi
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ
Thú dữ nên phòng lúc cắn người
Ngán ngẩm việc đời chi nói nữa
Bên đầm say hát nhởn nhơ chơi

Nhân tình thế thái

1. Giàu chẳng chịu khó lời thơi
Vận chuyển lưu thông há của ai
Vũng nọ ghê khi làm bãi cát
Chồi kia có thuở lọt hòn thai

Khôn ngoan mới biết thăng rồi giáng
Dại dột nào hay tiểu có đài
Đã khuất bao nhiêu thì lại duỗi
Đạo trời lồng lộng chẳng hề sai.

2. Giàu ba bữa khó hai niêu
Yên phận thì hơn hết mọi điều
Khát uống chè mai hơi ngọt ngọt
Sốt kề hiên nguyệt gió hiu hiu
Giang sơn tám bức là tranh vẽ
Hoa cỏ tư mùa ấy gấm thêu
Thong thả hôm khuya nằm sớm thức
Muôn vàn đã đội đức trời Nghiêu

3. Giàu sang người trọng khó ai nhìn
Mấy dạ yêu vì kẻ nhỡ nhàng
Thuở khó dẫu chào chào cũng lảng
Khi giàu chẳng hỏi hỏi thì quen
Quen hiểm dan díu đều làm bạn
Lẳng kẻo lân la nỗi bạ men
Đạo nọ nghĩa này trăm miệng tiếng
Nghe lui thinh thỉnh lại đồng tiền

4. Thấy dặm thanh vân bước ngại chen
Được nhàn ta sá dưỡng thân nhàn
Ba gian am quán lòng hằng mến
Đôi chốn sơn hà mặt đã quen
Thanh vắng thú quê giàu bao nả
Dữ lành miệng thế mặc chê khen
Mai kia chửi dễ thu nên muộn
Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen

5. Tháng mảng đã qua ngày đã rồi
Hay yên thửa phận mới nên vui

Bóng hoa lay động am chư phật
Măng trúc còn tươi bếp mới sôi
Hội đấm công danh nhiều thỏa chí
Thư nhàn sơn dã mới hay mùi
Làm người chớ thấy tài mà cậy
Có nhuệ bao nhiêu lại có đồi

6. Trải nỗi gian nguy đã mấy phen
Thân nhàn phúc lại được về nhàn
Niềm xưa trung ái thề không phụ
Cảnh cũ điền viên thú đã quen
Ba quyển đồ thư thu nặng túi
Một thuyền phong nguyệt chở đầy then
Trời cũng biết nơi lành với dữ
Họa phúc không dong cái tóc chen

7. Được thua thấy đã ít nhiều phen
Để rẻ công danh đổi lấy nhàn
Am Bạch vân rồi nhàn hứng
Dặm hồng trần vắng ngại chen
Ngày chầy họp mặt hoa là khách
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn
Chớ chớ thờ ơ nhìn mới biết
Đỏ thì son đỏ mực thì đen

8. Học ít thì thêm lại bất tài
Già mà luống phụ chí con trai
Quân thân thề hết lòng thờ một
Xuất xử cầu chưa đạo được hai
Mầm phúc vun trồng đừng ngại nầy
Cửa no ngõ kẻo phải then cài
Yêu đời phận dầu tự tại
Lành dữ khen chê cũng mặc ai

9. Buồn về biếng thấy cái đao binh
Yên phận thì làm ở một mình
Nghĩa cả luống quen tôi chúa cũ
Thề xưa nỡ phụ nước non xanh
Rỗi nhàn thời ấy tiên vô sự
Ngâm ngợi cho nên cảnh hữu tình
Hai chữ mãn đoanh này khá ngẫm
Mấy người trọn được chữ thân danh

10. Tuổi đà ngoại tám mươi già
Thấm thoắt xem bằng bóng ngựa qua
Mai bạc lạnh quen nhiều tháng tuyết
Cúc vàng thêm đối mấy phen hoa
Giàu có phận là ơn chúa
Được làm người bởi đức cha
Am quán ngày nhàn rồi mọi việc
Dầu ta tự tại mặc dầu ta

11. Mệnh ở trời há phải cầu
Đòi thời đi đỗ mặc ai dầu
Kìa ai ải Bắc lưng đeo ấn
Nọ kẻ miền Đông tay dủ câu
Giữa đám công danh đi phải lụy
Trong nơi ẩn dật mới nên mầu
Thưa nơi doanh mãn [40] là nơi tổn
Hãy ngẫm cho hay kẻo nữa âu

12. Cầy may cuốc nguyệt gánh yên hà
Nào của nào chăng phải của ta
Đêm đợi trăng lồng bóng trúc
Ngày chờ gió thổi tin hoa
Thấy cơ doanh mãn cho hay chửa
Phải đạo trung thường chớ có qua

Dẫu lấy thánh kinh nơi thức học
Vì chưng xuất xử đạo thờ cha

13. Tuổi già mới tám mươi hai
Mọi của nhưng nhưng thấy đã ngoài
Yên phận ta nhàn được thú
Có dùng người trọng vì tài
Chim kêu hoa động thời xuân muộn
Nguyệt bạc đêm thanh hứng khách dài
Ân chúa đã nhiều chưa báo
Lòng còn canh cánh ắt khôn nài

14. Tóc đã thưa răng đã mòn
Việc nhà đã phó mặc dâu con
Bàn cờ cuộc rượu vầy hoa trúc
Bó củi cần câu chốn nước non
Nhàn được thú vui hay bao nả
Bữa nhiều muối bể chứa tươi ngon
Chín mươi thì kể xuân đà muộn
Xuân ấy qua thì xuân khác còn

15. Lấy không ai cấm mặc ai dùng
Hễ của tự nhiên ấy của chung
Non nước có màu lòng khách hớ
Trúc mai làm bạn hứng thơ nồng
Chốn điền viên cũ dầu thong thả
Đạo thánh hiền xưa luống chốc mòng
Lòng thử hỏi lòng không hổ thẹn
Đến đâu thì cũng có xuân phong

16. Chửa dễ ai là bụt Thích Ca
Mọi niềm nhân ngã nhẫn thì qua
Lòng vô sự trăng in nước

Của thảng lai [41] gió thổi hoa
Kìa khách xuân xanh khi trẻ
Mấy người đầu bạc tuổi già
Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách
Được thú ta đà có thú ta

17. Mắng chê người ngắn cậy ta dài
Dù kém dù hơn ai mặc ai
Mùi nọ có bùi không có ngọt
Thức kia chầy thắm lại chầy phai
Dù hay phận nhỏ mới yên phận
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài
Quân tử ngẫm hay nơi xuất xử
Ắt là không hết cả hòa hai

18. Nhưng nhưng mọi sự gác bên ngoài
Dù được dù thua ai mặc ai
Mùi thế gian nhiều mặn nhạt
Đường danh lợi có chông gai
Mấy người phú quý hay yên phận
Hễ kẻ anh hùng những cậy tài
Dù thấy hậu sinh thời dễ sợ
Sừng kia chẳng mọc mọc hơn tai

19. Vụng khéo nào ai chả có nghề
Khó khăn ai lụy đến thê nhi
Được thì thân thích đem chân đến
Thất thế hương lư [1] ngoảnh mặt đi
Thớt có tanh tao ruồi đỗ đến
Gang không mật mỡ kiến bò chi
Đời nay những trọng người nhiều của
Bằng đến tay không ai kẻ vì

20. Thế gian biến cải vũng nên đồi
Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi
Còn bạc còn tiền còn đệ tử
Hết cơm hết rượu hết ông tôi
Xưa nay đều trọng người chân thực
Ai nấy nào ưa kẻ đãi bôi
Ở thế mới hay người bạc ác
Giàu thì tìm đến khó tìm lui

21. Ở thế đừng tranh đấng trượng phu
Làm chi cho có sự đôi co
Đây cậy đây không đây chẳng nhịn
Đấy rằng đấy phải đấy không thua
Ác nọ hãy còn đua đến bạng
Lươn kia hầu dễ kém chi cò
Chữ rằng nhân dĩ hòa vi quý
Vô sự thời hơn kẻo phải lo

22. Dữ lành miệng thế mặc chê khen
Tuổi đã già thì mọi sự hèn
Lộc nặng há quên ơn chúa nặng
May nên những lệ thuở công nên
Đồng triều quan cũ hay lòng ít
Bạn sĩ quê xưa họp mặt quen
Vinh nhục một cơ hằng đắp đổi
Ắt là từng thấy một đôi phen.

23. Đạo đức hiền hay mến khó khăn
Quyền môn chốn ấy biếng chen chân
Hứng phong nguyệt chè ba chén
Thú thanh nhàn lều một ngăn
Quét cửa nho chờ khách đến
Trồng cây đức để con ăn

Được thua phú quý dầu thiên mệnh
Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn

24. Khó thì mặc khó có nài bao
Càng khó bao càng chí anh hào
Đại địa đắp nam nhạc khỏe
Cửi tiêu thẩm bắc thuần cao
Lấy khi đầm ấm bù khi lạnh
Nhớ thuở khô khan có thuở dào
Kìa nếu Tô Tần nghèo thuở trước
Chưa đeo tướng ấn có ai chào

25. Lọ là thành thị lọ lâm toàn
Được thú thì hơn miễn phận nhàn
Vụng bất tài nên kém bạn
Già vô sự ấy là tiên
Đồ thư một quyển nhà làm của
Phong nguyệt năm hồ khách nổi thuyền
Dầu nhẫn chê khen dầu miệng thế
Cơ mầu tạo hóa mặc tự nhiên

26. Người ba đấng của ba loài
Khôn biết chiều hoa nỗi thắm phai
Tiệc ngọc còn chờ người quý giá
Mâm son hãy đợi khách cao tài
Gươm trời nỡ để tay phàm tuốt
Búa nguyệt chi cho đứa độc mài
Ơn nghiêm liếc soi thăm thẳm
Vàng mười đúng giá nọ chào ai

27. Nói nên hoang lại nói rằng thì
Sang trọng người yêu khó chẳng vì
Nhị kết hoa thơm ong đến đỗ
Mỡ bùi mật ngọt kiến nào đi

Thanh tao của có thanh tao mấy
Náo nức tay không náo nức gì
Mặc rủi mặc may khi gặp dịp
Khen chê chi biếng cợt mà chi

28. Nép mình qua trước chốn xôn xao
Mấy sự bên tai gió thoảng ào
Cửa trúc vỗ tay cười khúc khích
Hiên mai tréo cẳng hát nghêu ngao
Lo le đã vậy thời dầu vậy
Vặt vãnh màng bao sá quản bao
Chẳng hết trung cần hai chữ ấy
Nhờ ơn đất rộng cậy trời cao

29. Giàu khó đành hay chỉn phận mình
Mấy đường gai góc biếng đua tranh
Cơm ăn chẳng quản mùi xa bạc
Áo mặc nề chi tấm rách lành
Đạp gối mong nhiều người ẩn dật
Bận lòng lại tưởng cái công danh
Cho nên nấn ná trong lều cỏ
Nhân mát ngồi xem thuở thái bình

30. Biết đạo thì công trời có tây
Thuở nơi xuất xử ngẫm cho hay
Bầu cơ sơn nhẹ nào ai phụ
Bút ngọc đường thanh họa kẻ hay
Ở thế nhiều người dại lỡ
Làm trai mấy kẻ khôn ngay
Nhưng nhưng mọi việc đà ngoài hết
Nhàn một ngày là tiên một ngày

31. Nước xuôi nước ngược nổi đòi chiều

Thuyền khách chơi thu khách phải chèo
Ván thác da đương thủa hứng
Thuyền có gió mặc cơn pheo
Phơ phơ đầu bạc ông câu cá
Lẻo lẻo dòng xanh con mắt mèo
Âu lộ [42] cùng ta như có ý
Đến đâu thì cũng của đi theo

32. Miễn có thân giàu lọ ước ao
Vội gì chê thấp vội trông cao
Người quân tử nọ yêu danh tiết
Chim phượng hoàng kia tiếc vũ mao [43]
Ngâm ngợi năm pho kinh sử [44]
Tập tành ba quyển lược thao [45]
Rồng thiêng dành sức chờ xuân mãi
Nhảy nhót khen chi ếch thấy đào

33. Già đã khỏi áng công danh
Tự tại nào âu lụy đến mình
Nhân được thú quê dầu bao ná
Nghĩ xem thế sự khó đua tranh
Lãm hồ thuyền nổi hoa mai bạc
Ải bắc cầm soang vựng nguyệt thanh
Ai hỏi làm chi vui nữa
Thưa rằng một sự làm lành

34. Một bầu một bát vũng sơn tăng
Thế sự ngoài tai biếng nói năng
Hoa nở luống hay tin gió
Đầm thành còn thấy dáng trăng
Già ai ủ thông làm củi
Trẻ người yêu trúc mọc măng
Nếu có công danh thì có lụy

Cho hay dù có chẳng bằng chăng

35. Người dữ thì ta miễn có lành
làm chi đo đắn nhọc đua tranh
Cửa vương nhện nhân vì vắng
Thớt quyến ruồi ấy bởi tanh
Nhiều khách xuân xanh trường phú quý
Mấy người đầu bạc hội kỳ anh
Đã ngoài mọi việc chăng còn ước
Ước một tôi hiền chúa thánh minh

36. Nước non nào phải của ai đâu
Nhiêu ít công hầu cũng mặc dầu
Khó chẳng dở dang không chẳng lụy
Được chăng bậm bực mất chăng âu
Anh hùng người lấy tài làm trọng
Ẩn dật ta hay thú có mầu
Gẫm ấy ai phù vạc Hán
Đồng Giang rủ một cần câu [46]

37. Gần son thì đỏ mực thì đen
Sáng biết nhờ ơn thuở bóng đèn
Ăn uống miễn theo nơi phép tắc
Tới lui cho biết lẽ kinh quyền
Chẳng nên mặc thế người lành dữ
Dáo dở thây ai thói bạc đen
Ở thế có khôn thì có khó
Chữ rằng "vô sự tiểu thần tiên"

38. Một mai một cuốc một cần câu
Thơ thẩn dù ai vui thú nào
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người đến chốn lao xao

Thu ăn măng trúc đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây ta sẽ uống
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao

39. Đời này nhân nghĩa tựa vàng mười
Có của thì hơn hết mọi lời
Trước đến tay không nào thuyết hỏi
Sau vào gánh nặng lại vui cười
Anh anh chú chú mừng hơ hải
Rượu rượu chè chè thết tả tơi
Người của lấy cân ta thử nhắc
Mới hay rằng của nặng hơn người

40. Vòi vọi xuân xanh nửa tiền
Già càng khỏe khó càng bền
Đòi phen lẩn luốt vì thơ dại
Mọi sự lờ đờ bởi rượu quen
Ngày vãn giải phiền cờ một cuộc
Đêm thanh làm bạn sách hai bên
Xưa nay xuất xử đâu là phải
Ở ắt nên về ắt cũng nên

41. Hễ lộc triều quan đã có ngần
Làm chi tham được nhọc băn khoăn
Ải Tần non Thục đường nham hiểm
Cửa Khổng làng Nhan đạo khó khăn
Sách cũ ba pho rồi lại đọc
Cơm vàng hai bữa đói thì ăn
Công danh trời đất ơn còn rộng
Che chở điều hòa kẻo chiếu chăn

42. Từng xem sách cũ một đôi câu
Mến đạo thề chăng phụ nghiệp nho

Song bắc kìa ai ngâm phiếm nguyệt
Lầu nam nọ khách chém vầy thâu
Khó khăn mới biết người quân tử
Nghèo hiểm thì hay tiết trượng phu
Mọi sự chẳng còn mắc míu
Mới hay nhàn bỗng phải lo

43. Chẳng nên để ắt chẳng nên dùng
Lẩn thẩn ngày qua luống nhọc công
Quân tử mới hay nơi xuất xử
Trượng phu cũng có chí anh hùng
Nhân tài làm trọng đời nào khỏi
Thiên hạ chẳng tư của ấy chung
Cảnh cũ vẫn còn non nước cũ
Chốn nào là chốn chẳng xuân phong

44. Hễ kẻ trêu người ắt phải lo
Chẳng bằng vô sự ngáy o o
Tay kia khéo nắm còn khôn mở
Miệng nọ hay cười có lúc ho
Có thuở được thời mèo đuổi chuột
Đến khi thất thế kiến tha bò
Được thua sau mới ăn năn lại
Vô sự chăng hơn có sự ru

45. Chữ vị là vì biếng nói năng
Há răng chẳng biết sự nên chăng
Nhá rau lại tiếc mùi canh ngọt
Nếm ếch còn thăm có giống măng
Vuốt mặt còn chừa qua mũi nọ
Rút dây lại né động rừng chăng
Dù ai nghị luận điều lành dữ
Chữ vị là vì biếng nói năng

46. Thị phi chẳng quản mặc chê khen
Ngu dại chan chan tính đã quen
Cảnh cũ điền viên tìm chốn cũ
Khách nhàn sơn dã dưỡng thân nhàn
Nhà thông đường trúc [47] lòng hằng mến
Cửa mận tường đào [48] bước ngại chen
Thế sự tuần hoàn hay đắp đổi
Từng xem thua được một hai phen

47. Khéo kiếm song le lại cả tiêu
Cho nên của ít nghĩa thì nhiều
Nghĩa nhiều vì bởi hay dung đãi
Của ít nhân chi biếng chất chiu
Vốn tính chẳng quên từng nhiễm nhặt
Nghĩ mình đã trải sự sân siu
Bốn mùa đều hưởng thiên nhiên lộc
Thong thả ngồi chơi cõi Thuấn Nghiêu

48. Giầu mặc phận khó đâu bì
Đọ thanh nhàn khá nhất nhì
Vếu váo câu thơ cũ rích
Khề khà chén rượu hăng xì
Trăng thanh gió mát là tương thức
Nước biếc non xanh ấy cố tri
Sự thế đôi co dầu sự thế
Dữ không thây thẩy chẳng hề chi

49. Hễ kẻ làm quan đã có duyên
Tới lui mặc của phận tự nhiên
Thân xưa hương lửa chăng còn ước
Trí cũ công danh đã phỉ nguyền
Trẻ mà sang ấy âu là phúc
Già được nhàn thì trọn ấy tiên

Cho về cho ở dầu ơn chúa
Ngại bước chân chen đám cửa quyền

Mùa thu chơi thuyền

Nước xuôi nước ngược sóng dâng triều
Thuyền khách chơi thu nọ phải đìu
Chèo vượt bóng trăng nhân lúc hứng
Buồm giong ngọn gió mặc cơn xiêu
Phơ phơ đầu bạc ông câu cá
Leo lẻo dòng xanh con mắt mèo
Le vịt cùng ta như có ý
Đến đâu thì cũng thấy đi theo

* * *

NGUYỄN QUỲNH
(Cống Quỳnh)

Trêu cô hàng nước người xứ Nghệ

Bãn hạng nay cô đã mấy tuổi
Nước cô còn nõng hay la nguồi
Lụng lặng trên treo dăm nắm nẹm
Lơ phơ dưới móc một buồng chuối
Bánh dạn bánh dày đều xoa mợ
Khoai ngựa khoai lang cụng chấm muối
Ăn uộng xong rồi tiền chựa đụ
Biệt nhau cho chịu một vài buổi

Bài trên đọc sõi

Bán hàng nay cô đã mấy tuổi
Nước cô còn nóng hay là nguội
Lủng lẳng treo trên dăm nắm nem
Lơ phơ dưới móc một buồng chuối
Bánh dán bánh dày đều xoa mỡ
Khoai ngứa khoai lang cũng chấm muối
Ăn uống xong rồi tiền chửa đủ
Biết nhau cho chịu một vài buổi

Đổi thư ông giáo thụ

Một ông giáo thụ ở Bắc Ninh viết thư sai người đem về quê cho vợ. Nguyễn Quỳnh nhân gặp, liền đánh lừa người nọ mà lén đổi bài này.

Này lời giáo thụ gửi về quê
Nhắn nhủ bà bay chớ ngứa nghề
Cõi bắc anh mang thằng củ lẳng
Miền nam em giữ cái trai he
Hẳn còn vướng vít như hang thỏ
Hay đã to ho quá lỗ trê
Bấm đít bấm trôn mà chịu vậy
Một hai tháng nữa đợi anh về

Đề tượng bà Banh

Khen ai đẽo đá tạc nên mày
Khéo đứng ru mà đứng mãi đây
Trên cổ đếm đeo dăm chuỗi hạt
Dưới chân đứng chéo một đôi giày
Ấy đã phất cờ trêu ghẹo tiểu
Hay là bốc gạo thử thanh thầy

Có ngứa gần đây nhiều gốc dứa
Phô phang chi ở đám quân này

VŨ DUY THANH

Thơ túng

Cái túng xem ra đệ nhất ông
Có ai là bậc thứ nhì không
Gió trăng kho sẵn tiêu không hết
Ngày tháng vần xoay mãi chẳng cùng
Một bộ áo tàu coi cũng hổ
Ba gian nhà khách chạm thời long
Nhà vua nếu mở khoa thi túng
Tất đỗ khôi nguyên chiếm bảng rồng

Thăm cảnh Nhiệt Đàm

Cảnh ấy khen ai khéo đặt bày
Nước sôi một vũng ở như đây
Rét bao nhiêu độ càng thêm nóng
Nắng mấy mươi phen vẫn cứ đầy
Lò tạo hóa nung thâu sớm tối
Lửa âm dương nấu mãi xưa rày
Đồ bàn dấu cũ nay còn lại
Muốn hỏi nguồn cơn nỗi nước này

Nhớ thầy học cũ

Giấc mộng phù sinh bóng bạch cầu
Cõi đời thấm thoắt có bao lâu

Theo đường xe ngựa mau chồn bước
Nhuốm vẻ quan san dễ bạc đầu
Tiếng sóng bên ghềnh cơn gió thoảng
Ngọn đèn trước án bóng trăng thâu
Tuyết hồng nhớ chuyện mười năm trước
Một nén tâm hương gợi mối sầu

Đề nhà học cũ

Nhà này của người anh tác giả trước làm giáo thụ

Dặm liễu đường mai vẫn lối này
Tấc riêng riêng những ngậm ngùi thay
Thư lâu phượng các còn ghi nhớ
Cỏ nội linh sao đã mọc đầy
Hoa biểu bao giờ tin hạc lại
Tuyết nê còn đó cánh hồng bay
Thoảng nghi như giục cơn buồn tới
Mấy tiếng ca ca rặng lũy thầy.

Tiễn đưa Nguyễn Tri Phương vào Nam chống giặc

Nước non xưa vẫn nước non này
Cõi Bắc ngàn Nam suốt một dây
Ba tỉnh cát lầm đương rộn nỗi
Chín lần gươm báu phải trao tay
Đẩy xe vâng chỉ không dong giặc
Truyền hịch ra quân sớm định ngày
Cờ tía những mong tin báo tiệp
Tên ghi gác khói tượng đài mây

Qua đèo Hải Vân

Mây phủ đài cao bóng ác tà
Khánh đâu rừng vắng vẳng nghe qua
Ba xuân trăng tỏ ngàn non quạnh
Sáu cõi trời cao vạn dặm xa
Ân nặng bao phen tờ dụ xuống
Tình riêng những ngại bụi đời nhơ
Cái danh ràng buộc thêm nhiều việc
Khúc cũ ngâm tràn luống ngẩn ngơ

Qua suối Bạch Đàn

Bụi hồng rong ruổi tới Tràng An
Nghe nói đâu đây suối Bạch Đàn
Ấy cảnh tự nhiên ai khéo vẽ
Mà kho vô tận lúc nào khan
Bên đường xe ngựa nên dừng bước
Mượn thú non sông cũng tạm nhàn
Đây phải liêm toàn chăng đó tá
Muốn đem rửa ruột khách quan san

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Tự cao

Trời đất cho ta một cái tài
Giắt lưng dành để tháng ngày chơi
Dở duyên với rượu khôn từ chén
Trót nợ cùng thơ phải chuốt bài

Cờ sẵn bàn son xe ngựa đó
Đàn còn phiếm trúc tính tình đây
Ai say ai tỉnh ai thua được
Ta mặc ta mà ai mặc ai

Đợi thời

Đương cơn khổ nhục lắm người khinh
Hễ vốn làm người nhục có vinh
Vận đỏ nghe người cho muối cá
Hồi đen lắm kẻ xóc xương kình
Đại nhân bao quản đường chênh lệch
Quân tử khôn nài chốn đá đanh
Thôi hãy đợi chờ bình trị đã
Gặp thời vỗ cánh mới ra danh

Đi thi

Đi không há lại trở về không
Cái nợ cầm thư phải tính xong
Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt
Nỡ đem thân thế hẹn tang bồng
Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông
Đương lúc trần ai ai dễ biết
Rồi ra mới rõ mặt anh hùng

Trò đời

Một lưng một vóc kém chi mô
Cho biết chanh chua khế cũng chua
Đã chắc bữa trưa chừa bữa tối

Mà tham con giếc tiếc con rô
Trăm điều đổ tội cho nhà oan
Lắm sãi không ai đóng cửa chùa
Khó bó cái khôn còn nói khéo
Bột không có quấy dễ nên hồ

Phường danh lợi

Cho hay trống thủng có làng bưng
Đã dễ rồi còn muốn dễ dưng
Mặc sức đâm thùng và tháo đáy
Tha hồ tráo đấu lại lường thưng
Khéo đem muối nọ toan gieo biển
Nghĩ rút dây kia sợ động rừng
Xấu máu xin đừng ăn của độc
Rượu làng thì uống rượu mua đừng

Tình say sưa

Trót đà khuya sớm với ma men
Mặc kệ cười chê với kẻ khen
Ngó lại hàng rào hương cúc lộn
Trông ra cửa sổ bóng trăng xen
Vào vòng cương tỏa chân không vướng
Tới cuộc trần ai áo chẳng hoen
Chứ những ai hay tình thú ấy
Có chăng Lý Bạch với Đào Tiềm

Cảnh Tết

Ai dám chê ta tết nhất nghèo
Nghèo mà lịch sự đố ai theo

Bánh chưng chất chặt chừng ba chiếc
Rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu
Trừ tịch kêu vang ba tiếng pháo
Nguyên tiêu cao ngất một gang nêu
Ai xuân ta cũng chơi xuân với
Chung đỉnh ơn vua ngày tháng nhiều

Thói đời

Thế thái nhân tình gớm chết thay
Lạt nồng trông chiếc túi vơi đầy
Hễ không điều lợi khôn thành dại
Đã có đồng tiền dở cũng hay
Khôn khéo chẳng qua ba tấc lưỡi
Hẳn hoi không hết một bàn tay
Suy ra cho kỹ ai hơn nữa
Bạc quá vôi mà mỏng quá mây

Cây cau

Ơn chúa vun trồng kể xiết bao
Một ngày càng một dấn lên cao
Lưng đeo đai bạc sương nào nhuốm
Đầu đội tàn xanh nắng chẳng vào
Buồng chất cháu con khôn xiết kể
Nhà nhiều quan khách dễ khuyên chào
Kình thiên một cột giơ tay chống
Dẫu gió lung lay cũng chẳng nao

Cảnh hàn vi nuôi vợ đẻ

Đã quá rầy thay lại thêm rầy

Nuôi vợ trong buồng một tháng nay
Nào bắc niêu cơm ôm bó củi
Vừa kho nước mắm tán tiêu cay
Năm canh thổi lửa hoe con mắt
Sáu khắc khêu đèn cháy móng tay
Muôn vạn công trình bao xiết kể
Rồi ra ngoài tháng liệu cho mày

Tương tư

Tương tư không biết cái làm sao
Muốn vẽ mà chơi, vẽ được nào
Khi đứng khi ngồi khi nói chuyện
Lúc say lúc tỉnh lúc chiêm bao
Trăng soi trước mắt ngờ chân bước
Gió thổi bên tai ngỡ miệng chào
Một nước một non người một ngả
Tương tư không biết cái làm sao

Trống đại trong triều

Bé mọn làm chi những thứ bồng
Lớn lao thế ấy mặc ai dụng
Đôi bên bằng phẳng trời hai mặt
Chính giữa tròng xoay nguyệt một vòng
Hiên bệ [49] gió đưa dùi cắc cắc
Giang sơn sấm dậy tiếng tùng tùng
Huống chưng đất nước đồ sang trọng
Đai nẹp sơn son lại vẽ rồng.

Phận nghèo

Chẳng phải rằng ngây chẳng phải đần
Bởi vì nhà khó phải bần thần
Mấy đời thầy kiện mà thua mẹo
Nghĩ phận thằng nghèo phải biết thân
Số cả bĩ thôi thời lại thái
Cơ thường đông hết lại sang xuân
Trời đâu riêng đói cho ta mãi
Vinh nhục dù ai cũng một lần
No thời ra bụt đói ra ma
Chẳng lạ nhân tình đất kẻ ta
Khôn khéo lại ra thằng lắm của
Yêu vì đâu đến đứa không nhà
Ngẫm đời mới biết ưa thời dễ
Muôn việc cho hay nhịn cũng qua
Con tạo có đi thì có lại
Vạch vôi lấy mãi thế ru mà

Bởn cô đào già

Liếc trông gái đáng mấy mười mươi
Đem lạng vàng mua lấy tiếng cười
Trăng xế nhưng mà cung chẳng khuyết
Hoa tàn song lại nhị còn tươi
Ừ duyên nợ ấy đà hơn một
Mà nét xuân kia vẹn cả mười
Vì chút tình duyên nên đằm thắm
Khéo làm cho bận khách làng chơi

Than nghèo

Chưa chán ru mà quấy mãi đây
Nợ nần dan díu mấy năm nay
Mang danh tài sắc cho nên nợ
Quen thói phong lưu hóa phải vay
Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt
Anh hùng khi gấp cũng khoanh tay
Còn trời còn đất còn non nước
Có lẽ ta đâu mãi thế này

Có lẽ ta đâu mãi thế này
Non sông lẩn thẩn mấy thu chầy
Đã từng tắm gội ơn mưa móc
Cũng phải xênh xang hội gió mây
Hãy quyết phen này xem thử đã
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay
Xưa nay xuất xử thường hai lối
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây

Mãi thế rồi ta sẽ tính đây
Điền viên thú nọ cũng xưa nay
Giang hồ bạn lữ câu tan hợp
Tùng cúc anh em cuộc tỉnh say
Tòa đá Khơng công [50] đôi khóm cúc
Áo xuân Nghiêm tử [51] một vay cầy
Thái bình vũ trụ càng thong thả
Chẳng lợi danh gì lại hóa hay

Chẳng lợi danh gì lại hóa hay
Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy
Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp
Trong túi yên hà mặt tỉnh say

Liếc mắt coi chơi người lớn bé
Vểnh râu bàn những chuyện xưa nay
Của trời trăng gió kho vô tận
Cầm hạc tiêu dao đất nước này

Tự tại

Cho hay thiên hạ khéo xem gương
Hễ khó thì thôi mấy kẻ màng
Miệng nói đã toan mua chuyện ghét
Tay không nào dám ép người thương
Khéo khôn ai dễ chen phần được
Trong sạch ta nên giữ mực thường
Đi lại chẳng qua thời với mệnh
Cũng đừng thắc mắc chớ lo lường

Vì chữ cho nên mực phải mòn
Những tuồng nông nổi khéo là buồn
Bởi mình hay nhịn cho nên dại
Thấy đứa nhiều điều cũng hết khôn
Lúc giận dệt thêu ngay hóa vẹo
Khi ưa tô vẽ méo nên tròn
Dù ai cũng nghĩ cho mình với
Thực giống sen thì chẳng sợ bùn

Kẻ ghét song còn có kẻ ưa
Biết đâu mà uốn được cho vừa
Khó giàu đã định xin đừng oán
Khôn dại đành hay há dám từ
Bể học đào nguồn cho chúng trẻ
Ngày nhàn vui chuyện với người xưa
Lâng lâng rũ sạch niềm nhân ngã
Ngắm thú phồn hoa được thế chưa

Trận mưa đầu mùa

Chẳng phải sương sa chẳng phải mù
Ào ào một trận kéo dần vô
Tưởng là gió cuốn màn mây lại
Ai biết trời tuôn lộc nước cho
Khi trước nắng nôi là thế đó
Bây giờ mát mẻ biết chừng mô
Hỡi người áo ướt đừng năn nỉ
Có thế rồi ra mới được mùa

Đề tranh mỹ nhân

Đài quang sáng quắc vẻ gương trong
Son phấn tô nên đượm má hồng
Liếc gợn làn thu con kiếm sắc
Lấn ngang mày liễu nét trăng cong
Nụ cười mỉm miệng đua hoa nở
Ngấn đẹp bừng da sánh mỡ đông
Phẩm cách tinh thần khôn tả xiết
Gánh tình còn nặng với non sông

Tự vịnh

Mỗi câu có một tên con bài

Thân *bát văn* tôi đã xác vờ
Trong nhà còn biết bán *chi* giờ
Của trời cũng muốn không *thang* bắc
Lộc thánh còn mang *lục sách* chờ
Thiên tử *nhất văn* [52] rồi chẳng thiếu
Nhân sinh *tam vạn* [53] hãy còn thừa

Đã không *nhất sách* [54] kêu ai nữa
Ông lão [55] tha cho cũng được nhờ

Từ biệt vợ

Mười hai bến nước, một con thuyền
Tình tự xa xôi đố vẽ nên
Từ biệt nhiều lời so vắn giấy
Tương tư nặng gánh chứa đầy then
Rồi đây nọ biết quên hay nhớ
Từ đó mà mang nợ với duyên
Tình ấy trăng kia như biết với
Chia làm hai nửa rọi hai bên

Than thân

Hai mươi năm lẻ những mơ màng
Cuộc thế xem qua đã chán chường
Lúc đạt chẳng qua nhờ vận mệnh
Khi cùng chớ cậy có văn chương
Gặp nghèo cũng rắp tìm nghề khác
Vốn tính đà quen giữ nết ương
Hễ chuyện rủi may thì chẳng trách
Khéo dư nước mắt khóc giàu sang

Vốn dễ anh hùng mới biết nhau
Sao mà ta đã trải trăm chiều
Trái mùa nghiệp cũ nên không bỏ
Ế chợ nghề nhà cũng phải theo
Những giữ miệng đà không muốn nói
Làm sao bụng vẫn cứ thương kêu
Suy ra mới biết là ta dở

Kẻ trước như ta cũng đã nhiều

Nhẫn nhục

Ăn ở sao cho trải sự đời
Vừa lòng cũng khó há rằng chơi
Nghe như chọc ruột tai làm điếc
Giận dẫu căm gan miệng mỉm cười
Bởi số đi đâu cho khỏi số
Lụy người nên nỗi phải chiều người
Mặc ai chớ để đời ân oán
Chung cục thì chi cũng tại trời

Những điều trắc trở đã xem từng
Song rút dây kia sợ động rừng
Người thế những tuồng trông trước mắt
Trò đời mấy kẻ gẫm sau lưng
Tính toan luống đổ mồ hôi muối
Thương xót đà no nước mắt gừng
Dã thế thì thôi thôi mặc thế
Công đâu cho nhọc giận người dưng.

Lòng người

Vận chuyển huyền cơ nghĩ cũng màu
Chắc rằng ai khổ chắc ai giàu
Nghĩ đâu miệng thế khi yêu ghét
Được mấy lòng người có trước sau
Cuối tiết mới hay rằng sớm muộn
Giữa vời sao đã biết nông sâu
Ai suy trời đất thì liền rõ
Mưa mãi đâu mà nắng mãi đâu

Nghĩ ngợi gần xa khéo nghiệm thay
Sự đời trắc trở giống bàn tay
Hãy xem gương trước to tầy liếp
Mà biết lòng người mỏng tựa mây
Những tiếng bấc chì nghe đã chán
Bao điều cạnh khóe nói thêm ngày
Ở ăn cũng tưởng về sau mãi
Trời hãy còn cao đất hãy dày

Thỏa mộng công hầu

Phụng thờ hương khói bấy nhiêu đông
Một chốc làm nên rạng tổ tông
Trống đánh vang lừng miền ấp lý
Tàn bay giáp giới cõi tây đông
Làng trên xã dưới đem đầu lại
Kẻ ngược người xuôi ngảnh mặt trông
Vận hội khi may đen hóa đỏ
Làm trai như thế sướng hay không

Thói đời

Thế thái nhân tình gớm chết thay
Lạt nồng trông chiếc túi vơi đầy
Hễ không điều lợi khôn thành dại
Đã có đồng tiền dở cũng hay
Khôn khéo chẳng qua ba tấc lưỡi
Hẳn hoi không hết một bàn tay
Suy ra cho kỹ ai hơn nữa
Bạc quá vôi mà mỏng quá mây.

Chuyện đời

Chữ dặt "song điệp" ở mỗi câu thơ

Vất vất vơ vơ cũng nực cười
Căm căm cúi cúi có hơn ai
Nay còn chị chị anh anh đó
Mai đã ông ông mụ mụ rồi
Có có không không lo hết kiếp
Khôn khôn dại dại chết xong đời
Chi bằng láo láo lơ lơ vậy
Ngủ ngủ ăn ăn nói chuyện chơi

Chửi đời [56]

Đù mẹ nhân tình đù mẹ đời
Lạt như nước ốc bạc như vôi
Tiền tài hai chữ son khuyên ngược
Nhân nghĩa đôi đường nước chảy xuôi
Chân có chẹt rồi thời há miệng
Vòng chưa thoát khỏi đã cong đuôi
Dám xin các bác phen này nữa
Nấu xáo xin đừng nấu xáo voi

BÀ HUYỆN THANH QUAN

Tức cảnh chiều thu

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ

Xanh om cổ thụ tròn xoe tán
Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ
Bầu giốc giang sơn say chấp rượu
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ
Cho hay cảnh cũng ưa người nhỉ
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ

Nhớ nhà

Vàng tỏa non tây bóng ác tà
Đầm đầm ngọn cỏ tuyết phun hoa
Ngàn mai lác đác chim về tổ
Dặm liễu bâng khuâng khách nhớ nhà
Còi mục thét trăng miền khoáng dã
Chài ngư tung gió bãi bình sa
Lòng quê một bước nhường ngao ngán
Mấy kẻ tình chung có thấu là

Qua đèo Ngang

Qua đỉnh đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông nọ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta

Hoài cổ

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường
Đến nay thấm thoắt mấy tinh sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo [57]
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt
Nước còn chau mặt với tang thương
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường

Chơi chùa Trấn quốc

Trấn bắc hành cung cỏ dãi dầu
Trạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau
Một tòa sen tỏa hơi hương ngự
Năm thức mây phong nếp áo chầu
Sóng lớp phế hưng coi đã rộn
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau
Người xưa cảnh cũ đâu đâu tá
Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu

Buổi chiều lữ thứ

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn
Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn chương đài người lữ thứ
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn

Chơi đài Khán xuân

Êm ái chiều xuân tới khán đài
Lâng lâng chẳng bợn chút trần ai
Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng
Một vũng tang thương nước lộn trời
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi
Nào nào cực lạc đà đâu tá
Cực lạc là đây chín rõ mười

HỒ XUÂN HƯƠNG

Tự tình

Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh
Giữa dòng ngao ngán nổi lênh đênh
Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng
Nửa mạn phong ba luống bệp bềnh
Cầm lái mặc ai lăm đỗ bến
Giong lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh
Ấy ai thăm ván cam lòng vậy
Ngán nỗi ôm đàn những tấp tênh

Qua sông phụ sóng

Chú lái kia ơi biết chú rồi
Qua sông rồi lại đấm ngay bòi
Chèo ghe vừa khỏi dòng sông ngược
Đấm cọc ngay vào ngấn nước xuôi
Mới biết lên bờ đà vỗ đít
Nào khi giữa khúc phải so vòi
Chuyến đò nên nghĩa sao không nhớ
Sang nữa hay là một chuyến thôi.

Không chồng mà chửa

Cả nể cho nên sự dở dang
Nỗi niềm chàng có biết chăng chàng
Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc
Phận liễu sao đà nẩy nét ngang [58]
Cái nghĩa trăm năm chàng chịu gánh
Mảnh tình một khối thiếp xin mang
Quản bao miệng thế lời chênh lệch
Những kẻ không mà có mới ngoan

Cái quạt

Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa
Duyên em dính dán tự ngày xưa
Vành ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa
Mát mặt anh hùng khi tắt gió
Che đầu quân tử lúc sa mưa
Nâng niu ướm hỏi người trong trướng
Phì phạch trong lòng đã chán chưa

* * *

Mười bảy hay là mười tám đây
Cho ta yêu dấu chẳng rời tay
Mỏng dầy chừng ấy chành ba góc
Rộng hẹp dường nào cắm một cây [59]
Càng nóng bao nhiêu thời càng mát
Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày
Hồng hồng má phấn duyên vì cậy
Chúa dấu vua yêu một cái này

Tranh tố nữ

Hỏi bao nhiêu tuổi hỡi cô mình
Chị cũng xinh mà em cũng xinh
Đôi lứa như in tờ giấy trắng
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh
Siếu mai [60] chi dám tình trăng gió
Bồ liễu thôi đành phận mỏng manh
Còn thú vui kia sao chẳng vẽ
Trách người thợ vẽ khéo vô tình

Tát nước

Đương cơn nắng cực chửa mưa tè
Rủ chị em ra tát nước khe
Lẻo đẻo chiếc gầu ba góc chụm
Lênh đênh một ruộng bốn bờ be
Xì xòm đáy nước mình nghiêng ngửa
Nhấp nhổm bên ghềnh đít vắt ve
Ham việc làm ăn quên cả nhọc
Dạng hang một lúc đã đầy phè

Dệt cửi

Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau
Con cò mấp máy suốt đêm thâu
Hai chân đạp xuống năng năng nhắc
Một suốt đâm ngang thích thích mau
Rộng hẹp nhỏ to vừa đúng mực
Ngắn dài khuôn khổ vẫn như nhau
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ
Chờ đến ba thu mới dãi mầu

Cái giếng

Ngõ ngay thăm thẳm tới nhà ông
Giếng tốt thanh thơi giếng lạ lùng
Cầu trắng phau phau đôi ván ghép
Nước trong leo lẻo một dòng thông
Cỏ gà lún phún leo quanh mép
Cá giếc le te lách giữa dòng
Giếng ấy thảnh thơi ai đã biết
Đố ai dám thả nạ dòng dòng

Hòn đá
ông Chồng bà Chồng

Khéo khéo bày trò hỡi hóa công
Ông Chồng đã vậy lại bà Chồng
Tầng trên tuyết điểm phơ đầu bạc
Thớt dưới sương pha đượm má hồng
Gan nghĩa giãi ra cùng nhật nguyệt

Khối tình cọ mãi với non sông
Đá kia còn biết xuân già dặn
Chả trách người ta lúc trẻ trung

Tự tình

Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom
Oán hận trông ra khắp mọi chòm
Mõ thảm không khua mà cũng cốc
Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ
Sau giận vì duyên để mõm mòm
Tài tử văn nhân ai đó tá
Thân này đâu đã chịu già tom

Bà lang khóc chồng

Vẳng vẳng tai nghe tiếng khóc gì
Thương chồng nên nỗi khóc tì ti
Ngọt bùi thiếp nhớ mùi cam thảo
Cay đắng chàng ơi vị quế chi
Thạch nhũ trần bì sao để lại
Qui thân liên nhục tẩm mang đi
Dao cầu tiếp biết trao ai nhỉ
Sinh ký chàng ôi tử tắc quy

Nên câu tuyệt diệu

Canh khuya văng vẳng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con

Hang Thánh hóa ở Sài Sơn

Khen thay con tạo khéo không phàm
Một đố giương ra biết mấy ngoàm
Lườn đá cỏ leo sờ rậm rạp
Lách khe nước rỉ mó lam nham
Một sư đầu trọc ngồi khua mõ
Hải tiểu lưng tròn đứng giữa am
Đến mới biết rằng hang Thánh hóa
Chồn chân mỏi gối hãy còn ham

Qua Kẽm Trống

Hai bên thì núi giữa thì sông
Có phải đây là Kẽm Trống không
Gió đập cành cây khua lắc cắc
Sóng dồn mặt nước vỗ long bong
Ở trong hang đá hơi còn hẹp
Ra khỏi đầu non đã rộng thùng
Qua cửa mình ơi nên ngắm lại
Nào ai có biết nỗi bưng bồng.

Hang Cắc Cớ

Trời đất sinh ra đá một chòm

Nứt làm hai mảnh hỏm hòm hom
Kẽ hầm rêu mốc trơ toen hoẻn
Luồng gió thông reo vỗ phập phòm
Giọt nước hữu tình rơi bõm bõm
Con đường vô ngạn [61] tối om om
Khen ai đẽo đá tài xuyên tạc
Khéo hớ hênh ra lắm kẻ dòm

Quán khách vào Thanh Hóa

Đứng tréo trông theo cảnh hắt heo
Đường đi thiên thẹo quán treo leo
Lợp lều mái cỏ tranh xơ xác
Xỏ kẽ kèo tre đốt khẳng khiu
Ba chạc cây xanh hình uốn éo
Một dòng nước biếc cảnh tăn teo
Thú vui quên cả niềm lo cũ
Kìa cái diều ai nó lộn lèo

Qua đèo Ba Dội

Một đèo một đèo lại một đèo
Khen ai khéo vẽ cảnh cheo leo
Cửa son đỏ loét tùm bum nóc
Hòn đá xanh rì lún phún rêu
Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc
Đầm đìa lá liễu hạt sương gieo
Hiền nhân quân tử ai là chẳng
Mỏi gối chồn chân cũng muốn trèo

Đến chùa Quán Sứ

Quán sứ sao mà cảnh vắng teo
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo
Chầy kềnh tiểu để suông không đấm
Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo
Sáng banh không kẻ khua tang mít
Trưa trật nào người móc kẽ rêu
Cha kiếp đường tu sao lắt léo
Cảnh buồn thêm ngán nợ tình đeo

Chùa Hương

Bày đặt kìa ai khéo khéo phòm
Nứt ra một lỗ hỏm hòm hom
Người quen cõi Phật chen chân xọc
Kẻ lạ bầu Tiên mới mắt dòm
Giọt nước hữu tình rơi thánh thót
Con thuyền vô trạo cúi lom khom
Lâm tuyền quyến cả phồn hoa lại
Rõ khéo trời già đến dở dom.

Cây đu

Tám cột khen ai khéo khéo trồng
Người thì lên đánh kẻ ngồi trông
Trai co gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc duỗi song song
Chơi xuân đã biết xuân chăng tá
Cọc nhổ đi rồi, lỗ bỏ không

Ngán nỗi chồng chung

Kẻ đắp chăn chung kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung
Năm thì mười họa nên chăng chớ
Một tháng đôi lần có cũng không
Cố đấm ăn xôi xôi lại hẩm
Cầm bằng làm mướn mướn không công
Thân này ví biết dường này nhỉ
Thà trước thôi đành ở vậy xong

Khóc ông phủ Vĩnh Tường

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi
Cái nợ ba sinh đã trả rồi
Chôn chặt văn chương ba thước đất
Ném tung hồ thỉ bốn phương trời
Cán cân Tạo hóa rơi đâu mất
Miệng núi càn khôn thắt lại thôi
Hăm bảy tháng trời là mấy chốc
Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi

Trăng thu

Một trái trăng thu chín mõm mòm
Nẩy vầng quế đỏ đỏ lòm lom
Giữa in chiếc bích khuôn còn méo
Ngoài khép đôi cung cánh vẫn khòm
Ghét mặt kẻ trần đua sói móc
Ngứa gan thằng cuội đứng lom khom
Hỡi người bẻ quế rằng ai đó
Đó có Hằng Nga ghé mắt dòm

Chợ trời chùa Thầy

Hóa công xây đắp biết bao đời
Nọ cảnh Sài Sơn có chợ trời
Buổi sớm gió đưa trưa nắng đón
Ban chiều mây họp tối trăng chơi
Bầy hàng hoa quả tư mùa sẵn
Mở phố giang sơn bốn mặt ngồi
Bán lợi buôn danh nào những kẻ
Chẳng lên mặc cả một đôi lời

Chế sư

Chẳng phải ngô mà chẳng phải ta
Đầu thì trọc lóc áo không tà
Oản dâng trước mặt năm ba phẩm
Vãi nấp sau lưng sáu bẩy bà
Khi cảnh khi tiêu khi chũm chọe
Giọng hì giọng hỉ giọng hi ha
Tu lâu có lẽ lên sư cụ
Ngất nghểu tòa sen nọ đó mà

Quan thị

Mười hai bà mụ ghét chi nhau
Đem cái xuân tình vất bỏ đâu
Rúc rích thây cha con chuột nhắt
Vo ve mặc mẹ cái ong bầu
Đố ai đó biết vòng hay góc
Còn kẻ nào hay cuống với đầu
Thôi thế thì thôi thôi cũng được
Nghìn năm càng khỏi tiếng nương dâu

Học trò dòm trộm

Mùa hè hây hẩy gió nồm đông
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng
Lược trúc biếng cài trên mái tóc
Yếm đào trễ xuống dưới lưng ong
Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm
Một lạch đào nguyên suối chửa thông
Quân tử dùng dằng đi chẳng đứt
Đi thì cũng dở ở không xong.

Trống thủng

Của em bưng bít vẫn bùi ngùi
Nó thủng vì chưng kẻ nặng dùi
Ngày vắng đập tung năm bảy chiếc
Đêm thanh tỏm cắc một đôi hồi
Khi đang thẳng cánh bù khi cúi
Chiến đứng không thôi lại chiến ngồi
Nhắn nhủ ai về thương lấy với
Thịt da đâu cũng thế mà thôi

NGUYỄN VĂN LẠC
(Học Lạc) [62]

Tổ sư hát bội

Chi chi trong khám sắp ngang hàng
Nghĩ lại thì ra mấy bợm làng

Trong bụng trống trơn mang cổ giữa
Trên đầu trọc lóc bịt khăn ngang
Vào buồng gọi tổ châu đầu lạy
Ra rạp rằng con nịt nách mang
Dám hỏi hàm ân người lớp trước
Hay là một lũ những quân hoang

Con trâu

Mài sừng cho lắm cũng là trâu
Gẫm lại mà coi thật lớn đầu
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cằm lém đém một chòm râu
Mắc mưu đốt đít tơi bời chạy
Làm lễ bôi chuông dớn dác sầu
Nghé ngọ già đời quen nghé ngọ
Năm dây đờn khảy biết nghe đâu.

Thơ tạ hương đảng

Nhân khi bị hương đảng bắt lỗi vì không để chức vị mà lại để hai chữ "Thằng Lạc" vào mâm xôi tế thần làng.

Vành mâm xôi để "Thằng Lạc"
Nghĩ mình ti tiểu không đài các
Văn chương chẳng phải bọn mèo quào
Danh phận không ra cái cóc rác
Bởi rứa bơ thờ thẹn núi sông
Dám đâu vúc vắc ngạo cô bác
Việc này dầu có thấu lòng chăng
Trong có ông thần ngoài cặp hạc

Cùng nhau bị bắt

Nhân khi coi đánh bóng vụ bị bắt
cùng người khách chú sòng

Hóa An nam lứ khách trú
Trăng trói lằng nhằng chung một lũ
Ngoài mặt ngỡ ngàng lạ Bắc Nam
Trong tay cắc cớ xui đoàn tụ
Bợm làng chẳng vị sĩ năm kinh
Ông bổn không thương người bảy phủ
Phạt vạ xong rồi trở lộn về
Hóa thì hốt thuốc lứ bông vụ

Chó chết trôi

Sống thì bắt thỏ thỏ kêu rêu
Thác thả dòng sông xác nổi phều
Vằn vện sắc còn phơi lững đững
Thúi tha danh hãy nổi lêu bêu
Tới lui bịn rịn bầy tôm tép
Đưa đón lao xao lũ quạ diều
Một trận gió dồi cùng sóng dập
Tan tành xương thịt biết bao nhiêu

Vịnh đôi gà chọi

Đôi bên chưa chắc đặng cùng không
Thiên hạ ngày tròn mỏi mắt trông
Một trận quyết đền ơn tấm mắn
Hai người chớ ngại nắm xương lông

Rủi may đã có người hương khói
Khuya sớm cho cam kẻ ẵm bồng
Lừng lẫy danh thơm trong mấy nước
Làm sao năm đức giữ cho cùng

Ăn chơi

Dễ muốn ăn chơi thế vậy à
Người đời thấm thoắt bóng câu qua
Tháng ngày thoi trở năm càng thúc
Tơ tóc sương bay tuổi đã già
Khiến hứng no nê mùi Quảng tống
Tiêu sầu chuếnh choáng rượu Lang sa
Trải xem ai nấy đều mê mệt
Há dễ mình ta tỉnh đặng mà

Có quan hùng dũng

Có quan hùng dũng Nguyễn Công Nhàn
Hùng dũng nhưng mà lại nhát gan
Giặc tới bến Tranh run lập cập
Tàu vô cửa Tiểu chạy bò càng
Mưu thần trước biết ngang sông chắn
Kế dữ sau toan đóng cùi hàng
Thất thủ muốn liều cho vẹn tiết
Ngặt vì con vợ bận chưa an

TUY LÝ VƯƠNG

Cũng phải xơi ngơi

(Hạn vần khoai)

Cũng phải xơi ngơi cũng phải chơi
Làm người nào phải Phật lo đời
Ngày khôn dài đặng ba muôn sáu
Tháng chẳng lần qua một chục hai
Việc phủ vua quan giờ có phép
Tiệc thơ hầu hạ dám nhường ai
Mua vui ngàn lượng xin đừng tiếc
Đã thấy co ro cất củ khoai

Để nhà mát

Cửa cỏ rèm lau mặt tả tơi
Sông Hương nội Lách ấy là nơi
Dầu cơn mưa gió ta cùng thích
E nỗi trăng hoa khách khó chơi
Ghế đá giường tre không chút bợn
Quần là áo lượt chẳng màng hơi
Dầu ai tưởng tới qua mà dõi
Thiếu thốn tôi đâu dám rước mời

NGUYỄN DỰC TÔN
(Vua Tự Đức)

Ngẫm sự đời

Sự đời ngẫm nghĩ nghĩ mà ghê

Sống gửi rồi ra lại thác về
Khôn dại cùng chung ba thước đất
Giàu sang chưa chín một nồi kê
Tranh giành trước mắt mây tan tác
Đày đọa sau thân núi nặng nề
Muốn đến hỏi tiên tiên chẳng bảo
Gượng làm chút nữa để mà nghe

Xuân hứng

Thi đàn tế liễu lộng hoa hài
Khách bộ tùy sương ẩn bích đài
Kỳ cục đa thanh phong giáp trận
Tửu hồ khuynh bạch tuyết hòa bôi
Sơ liêm thấu nguyệt hương lung chúc
Tuyết án lăng hoa vị áp mai
Phi phất thảo am đầu tĩnh điếm
U tình cố nại thuộc quyên ai

Đọc ngược

Ai quen thuộc nấy có tình ư
Điếm tĩnh đầu am cỏ phất phơ
Mai áp vị hoa lăng án tuyết
Chúc lồng hương nguyệt thấu rèm thưa
Bôi hòa tuyết bạch nghiêng bầu rượu
Trận giáp phong thanh đánh cuộc cờ
Rêu biếc in sương theo bước khách
Hài hoa lỏng lẻo túi đàn thơ

Khóc Thị Bằng

Ới thị Bằng ơi đã mất rồi
Ở tình ở nghĩa ở duyên ôi
Mưa hè nắng chái oanh ăn nói
Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi
Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi
Mối tình muốn dứt càng thêm bận
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi

EM GÁI MINH MẠNG

Thơ sách họa lấy chồng

(Truyền rằng bài này của bà sư chùa Non Nước. Bà là em gái đức Minh Mạng ra tu ở chùa Non Nước. Đức Minh Mạng có dụ bà về lấy chồng, bà không về mà làm bài này, hễ ai họa được hay thì bà lấy, song không ai họa nổi).

Thế sự nhìn xem rối cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngắm lại càng dơ.
Đánh tan tục niệm [63] hồi chuông sớm,
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa.
Chu tử [64] ngán mùi nên vải ẩm,
Đỉnh chung [65] lợm giọng hóa chay ưa.
Lên đàn cứu khổ toan quay lại,
Bể ái trông ra nước đục lờ.

VUA THÀNH THÁI
Nguyễn Bửu Lân

Bắc tuần ngự chế

Võ võ văn văn ý cẩm bào
Trẫm vì thiên tử độc gian lao
Tam bôi hoàng tửu quần lê huyết
Sổ trản thanh trà bách tính cao
Thiên lệ lạc thời dân lệ lạc
Ca thanh cao xứ khấp thanh cao
Can qua thử hội hưu đàm luận
Lân tuất thương sanh phó nhĩ tào

Bài dịch của **khuyết danh**

Văn võ xênh xang áo đại thần
Riêng mình thiên tử trẫm gian truân
Ba chung hoàng tửu xương con đỏ
Vài chén thanh trà mỡ chúng dân
Trời đổ mưa cho người đổ lệ
Đây càng vui khóc đấy càng rân
Can qua buổi ấy thôi đừng nhắc
Trăm họ nên thương biết mấy phần

Sầu tây bể Cấp

Sống thừa nào biết có hôm nay
Nhìn thấy non sông đất nước này
Sừng ngựa chưa quên câu chuyện cũ
Ruột tằm đòi đoạn mối sầu tây
Thanh xuân nghìn dặm mây mù mịt

Bể Cấp tư bề sóng bủa vây
Tiếng súng ngày đêm như khúc nhạc
Dầu cho sắt đá cũng chau mày

HOÀNG GIÁP LIÊU

Than sự thế

Nhác trông sự thế nghĩ buồn tê
Tâm sự lao đao cuốc gọi hè
Mõ thảm chưa hề khua lốc cốc
Kèn than đâu đã thổi tò loe
Đường thanh vân đó hoa chào nước
Vườn thượng lâm kia nhạn nhắn quê
Thuở bé biết nên nông nỗi thế
Nghìn vàng một chữ cũng không khoe

PHẠM NHƯ XƯƠNG

Quốc biến năm Ất Dậu

Võng lọng nghênh ngang giữa cõi trần
Biết ai là chúa biết ai thần
Ngu thiều [66] tâu hết khôn nghe phụng
Lỗ xã [67] tu rồi chẳng phải lân
Mỏi mắt Hi Di [68] trời ngũ quý [69]
Nhọc lòng Gia Cát đất tam phân [70]
Thôi thôi đã thế thì hay thế
Nhờ lượng cao dầy cứu lấy dân

CỤ HUYỆN THƯ ĐIỀN

Thức giấc

Lối thơ vĩ tam thanh

Tiếng gà bên gối tẻ tè te
Bóng ác trông ra hé hẽ hè
Núi một tòa cao chon chót vót
Hoa năm sắc nở tóe tòe loe
Chim tình bằng hữu kia kìa kịa
Ong nghĩa quân thần nhé nhẻ nhe
Danh lợi chưa hề ti tí tị
Ngủ trừa trưa dậy khỏe khòe khoe

CỬ TUỆ

Chim bồ câu

Đen trắng coi ra nghĩ cũng mầu
Trăm chim hồ dễ ví bồ câu
Len mình cửa nguyệt không tên đạn
Dán cánh cung mây có bạn bầu
No đói chẳng khuây lòng cố chủ
Lứa đôi cho tỏ nghĩa hà châu [71]
Gật gù sánh lễ con cùng cháu
Còn lối lên trời muốn bảo nhau

CỤ MỀN QUÁN VINH

Nợ phong lưu

Đố biết bao nhiêu vốn lãi lời
Phong lưu thôi mắc nợ to rồi
Gió trăng mượn cả kho vô tận
Ngày tháng tiêu tràn của cánh lai [72]
Văn tự viết cho thiên hạ giữ
Tính danh ghi để thế gian coi
Hãy vin trời đất cho sinh tức
Thề có van ai có chịu ai

TÚ QUỲ

Hát bội

Nhỏ mà không học lớn làm ngang
Trống đánh ba hồi đã thấy quan
Ra rạp ngồi trên ba đứa hiệu
Vô buồng đứng dưới mấy ông làng
Mượn mầu son phấn ông kia nọ
Cởi lốt cân đai chú điếm đàng
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng
Đã từng trợn mắt lại phùng mang

Vịnh con dế duổi

Kiến chẳng phì kiến voi chẳng voi
Trời sinh dế duổi cũng choi choi

Ngấn cánh lên trời bay chẳng thấu
Co tay vạch đất cũng khoe tài
Mưa sa nước chảy lên cao ở
Lửa đỏ dầu sôi nhảy tới chơi
Quân tử có thương xin chớ phụ
Lăm xăm bay nhảy để mà coi

CỤ THƯỢNG VÕ KHOA

Cảnh già

Giật mình nay đã chẵn năm mươi
Lẩn thẩn nào hay tuổi tác rồi
Mái tuyết phất phơ già dễ tới
Đàng mây khắc khoải bước khôn lui
Lá thu tan tác thương bè bạn
Ngành gấm đua chen thẹn trẻ trai
Vườn cũ lần về thăm cụm cúc
Vài thằng cháu trẻ lượm hoa rơi

Phong cảnh Linh Giang

Bước tới Linh Giang bóng đã chiều
Linh giang phong cảnh biết bao nhiêu
Miếu nghè lúp xúp nhà quanh núi
Hàng quán lao xao chợ dưới đèo
Ngoài biển lắng tai cơn sóng vỗ
Trong mây dấp dướng tiếng chuông reo
Ơi đồng ta hỏi sư đâu tá
Rằng mới chơi đâu đã mấy chiều

ĐỖ GIANG

Tết giao thừa

Xuân lại đông qua thấm thoắt vừa
Nửa đêm lớp ngớp dậy giao thừa
Đổi trao một phút nhanh ra chớp
Tiếp tục hai năm ráp cắn cưa
Ngoài xóm đì đoành tràng pháo nổ
Trong nhà nghi ngút khói nhang đưa
Cùng nhau hí hửng mừng năm mới
Thử hỏi nhau rằng đã mới chưa

ÁN SÁT SIÊU

Vấn nguyệt

Trải mấy thu nay vẫn hãy còn
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn
Hỡi con Ngọc thỏ đà bao tuổi
Chứ chị Hằng Nga đã mấy con
Đêm thẳm cớ chi soi gác tía
Ngày xanh còn cứ thẹn vầng son
Năm canh lơ lửng chờ ai đó
Hay có tình chi với nước non

TRẦN QUÝ KHOÁCH

Tiễn đưa Nguyễn Biểu [73]

Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng hoa
Trịnh trọng rày nhân dựng khúc ca
Chiếu phượng mười hàng tơ cặn kẽ
Vó câu ngàn dặm tuyết xông pha
Tang bồng đã bấm lòng khi trẻ
Khương quế thêm cay tính tuổi già
Việc nước một mai công ngõ vẹn
Gác lân [74] danh tiếng dọi lâu xa.

Bài học của **Nguyễn Biểu**

Tiếng ngọc từ vâng trước bệ hoa
Ngóng tay đồng vọng thuở thi ca
Đường mây vó ký lần lần trải
Ải tuyết cờ mao thức thức pha
Há một cung tên lồng chí trẻ
Bội mười vàng sắt đúc gan già
Hổ mình vả thiếu tài chuyên đối
Dịch lộ ba nghìn đám ngại xa.

ĐÔNG HỒ
Lâm Tấn Phác

Hai giọt lệ

Giọt lệ thu kia vẫn đượm sầu

Cánh chim Linh Phượng [75] biết về đâu
Đài gương nhạt phấn phôi pha nét
Viện sách tàn hương lạnh lẽo màu
Cõi bắc trời nam hai giọt lệ
Đông hồ Tương phố một dòng châu
Đoạn trường gặp gỡ năm canh mộng
Một hội thương tâm một dịp cầu

LÊ NGÔ CÁT

Cảm tác

Duyên phận đâu mà dám sắt son
Ta về vườn cúc cũ ta còn
Nhặt thêm phong nguyệt ngày thừa thãi
Ôn lại chi hồ lũ cỏn con
Vui thú chi lan hầu dễ ngán
Nhớ mùi mục tức vẫn là ngon
Thị phi thây cả nhân gian chuyện
Giữ lấy phù sinh một cuộc tròn

LÊ TRUNG ĐÌNH [76]

Nước lụt

Mưa từng chặng gió từng hồi
Bốn mặt non sông nước phủ rồi
Lũ kiến bất tài tha trứng chạy
Đám rêu vô dụng kết bè trôi

Lửng lơ rừng thẳm không chim đậu
Ngất ngưởng lầu tây có chó ngồi
Nỡ để dân đen vùi máu đỏ
Nào ông Hạ Võ ở đâu ôi

NGUYỄN HỮU TẠO
Bố chánh Tạo

Hành quân tức sự

Mở địa đồ xem suốt tối mai
Bàn tay như vẽ khúc sông dài
Miệng ngòi thét ngược đòi Câu ngựa
Lưng núi càn ngang nửa Dốc nai
Mai cọ tuyết đầm tro lẫn khói
Bới chông bùn ngậm rễ chồi gai
Ta đi nó lại đi rồi lại
Lẩn quất ma rừng ấy bởi ai

DẶNG XUÂN BẢNG

Tự vịnh

Chen vai quả đất đứng trên vòng
Trời sinh ra ta có ý không
Trải kiếp chưa phai hồn cố quốc
So gan mới biết mặt anh hùng

Mấy hàng tóc bạc từng dâu bể
Một tấm lòng son giãi núi sông
Gió Á mưa Âu thay đổi mặc
Trơ trơ như đá vững như đồng

Cảm hứng

Phong trần đầy đọa mấy thu nay
Có lẽ ta đâu mãi thế này
Một gánh tang bồng vai thử nhắc
Hai đường trung hiếu dạ khôn khuây
Mấy phen đeo đẳng công đèn sách
Có lúc thênh thang hội gió mây
Vũ trụ có mình thêm có chuyện
Nước non non nước ý gì đây.

Dề núi Dục Thúy

Nửa nơi thành thị nửa thanh u
Dưới nước trên mây giữa khói mù
Đá trắng mờ rêu phai nét mực
Cúc vàng lẫn cỏ nhuộm màu thu
Hỏi người động chủ giờ đâu vắng
Ngắm cảnh chùa tiên cũng muốn tu
Bể nổi dâu chìm chừng mấy độ
Bức tranh sơn thủy hãy còn ru

Đêm nghỉ ở Thạch Hà [77]

Khách thứ đâu đây huyện Thạch Hà
Dừng chân tạm nghỉ ngại sương sa

Chuông kình văng vẳng từng mây lọt
Đèn cá tờ mờ cách bến xa
Róc rách sườn non dòng suối chảy
Chênh chênh mái gác bóng trăng tà
Lạ nhà trằn trọc khuya chưa ngủ
Thành huyện canh vừa trống điểm ba

Giữ mực thanh liêm

Chớ nghĩ là quan đã bảnh bao
Yêu nhau một giống nghĩa đồng bào
Bới lông tìm vết lòng không nỡ
Giục bị xui nguyên tội xiết bao
Dấu đỏ lòe dân trò lính lệ
Môi thâm hớt nhảm lối cường hào
Kiếm xu không phải mình không thạo
Bắt nạt dân đen có lẽ nào.

Vui thú nhà nông

Kể khi ao cá với vườn cau
Trồng cấy siêng năng cũng đã giàu
Đỏ rỡ bên đê hàng lúa bắp
Xanh rì bãi cát mấy ngàn dâu
Ơn trời đổ xuống mưa như mỡ
Lộc đất đùn lên ruộng cũng màu
Phong vị điền gia coi cũng thú
Mùa nào thức ấy chuối cam rau

Đề núi Hàm Rồng

Núi đây tên gọi núi Hàm Rồng

Ấy cảnh thiên nhiên cảnh lạ lùng
Nước cuốn rêu xanh màu đá lũa
Mây in vẻ tía bóng gương lồng
Chim toan cất cánh bay qua đỉnh
Cá chực giương vây vượt giữa dòng
Danh lợi ấy ai lòng rửa sạch
Nước sông biết đợi lúc nào trong

Đề núi Phật Huỳnh

Nơi có lăng vua Lê

Xem cảnh Lam Sơn cũng lạ thường
Ngàn xưa trải mấy cuộc tang thương
Sông Lương nước biếc quanh sườn núi
Nền cũ rêu xanh kín bức tường
Một rặng đá mây in vẻ đẹp
Mấy trùng cây cỏ đượm mùi hương
Nhà Lê phát tích đâu đây nhỉ
Cung điện lâu dài bóng tịch dương

Đề động Bích Đào Nga Sơn

Đọng Đào mở khóa dễ ai hay
Ngó tựa Thiên thai cảnh đẹp thay
Róc rách một dòng khe cuốn gió
Rỡ ràng năm sắc đá chen mây
Cờ tiên cuộc trải vòng kim cổ
Thơ thánh câu đề giọng tỉnh say
Ướm hỏi chủ nhân đâu vắng tá
Bích đào còn đó động còn đây

Ngẫu hứng

Cái cuộc công danh nghĩ đã chồn
Bấm tay tính tuổi sáu mươi tròn
Non cao luống ngại trèo lên đỉnh
Trời khuyết khôn đem vá mấy hòn
Phong nguyệt đầy bầu vui có bạn
Giang sơn đỡ gánh cậy đàn con
Dù đâu đổi hướng xoay nền mặc
Mái tóc pha vàng bụng vẫn son

ĐOÀN NHƯ KHUÊ

Má hồng tóc bạc

Làm theo đề thơ "Hoa kiến bạch đầu hoa mạc tiếu" [78]
trong một tiệc hát có ả đào.

Bạc đầu nào đã chán hoa đâu
Hoa nỡ cười chi khách bạc đầu
Còn có tơ tình vương đến lão
Đừng đem trống bỏi cợt cùng nhau
Vườn hồng chỉ vị ưa trăm vẻ
Mái tóc càng thêm điểm một màu
Nhắn nhủ chị em đừng khúc khích
Má hồng tóc bạc vẫn phong lưu.

PHẠM QUÝ THÍCH

Vịnh Kiều

Giai nhân bất thị đáo Tiền đường
Bán thế yên hoa trái vị thường
Ngọc diện khởi ưng mai thúy quốc
Băng tâm tự khả đối Kim lang
Đoạn trường mộng lý căng duyên liễu
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy
Tân thanh đáo để vị thùy thương

Phỏng ý bài trên

Giọt nước Tiền đường chẳng rửa oan
Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan
Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng
Gót ngọc khôn đành giấc thủy quan
Nửa giấc đoạn trường tan gối điệp
Một dây bạc mệnh đứt cầm loan
Cho hay những kẻ tài tình lắm
Trời bắt làm gương để thế gian

NGUYỄN HỮU HUÂN

Khi bị lưu đày

Muôn việc cho hay số ở trời
Cái thân chìm nổi biết là nơi

Mấy hồi tên đạn ra tay thử
Ngàn dặm non sông dạo gót chơi
Chén rượu Tân đình nào luận tiệc
Câu thơ Cố quốc chẳng ra lời
Cang thường bởi biết mang nên nặng
Hễ đứng làm trai chác nợ đời

Khi được tha về

Tòng cúc tuy mừng hãy đặng còn
Râu mày thêm thẹn với sông non
Miếu đường cách trở bề tôi chúa
Gia thất riêng mang nỗi vợ con
Áo Hán nhiều phần thay vẻ lạ
Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon
Giang đông mang tiếng đa tài tuấn
Cuốn đất kia ai dám hỏi đon

Cây bắp

Luống chịu ba trăng trấn cõi bờ
Hiềm vì thương chút chúng dân thơ
Nương oai Tích lịch ôm con đỏ
Vâng lịnh nam phong phất ngọn cờ
Miễn đặng an nhàn thêm lợi nước
Chi nài dãi gió lại dầm mưa
Biển hồ dầu nặng tăm kình bặt
Giải giáp một phen chúng thảy nhờ.

Khi bị đóng gông

Hai bên thiên hạ thấy hay không
Một gánh cang thường há phải gông
Oằn oại đôi vai quân tử trúc
Long lay một cổ trượng phu tòng
Thác về đất Bắc danh còn rạng
Sống ở Thành Nam tiếng bỏ không
Thắng bại dinh hư trời khiến chịu
Phản thần đáo hảo đứa cười ông

PHAN THANH GIẢN

Ký nội

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông
Đường mây cười tớ ham dong ruổi
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng
Ơn nước nợ trai đành nỗi bận
Cha già nhà khó cậy nhau cùng
Mấy lời dặn nhủ khi dời bước
Rằng nhớ rằng quên lòng hỡi lòng.

Gần sáng

Một dãy sông Tương suốt mắt mèo
Thuyền chèo ngư phủ thấp leo teo
Lằn kêu giục chúa chầu sân phụng

Gà gáy khuyên chồng lấp dấu cheo
Ải soái Thường Xuân vừa cất gánh
Thuyền tên Gia Cát mới gay chèo
Phương đông vừa ló vầng con ác
Cửa Khổng nho sanh nhóm tựa bèo.

Di sứ sang Pháp

Chín tầng lồng lộng giữa trời thinh
Phụng chí ra đi buổi sứ trình
Lo nỗi nước kia cơn phiến biến
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh
Ngàn trùng biển cả sang Tây địa
Muôn dặm đường xa thẳng Đế kinh
Mây nước sang qua cùng Pháp quốc
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa minh

Việc nước không thành

Sau khi bị mất miền Tây Nam Kỳ

Trời thời đất lợi lại người hòa
Há để người coi phải nói ra
Lăm trả ơn vua đền nợ nước
Đành cam gánh nặng ruổi đường xa
Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ
Vượt biển trèo non cám phận già
Cũng tưởng một lời an bốn cõi
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Tiễn Phan Thanh Giản

Nhân khi cụ Phan vào Nam lam Kinh lược sứ miền Tây

Ven ngàn góc biển dặm chơi vơi
Vui tẻ phân nhau một bước dời
Cá lại Long giang hai ngả nước
Nhạn về Du hợp một phương trời
Nghiêng hồ cố cựu trông lai láng
Cạn chén kim phong thổi lộng khơi
Chầy kíp Trường An mau trở lại
Thăm người viếng cảnh hỡi người ơi

PHẠM VIẾT CHÁNH [79]

Điếu Phan Thanh Giản

Phan công tiết nghĩa sánh cao dày
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may
Hết dạ giúp vua trời đất biết
Nát lòng vì nước quỷ thần hay
Tuyệt lương một tháng rau xanh mặt
Bị cách bao phen lửa đỏ mày
Chín sợ sử thần biên chẳng ráo
Tấm lòng ấm ức phải thày lay

TÔN THỌ TƯỜNG

Hỏng thi cảm tác

Bắc thang lên hỏi số Nam tào
Cái số như tôi số thế nào
Mà nợ mà nần mà lắm thế
Tại căn tại kiếp tại làm sao
Mong vin nhành quế tay còn thấp
Rắp bước thang mây gót chửa cao
Thấp thấp cao cao rồi cũng bước
Mới ba mươi tuổi có là bao

Lai kinh thọ tội [80]

Trải bảy mươi hai trạm tới kinh
Bao nhiêu tân khổ bấy nhiêu tình
Vì nhà túng rối nên quyền biến
Phép nước răn đe há dám khinh
Gió bụi đất từng quen với mặt
Nắng mưa trời có thấu cho mình
Chín trùng cao vọi dầu soi xét
Ơn xuống may khi gặp phước linh.

Đến Chùa cây mai cảm tác

Đau đớn cho mai cách dưới đèo
Mười phần trong sạch phận cheo leo
Sương in tuyết đóng nhành thưa thớt
Xuân đến thu về sãi quạnh hiu
Lặng lẽ chuông quen cơn bóng xế

Tò le kèn lạ mặt trời chiều
Những tay rượu thánh thơ thần cũ
Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu

Đĩ già đi tu

Chầy kình gióng tỉnh giấc Vu san
Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng
Đài cảnh biếng soi màu phấn nhạt
Cửa không đành gửi cái xuân tàn
Trạnh niềm hoa liễu vài câu kệ
An giấc tang du một chữ nhàn
Ngoảnh lại lầu xanh thương những kẻ
Trầm luân chưa khỏi kiếp hồng nhan.

Tự thuật

Vườn xuân vắng chúa lậu tin mai
Hoa cũ ong xưa dễ ép nài
Lời hẹn đã đành toan kiếp khác
Tình thương nên mới trổ bề ngoài
Gió trăng quyến khách e nhiều nỗi
Đinh sắt gìn lòng dễ mấy ai
Ganh gổ gớm cho con tạo hóa
Phanh phui nên nỗi sắc ra tài

Từ Thứ quy Tào

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi
Muối sát lòng ai nấy mặn mòi
Ở Hán còn nhiều trang cột cả

Về Tào chi xá cụm cây còi
Mảng nghe tin mẹ khôn nâng chén
Chạnh tưởng ơn vua biếng giở roi
Chẳng đặng khôn Lưu thà dại Ngụy
Thân này xin gác ngoại vòng thoi

Vịnh Kiều

Mười mấy năm trời nợ giũ xong
Sông Tiền Đường đục hóa ra trong
Mảnh duyên bình lãng [81] còn nồng nã
Chút phận tang thương lắm ngại ngùng
Chữ hiếu ít nhiều trời đất biết
Gánh tình nặng nhẹ chị em chung
Tấm lòng thiên cổ thương mà trách
Chẳng trách chi Kiều, trách hóa công

Bái Công khóc Hạng Võ

Trăm hai non nước [82] một gươm thần
Hết giận thôi mà khó cố nhân
Con mắt bốn ngươi [83] nhìn với mắt
Cái thân tám thước [84] tủi cùng thân
Bát canh Quảng Võ [85] ơn còn nhớ
Chén rượu Hồng Môn [86] lệ khó ngăn
Giọt lệ anh hùng lau chẳng ráo
Mặc ai rằng giả mặc ai chân

Tôn phu nhân quy Thục

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng

Nghìn thu rạng tiết gái Giang Đông
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc
Về Hán trau tria mảnh má hồng
Son phấn thà cam đầy gió bụi
Đá vàng chi để thẹn non sông
Ai về nhắn với Châu Công Cẩn
Thà mất lòng anh đặng bụng chồng.

Theo sứ sang Tây

Múa gươm quăng chén cất mình đi
Bịn rịn đâu màng thói nữ nhi
Mây khói một màu thuyền thoát thoát
Biển trời muôn dặm núi ti ti
Phương xa xe ngựa lừa đi đến
Nước cũ non sông ngóng lúc về
Tên cỏ cung dâu là chí trẻ
Danh mà chi đó lợi mà chi.

Tự thuật

1. Giang san ba tỉnh hãy còn đây
Trời đất xui chi đến nỗi này
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo
Mây tuôn đen kiệt khói tàu bay
Xăng văng chậm tính thương đòi chỗ
Khấp khởi riêng lo biết những ngày
Miệng cọp hàm rồng chưa dễ chọc
Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay

2. Thày lay lại chác lấy danh nhơ
Ai mượn mình lo việc bá vơ

Trẻ dại giếng sâu lòng chẳng nỡ
Đường xa ngàn dặm tuổi không chờ
Áo xiêm chẳng thấy xăn tay thợ
Xe ngựa nào toan gỡ cuộc cờ
May rủi rúi may đâu đã chắc
Miệng lằn lưỡi mối lấp tai ngơ

3. Tai nghe mắt lấp thuở tan tành
Nghĩ việc đời thêm tủi phận mình
Nghi ngút tro tàn nền đạo nghĩa
Lờ mờ bụi đóng cửa trâm anh
Hai vai dốc gánh ba giềng nặng
Trăm tạ chuông treo một chỉ mành
Trâu ngựa dầu kêu chi cũng chịu
Thân còn chẳng kể kể chi danh

4. Kể chi danh phận lúc tan hoang
Biển rộng trời cao nghĩ lại càng
Lên núi bắt hùm chưa dễ láo
Xuống sông đánh cá há rằng ngoan
Người giương mắt ngáo đôi tròng bạc
Kẻ ứa gan trung bảy lá vàng
Chíu chít thương bầy ga mất mẹ
Cũng là cứng cổ dám khoe khoang

5. Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn
Bán dạng khua môi cũng một phồn
Tơ vấn cánh chuồn kiến chí nhện
Gió đưa oai cọp khiến hơi chồn
Siêng lo há đợi cơm kề miệng
Chậm tính nào ngờ nước đến trôn
Hay dở truyện trò còn lắm nỗi
Múa men xin hãy bớt bôn chồn

6. Hãy bớt bồn chồn việc cửa nhà
Sau này còn ngại nỗi đường xa
Mưa tuôn cơn ngặt trông hai trẻ
Trời mở lòng thương xót một già
Lái đã vững vàng cơn sóng lượn
Ổ toan ràng rịt lúc mưa sa
Ở đời há dễ quên đời đặng
Tính thiệt lo hơn cũng gọi là

7. Cũng gọi là người ắt phải lo
Có hay chịu khó mới nên trò
Bạc mênh mông biển cầu lăm bắc
Xanh mịt mù trời thước rắp đo
Nước ngược chống lên thuyền một chiếc
Gác cao đưa lại sách trăm pho
Lòng này dễ gọi mà không hổ
Lặng xét thầm soi cũng biết cho

8. Đã biết cho chưa hỡi những người
Khuyên đừng tiếc hận chớ chê cười
Ví dù vật ấy còn roi dấu
Bao quản thân này chịu để ngươi
Trăng giữ ba thu mây cũng tỏ
Huê trong chín hạ nắng còn tươi
Khó lòng mình biết lòng mình khó
Lòn lọi công trình kể mấy mươi

9 Kể mấy mươi năm nước lễ văn
Trời đà xui thế thế khôn ngăn
Bốn đời chung đôi ơn nuôi dạy
Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn
Hết sức người theo trời chẳng kịp
Hoài công chim lấp biển khôn bằng
Thôi thôi đã vậy thôi thời vậy

Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hằng

10. Đạo hằng chỉ trước thảo cùng ngay
Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy
Láo khoét đã đành bia lỗ miệng
Chán chường e nỗi trở bàn tay
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp
Mắt trắng xem trời cánh khó bay
Chí muốn ngày nào cho đặng toại
Giang san ba tỉnh hãy còn đây

PHAN VĂN TRỊ

Chùa hư

Nam vô hai chữ biết vì đâu
Cám nỗi chùa hư Phật phải rầu
Nắng rọi mõ chuông khô nứt mặt
Mưa sa kinh kệ ướt mem đầu
Rằm nguyên vắng kẻ dâng vùa nếp
Hôm sớm không ai cúng phụng dầu
Đức cả từ bi xin sớm liệu
Ngồi chờ Lương Võ thế còn lâu

Cảnh An Giang

Lênh đênh bèo nước biết là đâu
Đậu bến An Giang thấy những rầu
Bảy núi mây liền chim nhíp cánh
Ba dòng nước chảy cá vênh râu

Có rau nội quạnh dân xanh mặt
Không trái bầu khô khỉ bạc đầu
Xem hết cảnh tình rồi nghĩ nghị
Thú vui chỉ có một thuyền câu

Hạt lúa

Giã từ đồng ruộng dạo xa chơi
Thiên hạ ai mà chẳng biết hơi
Cởi giáp vàng kia phơi chốn chốn
Bày da ngọc nọ rạng nơi nơi
Ông cha giúp nước đà bao thuở
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời
Vì thế liều mình cơn nước lửa
Người đà có thấy hỡi người ơi

Thợ may

Dõi về Hoàng đế chước toan tìm
Nghề nghiệp trong tay đỡ vận chìm
Chắp nối âm dương vài sợi chỉ
Mở mang trời đất mấy đàng kim
Nhờ ơn cả nước che sướng gió
Giúp sức nhà vương dủ áo xiêm
Một thuở ra tay người đặng ấm
Trăm năm đẹp mắt kẻ quan chiêm

Ngư ông

Người hỡi Nghiêm lăng có biết chăng
Lòng ta ý gã đố ai bằng

Nửa cần thú vị trời trời nước
Một sợi phong lưu gió gió trăng
Thao lược đã đành ngàn dặm bủa
Giang sơn tóm dốc một tay phăng
Xưa nay vẫn một lòng sông Vị
Mơ tưởng xe châu biếng nói năng

II

Lỗi phải thây ai chẳng lụy cầu
Sao bằng thong thả một cần câu
Dòng ngân thả lưới dầu trưa sớm
Đáy bích giềng tơ mặc tóm thâu
Dựa bãi Nghiêm Lăng chờ bĩ thái
Neo gành Lữ Vọng nhắp công hầu
Giang sơn thế để mình làm thợ
Sinh sát quyền ta thế biết đâu.

Nhượng địa

Tò le kèn thổi tiếng năm ba
Nghe lọt vào tai dạ xót xa
Uốn khúc sông rồng mù mịt khói
Vắng ve thành phụng ủ sầu hoa
Tan nhà cám nỗi câu ly hận
Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa
Gió bụi đòi cơn xiêu ngả cỏ
Ngậm cười hết nói nổi quan ta

Hát bội

Đứa ghẻ ruồi đứa lác voi

Bao nhiêu xiêm áo cũng trơ mòi
Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc
Đứa nịnh râu hoe mấy sợi còi
Trên đỉnh có nhà còn lợp lọng
Dưới chân không ngựa lại giơ roi
Hèn chi chúng nói bội thì bạc
Bôi mặt đánh nhau cú lại thoi

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Cảm tác

Cây cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông
Chúa xuân đâu hỡi có hay không
Mây giăng ải bắc trông tin nhạn
Ngày xế non nam bặt bóng hồng
Bờ cõi xưa còn chia đất khác
Nắng sương nay để đội trời chung
Bao giờ thánh đế ơn soi thấu
Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

Chạy giặc

Tan chợ vừa nghe tiếng súng tây
Một bàn cờ thế phút sa tay
Bỏ nhà lũ chó lăng xăng chạy
Mất ổ bầy chim dáo dác bay
Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây
Hỡi trang dẹp loạn giờ đâu vắng

Nỡ để dân đen mắc nạn này.

Tự thuật

Xe ngựa lao xao giữa cõi trần
Biết ai thiên tử biết ai thần
Nhạc Thiều tiếng dứt khôn trông phụng [87]
Sách Lỗ biên rồi khó thấy lân [88]
Khỏe mắt Hi Di đời ngũ quí [89]
Mỏi lòng Gia Cát lúc tam phân
Công danh chi nữa ăn rồi ngủ
Mặc lượng cao dày xử với dân

Diếu Phan Thanh Giản

Non nước tan tành hệ bởi đâu
Dàu dàu mây bạc cõi ngao châu [90]
Ba triều công cán đôi hàng sớ
Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu
Trạm bắc ngày trông tin nhạn vắng
Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu
Minh tinh chín chữ [91] lòng son tạc
Trời đất từ đây mịt gió thu.

Diếu Phan Thanh Tòng

Làm người trung nghĩa đáng bia son
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn
Cơm áo đèn bồi ơn đất nước
Râu mày giữ vẹn phận tôi con
Tinh thần hai chữ phau sương tuyết

Khí phách nghìn thu rỡ núi non
Gẫm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ
Lòng đây tưởng đó mất như còn.

Điếu Trương Công Định

Trong Nam tên họ nổi như cồn
Mấy trận Gò Công có tiếng đồn
Dấu đạn hơi rêm tàu bạch quỷ
Hơi gương thêm rạng vẻ hoàng môn
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bỏ
Quả ấn bình tây đất vội chôn
Nỡ khiến anh hùng rơi giọt lụy
Lâm râm ba chữ điếu linh hồn

HUỲNH MẪN ĐẠT

Cảnh chiều

Trưa sớm đài doanh gió bụi nhiều
Vườn quê vui thú cảnh trời chiều
Cánh chim rải rác đâm bông bạc
Màn chấu xuê xoa giãi gấm điều
Ngả ngớn lưng trâu ngơ vọt mục
Loi thoi bóng ác khẳm thuyền tiều
Xót người mệnh bạc trong trầm nhạn
Ngó xuống trông mưa biết bấy nhiêu.

Dạ nguyệt phiếm châu

Cảnh tiên rực rỡ bỗng duyên đâu
Biển lặng trời thanh mấy chiếc câu
Non gặp Bá Nha non mở mặt
Nước mừng Tô Tử nước khoe màu
Có tình đỏng đảnh buồm doi hạc
Không thuế nghênh ngang rỡ bãi âu
Thi gặp thú màu ngâm mấy đoạn
Lược trăng lờ rạng gác qua đầu

Chiêu Quân xuất tái

Bức họa đơn thanh khéo đá đoan
Làm cho quấy rối phận hồng nhan
Chín trùng ứa lệ dưng đôi mắt
Nghìn dặm ôm tì tím lá gan
Cột dã thành ngăn bờ cõi vững
Lệ làm mưa rưới lửa binh tàn
Người trên nhà Hán đi đâu vắng
Xui trận ôn nhu tới dẹp loàn.

Mưa đêm

Mới vừa bụng núi dấu thêm voi
Kìa phải mưa đêm đã ló mòi
Mượn sấm đánh tan vầng nguyệt rạng
Xua sương tưới sống cụm hoa còi
Say cầm câu nguyệt ngư lèn nón
Lỡ dậm mang sao mục ướt roi
Hỏi kẻ Trường An trời biết chẳng
Tấm lòng quế ngọc nhộn đường thoi.

Gành Móm

Tượng mắng non xanh tạc chẳng già
Cớ chi gành Móm lại nhoi ra
Rêu xanh lém bém râu Bành tổ
Đá mọc do de mép Tử Nha
Miệng súc chêu chao con sóng lượn
Khăn lau tích toác thức mây qua
Xuân thu hỏi đó bao nhiêu tuổi
Rằng thuở khai thiên đã có ta.

Đĩ đi tu

Lầu xanh thánh thót tiếng chuông truyền
Tỉnh giấc Cao Đường [92] lúc ngửa nghiêng
Mượn chiếc thuyền tình qua biển ái
Đưa con sóng sắc tới rừng thiền
Trông gương trí tuệ đau lòng tục
Lần chuỗi bồ đề kết trái duyên
Mát mẻ cửa không trăng gió sẵn
Dầu chưa nên Phật cũng nên Tiên.

Trâu già

Một nắm xương một nắm da
Bao nhiêu cái ách [93] cũng từng qua
Đuôi cùn biếng cột Điền Đan [94] hỏa
Tai nặng buồn nghe Nịnh Tử [95] ca
Sớm dạo vườn Nghiêu ăn hùng hỉnh
Tối về nội Võ thở hi ha
Ngày xưa mắc phải nơi Đường hạ
Ơn có Tề vương [96] cứu lại tha.

Chiêu quân

Tráo chác khôn lường mũi bút gian
Trăm năm quấy rối phận hồng nhan [97]
Chín trùng ưa lụy rưng đôi mắt
Ngàn dặm ôm tỳ tím lá gan
Tóc giả thành che bờ cõi vẩn.
Lụa làm mưa rưới lửa binh tàn
Người trên nhà Hán đi đâu lẩn
Xui trận ôn nhu tới dẹp loàn [98]

Núp chào cùng hổ

Nhân khi gặp Tôn Thọ Tường mà không kịp tránh

Cừu mã năm ba bạn cặp kè
Duyên đâu giải cấu khéo đè ne
Đã cam bít mặt cùng trời đất
Đâu dám nghiêng mình với ngựa xe
Hớn hở trẻ dong đường dặm liễu
Thẫn thờ già náu cội cây hòe
Núp nom cũng hổ chào thêm hổ
Thà ẩn non cao chẳng biết nghe.

LÊ DUY ĐỒNG

Điếu bái miếu đường

Ngô sinh bất phụ thử sơn hà
Thiên địa vô tình khả nại hà

Vĩnh biệt sầu văn Nam phố khúc
Hoàng hương tu tụng Đại phong ca
Thiên niên cố quốc tinh linh tại
Nhất khứ anh hùng ẩm hận đa
Điếu bái miếu đường chung nhật cảm
Y nhiên tích thụ phát kim hoa

Bài dịch của **khuyết danh**

Ta đây đâu có phụ sơn hà
Trời đất vô tình đến thế a
Xa nước buồn nghe Nam phố khúc
Về làng thẹn hát Đại phong ca
Ngàn năm cố quốc còn linh hiển
Một biệt anh hùng những xót xa
Bái yết miếu đường thương sớm tối
Cây ngày xưa vẫn nở đầy hoa

ĐẶNG TRẦN THƯỜNG

Qua đèo Ngang

Khi tìm vào Nam theo họ Nguyễn

Cuốc bộ gian nan lặn lại trèo
Bắc nam đôi ngả lối quanh queo
Một hơi kéo miết chân chồn dại
Nửa chữ không còn bụng đói meo
Hoa chửa tan sương cười dở khóc
Nước còn vướng đá chảy rồi reo
Ước gì thân hóa ra chim nhỉ
Muôn dặm Đồ nam nhẹ cánh vèo

NGUYỄN THIỆN KẾ

Vịnh Kiều

Lúc túng thân tiên cũng phải liều
Duyên sao hờ hững nợ sao nhiều
Bán mình nào thấy chàng Kim hỏi
Đánh đĩ tha hồ mụ Bạc tiêu
Đàn chửa giải oan cho tướng giặc
Thành còn nghiêng nước với quan triều
Xưa nay há thiếu phường trăng gió
Danh tiếng phần riêng một Thúy Kiều

Tri phủ Vĩnh Tường

Một viên tri phủ ở Vĩnh Tường đi theo vợ chồng công sứ đến khám đề trong phủ, đã xin công mụ đầm qua một vũng nước sâu kia.

Thằng cha phủ Vĩnh thế mà thâm
Nịnh bố cu tây cõng mẹ đầm
Đôi vú ấp vai đầu nghển nghển
Hai tay bưng đít mặt hầm hầm
Cũng may cứng cánh nhờ ơn tổ
Nếu rủi sa chân chết bỏ bầm
Chẳng kể mề đay cùng tưởng lục
Ngửi tay tủm tỉm miệng cười thầm

Tổng đốc Hải Dương

Tổng đốc miền đông ngỡ đứa nào
Lê Hoan thôi lại tụi Hoàng Cao [99]
Cậu hầu ngày trước tay còn tráp [100]

Ông lớn bây giờ ngực đã sao
Rể được Thượng Trần thêm xứng đáng
Giặc nhờ Đề Thám có huân lao
Tướng tinh nay đã quay đầu lại
Đôi mắt trừng trừng ngược mũi dao [101]

Tuần phủ Thái Bình

Đã mấy năm nay tỉnh Thái Bình
Vì tòa liêm phóng há vì anh [102]
Chỉ hươu thù ứng đường giao thiệp
Có cóc công phu việc học hành
Buổi tối trống hầu câu diễn thuyết
Đêm đêm đèn phiện chuyện văn minh
Quan tây ai chẳng kinh sừ Đạc [103]
Khôn đến như anh mới lọt vành

Khóc vợ bé

Nỡ bỏ nhau đi lúc vắng nhà
Rừng xanh trơ đó bóng hồng xa
Vùi xuân vội mấy cô còn trẻ
Nặng nợ thương ôi Móm [104] chửa già
Miệng chú Tán [105] làm oan bạn gái
Đất anh Điêu [106] chẳng mất đàn bà
Ông Trinh ra biển ông Hiền tếch [107]
Đã ngán cho đời lại tiếc hoa

BÙI HỮU NGHĨA

Quan đế

Hạ Bì thuở nọ chẳng màng nao
Gương rạng chi lầm chước túng thao
Chén rượu anh em keo gắn chặt
Tấm son tôi chúa đuốc chong cao
Theo rồng dốc nhóm mây trời Hán
Xuống ngựa đâu tham bạc đất Tào
Hai mối cang thường gồm đặng cả
Ngàn năm thơm để miệng người rao

Hà Âm mộ cảnh [108]

Mịt mịt mây đen kéo tối dầm
Đau lòng năm trước chốn Hà âm
Đống xương vô định sương phao trắng
Giọt máu phi thường cỏ nhuộm thâm
Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy
Đèn trời leo lét đám u lâm
Nôm na nên mượn câu thơ điếu
Inh ỏi ven thềm tiếng dế ngâm

Thuyền qua Thoại Sơn [109]

Một thuyền cầm hạc một mình ta
Đường hiểm gian nan khắp trải qua
Núi Sập sấm rền vang tiếng muỗi
Vàm Nao nước chảy đứt đuôi xà
Văn chương mới thử năm hay bảy

Võ lược chưa truyền sáu với ba
Gà gáy học đòi người dạy múa
Luống e năm tháng để sa đà

Khuyến học

Ăn ngủ làm chi hỡi các trò
Có công đi học phải toan lo
Chơi bời hoa nguyệt đừng mơ tưởng
Học hỏi rừng nhu phải đắn đo
Dẫu có ruộng nương năm bảy mẫu
Sao bằng kinh sử một đôi pho
Trời xanh đâu phụ người văn học
Bảng hổ đề danh mới sướng cho

Thời cuộc cảm tác

Họa vận bài Tự thuật của Tôn Thọ Tường

Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây
Đâu để giang sơn đến thế này
Ngọn lửa Tam Tần phừng đất cháy
Chòm mây Ngũ Quý lấp trời bay
Hùm nương non rậm toan chờ thuở
Cáo loạn vườn hoang thác có ngày
Một góc cảm thương dân nước lửa
Đền nam trụ cả dễ lung lay

Tuổi già bệnh cũ

Ngàn vàng khôn dễ sánh mình này
Sanh có ngày âu thác có ngày

Non nước hãy còn đang bẩy bả
Đất trời sao nỡ khiến lay vay
Kho phong nguyệt vẫn chan chan đó
Vườn cúc tòng còn thới thới đây
Bịnh cũ vừa an đành lại dậy
Mặc dầu ngâm ngợi mặc dầu say

NGUYỄN TỬ MẪN

Tự vịnh

Má lõm da nhăn tóc bạc phơ
Mũ tai gương mặt gậy đùa quơ
Có cau vẫn phải ăn trầu cháu
Còn nước đâu mà uống rượu cô
Một tí bụi trần chưa bén mảng
Năm canh hồn bướm chẳng mơ hồ
Có ai hỏi lão chi là thích
Bút mực nghiên cùng sách mấy pho

SƯƠNG NGUYỆT ANH

Đáp họa một bài thơ ướm hỏi

Tài không sắc sắc không tài
Lá úa nhành khô cũng tiếng mai
Ngọc ánh cho nài son phấn điểm
Vàng ròng há sợ sắc mầu phai

Ba giềng trước đã xe tơ vấn
Bốn đức nay tuy nối tiếng dài
Dẫu khiến duyên này ra đến thế
Trăng thu dù xế rạng non đoài

Nguyên xướng của một nho gia

Trời đất ghen chi chức sắc tài
Vườn xuân vội úa bảy phần mai
Gương loan sửng sốt càng ngơ ngác
Phấn vẽ giồi mài sợ kém phai
Lặng lẽ duyên hồng tơ tóc vấn
Vấn vương phận liễu tháng ngày dài
Bông đào bao thuở thay đôi lứa
Nỡ để trăng thu bóng xế hoài

Đáp họa một bài thơ ướm hỏi

Đường xa vòi vọi dặm vơi vơi
Nghĩ mỗi ngày xanh ngán sự đời
Biển ái nguồn ân còn lắm lúc
Mây ngàn hạc nội biết đâu nơi
Một dây oan trái rồi vay trả
Mấy cuộc tang thương há đổi dời
Chước quỷ mưu thần âu những kẻ
Gặp cơn nguy hiểm khó đua bơi

Nguyên xướng của một phủ quan

Phải gần với Nguyệt lúc lưng vơi
Đặng hỏi Hằng nga nỗi sự đời

Ở hạ mây mưa còn kém sắc
Về thu non nước tỏ cùng nơi
Hay trông Dữu lượng xây lầu trước
Hoặc đợi Thanh liên cất chén vời
Vóc ngọc há sờn cơn gió bụi
Tài tình rõ mặt khá đua bơi

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

Đất này rộn rã

Hơn một năm nay vẫn ở thuê
Mới hay thành thị khác nhà quê
Ăn tiêu củi nước coi mà tốn
Dáo dở lòng người nghĩ cũng ghê
Xe ngựa kéo quanh trò lục sở
Khố khăn đổ lộn đám ba que
Đất này rộn rã lâu sao được
Cũng tính nay mai sắp dọn về

TRẦN BÍCH SAN

Tam thướng Hải Vân

Tam niên tam thướng Hải Vân đài
Nhất điểu thân khinh độc vãng hồi
Thảo thụ bán không đê nhật nguyệt
Kiền khôn chỉnh nhãn tiểu trần ai

Văn phi sơn thủy vô kỳ khí
Nhân bất phong sương vị lão tài
Hưu đạo Tần quan chinh lộ hiểm
Mã đầu hoa tận đối yên khai

Bài dịch của **khuyết danh**

Ba năm vượt ải đã là ba
Một cánh chim côi nhẹ cánh qua
Cây cỏ vươn đầu trời cũng thấp
Càn khôn hé mắt đất nào xa
Văn không non nước tình không chuốt
Tài chẳng phong sương luyện chẳng già
Đừng bảo Tần quan đường lối hiểm
Khói vương đầu ngựa nở rừng hoa

NGUYỄN THÔNG

Nam kỳ thất thủ

Bến Nghé gây nên cuộc chiến trường
Làng say mấy lúc lại qua thường
Cùng về xứ cũ người còn khỏe
Chạm mãi cơn nguy tớ muốn cuồng
Chầu chợ đồn rầm moi lợi lớn
Biển khơi bao thuở cánh buồm giương
Chỉ lưa ca khúc người Yên Triệu
Lòng nóng sôi lòng tóc nhuộm sương

TRẦN CAO VÂN

Con cóc

Muôn vật thân ta nghĩ lại càng
Nỗi mình trông thấy cóc ngồi hang
Áo sồi một tấm trời che đậy
Hang thẳm bao từng đất mở mang
Giống ếch nọ thèm đua lặn hụp
Cung thiềm riêng ở mặc nghênh ngang
Nghiến răng sấm dậy chừng ra cửa
Lưỡi quét xong rồi khiến thảy tan

Hỏa xa

Một mối xa thư đã biết chưa
Bắc Nam hai ngả gặp nhau vừa
Đường rầy đã sẵn thang mây bước
Ống khói càng cao ngọn gió đưa
Sấm dậy tứ bề trăm máy chuyển
Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa [110]
Trời sai ra dọn xong từ đấy
Một mối xa thư đã biết chưa

Chết chém

Đứa nào muốn chết chết như chơi
Chết vị non sông chết vị trời
Chết thảo bao nài xương thịt nát
Chết ngay há ngại cổ đầu rơi
Chết trung tiếng để ngoài muôn dặm

Chết nghĩa danh lưu đến vạn đời
Chết được như vầy là hả lắm
Ta không sợ chết hỡi ai ơi

ĐỖ MINH TÂM
Nhiêu Tâm

Thuyền nặng ra khơi

Đoàn trước qua rồi đã mỏi tay
Đường xa riêng sợ lớp sau này
Buồm trương lướt sóng e chưa nổi
Thuyền nặng ra khơi ngán chở đầy
Lo soát phải kèm tay lái bác
Biết khôn khéo giữ sợi neo thày
Chờ tan giông tố đường xưa lại
Kẻo trẻ bơ thờ khắp đó đây

Vịnh Kiều

Sắc tài có một đỉnh đình đỉnh
Khắp cả giang sơn tiếng nổi phình
Duyên chị mà em theo lẽo đẽo
Nợ chàng rồi thiếp sạch sành sanh
Ra đi đầu đội muôn phần hiếu
Trở lại vai mang một chéo tình
Mười mấy năm trời nhơ rửa sạch
Khúc đờn nhàn khảy tính tình tinh

Cục cứt trôi sông

Bao tử là cha mẹ ruột dồi
Đặt không nên chỗ để mày trôi
Trượt chân chẳng nỡ thây nhằm đạp
Bịt mũi mà qua đã gớm rồi
Thiếu chó bắt mèo ngồi tạm nuốt
Có tong cùng chốt rước theo mồi
Lạ thay cho lão ngồi câu quẹt
Chấp chứa làm chi những giống hôi

TRỊNH HOÀI ĐỨC

Qua đèo Hải Vân

Đôi liễu ngàn mai cảnh quạnh hiu
Chia hai Thuận Quảng một con đèo
Đá dòm mặt nước cây mong lội
Biển bọc chân non sóng muốn trèo
Mặt đất day ngang đường đứt khúc
Sườn non dựng ngược đá cheo leo
Vén mây muốn bước lên trên tột
Đoái lại dì trăng lẽo đẽo theo

Tạ mẹ đi sứ

Lìa hiệp tang thương kể mấy hồi
Ân tình ai cũng khéo phanh phui
Trăng lòa ải bắc nhàn chinh bóng
Thu quạnh trời nam quạ đút mồi

Ngay thảo tưởng rồi sa nước mắt
Công danh nghĩ lại đổ mồ hôi
Quân thân tuy cách lòng đâu cách
Trọn đạo con là trọn đạo tôi

NGUYỄN CAN MỘNG

Đề núi Dục Thúy

Trải mấy tang thương núi chẳng già
Trơ trơ đứng giữa lớp đồi ba
Chỗ người đi đến cây cằn lại
Khi nước lui rồi đá nẩy ra
Mấy độ sương pha chồi cúc lão
Nửa phần rêu bám chữ thơ nhòa
Tìm đâu cho thấy Trương thăng phủ
Văng vẳng bên trời tiếng hạc qua

HOÀNG CAO KHẢI

Trưng Vương

Tượng đá trời Nam giãi tuyết sương
Ngàn năm công đức nhớ Trưng Vương
Tham tàn trách bởi quan gây biến
Oanh liệt khen cho gái dị thường
Liều với non sông hai má phấn
Giành cho nòi giống một da vàng

Cột đồng Đông Hán tìm đâu thấy [111]
Chỉ thấy Tây Hồ bóng nước gương [112]

Tô Hiến Thành

Khinh bề tài hóa trọng cương thường
Lòng giãi hai triều [113] một tiết sương
Mặt bạc trách ai toan đổi trắng [114]
Chiếu son còn đó dám tham vàng
Nhà yên gà mái mai không gáy [115]
Nước vững anh con [116] lại cánh giương
Phò chúa xin ai nên giữ lấy
Nghìn năm bia miệng có Tô Trương [117]

Chiêm phi Mị Ê [118]

Thuyền rồng không dựa dựa thuyền chài
Gắn bó vì chưng trót một hai
Tiết nghĩa mảnh chiên trời ấm lạnh
Cương thường giọt lệ nước đầy vơi
Chứng minh đã có mười phương Phật [119]
Sống thác cùng nhau một giống Hời
Sử sách nghìn năm ghi chép đó
Thương ai mà lại thẹn cho ai

Công chúa Huyền Trân

Đổi chác khôn ngoan cũng nực cười
Vốn đà không mất lại thêm lời
Hai châu Ô Lý [120] vuông nghìn dặm
Một gái Huyền Trân của mấy mươi

Lòng đỏ khen ai lo việc nước
Môi son phải giống mãi trên đời
Châu đi rồi lại châu về đó [121]
Ngơ ngẩn trông theo mấy đứa Hời

NGUYỄN VĂN GIAI (Ba Giai)

Diễu quan Đề

Xưa có quan Đề đốc và quan Án sát giữ thành, chẳng may thất thủ, quan Án chạy trước, quan Đề theo sau, mà không biết tự tử như các trung thần.

Nhắc cân Thái lĩnh với hồng mao
Chí khí quan Đề khẳng khái sao
Thắt cổ chân lê buông xuống đất
Trẫm mình đầu ngóc nghển lên cao
Sờ lưng thuốc độc rơi đâu mất
Lấy hốt làm gươm thích chẳng vào
Tứ bất tử rồi ngơ ngẩn mãi
Hỏi thăm quan Án chạy nơi nào

Hà thành hiểu vọng

Bốn bên hàng phố tiếng xôn xao
Trở dậy mà xem những thế nào
Lục sở trò bầy trong rạp rối
Tam tài cờ cắm ngọn thành cao
Giày tàu bít gót Ngô đi bãi
Váy lĩnh phơi trôn đĩ rửa hào
Nhuộm vện khuênh vằn vô số chó
Ra tuồng đắc ý chạy nhông nhao

Nằm co

Ba gian lều cỏ dãi che sương
Rét phải nằm co há phải cuồng
Cá cả nép vây miền Bắc hải
Rồng thiêng uốn khúc chốn Nam dương
Một lòng trung hiếu bo còn giữ
Hai chữ công danh uốn chửa vuông
Có khuất bao nhiêu thời có ruỗi
Ra xuân đầm ấm sẽ xênh xang

Nói khoác

Tớ con ông Trạng cháu ông Nghè
Nói khoác trên trời dưới đất nghe
Sức khỏe Hạng vương cho nửa đấm
Cờ cao Đế Thích chấp đôi xe
Vượt ngay ra biển co tàu lại
Tốc thẳng lên non bắt cọp về
Độ nọ vào chơi trong nội phủ
Ba nghìn cung nữ chạy ra ve

Chê gái lấy chồng già

Tội chi hơn tội lấy chồng già
Duyên nợ mô mà mãi thế a
Ngán nỗi trăng tà lồng bóng liễu
Buồn tình ong quyện rút bông hoa
Thường thường tuy có mà không mãi
Thoáng thoáng nên chăng mới họa là
Đầu bạc tóc xanh dang dở quá
Ra đường ai biết bạn hay cha

Tình khứ lưu

Tình chung kẻ ở với người về
Cạn chén quan hà biết mấy be
Cá nước rồng mây cùng một hội
Áo xiêm xe ngựa bỗng đôi bề
Trời nam sực nức hương đưa quế
Đường bắc xênh xang gió thổi hòe
Nhắn với non sông đà thỏa chửa
Ơn vua đến thế mới là ghê

Hoàng Diệu tuẫn tiết

Khẳng khái ai hơn đốc bộ Hoàng
Khăng khăng dạ sắt với gan vàng
Bóng chiều khó lẽ đem về ngọ
Nợ nước xin đành gửi nắm xương
Võ miếu cây treo dây tiết nghĩa
Nùng sơn đá tạc chữ cương thường
Thành năm Quý Dậu nào ai trách
Chính khí không hề thẹn tuyết sương

NGUYỄN QUÝ TÂN
Nghè Tân

Về hưu

Đường mây qua lại vó câu dong
Chán mặt non sông nghĩ thẹn thùng

Mùi thế thử chơi từng ấy đủ
Cuộc đời đã hẳn lúc nào xong
Thôi thôi xin vái cùng chung đỉnh
Kẻo kẻo còn rầy với kiếm cung
Lếu láo điền viên vui thú nhỉ
Hoa đào năm cũ đón cơn đông

CHU MẠNH TRINH
Nghè Phú Thị

Kiều đi Thanh minh

Màu xuân ai khéo vẽ nên tranh
Nô nức đua nhau hội Đạp thanh
Phận bạc ngậm ngùi nơi chín suối
Duyên may dun dủi khách ba sinh
Dưới hoa nép mặt gương lồng bóng
Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình
Man mác vì đâu thêm ngán nỗi
Đường về chiêng đã gác chênh chênh

Kiều tiếp Kim Trọng

Dan díu vì ai luống ngẩn ngơ
Để ai đón gió lại trăng chờ
Sông Ngân chưa bắc cầu Ô thước
Phận liễu còn e trận gió mưa
Lựa mối tơ tình năm ngón dạo
Dẹp lò lửa dục một lời thơ
Đuốc hoa muốn vẹn niềm băng tuyết
Nào phải trăng hoa khéo ỡm ờ

Kiều tự bán mình

Thử xem tình hiếu nhắc đồng cân
Trăm thảm nghìn sầu góp một thân
Bèo giạt mây trôi đành với phận
Đào tơ liễu yếu ngán cho xuân
Giọt sương trĩu nặng hoa lìa gốc
Vạ gió gây nên nước đến chân
Nông nỗi hợp tan lời gắn bó
Trời già âu cũng mở đường nhân

Kiều mắc Tú Bà

Sa chân đã trót xuống thuyền buôn
Cả giận xui nên muốn hết khôn
Non nước chắc chi lời ước cũ
Phong trần liều với mũi dao con
Hoa gieo dưới trướng hồn man mác
Gió thổi bên tai giọng ngọt ngon
Cho biết tay già là tổ bợm
Dù ai bóp bẹp cũng vê tròn

Kiều mắc Sở Khanh

Những nghĩ chim lồng chấp cánh bay
Có khi phận rủi tới hồi may
Làng nho người cũng trông ra vẻ
Tổ bợm ai ngờ mắc phải tay
Hai chữ tin hồng trao gác nguyệt
Một roi vó ký tếch đường mây
Mẫu đơn vùi dập cơn mưa gió
Cái nợ yên hoa khéo đọa đày

Kiều lấy Thúc Sinh

Mảng vui quán Sở lại lầu Tần
Lựa sợi tơ vương chấp mối dần
Núi tác hợp nhờ tay tạo hóa
Bể trầm luân thoát nợ phong trần
Lửa hương người lại ưa duyên mới
Mưa gió hoa càng đượm vẻ xuân
Tưởng lúc cung cầm khi tiệc rượu
Trăng thề soi bóng thẹn mười phân

Kiều ở nhà chùa

Nhạt nhẽo mùi thiền bữa muối rau
Chuông rền mõ ruổi lại thêm sầu
Cầm bằng nương náu qua ngày bụt
Đã chắc nguồn cơn trọn kiếp tu
Hai chữ nhân duyên cơn gió thoảng
Một mình đèn sách bóng trăng thâu
Bể trầm luân biết đâu là bến
Tế độ ra tay bắc lấy cầu

Kiều báo ân oán

Phấp phới lầu trang gió thổi cờ
Rồng mây cá nước lúc duyên ưa
Ra oai sấm sét gươm ba thước
Tạ đức cao thâm thiếp một tờ
Nếm thử ngọt cay sau mới biết
Đền xong ân oán trước đâu ngờ
Vì cây nên phải thương dây quấn
Ả Hoạn rầy xem rõ mặt chưa

Kiều khóc Từ Hải

Trời xanh thăm thẳm thấu hay không
Bỗng chốc xui nên phụ tấm lòng
Trăm trận xông pha đèn trước gió
Ngàn năm công nghiệp bọt ngoài sông
Trần ai thương hại người xương trắng
Đất nước bơ vơ phận má hồng
Sự thế đã đành dâu hóa bể
Thôi thời quyết một thác cho xong

Kiều tự trẫm mình

Sao bỗng đem thân bỏ chiến tràng
Ba quân xao xác ngọn cờ hàng
Xá chi bèo bọt tôi vì nước
Thẹn với non sông thiếp phụ chàng
Cung oán nỉ non đàn bạc mệnh
Duyên may dun dủi lưới Tiền đường
Mười lăm năm ấy người trong mộng
Chẳng những là đây mới đoạn trường

Tổng vịnh truyện Kiều

Cuốn ngỏ rèm xuân trải mấy sương
Sắc tài chi lắm để làm gương
Công cha bao quản liều thân thiếp
Sự nước xui nên phụ với chàng
Cung oán nỉ non đàn bạc mệnh
Duyên may dun dủi lưới Tiền đường
Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu
Đem bắc đồng cân đáng mấy vàng

Cổ loa hữu cảm [122]

Lang quân tình trọng phụ ân thâm
Bất bạch kỳ oan trực đáo câm
Cơ trảo vô linh qui diệc khứ
Minh châu hữu lệ bạng do trầm [123]
Hoàng bi cổ thụ thiên niên quốc
Bích hải dao thiên nhất phiến tâm
Tịch mịch tiền triều cung ngoại miếu
Đỗ quyên đề đoạn nguyệt âm âm

Bản dịch bài trên của **Tiên Đàm**

Tình chàng dù nặng nghĩa cha sâu
Ôm ấp oan kia đến tận đâu
Nỏ thiếu móng thiên rùa lẩn bóng
Trai chìm đáy nước lệ hoen châu
Bia tàn cây cỗi nghìn thu hận
Bể biếc trời xa một mối sầu
Cung miếu triều xưa đây vắng ngắt
Trăng mờ khắc khoải cuốc kêu thâu

DƯƠNG KHUÊ

Ngũ - thập - ngũ tự - thọ

Năm mươi lăm tuổi hãy mừng ta
Còn bốn mươi lăm nữa đó mà
Đội đức hải sơn ngày tháng rộng
Ngẫm mình râu tóc tuyết sương pha
Cung đàn chị nguyệt dù yêu trẻ

Chén rượu làng quê vẫn kính già
Xiêm áo cũng chung nhờ lộc nước
Được riêng mạnh khỏe phúc riêng nhà

Tự vịnh

Mặc ai xe ngựa mặc ai hèo
Ngồi tựa hiên mai vắt tréo khoeo
Bầu rót rượu tiên mời bạn cũ
Tay nâng thuốc thánh chữa dân nghèo
Thơ ngâm Lương phủ người ngoài núi
Đàn gẩy Cao sơn khách ngọn đèo
Mấy thuở thái bình nay gặp lại
Vỗ tay đưa dịp tính tình cao

Đánh cờ

Hây hẩy trời xuân lúc mới trưa
Anh hùng đua chí hội mây mưa
Ngựa xe giong ruổi quân hùng hổ
Tượng sĩ nghênh ngang tướng thẩn thơ
Trên tiệc tiếng tăm lừng bốn bể
Trong quân mưu trí tót muôn kỳ
Cảnh hay trước mắt nào khôn biết
Thú vị thảnh thơi đệ nhất cờ

Tiễn sứ thần

Danh thơm lương sứ nẻo xưa còn
Cừu đái [124] nay nên tạc tấc son
Khiển quyển [125] tư ân lòng thế thái

Ân cần công nghĩa đạo tôi con
Phượng tiên [126] năm nắm niềm khuya sớm
Long tiết [127] chăm chăm trải nước non
Tế sự [128] một mai ca Tứ mẫu [129]
Công danh hai chữ vẹn vuông tròn

BÙI KỶ
Bảng Kỷ

Tự thán

Lờ đờ mắt trắng đời không bạn
Lẩn quẩn đầu xanh tuổi đã già
Sống nổi không chìm nên mến nước
Người tan muốn hợp phải lo nhà
Rạp tuồng vẫn cẩu còn đông khách
Góc túi càn khôn đủ chứa ta
Hơn kém cõi đời vinh với nhục
Nhục vinh rồi cũng hóa ra ma

PHAN CHU TRINH

Thời cảm

Gió tố mưa giông đổ lộn phèo
Trời già chi nỡ thắt khi eo
Gẫm mùi trung hiếu nên cay đắng

Giở túi văn chương đã mốc meo
Bợm điếm lăng xăng lo chợ cháy
Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo
Non cao biển rộng mênh mông cả
Mặc sức bơi chơi mặc sức chèo

Đưa bạn Trần Quý Cáp

Hoa nở mùa xuân đã muộn rồi
Rõ mừng mà hóa lại không vui
Ấm no sao bác đem lòng chán
Thù tạc nay ta cũng thóp đời
Bạn cũ vẫn khen ai tốt vận
Lũ non nào biết khách lo trời
Gió mây gặp gỡ thôi là thế
Ngán nỗi bao người tóc nhuộm vôi

Đập đá Côn Lôn

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non
Xách búa đánh tan năm bảy đống
Ra tay đập bể mấy trăm hòn
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son
Những kẻ vá trời khi lỡ bước
Gian nan nào xá sự con con

Lưu giản

Trước khi sang Pháp

Làm trai trót gánh gánh gian nan

Dám nại xa xôi bỏ giữa đàng
Coi lại chỉ còn ba tấc lưỡi
Trải qua đã nát mấy buồng gan
Tếch dương Ấn Độ nhì thiên hạ
Lên tháp Ba lê nhất thế gian
Mượn bút Tương Như đề mấy chữ
Thân này đành phó với giang san

Đèn sáp

Một thân đứng sững giữa đăng đài
Đèn sáp sanh làm phận dẻo dai
Thẳng đẳng sợi tim trong mấy tấc
Lăn tròn cái xác biết bao nguôi
Cháy đầu dốc rọi đêm tăm tối
Nóng ruột vì lo sự sáng soi
Hé cửa trách ai cho gió lọt
Canh tàn nhỏ giọt tỏ cùng ai

KHUYẾT DANH

Nguyễn Hữu Huân [130]

Hạn mã gian quan vị quốc cừu
Chỉ nhân binh bại trí thân hưu
Anh hùng mạc bả đinh du luận
Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu
Vô bố dĩ kinh hồ lỗ phách
Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu

Đương niên Tho Thủy lưu ba huyết
Long đảo thu phong khởi mộ sầu

Bài dịch của **Phan Bội Châu**

Ruổi giong vó ngựa báo thù chung
Binh bại cho nên mạng mới cùng
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ
Hơn thua sá kể với anh hùng
Nổi xung mất vía quân hồ lỗ
Quyết thác không hàng rạng núi sông
Tho thủy ngày rày pha máu đỏ
Đảo rồng hiu hắt ngọn thu phong

PHAN BỘI CHÂU

Nghĩ xem sự thế

Nghĩ xem sự thế thế nào đây
Ngoảnh lại giang sơn giọt lệ đầy
Một lũ quan dân phường lính lệ
Vài câu kinh nghĩa giấc đêm khuây
Dại chi xấu mặt cam lòng chịu
Khôn cũng tung lòng cất cánh bay
Khúc ruột gan này ai chẳng có
Có ai nghĩ đến cái văn này

Ngồi tù cảm tác [131]

Nếu chết phăng đi cái cũng hay
Còn ta ta lại nghĩ sao đây

Trời đâu có ngục chôn thần thánh
Đất há không đường ruổi gió mây
Tát cạn bể Đông chìu tấc lưỡi
Phá tan rừng Bắc vẫy đôi tay
Anh em ai nấy xin thêm gắng
Công nghiệp ngàn thu há một ngày

Mộng du thi xã [132]

Vàng khè trắng toát khác đôi bên
Thây kệ ai chê mặc tiếng khen
Sông núi lỡ làng màu lịch sự
Gió trăng chờn chợ mối nhân duyên
Chẳng long lay đến lòng son sắt
Há hổ người vì miếng bạc đen
Ba chén xong rồi ai ấy bạn
Một pho kinh Phật một cây đèn

DƯƠNG BÁ TRẠC

Bà Triệu

Khí thiêng Lô Tản [133] đúc nên người
Chẳng những trai hay gái cũng tài
Vùng vẫy non sông ba thước vú
Xông pha tên đạn một đầu voi
Thằng Ngô gan thỏ kinh đầu rụng
Cửa tướng con dòng đích chẳng sai

Thua được sự thường chi sá kể
Nữ nhi ái quốc tiếng muôn đời

Bà Phan Thị Thuấn [134]

Chàng đi theo nước thiếp theo chồng
Thiếp chết trinh mà chàng chết trung
Đến thế ân tình đôi trọn vẹn
Việc chi cười nói chẳng thung dung
Ma chay đã đủ trên trần thế
Đào đỏ thôi về dưới thủy cung
Giã họ giã hàng giã thôn xóm
Cương thường để lại với non sông

Nguyễn Văn Quyên [135]

Giữ ngựa tuy hèn cũng chúa tôi
Gan trung ngứa tiết sợ gì ai
Cường quyền chúa phải quân vô lễ
Quốc thể tôi liều bịch mấy thoi
Dùi dắng đã không tình cấp nạn
Hung hăng lại giở thói khinh người
Anh Ngô biết mặt thằng này chửa
Giữ ngựa tuy hèn cũng chúa tôi

Bà Nguyễn Thị Kim [136]

Giong ruổi quan hà lạc chúa công
Ngọn mây non bắc tịt mù trông
Bồng mao tạm lúc nương thân liễu
Kinh khuyết may sao thấy mặt rồng
Thác nghĩa đã ghi cùng sắt đá

Sống thừa còn hạn với non sông
Thôi thôi nước cũ đây là hết
Năm lạy linh tiền chứng thiếp trung

Nguyễn Cao

Trời đất chông gai hết vẫy vùng
Còn đem một chết tạ non sông
Kinh luân cuốn lại con dao bạc
Danh tiết phơi ra giọt máu hồng
Hồn nước gọi về dân Ngũ tỉnh
Tiếng thơm cùng thọ miếu Song trung
Chết mà được việc hơn bao sống
Gian hóa nên ngay nhát hóa hùng

NGUYỄN KHUYẾN
(Tam nguyên Yên Đổ)

Hỏa lò

Ngẫm xem hòn đất thế mà to
Đủ cả âm dương đúc một lò
Thế vững tam sơn chăm việc nước
Lòng thông thất khiếu sạch màu tro
Mặc người than củi đà không lụy
Sẵn khách thang trà chẳng có lo
Khắp cả bốn mùa dư kẻ quạt
Phong lưu trời đất đã dành cho

Tết phong lưu

Năm ngoái năm kia đói miệng chết
Năm nay phong lưu đã ra phết
Thóc mùa thóc chiêm hãy còn nhiều
Tiền nợ tiền công chưa trả hết
Trong nhà rộn rịp gói bánh chưng
Ngoài cửa bi bô rủ chung thịt
Ta ước gì được mãi như thế
Hễ hết tết rồi thời lại tết

Núi Non Nước

Chom chỏm trên sông đá một hòn
Nước trôi sóng vỗ biết bao mòn
Phơ đầu đã tự đời Bàn cổ [137]
Bia miệng còn đeo tiếng Trẻ con
Rừng cúc Tiền triều trơ mốc thếch
Hòn câu Thái phó tảng rêu tròn
Trải bao trăng gió xuân già giặn
Trời dẫu già nhưng núi vẫn non

Cảnh Chùa Đọi

Già yếu xa xôi bấy đến nay
Làng chơi loáng thoáng lại buồn thay
Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá
Sư cụ nằm chung với khói mây
Dặm thế ngõ đâu từng trúc ấy
Thuyền ai khách đợi bến dâu đây
Chuông chưa vắng tiếng người không biết
Trâu thả sườn non ngủ gốc cây

Mừng lão hàng thịt thượng thọ thất tuần

(Dùng toàn tiếng hàng thịt)

Nay tiết mừng ông mới bảy mươi
Cổ hi [138] chưa dễ mấy lăm người
Răng long nhưng hãy còn tinh mắt
Đầu bạc song mà chửa tắc tai
Bè bạn bầy vai kèo chén Lý
Cháu con dưới gốc múa sân Lai
Xưa nay vẫn giữ lòng chân thật
Chữ "đức giả xương" máu để đời

Mừng một ông nghè

Anh mừng cho chú đỗ ông Nghè
Chẳng đỗ thời trời cũng chẳng nghe
Ân tứ dám đâu coi rẻ rúng
Vinh quy ắt hẳn rước tùng xòe
Rượu ngon ả nọ khôn đường tránh
Hoãn đẹp nàng này khó nhẽ che
Hiển quý đến nay đà mới rõ
Rõ từ những lúc tổng chưa đe

Xuân cảm

Tuổi thêm thêm được tóc râu phờ
Nay đã năm mươi có lẻ ba
Sách vở ích gì cho buổi ấy
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già

Xuân về ngày loạn còn lơ láo
Người gặp khi cùng cũng ngất ngơ
Lẩn thẩn lấy chi đền tấc bóng
Sao còn đàn hát vẫn say sưa.

Nhân du

Nghếch mắt non sông hứng chợt đầy
Hồn chơi phơi phới đã như bay
Đìu hiu cảnh quạnh đang nên thưởng
Tý tẻo lòng trần vẫn chửa khuây
Người cũ xa xăm thương bóng chếch
Bước xưa ngất ngưởng ngại chân giầy
Phen này sắp sửa đi chơi được
Quan Án người toan gửi áo đây

Tiệc hát

Một khúc đêm khuya tiếng đã chầy
Nửa chen mặt nước nửa từng mây
Nghĩ mình vườn cũ vừa lui bước
Ngán kẻ phương trời chẳng dứt dây
Bẻ liễu thành dài thôi cũng xếp
Trồng lan ngõ tối ngát nào hay
Từ xưa mặt ngọc ai là chẳng
Chén rượu bên đèn luống tỉnh say

Chuyện cũ

Theo thầy buổi cũ hãy ngây thơ
Râu tóc bây giờ đã bạc phơ

Hơn kém cuộc này ai chủ đó
Già nua mấy kẻ bậc anh ta
Ngủ đi còn sợ chiêm bao trước
Nghĩ lại như là chuyện thuở xưa
Có rượu trung sơn cho lũ tớ
Tỉnh ra hỏi đã thái bình chưa

Xuân hứng

Nghĩ ta ta cũng sướng ru mà
Mừng thấy con ta dựng được nhà
Năm mới lệ thường thêm tuổi một
Cỗ phe ngôi đã chốc bàn ba
Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu giốc
Chữ dại đầu năm sổ túi ra
Một khóm thủy tiên năm bảy trội
Xanh xanh như sắp thập thò hoa

Nước lụt

Tị trước Tị này chục lẻ ba
Thuận dòng nước cũ lại bao la
Bóng thuyền thấp thoáng rờn trên vách
Tiếng sóng long bong lượn trước nhà
Bắc bậc người còn chờ chúa đến
Dong bè ta phải rước vua ra
Sửa sang việc nước cho yên ổn
Trời đất sinh ta ắt có ta

Than nợ

Quản chi công nợ có là bao

Nay đã nên to đến thế nào
Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi
Chục ba chục bảy tính nhiều sao
Ra đường kẻ cả dừng chân hỏi
Vào cửa người sang ngửa mặt chào
Quyết chí phen này trang trải nợ
Cho đời rõ mặt cái thằng tao

Bà già gửi thư lấy chồng

Phú đắc: *Bà già đã bảy mươi tư*
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng

Đã trót sinh ra kiếp má đào
Bảy mươi tư tuổi có là bao
Xuân xanh xấp xỉ hàm răng rụng
Ngày tháng ân cần mảnh giấy trao
Chữ nhất chi chung [130] đành đã vậy
Câu tam bất hiếu [140] nữa làm sao
May mà chim được ông chồng trẻ
Họa có xinh ra được chút nào

Con vịt

Cũng đủ lông xương cũng đủ da
Chẳng ra ngan ngỗng chẳng ra gà
Co chân vùng vẫy miền trăng bạc
Nghểnh cổ ăn chơi chốn hải hà
Đội đức càn khôn sinh trứng mãi
Nhờ lò tạo hóa nở con ra
Tiếng tuy rằng thấp gan không bé
Sấm sét ù ầm cũng chẳng xa

Già đời

Ba vua bốn chúa bảy thằng con
Thấm thoát xuân thu bảy chục tròn
Ơn nước chưa đền danh cũng hổ
Quan tài sẵn có chết thì chôn
Giang hồ lăng miếu trời đôi ngả
Bị gậy cân đai đất một hòn
Cũng muốn sống thêm mươi tuổi nữa
Sợ ông Bành tổ [141] tống đồng môn

Không chồng trông bông lông

(Lấy đề vần)

Bực gì bằng cái chực phòng không
Tơ tưởng ai chung một tấm lòng
Trên gác rồng mây ngao ngán nhẽ
Bên trời cá nước ngẩn ngơ trông
Mua vui lắm lúc cười cười gượng
Bán dại nhiều khi nói nói bông
Mới biết có chồng như có cánh
Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lông

Bởn một bà kia

Nghĩ xem đẹp nhất xã làng Và
Tiếng gọi rằng già cũng chửa già
Làn sóng liếc ngang đôi mắt phượng
Tóc mây bỏ xuống một đuôi gà
Nói năng vậm vỡ coi như thể
Đi đứng khoan thai thế cũng là

Nghe nói rằng từ từ chửa được
Đương làm dơ dở đã thôi a

Nhân sinh thích chí

Nhân sinh ba vạn sáu nghìn ngày
Thích chí cho nên lắm ngón hay
Thơ Lý [142] ngâm nga khi mở quyển
Đàn Nha [143] tình tính lúc lần dây
Đem cờ vua Thích [144] vui bè bạn
Mượn chén ông Lưu [145] học tỉnh say
Bốn cảnh phong quang cùng tuế nguyệt
Dưới đời tri kỷ mấy mươi tay

Khuyên người lấy lẽ

Này hãy nín đi hãy nín đi
Lấy chồng làm lẽ có can chi
Tôi đòi phận trước còn nhiều kẻ
Hầu hạ duyên sau chẳng một dì
Ví được sánh duyên người lịch sự
Còn hơn chính thất kẻ ngu si
Dẫu rằng cơm nguội nhà ngoài đó
Cũng đủ phong lưu chẳng thiếu gì

Cối xay

Khen con Tạo háo cũng tài thay
Khéo tạc nên hình cái cối xay
Tiếng nói ầm ầm như sấm động
Miệng cười răng rắc tựa mưa bay
Lưng đeo đai bạc trăm vành nặng

Dạ chứa lòng vàng một ngõng ngay
Lại có hai tai thông sáng cả
Gác ngoài danh lợi lắc đầu quay

Tự trào

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang
Chẳng gầy chẳng béo chỉ làng nhàng
Cờ đương dở cuộc toan lầm nước
Bạc gặp canh thua phải chạy làng
Hé miệng nói ra gàn bát sách
Mềm môi chén mãi tít cùng thang
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ
Thế cũng bia xanh cũng bảng vàng

Cắt tóc

Trải gió dầm mưa đã lắm rồi
Phen này cắt tóc để làm tôi
Trơn tru chẳng có còn ai cứ
Lông lốc tha hồ mặc mẹ bôi
Cáo lược từ đây khôn lối gỡ
Con đen thôi hẳn hết đường chui
Cũng toan tấp tểnh làm sư cụ
Nghĩ lại song mà chửa chính ngôi

Than già

Người đời thấm thoát tựa chim bay
Ông ngẫm mình ông nghĩ cũng hay
Mái tóc chòm xanh chòm lốm đốm
Hàm răng chiếc rụng chiếc lung lay

Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ
Khấp khểnh ba chân dở tỉnh say
Ông ngẫm mình ông thêm ngán nỗi
Đi đâu giờ những cối cùng chầy

Cô kia lội lụt

Con tạo ghen chi với má hồng
Mà đem nước đến vỗ tầm vông
Gió lùa cửa cống bèo man mác
Trăng tỏ buồng trai sóng phập phồng
Những sợ anh kình luồn dưới rốn
Lại lo chú chuối lộn bên hông
Quản chi điểm phấn trang hồng nữa
Cho biết nơi sâu với chốn nông

Quan tỉnh Hà Nam

Ai rằng ông dại với ông điên
Ông dại sao ông biết lấy tiền
Cậy cái bảng vàng treo nhị giáp
Nẹt thằng mặt trắng lấy tam nguyên
Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ
Phép nước xin chừa móng lợn đen
Chỉ cốt túi mình cho nặng chặt
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen

Cảnh lên lão

Ông chẳng hay ông tuổi đã già
Năm nhăm ông cũng lão đây mà
Anh em làng xóm xin mời cả

Xôi bánh trâu heo cũng gọi là
Chú Đáo bên người lên với tớ
Ông Từ xóm chợ lại cùng ta
Bây giờ đến bậc ăn dưng nhỉ
Có rượu thời ông chống gậy ra

Cảnh mùa hè

Biếng trông trời hạ nước non xưa
Ý khí ngày thường nghĩ đã trơ
Cá vượt khóm rau lên mặt nước
Bướm lên lá trúc lượn rèm thưa
Thơ Đào [146] cửa miệng đưa câu rượu
Xóm Liễu quanh khe chịu tiếng khà
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút
Sấm đông rầm rập gió nồm đưa

Dựng nhà Tế đường

Mừng ta con cái thực tài lo
Nhà dẫu không to thế cũng to
Mực thước vuông tròn sau cửa thánh
Lửa hương ngào ngạt trước làng nho
Chim oanh đường cũ đương bay nhảy
Chồi quế sân trong muốn thập thò
Con có cha như nhà có nóc
Được giờ cất nóc tớ lên cho

Túy cảm

Ngần ấy năm nay vẫn ở nhà
Nghĩ ta ta lại chỉ thương ta
Bóng hiên thềm ngán hơi đồng nhỉ

Ngọn gió không nhường tóc bạc a
Thửa mạ rạch ròi chân xấu tốt
Đấu lương đo đắn tuổi non già
Khi buồn chén rượu say không biết
Ngửa mắt lờ mờ ngọn núi xa

Thu ẩm

Năm gian lều cỏ thấp le te
Ngõ tối đêm khuya đốm lập lòe
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe
Rượu tiếng rằng hay hay chẳng mấy
Độ năm ba chén đã say nhè

Thu điếu

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối buông cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Thu Vịnh

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu
Nước biếc coi như tầng khói phủ

Song thu để mặc bóng trăng vào
Năm chùm trước giậu hoa năm ngoái
Một tiếng trên không ngỗng nước nào
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào [147]

Gửi bạn làm Đốc học

Lâu nay không gặp ngỡ xa đàng
Ai biết rằng ra giữ mõ làng
In sáo vẽ cho thằng mặt trắng
Bẻ cò tính lại cái lương vàng
Chuyện đời hãy đắp tai cài trốc
Lộc thánh đừng lừa nạc bỏ xương
Cũng muốn ra chơi chơi chửa được
Gió thu hiu hắt đượm màu sương

Tổng vịnh nàng Kiều

Kiều nhi giấc mộng bặt như cười
Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi
Số kiếp bởi đâu mà lận đận
Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi
Cành hoa vườn Thúy duyên còn bén
Ngọn nước sông Tiền nợ chửa xuôi
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi
Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi

Kiều đi thanh minh

Ví chẳng đua chơi hội Đạp thanh
Làm sao mang lấy nợ ba sinh
Kẻ còn người khuất hai hàng lệ

Trước lạ sau quen một chữ tình
Nghĩ đến suối vàng thương phận bạc
Nỡ đem lá thắm phụ xuân xanh
Trong khuôn tài sắc trời hay ghét
Trăng gió xưa nay chẳng một mình

Kiều tự bán mình

Thằng bán tơ kia giở giói ra
Làm cho bận đến cụ Viên già [148]
Muốn êm phải biện ba trăm lạng
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa
Đón khách mượn màu son phấn mụ
Bán mình chuộc lấy tội tình cha
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ
Đời trước làm quan cũng thế a

Kiều mắc Hoạn Thư

Chị Hoạn ghen tuông khéo dở đời
Cơ duyên lỏng lẻo buộc chân người
Cánh buồm mặt bể vừa êm sóng
Vó ký chân đèo bỗng đến nơi
Con ở ngẩn ngơ nhìn mặt chủ
Nhà thầy tưng hửng mất đồ chơi
Ông trời rõ khéo chua cay nhỉ
Một cuộc bày ra cũng nực cười

Một bài tập Kiều

Rõ nền phú quý bậc tài danh
Lần bước hài văn bước dặm xanh
Trên gác Quan âm mây phủ tán

Trước lầu Ngưng bích gió lay mành
Khen tài nhà ngọc thơ lưng túi
Sánh giọng quỳnh tương rượu một bình
Gặp hội trường văn xuân bảng chiếm
Làm cho đổ quán lại xiêu đình

Cô tiểu ngủ ngày

Ôm từ gối mõ ngáy khò khò
Gió lọt buồng thiền mát mẻ cô
Then cửa từ bi cài lỏng chốt
Nén hương tế độ đốt đầy lò
Cá khe lắng kệ đầu ngơ ngác
Chim núi nghe kinh cổ gật gù
Nhắn bảo chúng sinh như muốn độ
Sẽ quỳ sẽ niệm sẽ nam mô

Đưa người làm mối

Tri âm xin tỏ với tri âm
Một tỉnh tình tinh miệng lỡ lầm
Nhấp nhoáng hạt trai ngờ hổ phách
Mơ màng núc nác ngỡ vàng tâm
Bắn tin bướm nhạn hoa còn đỏ
Nghe nói vườn xuân sắc đã thâm
Nhắn nhủ bà hàng đừng đóng ghế
Bầu non kia đã phải ong châm

Tạ người cho hoa trà

(Lúc này tác giả đã lòa rồi)

Có khách cho ta một chậu trà
Đương say ta chẳng biết rằng hoa

Da mồi tóc bạc ta già nhỉ
Áo tía đai vàng bác đấy a
Mưa nhỏ những khinh phường xỏ lá
Gió to luống sợ lũ dơi già
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi
Đếch thấy hơi hương một tiếng khà

Ông nghè giấy

Cũng cờ cũng biển cũng cân đai
Cũng gọi ông Nghè có kém ai
Mảnh giấy làm nên khoa giáp bảng
Nét son điểm rõ mặt vân khôi
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ
Cái giá khoa danh ấy mới hời
Ghế tréo lọng xanh ngồi bảnh chọe
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi

* * *

Rõ chú hoa man [149] khéo vẽ trò
Bởn ông mà lại dứ thằng cu
Mày râu mặt đó chừng bao tuổi
Giấy má nhà bay đáng mấy xu
Bán tiếng mua danh thây lũ trẻ
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu
Hỏi ai muốn ước cho con cháu
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu

Chợ trời Hương Tích

Ai đi Hương Tích chợ trời đi
Chợ họp quanh năm cả bốn thì
Đổi chác người tiên cùng khách bụt

Họp hàng gió chị lại trăng dì
Yến anh chào khách nhà mây tỏa
Hoa cỏ bày hàng điếm cỏ che
Giá áo lợn tằm tiền gạo đủ
Bán mua mặc ý muốn chi chi

Nước lụt Hà Nam

Quai Mễ [150] Thanh Liêm đã lở rồi
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi
Gạo năm ba bát cơ còn kém
Thuế một hai nguyên đáng chửa đòi
Tiếng sáo ve ve chiều nước vọng
Chiếc thuyền len lỏi bóng trăng trôi
Đi đâu cũng thấy người ta nói
Mười chín năm nay lại cát bồi

Hỏi thăm nước lụt

(Gửi ông Bùi Quế)

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu [151]
Lụt lội năm nay bác ở đâu
Mấy ổ lợn con rày lớn bé
Vài gian nếp cái ngập nông sâu
Phận thua suy tính càng thêm thiệt
Tuổi cả chơi bời họa sống lâu
Em cũng chẳng no mà chẳng đói
Thung thăng chiếc lá rượu lưng bầu

Gửi bạn cố tri

(Gửi ông Bùi Quế)

Kim lan từ thuở nhỏ chơi bời
Đôi lứa như ta được mấy người
Trời hẹn ngày cho ba vạn sáu
Ta chung tuổi mới một trăm hai
Kẻ già nét bút chăm cùng trẻ
Người khỏe tay đao độ lấy đời
Từ trước bảng vàng nhà sẵn có
Chẳng qua trong bác với ngoài tôi

Tiếp bạn suông tình

Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thì đi vắng chợ thời xa
Ao sâu sóng cả khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà
Cải chửa ra cây cà chửa nụ
Bầu vừa rụng rốn mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách trầu không có
Bác đến chơi đây ta với ta

Gặp khi mất mùa

Năm nay cầy cấy vẫn chưa thua
Chiêm mất đàng chiêm mùa mất mùa
Phần thuế quan thu phần trả nợ
Nửa công đứa ở nửa thuê bò
Sớm trưa dưa muối cho qua bữa
Chợ búa trầu cau chẳng dám mua

Tần tiện thế mà sao chửa khá
Nhờ trời rồi cũng mấy gian kho

Nhất vợ nhì trời

Nghĩ chuyện trần gian cũng nực cười
Trời khôn hơn vợ vợ hơn trời
Khôn đến mẹ mày là có một
Khéo như con Tạo cũng là hai
Trời dẫu yêu vì nhưng có phận
Vợ mà vụng dại đếch ăn ai
Cớ sao vợ lại hơn trời nhỉ
Vợ chỉ hơn trời có cái trai [152]

Chơi núi Long Dội

Hai mươi năm cũ lại lên đây
Phong cảnh nhà chiền vẫn chửa khuây
Chiếc bóng lưng trời am các quạnh
Mảnh bia thuở trước bể dâu đầy
Le te nghìn xóm quanh ba mặt
Lố nhố muôn ông lấn một thầy
Nghĩ lại bực cho dòng nước chảy
Đi đâu mà chảy cả đêm ngày

Hội tây

Kìa hội thăng bình tiếng pháo reo
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo
Bà quan tênh hếch xem bơi chải
Thằng bé lom khom nghé hát chèo
Cậy sức cây đu nhiều chị dún

Tham tiền cột mỡ lắm anh leo
Khen ai khéo vẽ cho vui thế
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu

Đùa bạn làm đốc học

Ông làm đốc học mấy năm nay
Gần đó mà tôi vẫn chửa hay
Tóc bạc răng long chừng bậc cụ
Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy
Học trò ke chợ trầu dăm miếng
Khảo khóa ngày xưa quyển một chầy [153]
Bổng lộc như ông không mấy nhỉ
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương tây

Về nghỉ nhà

Tóc bạc răng long chửa đã già
Ơn vua nhờ được nghỉ về nhà
Nước non cây cỏ còn như cũ
Ghế gậy cân đai thế cũng là
Đất rộng biết thêm đường gốc sậy
Ngày rồi nghe hết chuyện la ga [153]
Ông trời để ý cho ta nhỉ
Đã trót sinh ta hẳn có ta

Lão cảm

Năm nay tớ đã bảy mươi tư
Rằng lão rằng quan tớ cũng ừ
Lúc hứng đánh thêm ba chén rượu

Khi buồn ngâm láo một câu thơ
Bạn già lớp trước nay còn mấy
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa
Thử xem mãi mãi thế này ư

Chơi núi An Lão

Mặt nước mênh mông nỗi một hòn
Núi già nhưng tiếng vẫn là non
Mảnh cây thơ thớt đầu như trọc
Ghềnh đá long lay ngắn chưa mòn
Một lá về đâu xa thăm thẳm
Nghìn làng trông xuống bé con con
Dẫu già đã hẳn hơn ta chửa
Chống gậy lên cao bước chửa chồn

Tặng bạn ra làm quan

Đầu non chân sóng những phôi pha
Túi đẫy năm nay mới gọi là
Hầu vợ mấy người con cái nhỏ
Bò bê một cặp ruộng vườn ba
Dở quan dở khách đâu mà gọi
Không tóc không râu thế chửa già
Bữa trước nghe rằng ông muốn nghỉ
Vội vàng chống gậy giục ông ra

Ngẫu hứng

Nghĩ đời mà lại chán cho đời
Co cóp làm sao được với trời

Chép miệng lớn đầu to cái dại
Phờ râu chịu đấm mất phần xôi
Được thua hơn kém lưng hồ rượu
Hay dở khen chê một trận cười
Dựa gối bên mành toan hóa bướm
Gió thu lạnh lẽo lá vàng rơi

Quốc kêu cảm hứng

Khắc khoải sầu đưa giọng lẳng lơ
Ấy hồn Thục đế [154] thác bao giờ
Năm canh máu chảy đêm hè vắng
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ
Thâu đêm ròng rã kêu ai đó
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ

Bỡn một thầy đồ

Người bảo rằng thầy yêu cháu đây
Thầy yêu mẹ cháu có ai hay
Bắc cầu câu cũ không hờ hững
Cầm kính tình xưa vẫn đắng cay
Ớ góa thế gian nào mấy mụ
Đi ve thiên hạ thiếu chi thầy
Yêu thầy cũng muốn cho thầy dạy
Dạy cháu xong rồi mẹ cháu ngay

Hỏi thăm mất cướp

Gửi ông Vũ Văn Báo

Tôi nghe kẻ cướp nó lèn ông
Nó lại lôi ông đến giữa đồng
Lấy của đánh người quân tệ nhỉ
Xương già da cọp có đau không
Bây giờ trót đã sầy da trán
Ngày trước đi đâu mất mấy lông [155]
Thôi cũng đừng nên ky cóp nữa
Kẻo mang tiếng dại với phường ngông

Bài họa gửi lại

Ông thăm tôi cũng giã ơn ông
Nó có lôi tôi đến giữa đồng
Cũng tưởng vun thu phòng lúc thiếu
Nào ngờ ky cóp lại như không
Chém cha thằng quỷ đen tai mắt
Chẳng nể ông già bạc tóc lông
Ông hỏi thăm tôi tôi biết vậy
Thương ông tuổi tác cháu thì ngông

Lý ngư bạt hổ [156]

Cá thần vùng vẫy vượt qua đăng
Được nước nào ai dám rỉ răng
Cưỡi gió giương vây lên cửa vũ [157]
Xông mây rẻ sóng động vầng trăng
Giếc cô ngứa vẩy khôn tìm lối
Trê chuối theo đuôi dễ mấy thằng

Gặp hội hóa rồng này rút ruột
Đã lên lên bổng tít bao chừng

Chợ Đồng

Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng
Năm nay chợ họp có đông không
Giở trời mưa bụi còn hơi rét
Nếm rượu trường đình được mấy ông
Hàng quán người về nghe xáo xác
Nợ nần năm trước hỏi lung tung
Dăm ba ngày nữa tin xuân tới
Pháo chúc nhà ai một tiếng đùng

Khuyên vợ cả

Ta chẳng như ai tối nguyệt hoa
Trước là ngẫm nghĩ nỗi gần xa
Lấy năm thì cũng đành ngôi chánh
Dẫu bẩy càng thêm vững việc nhà
Mọi việc trong ngoài là việc nó
Mấy con trai gái ấy cho ta
Thôi đừng nghĩ sự chi chi tá
Chẳng chữ gì hơn chữ thuận hòa

Tiễn quan Án Hà Nam

Từ khi chân hạc tót qua đèo
Lá liễu cành ngô động gió reo
Đất Bắc thơm lừng hơi phượng đậu
Trời Nam sáng vặc bóng trăng treo
Trên cung Tử liễu đàn râm rả

Dưới quận Hà nam ngục vắng teo
Đương buổi xuân hòa dâng chén biệt
Mấy hàng hoa cỏ nghé trông theo

Tặng bạn mở ty rượu

Rầy xem bác đã thỏa lòng chưa
Chớp mắt làm nên biển với cờ
Mùi thế thử chơi không chếnh choáng
Giọng tình mới nhấp chửa say sưa
Chen vòng tranh cạnh xoay đương tít
Gióng cuộc ăn chơi thế cũng vừa
Quả đất Hoài Châu tôi mới biết
Mừng ông đọc bỡn mấy câu thơ

Mừng cô Tư Hồng

Nhân dịp cô Tư Hồng là một "bậc chị trong làng má phấn" xin cho cha được sắc phong tứ phẩm văn giai, cụ Nguyễn có bài thơ và câu đối sau đây:

Giàu sang bà lớn thực trời cho
Trời lại cho bà chữ "tự do"
Áo mạng con đà ngồi mệnh phụ
Sắc rồng ông cũng mặt làng nho
Tóc sương bực lão đành không kém
Má phấn đàn em dễ dám so
Khắp cõi trời Nam đều biết tiếng
Nghìn thu cái tiếng của bà to

Bốn phẩm sắc phong hàm cụ lớn
Nghìn thu danh giá của bà to

Có tàn có tán có hương án thờ vua danh giá lẫy lừng băm sáu tỉnh.

Nào biển nào cờ nào sắc phong cho cụ chị em hồ dễ mấy lăm người.

Vào hè

Ai xui con quốc gọi vào hè
Cái nóng nung người nóng nóng ghê
Ngõ trước vườn sau um những cỏ
Vàng phai thắm nhạt ngán cho huê
Đầu cành kiếm bạn oanh xao xác
Trong tối đua bay đóm lập lòe
May được nồm nam cơn gió thổi
Đàn ta ta gảy khúc Nam nghe

TRẦN TẾ XƯƠNG

Dại khôn

Thế sự đua nhau nói dại khôn
Biết ai là dại biết ai khôn
Khôn nghề cờ bạc là khôn dại
Dại chốn văn chương ấy dại khôn
Mấy kẻ nên khôn đều có dại
Làm người có dại mới nên khôn
Cái khôn ai cũng khôn là thế
Mới biết trần gian kẻ dại khôn

Than nghèo

Cái khó theo nhau mãi thế thôi

Có ai hay chỉ một mình tôi
Bạc đầu ra miệng mà mong được
Tiền chứa vào tay đã hết rồi
Van nợ lắm khi tràn nước mắt
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi
Biết thân thuở trước đi làm quách
Chẳng ký không thông cũng cậu bồi

Chế bạn

Ông này mê gái thực là mê
Thím khách già kia cũng gớm ghê
Mới hỏi ra chừng chê bạc ít
Gần cheo toan sự trả cau về
Mấy kỳ văn khó sao làm được
Một sợi tơ hồng chẳng biết vê
Lo việc ai bằng ông phán Bát
Cũng còn nhăn nhó sự nhiêu khê

Bốn câu tam tứ ngũ lục lại đổi như sau.

Gần gũi đôi nơi nam với bắc
Kỳ kèo ba chữ thiếp làm thê
Chẳng dầy mặt phấn quan không hỏi
Không đủ phù trang gái chẳng về

Vị Hoàng hoài cổ

Nô nức đi chơi đất Vị Hoàng
Ấy nơi phong vận chốn nhiều quan
Trời xui nên vậy sông nên bãi
Người khéo xoay ra phố cả làng

Khua vỗ trống chuông chùa vẫn vắng
Xì xào tôm tép chợ gần tan
Việc làng quan lớn đi đâu cả
Chỉ thấy năm ba bác Khán bàn

Ông cử tục huyền

Một sớm ơn vua chiếm bảng vàng
Lam Kiều lối cũ lại lần sang
Câu văn Hán Tống hay ghê gớm
Quyển truyện Phan Trần thuộc cháo chan
Gỗ tốt nỡ đem trồng cột giậu
Chim khôn sao khéo đỗ nhà quan
Làng nho ai lại hơn ông nhỉ
Có lẽ ông nay sướng nhất làng

Gửi Phan Bội Châu

Mấy năm vượt biển lại trèo non
Em hỏi thăm qua bác vẫn còn
Mái tóc Giáp Thìn đà nhuốm tuyết
Điểm đầu Canh Tí chửa phai son
Vá trời gặp hội mây năm vẻ
Lấp bể ra công đất một hòn
Có phải như ai mà chẳng biết
Đang tay chống vững cột càn khôn

Buồn về đạo học

Đạo học ngày nay đã hỏng rồi
Mười người theo học chín người thôi
Cô hàng bán sách lim dim ngủ

Thầy khóa tư lương [158] nhấp nhổm ngồi
Sĩ khí rụt rè gà thấy cáo
Văn chương liều lĩnh đấm ăn xôi
Tôi đâu dám mỉa làng tôi nhỉ
Trình lại ông tiên, thứ chỉ tôi

Cảnh nghèo

Thẹn mặt nam nhi vị cái nghèo
Dở dang rắc rối lắm trò hiêu
Nhà tranh vách cỏ ba gian thấp
Gác sậy phên sài sáu bức treo
Nợ réo tiền khan vay chẳng đắt
Cơm rau áo vá đụp đường đeo
Tuy nghèo nhưng vẫn nhiều danh giá
Giàu có sau đây tất đủ điều

Giàu có sau đây tất đủ điều
Để xem thế giới lắm trò hiêu
Ông xanh có lẽ giàng chi mãi
Bà lão vô tình bỏ đến meo
Đủng đỉnh ngựa xe vênh cổ sếu
Nghênh ngang xiêm áo chuốt mình điêu
Hỏi xem thế giới ai giàu nhỉ
Nhà tớ vào ra ắt hẳn nhiều

Quan tại gia

Một ngọn đèn xanh một quyển vàng
Bốn con làm lính bố làm quan
Câu thơ câu phú sưu cùng thuế
Nghiên mực nghiên son tổng với làng

Nước quạt vừa xong con nhảy ngựa
Trống chầu chưa dứt bố lên thang
Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ
Đem chuyện trăm năm giở lại bàn

Vấn thân

Sao mãi mười năm vẫn thế ru
Rằng khôn rằng dại lại rằng ngu
Những là thương cá cho đời bạc
Nào có căm đâu đến kẻ thù
No ấm chưa qua vòng mẹ đĩ
Đỗ đành may khỏi tiếng cha cu
Phen này có dễ trời xoay lại
Thằng bé con con đã tán cù

Mùa nực mặc áo bông

Bức sốt nhưng mình cứ áo bông
Tưởng rằng ốm dậy hóa ra không
Một tuồng rách rưới con như bố
Ba chữ nghêu ngao vợ chán chồng
Đất biết bao giờ sang vận đỏ
Trời làm cho bõ lúc chơi ngông
Gần chùa gần cảnh ta tu quách
Cửa Phật quanh năm vẫn áo sồng

Đi thi

Tấp tểnh người đi tớ cũng đi
Cũng lều cũng chiếu cũng vô thi
Tiễn chân cô mất hai tiền lẻ

Sờ bụng thầy không một chữ gì
Lộc nước cũng nhờ thêm giải ngạch
Phúc nhà may được sạch tràng quy [154]
Bốn kỳ trọn vẹn thêm kỳ nữa
Á ớ u ơ ngọn bút chì

Ốm và đau mắt

Ai ốm riêng ai ốm một mình
Hỏi ai ai cũng chỉ mần thinh
Vừa đồng bạc lớn ông Lang Sán
Lại mấy hào con chú Ích Sinh
Hỏi vợ vợ còn đương chạy gạo
Gọi con con lại mải chơi đình
Muốn mù trời chẳng cho mù nhỉ
Giương mắt làm chi tuổi bạc tình

Tự trào

Lúc túng toan lên bán cả trời
Trời cười thằng bé nó hay chơi
Cho hay công nợ là như thế
Mà vẫn phong lưu suốt cả đời
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi
Còn năm ba chữ nhồi trong ruột
Khéo khéo không mà nữa cũng rơi

Tự trào

Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi
Bấm đốt hai mươi lẻ bốn rồi

Gạo cứ lệ ăn đong bữa một
Vợ quen dạ đẻ cách năm đôi
Hai khoa hương thí không đâu cả
Mấy thước vườn hoang bán sạch rồi
Trời đất ghen riêng ai mãi mãi
Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi.

Tình nghèo

Chẳng khôn cũng biết một hai điều
Chẳng chuyện gì hơn cái chuyện nghèo
Danh giá nhường này không lẽ bán
Nhân duyên đến thế hãy còn theo
Tấm lòng nhi nữ không là mấy
Bực chí anh hùng lúc túng tiêu
Có lẽ phong trần đâu thế mãi
Chôn này tình phụ chốn kia yêu

Tự trào

Ở phố Hàng Nâu có phỗng sành
Mặt thì lơ láo mắt thì nhanh
Vuốt râu nịnh vợ con bu nó
Quắc mắt khinh đời cái bộ anh
Bài bạc kiệu cờ cao nhất xứ
Rượu chè trai gái đủ tam khoanh
Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi
Cứ việc dong chơi chẳng học hành.

Chờ xem yết bảng

Mai không tên tớ tớ đi ngay

Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày
Học đã sôi cơm nhưng chửa chín
Thi không ăn ớt thế mà cay
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ
Thương đấu nhờ tay một mẹ mày
Cống hỉ mét xì đây thuộc cả
Chẳng sang Tàu tớ cũng sang Tây

Hỏng thi

I

Bụng buồn còn muốn nói năng chi
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi
Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thế có ra gì
Được gần trường ốc vùng Nam Định
Thua mãi anh em cánh Bắc Kỳ
Rõ thực nôm hay mà chữ dốt
Tám khoa chưa khỏi phạm tràng quy

II

Trách mình phận hẩm lại duyên hôi
Đỗ suốt hai trường hỏng một tôi
Tế đổi làm Cao nên sự thế
Kiện trông ra tiệp hỡi trời ôi
Mong gì nhà nước còn thi nữa
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi
Ví phỏng còn thi còn học mãi
Toi cơm tốn vải hại mà thôi.

Tự tích

Vẫn thấy người ta vẫn bảo rằng
Bảo rằng thằng cuội ở cung trăng
Cõi đời cũng lắm nơi thanh quý
Chị nguyệt dung chi đứa cục cằn
Mình tựa vào cây cây chó ỉa
Chân thò xuống giếng giếng ai ăn
Con người như thế mà như thế
Như thế thì ra nghĩ cũng xằng

Gần tết than thân

Bố ở một nơi con một nơi
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi
Văn chương ngoại hạng quan không chấm
Nhà cửa giao canh nợ phải bồi
Tin bạn hóa ra người thất thổ
Vì ai nên nỗi chịu lầm vôi
Ba mươi mốt tuổi đà bao chốc
Lặn suối trèo non đã mấy hồi.

Ngẫu hứng

Xấp xỉ ba mươi mấy tuổi đầu
Trăm năm tính dốt hẳn còn lâu
Ví dù thi đỗ làm quan lớn
Thì cũng nhỏ to cưới chị hầu
Đất nọ vẫn thường hay có chạch
Bể kia nhiều lúc cũng trồng dâu
Hôm nay rỗi rãi buồn tình nhỉ
Thử xuống Hàng Thao đập ngón chầu

Lạc đường

Một mình đứng giữa quãng trơ vơ
Có gặp ai không để đợi chờ
Nước biếc non xanh coi vắng vẻ
Kẻ đi người lại dáng bơ ngơ
Hỏi người chỉ thấy non xanh ngắt
Đợi nước càng thêm tóc bạc phơ
Đường đất xa khơi ai mách bảo
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ

Nước lụt

Thử xem một tháng mấy lần mưa
Ruộng hóa thành sông nước trắng bừa
Bát gạo Đồng Nai kinh chuyện cũ
Mái chèo Quí Tị nhớ năm xưa
Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhỉ
Tôm tép khoe mình đã sướng chưa
Đại hạn Quảng Bình năm bảy tháng
Trời không san sẻ nước cho vừa

Đại hạn

Đạo này đá nát với vàng phai
Thiên hạ mong mưa đứng lại ngồi
Ngày trước biết gì ăn với ngủ
Bây giờ lo cả nước cùng nôi
Trâu mừng ruộng nẻ cầy không được
Cá sợ ao khô vượt cả rồi
Tình cảnh nhà ai nông nỗi ấy
Quạt mo phe phẩy một mình tôi.

Trách người

Nước muốn cho trong phải đánh phèn
Cớ sao lại giữ thói bon chen
Xá chi người thế lòng xanh trắng
Chị tại thân ta vận đỏ đen
Để bụng phải đeo điều nhẹ nặng
Ỏm tai mặc quách tiếng chê khen
Làm chi vậy ấy mà lo liệu
Ai nghĩ như ai chả cũng hèn.

Than nghèo

I

Chẳng phải rằng ngu chẳng phải đần
Chỉ vì túng thiếu phải bần thần
Cũng mong giàu có thời chưa gặp
Vẫn muốn phong lưu ngộ lúc bần
Gương nọ toan soi cho đẹp mặt
Phấn kia có lẽ nỡ giồi chân
Cao dầy sao chẳng soi cho khắp
Vì nể chi mà ở chẳng cân

II

Cũng dòng tai mắt cũng đầu đen
Bởi kém giờ sinh số phận hèn
Gặp dịp may nhờ khi có của
Sa cơ vị bởi lúc không tiền
Đói no đành chịu không ai biết
Lành rách cho thơm lắm kẻ khen

Hễ hết bĩ rồi thời lại thái
Lọ là kèn cựa với bon chen

III

Vì chưng chẳng có hóa thân hèn
Hổ với anh em chúng bạn quen
Thuở trước chơi bời còn quyến luyến
Bây giờ đi lại dám mon men
Giàu sang âu yếm tình quen thuộc
Bần tiện thờ ơ dạ bạc đen
Ví khiến trong tay tiền bạc có
Nói dơi nói chuột có người khen.

Tự đắc

Ta nghĩ như ta có dại gì
Ai chơi chơi với chẳng cần chi
Kìa thơ tri kỷ đàn anh nhất
Nọ khách phòng tao bậc thứ nhì
Ăn mặc vẫn ra người thiệp thế
Giang hồ cho biết bạn tương tri
Gặp thời gặp vận nên bay nhẩy
Cho thỏa rằng sinh chẳng lỗi thì

Gái ở chùa

Con gái nhà ai dáng thị thành
Cớ chi nỡ phụ cái xuân xanh
Nhạt màu son phấn say mầu đạo
Mở cánh từ bi khép cánh tình
Miệng đọc nam vô quên chín chữ

Tay lần bồ tát phụ ba sinh
Tiếc thay thục nữ hồng nhan thế
Nỡ cắt tóc thề với quyển kinh

Thương tiếc cho ai

Thương ai mà lại tiếc cho ai
Ai thế như ai nghĩ cũng hoài
Kìa cái dã tràng xe cát bể
Mà con chim cú đỗ cành mai
Chẳng qua kiếp trước đường tu vụng
Nào chắc ba sinh với chữ bài
Non nước thề bồi thôi xí xóa
Quỷ thần nào chứng ở hai vai

Đùa bạn trong tù

Cái cách phong lưu lọ phải cầu
Bỗng đâu gặp những chuyên đâu đâu
Một ngày hai bữa cơm kề cửa
Nửa bước đi ra lính phải hầu
Trong tỉnh mấy tòa quan biết mặt
Bạn công [160] ba chữ gác trên đầu
Nhà vuông thong thả nằm chơi mát
Vùng vẫy tha hồ thế cũng âu

Vịnh cô đào

Cái thú cô đào nghĩ cũng hay
Cùng nhau dan díu mấy đêm ngày
Năm canh to nhỏ tình ma chuột
Sáu khắc mơ màng chuyện nước mây

Êm ái cung đàn chen tiếng hát
La đà kẻ tỉnh dắt người say
Thú vui chơi mãi mà không chán
Vô tận kho trời hết lại vay

Hữu cảm

Người bảo ông điên ông chẳng điên
Ông thương ông tiếc hóa ông phiền
Kẻ yêu người ghét hay gì chữ
Đứa trọng thằng khinh cũng vị tiền
Ở bể gập ghềnh cơn gió thoảng
Được voi ngỏnh ngảnh muốn đòi tiên
Khi ngồi khi khóc khi than thở
Muốn bỏ văn chương học võ biền.

Khóc vợ một ông tú quê ở Phong Châu

Quả núi Châu Phong mới bắc cầu
Thương anh về trước chị về sau
Tên đề bảng phấn ai không hám
Tiếng khóc non xanh vượn cũng sầu
Có mẹ tưởng là vui gượng lại
Không chồng ai dễ sống chi lâu
Bắc thang lên hỏi ông cầm sổ
Cao tít mù xanh ngất một màu.

Ngày xuân ngẫu hứng

Xuân từ trong ấy mới ban ra
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà

Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Om xòm trên vách bức tranh gà
Chí cha chí chát khua giày dép
Đen thủi đen thui cũng lượt là
Dám hỏi những ai nơi cố quận
Rằng xuân xuân vẫn thế ru mà

Năm mới

Khéo bảo nhau rằng mới với me
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe
Khăn là bác nọ to tầy rế
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè
Công đức tu hành sư có lọng
Xu hào rủng rỉnh mán ngồi xe
Chẳng phong lưu cũng ba ngày tết
Kiết cú như ai cũng rượu chè

Buồn đêm dài

Sực tỉnh trông ra ngỡ sáng òa
Đêm sao đêm mãi thế ru mà
Lạnh lùng bốn bể ba phần tuyết
Xao xác năm canh một tiếng gà
Chim chóc hãy còn nương cửa tổ
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa
Dù ai có muốn tìm ta đó
Đốt đuốc soi lên kẻo lẫn nhà

Nhớ người xa cách

Ta nhớ người xa cách núi sông
Người xa xa có nhớ ta không
Sao đương vui vẻ ra buồn bã
Vừa mới quen nhau đã lạ lùng
Lúc nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng
Khi riêng riêng cả đến tình chung
Tương tư chẳng lọ là mưa gió
Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng.

Hỏi thăm ông Ấm

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà
Trước nhà có miếu có cây đa
Vườn ao đất cát chừng ba thước
Nửa lá tre pheo đủ mọi tòa
Mới sáu bận sinh đà sáu cậu
Trong hai dinh ở đủ hai bà
Lưng ông mốc thếch như trăng gió
Ông được phong lưu tại nước da

Cô tây đi tu

Giựt cái mề đây ném xuống sông
Thôi thôi tôi cũng mét xì ông
Âu đành chùa đó âu đành bụt
Cũng chẳng con chi cũng chẳng chồng
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ

Ai ngờ chữ sắc hóa ra không
Tôi đây cũng muốn như cô nhỉ
Cái nợ trần duyên gỡ chửa xong.

Vay nợ sư không được

Ông bám ông ăn đứa trọc đầu
Đầu không có tóc bám vào đâu
Nghĩ mình nghiện nặng cho nên kiết
Đành hấn ăn chay mặc nó giàu
Một vốn bốn lời mong có lãi
Năm liều bảy lĩnh vẫn không câu
Thế mà không được buồn cười nhỉ
Không được thì ông lại xuống tàu.

Trời hôm

Mặt trời đã gác quãng đường xa
Lững thững non sông chửa đến nhà
Muốn bước xa chân toàn đất khách
Hỏi thăm lạ mặt những người ta
Bóng cây nghiêng ngửa coi rầu rĩ
Tiếng dế vo ve giọng thiết tha
Ngoảnh lại thử xem trời đất tý
Tối lâu lâu cũng sáng dần ra.

Tết viếng cô Ký

Cô Ký sao mà đã chết ngay
Ô hay trời chẳng nể ông Tây
Gái tơ đi lấy làm hai họ

Năm mới vừa sang được một ngày
Hàng họ khóc bằng câu đối đỏ
Ông chồng thương đến cái xe tay
Gớm gan cho những cô con gái
Còn rủ rê nhau lấy các thầy.

Đi thi gặp bạn

Kể tuổi nhà men ngoại bốn mươi
Văn men khắp khểnh học men lười
Ba năm một hội thi cơm rượu
Bốn bể nhiều anh góp nói cười
Bảng hổ bảng mai nghiêng mắt cả
Chợ Rồng chợ Bến dạo xe chơi
Văn chương chẳng thấy kêu rằng tốt
Chỉ tốt hai làng lúa mạ thôi

Nhẫn sĩ tử

Đi thi đi cử các thầy nho
Ta dặn điều này phải nhớ cho
Ra phố khăn ngang quàng lấy mặt
Vào trường quần rộng xắn lên khu
Câu văn đắc ý đừng ngui ngủi
Chén rượu mềm môi chớ gật gù
Nghe nói khoa này nghiêm cấm lắm
Đêm hôm phải sợ phép quan Cò

Hương thí tự trào

Ông trông lên bảng thấy tên ông
Ông tớp rượu vào ông nói ngông

Trên bảng năm mươi thầy cử đội
Bốn kỳ mười bảy cái ưu thông
Xướng danh tên gọi trên mình tượng
Ăn yến xem ra có thịt công
Cụ Sứ có cô con gái đẹp
Lăm le xui bố cưới làm chồng

Bảo học trò đi thi

Nhà nước còn thi hãy cứ thi
Việc gì làm chẳng rủ nhau đi
Sử đề theo sách quan Ngô Giáp
Toán pháp thêm bài hội Trí tri
Muốn sống phải chăm mài bút sắt
Cho mau chớ chậm đổ hòn chì
Đỗ đầu hết cả nhà thông ký
Phận của nhà nho có một ly

Học trò ngủ gật

Chẳng một mình tôi ngủ cạnh thầy
Con xin con kể để thầy hay
Sử kinh chưa trải mùi ngon ngọt
Trò chuyện còn nhiều nỗi đắng cay
Nước bốn nghìn năm hồn chửa tỉnh
Người hai nhăm triệu giấc còn say
Bên giường dẫu ngáy nhưng còn sợ
Thấy mõ thầy truyền phải dậy ngay

Bàn đèn thuốc phiện

Cuộc thế ăn chơi phải nghĩ nghiền
Chơi sao cho sạch thú hà yên

Tam sơn cao ngất lưng Tam đảo
Bán nguyệt xanh mờ ánh Bán thiên
Xe ngựa đã đành khi sẩn bạc
Tẩu bàn chỉ ngại lúc không tiền
Giang hồ ví biết đường tiêm tất
Soi mốc ăn chơi lối cửa quyền

Ông lão

Ông lão này xưa tính thật hiền
Bảy ba vui vẻ việc điền viên
Sách đèn học tập năm Minh mệnh
Áo mũ ăn ngồi xã Vị xuyên
Ví phỏng còn thi may cũng đỗ
Thôi thì không lụy thế là tiên
Đầu râu tóc bạc như mua được
Thầy bá nhà quê chán vạn tiền

Chế một ông Hàn

Ông đã ơn vua một chữ Hàn
Nay lành mai lỗ khéo đa đoan
Được thua hai ngả ba câu nói
Khôn dại trăm năm một tiếng đồn
Chim chuột sau này nên gắng sức
Lợn gà trước ấy đã riêng oan
Có ai lành thủng ông không biết
Còn phải mang điều với gái ngoan

Tát nước

Giấc mộng Nam Kha khép chập chờn
Giữa trời riêng một cảnh giang sơn

Cỏ cây vui mắt nằm quen ngủ
Sấm sét bên tai dạ chẳng chồn
Chênh chếch đèn trăng soi trước bóng
Hiu hiu quạt gió phẩy bên sườn
Bởi vì nỗi nước nên ra sức
Bao quản phong trần mảnh áo đơn.

Gửi cho cố nhân

Yêu nhau chẳng được lấy nhau nào
Mình nghĩ làm sao tớ nghĩ sao
Trai gái bởi chưng bà mụ nặn
Vợ chồng như thể sợi tơ trao
Xa xôi nên nỗi lòng thương nhớ
Gần gũi làm chi dạ khát khao
Muốn chắp tơ đào xe chỉ Tấn
Bắc thang lên hỏi sổ Thiên tào.

Tự thán

Trời không chớp bể chẳng mưa nguồn
Đêm nảo đêm nao tớ cũng buồn
Bối rối tình duyên cơn gió thoảng
Nhạt nhèo quang cảnh bóng trăng suông
Khăn khăn áo áo thêm rầy chuyện
Bút bút nghiên nghiên khéo giở tuồng
Ngủ quách sự đời thây kẻ thức
Chùa đâu sang sảng đã hồi chuông.

Mưa tháng bảy

Sang tuần tháng bảy tiết mưa ngâu
Nắng mãi thì mưa hẳn phải lâu
Vẹt nọ cầm canh thay trống mõ
Rồng kia phun nước xuống hoa màu
Ỳ èo trẻ học nghe không thấy
Êm ái ai nằm ngủ hẳn lên
Ông lão nhà quê tang tảng dậy
Bảo con đem đó chớ đem gầu

Bắt được đồng tiền

Đầu năm ra cửa được đồng tiền
Nào có cầu đâu được tự nhiên
Ý hẳn nhà nho sang vận đỏ
Hay là ông tạo thử người đen
Cũng toan trả nợ mua nhà lại
Hay để làm lương giúp chúa hiền
Của cải nhà vua đâu sẵn thế
Chữ đề Tự Đức hãy còn nguyên

Gửi cho cô đào

Nếu có khôn ngoan đã vợ nhờ
Dại mà nhờ vợ vợ làm ngơ
Sáng nem bữa tối đòi ăn chả
Nay kiệu ngày mai lại giở cờ
Ngồi đẫy chả hơn gì chú cuội
Nói ra thì thẹn với ông tơ
Nhắn nhe chốn ấy tìm nơi khác
Ta chẳng ra chi chớ đợi chờ.

Phòng không

Em giận rằng em chửa có chồng
Ngày năm bảy mối tối nằm không
Thiếu gì chốn nọ xêu trầu vỏ
Mà lại nơi kia tết cốm hồng
Hẩu lố khách đà ba bảy chú
Mét xì tây cũng bốn năm ông
Ép dầu ép mỡ duyên ai ép
Có mắn thì ra đã bế bồng.

Cưới người tái giá

Cái quả phù trang khéo chuyển vần
Khi thì quan lớn lúc thì dân
Nhà em thách cưới chừng hai lượt
Làng tớ thu cheo mới một lần
Thiên hạ đừng nên thương tiếc rẻ
Cô hầu có lúc vẻ vang thân
Nay mai ông ấy lên ông cụ
Ai dám trêu ông vạn thế thần

Gái góa đem mình tựa cửa quan
Nghĩ rằng quan lớn thế thì sang
Yêu con toan lấy dây tơ buộc
Kén rể thì tham cái lọng tàn
Nào có ra gì phường khố lụa
Thôi thì cũng tủi kiếp hồng nhan
Ông này ắt hẳn hay nghề sáo
Dây vũ dây văn vụng ngón đàn.

Tặng người quen

Em gửi cho anh tấm lụa đào
Phất phơ tươi tốt đẹp làm sao
Của này ý hẳn trong nhà có
Hay mượn người mua ở nước nào
May áo hẹp gì cho cái dải
Thắt lưng không ngại chẳng dầy tao
Muốn lên hỏi giá mua vài tấm
Không biết rằng cô bán thế nào

Xuân nhật tự vịnh

Sắm sửa năm nay khéo thực là
Một mâm mứt rận mới bày ra
Xanh đồng thắng lại đen rưng rức
Áo vải bò ra béo thực thà
Kẹo chú Thiều châu đâu đọ được
Bánh bà Hanh tụ cũng thua xa
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt
Lại tưới thêm vào ít nước hoa.

Mỉa một bà kia

I

Ai đấy ai ơi khéo hợm mình
Giàu thì ai trọng khó ai khinh
Thằng ngô mất gánh say câu truyện
Bác lái nghiêng thoi mắc giọng tình
Có khéo có khôn thì có của

Càng giàu càng trẻ lại càng xinh
Xuống chân lên mặt ta đây nhỉ
Chẳng biết rằng dơ dáng dại hình

II

Nước buôn như chị muốn ăn người
Chị thấy ai mua chị cũng cười
Chiều khách quá hơn nhà thổ ế
Đắt hàng như thể mớ tôm tươi
Tiền hàng kẻ thiếu mi thường đủ
Giá gạo đâu năm đấy vẫn mười
Thả quít nhiều anh móng mắm ngấu
Lên rừng mà hỏi chú đười ươi

III

Mình hỡi hơi mình thực gớm ghê
Lòng son vẫn giữ nước non thề
Giỏ trò gái góa khi còn trẻ
Ra sự chồng xa lúc chửa về
Nói nói cười cười theo tục phố
Khăn khăn áo áo giữ màu quê
Nhện còn cứ việc vương tơ mãi
Tớ chẳng như ai vẽ mặt hề.

Than thân chưa đạt

Ta chửa trang xong cái nợ ta
Lẽ đâu chịu nợ mãi ru mà
Đường con bu nó một năm một

Luống tuổi hà thày ba lẻ ba
Mở mặt quyết cho vua chúa biết
Mua danh kẻo nữa mẹ cha già
Khoa này ta học khoa sau đỗ
Chẳng những Lương Đường [161] mới thủ khoa

Trông trăng

Nào trẻ con đâu thức để trông
Kìa ông trăng mọc ở đàng đông
Nhìn lâu không biết tròn hay méo
Trông kỹ mà xem đục với trong
Lấy ảnh khắp người ai chẳng tỏ
Làm gương trên đất để soi chung
Trung thu này hẳn hơn thu trước
Chẳng biết rằng ai có biết không

Bão lụt

Người thế nào ai tỏ sự trời
Ngồi buồn trời giở cái trò chơi
Gió đông hai lượt xin không dứt
Nước lớn đôi phen lạy chẳng vơi
Nhơ bụi quét trong làng quỷ giẫy
Hôi tanh rửa sạch thói ma trơi
Cơ mầu nghĩ đến thêm buồn bã
Mới biết ông xanh khéo ghẹo đời

Hà Nam tức sự

Trúc chi từ

Hà nam danh giá nhất ông Cò
Trông thấy ai ai chẳng dám ho
Hai mái trống tung đành chịu dột
Tám giờ chuông đánh phải nằm co
Người quên mất thẻ âu trời cãi
Chó chạy ra đường có chủ lo
Ngớ ngẩn đi sia may với được
Chuyến này ất hẳn kiếm ăn to

Xuân hứng

Một ngọn đông phong sẽ thổi phào
Đông quân nhường tỏ lối ra vào
Tường mai ngõ hạnh tuy như cũ
Lá bướm cành chim đã thế nào
Tranh pháo vui xem con trẻ nọ
Tóc râu thêm sợ tuổi trời cao
Tìm xuân dễ biết xuân đâu tá
Hương khói nhà ai cũng ngạt ngào

Họa vận bài trên

Sương tuyết hây hây cũng rét phào
Gió xuân phơi phới rước xuân vào
Nhìn xem cảnh sắc đều như một
Đố biết thiều quang ở chỗ nào
Trước mặt mưa phùn chồi quế nọ
Trên đầu mây dải bóng trăng cao
Bước qua năm cũ sang năm mới
Chén rượu đồ tô hẳn ngọt ngào

Quá vui ra dại

Thua bạc nhà đi với mẹ nhà
Bệnh gì chẳng bệnh bệnh tiêm la
Quá vui đến nỗi ra người dại
Lỡ bước cho nên nhắm mắt qua
Đeo tiếng văn chương cho thế mỉa
Cực lòng cha mẹ đẻ con ra
Nam vô cứu khổ tiêu tai nạn
Nhờ lượng Quan âm Đức Phật bà

Trêu anh hàng sắt giả danh thầy đồ

Cửa nhà quê quán ở nơi mô
Không học mà sao cũng gọi đồ
Ấy hẳn người yêu mà gọi bỡn
Hay là mẹ đẻ đặt tên cho
Áo quần đính đảo trông ra cậu
Ăn nói nhẹ nhàng khác giọng Ngô
Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt
Mũi nó gồ gồ trán nó dô

Qua đình hàng Sắt đến nhà ông
Nhà tẻo tèo teo lại gác chồng
Vành sắt chất lên như thế núi
Lưỡi cày xếp đó để làm nông
Khách năm ba kẻ bì be nói
Gái một vài cô ngấp nghé trông
Có phải nhà thuê ông tậu quách
Ở đây gần chợ lại gần sông

Bỡn một ông Cử

Tên là Ba Ba

Cửa Vũ ba nghìn sóng nhảy qua
Ai ngờ mũ áo đến ba ba
Đầu như lươn đất mà không lấm
Thân tựa xà hang cũng ngó ra
Dưới nước chẳng ưa ưa trên cạn
Đất sét không ăn ăn thịt gà
Tuy rằng cổ rụt mà không ngỗng
Hễ cắn ai thì sét mới tha

Bỡn người làm mối

Việc bác không xong tôi chết ngay
Chết ngay sao nó vội vàng thay
Chết riêng có nhẽ mình anh nhỉ
Sống bận ra chi lũ chúng mày
Lấy được con hầu thì nó sướng
Để cho thiên hạ lắm thằng hay
Đứa ăn đứa ngủ đứa nào sướng
Đứa đắp chăn da đứa thịt quay.

Cười người lang chạ

Thọ kia mày có biết hay chăng
Con vợ mày kia xiết nói năng
Vợ đẹp các người không giữ được
Chồng ngu mượn đứa để chơi nhăng
Ra đường đáng giá người trinh thục
Trong dạ sao mà những gió trăng

Mới biết hồng nhan là thế thế
Trăm năm trăm tuổi lại trăm thằng.

Giễu bạn ở tù ra

Thôi thôi xin kiếu cái nhà pha
Có nẻo vào chơi có nẻo ra
Đêm ngủ rộng chân không vắng nguyệt
Ngày chơi nhẹ cổ tựa đeo hoa
Cha ôi ra đứa khua hồi một
Gõ cốc thây thằng điểm dịp ba
Đường rộng thanh vân vô nhẹ bước
Đã thanh việc nước lại yên nhà

Chồng bị tù

Sự chàng thiếp nghĩ quá thương vay
Cơn cớ làm sao đến nỗi này
Bỗng chốc xui nên cơn vạ gió
Vì đâu mà phải cái tai bay
Nhác xa một bước như nghìn dặm
Thương nhớ ba thu khác một ngày
Hễ có lòng lành trời chẳng phụ
Năm xung tháng hạn của đi thay

Lấy lẽ

Cha kiếp sinh phận má hồng
Khéo thay một nỗi lấy chung chồng
Mười đêm chị giữ mười đêm cả

Suốt tháng em nằm suốt tháng không
Hầu hạ đã cam phần cát lũy
Nhặt khoan còn ỏi tiếng Hà Đông
Ai về nhắn bảo đàn em nhé
Có ế thì tu chớ chớ chung

Lấy lẽ thứ tư

Những trách cô mình tính lẳng lơ
Làm hai chẳng muốn muốn làm tư
Say đường buôn bán nên không lãi
Tính chuyện trăng hoa phải mắc lừa
Ấy bởi lầm về anh bợm gốc
Thôi đừng trách lẫn tại ông tơ
Lời này nhắn bảo người son phấn
Nghĩ mối sầu kia đã biết chưa

Cô hầu

Chỉ trách người sao chẳng trách mình
Mình trung đâu đấy trách người trinh
Áo dầy cơm nặng bao nhiêu đức
Chiếu cạnh màn bên mấy hột tình
Tơ tóc nỗi riêng thì xét nét
Giang sơn nghĩa cả nỡ mần thinh
Cổ cong mặt lệnh người đâu thế
Cái cóc bôi vôi khéo dại hình

Ông lão ve gái

Hỏi lão đâu ta lão ở Liêm
Trông ra bóng dáng đà hom hem

Lắng tai non nước nghe chừng nặng
Chớp mắt trăng hoa giả cách nhèm
Cũng đã sư mô cùng lũ trẻ
Lại còn tấp tểnh với đàn em
Xuân thu ướm hỏi đà bao tá
Cái miếng phong tình vẫn chửa khem.

Cô đào mang thai

Trăm năm đã chắc có duyên trời
Chưa cưới nhưng mà hãy đẻ chơi
Gối điệp dẫu chưa dành phận thiếp
Mộng hùng nay đã đẹp lòng ai
Ông tơ đang gỡ manh dây rối
Bà mụ lần trao nắm bột rời
Cái sự chi thường thì đã vậy
Chiều chồng nên trước chị em ơi

Đang ốm nghe vợ khấn cầu

Im ỉm thâu đêm lại thẳng ngày
Bệnh đâu có bệnh lạ lùng thay
Thuốc thang nghĩ lại chua và đắng
Đường mật xem ra ngọt với cay
Lắm bệnh bạn bè đi lại ít
Nặng lòng họ mạc hỏi han đầy
Chỉ bền một nén tâm hương nguyện
Thuốc thánh bùa tiên ắt chẳng chầy

Gửi tình nhân

Vướng vít tơ vương biết mấy vòng
Mối tình này quyết gỡ cho xong
Vẻ người thanh lịch khi đưa mắt
Câu chuyện phong tao lúc tỏ lòng
Bình tước mặc tranh treo trước án [162]
Cầu ô sẵn dịp bắc ngang sông [163]
Sắc tài đôi lứa nên dan díu
Dan díu thì xin chớ ngại ngùng

Thấp thoáng xa trông đám cúc tần
Thênh thang đường rộng bước thanh vân
Cỏ hoa hớn hở khoe màu lạ
Mai liễu rườm rà đượm vẻ xuân
Bên miếu nhởn nhơ người thục nữ
Trên cầu gặp gỡ khách văn nhân
Gác Đằng [164] mượn gió đưa xuân lại
Tần Tấn đôi nơi rút lại gần

Cười mình

Chẳng phải quan mà chẳng phải dân
Ngơ ngơ ngẩn ngẩn hóa ra đần
Hầu con chè rượu ngày sai vặt
Lương vợ ngô khoai tháng phát dần
Có lúc vểnh râu vai phụ lão
Cũng khi lên mặt dáng văn nhân
Sống lâu lâu để làm gì nhỉ
Lâu để mà xem cuộc chuyển vần.

Rượu say

Đời này thức tỉnh những ai đây
Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say
Buồn ruột cho nên men phải nhấp
Đỡ mồm nào biết giọng là cay
Bạn cùng quỷ dẫy chi cho bận
Vui với ma men thế cũng hay
Ngất ngưởng hai tay vơ đũa chén
Đố ai đã được cái say này

Đi xa dạy học

Tôi đi khắp cả bốn phương trời
Đố ai thiết trướng được bằng tôi
Không thèm thuốc lá không thèm rượu
Có cả hòn son có cả roi
Mô phạm tiên sinh quần dính đít
Bô xu tiểu tử khố cong bòi
Thôi thôi tươm chán còn gì nữa
Đem cái xuân đi cũng đủ mùi

Vịnh đùa

Ngồi nhà ả đào

Bước phải cô đào mới tẻo teo
Rác tai đà lắm sự ỳ èo
Cầm kỳ thi tửu vui ra phá
Điền sản tư cơ mấy cũng nghèo
Bạn ác không vay mà thúc lãi
Thói thành dầu lịch cũng màng keo
Thôi thôi xin kiếu cô từ đấy
Chiều đãi thì tôi cũng váo đèo

Nhớ mỹ nhân

Bao giờ lại có khách sang đây
Nhắn hỏi người kia với truyện này
Mặt phấn bùn rày nhem nhuốc hắn
Mày xanh sương nhuộm ngẩn ngơ thay
Mở xem đài kính tuôn dòng nước
Trông lại lầu trang cách đám mây
Ta vẫn nhớ người thì nhớ vậy
Cánh đâu mà chắp để xa bay

Xuân tình

Tài tử giai nhân chữ hảo cầu
Tình xui nên nặng nghĩa nên sâu
Giang tay trỏ nguyệt bên bờ liễu
Đối bóng thề hoa trước cửa lầu
Trở gót buồng loan chung gối phượng
Cho gương cung quế dõi rèm châu
Liễu hoa gặp hội xuân đương mãn
Tài tử giai nhân vốn hảo cầu

Hỏi trăng hỏi nước

Trên trăng dưới nước giữa thì ta
Thử nhận nhau xem cũng một nhà
Nước đã mấy con con nước lớn
Trăng bao nhiêu tuổi tuổi trăng già
Tròn tròn khuyết khuyết sao mà thế
Xuống xuống lên lên mãi thế a
Hỏi mãi cớ sao mà chẳng nói
Có chăng ta biết một mình ta

Chinh phụ

Lòng sông dãi nguyệt bóng chênh chênh
Biết ngỏ cùng ai để tự tình
Ngơ ngẩn dạ tằm tơ rối khúc
Vẩn vơ hồn bướm suốt năm canh
Sa trường chốn ấy chàng nghìn dặm
Chiếc lẻ riêng đây thiếp một mình
Nhà cửa sự tình bao xiết kể
Xa đưa mượn hạn nhắn Tây thành

Vịnh tết Trung thu

Tết này tục gọi tết chơi trăng
Có phải hay không hỡi chị Hằng
Trên cỗ ngư ông ngồi chễm chện
Ngoài đường sư tử chạy lăng quăng
Ơ vui vẻ nhỉ đàn con nít
Khéo lẳng lơ chi lũ gái măng
Có lẽ người vui ta chịu tẻ
Cũng chè chén khuếch cũng chơi nhăng

Không vay mà phải trả

Nợ mướn van thay cũng chẳng xong
Không vay mà trả một trăm đồng
Kìa người ăn ốc đà khôn chửa
Để tớ đền gà có hại không
Nào cứ bao nhiêu liền khúc ruột
Thôi đừng đeo đuổi phất chân lông
Kìa câu đói ngủ gương còn đó
Xin chớ như ai chết cả ông

Cười một nhà nho

Thầy thầy tớ tớ phố xênh xang
Thoạt nhác trông ta ngỡ cóc vàng
Kiện hết sở Tuần vô sở Sứ
Khi thì thầy số lúc thầy lang
Công nợ bớp bơ hình chúa Chổm
Phong lưu đài các giống ông Hoàng
Phong lưu như thế phong lưu mãi
Điếu ống xe dài độ mấy gang

Lên đồng

Khen ai khéo vẽ sự lên đồng
Một lúc lên ngay sáu bảy ông
Sát quỷ ông dùng thanh kiếm gỗ
Ra oai bà giắt cái khăn hồng
Cô giương tay ấn tan tành núi
Cậu chỉ ngọn cờ cạn dốc sông
Đồng giỏi sao đồng không giúp nước
Hay là đồng sợ súng thần công

Cháu khóc cô

Người có cô sao cháu không cô
Nắng phơi nước mắt dễ hầu khô
Xác xơ lông cánh con chim Việt
Nung nấu lòng son vó ngựa Hồ
Phận gái xa xôi nông bể ái
Nỗi nhà báo đáp chất sông Tô

Từ đây trăm sự ơn nhờ bác
Người có cô sao cháu không cô

Người xinh cái bóng cũng xinh

Phú Đắc

Người kia với bóng khéo vừa đôi
Bóng có xinh ru cũng tại người
Dưới gốc mai già đành có một
Bên chòm trúc góa hẳn không hai
Mảnh gương kim cổ soi Tư mã
Vầng nguyệt ba thu ấn Bạch đài
Trở lại thử coi chuông mới đúc
Bên thành ai đấm cửa nhà ai

Bởn quan Phó bảng

Tri huyện lâu nay giá rẻ mà
Ví vào tay tớ quyết không tha
An sơn tông giống người keo thực
Bồ thủy xưa nay của kiết a
Đất Nhị dễ thường lươn rúc ở
Lửa Hồng nên phải chuột đùn ra
Ông mà giữ tính kiêu kì mãi
Huấn đạo nguyên ông Huấn đạo già

Cái đất Vị hoàng

Có đất nào như đất ấy không
Phố phường tiếp giáp với bờ sông

Nhà kia lỗi phép con khinh bố
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng
Keo cú người đâu như cứt sắt
Tham lam chuyện thở những hơi đồng
Bắc nam hỏi khắp bao nhiêu tỉnh
Có đất nào như đất ấy không

Khen vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi nấng đàn con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông
Một duyên hai nợ thôi đành phận
Năm nắng mười mưa dám quản công
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc
Có chồng hờ hững cũng như không

Mừng nghị viên

Nghị viên há phải chuyện con con
Nước có quyền dân nước mới còn
Được lúc mở mồm nên rức óc
Dù ai bóp bẹt cũng vê tròn
Thay mười tám triệu người ăn nói
Mở bốn nghìn năm mặt nước non
Hy chúc [165] duy tân hai chữ mới
Đừng như xôi thịt lũ quan hòn

Lo xa

Năm canh thức suốt cả năm canh
Nghĩ chuyện xa xa giật nẩy mình
Con chữ không coi mờ tịt mít
Giống người có lẽ sạch sành sanh
Núi non đào của lâu dần đổ
Sông núi khai đường mãi cũng vênh
Quả đất vùng ra rồi cháy mất
Sao cờ nghe đã cháy chung quanh

Khoa thi

Nhà nước ba năm mở một khoa
Trường Nam thi lẫn với trường Hà
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ
Ậm ọe quan trường miệng thét loa
Xe kéo rợp trời quan Sứ đến
Váy lê quét đất mụ đầm ra
Sao không nghĩ đến điều tu sỉ
Ngảnh cổ mà xem lại nước nhà

Đèn chạy quân

Tiến thầm chẳng biết hẳn vây ai
Bốn mặt vây quanh kéo đại dài
Nút nhạc ngựa ô phi nước đại
Ngậm tăm quân đội kéo hàng hai
Hẳn rằng chúng nó cùng quên chết
Nên chẳng thằng mô chịu tháo lui
Động địa chừng còn chờ tướng lệnh
Cờ chưa dám phất trống chưa hồi

KHUYẾT DANH

Hoa cúc

Thanh thu cảnh chiếm thú điền viên
Cúc não người thay vẻ lạ nhìn
Mành lọt gió đưa hương nức cửa
Trạo kề trăng dãi ngọc lồng hiên
Cành phô gấm dệt hoa cao thấp
Đóa dãi vàng thưa nụ dưới trên
Tình khách nức xông đào với mận
Xinh xinh sắc cúc đậm đà duyên

Đọc ngược

Duyên đà đậm cúc sắc xinh xinh
Mận với đào xông nức khách tình
Trên dưới nụ thưa vàng dãi đóa
Thấp cao hoa dệt gấm phô cành
Hiên lồng ngọc dãi trăng kề trạo
Cửa nức hương đưa gió lọt mành
Nhìn lạ vẻ thay người não cúc
Viên điền thú chiếm cảnh thu thanh

Tức cảnh

Tình cảnh ấy nước non này
Dẫu không bồng đảo cũng tiên đây
Hành sơn điểm mực đôi hàng nhạn
Thứu lĩnh đen trùm một thức mây
Lấp ló đầu non vừng nguyệt chếch

Phất phơ sườn núi lá thu bay
Hỡi người quân tử đi đâu đó
Đến cảnh sao mà đứng lượm tay

Dứt lục [166]

Thế sự nhìn xem rối cuộc cờ
Càng nhìn càng ngắm lại càng dơ
Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa
Chu tử ngán mùi nên vải ấm
Đỉnh chung lợm giọng hóa chay ưa
Lên đàn cứu khổ toan quay lại
Bể ái trông ra nước đục lờ

Tát nước

Giấc mộng Nam Kha [167] khéo chập chờn
Giữa trời riêng một cảnh giang sơn
Cỏ cây vui mắt nằm quên ngủ
Sấm sét bên tai đứng chẳng chồn
Chênh chếch đèn trăng soi trước bóng
Hiu hiu quạt gió phẩy bên sườn
Bởi vì nỗi nước nên ra sức
Bao quản phong trần mảnh áo đơn

Hồ Hoàn Kiếm

Bóng tháp lô nhô lớp sóng cồn
Dịp cầu nho nhỏ ghếch sườn non
Nước trong chưa vẩn tăm thần kiếm
Đường rộng còn trơ dấu pháp môn

Kim cổ treo chung tranh thủy mặc
Tang thương chớp nhoáng bóng hoàng hôn
Nghìn thu suy thịnh gương còn đó
Coi thử vầng trăng khuyết lại tròn

Đau bụng

Vô sự mình đây thường khỏe khoắn
Nghĩ thương thiên-hạ đau quắn quặn
Suýt soa vũ trụ ruột gừng cay
Trằn trọc sơn hà vỏ đỗ quấn
Thuốc uống không lo đã có thầy
Cơm ăn xin cố đừng đâm bẳn
Nhờ ơn thiên địa giải dần dần
Tháo hết quần chùng thôi đã ngoẳn

Gái hồng nhan

Thấy gái hồng nhan bỗng chốc mà
Hỏi thăm cô ấy chửa hay đà
Hình dung yểu điệu in như thể
Diện mạo phương phi ngó tưởng là
Ăn mặc ra tuồng người ở chốn
Nói năng phải lẽ giống con nhà
Ước gì ta được mà ta để
Ta để đem về để nữa ta

Khuyên học

Khoa mục triều đình mở rộng thay
Khuyên con cố chí học cho hay

Cơm ngày ba bữa cho cày cấy
Áo mặc tư mùa mẹ vá may
Câu phú câu thơ ngâm để dạ
Sách kinh sách sử mở liền tay
Một mai chiếm bảng khôi thiên hạ
Rạng mặt song thân đẹp mặt thày

Học trò ngủ gật

Trò trẹt gì bay học cạnh thầy
Gật gà gật gưỡng bật cười thay
Giọng khê nằng nặc không ra tiếng
Mắt lại lim dim rắp đã cay
Đồng nổi đâu đây la liệt đảo
Ma men chi đấy tít mù say
Dễ chừng bắt chước chu y [168] đó
Quyển có câu thần vậy gật ngay

Cung oán

Nguyệt lão ghen chi với má hồng
Triện tàn [169] vắng vẻ chốn phòng không
Canh khuya nửa gối trùng eo óc
Xuân khóa đầy song nguyệt lạnh lùng
Buồn gợi đèn tàn trơ bóng dáng
Biếng soi gương sáng sửa bông vàng
Mảnh tình u uất khôn bày tỏ
Vấy khắp câu lơn giọt lệ trong

Hỏi muỗi

Hỡi muỗi mày sinh giáp tí nào
Bay cao bay bổng mặc tiêu dao
Ngày thời đủng đỉnh chơi màn thắm
Tối lại vo ve ấp má đào
Ghẹo khách anh hùng cơn thức tỉnh
Trêu người thục nữ lúc chiêm bao
Tiếng vang thiên hạ người kinh sợ
Cung quế phòng tiêu tỏ lối vào

Mảnh sành

Sẩy tay một phút hóa tan tành
Thiên hạ còn kêu tiếng sỏi sành
Sắc lẻm đường gươmg người gớm mặt
Rán sao ra mỡ [170] chúng hay danh
Ghê phen sấp cật nằm trên cát
Có thuở làm chông đứng trước thành
Chuông khánh miếu đường chưa đám sánh [171]
Gõ nghe cũng có giọng canh canh

Than đời

Mối tơ ai gỡ lúc này xong
Một dải trời Nam biết mấy trùng
Kẻ ứa gan chung giương mắt ngó
Người liều dạ sắt múa tay không
Đành bầy trung nghĩa theo tro bụi
Hoài của giang san trút biển sông
Ơn nước nợ nhà đành có thuở
Biết bao chờ đợi biết bao trông

Than nước lụt

Ôi mưa đòi trận gió đòi hồi
Ngoảnh thấy giang sơn ngập cả rồi
Lũ kiến bất tài muôn khóm giạt
Cánh bèo vô dụng mấy bè trôi
Le the rừng rậm nghe chim hót
Ngất ngưởng giường trên thấy chó ngồi
Nỡ để muôn dân chìm đắm mãi
Còn ai trị thủy nữa hay thôi

Núi hùm

Cỏ cây một đám rậm um tùm
Vết đá trông xa ngỡ lốt hùm
Gió thốc miệng hang gầm buổi sớm
Mây vầng chân núi nép chiều hôm
Mạch long áp đất dừng chân đứng
Bóng thỏ lưng trời liếc mắt nom
Nghe nói giống thiêng ta bởn thử
Trèo lên lưng cưỡi hẳn không chồm

Đền Ngọc Sơn

Linh uy nổi tiếng thực là đây
Nước chắn hoa rào một khóa mây
Xanh biếc nước soi hồ lộn bóng
Tím bầm rêu mọc đá tròn xoay
Canh tàn lúc đánh chuông ầm tiếng
Khách vắng khi đưa xạ ngát bay
Thành thị tiếng vang đồn cảnh thắng
Rành rành nọ bút với nghiên này

Đọc ngược

Này nghiên với bút nọ rành rành
Thắng cảnh đồn vang tiếng thị thành
Bay ngát xạ đưa khi vắng khách
Tiếng ầm chuông đánh lúc tàn canh
Xoay tròn đá mọc rêu bầm tím
Bóng lộn hồ soi nước biếc xanh
Mây khóa một rào hoa chắn nước
Đây là thực tiếng nổi uy linh

Hán đế khuyên nhủ Chiêu Quân [172]

Hán Hồ vẫn muốn vẹn trăm đường
Há trẫm riêng tây có phụ nường
Bắc quốc tuy rằng ngoài dị tục
Vương đình song cũng một biên phương
Ở đây hạnh thắm nên mai nhạt
Về đấy sen tàn lỗi cỏ hương
Hơn thiệt thôi đừng ai oán nữa
Bõ ngày áo gấm lại hoàn lương

Chiêu Quân vào chầu Hán Đế [173]

Từ nan khôn chối lệnh quân vương
Dõi dõi thêm đau nỗi đoạn trường
Khúm núm khấu đầu ngoài bệ ngọc
Thẹn thùng ra mặt trước nhà vàng
Mặt hoa rười rượi chiều đeo tuyết
Mày liễu rầu rầu dáng ủ sương
Hang thẳm phen này xuân nỡ phụ
Lòng quỳ không biết ngóng về dương

Cậy chi nghề

Mỗi câu có một tên thú vật

Có nghề những chắc cậy chi *nghề*
Chẳng hóa ra nghề lại hóa *nghê*
Vạn sự bất như danh cũng *hổ*
Nhất văn vô hữu [174] nợ con *bê*
Ngựa xe những rắp phô trò *mã*
Võng giá làm chi khéo ướt *sề*
Dò ngược dò xuôi chi rách *gấu*
Thà rằng ngồi tót vuốt râu *dê*

Nhớ cô đào

Thân thế trăm năm một cuộc cờ
Tao phùng dễ mấy hội mây mưa
Mặt đường quan tái người đi lại
Đầu ngựa tang bồng kẻ đón đưa
Ngán phận bềnh bồng như chẽnh mảng
Quen mùi chung đỉnh những say sưa
Trách thay con tạo ghen chi nữa
Nỡ để duyên kia những đợi chờ

Chửa hoang

Ai về nhắn bảo việc này cho
Nhắn bảo cho rằng việc nhỡ to
Chép miệng bà nuôi to cái dạ
Phờ râu ông rể ẫm con so
Cắm sâu sào quá nên thêm khó
Néo riết dây vào hóa phải lo

Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ
Tử quy thắt lại một con cò

Tết suông

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo
Tiền bạc trong kho chửa lĩnh tiêu
Rượu cúc nhấn đem hàng biếng quẩy
Chè sen mượn hỏi giá còn kiêu
Bánh đường sắp gói e nồm chảy
Giò lụa toan làm sợ nắng thiu
Thôi thế thì thôi đành tết khác
Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo

Hai ả lên đồng

Chẳng khốn gì hơn cái nợ chồng
Thà rằng bạn quách với sư xong
Một thằng trọc tếch ngồi khua mõ
Hai ả tròn xoe đứng múa bông
Thấp thoáng dưới đèn len bóng cậu
Thướt tha trước án nguýt sư ông
Chị em thỏ thẻ đêm khuya vắng
Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng

Gửi về quê thăm vợ

Con tạo ghen ai những quấy rầy
Quan hà muôn dặm kẻ riêng tây
Gương thiềm ngắm bóng năm hầu nửa
Thư nhạn trông tin tháng đã đầy
Xuân vắng vườn đào màu phấn nhạt

Thu qua bờ liễu vóc sương gầy
Chung tình hai chữ khen ai đặt
Một giấc phần du [172] tỉnh lại say

Vũng Bình Than

Một vũng Bình Than vạnh vạnh tròn
Bốn mùa nước chảy chẳng hơ mòn
Le te vó cất bên kia suối
Thủng thẳng chài buông mái nọ non
Cắm đỗ đầu ghềnh sào một cột
Lênh đênh mặt nước đá hai hòn
Ngư ông chèo khiến khoan rồi nhặt
Thủng thẳng chèo lên đã dựng con

Đề núi Lã Vọng

I

Ông xuống chi đây mới lạ đời
Hay là ông xuống thử trần chơi
Mình chen trời đất so gan đá
Bạn với non sông giả kiếp người
Nhật nguyệt hai vầng soi trước mặt
Càn khôn một gánh sẵn hai vai
Có ai hỏi lão đà bao tuổi
Từ thuở ta ra đã có trời

II

Lão được như ông mấy lão sù
Biếng đường danh lợi chẳng bôn xu

Vững cùng trời đất đầy niên kỷ
Bền với non sông dãi phát phu [176]
Chốn ẩn chẳng màng đôi Hứa Phủ [177]
Cuộc cờ từng trải mấy Thương Chu
Có ai hỏi lão đà bao tuổi
Kể tự hồng mông [178] trải mấy thu

Vịnh bà Phan Thị Thuấn

Trẫm mình theo chồng ở sông Thúy Ái

Mặc ai chê trách mặc ai cười
Dạ đá gan vang sẽ sẽ nguôi
Chín suối cũng tìm cho thấy mặt
Trăm năm trót hẹn dám sai lời
Riêng nhau mà nước đường đôi nẻo
Chung lại non sông mả một ngôi
Thúy Ái nghìn đời dòng nước biếc
Làm gương cho khách thế gian coi

II

Giọt lệ đôi hàng tưởng mấy thăng
Sầu đong muôn hộc gạt cho bằng
Nào hay gái Việt anh hùng thế
Muốn để thày Ngô sợ hãi chăng
Những kẻ trông sau giương bốn mắt
Mấy người cười trước hở mười răng
Xanh xanh Thúy Ái vầng trăng bạc
Soi xuống lòng sông suốt mấy trùng

Thăng Long hoài cổ

Chạm ngất tầng mây một ngọn cờ
Kinh thành ngày trước tỉnh bây giờ
Tượng đồng Trấn võ hơi còn ngát
Bia đá Hoa văn nét chửa mờ
Tháp Bảo lơ thơ chùm cỏ mới
Doành Tô lai láng bóng trăng xưa
Gặp ai cố lão ra đây hỏi
Chốn cũ phồn hoa đã phải chưa

Than thời loạn

Lửa hồng từ dậy mái thành đô
Đòi chốn lầm than thuở được thua
Xanh biếc thú vui người ẩn dật
Bạc đen đường vẩn khách bôn xu
Suy lường hỡi hỡi đau lòng trí
Tính quẩn trần trần nát dạ ngu
Mong tới Vị Xuyên mà hỏi Lã [179]
Đời Thương xưa cũng thế này ru

Tự đắc

Chữ chẳng xin ai gạo chẳng vay
Trời Nam ngất ngưởng một thằng này
Thơ thần ít vận ngâm rồi đọc
Rượu thánh vài chung tỉnh lại say
Hầu gái một hai cô buổi tối
Tớ trai ba bốn cậu ban ngày
Hỏi ai hơn thế thì ra học
Chữ chẳng xin ai gạo chẳng vay

Cảnh ông Giáo thụ

Bốn bề nhà giáo vắng teo teo
Quan giáo ăn xong lại ngủ khoèo
Một mụ vú già đi xốc xếch
Hai thằng lính xác đứng leo khoeo
Khách vào đãi rượu bầu hôi rích
Quan tới pha trà ấm mốc meo
Bà giáo xin về buôn bán đỡ
Bao giờ phủ huyện lại xin theo

Gửi tình nhân

Rắp hỏi chơi đây những thẹn thùng
Chữ tình ai nỡ dứt cho xong
Những người trong cuộc nhiều người lạ
Mà của trên đời vốn của chung
Duyên phận ngán thay thân yểu điệu
Tài hoa gầy cả mặt anh hùng
Này thơ ai tặng ai ai đó
Gặp gỡ rồi ra họa có không

Chơi Tây Hồ nhớ bạn

Phong cảnh Tây hồ chẳng khác xưa
Người đồng chu [180] trước biết bao xa
Nhật Tân đê lở nhưng còn lối
Trấn Bắc rêu phong vẫn ngấn thơ
Nọ vực trâu vàng trăng nhạt bóng
Kia non phượng đất khói tuôn mờ
Hồ kia thăm thẳm sâu nhường mấy
So dạ hoài nhân dễ chửa vừa

Cái Cẳng đánh nhau

Sự này cơn cớ bởi vì đâu
Cái Cẳng sao mày bỗng đánh nhau
Giật gậy bà Chằng phang dưới gối
Giơ chầy ông Hễnh choảng trên đầu
Cha Căng mất vía bon đi trước
Chú Kiết kinh hồn lẩn lại sau
Một chốc cớ sao mưa lại tạnh
Sự này phải hỏi chú bồ câu

Chở thuyền chơi trăng

Hà Đông một dải nước trong veo
Lững thững thuyền tình chở nặng chèo
Gợn sóng nhấp nhô tăm cá lội
In dòng chấp chới mảnh trăng treo
Muốn trôi thơ lá mà than thở
Phải mượn tin băng để dập dìu
Cây cối thêm buồn lòng nước cũ
Ái ân lạnh lẽo biết bao nhiêu

Cảnh gõ đầu trẻ

Buổi học xong rồi cảnh vắng teo
Đứng lên ngồi xuống lại nằm mèo
Miệng thèm sờ rượu be hôi dích
Giọng khát tìm trà lọ mốc meo
Trầu một vài tuần nhai bỏm bẻm
Thuốc dăm ba điếu hút phì phèo
Ai về nhắn nhủ cô bay biết
Cùng chẳng phong lưu cũng chẳng nghèo

Vua Hán Cao Tổ

Mình bảy mươi hai cái nốt ruồi
Gươm thiêng ba thước tuốt cầm chuôi
Trông sang Hàm Cốc hươu co cổ [181]
Ngảnh lại Ô Giang khỉ cúp đuôi [182]
Bái tướng chẳng nề anh xách giỏ [183]
Phong hầu còn nhớ chị cào muôi [184]
Bốn trăm Hán nghiệp sao dài mấy
Quá Lỗ vì chưng chén đãi bôi [185]

Hưu quan lục thập tự thọ

Rằng nay là phải hẳn xưa nhầm
Xe ngựa đường xa cát bụi lầm
Ba luống cúc tòng nhờ quả phúc
Sáu mươi mày tóc chửa hoa râm
Hầu non bốn chị sinh năm một
Bạn cũ mười anh chết đến năm
Lộc nước còn nhiều hưu bổng dưỡng
Muốn như Bành tổ tám trăm năm

Đề truyện Thị Kính

Động phòng thôi đã đến tăng phòng
Người ở thiên phương bái phật phương
Chồng cũ mong nàng đầu nhuốm trắng
Con nuôi gọi bố miệng hoe vàng
Ba sinh ân ái hai hàng lệ
Chín đợi từ bi một nén hương
Trần mộng tỉnh ra thân thiếp đó
Mảnh thư xin giãi để làm gương

Món nợ giai nhân nặng khối sầu
Những người mắt tục biết chăng đâu
Trái duyên bạn lứa thương chàng Thiện
Gieo vạ thày tăng oán thị Mầu
Hồn bướm mơ màng nghìn dặm một
Nghĩa vò chăm chút sáu năm thâu
Tấm thân đã hóa thư còn để
Nhắn khách thiền quan [186] dễ khéo tu

Ghẹo cô sư

Nhân bước nhàn du tới cửa chiền
Hỏi người quy phật đã bao niên
Tóc tơ sao nỡ hoài đưa kéo
Má phấn can gì để phụ duyên
Chín kiếp những toan ngồi bệ ngọc
Mười đời dễ được ngự tòa sen
Thôi thì nghĩ lại Châu Trần đó
Trả quách cà sa nối bút nghiên

Chơi chùa

Mây tan mưa tạnh liễu xanh om
Qua mái thiền quan ghé mắt dòm
Ngoài cửa dang tay hai chú béo
Trong gian chống gối một anh còm
Chênh vênh án kệ chuông vàng tía
Lấp ló siêu hương phật đỏ lòm
Tới cảnh lấy chi mà vãn cảnh
Quỳ hai gối xuống gật xom xom

Đề truyện Kiều [187]

Khép cửa phòng thu những đợi chờ
Mà em mất nết tự bao giờ
Chàng Kim dại gái còn đeo đẳng
Viên ngoại nuông con chết ngất ngơ
Duyên trước nhạt phèo con đĩ Đạm
Tình sau lăn lóc bố cu Từ
Mười lăm năm ấy bao nhiêu sướng
Oán trách làm chi đưa bán tơ

Tới kỳ thi

Ngày ba tháng tám vốn chơi dong
Đến lúc vô trường dạ rối bong
Sách hỏi Hán cao mần Sử thượng
Bài ra Đại học ních Trung dung
Trông trời đã đỏ hai con mắt
Nuốt mực hồ đen một đáy lòng
Nào thầy nào bạn đâu đâu cả
Bỏ chết nhau đây chẳng giúp cùng

Hằng Nga

Hỡi chị Hằng nga náu Quảng hàn
Bốn mùa trăng gió với giang san
Áo tiên tuy nhuộm mùi Vương mẫu
Hương tục còn nồng lửa Hậu lang [188]
Mắt phượng đã say miền ngọc thỏ
Cung nghê [189] nỡ phụ khúc cầm loan
Nếu không duyên nợ cùng người thế
Xin chớ gieo mình nước hợp hoan

Nhàn

Mảng chi ngựa cưỡi gác chinh an
Thú vị đâu hơn thú vị nhàn
Cung nỏ bắn săn chơi Thái lĩnh
Lưới chài câu kéo dạo Trường giang
Câu thơ Đỗ Lý trà long tỉnh
Chén rượu hoàng hoa khúc phượng đàn
Ví thử nghìn năm còn thế mãi
Ôm đồm xin khoác bộ y quan [190]

Đời người chóng già

Trăm năm ba vạn sáu nghìn ngày
Dẫu có nghìn vàng khó đổi thay
Trong núi nghìn năm cây vẫn có
Dưới đời trăm tuổi kẻ nào hay
Nghĩ đường danh lợi lòng thêm chán
Thấy kẻ gian tham ruột lại đầy
Đắng đót ghê thay mùi tục lụy
Bực mình theo cuội tới cung mây

Nhớ bạn

Kẻ ở Hoan Châu [191] kẻ đế thành
Kẻ về người ở luống buồn tênh
Bốn mùa phong nguyệt lưng bầu rượu
Nghìn dặm quan san nặng gánh tình
Con Tạo dở dang cờ nửa cuộc
Ngọn đèn lấp lánh lửa ba sinh
Trên đầu biết lấy ai làm chứng
Kìa có sông Hương nọ núi Bình

Than thân học trò

Dùng danh từ hút thuốc phiện

Bôn *tẩu* làm chi chốn thị thành
Lọ là *xe* ngựa mới là vinh
Nghĩ *nghiền* trang sách câu hay dở
Đào *móc* bên *đèn* nghĩa tả tinh
Theo *hút* văn chương nhờ thánh độ
Ra tuồng *tiêm* tất thỏa nhân tình
Chỉ hiềm chậm *miếng* cân đai tử
Nghĩ uổng *so vai* gánh sử kinh

Quan công cư Tào

Tôi chúa đôi phương cảnh quạnh hiu
Cũng vì một chút nghĩa liu điu
Ân Tào ví đúc ngàn cân nặng
Nợ Hán còn mang một gánh chìu
Đuốc ngọc canh khuya trời một góc
Vườn đào nguyên cũ ruột trăm chiều
Này ai muốn biết đầu đuôi thế
Xin hỏi chàng Trương nỗi khúc khiu

Canh khuya

Ban tối trời vừa mọc đẩu tinh
Khi bên trống một mới dung canh
Đầu nhà khói tỏa chen sương bạc
Sườn núi chim nằm lẫn lá xanh
Tuần điếm kìa ai khua mõ cá
Dâng hương nọ kẻ nện chầy kình

Nhà nam nhà bắc đều no mắt
Lừng lẫy ca dao khúc thái bình

Vịnh núi Dục Thúy [192]

Một hòn trơ đá bóng Vân sàng
Hỏi núi chờ ai đã mấy sương
Uốn éo bên thành ba ngọn nước
Phá toang cửa động một chùa hang
Bóng trăng thấp thoáng hồn Duyên Hạc
Nét đá lờ mờ dấu Phạm Trương
Cũng muốn bể dâu bàn chuyện cũ
Gió thu hiu hắt khóm hoa vàng

Tháp Lý Trần đâu đám cỏ hoang
Cung Lê rầy hỏi cũng mơ màng
Cuộc đời khôn thấu cơ vần chuyển
Cảnh bụt còn nhờ nét điểm trang
Dìu dặt rượu thơ làn sóng biếc
Xôn xao xe ngựa bóng ô vàng
Thú thanh lịch đãi người tao nhã
Non nước mừng nay có chủ trương

Dề chùa Hương Sơn

Ngửa mặt trông lên Phật tích san
Non cao vòi vọi khác phàm trần
Chim bay dâm liễu nhường dây gió
Nước chảy đầm sen tựa nhịp đàn
Thung bày tám hàng che lợp tán

Mây năm ba thước phủ thay màn
Thi nhân rằng có đâu hơn nữa
Mỹ khách sau làm một bức đoan

Điếu hút thuốc lào

Ngũ hành cấu khí vốn xưa nay
Có điếu sành kia có điếu cày
Vực nước hằng thời ngay một thẳng
Phù nghiêng chẳng lọ phải hai tay
Tiếng kêu xong xóc vang bằng sấm
Hơi thở đùn đùn khói tựa mây
Lửa Toại rày mừng duyên sớm bén
Thêm nhiều nơi đắm lắm nơi say

Con chó đá

Cơm cháo không quen của chúa nuôi
Nghiêm thay trước cửa một mình ngồi
Đêm thành nguyệt dãi hằng trông nguyệt
Ngày vắng ruồi bay xá đớp ruồi
Giận kẻ gian tà căm mím miệng
Mừng người quân tử vẫy cong đuôi
Đã nên một tiết gan là đá
Dù nhẫn ai lay chẳng chuyển ngôi

Đèn chạy quân

Bốn bề vằng vặc lửa hồng hồng
Bày đặt khen ai chước hóa công [193]
Quân ngậm hàm mai [2] im phắc phắc
Trống nghiêm thanh thế văng thùng thùng

Ngựa đi trước giáo không trường nhạc
Voi dạo vòng đao vắng tiếng chung
Một trận kéo chơi quân chẳng đánh
Khói hương bằn bặt bốn bề thông

Cái điếu

Đã đành phận hẩm với duyên hôi
Trên án xe vươn trước mặt ngồi
Đầu đội tam khoan dương mặt dạn
Lưng đeo tứ trụ dóc hàng đôi
Nhiều phen sấm sét người say tỉnh
Lắm lúc lầm than kẻ sụt sùi
Nhờ đuốc quang minh soi xét lại
Lòng này chung một nước mà thôi

Cây gạo chùa Bào

Cây gạo chùa Bào cả lớn sao
Khen ai vun đắp tự năm nào
Trong tòa công phủ khoe mình thẳng
Ngoài chốn thiền môn nổi tiếng cao
Bóng rợp non sông tàn tán dựng
Sắc nhuần mưa móc gấm hoa thêu
Một năm là một cao lên mãi
Gang tấc trời cho há quản bao

Vịnh Phan Thanh Giản

Tiến sĩ Nam kỳ xướng trước công
Khôi tinh tỏ rạng khắp non sông
Ba trào phò chúa không nguôi dạ

Một cõi chăn dân chẳng mỏi lòng
Gặp lúc trời Nam cơn thế biến
Tếch miền biển Việt nghị hòa xong
Lòng người đã muốn trời không vậy
Thà thác mình đây đặng chữ trung

Vận nước trong khi cuộc đổi dời
Ra vai gánh vác một phương trời
Thương vua phải chịu lòng đau đớn
Vì nước cam đành lụy nhỏ rơi
Nghĩa nặng chẳng từ cơn yếu đuối
Thân già bao quản chốn đua bơi
Vài lời dâng sớ liều mình thác
Tiếng để về sau biết mấy đời

Nằng nằng giữ vẹn tấm lòng ngay
Nặng nhẹ khôn từ khổ nhọc thay
Vì nước thương dân trời đất biết
Thảo cha ngay chúa quỷ thần hay
Tây kinh phụng sứ cơn già yếu
Nam trấn cầm cờ lúc trở gay
Biết trước chẳng cho dân chịu thác
Một mình chịu trọn nghĩa tôi đây

Nhớ Phan Thanh Giản

Học rộng tài cao chẳng gặp thời
Cho nên đành chịu bó tay thôi
Gọi hồn non nước công đà uổng
Thấy cảnh tang thương ứa lệ rơi
Liều thuốc tiêu hồn rồi một kiếp
Tấm lòng ái quốc giãi muôn đời

Lương khê thi tập còn lưu đó
Đọc đến ai không cảm nhớ người

Đề Dục Thúy sơn

Ngơ ngác khen cho một lũ mường
Khéo là giở dói chuyện văn chương
Vài thày đồ dốt bình hay lẫn
Mấy chị đào non hát dễ thương
Mặt sứa gan lim anh án Vũ
Cán mai đầu táu chú tuần Dương
Từ rầy nhắn nhủ thôi đi nhé
Kẻo bẩn lây vào đá cụ Trương

CHÚ THÍCH PHẦN THẤT NGÔN BÁT CÚ

1. *Ngọc giai* là thềm ngọc tức thềm nhà vua.
2. *Cung bắc hán* là cung của vua.
3. *Hư linh* là rỗng không.
4. *Dã lục* là thôn quê.
5. Nấu canh trên vạc lửa.
6. *Tri trần* là bụi đen
7. Vương - Vũ - Xứng đời Tống khi còn nhỏ có làm một bài thơ vịnh hoa sen trắng: "Tạc dạ tam canh hậu, Hằng nga trụy ngọc trâm, Phùng dị bất cảm thụ, Bồng xuất tố ba tâm" nghĩa là "Đêm qua canh ba hết, ả Hằng nga trâm ngọc rơi, dì Phùng không dám nhận, nâng lên giữa mặt vời".
8. Ngôi sao Thai sáng.
9. Một nàng họ Vũ ở Nam Xương lấy chồng họ Trương. Khi vừa có mang thì chồng đi lính, ở nhà sinh con trai đặt tên là Đản. Tối thắp đèn lên, thường chỉ vào bóng mình mà bảo: "Cha Đản đấy!". Năm sau chồng về, đứa nhỏ bập bẹ: "Không phải cha Đản, cha Đản tối đến, mẹ ngồi thì ngồi, mẹ đi thì đi". Chồng nghe nói, nổi cơn ghen, xỉ vả vợ. Nàng không minh oan được, nhảy xuống Hoàng giang. Một buổi tối, chồng

ẩm con ngồi bên đèn, chợt đứa nhỏ chỉ vào bóng nói: "Cha Đàn đấy!" Chồng bấy giờ mới hối, liền làm đàn giải oan cho vợ ở bên sông.

10. Bà mẹ Vương - Lăng bị Sở bắt giữ để dụ Vương - Lăng bỏ Hán sang hàng. Lúc này bà nhất khuyên con cứ theo giúp Hán. Sau đó bà tự tử để nhất quyết lòng con.
11. Bài này vua Lê làm có sáu câu, còn hai câu ngũ lục in chữ ngã là của quan thám hoa Nguyễn Quý Đức, vâng lệnh vua bổ túc vào sau.
12. Tác giả bài này khi đi đánh Chiêm Thành đừng thuyền ở làng Tam Chế nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
13. *Ban* là buổi.
14. Đỗ Phủ có câu: "An đắc tráng sĩ vãn thiên hà, tẩy tận giáp binh trường bất dụng" nghĩa là: "Mong sao được người tráng sĩ kéo sông Ngân trên trời xuống để rửa hết các đồ giáp binh không bao giờ dùng đến nữa".
15. *Bồng Lai và Doanh Châu* là nơi tiên ở.
16. *Trâu vàng:* tục truyền Tây hồ xưa là một khu rừng, đến đời nhà Lý khi ông Nguyễn Minh Không tức Khổng Lộ đúc xong một quả chuông ở núi Phao - Sơn mới đánh lên ba tiếng, tức thì một con trâu vàng từ bên Tàu chạy sang vùng vẫy làm cho khu rừng sụt xuống thành hồ.
17. *Kinh bối* là kinh phật vì kinh này viết trên lá bối.
18. *Bảo cái* là cái lọng phật, *bảo tọa* là cái bệ phật, *kim quang* là ánh sáng vàng, *kim liên* là đóa sen vàng.
19. Tiếng cổ *"ngừng"* là khóc.
20. *Úy tử* là sợ chết, *ái thân* là tiếc mình.
21. Hàn Dũ từng tâu vua Đường nên phá bỏ đền chùa, Thủy hoàng nhà Tần từng ra lệnh đốt sách và chôn sống nho sinh.
22. Hai câu này thoát ý ở: "Vân ám Đỉnh hồ long khứ viễn, nguyệt minh Hoa biểu hạc quy trì". Ý nói "vua Hoàng đế cưỡi rồng đi xa, chỗ mộ vua Chiêu vương nước Yên, có con hạc về trễ". Ở đây, câu trên dùng chữ "bể Bắc", tức là ý nói vua Chiêu Thống chết ở bên Tàu. Câu dưới cùng chữ "non Nam" tức là đưa linh cữu về nước.
23. Vua Chiêu Thống khi lâm chung, có dặn lại các bầy tôi sau này thế nào cũng cố đưa hài cốt về chôn ở nước nhà. Cũng nhân câu thơ đây mà biết tác giả là một vị tòng vong.
24. Kẻ trông theo bụi đường của người đi.
25. Tòa sao Tam thai, thường ví với chức Tam công trong triều.
26. *Dẩu* là một thứ nồi đồng chứa vừa một đấu, lại cũng dùng để khua gõ cầm canh.
27. *Phúc tinh:* Tư Mã Quang từng khen quan Chuyển vận sứ Tiên Vu Sần là phúc tinh trong hạt.

28. *Ngũ môn* là năm cửa ở trước nhà Kính thiên thành Thăng Long tức là chỗ các quan vào chầu vua Lê.
29. Hồi này Tây Sơn ra bắc, vua Lê chỉ là hư vị mà thôi.
30. Đây ví nhà Lê như nhà Chu bên Tàu.
31. *Ngựa và áo:* Lý Bạch có câu "ngũ hoa mã, thiên kim cừu, hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu" nghĩa là "ngựa ngũ hoa, áo thiên kim, gọi con đi đổi lấy rượu ngon".
32. Đào Tiềm đời Tấn.
33. Thiệu Ung tức Thiệu Khang Tiết đời Tống
34. Ngôi sao Văn khúc đã sa xuống.
35. Cao tăng đời Lý tên là Nguyễn Minh Không.
36. Tục gọi đền Thánh Gióng ở Bắc Ninh.
37. Sông Hương núi Ngự ở Huế.
38. *Rừng có mạch, vách có tai:* Câu phương ngôn ý nói miệng đời hay thóc mách.
39. Sách Mạnh Tử có câu: "Vị uyên khu ngư giả, thát dã; vị tùng khu tước giả, chiên dã" nghĩa là: Vì vực mà đuổi cá là con rái cá, vì bụi cây mà đuổi sẻ là con chim cắt.
40. *Doanh mãn:* Đầy đủ.
41. *Hương lư:* Làng xóm.
42. *Âu lộ* là hai thứ chim nước hay bơi lội ở mặt đầm.
43. *Vũ mao* là lông chim.
44. *Kinh sử* là sách học bên văn.
45. *Lược thao* là sách học bên võ.
46. Sách nho có câu: "Đồng giang nhất ty, phù Hán cửu đỉnh" là nói ông Nghiêm Tử Lăng ẩn dật không ra làm quan, chỉ đi câu chơi ở sông Đồng Giang, mà có giúp phần khí tiết cho sĩ phu, cho nên sau này nhà Hán có được nhiều nghĩa khí để giúp lúc suy đồi, khiến cho những kẻ gian hùng còn phải e sợ.
47. *Nhà thông đường trúc* là lấy ở chữ "tùng trúc" nói cảnh ẩn dật.
48. *Cửa mận tường đào* là lấy ở chữ "đào lý công môn" nói về các nhân tài trong cảnh làm quan.
49. *Hiên bệ* là chỗ bực thềm.
50. Khương công là ông Lã Vọng.
51. Nghiêm Quang nhà Hán, ẩn cầy ở núi Xuân Sơn.
52. Có câu rằng: "Nhất văn Thiên Tử chiếu, tứ hải Trạng Nguyên tâm", nghĩa là khi nghe chiếu Thiên tử thì bốn bể nổi lòng Trạng Nguyên.
53. Đời người ba vạn sáu nghìn ngày.
54. Không có một kế gì.

55. Ông Trời.
56 Có người nói bài này của Nguyễn Công Trứ.
57. *Thu thảo* là cỏ mùa thu.
58. *Chữ thiên* là trời nhô đầu dọc thành chữ *phu* là chồng, chữ *liễu* là xong nẩy nét ngang thành chữ *tử* là con.
59. *Cay:* Là cái suốt ở đầu quạt.
60. Thơ trong Kinh Thi: "Siếu hữu mai, kỳ thực tam hề, cầu ngã thứ sĩ, đãi kỳ kim hề. Siếu hữu mai, kỳ thực thất hề, cầu ngã thứ sĩ, đãi kỳ cát hề". Nghĩa là quả mai đã rụng ba bảy phần, ai cầu ta thì đến ngày đi.
61. *Vô ngạn:* Không bờ.
62. Học Lạc quê ở Mỹ Chánh, tỉnh Định Tường, đậu học sinh tức khóa sinh sống vào khoảng giữa và cuối đời Tự Đức.
63. *Tục niệm:* Lòng tục.
64. *Chu tử:* Đỏ tía, ý nói vinh hoa, phú quý.
65. *Đỉnh chung:* Lộc nước.
66. Nhạc thiều nhà Ngu.
67. Nền xã nước Lỗ.
68. Hi Di là Trần Đoàn.
69. *Ngũ Quý:* Năm đời cuối là nhà Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu,
70. *Tam phân:* Ngụy Thục, Ngô; tranh vạc nhà Hán.
71. *Hà châu:* Bãi sông. *Kinh Thi* có thơ rằng: "Quan quan thư cưu, tại hà chi châu" nghĩa là con chim thư - cưu ríu rít ở bãi sông, ý nói vợ chồng thuận.
72. *Của cánh lai:* Của đi rồi lại lại.
73. Nguyễn Biểu người xã Đình Hồ nay thuộc Hà Tĩnh, thi đậu Thái học sinh làm quan với Trần Quí Khoách tức là vua Trùng Quang nhà Hậu Trần (1407 - 1413). Lúc này Nguyễn Biểu được Trùng Quang sai đi điều đình với tướng nhà Minh là Trương Phụ, sau đó bị Trương Phụ bắt phải chết đuối dưới chân cầu.
74. Dẫn điển vua Hán Tuyên đế lập ra *Kỳ lân các* vẽ hình các công thần
75. *Giọt lệ thu* là tác phẩm của nữ sĩ Tương Phố, *Linh Phượng lệ ký* là tác phẩm của Đông Hồ.
76. Lê Trung Đình quê ở Quảng Ngãi là con của tiến sĩ Lê Trung Lương, thi đậu cử nhân, năm 1185 tổ chức nghĩa quân chống Pháp, sau bị bắt hành hình. Trải kiếp chưa phải hồn cố quốc.
77. Thạch Hà thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
78. Hoa thấy đầu bạc hoa đừng cười.
79. Án sát tỉnh An Giang.
80. Tôn Thọ Tường thi giúp người khác, việc vỡ lở, bị giải ra Huế, có người nói nhờ làm bài này mà sau được vua Tự Đức tha cho.

81. Bình là bèo, lãng là sóng.
82. *Trăm hai non nước* là lấy ở chữ "bách nhị sơn hà", nói cái thế giang san của nhà Tần khi ấy rất hiểm, hai người giữ ở trong có thể chống đánh được trăm người.
83. Con mắt Hạng Võ mỗi bên có hai con ngươi.
84. Hạng Võ mình dài tám thước.
85. Tại Quảng Võ cha của Bái Công bị Hạng Võ định đem mổ giết, Bái Công nghe lời Trương Lương nhắn sang nói: "Bố ta tức là bố anh, nếu có mổ, chia cho ta một bát canh", Hạng Võ thấy vậy tha không giết nữa.
86. Hạng Võ đóng quân ở Hồng Môn, định đánh Bái Công, Bái Công đến tạ tội, Hạng Võ đặt tiệc thết rồi tha không đánh nữa.
87. Dẫn ở ý điển: Mỗi khi vua Thuấn gảy bản nhạc thiều thì có chim phượng bay về.
88. Sách của nước Lỗ tức Kinh *Xuân Thu* của Khổng Tử: tục truyền Khổng Tử đang chép kinh *Xuân Thu* thì nghe tin có người bắn chết con kỳ lân.
89. Hi Di tên thật là Trần Đoàn, một nhà tướng số ở đời Hậu Chu (một trong đời ngũ quý), tục truyền ông này đã ngủ một giấc thật dài để mừng lúc thái bình.
90. Bãi Ngao tỉnh Bến Tre là quê cụ Phan.
91. Di ngôn của cụ Phan dặn ghi vào minh tinh chín chữ "Hải nhai lão thơ sanh tánh Phan chi cữu".
92. Vua Tống ra chơi núi Cao Đường mộng thấy mình hợp hoan cùng một thần nữ.
93. Ách là thanh gỗ ở cổ trâu mà cũng có nghĩa là "nạn".
94. Điền Đan tước nước Tề dùng một ngàn con trâu khoác gấm năm sắc và sừng buộc gươm giáo, rồi lấy cỏ buộc vào đuôi trâu mà đốt để xua trâu xông vào chém quân Yên.
95. Ninh Thích lúc hàn vi đi chăn trâu, gặp vua Tề liền hát: "Nam sơn xán, bạch thạch lạn, sinh bất phùng Nghiêu dữ Thuấn thiện", nghĩa là "Núi Nam rực rỡ đá trắng sáng sủa, sinh ra không gặp lúc vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn", nhân vậy được vua Tề tri ngộ.
96. Đời Chiến quốc, Tuyên vương nước Tề không cho người nọ giết trâu để tô chuông.
97. Ý nói việc bị gian thần Mao Diên Thọ chấm thêm nốt ruồi vào bức chân dung nên không được nhà vua đoái tới.
98. *Ôn nhu* nghĩa là "yếu mềm" ý nói Hán triều phải dùng đến hạng đàn bà là hạng yếu mềm đi dẹp loạn Hung nô.
99. Hoàng Cao Khải kinh lược sứ Bắc Kỳ, từng đánh vỡ nghĩa quân Nguyễn Thiện Thuật.

100. Lê Hoan xuất thân là một quân hầu.
101. Tục truyền Lê Hoan khi hấp hối đôi mắt cứ trừng trừng mà mãi không chết được.
102. Viên tuần phủ này xuất thân ở tòa liêm phóng.
103. Sừ Đạc là công sứ Darles, một hung thần xứ Bắc.
104. Móm là hiệu riêng của tác giả.
105. *Tán* là chữ đệm tên của một viên quan họ Trần nổi tiếng là một người sừng sỏ và đã từng nói gở về người vợ bé của tác giả.
106. *Điêu* là tên của một quan châu ở nơi tác giả làm quan.
107. Tại sao ở đây lại nhắc đến việc xuất ngoại của hai ông Phan Châu Trinh và Nguyễn Thượng Hiền?
108. Bài này tả cảnh bãi chiến cũ ở Hà Tiên lúc chiều tối.
109. Thoại Sơn tức là núi Sập ở Châu Đốc.
110. Bài này dường như là một bài hàm chứa một hiệu lệnh phát khởi cuộc bạo động trong ba chữ "nửa giờ trưa".
111. Mã Viện Đông Hán khi đánh thắng Trưng Vương, có dựng lên một cái cột đồng đề chữ: "Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt",
112. Tác giả có lẽ nghĩ rằng Tây Hồ tức là hồ Lãng Bạc mà Trưng vương tự tử khi xưa.
113. Hai vua Anh Tôn và Cao Tôn đời Lý.
114. Thái hậu bấy giờ toan đổi tờ di chiếu mà không lập vua Cao Tôn.
115. Ý nói Thái hậu không thể chuyên quyền.
116. Con chim anh nhỏ, nói vua Cao Tôn.
117. Tô Hiến Thành và Trương Phúc Loan (Trương là người được chúa Nguyễn dặn phò ấu chúa mà lại đổi lời di chúc của chúa Nguyễn, phế người nọ lập người kia).
118. Mị Ê là Vương phi của vua Sạ Đẩu nước Chiêm Thành. Năm 1044 Lý Thái Tôn đánh giết Sạ Đẩu, bắt lấy Mị Ê, khi đến sông Lý Nhân, nàng không chịu sang hầu bên thuyền nhà vua mà quấn mảnh chăn chiên nhảy xuống sông tự tử.
119. Tác giả có lẽ tưởng rằng người Chiêm theo đạo Phật.
120. Tức là đất Thuận Hóa.
121. Khi vua Chế Mân vừa chết, vua Anh Tông sai Trần Khắc Chung vào viếng rồi lén đưa Huyền Trân về nước.
122. Cổ Loa thành ở huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên.
123. Tục truyền sau khi nỏ thần bị tráo, Thục Vương thua trận chạy đến Mộ Dạ rồi chém chết con gái là Mị Châu, những con trai ở đây ăn được máu của nàng nên có những hạt châu rất đẹp.
124. *Cửu đái:* Áo cừu và đai áo, ý nói ông quan.

125. Khiển quyển: Gắn bó.
126. *Phượng liên:* Giấy vẽ phượng, ý nói sứ điệp.
127. Long tiết: Cờ nhà vua ban.
128. *Tế sự:* Nên việc.
129. *Tứ Mẫu:* Thơ Tứ Mẫu trong Kinh Thi ý nói vua tiễn quan sứ thần.
130. Có người nói bài này là tuyệt mệnh của Nguyễn Hữu Huân, khi ông sắp bị hành hình ở cù lao Rồng. Nhưng theo thiển ý, với chữ "đương niên" trong câu bảy, thì bài này phải là của một người khác làm sau đó nhiều năm.
131. Lúc này tác giả ngồi tù ở Quảng Đông.
132. Mộng Du thi xã là tên một hội thơ mà tác giả sáng lập trong khi bị an trí ở Huế.
133. Song Lô ở Tuyên Quang và núi Tản ở Sơn Tây.
134. Bà Phan là vợ lẽ Ngô Cảnh Hoàn. Khi ông Ngô bị tử trận ở sông Thúy Ái trong khi chống quân Nguyễn Huệ, bà không buồn khóc lại cười rằng: "Chết vì nước là việc nên mừng!". Sau đó mặc áo màu hoa đào đến trẫm mình ở chỗ ông Ngô tử trận.
135. Nguyễn Văn Quyên là người hầu giữ ngựa cho vua Lê Chiêu Thống. Vua Lê chạy sang Bắc Kinh, một hôm đòi vào kêu với Thanh Đế, bị bọn giữ cửa xua đuổi nhục nhã, Nguyễn Văn Quyên liền đánh chống bọn đó và đã bị chúng đánh đòn đau.
136. Bà này là hoàng phi của vua Lê Chiêu Thống, không kịp theo vua sang Tàu và ẩn thân trong một ngôi chùa. Đến khi Gia Long cho rước linh cữu vua Lê về nước, bà ra khóc lạy rồi tự tử để được sớm theo vua.
137. Người xưa cho rằng Bàn cổ là thủy tổ loài người.
138. *Nhân sinh thất thập cổ lai hi:* Đời người được bảy mươi từ xưa hiếm có.
139. *Phụ nhân tông nhất nhi chung:* người đàn bà suốt đời chỉ theo một đời chồng.
140. *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại:* Có ba điều bất hiếu, không có con là bất hiếu hơn cả.
141. Tương truyền Bành tổ sống tám trăm năm.
142. Lý Bạch tay giỏi thơ đời nhà Đường.
143. Bá Nha người chơi đàn giỏi đời Xuân Thu.
144. Vua Đế Thích (Indra) người Ấn Độ theo đạo Bà la môn, cờ cao không ai đánh lại.
145. Lưu Linh đời Tấn, tính hay uống rượu.
146. Đào Tiềm đời nhà Tấn.
147. Đào Tiềm đời nhà Tấn.
148. Tác giả làm bài thơ này và mấy bài "Vịnh Kiều" khác nữa là nhân dịp

tuần phủ Lê Hoan ở Hưng Yên mời đến làm giám khảo cùng với cụ Dương Khuê cho một cuộc thi thơ "Đề Thanh tân tài nhân". Do đó, với hai câu đầu trên đây, người ta nghĩ rằng tác giả đã dụng tâm mắng xỏ Lê Hoan.

149. *Hoa man* là người làm những vật bằng giấy tục gọi là người thợ mã.
150. Quai đê ở làng Mễ Trì huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam.
151. Ông tiến sĩ Bùi Quế ở làng Châu Cầu huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam.
152. Bài này thất niêm giữa đoạn trên và đoạn dưới.
153. Một *chầy* là một tiền.
154. Thục Đế mất nước hóa làm con quốc than tiếc kêu suốt đêm ngày.
155. Ông này là tổng đốc hồi hưu.
165. Cá chép vượt đăng.
157. Cửa Vũ môn, ý nói thi đỗ.
158. *Tư* là nhờ, *lương* là thực. Khi xưa những thầy đồ nghèo muốn đi trọ học ở tỉnh, ở phủ, cần phải kiếm một chỗ ngồi dạy học để nhờ có cơm ăn, như thế gọi là tư lương.
160. *Ban công:* Ban công hầu, dây ý nói bóng là cái gông.
161. Làng Lương Đường thuộc tỉnh Hải Dương là làng văn vật, nhiều quan.
162. *Bình tước.* Xưa Dậu Nghị kén rể cho con, vẽ hai con khổng tước trên bình phong, hễ ai bắn trúng sẽ gả con, sau Lý Uyên bắn trúng.
163. *Cầu ô:* Cầu bắc qua sông Ngân để Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau.
164. Cổ thi có câu: "Thời lai phong tống Đằng vương các" có nghĩa là vận đến gió đưa lại gác Đằng vương.
165. *Hy chúc:* Chúc mừng.
166. Bài này có người nói là của sư bà chùa Non Nước mà cũng là em gái vua Minh Mệnh.
167. *Nam Kha:* Xưa có người học trò ngủ dưới gốc cây hòe, chiêm bao thấy mình đến đất Hòa An làm quan thái thú quận Nam Kha, được vua gả công chúa cho, sau bị cách quan rồi vợ chết, bừng mắt dậy, thấy mình vẫn ngủ dưới gốc cây.
168. Âu Dương Tu đời Tống làm quan chấm trường, thường thấy một thần nhân áo đỏ đứng bên, mỗi khi người đó gật một cái thì tất trong quyển có câu văn hay.
169. *Triện tàn:* Nén hương tàn.
170. Tục ngữ có câu "rán sành ra mỡ" ý nói người keo kiệt.
171. Tục ngữ có câu "chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mành chĩnh vất ngoài bụi tre" ý nói khinh bỉ.
172. Chiêu Quân họ Vương tên Tường, là một cung nữ tuyệt sắc của vua Hán Nguyên Đế, bị nhà vua đem gả cho vua của tộc Hồ.

173. Bài này và bài trên là hai bài thơ cổ đời nhà Trần.
174. *Nhất Văn vô hữu:* Một đồng không có.
175. *Phần, du* là hai tên cây, ý nói quê hương.
176. *Phát phu:* Tóc da.
177. *Hứa, Phủ:* Hứa Do, Sào Phủ là hai người ẩn dật
178. *Hồng Mông:* Đời thượng cổ.
179. Lã Vọng ngồi câu ở sông Vị
180. Đồng Chu là cùng thuyền.
181. Trông sang đất Hàm Cốc vua Tần phải sợ.
182. Ngảnh lại sông Ô Giang Hạng Võ cũng thua.
183. Chẳng nề trao quyền Nguyên Soái cho Hàn Tín là anh xách giỏ.
184. Khi Hán Cao Tổ còn hàn vi đến ăn nhờ nhà chị dâu một bữa, chị dâu cào mãi muôi làm ra bộ hết canh; sau làm vua phong cho con chị dâu là Dát hiệt hầu và Phong cho cháu chị dâu là Dát canh hầu.
185. Câu này vừa có ý khen và lại có ý chê. Chê là Hán Cao Tổ không hiểu nho học, sau khi làm vua mãi mới qua nước Lỗ làm một lễ Thái Lao (trâu, dê, lợn) tế đền Khổng Tử, như thế thực là đãi bôi. Khen là hưởng được 400 năm nghiệp Hán cũng là nhờ biết chút văn học về chén đãi bôi.
186. *Thiền quang:* Cửa chùa.
187. Tục truyền bài này có ý xỏ xiên ông tuần phủ Từ Đạm.
188. Tục truyền ngày xưa vợ Hậu Nghệ uống thuốc tiên mọc cánh bay lên trăng.
189. Khúc hát Nghệ thường.
190. Áo mũ.
191. Tỉnh Nghệ An.
192. Núi Dục Thúy ở tỉnh Ninh Bình.
193. *Hỏa công* là đánh bằng lửa.
194. *Hàm mai* là ngậm tăm. Đời xưa quân đi mai phục có ngậm tăm là để không được nói.

THẤT NGÔN LỤC CÚ

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Bỡn tình nhân

Tao ở nhà tao tao nhớ mi
Nhớ mi nên phải bước chân đi
Không đi mi nói rằng không đến
Đến thời mi hỏi đến làm chi
Làm chi tao đã làm chi được
Làm được tao làm đã chán khi.

THẤT NGÔN TỨ CÚ

HÀN THUYÊN

Bài văn đuổi cá sấu [1]

Ngạc ngư kia hỡi mày có hay
Biển đông rộng rãi là nơi mày
Phú Lương [2] đây thuộc về thánh vực
Lạc lối đâu mà lại đến đây

Há chẳng biết rằng nước Việt xưa
Dân quen chài lưới chẳng tay vừa
Đời Hùng vẽ mình vua từng dạy
Xuống nước giao long cũng phải chừa

Thánh thần nối dõi bản triều nay
Dấy từ Hải ấp [3] ngôi trời thay
Võ công lừng lẫy bốn phương tĩnh
Biển lặng sông trong mới có rầy

Hùm thiêng ra dấu dân cày cấy
Nhân vật đều yên đâu ở đấy
Ta vâng đế mệnh bảo cho mày
Hãy về biển Đông mà vùng vẫy

LÊ THÁNH TÔN

Con Voi

Xông pha bốn cõi bể chông gai
Vùng vẫy mười phương bụi cát bay
Phép nước gọi là tơ chỉ buộc
Sức này bao quản búa rìu lay

Con cóc

Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi
Chép miệng năm ba con kiến gió
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời

Dệt vải

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương
Vậy phải lên ngôi gỡ mối dường
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt
Gót vàng giậm đạp máy âm dương

NGUYỄN TRÃI

Hỏi cô bán chiếu

Ả ở đâu mà bán chiếu gon
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi
Đã có chồng chưa được mấy con

Bài đáp của **Nguyễn Thị Lộ**

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon
Cớ chi ông hỏi hết hay còn
Xuân thu nay độ trăng tròn lẻ
Chồng còn chưa có có chi con

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Đời người thấm thoắt

Nhân sinh ba vạn sáu nghìn thôi
Vạn sáu tiêu nhăng đã hết rồi
Nhắn con tạo hóa xoay thời lại
Để khách tang bồng rộng đất chơi

NGUYỄN QUÝ TÂN
Nghè Tân

Chim bồ câu

Cu hời cu hỡi bảo cu hay
Cu ở đường mô cu tới đây
Chớ cậy lồng son cùng ống sứ
Có ngày thớt nghiến với dao phay.

PHẠM VĂN NGHỊ

Đến động Liên hoa [4]

Ta chẳng trêu ai chẳng ghẹo ai
Ơn vua về ở động Thiên thai
Thiên thai chỉ có non cùng nước
Non nước làm vui gác chuyện ngoài

Một gánh cành câu tới thạch bàn
Cá tuy không được chỉ ngồi gan
Dù ai xem giỏ cười không cá
Không cá nhưng ông đã được nhàn

NGUYỄN GIA THIỀU
Ôn Như hầu

Miếng tình

Khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào
Miếng tình nghẹn mãi biết làm sao

Muốn kêu một tiếng cho to lắm
Rằng ối ao ôi nó thế nào.

NGUYỄN KHUYẾN
Tam nguyên Yên Đổ

Ông phỗng đá

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông
Trơ trơ như đá vững như đồng
Đêm ngày coi sóc cho ai đó
Non nước vơi đầy có biết không

Ông tượng đất

Ông đứng trông trời sướng thế ông
Tơ vương chẳng bợn chút hơi đồng
Quê nhà vốn cũng nòi dòng thổ
Khéo nặn thì nên chẳng lẽ không

Tượng canh đền

Hai ông đứng đó đã bao lâu
Sung sướng chi mà chửa bạc đầu
Thế thái nhân tình là thế thế
Thế mà giương mắt đứng trông nhau

Cũng chẳng chừa

Những lúc say sưa cũng muốn chừa
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa
Hay ưa nên nỗi không chừa được
Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa

Hỏi đá

Bao nả giang sơn một gánh tròn
Nghìn thu sương tuyết vẫn không mòn
Biết chăng chỉ có ông Hà bá
Mỉm mép cười thầm với nước non

Trời nói

Chót vót trên này có một tao
Nào tao có muốn nói đâu nào
Mặt tao lốm đốm xanh đen trắng
Bởi tại dì Oa [5] thổi bễ rào

Trời bảo

Cao cao xanh ngắt ấy là tao
Dẫu pháo thăng thiên đã tới nào
Nhắn bảo trần gian cho nó biết
Tháng hai tháng tám tớ mưa rào

TRẦN TẾ XƯƠNG
Tú Xương

Tự trào

Trời đất sinh ra chán vạn nghề
Làm thầy làm thợ với làm thuê
Bác này mới thực thái vô tích
Sáng vác ô đi tối vác vô về

Người hát tuồng

Nào có ra chi cái lũ tuồng
Cũng hò cũng hét cũng y uông
Dẫu rằng dối được đàn con trẻ
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn

Chiêm bao

Bỗng thấy chiêm bao thấy những người
Thấy người nói nói lại cười cười
Tỉnh ra lại tiếc người trong mộng
Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi

Chợt tỉnh

Nằm nghe tiếng trống trống canh ba
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra
Thiên hạ có khi đương ngủ cả
Việc gì mà thức một mình ta

Nghe họ chúc nhau

Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu
Phen này ông quyết đi buôn cối
Thiên hạ bao nhiêu đứa giã trầu

Nó lại chúc nhau cái sự sang
Đứa thì mua tước đứa mua quan
Phen này ông quyết đi buôn lọng
Vừa chửi vừa la cũng đắt hàng

Nó lại chúc nhau cái sự giàu
Trăm nghìn vạn ức để vào đâu
Năm nay có lẽ gà ăn bạc
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu

Nó lại chúc nhau sự lắm con
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn
Phố phường chật hẹp người đông đúc
Bồng bế nhau lên ở núi non

Nho tàn

Thôi có làm chi cái chữ nho
Ông Nghè ông Cống cũng nằm co
Sao bằng đi học làm thầy phán
Tối rượu sâm banh sáng bữa bò

Chúc tết

Bắt chước ai ta chúc mấy lời
Chúc cho khắp hết cả trong đời
Vua quan sĩ thứ người muôn nước
Sao được cho ra cái giống người

Rủ chơi xuân

Xuân sang rồi đấy chị em ơi
Sắm sửa chơi xuân kẻo nữa hoài
Chín chục thiều quang nào có mấy
Kìa trông con én nó đưa thoi

Xuân bỡn làng thơ

Ngày ba tháng tám thấy đâu mà
Sao đến ngày xuân lắm lắm đa
Ấy hẳn thịt xôi lèn chặt dạ
Cho nên con tự mới thò ra

Đọc sách đêm xuân

Một ngọn đèn xanh sách mấy chồng
Cười xuân hoa thắm một vài bông
Xiết bao ý vị bao tình tứ
Ngâm đọc thâu đêm dưới bóng lồng

Hỏi xuân

Ta lại cùng nhau gặp gỡ xuân
Xuân đi xuân lại biết bao lần
Xuân ơi ta hỏi xuân xem nhé
Quả đất còn bao độ chuyển vần

Ông Nghè giấy

Ông đỗ khoa nào ở xứ nào
Thế mà hoa hốt với trâm bào
Mỗi năm mỗi tết Trung thu đến
Tôi vẫn quen ông chẳng muốn chào

Thưởng xuân

Người thưởng xuân ta có lẽ không
Vườn xuân ta hái một vài bông
Đem về thư viện bên chồng sách
Hớn hở cười xuân với hóa công

Đêm xuân trời mưa

Thánh thót mưa xuân ướt mái nhà
Gió đông gọi khách nhớ người xa
Bể trần lai láng chiều lên xuống
Hết đối đèn khuya lại ngắm hoa

Ngắm đóa hoa xuân cũng ghẹo người
Người sầu hoa vẫn một màu tươi

Hoa tươi như dạng hoa cười khách
Cười khách sao mà xuân chẳng vui

Khách bảo cho hoa được biết tường
Trượng phu không lẽ giống người thường
Cùng nhau đã nặng thề non nước
Xa bạn đồng tâm vậy phải thương

Muốn tới cùng ai giãi tấm lòng
Sầu riêng đã gỡ gỡ cho xong
Xuân đi xuân lại vô cùng tận
Có lẽ ta đâu mắc míu vòng.

Hai chừa

Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lăng nhăng nó quấy ta
Chừa được cái gì hay cái nấy
Có chăng chừa rượu với chừa trà

Bỡn một ông Ấm

Tú Xương đang ngồi chơi với ông Ấm Điềm bỗng thấy thằng bé vào gọi ông Ấm sang gói giò hộ bà chủ nó, ông Ấm bật cười hỏi lại mới biết chủ nó sai đi gọi thằng Ấm mà nó tưởng là ông Ấm.

Ấm không ra ấm ấm ra nồi
Ấm chạy lăng quăng ấm chẳng ngồi
Chán cả đồ chuyên cùng chén mẫu
Luộc giò nấu thịt lại đồ xôi

Ả đào lấy khách

Đàn ai văng vẳng chốn giang hồ
Nghe tiếng sừ sang thổi líu lo
Thành thị không người tri kỷ tá
Gánh vàng sao nỡ đổ sông Ngô

Nhớ bạn

Cái nợ hình dung nó thế nào
Khiến người ngao ngán ngẩn ngơ sao
Biết nhau cho lắm thêm buồn nhé
Để khách bên trời những ước ao

Trách bạn

Đã nghĩ làm sao nghĩ chửa tròn
Trông trời dưới giếng tưởng trời con
Rầy xin ngửa mặt trông lên nhé
Trời rộng mênh mông khắp nước non

Giễu người thi đỗ

Một đàn thằng hỏng đứng mà trông
Nó đỗ khoa này có sướng không
Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt
Dưới sân ông cử ngỏng đầu rồng

Đề ảnh

Cử Thăng, Huấn Mỹ, Tú Tây hồ
Ba bác chung nhau một cái đồ
Mới biết trời cho sum họp mặt
Thôi đừng chê nhỏ lại cười to

Bị mất hai hào

Gặp ván bài đen đã chẳng ù
Nào ngờ lại gặp chú phi lu
Bỡn thì xin trả ngay cho tớ
Chẳng trả thì xơi cái tử cù

Dạ hoài

Kìa cái đêm nay mới gọi đêm
Mắt giương trong bụng ngủ không thèm
Tình này ai tỏ cho ta nhỉ
Tâm sự năm canh một ngọn đèn

Đi đò gặp bạn

Chọn được tri âm dễ mấy người
Chuyến đò gặp gỡ thực là vui
Yêu nhau xin nhớ lời nhau nhé
Mười ước sao cho vẹn cả mười

Muốn tới thăm hoa

Những là nay ước lại mai ao
Muốn tới thăm hoa chốn động Đào
E thú nhà tiên còn lạ khách
Chim xanh khôn tỏ lối ra vào

Đêm buồn

Trời không chớp bể với mưa nguồn
Đêm nảo đêm nao tớ cũng buồn
Ngủ quách sự đời thây kẻ thức
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông

Bỡn một ông Cử

Thứ năm ông Cử ai làm nổi
Học trò quan Đốc ở Hà Nội
Nghe tin bà cố cười khì khì
Đổ cả riêu cua xuống vũng lội

Thứ năm ông Cử ấy là ai
Học trò quan đốc Tả Thanh Oai
Nghe tin cụ cố cười ha hả
Vất cả dao cầu xuống ruộng khoai

Đùa ông Phủ

Tri phủ Xuân Trường được bốn niên
Nhờ trời hạt ấy được bình yên

Chữ y chữ chiểu không phê đến
Ông chỉ phê ngay một chữ tiền

Ông Huyện

Thánh cắt ông vào chủ việc thi
Đêm ngày coi sóc chốn trường quy
Chẳng hay gian dối vì đâu vậy
Bá ngọ thằng ông biết chữ gì

Tú Tây Hồ, đồ Xuân Dục

Tú kiết đồ keo cũng một môn
Phải ai tai nấy thất kinh hồn
Người sao rặt những phường thâm móng
Trời để chơi khăm đứa nhẫn trôn

Trông lầm

Phú đắc: "Vào rừng không biết lối ra
Thấy cây núc nác ngỡ là vàng tâm"

Hỡi đứa ôm cây tớ bảo thầm
Ruột vàng nhưng thịt nó thì thâm
Tìm hươu chẳng thấy cha thằng quáng
Xấu hổ khôn che mẹ cái lầm

Tranh nhau đỗ đầu

Hai đứa tranh nhau cái thủ khoa
Tuân khoe văn hoạt Nghị văn già

Năm này đỗ rặt phường hay chữ
Kìa bác Tuyên kia cũng thứ ba

Đùa một ông Hàn

Hàn lâm tu soạn kém gì ai
Đủ cả vung nồi đủ cóng chai
Ví phỏng quyển thi ta được chấm
Đù cha đù mẹ đứa riêng ai

Mỉa ông sơ khảo

Sơ khảo trường Nam bác cử Nhu
Thực là vừa dốt lại vừa ngu
Văn chương nào phải là đơn thuốc
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu

Hốt của trời

Nó rủ nhau đi hốt của trời
Đang khi trời ngủ của trời rơi
Hốt mau kẻo nữa kinh trời dậy
Trời dậy thì bay chết bỏ đời

Chị Hằng

Ta thấy người ta vẫn nói rằng
Nói rằng thằng Cuội ở cung trăng
Chứa ai chẳng chứa chứa thằng Cuội
Tôi gớm gan cho chị ả Hằng

Sư bị tù

Quảng đại từ bi cũng phải tù
Hay là sư cụ vụng đường tu
Tụng kinh cứu khổ ba trăm quyển
Ý hẳn còn quên một phép phù

Đưa bạn đi thi

Này này hương thí đỗ khoa nào
Nhân hậu thay lòng quan Thượng Cao
Người ta thi chữ ông thi phúc
Dù dở dù hay ông cũng vào

Ông nghè mới

Tiến sĩ khoa này đỗ mấy người
Xem chừng hay chữ có ông thôi
Nghe văn mà gớm cho văn mãi
Cờ biển vua ban cũng lạ đời

Chế quan đốc

Ông về Đốc học đã bao lâu
Cờ bạc rong chơi rặt một màu
Học trò chúng nó tội gì thế
Để đến cho ông vớ được đầu

Mừng em làm nhà

Nhà ta ngày trước có gì đâu
Chú thím ngày nay đã lại giàu
Mới biết trời cho không mấy lúc
Lọ là nuôi cá với trồng cau

Nhà gỗ năm gian lợp lá gồi
Trông dòng sông Vị tựa non Côi
Đầu nhà khanh khách vào làm tổ
Ngồi thấy chim con nó há môi

Mừng một ông trùm

Chú lại nuôi thầy dạy các em
Một bồ kinh sử mấy cỗ nem
Đất nào là đất chẳng văn học
Quyết mở đường cho thiên hạ xem

Lắm quan

Ở phố Hàng Song thực lắm quan
Thành thì đen kịt Đốc thì lang
Chồng chung vợ chạ kìa cô Bố
Đỗ lạy quan xin nọ chú Hàn

Giễu một ông Đội

Việc thánh như ông đã hết lòng
Hết lòng ra của lại ra công

Từ rầy thây mẹ ông viên hội
Thi cử làm chi nó chửi ông

Mừng một ông lang

Làm thuốc như ông cũng có tài
Thực là chăm chỉ lại nhanh trai
Phen này mồ mả nhà ta phát
Thi cử hai con đỗ cả hai

Chửi dát giường

Đù mẹ đù cha cái dát giường
Đêm nằm chỉ thấy những đau xương
Đến mai mua nứa ông mần lại
Đù mẹ đù cha cái dát giường

Ngón chầu

Có phải rằng ông chẳng học đâu
Mỗi năm ông học một vài câu
Ví dù vua mở khoa thi trống
Lạc nhạn xuyên tâm đủ ngón chầu

Đổi thi

Nghe nói khoa sau sắp đổi thi
Các thày đồ cổ đỗ mau đi
Dẫu không bia đá còn bia miệng
Vứt bút lông đi giắt bút chì

Gửi bạn

Ông có đi thi ký lục không
Nghe ông quốc ngữ học chưa thông
Ví dù nhà nước cho ông đỗ
Thì hạng lương ông được mấy đồng

Kết pháo

Tượng tượng xe xe xé lẻ rồi
Sĩ đen sĩ đỏ chẳng thành đôi
Đố ai biết ngỏ quân gì kết
Mã cũng chui rồi tốt cũng chui

HỒ XUÂN HƯƠNG

Bánh trôi

Thân em thì trắng phận em tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son

Khóc Tổng Cóc

Hỡi chàng ôi ới hỡi chàng ôi
Thiếp bén duyên chàng có thế thôi
Nòng nọc đứt đuôi từ đấy nhé
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi

Sư bị ong châm

Nào nón tu lờ nào mũ thâm
Đi đâu không đội để ong châm
Đầu sư há phải gì bà cốt
Bá ngọ con ong bé cái lầm

Giễu hai anh đồ

Dắt díu nhau lên đến cửa thiền
Cũng đòi học nói nói không nên
Ai về nhắn bảo phường lòi tói
Muốn sống đem vôi quét trả đền

Sư chưa diệt tình

Cái kiếp tu hành nặng đá đeo
Vị gì một chút tẻo tèo teo
Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc
Trái gió cho nên phải lộn lèo

Này mấy anh kia

Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ
Lại đây cho chị dậy làm thơ
Ong non ngứa nọc châm hoa rữa
Dê cỏn buồn sừng húc giậu thưa

Đồng tiền hoẻn

Cũng lò cũng bễ cũng cùng than
Mở mặt vuông tròn với thế gian
Kém cạnh cho nên mang tiếng hoẻn
Đủ đồng ắt cũng đóng nên quan

Bên Tề bên Sở

Thích câu: "Đằng tiểu quốc dã, gián ư Tề Sở : sự Tề hồ? sự Sở hồ?"

Đằng quốc xưa nay vốn nhỏ nhen
Lại thêm Tề Sở ép hai bên
Quay đầu về Sở e Tề giận
Ngoảnh mặt sang Tề sợ Sở ghen [6]

Ốc nhồi

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi
Đêm ngày lăn lóc đám cỏ hôi
Quân tử có thương thì bóc yếm
Xin đừng nghí ngoái lỗ trôn tôi

Đề đền Thái thú

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo
Ví đây đổi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu

Quả mít

Thân em như quả mít trên cây
Vỏ nó xù xì múi nó dầy
Quân tử có yêu thì đóng cọc
Xin đừng mân mó nhựa ra tay

Dỗ kẻ khóc chồng

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng
Nín đi kẻo thẹn với non sông
Ai về nhắn nhủ đàn em bé
Xấu máu thì khem miếng đỉnh chung

Miếng cau mời khách

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương mới quệt rồi
Có phải duyên nhau thì thắm lại
Đừng xanh như lá bạc như vôi

Chiêu Hổ sai hẹn cho vay

Sao nói rằng năm lại có ba
Trách người quân tử hẹn sai ra
Bao giờ thong thả lên chơi nguyệt
Nhờ hái cho xin nắm lá đa

Bài họa của Chiêu Hổ

Rằng gián thì năm quý có ba
Bởi người thục nữ tính không ra
Ừ rồi thong thả lên chơi nguyệt
Cho cả cành đa lẫn củ đa

Thơ đùa Chiêu Hổ

Những bấy lâu nay luống nhắn nhe
Nhắn nhe toan những sự gùn ghè
Gùn ghè nhưng vẫn còn chưa dám
Chưa dám cho nên phải rụt rè

Bài họa của **Chiêu Hổ**

Hỡi hỡi cô bay tớ bảo nhe
Bảo nhe không được gậy ông ghè
Ông ghè chẳng được ông ghè mãi
Ghè mãi thì lâu cũng phải rè

Lại đùa Chiêu Hổ

Anh đồ tỉnh anh đồ say
Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày
Này này chị bảo cho mà biết
Chốn ấy hang hùm chớ mó tay

Bài họa của **Chiêu Hổ**

Này ông tỉnh này ông say
Này ông ghẹo nguyệt giữa ban ngày

Hang hùm ví bẵng không ai mó
Sao có hùm con bỗng trốc tay

Thơ dương vật

Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn,
Ban đêm không mắt sáng hơn đèn.
Đầu đội nón da loe chóp đỏ
Lưng đeo bị đạn rủ thao đen.

ĐOÀN NHƯ KHUÊ

Bể thảm

Bể thảm mênh mông sóng lụt trời
Khách trần chèo một lá thuyền chơi
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió
Coi lại cùng trong bể thảm thôi

Coi lại cùng trong bể thảm thôi
Nổi chìm chìm nổi biết bao người
Kiếp người nghĩ cũng lênh đênh quá
Quá cánh bèo trên mặt nước trôi

Quá cánh bèo trên mặt nước trôi
Nước trôi bèo nổi ngán cho đời
Cuộc đời đổi đổi thay thay mãi
Trải mấy lần dâu hóa bể khơi

Trải mấy lần dâu hóa bể khơi

Một hai ba tuổi chín mười mươi
Xiết bao mừng rỡ bao thương xót
Khóc mấy mươi phen mấy trận cười

Khóc mấy mươi phen mấy trận cười
Dẫu cười chưa hẳn đã là vui
Trần vui sao lại cho là tục
Mới lọt lòng ra đã khóc rồi

Mới lọt lòng ra đã khóc rồi
Kiếp trần ngán lắm chị em ơi
Một lần mình khóc lần người khóc
Sống thác đôi lần giọt lệ rơi

Sống thác đôi lần giọt lệ rơi
Cảnh phù du cũng khéo trêu ngươi
Bể bao nhiêu nước bao nhiêu thảm
Lấp chẳng đầy cho tát chẳng vơi

NGUYỄN QUỲNH
Cống Quỳnh

Phố Hiến

Phố Hiến thuộc Hưng Yên là nơi có người Tây buôn bán tấp nập nên đã có câu "Thứ nhất Kinh kỳ thứ nhì Phố Hiến"

Nghe đồn Phố Hiến hơn Kinh kỳ
Chơi ba ngày chẳng thấy quái gì

Ngô lớn Ngô con răng trắng nhởn
Đĩ già đĩ trẻ đách thâm sì

Bỡn cô có lúa

Tuyên Quang Hoằng Hóa cũng thì vua
Nắng cực cho nên phải mất mùa
Lại đứng đầu bờ xin xỏ chị
Chị nỡ lòng nào chị chẳng cho

ĐẶNG MINH KHIÊM [7]

Lý Thường Kiệt

Đệ huynh chỉ xích thị minh quang
Tài lược kiêm ưu hữu mão dương
Bắc phạt nam chinh huân nghiệp trước
Thù phi môn ngoại tiểu điêu đương

Bài dịch của **Hoàng Xuân Hãn**

Anh em chầu chực chốn đền đài
Tài lược gồm hay lại đẹp trai
Đánh bắc bình nam huân nghiệp rạng
Hoạn thần [8] nhưng khác lũ hầu sai

NGUYỄN LỄ
Tiến sĩ đời Mạc

Ẩn dật

Sau khi nhà Mạc bị diệt, vào ẩn trong núi Huyền Đăng

Ta muốn yên thân lánh chốn nghèo
Chỉ là ẩn dật há rằng siêu
Cõi thanh vân quyết ra tay mở
Nữa nữa con em sẽ bước theo

QUAN THƯỢNG GIAI

Đèn chạy quân

Một lũ ăn mày một lũ quan
Quanh đi quẩn lại vẫn một đoàn
Đến khi dầu cạn đèn không cháy
Chẳng thấy ăn mày chẳng thấy quan

TỪ ĐẠO HẠNH

Di ngôn [9]

Thu lai bất báo nhạn lai qui
Lãnh tiếu nhân gian lạm phát bi

Vị báo môn nhân lưu luyến chước
Cổ sư kỷ độ tác kinh sư

Bài dịch của **Ngô Tất Tố**

Thu về chẳng báo nhạn theo bay
Cười lạt người đời uổng xót vay
Thôi hỡi môn đồ đừng luyến tiếc
Thầy xưa mấy độ hóa thầy nay

NGUYỄN KHẢI XUYÊN

Qua núi Điệp Sơn

Đã trót lên đèo phải xuống đèo
Tay không xem cũng đã cheo leo
Huống chi thiên hạ người khiêng gánh
Tháng trọn ngày thâu chỉ những trèo

BÀ NGÔ CHI LAN

Vịnh Xuân

Khí trời ấm áp đượm hơi dương
Thấp thoáng lâu đài vẻ ác vàng
Rèm liễu líu lo oanh hót gió
Giậu hoa phấp phới bướm châm hương

Vịnh Hạ

Gió bay bông lựu đỏ tơi bời
Tựa gốc cây du đứng nhởn chơi
Oanh nọ tiếc xuân còn vỗ cánh
Én kia nhớ cảnh cũng gào hơi

Vịnh Thu

Gió vàng hiu hắt cảnh tiêu sơ
Lẻ tẻ bên trời bóng nhạn thưa
Giếng ngọ sen tàn bông hết thắm
Rừng phong lá rụng tiếng như mưa

Vịnh Đông

Lò sưởi bên mình ngọn lửa hồng
Giải buồn chén rượu lúc sầu đông
Tuyết đưa hơi lạnh xông rèm cửa
Gió phẩy mùa băng giải mặt sông

ĐẶNG TRẦN THƯỜNG

Đi vay

Lẩn thẩn Đồ Thường đã đến đây
Có tiền cho giật lấy năm chầy
Năm chầy chẳng được ba chầy vậy
Phiếu mẫu đền ơn cũng có ngày

BÀ BANG NHÃN

Qua cửa Hàn

Rầm rầm ngựa lại với xe qua
Nhượng địa là đây có phải a
Liếc mắc nhìn xem phong cảnh lạ
Ôm lòng trạnh tưởng nước non nhà

TRẦN DỤ TÔNG

Trần Thái Tông

Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông
Đường xưng Trinh Quán ngã Nguyên Phong
Kiến Thành tru tử An Sinh tại
Miếu hiệu tuy đồng đức bất đồng

Bài dịch khuyết danh

Đường Việt hai triều cũng Thái Tông
Đường xưng Trinh Quán Việt Nguyên Phong
Kiến Thành chịu giết An Sinh sống [10]
Miếu hiệu thì như đức chẳng cùng

NGUYỄN HỮU CHỈNH
Cống Chỉnh

Cái pháo

Xác không vốn những cậy tay người
Bao nả công trình tạch cái thôi
Kêu lắm lại càng tan xác lắm
Thế nào cũng một tiếng mà thôi

TUY LÝ VƯƠNG

Vô đề

Song thanh điệp vận

Mây xanh núi tối chim tìm tổ
Khách cách đường trường nốt [11] cột lau
Lỏng khỏng đào cao nường phậu [12] xấu
Lơ thơ liễu yếu chị đào đau

KHUYẾT DANH

Nên chừa rượu

Rượu là thuốc độc chớ nên ham
Uống đến việc chi lớn cũng làm;
Chẳng những nói ngang thiên hạ ghét,
Về nhà cọn, vợ, chịu nào kham.

Nước lụt tượng bụt trôi

Mông mênh chùa đó ngập nông sâu
Bể khổ sao không sớm bắc cầu
Tượng gỗ muốn về Tây Trúc cả
Nào thuyền bát nhã của ông đâu

Con cua

Đã có mai xanh lại yếm vàng
Ba quân khiêng kiệu kiệu nghênh ngang
Xin theo ông Khổng về bên Lỗ [13]
Học thói Bàn Canh nấu chín thang [14]

Đề núi non bộ

Khen ai khéo tạc đúc nên cồn
Đứng vững phô bày cảnh nước non
Cây cỏ xanh rì in dấu đá
Nước non lóng lánh dáng chưa mòn

Nước non lóng lánh dáng chưa mòn
Thế giới riêng bầu cỏn cỏn con
Vang động gió khua cầm thú vắng
Thiên nhiên lắm vẻ đẹp xinh giòn

CHÚ THÍCH THẤT NGÔN TỨ CÚ

1. Nguyễn Thuyên vâng lệnh vua Trần Nhân Tôn, bắt chước Hàn Dũ, làm bài văn này đuổi cá sấu nên được nhà vua cho đổi họ Hàn.
2. Phú Lương là tên cũ của Hồng Hà.
3. Hải Ấp thuộc Sơn Nam là quê của nhà Trần.
4. Động này thuộc tỉnh Ninh Bình.
5. Tục truyền có bà Nữ Oa đội đá vá trời
6. Bài này nói ví người có hai vợ, quay đầu bên nọ thì mất lòng bên kia.
7. Văn thần đời Lê Thánh Tôn.
8. Lý Thường Kiệt vốn là một hoạn thần.
9. Từ Đạo Hạnh tên là Lộ, là một thiền sư đời nhà Lý. Tục truyền thiền sư sau thác làm con Sùng Hiền Hầu để rồi được tôn làm vua tức Lý Thần Tôn. Bài di ngôn này, thiền sư ứng khẩu trước các môn đệ vào lúc lâm chung.
10. Thái Tông nhà Đường giết anh là Kiến Thành vì ông này làm phản, còn Thái Tông nhà Trần thì không nỡ giết anh là An Sinh tuy ông này cùng nổi loạn để tranh ngôi.
11. Nốt là một thứ thuyền nhỏ.
12. Phậu là người hầu gái trong cung.
13. Lỗ là quê đức Khổng, câu này lộng ngữ chữ Khổng là cái lỗ để nói cái Lỗ của con cua.
14. Bàn Canh là một vị vua đã làm hưng nghiệp của ông tổ là vua Thành Thang, câu này lộng ngữ chữ canh và chữ thang.

THẤT NGÔN CỔ PHONG

NGUYỄN KHUYẾN

Chỗ lội làng Ngang

Đầu làng Ngang có một chỗ lội
Có đền ông Cuội cao vòi vọi
Đàn bà đến đấy vén quần lên
Chỗ thì đến háng chỗ đến gối
Ông Cuội ngồi trên mỉm mép cười
Cái gì trăng trắng như con cúi
Đàn bà khép nép đứng liền thưa
Con trót hớ hênh ông xá tội
Thôi thôi con có tội chi mà
Lại đây ông cho giống ông Cuội
Từ đấy làng Ngang đẻ ra người
Đẻ ra rặt những thằng nói dối

THẤT NGÔN TRƯỜNG THIÊN

KHUYẾT DANH

Bài tổng luận Kiều

Ngẫm truyện cũ triều Minh Gia Tĩnh
Có hai người con gái họ Vương
Thúy Vân thời mày mặt nở nang
Nàng Kiều nọ khôn ngoan sắc xảo
Mặt tựa ngọc mai hoa phát tảo
Tóc như mây yểu điệu khôn nhường
Đã lầu thông kinh sử văn chương
Lại gồm đủ cầm kỳ thi họa
Thanh minh tiết rủ nhau đi viếng mả
Chật bên đường xe ngựa nghênh ngang
Xứ xứ đều sáng rõ lửa hương
Duy một mộ bên đường không kẻ đắp
Kiều trông thấy bỗng lương tâm tuất cập
Hỏi Vương Quan cho tỏ biết duyên do
Nàng Đạm Tiên xưa cũng nhà trò
Kiếp hồng phấn cũng một lò trong cuộc thế

Kiều nghe đến phút liền sa lệ
Đốt hương lên mà mật khấn Đạm Tiên
Chẳng ai ngờ đồng bệnh tương liên
Phút khắc hiện đưa thơ thập thủ
Số đoạn trường căn do bày đủ
Kiều nghe rồi khủng cụ xiết bao
Buổi hoàng hôn bóng đã xế chiều
Vương Quan rủ hai Kiều trở lại
Sự tình này duyên trời đưa lại
Gốc phù dung khi tương hội Kim Lang
Tạ từ rồi các các tan hàng
Nào ai biết lòng chàng sở dục
Thuê nhà xóm hương lân trọ học
Ngày ngày thường chú mục đông song
Việc chẳng qua đặt bởi Thiên Công
Cành trâm đã tơ hồng định trước
Lấy của ấy là tin nhận ước
Xui chàng Kim bắt được đem về
Ngắm nghía còn để trước án kia
Vẳng nghe tiếng bên kia xin lại
Trao lá xuyến còn đương ngần ngại
Trước án thư giấc quế mơ màng
Nghe bên tai văng vẳng tiếng nàng
Sực mở mắt ép cung đàn xế cống
Mải vui quá xui nên lòng động
Giấc mơ màng toan giở giọng lần khân
Chữ hiếu trung van vỉ với ân cần
Xin thương lấy chút thân bồ liễu
Chàng đã định cương thường đại điệu
Trình song thân định liệu nhân duyên
Trao phím đàn với mảnh gương nguyền
Phút chốc đã gà thôn gáy giục
Cung ngũ đối còn đương dở khúc
Thơ nhà chàng hiếu phục thúc thân

Kẻ ra về trong dạ tần ngần
Người lên ngựa băn khoăn tình không dứt
Buổi tai nạn chen nhau vào lối chật
Cả hai nhà cũng mắc nạn oan gia
Thằng bán tơ sao giờ dói ra
Để đến nỗi ông già mắc nạn
Đáo động đình cửa nhà muôn vạn
Thói sai nha vơ vét sạch không
Chữ hiếu trung trông thấy đau lòng
Hai tay trắng giao thông chăng nhẽ phải
Sự bất quá trên quan dưới lại
Nén bạc dâng lẽ phải có là bao
Đạo làm con để thế trông vào
Cơ tạo hóa khiến sao nên vậy
Bán mình đã tiền giao tờ lấy
Đem đầu vào bốn lạy chú đề Chung
Tội oan gia rửa sạch như không
Một nhà lại thung dung như trước
Bước chân ra thấy Giám sinh đón rước
Trình song thân sau trước cụ trần
Duyên chàng Kim trao lại em Vân
Rồi mặc khách mưa Tần gió Sở
Ra chào mời Giám sinh lên ngựa
Ruổi xe loan khi trả nợ bồng tang
Đến nửa đường trót phối hợp cùng chàng
Ngày mai bỗng cửa hàng sang đón rước
Thấy hai ả cài trâm giắt lược
Đứng đôi bên tiến bước Bạch ni thần
Ngẫm cơ đồ trong dạ tần ngần
Thấy một mụ vắt chân lên ghế chéo
Phận ti tiểu đã đành cam chịu
Lại ra điều cách điệu thung huyên
Bởi thấp cơ nên phải tòng quyền
Tiểu đao dắt nàng liền tự tiễn

Mê trông thấy Đạm Tiên biến hiện
Nhủ rằng nàng còn chút nợ sông Tiền
Hễ bao giờ chị đến giang biên
Trả sạch nợ trần duyên là đó
Tiên tích việt định ngày lên ngựa
Thượng sách đàn từ dở phận hồng nhan
Vì Sở Khanh nên đóa hoa tàn
Mã Kiều dặn căn nguyên sau trước
Thấy Thúc mỗ cửa nhà lẫm liệt
Trải nghề chơi nghe biết tiếng nàng
Bốc trời ra mặt giàu sang
Hỏi giá cả cân vàng mua chuộc lại
Tú Bà tính những là có lãi
Soạn nguyên văn gả lại cho chàng
Chẳng ngờ nhân quả dở dang
Nghiêm Thúc phụ chẳng thương đi kiện cáo
Nhà lệnh doãn quảng văn đại đạo
Hỏi Thúc ông kiện cáo ích gì
Xử hòa cho lễ tạ ra về
Còn e nỗi chính thê vị toại
Đêm ngày nhủ Thúc sinh quy tại
Giấu giếm chi thêm nghĩ ngợi tương lai
Cho nên nỗi lâu đài tan tác
Thấy chết đuối vớt vào thay gạt
Thuốc mê phun bát ngát mơ màng
Đàn bà nhường ấy mới gan
Nay mới biết dương gian địa ngục
Một năm suốt lại trông thấy Thúc
Giả vờ rằng hiếu phục chưa xong
Hoạn Thư khen chí hiếu hết lòng
Truyền lấy rượu định công hành thưởng
Bắt nàng ra trì hồ dưới trướng
Hoạn Thư ngồi trịch thượng cười thầm
Toan làm cho bõ lúc đau ngầm

Chén rượu chuốc phải cầm uống gượng
Mải thương quá ngập ngừng luống ngượng
Trông hai người hình tượng mệt mê
Hoạn Thư ngồi trong bức rèm che
Trông hai mặt khí đề cát túc
Cầm quyền bính cậy tay chàng Thúc
Lấy cung chiều cho sỉ nhục cả hai người
Cánh chim đâu dưới đất trên trời
Cam cung khuyết ra ngoài Quan Âm các
Lòng cũng muốn tu hành cực lạc
Chẳng ngờ chàng thoái thác lẻn ra
Xịch nghe tiếng hài hoa bước tới
Một mình thôi ắt đà sợ hãi
Cửu lưu thời tất hại tâm thân
Sẵn mọi đồ chuông khánh kim ngân
Quyết giắt để nương thân kiếm thú
Nửa đêm thấy chúng thuyền yên ngủ
Lẻn mình vào tìm thú cảnh xa
Đem đầu vào Tam Hợp sư bà
Nộp chuông khánh để mà ký thác
Chẳng ai ngờ phải con vãi Bạc
Vốn nó là đĩ rạc bợm già
Ghẽ tỏ tường thực của Hoạn gia
Sư dong túng ắt là tai vạ
Chẳng ai ngờ gặp quân gian trá
Đem mình vào ép gả Bạc sinh
Dập dìu đưa đến Lâm Thanh
Hay đâu cũng lầu xanh một tổ
May lại gặp anh hùng cấng cổ
Nghiên góc trời cờ trống lung tung
Vả Từ công lẫm liệt uy phong
Sức cao cả xương đồng da sắt
Nghe thấy tiếng Thúy Kiều tài sắc
Trải nhìn xem nét mặt quá ưa

Hỏi rằng nàng Từ phải bao giờ
Sai bộ tốt kéo cờ sang đón rước
May gặp vận long vân cá nước
Nợ tang bồng từ trước trả sạch sanh
Dưới cúi đầu nhờ cậy uy linh
Trả ân oán bất bình phen lưu lạc
Đòi vãi Giác Thúc Sinh cho gấm bạc
Còn Hoạn Thư phát lạc cho về
Nội bao nhiêu những chúng ác kia
Hạ lệnh cứ ra hình trảm sát
Nợ ân oán bể hồ vơi tát
Phút động lòng khao khát mặt thung huyên
Ở làm sao cho trung hiếu vẹn tuyền
Cho phỉ chí thuyền quyên sở nguyện
Nếu chàng ở trong vòng chinh chiến
Như Hoàng Sào Mã Viện có ai khen
Tính thiệt hơn quyết chí lai hàng
Cho đến nỗi chiến tràng trễ nải
....
Quyết lập mưu sát hại Liêu công
Thu linh chàng một tiếng súng đồng
Ai ai chẳng sợ uy quan Vũ đổng
Tham vinh hiển cho nên võng khống
Để Hồ Tôn nhất thống cao danh
Buổi hạ công tướng sĩ trong thành
Giả say tỉnh ép tình người mỹ nữ
Đạm Tiên hỡi còn chờ ta đó
Hẹn cùng ta rước lấy ta về

Ông lang viết thư cho tình nhân

Dùng toàn tên các vị thuốc

Trước kính lạy trông ơn *bối mẫu*
Sau tỏ cùng thục nữ *hồng hoa*

Đôi ta từ *bán hạ* giao hòa
Lòng những ước *liên kiều* hai họ
Duyên *xích thược* anh đà gắn bó
Nghĩa *quế chi* em khá ghi lòng
Mặc ai dầu chổi tiếng *phòng phong*
Đôi ta nguyện phụng loan *kiết cánh*
Ngồi nhớ tới *đạo nhân* cám cảnh
Nỡ để cho *quân tử* ưu phiền
Muốn sao cho nên nghĩa *hoàng liên*
Thời mới đặng vui vầy *viễn chí*
Buồn ngồi chốn *mạch môn* thăng thỉ
Nhớ thuyền quyên *tục đoạn* gan vàng
Ơn mẹ cha nghĩa tỏ *hoài san*
Công song nhạc tình đà *đỗ trọng*
Ngày vái với *thiên môn* lồng lộng
Đêm nguyện cùng *thục địa* chiếu chi
Đã muốn cho trọn chữ *đương quy*
Vậy nên phải cạn lời *bạch truật*
Bấy lâu tưởng *linh tiêu* phụ dực
Nay mới tường *độc hoạt* loan phòng
Trách dạ em nhiều nỗi *xuyên khung*
Trạnh tủi phận lòng này *cam toại*
Vị *nhỡn nhục* không trông trái phải
Nỡ phụ người *bạch chỉ* chi nhân
Tưởng cùng nhau tụ hội *châu trần*
Hay đâu bậu ký sanh *viễn địa*
Này *kinh giới* chẳng toàn nhân nghĩa
Chốn *tiền hồ* nguyện kết kiểu châm
Tai vẳng nghe nổi tiếng *hoàng cầm*
Trạnh tủi phận đầm đầm *trạch tả*
Nhớ *trinh nữ* nhường dao cắt dạ
Quặn *nhân bào* tựa muối sát lòng
Ngùi *châu sa* lụy ngọc ròng ròng
Đoạn *thần khúc* đề thơ trách bậu

SONG THẤT LỤC BÁT

NGỌC HÂN CÔNG CHÚA

Ai tư vãn

(Sau khi Quang Trung băng hà, việc tống táng đã xong, Công chúa có làm một bài ai vãn rằng)

Gió hiu hắt phòng tiêu lạnh lẽo
Trước thềm lan hoa héo ron ron;
Cầu tiên khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu
Nỗi lai lịch dễ hầu than thở,
Trách nhân duyên mờ lỡ cớ sao?
Sầu sầu thảm thảm xiết bao,
Sầu đầy dạt bể, thảm cao ngất trời!
Từ cờ thắm trở vời cõi Bắc,
Nghĩa tôn phù [1] vắng vặc bóng dương
Xe dây vàng mệnh phụ hoàng,
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu quy.
Trăm ngàn dặm, quản chi non nước
Chữ nghi gia mừng được phải duyên;

Sang yêu muôn đợi ơn trên,
Rõ ràng vẻ thúy, nối chen tiếng cầm
Lượng che chở, vụng lầm nào kể
Phận đinh ninh, cặn kẽ mọi lời;
Dù rằng non nước biển trời;
Nguồn tinh ắt chẳng chút vơi đâu là
Lòng đùm bọc thương hoa đoái cỗi,
Khắp tôn thần cùng đội ơn sang;
Miếu đình còn dấu chưng thường, (2)
Tùng thu (3) còn rậm mấy hàng xanh xanh
Nhờ hồng phúc gội cành hòe quế
Đượm hơi dương dây rễ cùng tươi,
Non Nam lần chúc tuổi trời,
Dâng câu Thiên bảo (4), bầy lời Hoa phong (4)
Những ao ước chập trung tuổi hạc,
Nguyền trăm năm ngõ được vầy vui;
Nào hay sông cạn bể vùi,
Lòng trời dáo dở, vận người biệt ly.
Từ tháng hạ mưa hè trái tiết,
Xót mình rồng mỏi mệt chẳng yên;
Xiết bao kinh sợ lo phiền,
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu
Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước
Phương pháp nào đổi được cùng chăng?
Ngán thay máy Tạo đất bằng
Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan!
Cuộc tụ tán bi hoan kíp bấy.
Kể xum vầy đã mấy năm nay?
Lênh đênh chút phận bèo mây,
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu?
Trằn trọc luống đêm thâu ngày tối,
Biết cậy ai dập nỗi bi thương?
Trông mong luống những mơ màng
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu
Vội vàng sửa áo lên chầu.
Thương ôi quạnh quẽ trước lầu nhện giăng!
Khi bóng trăng lá in lấp lánh.
Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi
Vội vàng dạo bước tới nơi,
Thương ôi vắng vẻ giữa trời sương sa!
Tưởng phong thể [5] xót xa đòi đoạn,
Mặt rồng sao cách rán lâu nay,
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành?
Nẻo u minh [6] khéo chia đôi ngả,
Nghĩ đòi phen nồng nã đòi phen;
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,
Ước xin kiếp khác vẹn nguyền lửa hương.
Nghe trước có đấng vương Thang, Võ
Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao
Mà nay áo vải cờ đào [7]
Giúp dân dựng nước biết bao công trình!
Nghe rành rành trước vua Nghiêu, Thuấn,
Công đức dầy ngự vận càng lâu;
Mà nay lượng cả ơn sâu,
Móc mưa tưới khắp chín châu đượm nhuần!
Công dường ấy mà nhân dường ấy,
Cõi thọ sao hẹp mấy, Hóa công?
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,
Đổi thân ắt hẳn bõ lòng tôi ngươi,
Buồn thay nhẽ sương rơi gió lọt,
Cảnh đìu hiu thánh thót châu sa
Tưởng lời di chúc [8] thiết tha
Khóc nào lên tiếng, thức mà cũng mê!
Buồn thay nhẽ xuân về hoa nở,
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong,

Quyết liều mong vẹn chữ tòng
Trên rừng nào ngại giữa giòng nào e
Còn trứng nước thương vì đôi chút
Chữ tình thâm [9] chưa thoát được đi.
Vậy nên nấn ná đòi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo
Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo,
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân;
Theo xa thôi lại theo gần
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa
Đương theo, bỗng tiếng gà sực tỉnh,
Đau đớn thay ấy cảnh chiêm bao!
Mơ màng thêm nỗi khát khao,
Ngọc kinh [10] chốn ấy, ngày nào tới nơi!
Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
Nguyện đồng sinh [11] sao đã kíp phai?
Xưa sao sớm hỏi khuya bầy
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ
Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ?
Tình cô đơn ai kẻ xét đâu
Xưa sao gang tấc gần chầu,
Trước sân phong nguyệt trên lầu sinh ca
Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi,
Tin hàn huyên khôn hỏi thăm lênh
Nửa cung gẫy phiếm cầm lành,
Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ!
Nghĩ nông nỗi ngẩn ngơ đôi lúc
Tiếng tử quy [12] thêm dục lòng thương
Não người thay, cảnh tiên hương,
Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông;
Trông mái đông lá buồm xuôi ngược
Thấy mênh mông những nước cùng mây
Đông rồi thời lại trông tây
Thấy non ngân ngất, thấy cây rườm rà.

Trông nam thấy nhạn sa lác đác,
Trông bắc thôi ngàn bạc màu sương
No trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khơi thẳm, biết đường nào đi
Cậy ai có phép gì tới đó
Dâng vật thường xin ngỏ lòng trung
Này gương là của Hán Cung,
Ơn trên xưa đã soi chung đôi ngày
Duyên hảo hợp xót rầy nên lẻ
Bụng ai hoài lạnh ghẻ vì đâu?
Xin đưa gương ấy về chầu
Ngõ soi cho tỏ gót đầu mông ơn [13]
Tưởng linh sảng [14] nhơn nhơn còn dấu
Nỗi sinh cơ có thấu cho không?
Cung xanh đương tuổi ấu xung [15]
Di mưu [16] sao nỡ quên lòng đoái thương?
Gót lân chỉ [17] mấy hàng lẫm chẫm
Đầu mũi mao; mình tấm áo gài.
U ơ ra trước hương đài
Tưởng quang cảnh ấy chua cay dường nào!
Trong sáu viện [18] ố đào ủ liễu,
Xác ve gầy lỏng lẻo xiêm nghê;
Long đong xa cách hương quê,
Mong theo lầm lối, mong về tuổi duyên
Dưới bệ ngọc hàng uyên vò võ
Cắt chân tay thương khó xiết chi.
Hang sâu nghe tiếng thương bi
Kẻ sơ còn thế huống gì người thân
Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát,
Mạch sầu tuôn ai tát nên vơi,
Càng trông càng một xa vời
Tấc lòng thảm thiết, chín trời biết chăng?
Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi
Gương Hằng Nga đã bụi màu chong;

Nhìn gương càng thẹn tấm lòng
Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà!
Buồn xem hoa hoa buồn thêm thẹn
Cánh hải đường đã quyện giọt sương
Trông chim càng dễ đoạn trường
Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi
Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!
Phút giây bãi bể nương dâu
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?
Chữ tình nghĩa, trời cao đất rộng,
Nỗi đoạn trường, còn sống còn đau,
Mấy lời tâm sự trước sau,
Đôi vừng nhật nguyệt trên đầu chứng cho!

NGUYỄN HỮU CẦU
Quận He

Chim trong lồng

Quận He tức là Nguyễn Hữu Cầu, người xã Lôi Động, Huyện Thanh Hà, trấn Hải Dương, sinh đời vua Lê Dụ Tôn. Từ thuở nhỏ đã có sức khỏe phi thường, lớn lên làm giặc, chiếm cứ miền Đông, lấy Đồ Sơn làm nơi sào huyệt, chống cự với triều đình mười năm trời. Mãi đến năm Cảnh Hưng thứ 11 mới bị Phạm Đình Trọng bắt giải về Kinh làm tội. Bài này được làm ra trong lúc bị giam trong ngục.

Nhất lung thiên địa tàng thân tiểu
Vạn lý phong vân cử mục tần (19)
Hỏi sao sao lụy cơ trần
Bạn tài bay nhảy xót thân tang bồng
Nào khi vỗ cánh tỉa lông
Hót câu thiên túng trong vòng lao lung (20)
Chim oanh nọ vẫy vùng dậu Bắc
Đàn loan kia túc tắc cành Nam
Mặc bay đông ngữ tây đàm
Chờ khi phong tiện dứt giàm vân lung (21)
Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán (22)
Phá vòng vây bạn với kim ô
Giang sơn khách diệc tri hồ (23)

HỒNG VÂN

Tự thán

Trời đất lạ sinh mình cũng lạ
Cái tử sinh dồn dã tâm can
Lúc sơ sinh mình đã khóc ran
Sao lúc chết lại người than kẻ khóc
Sinh ra phúc phúc gì mà phúc
Chết mà thương thương cóc gì thương
Cười cho cái cuộc tang thương
Trải bao kim cổ một tràng tử sinh
Thà chẳng có sinh mình ra nữa
Khí thần thiêng dựa với trời xanh
Hay là trời bắt phải sinh
Làm cho cho lụy tâm tình rối bong
Hoặc làm cá bể đông vùng vẫy
Hang cửu nguyên tìm lấy nương thân
Làm chim bay chín từng vân
Dọc ngang trời rộng mười phân thanh nhàn
Hay ảo hóa làm lan u cốc
Hãy tỉnh tu làm trúc thâm lâm
Thanh hương là kẻ tri âm
Bạn cùng cây cỏ lửa tâm nguội dần
Kia tinh đẩu sáng ra trời đất
Nọ sơn hà giữ mực thanh trinh
Hay chi những thói nhân tình
Nằm suông ngửa bụng không đành lại xoa

DƯƠNG LÂM

Chơi chùa Hương

Hà xứ Đào nguyên lộ
Mai lâm Yến vĩ Khê
Nam thiên đệ nhất ai đề
Ra vào cõi Phật đi về cảnh tiên
Kìa núi biếc vẫn quen đầu bạc
Hỏi mấy lời ghi tạc non sông
Hỏi tiên trên đỉnh non Bồng
Hỏi Phật trong động sắc không thế nào
Hỏi thế giới cớ sao như vậy
Hỏi giang sơn còn mấy tang thương
Hỏi thế đạo hỏi văn chương
Hỏi ông Tạo hóa chủ trương bề nào
Hỏi sơn thủy thanh cao mãi thế
Hay cỏ cây nhuộm vẻ màu thu
Hỏi hang hỏi động hỏi chùa
Hỏi chim gõ mõ Thiên trù mãi không
Hỏi khánh đá trống đồng thuở trước
Hỏi Tẩy oan rửa được bao người
Hỏi mình chẳng hỏi hỏi đời
Hỏi non chẳng nói chẳng cười với ai
Của con tạo cho người đã biết
Còn ai là phong nguyệt chủ nhân
Trăm năm mặc nợ hồng trần
Thanh sơn còn được mấy lần gặp nhau
Tuổi già xin hỏi mấy câu

NGUYỄN KHUYẾN

Tiễn biệt

Tiếng cầm gửi mười lăm năm trước
Trở về sau tin tức lờ mờ
Hội vui biết đến bao giờ
Hay đâu gặp gỡ lại từ biệt nhau
Thơ tống khách đọc câu giang thượng
Thiện kiếm nam còn chuộng làm chi
Lũ ta cũng chẳng ra gì
Tiền đâu mua lấy thanh nga cho hoài

Chơi núi Nam sơn

Phỏng ý thi của Lý Bạch

Trời hôm bước xuống chân đèo
Bóng trăng lẩn núi cùng theo người về
Ngảnh mặt lại nhầm nhè nẻo tắt
Dáng non xa xanh ngắt một màu
Nhà quê sẩn rủ rê nhau
Trẻ thơ lần mở cửa lau khuyên chào
Khóm lục trúc chen vào ngõ chật
Ngọn thanh la sẽ phất áo người
Mừng rằng được chỗ nghỉ ngơi
Rượu ngon chuốc chén đầy vơi ta cùng
Tiếng ca lẩn gió thông lác đác
Khúc ngâm tàn xơ xác vẻ sao
Mình say bác cũng lao đao
Cho xong một cuộc biết bao chuyện đời

PHẠM SĨ VY

Bản dịch bài phú Xích Bích

Năm Nhâm Tuất mùa thu tháng bảy
Ông Tô công cùng với khách chơi
Lênh đênh Xích Bích thuyền xuôi
Gió trong hây hẩy sóng ngoài êm êm
Khuyên mời khách từng thêm chuốc rượu
Thơ trăng bài yểu điệu ngâm nga
Phút trông thấy bóng Tố Nga
Nhô trên ngọn núi quanh tòa Đẩu Ngưu
Sương mặt nước một màu trắng xát
Nước non xanh sáng toát da trời
Thả buông một lá thuyền chơi
Sấn đè làn sóng khoan bơi giữa dòng
Phơi phới như trên không cưỡi gió
Xênh xang như cánh vỗ lên tiên
Tạc thù chén thánh rượu hiền
Cùng vui tay gõ mạn thuyền hát ran
Hát rằng Gỗ mộc lan làm lái
Gỗ quế thời làm cái bơi chèo
Bát chèo lộn bóng trăng treo
Thẳng trông làn sóng ngược theo bến tần
Đoái phong cảnh tần ngần khôn xiết
Trông mỹ nhân mờ mịt phương xa
Thổi tiêu có khách họa ca
Một là oán gió hai là khóc mây
Ngâm giọng như dầy dầy tơ lụa
Rồng múa vang gái bụa khóc thuyền
Ông Tô biết ý hỏi liền
Rằng trong vui vẻ mà phiền cớ sao

Khách rằng đêm vắng trăng sao
Thước bay về chốn Nam giao một mình
Thơ Mạnh đức cảm tình còn đó
Để ta nay hoài cổ trạnh lòng
Nhớ người nhớ cảnh buồn trông
Vũ Xương tây Hạ Khẩu đông đôi đường
Sông với núi ngổn ngang lối cũ
Chỗ này Ngô đánh đổ Tào binh
Nhớ ngày nào phá châu kinh
Giang Lăng lại lấy xuôi mành sang đông
Thuyền muôn dặm cờ rong mười đạo
Tiệc khao binh múa giáo ngâm thơ
Anh hùng ngang dọc khi xưa
Mà con người ấy bây giờ là đâu
Ta hái củi đi câu trên bến
Quen cá tôm mà bạn hươu nai
Cùng thuyền cùng chén cùng chơi
Vợ trong trời đất thóc ngoài bể sâu
Ngẫm nhân thế bóng câu thấp thoáng
Ước được như muôn trượng sông dài
Bay lên dất bạn tiên chơi
Tới nơi cung Quảng ôm vai chị Hằng
Ước như thế chắc rằng trái ước
Nhận gió thu gửi được mối sầu
Ông Tô biết ý buồn rầu
Rằng Trăng với nước Khách hầu có hay
Nước có chảy đêm ngày cuồn cuộn
Mà mặt sông trông vẫn đầy luôn
Trăng kia thôi khuyết lại tròn
Mà vầng trăng vẫn hãy còn xưa nay
Trời đất biến không đầy chớp mắt
Không biến thời nhân vật vẫn còn
Còn trời còn nước còn non
Ước chi việc khó cho mòn con ngươi

Cõi trời đất của ai chủ nấy
Của người ta chẳng lấy tơ hào
Duy còn gió mát trăng cao
Núi sông dành thú thanh cao cho người
Tai nghe gió thoảng ngoài vui vẻ
Mắt trông trăng như vẽ như tô
Của chung ai lấy cũng cho
Tiêu dùng biết đến bao giờ cho vơi
Kho tạo vật đời đời sẵn đó
Bác với tôi được thú chơi chung
Cùng vui tan cuộc rượu nồng
Ngủ chầy chẳng biết vừng đông đã hừng

TRẦN DANH LÂM

Bài phụ Đồng tiên

Trước bảo tọa khói hương sực nức
Cảnh Bồng lai năm thức mây tuôn
Khí thiêng quanh khắp kiền khôn
Hư không nổi áng Đào nguyên mấy màu
Vùng đào nguyệt soi đâu chẳng tỏ
Dám tâu qua giãi ngỏ lòng tin
Thấy trong lục cũ để truyền
Cảnh tiên có cảnh người tiên có người
Kiếp xuống đời lạ nhường phong cốt
Giá thiên nhiên ngọc chuốt vàng trau
Tài cao trí cả học sâu
Tâm thân là trọng công hầu là khinh
Thú thích tình non non nước nước

Hạc với cầm là ước xưa nay
Tiêu dao thong thả tháng ngày
Chẳng vơi bầu rượu hằng đầy túi thơ
Gió thoảng đưa chín lần ngọc bệ
Nghiêng xe rồng thịnh lễ tiếp nghênh
Rõ ràng đế tọa khách tinh
Văn chương vàng chuốc trị bình gấm thêu
Cuộc ở đời trăm chiều đã trải
Chút phù danh để lại nhân gian
Trở về luyện tính thâm san
Chân kinh một quyển kim đan một lò
Trông thạch động bốn mùa thanh sảng
Ngoài trần gian ngày tháng là bao
Xum vầy khách lạ người cao
Quỳnh tương những uống bàn đào từng vin
Đạo đã nên khí cơ vừa ứng
Trỏ lần mây lững thững bay theo
Xiêm nghê áo vũ rập rìu
Xích tòng là bạn đan tiêu ấy nhà
Chén tử hà [24] vơi vơi tay rót
Khúc vân thiều [25] não nuột bên mây
Hứng vui yêu cảnh bạn bầy
Gần thay nghìn dặm chóng thay muôn đời
Từng rong chơi Cửu châu Tam đảo
Trải qua ba mươi sáu động tiên
Lần xem thương hải tang điền
Bầu trời đã rộng ngày tiên càng dài
Khi đắc ý bể khơi rút lại
Chơi một ngày Bắc hải Thương ngô
Lạc Dương viếng cảnh đã no
Hứng vui dù Động Đình hồ cũng hay
Vững trong tay linh phù bảo kiếm
Phép thần thông ứng nghiệm càng ghê
Cứu dân độ thế nhiều bề

Thiên cơ báo ứng nọ hề chút sai
Đệ tử tôi dốc lòng cầu khẩn
Xin tiên đồng tiếp dẫn xe loan
Mảng rằng thiên thượng nhân gian
Tương cầu tương ứng chớ toan hững hờ
Phép thần cơ chuyển thiên đảo địa
Chứng lòng thành đừng có dấu chi
Bảo cho biện bạch tinh vi
Biết cơ lành dữ giữ dè mới hay
So công đức cao dầy xiết kể
Bút thiêng còn giải để đời sau
Bát thiên xuân hề bát thiên thâu
Kiền khôn bất lão sống lâu càng dài

NGÔ ĐIỀN

Thu dạ lữ hoài ngâm

Đêm thu rạng bóng trời thấp thoáng
Cách rèm thưa rót chén kim bôi
Gẫm xem thời sự xụt xùi
Cõi phù mấy thuở làm vui cho đời
Người ngắm cảnh trăng soi hoa nở
Cảnh trêu người ngọn gió rung cây
Nỗi niềm mấy kẻ tỏ hay
Cùng ai trăng gió đêm ngày thưởng thu
Thơ nhã ái bốn câu ba vận
Rượu ly hoài vài chén làm khuây
Trước đèn trong chốn thư trai
Não lòng đất khách ngậm ngùi người xưa

Ngoài Hương thủy tiếng ngư văng vẳng
Thuyền ở đâu chèo thẳng bến dương
Bồi hồi đêm nguyệt trời sương
Non hàn thuyền khách trông nhường như bay
Khúc ngư thủy nhớ ngày Đại đỗ
Buộc con thuyền lòng cũ bơ vơ
Mấy thu để tám bài thơ
Xui người đất khách ngẩn ngơ tình làng
Khi ta đi liễu đang xanh tốt
Chim hoàng oanh mới hót ba câu
Bằng nay cúc đã ngậm thâu
Liễu kia cũng nghĩ âu sầu vì ve
Xưa ta đi đào khoe tiếu kiểm
Ngọn đông phong mới điểm ba hàng
Bằng nay lan đã rõ sương
Đào non nghĩ cũng vỡ vàng vì thu
Làm chi vậy buồn rù đất khách
Nhật quán đồng mượn thích làm khuây
Có đêm nương gối phòng tây
Ba tiêu khóc lệ hơi may ngâm trùng
Làm chi vậy dở dang quán lữ
Năm sương yên kể nửa vừa rồi
Có khi ngồi nhẫn như trai
Gió lay bên trúc nguyệt cài trên lương
Nào có phải như chàng ném bút
Vì vua mà đồng bác cho cam
Luống đem thân thế cát lầm
Khóc ngồi hổ mặt nghe nằm thẹn tai
Nào có phải như ai vâng hịch
Vì thân mà xa cách cho xong
Bỗng không khách địa bềnh bồng
Trông mây lại nhớ xem bông lại phiền
Ngày nay đứng trông miền bể rộng

Một cánh buồm thẳng gióng Giang Lăng
Lòng quê luống những bâng khuâng
Phút theo buồm nhẹ tếch chừng bể khơi
Ngày nay đứng trông nơi non thẳm
Một áng mây sớm ngấm trên không
Lòng quê đâu đã rối bong
Phút theo mây kéo mấy trùng non xa
Trông tin nhạn biết là đâu tá
Tâm tình này ai tả cho nên
Chuông chùa Diệu Đế khua rền
Trống vang cửa bể sung rên thành vàng
Lòng quanh quéo sông càng quanh quéo
Cảnh đìu hiu dạ lại đìu hiu
Lữ du ai chẳng tiêu điều
Tiếng chày trong xóm tiếng chèo ngoài sông
Thân đất khách não nùng tâm sự
Thương người quê tình tự bây giờ
Đèn khuya cơn tỏ cơn mờ
Ngậm tình che quạt luống chờ bóng trăng
Canh khuya những mơ mòng trên gối
Mảnh tình riêng biết nói cùng ai
Thương thay đêm vắng im người
Ngủ mơ giấc bướm tỉnh rồi gà kêu
Hoặc có lúc ban chiều trong khổn
Bước ra thềm lại muốn lên lầu
Phút nghe con yến kêu sầu
Lược rầu tóc chải gương rầu mặt soi
Hoặc có lúc reo thoi đêm tối
Gọi con đồng vừa mới điểm đăng
Phút nghe tiếng nhạn khơi chừng
Máy rời chân đạp thoi ngừng tay đưa
Thương thay có đêm chờ nửa gối
Đêm gần qua chẳng thấy thơ về

Gác thoi ra đứng bên hè
Đầu thềm con dế rù rì khóc sương
Trông chẳng thấy chán chường than thở
Đoái phòng khuê muốn dở gót giầy
Gà ai eo óc hồi tây
Gẫm mình tựa gối liền tay khêu đèn
Thương thay những ngóng tin sớm ấy
Ngày gần hôm chẳng thấy thơ về
Bó xiêm lửng thửng bên hè
Mày sầu khóm liễu dì dì khóc ve
Trông chẳng thấy lại về đứng đợi
Đoái cầm hiên muốn gợi tay đờn
Bướm đâu trêu cợt bình lơn
Buồn thôi xỏ dép ra vườn bẻ hoa
Nay hẳn bảo trời đà mát mẻ
Lương nhân ta có lẽ gần về
Biết đâu đường sá khất khe
Dặm nghìn hồ dễ đi về cho năng
Nay hẳn bảo ta chừng lâu ở
Ôm khâm trù hay đã có người
Phong lưu tính đã quen rồi
Phồn hoa lịch sự lại người Trường An
Ví chẳng thể bàn hoài chi mãi
Hết xuân rồi hạ lại sang thu
Lầu hồng cung cấm ấy ru
Anh hùng kia với trượng phu ai từ
Như thế ấy bây giờ ai biết
Trống yên hoa khôn xiết đa sầu
Há còn tuổi trẻ chi đâu
Phong lưu tính cũ giang hồ thói xưa
Cảnh du lữ câu thơ thổn thức
Bóng hương khuê xa khuất dặm trường
Giang hồ dù có biết thương

Thiết tình lại nhớ những đường dặm khơi
Tuy rằng nói đã người tần tảo
Trên tôn đường trong đạo tề gia
Rau khe nước suối cũng là
Mình xa chẳng biết ở nhà làm sao
Mừng cho trẻ đứa nào đứa nấy
Gia đình thời đều thấy yên vui
Lúc đi trẻ mới hay cười
Tóc răng nay đã ra người lớn khôn
Vài thằng cháu nhờ ơn cũng khá
Tuổi năm nay chừng đã trưởng thành
Phúc nhà mừng hộ cho anh
Năm nay biết có học hành cùng ai
Bạn đèn sách một hai trí thức
Mùi lan chi thơm nức một nhà
Từ phen chén rượu quan hà
Vị Thành lúc ấy rồi mà Dương Quan
Sau chẳng biết ngoài miền bắc động
Hai anh ta có chóng hồi trang
Mới hay cùng bệnh thêm thương
Kẻ Tần người lại Tiêu tương một trời
Đến bao giờ cùng ngồi kể chuyện
Kể hương tình cho đến khách trung
Bằng nay nào nguyệt nào phong
Nào thi nào tửu biết cùng ai hay
Cảnh li biệt lệ đầy hai mắt
Bóng hương khuê xa cách dặm ngàn
Rượu rồi ngồi tựa câu lan
Chiêm bao thấy giấc canh tàn về thu

TRẦN TẾ XƯƠNG

Bài ca vợ chồng Ngâu

Tục truyền tháng bảy mưa Ngâu
Con trời lấy chú chăn trâu cũng phiền
Một là duyên hai thời là nợ
Sợi xích thằng ai gỡ cho ra
Vụng về cũng thể cung nga
Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục đồng
Hay là sợ muộn chồng chăng tá
Hơi đâu mà kén cá chọn canh
Lấy ai ai lấy cũng đành
Rể trời đâu cả đến anh áo buồm

TÔ HUỆ

Chức cẩm hồi văn

Đậu Thao nhà Tần làm quan Thứ sử đi xa nhậm chức lâu ngày, vợ là Tô Huệ làm bài này dâng vua, rồi được vua cho chồng trở về đoàn tụ. Bài này vì thêu trên bức gấm dệt cho nên gọi là "chức cẩm" mà lại vì lời văn đọc lộn vòng quanh cho nên gọi là "hồi văn". Đây xin xếp lại, phiên âm, rồi mới chép đến bài dịch của cụ nghè Ngô Thế Vinh.

Bắt đầu từ bên trái, ngang ngoài biên, rồi đọc xuống hàng biên bên phải, lại đọc ngược lên, theo lối chữ chi; những chữ to cũng đọc từ bên trái đổ tròn quanh lộn vào giữa.

Chức cẩm hồi văn

Quân thừa hoàng chiếu yên biên thú
Tống quân tống biệt Hà kiều lộ
Hàm bi yểm lệ tăng quân ngôn
Mạc vong ân tình tiện trường khứ
Hà kỳ nhất khứ âm tín đoạn
Ức thiếp bình vi xuân bất noãn
Quỳnh giao giai hạ bích đài không
San hô trướng lý hồng trần mãn
Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn
Tương tâm hà thác cánh phùng quân
Nhất tâm nguyện tác thương hải nguyệt
Nhất tâm nguyện tác Lĩnh đầu vân
Lĩnh vân tuế tuế phùng phu diện
Hải nguyệt niên niên chiếu đắc biên
Phi lai phi khứ đáo quân bàng
Thiên lý vạn lý dao tương kiến
Thiều thiều lộ viễn quan sơn cách
Hận quân tái ngoại trường vi khách
Khứ thời tống biệt lư diệp hoàng
Thùy tín kỷ kinh mai hoa bạch
Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo
Xuân ý thôi nhân hướng thùy đạo
Thùy dương mãn địa vị quân phan
Lạc hoa mãn địa vô nhân tảo
Dình tiền xuân tảo chính phân phương
Bão đắc Tần tranh hướng họa đường
Vị quân đàn đắc Giang Nam khúc
Phụ ký tình thâm đáo Sóc Phương
Sóc Phương thiều đệ sơn hà việt
Vạn lý âm thư trường đoạn tuyệt
Ngân trang trẩm thượng lệ chiêm y

Kim lũ la thường hoa giai liệt
Tam xuân hồng nhạn độ giang thanh
Thử thị ly nhân đoạn trường tình
Tranh huyền vị đoạn tràng tiên đoạn
Oán kết tiên thành khúc vị thành
Quân kim ức thiếp trọng như san
Thiếp diệc tư quân bất tạm nhàn
Chức tương nhất bản hiến Thiên tử
Nguyện phóng nhi phu cập tảo hoàn

Bản dịch Chức cẩm hồi văn của **Ngô Thế Vinh**

Chàng vâng chiếu ra ngoài biên thú
Thiếp đưa chàng kiều lộ xa xa
Mấy lời tặng những châu sa
Tình ân ái ấy biết là nhớ không
Sao một phút tin hồng văng vẳng
Chốn bình vi xuân chẳng ấm nồng
Dưới thềm lỗ chỗ rêu phong
Trong màn ngang dọc bụi hồng sương che
Khi tống biệt hồn kia kinh hãi
Biết làm sao cho gặp lại cùng
Ước gì như nguyệt bể đông
Ước gì như thể mây lồng đầu non
Mây non nọ may còn một thấy
Trăng bể kia soi dậy một phương
Những mong lại được gặp chàng
Dẫu nghìn muôn dặm rõ đường tương thân
Đường thăm thẳm mấy lần xa cách
Giận chàng còn làm khách ải quan
Ngày đi lư diệp mới vàng
Bây giờ đã mấy mai tàn trắng bông
Mai tán loạn gặp cùng xuân mới
Nỗi xuân riêng khôn nói cho ra

Vì chàng nên lá dương tà
Hoa rơi man mác ai là tảo nhân
Trước sân những cỏ xuân thơm nức
Ôm đàn tranh ra trước họa đường
Khúc Giang Nam gẩy vì chàng
Đem tình cho đến Sóc Phương cõi ngoài
Ngoài Sóc Phương xa xôi thăm thẳm
Bức âm thư nghìn dặm thấy đâu
Pha phôi áo lệ gối sầu
Dưới thềm hoa lá cùng màu nở ra
Qua sông ấy tiếng gà xao xác
Nỗi ly nhân trường đoạn khác đâu
Đàn chưa rối ruột đã sầu
Cho nên một khúc cung sau chưa tròn
Chàng nhớ thiếp như non tình nặng
Thiếp nhớ chàng cũng chẳng tạm khuây
Hồi văn một bức thư này
Nhi phu xin sớm kíp ngày khởi quy

CAO BÁ NHẠ

Tự tình khúc

Ông Cao Bá Đạt cùng ông Cao Bao Quát là hai anh em nổi tiếng văn chương đời bấy giờ. Ông Nhạ là con ông Đạt, năm Tự Đức thứ 6 (1854) gặp gia biến, trốn ở hạt Mỹ Đức, được tám năm bị bắt. Khi giam trong ngục, làm bài tự tình này.

Tỉnh giấc mộng ngâm câu ký vãng
Trải tám thu ngày tháng như thoa
Chiếc thân tựa gối quan hà

Nỗi niềm tâm sự trăng già thấu chăng
Thơ cao ẩn tay đẳng nên tập
Bức linh đài bút dập vào tranh
Bâng khuâng mình tiếc cho mình
Xa xa nói với xanh xanh giãi lòng
Ngòi Đức Thủy khơi dòng kinh sử
Phả Cao Dương treo chữ tấn thân
Dõi đời khoa bảng xuất thân
Trăm năm lấy chữ thanh cần làm bia
Đèn Mông Chính canh khuya một ngọn
Màn Trọng Thư năm trọn nửa vây
Chim hồng mong chấp cánh mây
Năm xe kinh sử một tay vẽ vời
Lửa Thái Ất đêm soi Lưu Hướng
Cầu Thăng Tiên ngày tưởng Tràng Khanh
Gót chân coi nhẹ vân trình
Văn chương dốc túi công danh giật cờ
Nền thế nghiệp đã nhờ gia ấm
Miền họa đồ lại lắm thiên ân
Trước sau trải mấy mươi lần
Môn phong vẫn giữ trung cần dám sai
Ngẫm tiên phụ nửa đời khổ tiết
Để mai sau một ít vi danh
Hoạn giai nhỏ mọn đã đành
Trong vòng Thù Lệnh phẩm bình còn khen
Dấu trung ẩn in miền mây trắng
Chữ mục dân bóng dựng non vàng
Bức tranh treo chữ tuần lương
Ngư dương hát lúa Hà dương vịnh đào
Giá cầm hạc so vào Triệu Biện
Thư phụng hoàng đưa đến Mao Khanh
Móc mưa ơn đội thánh minh
Thánh minh hai chữ góp danh với đời
Vườn Lý Bạch chưa vui đào mận

Nhà Từ Văn nổi trận phong ba
Thương ôi hảo sự tiêu ma
Tấm lòng băng tuyết phút hòa trần ai
Mảnh bạch ngọc thiêu người khách tử
Lưỡi đoản đao cắt chữ phù sinh
Nhân gian ai kẻ thương tình
Trăm năm công luận phẩm bình về sau
Nỗi gia thất mặc dầu Tạo hóa
Đàn nhi tôn gửi cả nhân gian
Ơn sâu dám quản thân tàn
Còn mong gió cáo hồn oan lại về
Bình dẫu phá còn lề cốt cách
Gương dù tan vẫn sạch trần ai
Thương thay một khóm hàn mai
Hai cành ấm lạnh ra hai tấm lòng
Giấc vinh nhục sinh không một thoảng
Bia thị phi để tạc còn dài
Thế gian kẻ khóc người cười
Muôn đời để sạch muôn đời để dơ
Cuộc phù thế thờ ơ mệnh bạc
Chốn hạ đài chếch mác lòng son
Quyết mình há tưởng đến con
Tưởng khuôn phúc thiện ngẫm còn về sau
Phó ngạch tích mặc dầu sinh tử
Chắc Lý đình dạy chữ hiếu trung
Cho nên lòng cũng đành lòng
Dẫu khi biến cố còn trong luân thường
Mối tâm sự để gương non nước
Mảnh huyết tình giãi trước thần minh
Cầu kia ai gọi Tân tình
Chiếc bia Trụy lệ rành rành bên sông
Đạo con lấy hiếu trung làm trọng
Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh
Phù sinh một sợi tơ mành

Giữ gìn di thể như hình thiên kim
Nhạn sa nước nổi chìm bể khổ
Yến e cung tìm đỗ cây lành
Đường ngang những sợ chông chênh
Khăng khăng quyết giữ tấm thành như son
Áo Bạch nữ dầu cơn mưa nắng
Khăn Ô luân đội nặng gió sương
Cành mai chếch mác càng thương
Câu thơ tang tử giữa đường càng đau
Ngàn non thái một mầu mây bạc
Giạt chân bèo lưu lạc bể oan
Gập ghềnh từng bước gian nan
Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm
Lòng hiếu dưỡng trăm năm đã lỡ
Lời di danh hai chữ còn mang
Trong khi biến chẳng khác thường
Đến điều cùng quá lại càng kiên trinh
Thu nước mắt gia đình biếng cạn
Thấm mồ hôi vận hạn lâu qua
Tràng đình ngảnh lại xa xa
Khỏi cầu Chiết liễu ai là cố nhân
Ghê chân bước phong trần mới trải
Nặng lòng son sơn hải chưa đành
Nước mây mình biết cho mình
Trời dành tuế nguyệt đất dành điền viên
Thú thôn ổ ao nghiên ruộng chữ
Màu giang sơn cơm sử áo kinh
Pha hòa hai chữ trọc thanh
Đổi mùi lữ khách thay hình hàn nho
Người mến cảnh giang hồ nên thú
Cảnh yêu người tân chủ phải duyên
Lần hồi trong tám chín niên
Gối nhàn tạm chợp mối phiền tạm khuây
Vườn riêng lấy cỏ cây làm bạn

Nằm dài xem yến nhạn bay qua
Song hồ ngày tháng lân la
Một hai hoàng quyển năm ba tiểu đồng
Tráp Vĩnh Cúc tay phong tay mở
Tập Thiếu Lang câu lựa câu ngâm
Thờ ơ thân thế phù trầm
Khi giong trước gió khi nằm dưới trăng
Khuôn tạo hóa dẫu rằng phong sắc
Nợ phù sinh phó mặc bi hoan
Thôn cư riêng thú bàn hoàn
Đem thanh giải trọc đem nhàn giải ưu
Túi Tư Mã giở câu thánh phú
Vườn Đào Am quyền chủ thần hoa
Mấy phen điểm xuyết yên hà
Cúc mươi lăm khóm mai và bốn cây
Giấc thanh dạ cơn say cơn tỉnh
Ngày lưu liên khi lạnh khi nồng
Phần du nẻo bắc ngừng trông
Nước non cách mấy mươi trùng xa xa
Câu lữ cảm lệ hòa nét mực
Chữ gia tình thấm tắt lòng son
Mắt trông Vương Xán đã mòn
Tay đề Hướng Tú vẫn còn ngẩn ngơ
Tình ly biệt thờ ơ gấp lại
Mối ưu sầu gỡ mãi chưa xong
Lối oan trót mấy năm ròng
Ngày mong chữ gấm đêm mong chiếu vàng
E đất khách lỡ đường la võng
Khép cửa sài dám lỏng gót chân
Bao nhiêu những sự xa gần
Hư không phó mặc bụi trần bay đi
Chữ nghĩa lý lòng ghi dạ tạc
Điều thị phi mắt nhác tai che
Cô trung quyết giữ lời thề

Để hồn di thế đi về cho an
Nước Châu Thủy đầy tràn buổi sáng
Mây Na Sơn bảng lảng ban chiều
Có ai qua lối Hoạn Kiều
Cho nhờ gửi nhắn ít nhiều bi ai
Tình kiều tử hôm mai đắng đẳng
Hồn quan sơn mưa nắng dãi dầu
Xa trông tầm tã giọt châu
Gần trông phải gượng mối sầu ngậm cay
Gối vò võ đèn khêu đêm vắn
Cửa lơ thơ rèm chắn ngày thâu
Cảm hoài khi lựa mấy câu
Nghêu ngao đồng tử tiêu sầu năm ba
Đuôi con mắt châu sa thấm giấy
Đầu ngón tay máu chảy pha son
Người đau phong cảnh cũng buồn
Thông gầy như trúc cúc mòn như mai
Mối tâm sự rối mười phần thảm
Gánh gia đình nặng tám năm dư
Khi ngày mong bức xá thư
Khi đêm than bóng khi trưa hỏi lòng
Hương thề nguyện khói nồng trước gió
Tờ tố oan mở ngỏ giữa trời
Tờ oan kể hết bao lời
Hương thề sao chứa thấu nơi cửu trùng
Ngẫm đời trước vốn không oan trái
Sau kiếp này vướng mãi gian truân
Lo xa thôi lại nghĩ gần
Thôi ngơ ngẩn sớm lại trằn trọc khuya
Ngơ ngẩn nhẽ đường kia nỗi nọ
Ngao ngán thay phận nhỏ sầu to
Một mình riêng những đắn đo
Thường tình nhi nữ khôn dò sâu nông
Thôi dĩ vãng đã không kéo lại

Còn tương lai liệu phải đền bồi
Họa may cảm động đến trời
Lấy thân mà trả nợ đời cho thân
Dẫu đầy kiếp phong trần dám xá
Giãi được lòng khuyển mã là vinh
Một là mở tấm đan thành
Hai là rửa tiếng nguyệt bình chê bai
Để tiên tổ ngậm cười chín suối
May gia khương còn nối về sau
Hay ra lại rạng cơ cừu
Hèn ra sơn thủy tiêu sầu cũng khoan
Cho nên nỗi gian nan xá kể
Liệu rồi ra tìm thế gỡ dần
Thôn trang tìm thú ân cần
Một phần thê tử hai phần thảo hoa
Tưởng khuây khỏa ngày qua tháng tới
Bỗng hãi hùng gió thổi mưa chan
Nổi chìm chìm nổi bể oan
Mấy năm hầu cạn một cơn lại đầy
Nặng kiếp trước vò dầy chi mãi
Ngẫm tình này oan trái sao cân
Nghĩ thân mà ngán cho thân
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi
Chữ bạc mệnh ai ơi xót với
Câu đa đoan trời hỡi thấu chăng
Gớm thay ngọn lửa đốt rừng
Dập tàn tàn lại bừng bừng bỗng không
Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng
Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi
Ngựa hươu thay đổi như chơi
Dấu gươm đầu lưỡi thọc dùi trong tay
Gây ra sự chia cây rụng lá
Để cho ai chìm cá giạt bèo
Năm ba kẻ thước người hèo

Ngõ Nhan lôi cái đàn biều đập tan
Gà eo óc vừa tàn giấc mộng
Nhặng vo ve sực động hồn kinh
Tiểu đồng thổn thức chung quanh
Thê nhi lăn lóc bên mình khóc than
Phút nửa khắc muôn ngàn thê thảm
Trong một mình bảy tám biệt ly
Ngảnh vào ái ngại thê nhi
Ngảnh ra án cũ cầm thi ngại ngần
Lay ngọn cúc gió giằn lăn lóc
Thấm cành mai sương khóc chan hòa
Trông hoa đau đớn cùng hoa
Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình
Áo xốc xếch nửa mình chắp nối
Tóc loăn xoăn trăm mối bòng bong
Sầu dài chi nửa vào song
Bước ra dùng dắng lại trông trở vào
Hồn khuê phụ lao đao lặng ngắt
Người hương quan quanh quất thương thay
Bèo mây lỡ bước từ đây
Nước non tiễn khách là ngày hai nhăm
Đau đớn nỗi kẻ thăm người hỏi
Ngẩn ngơ buồn miệng nói chân đưa
Giọt phiền lai láng như mưa
Rượu nồng chẳng nhấp say sưa những sầu
Bẻ cành liễu ngâm câu ly hợp
Khuất ngàn dâu qua lớp đoản tràng
Bước sầu ai vẽ giữa đàng
Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh
Sương thấm lối gập ghềnh từng bước
Gió lần cành xao xác tai nghe
Đoái trông cầu quán so le
Cỏ ngăn lối ngõ cây che mái nhà
Mòn con mắt nẻo xa đằng đẵng

Chồn bước chân dặm thẳng ngùi ngùi
Sông quanh chín khúc mấy hồi
Con đường man mác mười thôi nhọc nhằn
Cầu Ô Mễ mấy lần mây lại
Ngàn Hương Sơn một dải núi đưa
Lối này lạc bước từ xưa
Ai ngờ thơ thẩn bây giờ lại đây
Bóng thấp thoáng yến bay buổi tối
Tiếng mau thưa quyên gọi dặm trường
Những là sợ gió e sương
Thương thân chua xót nghĩ đường xa xôi
Chuông Cổ tự điểm hồi rộn giục
Trống quan thành vừa lúc sưu không
Sầu kia ai kẻ xiết lòng
Chiều thôi lại tối, đêm xong lại ngày
Gông ba thước ai bày nên nợ
Cũi một gian khéo giở ra trò
Mới qua là kẻ văn nho
Bỗng nay đổi dạng tù đồ bởi đâu
Tấm tức nỗi ngậm sầu nuốt giận
Thổn thức thay thở vắn than dài
Đến nay mới rõ thói đời
Giả tình trước mặt dối lời sau lưng
Trận gió thổi vang lừng trống giục
Lối bụi mù chen chúc quân gian
Tám vai quẩy nặng người oan
Gần xa trăm miệng đồn vang phố phường
Bên năn nỉ người thương người hỏi
Ngoài xôn xao kẻ nói kẻ cười
Phong tao ra dạng con người
Dịu dàng nét mặt ra loài văn nhân
Nỡ đầy đọa phong trần nặng kiếp
Để tơ vương oan nghiệp lạ đời
Đã đầy một đóa hoa mai

Phẩm tiên lưu lạc trần ai lạ lùng
Nhờ nhật nguyệt soi trong can phế
Xin giang sơn dãi vẻ tâm trường
Nặng lòng trân trọng lời thương
Thương nhau là khách qua đường biết sao
Qua cửu mạch cao cao cửa đỏ
Trông lục nhai lồ lộ gác vàng
Những quen xó xỉnh điền trang
Hãi hùng nghi vệ công đường viển vông
Mặt bảo kính soi lòng kì lữ
Đuốc linh tê thấu chữ kỳ oan
Bức tranh vẽ bước gian nan
Thanh thiên bạch nhật niềm đan giãi trình
Nay phó xuống đông thành tạm trú
Mai truyền sang bắc lộ ruổi ra
Thân sao như gánh hàng hoa
Sớm qua chợ sớm chiều qua chợ chiều
Người đất khách phó liều mưa nắng
Thuyền sông mê chở nặng biệt ly
Tràng đê một dải xanh rì
Nước trôi đỏ thắm mây đi trắng ngần
Hồn phần tử mười phân lưu lạc
Cõi phong ba mấy bước nổi chìm
Sóng đào kêu mãi không im
Giọt sương rả rích hầu êm lại tràn
Dâu cao thấp qua ngàn bến Ái
Cây mau thưa ngảnh lại huyện Gia [26]
Thương tâm này nước non nhà
Cảnh còn cũ người đà khác xưa
Đường lẩn lút gió đưa mưa rước
Cõi phong trần mây ngược nước xuôi
Sông sầu một gốc chia đôi
Lối sầu trăm dặm một thôi đoản tràng
Ô chếch chếch xế ngang non bạc

Sếu xa xa bay lạc ngàn xanh
Giang sơn thêm nặng li tình
Giang thành vừa sớm sơn thành lại hôm
Trời hầu tối hơn lam dục dã
Mây kéo cơn tầm tã sa mưa
Ơn trên thấm thía cho chưa
Ơn trời trước đã mau thưa đượm nhuần
Vì đầy kiếp phong trần cho bõ
Cũng xét tình oan khổ mới nao
Dẫu rằng đấp thấp trời cao
Người còn trăm miệng lẽ nào một thân
Nghe Hiến chỉ truyền ran lệnh tiến
Giục tinh sương đối diện công đình
Thực hư may được rành rành
Mười tay mười mắt phân minh giữa trời
Việc yêu quái tăm hơi mù mịt
Điều oan vu xương thịt báo đền
Lạc đàn trong bấy nhiêu niên
Nào ngờ thất giáo cho nên lụy mình
Loài đồng khí đã đành rằng nợ
Lòng bỉnh di sao nỡ bỏ hoài
Ngón tay còn có vắn dài
Huống chi lành dữ lòng người khác nhau
Sóng bình địa trước sau trùng điệp
Gió phi tai đơn kép dày vò
Càng ngày hoạn nạn càng to
Cha con cùng một chuyến đò bể oan
Một chiếc bóng giang san giãi tỏ
Bấy nhiêu lâu thôn ổ ân cần
Nhỡ nhàng đến bước gian truân
Dẫu là hiển trí khôn phần nài sao
Lánh cho khỏi tanh tao là quý
Giữ được điều liêm sỉ là hay
Lòng kia đen, trắng, gian, ngay

Gió trăng bầu bạn lâu nay biết lòng
Đã chắc hẳn đứng không thẹn bóng
Nào tưởng đâu lá bỗng ngược cành
Chắc rằng gắn bó đan thành
Chút thân chẳng bận hôi tanh mảy mày
Sao đến nỗi tai bay vạ lạc
Thà bỏ thân đáy nước, cành cây
Thân sao thân đến thế này
Mấy năm giũ sạch một ngày bụi dơ
Ơn tiên thế bao giờ báo đáp
Nợ phù sinh mấy kiếp đền bồi
Phù sinh thôi thế thì thôi
Dẫu thân chuộc lại cũng đời bỏ đi
Sao gia vận biến đi đến thế
Nào tiên nhân tích lũy để đâu
Cao cao xanh ngắt một màu
Biết rằng có thấu nguyên đầu cho chăng
Chữ khổ tiết khăng khăng cầm chắc
Nợ đa truân dằng dặc cố theo
Trước sau vẫn chút bấy nhiêu
Nặng vì cốt nhục phải liều phát phu
Tình phụ tử cay chua đến ruột
Nỗi thất gia đau buốt tận xương
Từ nay nhắn nhủ thế thường
Ai ơi xin chớ ngâm chương mộng hùng
Hồn nghĩa lý chơi giong mây bạc
Lệ văn chương sái lạc suối vàng
Mai sau còn kẻ tình thương
Vài thiên ai cảm, mấy chương phẩm bình
Luống tích thiện sao không phùng thiện
Chưa minh oan lại đến hàm oan
Băng hồ rơi xuống lầm than
Thà cho một chén tân toan đi đời
Khi lên xuống Tam thai, Bích lạc

Lúc đi về Ngũ nhạc, Huyền đô
Thoảng không trăm giận nghìn lo
Trải chân bến khổ qua đò sông mê
Còn vương nỗi để huề nhiều ít
Nỡ liều thân vĩnh quyết sao đành
Tiên phần còn gửi mây xanh
Xót thân lưu lạc phù bình bấy lâu
Nợ đại tạo mai sau khoan thải
Chút hiếu trung may lại báo đền
Cho nên ngậm tủi nuốt phiền
Cắn răng cố nhịn trăm nghìn thương tâm
Nhà huyên bấy nhiêu năm lưu lạc
Chân bèo trôi một bước một đau
Hoặc là thấu đến cao sâu
Tấm lòng tất cỏ mai sau còn rành
Lại còn nỗi gia đình tự tục
Đau đớn lòng cố phục cù lao
Phúc xưa mòn mỏi thế nào
Chút lòng thanh bạch nỡ nào mất không
Gẫm đau đớn khuê phòng gối lẻ
Bỗng vì đâu chia rẽ mối tơ
Liễu bồ đôi chút cành thơ
Bao giờ bìu díu bao giờ bồng mang
Đã cay đắng nhiều đường rộn rã
Lại nhục nhằn đến cả vợ con
Mấy năm chút nghĩa ôn tồn
Gieo đào trả mận lòng còn bâng khuâng
Đường kia nọ nửa chừng bề bộn
Nỗi trước sau trăm món ngổn ngang
Mắt kia thác cũng còn giương
Hồn kia muốn dứt còn vương nỗi này
Đành tiền kiếp chịu đầy lầm cát
Mong tái sinh nhờ hạt móc mưa
Phú nhà còn mảnh sợi tơ

Họa may báo đáp còn chờ về sau
Thân nghĩ lại cùng sầu đã chán
Số xui ra vận hạn khôn đành
Ví liều quyết chẳng tiếc mình
Sạch mình đã vậy thế tình còn nghi
Khuôn Tạo hóa dẫu nguy còn phúc
Tấm linh đài khỏi nhục là vinh
Bo bo hãy gắng lấy mình
Bấy lâu gìn giữ sao đành liều đi
Xin Tạo hóa phù trì chớ bỏ
Để thế gian xem rõ kẻo lầm
Đen nào dơ được đan thần
Sầu nào ngăn được cao ngâm dõi ngày
Gần mùa hạ chim bay đuổi thỏ
Rắp đầu thu ngọn gió cuốn mây
Lọt then ngày tháng hơi may
Đồng hồ thánh thót vơi đầy năm canh
Nam Cai khuất non xanh man mác
Thái Hàng xa mây bạc lần vần
Hồn bay ngàn dặm cũng gần
Trong năm mươi khắc năm lần thấy cha
Chợp sực thức la đà gối bị
Nằm lại ngồi rầu rĩ chiếu manh
Hóa công khéo giữ nhàn tình
Đem người yêu thủy bó vành lao lung
Đem lầm đục rẩy trong băng tuyết
Rắc bụi trần điểm vết khuê chương
Then mau khóa kín một đường
Hổ thân loan hạc ra tuồng chó dê
Chiếc ngựa trắng đi về góc bể
Đàn chó xanh lẻ tẻ bên trời
Một mình với bóng là hai
Rèm buông mỏng mảnh song cài so le
Mòn con mắt đi về hương lĩnh

Ngỏ tấm lòng với mảnh phù vân
Phù vân đem lại cho gần
Gửi về hương lĩnh ân cần mấy câu
Ngồi tựa gối giãi sầu với gió
Mới đâu chừng đêm nọ tới nay
Hơi may héo hắt từ đây
Giang Nam phong vị độ này ra sao
Năn nỉ với hai sao bên Hán
Giải tràng giang giới hạn đông tây
Hai sao soi biết nạn này
Xin cho thất tịch cùng ngày đoàn viên
Vừng trăng trước về miền vân thủy
Soi những người thiên lý tương tư
Đi qua vườn cũ lơ thơ
Thử xem án cũ cầm thư thế nào
Trông đàn yến bay cao phấp phới
Xịch then song gọi với trước mành
Tiện đây nhờ gửi chữ tình
Chờ xuân nhắn gửi chim xanh còn chầy
Tình nam bắc thâu ngày qua tháng
Sầu biệt ly vơi sáng đầy chiều
Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều
Cậy ai về nẻo Thước kiều hỏi tin
Quanh mao quật gió hiên trăng mái
Giải tình giang rượu sớm thơ chiều
Nào thơ nào rượu dập dìu
Trông trăng tựa gió đìu hiu một mình
Những say tỉnh Bắc kinh mưa gió
Vẫn mơ màng phòng cũ chiếu chăn
Gối sầu cách áng mây Tần
Băn khoăn tay áo chân quần ở đây
Án nọ nâng ngang mày sớm tối
Nay tháng ngày no đói với ai.

NGUYỄN DU

Bài chiêu hồn

Tiết tháng bảy mưa dầm xùi xụt
Toát hơi may lạnh lẽo xương khô
Não người thay buổi chiều thu
Ngàn lau nhuộm bạc lá ngô rụng vàng
Đường Bạch dương bóng chiều man mác
Dịp Đường lê lác đác sương sa
Lòng nào lòng chẳng thiết tha
Cõi dương còn có nữa là cõi âm
Trong trường dạ tối tăm trời đất
Có khôn thiêng phảng phất u minh
Thương thay thập loại chúng sinh
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người
Hương lửa đã không nơi nương tựa
Hồn mồ côi lần lữa mấy năm
Còn chi ai khá ai hèn
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu
Tiết đầu thu lập đàn giải thoát
Nước tĩnh đàn sái hạt dương chi
Muôn nhờ đức Phật từ bi
Giải oan cứu khổ cùng về Tây phương
Cũng có kẻ tính đường yêu hãnh
Chí những lăm cất gánh non sông
Nói chi những buổi tranh hùng
Tưởng khi thất thế vận cùng mà đau
Bỗng phút đâu mưa sa ngói lở
Khôn đem mình làm đứa sất phu
Giàu sang càng nặng oan thù
Máu tươi lai láng xương khô rụng rời

Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc
Quỷ không đầu đón khóc đêm mưa
Cho nay thành bại là cơ
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan
Cũng có kẻ màn loan trướng huệ
Những cậy mình cung quế phòng hoa
Một phen thay đổi sơn hà
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy
Phận đã đành trâm gãy bình rơi
Khi sao đông đúc vui cười
Mà khi nhắm mắt không người nhặt xương
Đau đớn nhẽ không hương không khói
Luống ngẩn ngơ trong cõi rừng xim
Thương thay chân yếu tay mềm
Càng năm càng héo một đêm một dài
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng
Ngọn bút son sống thác ở tay
Kinh luân gâm một túi đầy
Đã đêm Quản, Nhạc, lại ngày Y, Chu
Thịnh mãn lắm oán thù càng lắm
Trăm loài ma mồ nấm chung quanh
Nghìn vàng khôn đổi được mình
Lầu ca viện hát tan tành còn đâu
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước
Biết lấy ai bát nước nén nhang
Cô hồn thất thểu dọc ngang
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh
Kìa những kẻ bài binh bố trận
Đổi mình vào lấy ấn nguyên nhung
Gió mưa sấm sét đùng đùng
Dãi thây trăm họ làm công một người
Khi thất thế tên rơi đạn lạc
Bãi trường sa thịt nát máu trôi

Mênh mông góc bể bên trời
Nắm xương vô chủ biết nơi chốn nào
Trời xâm xẩm mưa gào gió thét
Khí âm huyền mờ mịt trước sau
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu
Nào đâu điếu tế nào đâu chưng thường
Cũng có kẻ tính đường chí phú
Mình làm mình nhịn ngủ kém ăn
Ruột rà không kẻ chí thân
Dẫu làm nên để dành phần cho ai
Khi nằm xuống không ai nhấn nhủ
Của phù vân có cũng như không
Sống thời tiền chẩy bạc dòng
Thác không đem được một đồng nào đi
Khóc ma mướn thương gì hàng xóm
Hòm gỗ ra bó đóm đưa đêm
Ngẩn ngơ trong quãng đồng chiêm
Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu
Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý
Dấn mình vào thành thị lân la
Mấy thu lìa cửa lìa nhà
Văn chương đã chắc đâu mà chí thân
Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng
Vợ con nào nuôi nấng kiêng khem
Vội vàng liệm sấp chôn nghiêng
Anh em thiên hạ láng giềng người dưng
Bóng phần tử xa trần hương khúc
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang
Cô hồn nhờ gửi tha hương
Gió trăng hiu hắt lửa hương lạnh lùng
Cũng có kẻ vào sông ra bể
Cánh buồm mây chạy xế gió đông
Gặp cơn giông tố giữa dòng
Đem thân chôn rấp vào lòng kình nghê

Cũng có kẻ đi về buôn bán
Đòn gánh che chín dạn hai vai
Gặp cơn mưa nắng giữa trời
Hồn đường phách sá lạc loài nơi nao
Cũng có kẻ mắc vào khóa lính
Bỏ cửa nhà gồng gánh việc quan
Nước khe cơm vắt gian nan
Dãi dầu nghìn dặm, lầm than một đời
Buổi chiến trận mạng người như rác
Phận đã đành đạn lạc tên rơi
Lập lòe ngọn lửa ma trơi
Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương
Cũng có kẻ nhỡ nhàng một kiếp
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa
Ngẩn ngơ khi trở về già
Ai chồng con tá biết là cậy ai
Sống đã chịu một đời phiền não
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa
Đau đớn thay phận đàn bà
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất
Rõi tháng ngày hành khất ngược xuôi
Thương thay cũng một kiếp người
Sống nhờ hàng xứ chết vùi đường quan
Cũng có kẻ mắc đoàn tù dạc
Gửi mình vào chiếu rách một manh
Nắm xương chôn rấp góc thành
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi
Kia những đứa tiểu nhi tấm bé
Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha
Lấy ai bồng bế xót xa
U ơ tiếng khóc thiết tha nỗi lòng
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối
Cũng có người xẩy cối xa cây

Có người leo giếng đứt dây
Người trôi nước lũ kẻ lây lửa thành
Người thì mắc sơn tinh thủy quái
Người thì phải nanh hổ ngà voi
Có người hay đẻ không nuôi
Có người sa sẩy có người khốn thương
Gặp phải lúc đi đường nhỡ bước
Cầu nại hà kẻ trước người sau
Mỗi người một nghiệp khác nhau
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ
Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi
Hoặc là nương ngọn suối chân mây
Hoặc là điếm cỏ bóng cây
Hoặc là quán nọ cầu này bơ vơ
Hoặc là nương thần từ phật tự
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông
Hoặc là trong quãng đồng không
Hoặc là gò đống hoặc vùng lau che
Sống đã chịu một bề thảm thiết
Ruột héo khô da rét căm căm
Dãi dầu trong mấy muôn năm
Thở than dưới đất ăn nằm trên sương
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn
Lặn mặt trời lẩn thẩn tìm ra
Lôi thôi bồng trẻ dắt già
Có khôn thiêng nhẽ lại mà nghe kinh
Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ
Phóng hào quang cứu khổ độ u
Rắp hòa tứ hải quần chu
Não phiền chút sạch, oán thù rửa không
Nhờ đức Phật thần thông quảng đại
Chuyển pháp luân tam giới thập phương
Nhơn nhơn Tiêu diện Đại vương
Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh

Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh
Trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao
Mười loài là những loài nào
Gái trai già trẻ đều vào nghe kinh
Kiếp phù sinh như hình như ảnh
Có chữ rằng vạn cảnh giai không
Ai ai lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi
Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo
Của có chi bát nước nén nhang
Gọi là manh áo thoi vàng
Giúp cho làm của ăn đường thăng thiên
Ai đến đấy dưới trên ngồi lại
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu
Phép thiêng biến ít thành nhiều
Trên nhờ Tôn giả chia đều chúng sinh
Phật hữu tình từ bi phổ độ
Chớ ngại rằng có có không không

HỒ XUÂN HƯƠNG

Đánh cờ người

Chàng với thiếp canh khuya trằn trọc,
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.
Hẹn rằng đấu trí mà chơi,
Cấm ngoại thủy không ai được biết;
Nào tướng sĩ giàn ra cho hết,
Để đôi ta quyết chí một phen.
Quân thiếp trắng, quân chàng đen,

Hai quân ấy chơi nhau đà đã lũa.
Thoạt mới vào chàng liền nhấy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phứa tịnh lên.
Hai xe hà chàng gác hai bên,
Thiếp sợ bí thiếp liền ghềnh sĩ.
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú dí vào cung.
Thiếp đương mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ đùng ra chiếu.
Chàng bảo chịu, thiếp rằng chửa chịu,
Thua thì thua quyết níu lấy con.
Khi vui nước nước non non,
Khi buồn lại giở bàn son quân ngà.

NGUYỄN KHUYẾN

Ưu phụ từ

Đông lân gia hữu ưu nhân chú
Dạ bán ưu nhân ngữ ưu phụ
Ngã diệc thời thường tố hảo quan
Như hà nhân giai bất ngã cụ
Ưu phụ đại nộ mạ kỳ phu
Nhĩ niên ký lão hà đại ngu
Hạnh tai hôn mộ nhân bất thức
Nhân hoặc thức chi di thiếp tu
Thế gian kinh nhân đãn hữu nhị
Nhất đăng sinh nhân nhất năng tử
Nhĩ ký bất năng sinh tử nhân
Như hà nhân nhân giai cụ nhĩ

Thả dã nhĩ gia bản bần hàn
Chiêu tịch bài ưu cầu nhất san
Bài ưu quân tương thả bất cụ
Hà huống nhĩ vi bài ưu quan

Bài dịch của tác giả **Lời vợ phường chèo**

Xóm bên đông có phường chèo trọ
Đến nửa đêm gọi vợ chuyện trò
Rằng: Ta thường làm quan to
Sao người coi chẳng ra trò trống chi
Vợ cả giận mắng đi mắng lại
Tuổi đã già sao dại như gì
Đêm hôm người chẳng biết chi
Người như biết đến thiếp thì hổ thay
Đời có hai điều này nên sợ
Sống chết người quyền ở tại tay
Thế mà chàng đã chẳng hay
Còn ai sợ đến phường này nữa chăng
Vả chăng vẫn lằng nhằng túng kiết
Sớm hôm chèo kiếm chác qua thì
Vua chèo còn chẳng ra gì
Quan chèo chi nữa khác chi thằng hề

Ly phụ từ

Quân bất kiến lý trung ly phụ sầu độc túc
Doanh thực mưu y nhật bất túc
Lân uẩn kiến chi liên cơ hàn
Thất gia sử dữ thiếu niên tục
Thiếu niên tráng đại thị dục quảng
Ly phụ bì bệnh cân lực suy
Cung cấp sử linh bất xứng ý

Túng nhiên kiến hợp chung tất ly
Tái tiếu bản vi cơ hàn mưu
Bất miễn cơ hàn vi khả sỉ
Huống phục bất văn phụ mẫu ngôn
Tư bôn tiện vi lân lý bỉ
Ta ta lân uẩn ái hà vi
Ái chi tắc thị mưu tắc phi
Cơ hàn chỉ ưng bố mễ cấp
Ly phụ tái tiếu phi sở nghi

Bài dịch của tác giả **Lời gái góa**

Chàng chẳng biết gái này gái góa
Buồn nằm suông suông cả áo cơm
Khéo thay cái mụ tá ơm
Đem chàng tuổi trẻ ép làm lứa đôi
Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc
Gái già này sức vóc được bao
Muốn sao mà chẳng được sao
Trước tuy xum họp sau nào được lâu
Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc
Chẳng ngờ rằng đói rách hổ người
Vốn xưa cha mẹ dặn nhời
Tư bôn lại phải kẻ cười người chê
Hỡi mụ hỡi thương chi thương thế
Thương thì hay nhưng kế chẳng hay
Thương thì gạo vải cho vay
Lấy chồng thì gái già này xin van

KHUYẾT DANH

Thuật hoài

Đêm thu tĩnh chén quỳnh nhạt chuốc
Bóng Hằng Nga dòm lọt trướng huỳnh
Bâng khuâng mình tưởng sự mình
Hỏi ai xa có biết mình chăng ai
Sông Tô Lịch khơi ngòi thi lễ
Cõi Thường Châu rạng vẻ cân đai
nếp nhà võ giáp văn khôi
Tiếng thơm kể mấy mươi đời đến nay
Dầu mặc khách vần xoay thế cục
Hoài hỏi ai quấy đục san hà
Nước non vẫn đó chưa già
Bút nghiên vậy giữ lối nhà ngày xưa
Nhớ từ thuở ngây thơ chửa biết
Trên song đường bắt thiết vào khuôn
Ngón tay luyện thuốc đã mòn
Lá bồ thẻ trúc hãy còn hơi rây
Lòng những sợ châu bay sông đục
Thú vậy tìm đá học nghĩa kinh
Long biên một dải xanh xanh
Cỏ cây đưa bước vân trình từ đây
Vườn Độc Lạc '27' hoa bay mùi nhớ
Cầu Thăng tiên bút giở ra lời
Núi Nùng cách trở mấy mươi
Thần hôn riêng để cho người tử kinh
Hồ Kiếm thủy trời dành thú lạ
Ao Liên đình sen cả mùi hương
Nương mình được cửa đại phương
Đêm thu chợt tưởng tiếng chuông giấc nồng

Câu nghĩa lý để trong dạ tạc
Thói phồn hoa những rác tai nghe
Cười trăng cợt gió đi về
Càng quen thuộc thói càng mê mẩn tình
Cũng có lúc phẩm bình phong nguyệt
Lại có khi điểm xuyết yên hà
Đòi phen vẫy ngọn bút hoa
Thử đem mấy mặt sơn hà vẽ chơi
Khuôn tai mắt thợ trời đào chú
Đường khôi hoa lối cũ trâm anh
Quản chi lên thác xuống ghềnh
Làm trai phải góp công danh với đời
Vườn quỳnh uyển hoa cười mấy đóa
Bẻ một cành cho thỏa ba sinh
Nào ngờ cửa Khổng sân Trình
Khư khư mình buộc lấy mình biết sao
Đành thế vậy ao nghiên ruộng chữ
Cũng mặc dầu cơm sử áo kinh
Xinh thay một cảnh mai đình
Hiên tây dường cũng mắt xanh ít nhiều
Người bén cảnh đèn khêu Hướng Tú
Cảnh chiều người màn rủ Đổng công
Tưởng phường Dương Trấn Mã Dung
Ai ơi có biết anh hùng gặp cơn
Câu khiển hứng hoa hờn kém vẻ
Vận tiêu sầu liễu bẽ bàng xuân
Cành mai mới điểm trắng ngần
Đố ai rây được bụi trần tỉ ti
Cơ vãng phục nhiều khi bĩ thái
Chồi xuân huyên ngoảnh lại mà kinh
Than ôi một khóm tử kinh
Hai cành ấm lạnh chia rành làm đôi
Trách con Tạo trêu người chi tá
Chẳng khoan cho ân trả nghĩa đền

Mối sầu ai vẽ cho nên
Hồi chuông dục gió, ngọn đèn khêu trăng
Thôi dĩ vãng dẫu rằng khôn lại
Này tương lai liệu phải đền bồi
Anh hùng tỏ mặt trần ai
Họa người chín suối ngậm cười được chăng
Thơ Lý Bạch phải đằng lên cảo
Phú Tương Như lạo thảo vài thiên
Vẽ vời một cảnh điền viên
So vào với cảnh Võng Xuyên kém nào
Gió dương liễu hỏi chào buổi sớm
Trăng ngô đồng ờ ờm trước sân
Xui người trên gác Lâm Xuân
Đem dây cầm sắt lựa vần huyền nga
Gắn phim nhạn sẽ hòa mấy khúc
Nghe canh gà lại dục đòi phen
Buồng riêng vẫn mặc sách đèn
Mây hôm mưa sớm sợ ghen ít nhiều
Xin phần tử hãy chiều độ nữa
Để giang sơn trả nợ bút nghiên
Buồm thưa kéo trục vân yên
Thử xem phong vận Duy Tiên thế nào
Trên sông Nhuệ hoa chào liễu hỏi
Dưới rừng Sam oanh nói nhạn thưa
Người ưa tiên cảnh cũng ưa
Sen mừng rỡ hạ lan chờ đợi xuân
Giong đá bút truyền thần Ban Mã
Cuốn tầng mây đọ gió Tô Âu
Chi hồ dã giả vài câu
Cỏ hoa xem cũng ra màu phải duyên
Khách cầm kiếm vừa yên ổn chỗ,
Áng công danh khéo dỗ dành người
Núi Sùng hàng nhạn loi thoi
Nước non này để cho ai phẩm đề

Dòng Mã Thủy thu về ngòi bút
Cồn Long Sơn để chút vi danh
Nghĩ mình mà ngán cho mình
Chúa xuân sao khéo bất tình như ai
Chốn phần tử mỉa mai lắm nỗi
Cửa vũ môn len lỏi nhiều phen
Chửa cho trắng nợ sách đèn
Theo đòi còn có con em sau này
Mượn hỏi tá ai bày trò dối
Kẻo xinh thay cũng hội phong vân
Phụ phàng là khách hồng quần
Thang mây để biết mấy lần kia thôi
Bạn đài các ai ơi chờ với
Kho gió trăng chơi lấy kẻo hoài
Sông Lương là cảnh chiều ai
Cả gan dám dỗ những người văn chương
Cảnh cổ thụ treo gương ngọc kính
Suối Tam Kỳ vẽ cảnh tiêu sơ
Lối này tiễn biệt từ xưa
Nào ngờ lẩn thẩn bây giờ lại đây
Chiều lòng khách lại bày trò cũ
Thay má tiên mà chủ lòng hoa
Huệ lan sực nức trước nhà
Năm ba chậu cúc một và bông mai
Xuân mấy độ trêu người tuyết án
Hoa bốn mùa là bạn tiêu sầu
Có khi bảng lảng trời thâu
Giở bàn Đế Thích rót bầu Lưu Lang
Lầu minh nguyệt hỏi phường Vương Xán
Hội lan đình tìm bạn Hữu Quân
Có khi êm ả chiều xuân
Lựa lời Ma Hiệt theo vầng Thiếu Lăng
Khách Bành Trạch vẫn rằng đón rước
Người Đào Nguyên cũng ước một hai

Hơi may chợt động bên tai
Thuần lư sực nhớ đến mùi sông Tô
Nào phải khách giang hồ lỡ bước
Bởi dâu ra non nước quê người
Hỏi trăng trăng chẳng nói cười
Trông trăng trăng lại trông người lửng lơ
Làng tang tử vẫn chờ người cũ
Khóm liễu bồ khéo đủ năm xuân
Bấy nay chút nghĩa Châu Trần
Bỗng đem dử ngọn mây Tần xa xa
Thơ hồng điệp sao mà cách trở
Đường thanh vân ai nỡ ngăn rào
Lửa sầu càng dập càng cao
Càng ngơ ngẩn nỗi càng ngao ngán dường
Tên đã góp vào phường khoa mục
Áo nào hoen trong cuộc phong trần
Cho rằng vướng chút tơ tần
Mà tay Tạo hóa gỡ dần cũng ra
Nơi lữ trướng chan hòa lộc nước
Bóng thiều quang in trước thư đường
Biết bao là thú văn chương
Nghiên càng gợn sóng bút càng tuôn mây
Đem sơn thủy vào tay xếp đặt
Để hóa công tỏ mặt non già
Gió thu một tiếng bên tai
Thuần lư sực nhớ đến mùi Giang Nam
Kìa ngọn núi in làm bút giá
Nọ đám mây mở lá thi bình
Bút xưa trang điểm chữ tình
Bình thi cuốn gửi Hồ đình bấy lâu
Tưởng thư viện những sầu cách diễn
Nghĩ hoa viên càng ngán xa xôi
Giếng vàng một lá thu rơi
Quan sơn nghìn dặm mấy hồi tương tư

Rắp mượn cá đem thư thăm hỏi
Thoắt nghe chim tựa gối ngẩn ngơ
Trông hoa luống nặng tình xưa
Tiếc hoa luống ngại nắng mưa dãi dầu
Dễ khuây khỏa trăm sầu ngàn giận
Những xụt xùi thở ngắn than dài
Biệt ly ai kể xiết lời
Vì hoa cách mạch cho người thương tâm
Người đưa rượu hỏi thăm Bành Trạch
Kẻ say trăng tìm khách Đào Chu
Nào ai trang điểm màu thu
Hoa vàng chén bạc tạc thù với ai
Miền Dứa Lĩnh tin mai gắn bó
Đỉnh Cô Sơn mối gió đợi chờ
Muốn mang chén rượu câu thơ
Lạnh lùng trong tuyết hững hờ dưới trăng
Chồi tiểu bạch vừa chừng hơn thước
Tay chủ nhân ngày trước vun trồng
Dẫu khi sương tuyết lạnh lùng
Xa xôi dám phụ tấm lòng kiên trinh
Mây vô định bay quanh ngoài mái
Trăng hữu tình soi lại trước sân
Non sông tin tức cách ngàn
Tường vi rầy đã mấy lần khai hoa
Nhắn hỏi tiễn xuân là mấy khóm
Vẻ tiên hồng trang điểm dường nao
Lầu trang gió bỡn trăng chào
Kim thoa đưa nhớ tiễn đau cắt buồn
Vườn thược dược thâu mòn cửa trúc
Dãy ba tiêu chen chúc song hồ
Biệt ly vắng ngắt cảnh thu
Thành cư ai vẽ nên đồ Võng Xuyên
Nhắn hỏi đến mộc liên hai ngọn
Phóng tin hoa gần gận gió may

Hoa kia hãy nhắn thư này
Buổi thu còn vắng người say trước đình
Tiếng tất suất bên mình dục dã
Ngọn trà mi trước giá lơ thơ
Buổi thu chớ ngại công chờ
Con ong cái kiến ỡm ờ giới thay
Nhờ tin gió hỏi cây thạch lựu
Thu hầu sang hạ cứu gần qua
Đan tâm còn chút gọi là
Giữ gìn băng ngọc đừng pha bụi trần
Đường hoa trải mùa xuân lác đác
Cánh liên tiên bay lạc lối ngoài
Với ai khoe tía khoe tươi
Trận vàng ngẩn ngại những người nghiêng xương
Tưởng sơn thúc thạch hương đã ngán
Hỏi bồ đào long nhãn càng đau
Hồng mai rả rích giọt châu
Hững hờ sương tảo dãi dầu sương cam
Góp trăm mối đem làm tâm sự
Tính trăm hoa đầy cả gió sương
Chập chờn say tỉnh giữa đường
Hoa kia có biết đoạn trường này chăng
Nỗi ly hận nói năng sao xiết
Tình tương tư nào biết bao nhiêu
Tính xem ly biệt ít nhiều
Thương cho mai cúc nặng điều tương tư
Nhờ trận gió gửi thư thăm hỏi
Mượn bóng trăng dãi nói ân cần
Giá đành phong nguyệt chủ nhân
Nỡ nào đầy đọa phong trần xót thương
Xin hoa chứa phong quang như cũ
Chủ nhân còn đoàn tụ có khi
Trả cho sạch nợ lưu ly
Tân toan rửa hết đến kỳ cam lai

Gửi tình trọng thay lời thương nhớ
Cậy đồng tâm lo đỡ ít nhiều
Có khi lau chuốt đan biều
Khi trưa phơi sách khi chiều tưới cây
Lúc thanh hạ đặt bày giá bút
Buổi rồi dài lau chuốt án thơ
Dưới đèn dở thước xe tơ
Sửa sang áo rét đợi chờ thu qua
Tình khuê các gần xa lắm nỗi
Người quan sơn sớm tối một mình
Trông về trời bể mông mênh
Lúc đi còn vướng mối tình tư quy
Ngàn Nam mẫu vừa khi canh tác
Dải Tây giang ngọn nước đầy vơi
Dưới trăng thuyền trúc thảnh thơi
Phong lưu năm ngoái là người năm nay
Xếp tình cũ từ đây trở lại
Hoài công đâu kể mãi việc nhàn
Đã đành hội biệt bi hoan
Mặc khuôn Tạo hóa tuần hoàn nghĩ chi
Chữ thông tắc phải tùy sở ngộ
Lẽ thị phi không hổ với đời
Chiếc thân đứng giữa cõi người
Trên trời nhật nguyệt dưới trời sơn xuyên
Chứa trong bụng đầy thiên kinh sử
Đội trên đầu nặng chữ quân thân
Bầu băng giá ngọc trắng ngần
Dẫu đầm giọt nước phong trần chẳng hoen
Lỗi kim cổ là miền liêm sỉ
Bia thị phi còn để nhục vinh
Mắt tai hiền truyện thánh kinh
Lẽ đâu cầm độc ô danh quan thường
Nhờ Tạo hóa rộng đường phúc trạch
Trăng thiên la vét sạch hung ngoan

Một phen cười với thế gian
Rồi ta tùy ngộ nhi an xin đành
Hãy đem món thường tình xếp lại
Tạm tính điều thế trái để ra
Đêm đêm lại hỏi trời già
Thân này ô trọc hay là thanh cao
Còn trên thế ít nhiều dư phúc
Chắc linh đài chín khúc đan tâm
Hóa cơ vãng phục chẳng lầm
Để cho tác thiện lục trầm lẽ đâu
Thu nước mắt nghĩ câu thân độc
Dong ngọn đèn ngâm khúc mạc ai
Bút nghiên tiêu khiển ngày dài
Chẳng vì tâm khổ bỏ hoài quang âm
Nhân thong thả lại ngâm quốc ngữ
Đem thủy chung tình tự nói năng
Nôm na câu được câu chăng
Đỡ khi buồn bã lại dâng một cười

Bài hát cổ bồn của Trang Tử

Nực cười cho kẻ quạt mồ
Ghê thay cái gái lấy vồ đập xăng

Kham ta phù thế sự
Hữu như hoa khai tạ
Thê tử ngã tất mai
Ngã tử thê tất giá
Ngã nhược tiên tử thời
Nhất tràng đại tiếu hoại
Điền bị tha nhân canh
Mã bị tha nhân khóa
Thê bị tha nhân luyến
Tử bị tha nhân mạ

Dĩ tử đồng thương tình
Tương khan lệ bất hạ
Thế nhân tiếu ngã bất bi thương
Ngã tiếu thế nhân không đoạn trường
Thế sự nhược hoàn khốc đắc chuyển
Ngã diệc thiên sầu lệ vạn hàng

Bài dịch của **khuyết danh**

Này thế sự có vui đâu tá
Nở rồi tàn hoa nọ khác chi
Vợ mà thác ấy ta vì
Ta mà thác ấy vợ đi lấy chồng
Quá ra nữa ta riêng thác trước
Thực lắm trò nhem nhuốc khó coi
Ruộng người cày ngựa người nuôi
Con người mắng mỏ vợ người yêu đương
Nghĩ nông nổi tấm thương nhường thế
Nhìn nhau xem hạ lệ hay không
Đời cười ta tính khí ngông
Tự coi đạo vợ nghĩa chồng như chơi
Ta lại dám cười đời ít biết
Chỉ một niềm thảm thiết xót xa
Ví bằng thế sự xảy ra
Khóc mà lại được đây ta khóc rồi

CHÚ THÍCH PHẦN SONG THẤT LỤC BÁT

1. Tôn phù là tôn mà giúp lên; nói khi vua Quang Trung mới ra Bắc Hà, thực là có bụng tôn phù nhà Lê.
2. Chưng thường là tên hai ngày tế về mùa thu và về mùa đông. hai câu này là nói mồ mả và tôn miếu nhà Lê được nhờ vua Quang Trung mà bình yên như thường.

3. *Tùng, thu* là hai thứ cây trồng ở nơi lăng tẩm.
4. *Thiên bảo* là tên thơ trong *Kinh Thi*, bầy tôi chúc vua. *Hoa phong* là tên núi. Khi xưa vua Nghiêu qua chơi núi đó có ông già chúc tụng vua sống lâu. Câu này hai điển là ý nói về tiệc thọ vua Quang Trung lên năm mươi.
5. *Phong thể* là dáng vẻ.
6. *U* là tối, *minh* là sáng, tức là nói âm và dương.
7. *Áo vải* là một người dân thường. *Áo vải cờ đào* là nói vua Quang Trung, tức là một người bình dân mà nổi quân lên đánh Trịnh. Bốn chữ này rất hay. Nguyên ở trong sử, chính lời ông Nguyễn Huệ khi vào hầu vua Lê Hiển Tôn, có nói: "Thần bổn Tây Sơn bố y", nghĩa rằng: "Tôi vốn là một kẻ áo vải ở Tây Sơn".
8. *Di chúc* là lời dặn lại.
9. *Tình thâm* là nói cái tình mẹ đối với con.
10. *Ngọc kinh* là kinh đô nhà Trời, cũng như nói thiên đình.
11. *Đồng sinh* là cùng sống với nhau.
12. *Tử quy* là con quốc.
13. *Mông ơn* là đội ơn.
14. *Linh sảng* là khí thiêng.
15. *Cung xanh* là lấy chữ "thanh cung", tức là nơi Thái tử. *Ấu xung* là bé bỏng.
16. *Di mưu* là để lại những lời dặn bảo.
17. *Lân chỉ* là bài thơ trong *Kinh Thi*, nói về điểm vợ vua sinh được nhiều con cái hay.
18. *Sáu viện* tức là sáu cung.
19. Một cái lồng làm trời đất, sự chứa mình thật eo hẹp, muôn dặm gió mây hồng để mắt nhìn luôn.
20. *Thiên túng* là lòng trời buông thả, *lao* và cũi, *lung* là lồng, ý nói đem cái tài tự trời buông thả mà ngồi ở trong lồng.
21. *Phong tiện* là thuận cơ gió, *vân lung* là lồng mây; câu này ý nói muốn chờ gặp cơ hội để tháo cũi sổ lồng.
22. *Tiêu* là tầng khí quang mặt trời, *Hán* là sông Vân Hán. *Tiêu Hán* là trên trời.
23. Giang sơn có ai biết không.
24. *Tử hà* là chén rượu tiên.
25. *Vân thiều* là khúc nhạc tiên.
26. Bến Ái mộ, huyện Gia Lâm.
27. *Độc lạc viên* là nơi Tư Mã Quang về trí sĩ.

LỤC BÁT

LÊ NGÔ CÁT

Thơ bà Triệu Ẩu

Vú dài ba thước dắt lưng,
Cưỡi voi đánh trống trong rừng bước ra.
Cũng toan gánh vác sơn hà,
Cho Ngô biết mặt đàn bà nước Nam.

ĐẶNG DUY TRỨ

Bà Triệu Ẩu

Cửu Chân có cả Triệu Kiều,
Vú dài ba thước, tài kiêu muôn người
Gặp cơn thảo muội cơ trời,

Đêm thân bồ liễu thoi đòi bồng tang.
Đầu voi phất ngọn cờ vàng,
Sơn thôn mấy cõi chiến tràng xông pha.
Chông gai một cuộc quan hà,
Dẫu khi chiến tử còn là hiển vinh.

ĐỒ NGHỆ

Nhân ảnh vấn đáp

Đêm đông rủ bức màn đào
Mơ màng bỗng thấy chiêm bao nực cười
Một bên bóng một bên người
Người nương trước án bóng ngồi cạnh lan
Đôi bên dài vắn thở than
Chuyện trò thỏ thẻ nói bàn đã lâu
Bóng rằng: Nhân thế bạch câu
Trót đà đeo đẳng bấy lâu từ ngày
Bây giờ trình thực ông hay
Phải thời rằng phải không thời rằng không
Ấy sao gió mát trăng trong
Tưởng rằng chiếu dọc đêm hồng trải ngang
Có chăn có gối sẵn sàng
Có lời lịch sự thanh nhàn phân minh
Sao mà tựa án thâu canh
Ngủ đi chẳng ngủ cho mình thức theo
Hay là phiền muộn vì nghèo
Công mang nợ mắc ngày ngiều sinh ra
Hay là phiền muộn vì nhà
Con thơ vợ dại nghĩ mà khôn nguôi

Rằng: Sinh ra kiếp ở đời
Sông còn có khúc nữa người không chi
Nghèo thì nghèo có lo chi
Còn nhờ lộc nước có khi dồi dào
Cho công nợ có là bao
Ra tay tháo vát lúc nào cũng xong
Kìa như trẻ nó nhà trong
Dầu khôn dầu dại vẫn lòng tự nhiên
Xá chi con trẻ phận hèn
Còn nhờ mẹ nó có phiền muộn chi
Thưa ông không dám thế thì
Hay là khuya sớm lại mê về tình
Khi ngày Nam Định Bắc Ninh
Khi thành Hà Nội khi thành Sơn Tê
Những là bướm tựa ong kề
Kể giao quạt ước người đề bàn tiên
Cho nên chiếc gối biếng yên
Chăn cù biếng đắp đệm loan biếng nằm
Rằng: Sao hay nói dè chừng
Cũng là một lúc chưa từng hay sao
Muốn nơi gác phượng lầu cao
Đào nguyên dẫn lối Nguyễn đào đưa môi
Còn như gió cợt trăng cười
Chẳng thành thì cũng đủ mùi nưng niu
Có chăng mình chẳng biết sao
Khi ăn khi ở khi vào khi ra
Khi trong cửa lúc trong nhà
Khi nào là chẳng có ta với mình
Khéo đùa bỡn nói tranh giành
Có đâu chuyện ấy mà mình đặt nên
Hay là đen lận trắng mòn
Quay chưa thuộc nước bạn còn mắc đen
Hay là bạc ít tiền hèn
Rượu quen nước đậu trà quen hàng Tàu

Cho nên lo lắng đêm thâu
Ngọn đèn chung bóng đĩa dầu cạn khô
Rằng: Khi họp mặt chơi đùa
Dẫu cho thua được được thua mặc dầu
Còn như rượu đậu trà Tàu
Có chăng hay chớ ai hầu bợn chi
Đêm thanh có ngọn đèn khuya
Hẳn hoi câu ấy xin thề rằng không
Rằng: Không vâng cũng rằng không
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà tin
Hay là biếng hát cung đàn
Cô Khương cô Quế cô Lan làm rầy
Lạ gì thanh khí xưa nay
Phường nhi nữ để đắm say anh tài
Hay là tay gối trâm cài
Dì ba dì Bốn dì Hai thiếu người
Lạ gì thành thị quen chơi
Miền thôn đã cũng kém mùi Tràng An
Khen thay ăn nói mơ màng
Khéo vơ vẩn chuyện hỏi han những lời
Mình từ mười tám đôi mươi
Trúc tơ nghe cũng chán mùi ca đan
Chẳng qua vui bạn đua đàn
Hát khoe giọng lịch chiều trang cung đài
Tang bồng chí cả con trai
Cho thanh sắc cũng chẳng tài chi mê
May mà năm thiếp bảy thê
Chắc là ở chợ hơn quê được dù
Khuê môn dầu đủ khâm trù
Thời khăn trắng với quần nâu cũng tình
Tuồng gì má phấn mày xanh
Chẳng qua mượn thói khuynh thành chơi dong
Khôn lay được dạ anh hùng
Có ra chẳng tưởng mà không cũng đành

Hay là tưởng sự học hành
Kẻ tranh chiếm bảng người giành khôi hoa
Mà ta lấn thẩn đến già
Năm ba thằng bé một và câu văn
Cho nên nghĩ vẩn nghĩ vần
Nghĩ xa lại tưởng vào gần chút nao
Hay là tưởng bạn tri giao
Kẻ ra Thái thú người vào Hàn lâm
Mà ta đằng đẵng quanh năm
Ra vào ngõ hẹp ăn nằm nhà tranh
Cho nên tính quẩn tính quanh
Nghĩ người lại tưởng đến mình mà đau
Rằng: Sao đành vậy cũng dầu
Gan anh hùng quản được thâu ru mà
Rộng nhờ phong thổ nước nhà
Mà khi tấn phát may ra cũng còn
Ví dù duyên cả muộn mằn
Cũng dầu xong nợ đoạn tràng lo chi
Đường thanh vân có hẹp gì
Còn thân đành hãy còn thì vinh quang
Kìa kim mã nọ ngọc đường
Là chung nhau cả có phần nào riêng
Chẳng qua số định tự nhiên
Nhờ thiên địa lại nhờ duyên phận mình
Một mai nhẹ bước vân trình
Là đường sẵn đó nọ tình tương tri
Rằng: Sao trằn trọc canh khuya
Đã đêm không ngủ lại ngày cũng không
Nói chi nói lạ nói lùng
Dỗ quanh nhau mãi cho lòng sinh nghi
Người trong nhà cả sợ gì
Thực ông cứ nói ai thì sợ ai
Ngổn ngang giọt ngắn giọt dài
Dòng châu lã chã tơi bời thấp cao

Rằng: Từ đội đức cù lao
Đẩu thăng nào đã chút nào là vinh
Đàn em phận gái đã đành
Làm trai nghĩ sự như mình cũng dư
Câu nam tử với thi thư
Dặm nghìn đất khách nan từ rằng xa
Nhà thung tuổi sáu mươi ba
Sớm khuya tựa cửa biết là có nguôi
Lấy gì mà báo ngọt bùi
Gọi là thỉnh thoảng hỏi lời bình yên
Nghĩ mình duyên kém phận hèn
Tóc tơ chẳng chút đền ơn cao dầy
Có ba vạn sáu nghìn ngày
Tiêu ngang một vạn hầu dầy ít đâu
Ngoài ba mươi tuổi trên đầu
Thung già huyên cỗi nghĩ sao sau mà
Mà đàn em phận đàn bà
Rồi khôn lớn cũng người ta xin dần
Lỡ mang cung kiếm mấy lần
Trân cam ai kẻ đỡ đần cho ta
Một mai nhờ bước bước ra
Trung thời chẳng có hiếu đà khôn nguôi
Bắc nam nghìn dặm xa xôi
Đừng say việc nước mà nguôi việc nhà
Quê hương tổ mộ thì xa
Đường kia nỗi nọ phải là một nơi
Tiếng mình nhờ đội ơn trời
Chẳng vinh hiển cũng là người giá danh
Ngoảnh đi ngoảnh lại một mình
Lửa hương biết thấu tâm tình này chăng
Nghĩ xa xôi luống bâng khuâng
Có đêm đêm cũng mơ màng mà thôi
Thoạt nghe bóng cũng sụt sùi
Than rằng: Ông cũng như tôi khác gì

Tình riêng riêng những bể bề
Làm thinh kẻo để kẻ chê người cười
Chém cha cái kiếp tương mai
Đã đem vào cuộc thời ai cũng là
Thôi thôi trăm sự đắn đo
Càng suy nghĩ lắm càng lo cả đời
Đêm khuya thanh vắng một người
Nằm đây tôi hỏi một lời chút nao
Rằng người ở phải thời sao
Đường kia nỗi nọ thế nào cho hay
Con từ hầu hạ ông đây
Nhiều phen muốn hỏi lâu ngày lại quên
Rằng trong giàu có sang hèn
Bề nào thời cũng có tiền định thôi
Như người nghèo khó đành rồi
Phỏng như nhờ phận ơn trời phú phong
Có thầy có tớ thong dong
Có mâm thau có chậu đồng phân miêng
Có cơm có gạo có tiền
Có vàng có bạc có tiền để ra
Cũng là bực phú ông gia
Có nên gian lận hay là không nên
Dạy rằng: Hành tố thời nên
Nếu giàu gian lận ai khen bao giờ
Giàu sang những kẻ đời xưa
Mà đeo tiếng ấy coi như cũng thừa
Huống cho người thế bây giờ
Càng co quắp lắm càng nhơ cả đời
Thưa rằng: Ông dạy vâng rồi
Mà con cũng thấy người đời chan chan
Thiếu gì bạc thiếu gì tiền
Nhà năm bảy nóc ruộng thiên mạch đồng
Thà rằng nghèo túng cho xong
Thế mà chắt bóp từ đồng đến quan

Thực là sẻn thực là gàn
Chẳng bè chẳng bạn đua đàn với ai
Giàu lưng khố thuốc mang tai
Quần thay ống áo đổi vai cả đời
Quả nhiên có đất có trời
Thực tôi không dám đặt lời cho ai
Rằng: Người năm bảy đấng người
Khu khư những đứa thủ tài kể chi
Phải chăng nào biết là gì
Những nơi vi phú ấy thì bất nhân
Chẳng qua của thế đồng lần
Canh chung rồi lại trao dần cho nhau
Hễ giàu cho phải thời giàu
Đừng xa xỉ chớ cơ cầu thì thôi
Rằng: Trong sự phú vấn rồi
Lại thưa sự quý xem người dạy sao
Như bần tiện có quản bao
Gặp sao hay vậy thế nào cũng nên
Mai sau nhờ phận nhờ duyên
Đường mây đủng đỉnh gót tiên nhẹ nhàng
Có dù có võng nghênh ngang
Có xe ngựa đón có tàn quạt theo
Cũng là chức trọng quyền cao
Cách chơi như phỏng thế nào hỡi ông
Dạy rằng: Người thế của chung
Con người hễ quý tấm lòng thời hay
Sao cho có bạn có bầy
Có anh em có tớ thầy hẳn hoi
Còn như cậy phú khoe tài
Mà xem thiên hạ lắm người cũng như
Nghĩ rằng kẻ ấy cũng thừa
Dẫu vinh hiển mặc ai nhờ mà kiêu
Thưa ông con thấu cũng nhiều
Chẳng qua láo nháo lào nhào như ta

May nhờ phận mới hôm qua
Nghĩ rằng nhất sứ mặt đà vểnh vênh
Tưởng thiên hạ có một mình
Chửa nghe quý đã ra tình dịch giao
Khủng kha khủng khỉnh thế nào
Mảy may chút đã tưởng cao bằng trời
Nghe ông dạy đã vâng lời
Con đi ra thấy người đời lại nghi
Rằng: Phường mặt trắng chân chì
Biết tiền gạo biết có gì thiệt hơn
Chẳng qua ra cúi vào luồn
Nghĩ chừng một chút cỏn con tưởng là
Thử xem thế phiệt danh gia
Đầy vinh hiển đấy ai đà kiêu đâu
Nghe ra bóng cũng gật đầu
Lời ông đã dạy con hầu nghe ra
Giàu sang cho biết rằng là
Đừng kiêu lận ấy mới ra người giàu
Lại xin thưa hết gót đầu
Phỏng đem trí lực mà cầu được chăng
Rằng: Trong thiên hạ xoay vòng
Của nào là cũng của chung mọi người
Túng nhiên cầu được với trời
Dẫu làm một đứa điếc câm cũng đành
Chẳng qua duyên phận đã dành
Ví dù không phải của mình thời thôi
Cũng yên phận cũng vui chơi
Dù ai đủng đỉnh thấy ai chẳng mời
Đêm nằm suy nghĩ mà chơi
Phải chăng thời nói kẻo người trách ngoa
Hết chuyện gần đến chuyện xa
Đêm đông đằng đẵng trời đà rạng đông
Cái chiêm bao khép lạ lùng
Tỉnh ra mới chép vào trong truyện này

NGUYỄN TRÃI

Tự thán

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông
Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay
Chắc chi thiên hạ đời nay
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao
Đã buồn về trận mưa rào
Lại đau về nỗi ào ào gió đông
Mây trôi nước chảy xuôi dòng
Chiếc thuyền hờ hững bên sông một mình

NGUYỄN KHUYẾN

Chúc thọ Bà Hoàng giáp Tam đăng

Một mừng non nước vùng ta
Núi Gôi trăm thước bể Nha nghìn tầm
Mấy khi trăng tối đêm tăm
Trăm năm để lại tiếng cầm sông Tương
Chữ rằng Thọ khảo vô cương

Hai mừng gặp thuở nhiều lo
Lo lo trời lại thêm cho tuổi trời
Trời cho nhưng cũng tại người
Tấm son còn tạc muôn đời chưa quên
Chữ rằng Vĩnh thỉ phất huyên

Ba mừng tiệc thọ ngày xuân
Áo xiêm rạng vẻ chén thuần hương bay
Đào tiên cách mấy từng mây
Vén tay lên bẻ thứ này là ba
Chữ rằng Tích thiện chi gia

Tặng cô đào Lựu

Ngày xưa Lựu muốn lấy ông
Ông chê Lựu bé Lựu không biết gì
Bây giờ Lựu đã đến thì
Ông muốn lấy Lựu, Lựu chê ông già
Ông già ông khác người ta
Những cái nhí nhắt ông ma bằng mười

Hát ru em

Nam nhi đứng ở trên đời
Thông minh tai mắt là người trần gian
Tang tính tang tịch tình tang
Em thơ chị ẵm em ngoan chị bồng
Màn Đổng tử gối Ôn công
Lớn lên em phải ra công học hành
Sớm khuya cửa Khổng sân Trình
Dốc lòng nấu sử sôi kinh chớ rời
Học là học đạo làm người
Làm người phải giữ lẽ trời dám sai
Làm trai cho đáng nên trai
Chớ đừng đi nghịch cho phai lòng vàng
Bé cần học lớn làm quan
Khắp triều chu tử đều làng thi thư
Triêu ư tư tịch ư tư
Văn chương thầy nước thi thư báu nhà

Có công cách trí tu tề
Khốn quẫn cũng biết ngu si cũng hiền
Khuyên thực là khuyên
Hễ mà có chí thì nên
Cầu kiều đã bắc dịp lên đấy rồi
Chị khuyên em phải nghe lời
Đắp cao núi Thái tát vơi ao Thù
Chèo thuyền đến bến thầy Chu
Bút nghiên làm dấu võng dù cân đai
Tranh khôi đoạt giáp nhường ai
Chị Hằng nga vốn yêu người thiếu niên
Chuyên chuyên em học cho chuyên
Kìa người tiến sĩ trạng nguyên
Cũng là học vấn cần chuyên những ngày
Cửa trời rộng mở đường mây
Có công mài sắt có ngày nên kim
Một nhà đầm thấm ơn trên
Mở dòng phiệt duyệt rạng nền tổ tông
Xênh xang áo phượng sân rồng
Bõ công cha mẹ vẫy vùng áo xiêm
Em ơi em hỡi em hời
Muốn nên tai mắt ở đời
Thì em phải nhớ lấy lời chị ru

Bác đồ mắc lừa gái

Anh đồ ới hỡi anh đồ
Mặt rỗ như tổ da khô như sành
Ngoài ba mươi tuổi xuân xanh
Duyên sao sớm định rắp ranh những ngày
May sao may khéo là may
Gặp anh Hai Cạo trao tay một nàng
Trông người lịch sự giỏi giang

Hỏi người quê quán họ hàng nơi nao
Thưa rằng thiếp ở Từ Cao
Rằng: Phan là họ rằng Cào là tên
Bước nhà gặp buổi truân chuyên
Cánh bèo mặt nước sông Tiền ngược xuôi
Hay đâu duyên sự bởi trời
Bách tùng nhờ bóng gửi người đằng la
Thầy nghe cô nói xót xa
Ngọt ngào đầu lưỡi đậm đà lỗ tai
Con người thực cũng là người
Tiền thời phỏng mất độ vài bốn quan
Ít tiền mua được của ngon
Máu tham thầy mới phát hoàn anh Hai
Từ ngày gặp liễu chương đài
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông
Khi gối xếp khi chăn bông
Khi khăn bỏ giọt khi mùng thắm che
Khi chén rượu khi cuộc chè
Khi vui hớn hở giấc hòe tỉnh say
Nắng mưa lần lữa tháng ngày
Cô tiêu đã lắm thầy vay cũng nhiều
Yêu người người lại chẳng yêu
Chiều hoa hoa lại chẳng chiều mới căm
Có đêm thanh vắng bóng hằng
Thầy đương dở chén cô băng vội nằm
Trời vừa dở trống canh năm
Vớ đôi áo mỏng với dăm áo dầy
Thầy đương dở giấc nào hay
Tỉnh ra cô đã bỏ thầy cô đi
Duyên đâu gặp gỡ làm chi
Người đâu điên đảo thế thì biết đâu
Hớt hơ hớt hải tìm nhau
Dạo quanh cửa trước cửa sau đi tìm
Tìm em như thể tìm chim

Rừng xanh núi đỏ biết tìm vào đâu
Tìm em như thể tìm trâu
Đồng kia bãi nọ biết đâu mà tìm.

ĐÀO DUY TỪ

Ngọa long cương vãn

Ngựa xe chàu giản bạn lo
Thấy thiên võ cử đời xưa luận rằng
An nguy trị loạn đạo hằng
Biết thời sự ấy ở chưng sĩ hiền
Hán từ tộ rắng vận truyền
Ba phân chân vạc bốn bên tranh hùng
Nhân tài tuy khắp đời dùng
Đua chen trường lợi áng công vội giành
Nào ai lấy đạo giữ mình
Kẻ đua tới Ngụy người dành về Ngô
Nam Dương có kẻ ẩn nho
Khổng Minh là chữ trượng phu khác loài
Ở mình đều vẹn năm tài
Phúc ta gẫm ắt ý trời hậu vay
Điềm lành thụy lạ đã hay
Đời này sinh có tài này ắt nên
Bèn xem lặng lặng một hiên
Nhà tranh lều cỏ tính quen bơ xờ
Ba căng phong nguyệt hứng thừa
Bốn mùa đều có xuân ưa bốn mùa
Nước non khéo vẽ nên đồ
Thấp cao phượng giẫu quanh con rồng nằm

Vững bền chủ khách chào thăm
Minh đường rộng mở thiên tâm phẳng bằng
Tri âm những đứng khác hằng
Mặt non hội bợn mầy trăng lửng diềng
Đất lành cấu khí linh thiêng
Một bầu thế giới thiên nhiên hữu tình
Lâm tuyền trong có thị thành
Phàm trần tựa ít cảnh thanh thêm nhiều
Thú vui bốn thú thêm yêu
Kìa ngư nọ mục ấy tiều này canh
Hạc già trực cửa nghe kinh
Trái dâng màu thắm thức xanh vườn quỳ
Gốc ngăn trúc uốn vo ve
Ngõ đua hạnh tía hiên khoe cúc vàng
Khúc cầm cổ cẩm cung xoang
Ca ngâm Lương phủ đạo càng hứng mau
Cửa kho vô tận xiết đâu
Thú vui thủa thế ai dầu mặc ai
Thanh nhàn dưỡng tính hôm mai
Ghềnh trong cuốc nguyệt bãi ngoài cày mây
Lợi danh nào chút nhúng tay
Chẳng hiềm tạo vật không say thế tình
Dựa song hé bức mành mành
Gẫm chưng đời trước công danh mấy người
Doãn chưa đặng lễ Thang mời
Cày kia chưa dễ buông nơi Nội Sằn
Lữ dù chưa gặp xe Văn
Cần kia chưa dễ gác cần Bàn Khê
Gẫm xem thánh nọ hiền kia
Tài này nào có khác gì tài xưa
Nẻo mầu mối nhiệm binh cơ
Lược thao đã đọc thất thư lại bàn
Nương long lão biết thế gian
Máy linh trời đất luân hoàn làu thông

Thảo lai trong có anh hùng
Miếu đường chống vững thấy còn tài cao
Có phen xem tượng thiên tào
Kia ngôi khanh tướng nọ sao quần thần
Có phen binh pháp diễn trần
Điểu xà là trận phong vân ấy đồ
Có phen thơ túi rượu hồ
Thanh y sớm chúc hồ nô tối mời
Chốn trong danh giáo có vui
Bằng nhân chẳng biết rằng người ẩn trên
Hùm ngâm gió thổi tự nhiên
Chúa tôi sao khéo hợp duyên thay là
Ngạc thư vừa phút tâu qua
Xe loan tạm khuất hai ba phen vời
Dốc lòng phò chúa giúp đời
Xoay tay kinh tế ra tài đống lương
Cá mừng gặp nước Nam Dương
Rồng bay Thiên Hán vội vàng làm mưa
Chín lần lễ đãi quân sư
Phấn vua lây bén móc mưa gội nhuần
Hai vai gánh nặng quân thân
Chín phần ở thảo mười phần trọn ngay
Binh quyền việc nấy đương tay
Lâm cơ chế thắng một này địch muôn
Trận bày Bác Vọng thiên đồn
Bạch Hà dụng thủy Hầu Đôn chạy dài
Ra cờ mới biết sức trai
Có tài thiệt chiến có tài tấn công
Băng nghiêm thuyền dựa vịnh sông
Đón muôn tên Ngụy nộp cùng Châu lang
Hỏa công dâng chước lạ nhường
Gió ngàn Xích Bích thổi tàn Ngụy binh
Hoa Dung khiển tướng phân doanh
Gian hùng sớm đã nép kềnh phá gan

Thần cơ bí khế chước toan
Kinh Châu trước hẹn giục thuyền rước mau
Hoa thân đôi chước dấu nhau
Tiên sinh chước ấy Ngô hầu kế sa
Chước dùng bẩy bắt bẩy tha
Oai trời nhường ấy giặc đà chạy tênh
Có phen bắc phạt ra binh
Tiết bền vàng đá nhật tinh ấy lòng
Éo le thủy lục chước dùng
Khương Duy sớm đã kế cùng bó tay
Thần tiên mấy chước xe bày
Tào châu lá rụng lò bay phới ngàn
Trên thành làm chươc gảy đàn
Sa cơ Trọng Đạt nép gan kinh hồn
Nỏ trời phục cửa Kiếm Môn
Mã Lăng mất vía Quyền Môn khác gì
Chước nào chước chẳng ngoan nguy
Chốn thì lưu mã chốn thì mộc ngưu
Rất bền đánh dựng công nhiều
Hoa gi tiếng dậy dã triều danh hay
Khăng khăng một tiết thảo ngay
Rắp tùy chính thống sang tày nhật tinh
Sửa sang nghiêm cẩn phân doanh
Tôi loàn con giặc chạy tênh bời bời
Hán gi chín vạc phù trì
Suy thôi lại thịnh nguy rồi lại an
Công lênh kể ở hà quan
Cạy bằng thạch trụ thí san kia là
Non xanh nước biếc chẳng già
Trai mà nhường ấy đích là nên trai
So xem đời lẽ đâu hai
Tài này ai chẳng là tài quân sư
Luận đời tam quốc hữu dư
Luận đời tam đại còn chờ nhẫn sau

Hai triều từ gót nhẫn đầu
Bái tướng phong hàu ai dễ dám ghen
Muôn đời nhân vật kính khen
Để công trúc bạch chép tên cân thường
Phúc trời còn tỏ lòng cương
Ắt là Hán thất khôn lường thịnh suy
Hưng vong bĩ thái có thì
Chớ đem thành bại mà suy anh hùng
Chốn này thiên hạ đời dùng
Ắt là cũng có Ngọa Long ra đời
Chưa hay dùng đặng tôi tài
Mừng xem bốn bể dưới trời đều yên

LÝ VĂN PHỨC

Bất phong lưu truyện

Phong lưu là thú tài tình
Quê mùa là thú thư sinh lệ thường
Thân may vinh buổi Hi Hoàng
Phong lưu ai chẳng nhẹ nhàng tấm thân
Họ chi có khách văn nhân
Rộng cho cũng dự vài phân tài tình
Bất phong lưu ấy là danh
Hỏi quê rằng ở Bắc thành ngày xưa
Dấu nhà sẵn lối thi thư
Sử kinh võ vẽ văn thơ học đòi
Đôi khi buồn phận tủi đời
Phong lưu muốn bắt chước người xem sao
Vui thay bầy bạn phong tao

Bài vuông ra nệm ghế cao ngựa ngồi
Miệng xem tay mở dông dài
Chè khay vân mẫu trầu cơi xà cừ
Lại e quen nết khôn chừa
Nhớ khi điểm trịch con cờ thua trăm
Vui thay gặp khách tri âm
Xừ xang mấy khúc nguyệt cầm nhặt khoan
Dặt dìu lưu thủy cao san
Mùi hương thơm ngát bực đàn treo veo
Lại e dạ thắm tình xiêu
Nhớ ai trên vách cung treo vô huyền
Vui thay một lá khinh thuyền
Kết người tri kỷ dạo miền hồ san
Trăng màn gió đệm thênh thang
Đề thiên tức cảnh vịnh chương khiển hoài
Lại e thân phận nhỏ nhoi
Dám đâu hào phóng theo đòi kẻ xưa
Vui thay tìm thú mây mưa
Sắc xui vẻ liễu hương đưa hơi trầm
Lần khân sánh gối chung mâm
Hả hê hàn thực âm thầm nguyên tiêu
Lại e mắc thói yêu kiều
Tà dâm tiếng ấy để bêu miệng đời
Vui thay cuộc rượu sánh đôi
Sớm khoe ngọc lộ trưa mời cúc hoa
Chào trăng quở gió xông pha
Nuốt vào Lý Đỗ thở ra Kiều Bành
Lại e mê đắm tính tình
Lỗi lầm ai thứ cho rằng mình say
Vui thay cuộc tướng bàn vây
Sông ngăn xe ngựa trận bầy trắng đen
Khi tĩnh viện buổi nhàn hiên
Thảnh thơi trước gió bên đèn cùng nhau
Lại e lảng việc chưa hầu

Nữa quen bỏ chực quên chầu như ai
Tiếng là cũng kiếp làm người
Nợ phong lưu ấy trả đời nào xong
Quê nhà cách núi trở sông
Ai phong lưu với mà phong lưu giờ
Ăn thời tính sớm lo trưa
Chén cà muối xổi đĩa dưa cải trường
Mặc thời đều vải cũ càng
Áo dài mùi củ khăn vuông sắc cà
Há rằng chẳng biết phồn hoa
Con thơ một lũ mẹ già bảy mươi
Lấy gì áo gửi cơm nuôi
Đêm nằm riêng nghĩ ngày ngồi trộm lo
Khi thời đèn sách khu khu
Trách gương hiền phạm thánh mô làm thầy
Xét mình học mỏng lỗi dày
Mảng lo tu tỉnh cho tầy thế gian
Khi thời công sự lo toan
Gọi là quen lối từ hàng mấy may
Xét mình còn có ngày nay
Tóc tơ ngõ trả cao dầy chút chăng
Có phen mặt bể băng chừng
Mênh mang một nước một non bạn cùng
Biên phong tục chép non sông
Góp thu muôn dặm vào trong phẩm bình
Có phen quán khách nương mình
Lại quên tiếng sử câu kinh ngày thường
Bàn nghĩa lý luận văn chương
Năm ba kẻ gửi người chiềng làm vui
Xanh xanh hầu dễ riêng ai
Đã cho tai mắt biết mùi phong lưu
Phong lưu sao chửa thấy đâu
Tấm thân thấy những bấy lâu thiệt thòi
Bấy lâu về trước đã rồi

Từ đây hẳn thấy một vài phần chăng
Lọ là muốn vậy mà rằng
Cái cân con Tạo cầm bằng như in
Mảnh son hãy giữ cho bền
Phận mình mình biết cựa kèn ai chi
Phong lưu truyện cũ thiếu gì
Bất phong lưu mới chép ghi truyện này
Nhà quê nói lắm cũng rày
Khách phong lưu hỡi có hay chăng là

CHU MẠNH TRINH

Hương Sơn hành trình

Hương sơn là thú thanh cao
Những là nay ước mai ao mấy lần
Thanh bình gặp hội du xuân
Én anh nô nức xa gần đua nhau
Thuận dòng ngàn liễu cung dâu
Một thuyền đàn sách lưng bầu gió trăng
Buồm lan nhẹ cánh lâng lâng
Hay đâu mượn gió gác Đằng đưa duyên
Giang sơn thì vẫn người quen
Dạo chơi Châu phố xuôi miền Đục Khê
Chiêng vàng gác bóng non tên
Dừng chèo ướm hỏi lối về chùa trong
Lần khe Yến Vĩ đi vòng
Bốn bề bát ngát xa trông lạ thường
Giữa dòng đầy nước lồng gương

Mượn chèo ngư phủ đưa đường Đào Nguyên
Lạ cho vừa bén màu thuyền
Mà trăm não với nghìn phiền sạch không
Bầu trời man mác xa trông
Biết đâu nước Nhược non Bồng là đâu
Cỏ cây xanh ngắt một màu
Yết thần Vạn tuế lên lầu Ngũ doanh
Nhác trông sơn thủy hữu tình
Bút thần khôn vẽ bức tranh nào bằng
Chung quanh những núi cùng rừng
Đồng Ông một dải ngang lưng non Bà
Núi Xôi núi Ỏan núi Gà
Núi con Voi phục bày ra bên cầu
Nào ông Sào Phủ đi đâu
Hang sâu còn vết dắt trâu rõ ràng
Tiếng đâu văng vẳng chuông vàng
Khói đâu nghi ngút mùi nhang Thiên Trù
Thuyền lan mấy mái chèo đưa
Một dây thẳng tới bến chùa bước lên
Lầu chuông gác trống đôi bên
Cửa rồng năm sắc đài sen chín tầng
Muôn hồng nghìn tía tưng bừng
Suối khe thét nhạc thông rừng dạo sênh
Chim cúng trái cá nghe kinh
Then hoa cài nguyệt chày kình nện sương
Nam vô Phật tổ vô lường
Trai thành dâng một nén hương trụ trì
Nước công đức cửa từ bi
Dịp cầu khổ hải cánh bè mê tân
Người lễ Phật kẻ cầu thần
Người con công kẻ mộc ân vô vàn
Phòng tăng tựa chốn thanh nhàn
Vui vầy đạo Phật mê man màu thiền

Lò trầm chưa dứt hương nguyền
Túi thơ đủng đỉnh dạo miền Giải oan
Hỏi đây rằng Đệ nhị quan
Rành rành vết ngọc còn in dấu giầy
Luân hồi nào dễ ai hay
Oan gia thực lấy nước gì giải cho
Lần theo đấu thỏ quanh co
Qua rừng mơ tốt đến chùa Trấn Song
Bầu trời bát ngát xa trông
Võng trời rủ xuống mấy vòng thướt tha
Chắp tay miện Phật Di Đà
Kẻ ngồi người đứng kẻ ra người vào
Non trời biết mấy từng cao
Đã đi phải đến đã trèo phải lên
Một tòa phong cảnh thiên nhiên
Gió đâu văng vẳng nhạc tiên xa gần
Cheo leo đỉnh núi non Thần
Cúi đầu trời thấp cất chân mây đùn
Hoa đua thắm liễu khoe non
Chim cúng quả vượn ru con dập dìu
Màu thanh vẻ lịch trăm chiều
Hỡi ai mở khóa động đào cho nhau
Một lần thăm thẳm hang sâu
Rẽ đường nhác thấy đôi cầu hai bên
Kìa lẫm thóc nọ kho tiền
Kìa bảo tọa nọ kim liên rõ ràng
Phất phơ dải phướn vắt ngang
Nước đâu rỏ giọt quỳnh tương trên đầu
Khen ai khéo dệt kim châu
Áo cà sa đủ năm mùi linh lung
Khen ai khéo lựa tơ đồng
Cống sang hồ đủ tám cung nhịp nhàng
Thiên đường một lối sáng choang

Đường đi âm phủ một hang tối mò
Biết ai rằng cậu hay cô
Lần đôi đường có nhấp nhô đầu người
Bút hoa ai khéo vẽ vời
Rêu in vách đá một vài câu thơ
Khói trầm ngào ngạt xa đưa
Giục người giấc mộng trống trưa chuông chiều
Ngọn đèn lồng bóng trăng treo
Tiếng kinh chen tiếng tiêu thiều [1] hôm mai
Phật bà cao ngự liên đài
Đôi bên Ngọc nữ Thiện tài phán ban
Thần thông hóa phép chan chan
Hóa ngàn tai mắt hóa ngàn chân thân
Đô thiên quan Đô phu nhân
Diệu Thanh cùng với Diệu Âm đôi nàng
Thanh sư bạch tượng bầy hàng
Thâm nghiêm một điện linh quang ngất trời
Kiếp tu hành biết mấy mươi
Dấu thiêng đã mấy muôn đời còn đây
Sắc không ngồi nghĩ cho hay
Từ bi cũng tấm lòng này mà ra
Cúi đầu làm lễ bước ra
Hồ đi lại đứng dần dà mấy phen
Khách trần lạc lối cõi tiên
Họa sau này có nhân duyên chăng là
Trải bao dặm liễu đường hoa
Nhật trình chắp nhặt khúc ca tay đề

TRẦN TẾ XƯƠNG

Đi hát mất ô

Một buổi tối ông cầm ô tây đi nghe hát rồi ngủ lại ở phố Hàng Thao, sáng sớm mai ông thức dậy thì ô tây đã không cánh mà bay đâu mất.

Đêm qua anh đến chơi đây
Giày dôn anh diện ô tây anh cầm
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ
Hỏi ô ô mất bao giờ
Hỏi em em cứ ẫm ờ không thưa
Sợ khi rầy gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình

Hỏi ai ai có thương không
Trời mưa một mảnh áo bông che đầu
Vì ai ai có biết đâu
Áo bông ai ướt khăn đầu ai khô
Người đi Tam đảo Ngũ hồ
Kẻ về khóc trúc than ngô sao đành
Non non nước nước tình tình
Vì ai ngơ ngẩn cho mình ngẩn ngơ

Nhớ bạn

Đêm qua trằn trọc không yên
Vắng người cùng bạn bút nghiên sao đành
Ngựa xe là thói tỉnh thành
Nào người vui thú học hành là ai
Nhớ khi thảo sách soạn bài
Tựa trong khóm trúc tựa ngoài hồ sen

Ngậm ngùi đối nguyệt trước đèn
Ta vui ta biết ta phiền ta hay
Của trời như nước như mây
Lũ ta như dại như ngây như khờ
Đi đâu một bước một chờ
Vắng nhau một khắc một giờ khôn khuây
Tháng năm tết đến sau này
Cùng ai lên núi hái cây xương bồ
Dẫu rằng thiếu nếp không bồ
Tri âm đã vắng Bồng hồ cũng thôi
Qua năm thi hội đến rồi
Cùng ai vượt bể tới nơi kinh kỳ
Dẫu cho vui thú phụng trì
Khi vui nhà vắng cớ chi thêm sầu
Bạn đàn chưa dễ tìm nhau
Bạn nghiên bạn bút có đâu được nhiều

Sông lấp Nam Định

Sông kia rầy đã lên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò
Việc đời nghĩ đến mà lo
Giàu sang có phận đói no có trời
Ai ơi chơi kẻo già đời

Hỏi ông trăng

Ta lên ta hỏi ông trăng
Họa là ông có biết chăng sự đời
Ông to ông ở trên trời
Hẳn ông soi khắp nước người nước ta

Năm châu cũng một ông mà
Kể ra thì lại mỗi nhà mỗi ông

Hỏi ông trời

Ta lên ta hỏi ông trời
Trời sinh ta ở trên đời làm chi
Biết chăng cùng chẳng biết gì
Biết ngồi nhà hát biết đi ả đào
Biết thuốc là biết chè tầu
Cao lâu biết vị hồng lâu biết mùi

BÀ NHÀN KHANH

Tự thuật

Đêm đông bóng dãi cành mai
Nghĩ mình mình giận một hai nỗi mình
Đã sinh ra kiếp phù sinh
Còn len vào chốn lan đình làm chi
Thà nếm trải hoắc lê thanh đạm
Cái phong trần chưa dám bẻ bai
Lần lần gió sớm trăng mai
Mặc ai tử các mặc người kim lâu
Song đã trót nhuộm màu hồng phấn
Phải ôm đồm chút phận hồng nhan
Những là nắng dãi mưa chan
Thấy hoa vừa thẹn trông vàng nhường e
Sao tạo hóa khắt khe chi mấy

Kiếp phù du trông thấy mà thương
Lối xưa tu đã vụng đường
Bây giờ gặp bước phong sương mới vừa
Mai sau hết kiếp bao giờ
Dẫu rằng phú quý cũng chừa trần gian
Ví không lên chốn Bồng Sơn
Thì xin đem xuống cửu toàn cho xong
Chân mây mặt đất bóng hồng
Cây cao bóng mát tâm đồng mặc ai
Tri âm những khách Bồng lai
Biết đâu cái cuộc trần ai cho mình
Ước gì vũ hóa nhàn sinh
Quyết lên cho đến cung đình thử coi
Vui chơi phong cảnh trên trời
Thử nhìn có khác cõi đời này không

Tự tình

Đang khi ở tại Hoàng Anh gửi lên Phúc Yên cho chồng làm giáo thụ.

Hoàng Anh gió mát trăng thanh
Tiên hoa mượn bút tả tình làm khuây
Nương dâu bãi bể ai bày
Hồng quần sao khéo đọa đầy hồng nhan
Kiếp này đã trót đa mang
Kiếp sau chung đỉnh trời van cũng chừa
Ruột tằm trăm mối tơ vò
Gỡ ra cho hết bao giờ cho xong
Thương ôi cũng giống Lạc Hồng
Cũng nòi bào hốt cũng dòng thư hương
Mười lăm năm khúc đoạn trường
Dẫu vàng đá cũng phải tan nát lòng
Thù gì hở chú Hóa công

Mà mang mình buộc vào vòng nhân gian
Những là nạn khổ sầu oan
Biết ai ai biết mà than nỗi mình
Nhớ ai vò võ An Thành
Nghĩ người vắng vẻ [1] cửa Trình sớm trưa
Khi cữ gió lúc tuần mưa
Khi mong bắc nhạn lúc đưa nam hồng
Khi nắng dãi lúc đèn chong
Nước non ai có thấu lòng chăng ai
Bầu không này đã sạch rồi
Giang sơn đành để cậy người tình thâm
Nực cười cho kiếp Quan Âm
Tay con tay mõ còn chăm tu hành
Nào tiên nào Phật chứng minh
Nào ai là khách đài thành biết chưa
Có khi buồn tính nước cờ
Mã xa lạc lối vẩn vơ trong bàn
Có khi gảy khúc kim tiền
Phím loan ngao ngán tay tiên rụng rời.
Có khi mở sách làm vui
Lục nga ngâm lại ngậm ngùi song thân
Có khi mượn chén tẩy trần
Men xông mùi nhớ hương ngăn giọt sầu
Thôi ngày trọn lại đêm thâu
Thôi buồn nét ngọc lại rầu vẻ hoa
Thôi thôi cũng mặc trời già
Nước non ta chắc vẫn là còn lâu
Tuần trăng trăng đã đứng đầu
Tròn xoay cung quế một màu long lanh
Hay là tạo hóa xoay quanh
Đúc lò chung đỉnh để dành cho ta
Vuông tròn rõ bảy rành ba
Xem cho rõ mặt mới là cam tâm

Rõ cơn mây vẩn mưa dầm
Ơn thâm mong trả nghĩa thâm cho bằng
Nghìn tầm có thấu cho chăng
Cho cam lòng khách cung trăng vơi đầy
Ngọt bùi trải mấy đắng cay
Vinh hoa cho bõ những ngày gian nan

NGÔ THẾ VINH

Mong trả nợ đời

Cử nhân là số thế nào
Mấy phen nghiêng bút ra vào trường Nam
Cán mai hũ đút cho cam
Công phu luống những đa mang nợ nần
Nợ hồ hải nợ phong trần
Nợ xa vũ trụ nợ gần thê noa
Lại còn món nợ đào hoa
Miếng trầu đài các chén trà phong lưu
Lại còn món nợ má đào
Nguyệt soi tỏ bóng hoa ngào ngạt hương
Lại còn món nợ văn chương
Bắc cầu Y Phó trèo thang Cao Quỳ
Lại còn món nợ cố tri
Này khi thơ túi này khi rượu bầu
Đường xe ngựa quán công hầu
Mượn tay tạo hóa vẽ mầu phong vân
Làm cho tỏ mặt văn nhân
Công phu trả hết nợ nần nay mai

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Cuộc rượu

Ẩm trác cũng là tiền định
Hỏi ý cô rằng liệu tính làm sao
Hay rằng thục nữ giá cao
Anh hùng há có bán rao ru mà
Xuân kia xin chớ bỏ qua
Hoa kia có lứa người ta có thì
Chơi xuân chẳng hết xuân đi
Cái già sồng sộc nó thì theo sau

Nhàn ngâm

Ngồi buồn mà trách ông xanh
Khi vui muốn khóc buồn tanh lại cười
Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo
Giữa trời vách đá cheo leo
Ai mà chịu rét thì trèo với thông

DƯƠNG KHUÊ

Hà Nội tức cảnh

Phất phơ ngọn trúc trăng tà
Tiếng chuông Trấn Võ canh gà Thọ Xương

Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chầy An Thái mặt gương Tây Hồ

Lời hẹn

Năm năm tháng tháng ngày ngày
Lần lần lữa lữa rầy rầy mai mai
Có ai ta cũng thế này
Không ai ta cũng như ngày có ai

Hỏi thăm bạn ở Hưng Hóa

Nhớ xưa bạn cũ dặn rằng:
Xem tranh Đông Phố đợi trăng Tây hồ
Từ vui núi Chúc sông Lô
Hạc dâng rượu cúc đàn ru giấc hòe
Có phen nhấn hỏi đi về
Có thư xích tố có chè thanh xuân
Có lời hẹn với tình quân
Nhớ nhau lại có khi gần được nhau

NGUYỄN HỮU TẠO

Bài răn quân sĩ

Nghìn xưa dạy phép hành quân
Việc quân nên lấy chữ nhân làm đầu
Công danh là chữ về sau
Những đồ tiểu lợi hay đâu mà hòng

Chinh phu mấy kẻ tương tòng
Miếng cơm tấm áo cũng trong cao dầy
Binh đạo chừng mấy tháng nay
Ân trên che chở nghĩa thầy xót thương
Dấn thân vào cuộc chiến trường
Nghĩ người gối đất nằm sương xót tình
Bên trời chửa dẹp lửa binh
Biết bao gai góc đã đành lầm than
Nào nơi nhà cửa xương tan
Trông ra thấy những gió tàn khói bay
Nào nơi đồng nội cỏ cây
Trâu bò lạc luống bừa cầy vắng tanh
Nào nơi hàng quán họp hành
Xạc xào góc chợ chông chênh bên đường
Nào nơi thuyền khách thông thường
Mái chèo cắm dọc cánh buồm vắt ngang
Kìa ai hay lũ nón vàng
Trách ai ra cũng một phường tham si
Tài mà chi lợi mà chi
Chờ cho hết giặc còn gì là dân
Nhiễu nhương biết mấy mươi lần
Tính phần sợ giặc hơn phần sợ quan
Ngọn cờ treo chữ chiêu an
Binh qua rồi nữa cơ hàn làm sao
Của ai xin chớ tơ hào
Kẻo e chinh chiến biết bao giờ rồi
Hoặc là lấy của làm mồi
Dử cho vào lưới vào rồi mất ra
Hoặc là tiếc của xót xa
Thấy người nặng gánh nó ra nó liều
Hoặc là ngõ vắng đường heo
Binh quan lên trước giặc theo sau rồi
Hoặc là dặm vắng đường dài

Mặt trong bòn của mặt ngoài vướng chông
Khuyên nhau một sức một lòng
Ra tay địch khái đền công truy tùy
Máu tham nào có hay gì
Đã mòn vai gánh lại bia miệng cười
Của người là cái nợ đời
Của thần kia dẫu đến mười chửa yên
Câu thề nhớ lấy đừng quên
Đem lời khẩn thiết thay quyền phủ cân
Phòng khi quan pháp vô thân
Cái gươm vi mệnh cũng gần không xa

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

Chơi Sài Sơn [2]

Non xanh đã biết hay chưa
Khách chơi năm trước bây giờ lại đây
Hỏi thăm những gió cùng mây
Dấu thơ này những lối này phải không
Nực cười ta với non sông
Càng trông thấy cảnh mà lòng càng ưa
Thôi thôi danh lợi cũng vờ
Lên mây xuống hạc ta chờ bạn ta
Tấc riêng gửi áng yên hà
Nghìn năm phải lấy đây là chốn hơn

KHUYẾT DANH [3]

Tự tình

Nhân khi thong thả ngồi rồi
Nghĩ làm cái kiếp người đời cũng hay
Mấy người tài tử xưa nay
Trong khuôn tạo hóa thế này mãi ru
Đến tuần bát nguyệt trung thu
Tay làm mình chịu há thù đến ai
Đến tuần nguyệt gác cành mai
Miệng khôn như rắn mình hay như rồng
Đến tuần bĩ cực khôn thông
Quế trong cung nguyệt như không ra gì
Đến tuần hoa nở thiếu gì
Bướm ong sau trước tứ vi ầm ầm
Ầm ầm nghe những tiếng thị phi
Yêu nhau nên bấc ghét nên chì
Nông nỗi gia tình ai chẳng có
Đa mang nhân sự kẻ nào không
Đa mang có kẻ nào không
Hay là chỉ một mình ông Lê Đình
Đa mang rồi mới đa tình
Nể người đến nỗi thân mình long đong
Đa mang bối rối bên lòng
Cho nên vẽ bức tranh tòng mà chơi
Đa mang những sự bồi hồi
Người đời mà nghĩ sự đời ngẫm xem
Ngẫm xem thế sự cũng nực cười
Người ghét của yêu ấy lạ đời
Phong phú khác nào rươi tháng chín
Thanh bần như thể rắn mồng năm

Thanh bần như rắn mồng năm
Khôn trông thấy mặt thấy tăm đâu mà
Thanh bần là chữ thanh gia
Thanh bần nên phải xông pha mọi đường
Thanh bần là chữ thanh hương
Nắng mưa đất khách tuyết sương quê người
Thanh bần ai chớ vội cười
Vòng lưu ly chẳng mấy người khỏi qua
Mấy người chửa biết kinh lưu lạc
Những kẻ phòng không mỉm miệng cười
Ngày Nghiêu Thuấn còn dài chưa ngắn
Tháng bụt trời thử ngẫm mà chơi
Ngẫm xem tháng bụt ngày trời
Mà xem con tạo lần hồi đến đâu
Khi vinh hiển lúc u sầu
Trắng răng đến lúc bạc đầu mấy phen
Có đêm ngồi ngắm hoa đèn
Soi gương thiên cổ mà xem sự đời
Phong trần khắp hết mọi nơi
Phong lưu san sẻ ai vơi ai đầy
Phong lưu san sẻ lúc đầy vơi
San sẻ đầy vơi chẳng khỏi trời
Trách phận đào non không san sẻ
Giận duyên tơ đỏ những đầy vơi
Duyên tơ đỏ những đầy vơi
Sao không san sẻ cho người đào non
Bóng trăng khi khuyết khi tròn
Duyên tơ đỏ phận liễu non lạ lùng
Ở đời muôn sự của chung
Trời ơi hãm kẻ anh hùng làm chi
Đào lan sen cúc lỡ thì
Chờ mai gác nguyệt hoa quỳ nở ra
Chờ mai gác nguyệt đợi hoa quỳ
Sen cúc đào lan nở tứ vi

Phơi phới đào hoa xanh lá liễu
Thênh thang bóng nguyệt gác cành mai
Thênh thang nguyệt gác cành mai
Nhắc cân hai chữ trên vai hiếu tình
Cân đi nhắc lại một mình
Dám đâu hiếu nhẹ mà tình nặng hơn
Hiu hiu giấc quế mơ màng
Tỉnh ra tưởng đến nguồn cơn giật mình
Vì ai cho phấn nhạt bình
Khác nào Ngưu Nữ phân tình tây đông
Vì ai kẻ bắc đợi người đông
Hai chữ sâm thương chẳng vẹn đồng
Bắc đẩu Nam tào sao độc địa
Ngưu lang Chức Nữ bỗng phân chia
Ngưu lang Chức Nữ phân chia
Bên mày ủ liễu bên kia phai đào
Bắc thang lên hỏi Nam Tào
Cớ sao mà lại ngăn đào cho đang
Để cho ai đến bẽ bàng
Soi gương gương bụi ngậm vàng vàng phai
Trách mình nào có trách ai
Trách trong phận số hữu tài vô duyên
Trách trong phận số khéo vô duyên
Trách phận vô duyên chẳng sớm quyền
Trách duyên Tần Tấn sao chễnh mảng
Trách cái tài hoa chẳng gặp thời
Tài hoa nên chẳng gặp thời
Hay là lơ lửng nên trời bó tay
Tài hoa xưa cũng lòng này
Đề chơi hai chữ trình bày cho trông
Đề trong hai chữ trùng trùng
Phi tay tài tử ai cùng bàn nên
Trùng trùng hai chữ treo trên
Ấy là phong nguyệt vô biên rành rành

Phong nguyệt vô biên tứ tự thành
Lưỡng biên bất túc biến tự trùng
Hữu nguyệt vô phong phong nguyệt ảnh
Vô phong hữu nguyệt nguyệt phong tình
Có hoa nên nguyệt phong tình
Hoa tàn xuân tận ra hình nữa chi
Sót còn chút nghĩa từ vi
Mượn người mà gửi tin đi mối về
Tin đi mối lại ê chề
Muốn về mà chẳng muốn về biết sao
Cho nên lấy mận làm đào
Trăm phần hoa có phần nào phần tươi
Trăm năm hoa có mấy phần tươi
Ai biết trăng già bỗng trêu ngươi
Bỗng chốc vì đâu nên nỗi ấy
Bao giờ cho hết hội cơ này
Bao giờ hết hội cơ này
Chờ sang hội khác sau này mới hay
Anh tài dễ có mấy tay
Trời làm chi đến thế này vậy vay
Phong trần sao đến thế này
Biết rằng có kẻ nào hay chăng tình
Nào khi con quý chồng vinh
Bây giờ ngảnh mặt làm thinh xin đành
Xin đừng ngảnh mặt làm thinh
Đường đất bao nhiêu bấy nhiêu tình
Tưởng nỗi làm khuây khuây lại nhớ
Nhớ bầu mong nhắp nhắp nào khuây
Nhớ bầu mong nhắp nào khuây
Há rằng mà phải bầu dây đứt rồi
Lòng bối rối dạ bồi hồi
Một mình ai đứng ai ngồi cho an
Vì đâu nên nỗi dở dang
Vì tình nên phải thở than với tình

Ngẫm một mình nghĩ một mình
Một mình mình biết một mình mình hay
Một mình mình biết một mình hay
Lần lữa qua đêm lại trọn ngày
Trời cao có biết hay chẳng biết
Biết chăng chẳng biết hỡi trời cao
Trời cao có thấu tình chăng
Nào ai phụ nghĩa xích thằng cho cam
Vì đâu lỗi dịp cung đàn
Nước cờ đương thắng ai làm vẩn vơ
Bực mình mới họa nên thơ
Tẩy trần mượn chén ngâm nga đỡ buồn
Tang bồng mới phải tơ vương
Tơ vương nên phải tìm đường gỡ ra
Tơ vương nên phải gỡ tơ vương
Phỏng độ bao nhiêu mấy dặm đường
Thiếu não vì đâu nên nỗi ấy
Đa tình nên phải dạ đeo đai
Đa tình nên phai đeo đai
Chiều ai hay chẳng chiều ai mặc lòng
Lộc còn ẩn bóng cây tòng
Chờ bao thấy mặt văn phòng mới ra
Dọc ngang bốn bể là nhà
Anh hùng tương ngộ mới là tri âm
Nợ tình thâm trả tình thâm
Nào ai có nợ phong trần chi đâu
Nào ai có nợ kiếp phong trần
Ngăn hãm người du thế chẳng lầm
Há có nợ nợ thời cũng đáng
Nhưng không mà phải phải lầm than
Nhưng không mà phải lầm than
Tình kia hiếu nọ ngổn ngang mọi đường
Kể sao xiết nỗi tình thương
Kể sao xiết nỗi đoạn trường thế thôi

Nhạt như ốc bạc như vôi
Hương thơm lắm kẻ hoa ôi ai nhìn
Gặp cơn bèo nổi mây chìm
Kẻ tìm hương bụi người nhìn hoa ôi
Gặp cơn bèo nổi lúc mây chìm
Hương bụi hoa ôi mấy kẻ tìm
Tham phú phụ bần đều là thế
Sự đời trước mắt để treo gương
Sự đời trước mắt treo gương
Đừng say sưa lắm đừng thương tiếc nhiều
Mơ màng trong giấc võng đào
Tỉnh ra mới biết chiêm bao giật mình
Ngổn ngang bên hiếu bên tình
Một tay cân nhắc một mình sẻ san
Niềm riêng riêng những bàn hoàn
Rừng lan mà chửa hợp hương hẹp hòi
Rừng lan chưa hợp thế hẹp hòi
Cái cánh bèo trôi đã lấp rồi
Trôi đã lấp rồi thời thôi chớ
Hãm chi lơ lững hỡi trời ơi
Hãm chi lơ lững trời ơi
Nỗi niềm tâm sự bồi hồi xiết bao
Kìa đất thấp nọ trời cao
Biết làm sao biết làm sao thế này
Lầm than trong bấy nhiêu ngày
Nợ thời có nợ vay thời không vay
Chén quỳnh chưa nhấp đã say
Nào ai biết nào ai hay nỗi mình
Nào ai có biết nào ai hay
Ngẫm nghĩ trong lòng những đắng cay
Rầu rĩ nào khi rầu rĩ ấy
Ủ ê kia hỡi ủ ê này
Làm cho đến nỗi ủ ê
Làm cho lúc tỉnh lúc mê mơ màng

Làm cho bướm chán nhị vàng
Cho ong lạc lối cho vàng nhạt son
Làm cho ong bướm gầy mòn
Cho ngơ ngẩn bướm cho buồn bã hoa
Làm cho hoảng hốt trăng già
Làm cho hoảng vía Hằng Nga giật mình
Làm cho hoảng vía lại giật mình
Bưng bít làm sao kín miệng bình
Mượn chén càn khôn điều là thế
Càn khôn mượn chén giả làm thinh

Vịnh cái nón

Có người quân tử đứng lên
Hình dung chễnh chện đứng trên cõi đời
Đàn con cảm đức tày trời
Cứu con khổ hạn mưa rơi giữa đường

Chơi Sài Sơn

Trời tây phẳng lặng bốn phương
Nước non đợi khách điểm trang những ngày
Nhất vui là hội chùa Thầy
Lại càng vui nhất năm nay đó mà
Non tiên cảnh Phật thơ nhà

Hà Nội ba mươi sáu phố phường

Nghìn thu gặp hội thái bình
Trải xem phong cảnh khắp thành Thăng Long
Phố ngoài bọc kín thành trong
Cửa Nam giám Bắc tây đông rõ ràng

Ba mươi sáu mặt phố phường
Hàng Giầy Hàng Bạc Hàng Ngang Hàng Đào
Người đài cát kẻ thanh tao
Qua Hàng Thợ tiện lại vào Hàng Gai
Hàng Thêu Hàng Trống Hàng Hài
Hàng Khay dở gót ra chơi Tràng Tiền
Nhác trông chẳng khác động tiên
Trên đồn cờ kéo dưới thuyền buồm dăng
Phong quang lịch sự đâu bằng
Dập dìu võng lọng tưng bừng ngựa xe
Hàng Vôi sang phố Hàng Bè
Qua tòa Thương Chính trở về Đông Xuân
Trải qua Hàng Giấy dần dần
Cung đàn dịp phách riêng xuân bốn mùa
Cầu Đông vang tiếng chuông chùa
Trăng soi giá nến gió lùa khói hương
Mặt ngoài có phố Hàng Đường
Hàng Mây Hàng Mã Hàng Buồm Hàng Chum
Tiếng Ngô tiếng Nhắng um um
Lên lầu xem điếm tô tôm đánh bài
Khoan khoan chân dở gót hài
Qua Hàng Thuốc Bắc sang chơi Hàng Đồng
Biết bao của báu lạ lùng
Kìa đồ bát bảo nọ lồng ấp hương
Hàng Bừa Hàng Cuốc ngổn ngang
Trở về Hàng Cót dạo sang Hàng Gà
Bát ngô Hàng Sắt xem qua
Hàng Vải Hàng Thiếc lại ra Hàng Hòm
Ở đâu nghe tiếng om om
Trống chầu nhà hát thòm thòm vui thay
Hàng Da chợ Sắt ai bầy
Bên kia Hàng Điếu bên này Hàng Bông
Ngã tư Cấm Chỉ đứng trông
Qua Hàng Thợ Nhuộm thẳng dong Hàng Tàn

Đoái xem phong cảnh bàn hoàn
Bút hoa dở viết chép bàn mấy câu
Trải qua một cuộc bể dâu
Nào người đế bá công hầu là ai

Tống thần Cùng

Hỡi Cùng thần hỡi Cung thần
Láng giềng không phải bạn thân không là
Gục đầu ở mãi nhà ta
Kể từ mi đến nay đà mấy xuân
Cùng thần nghe nói khó khăn
Trước sau mới ngỏ dần dần khúc nhôi
Rằng "Ta tiếu tử nhà trời
Du dân danh diện với đời là đây
Nội Sằn Y Doãn từ ngày
Một theo xuân vũ bạn cày sớm khuya
Thái công bến Vị xưa kia
Một cành câu trúc bạn bè tay gieo
Có khi Quản Trọng ra vào
Có khi khuya sớm du ngao Tô Tần
Người Hàn Tín ấy cố nhân
Trần bình gã ấy đồng quần bạn chơi
Nội trong hào kiệt mấy người
Cùng ta lẩn quất chơi bời bao nhiêu
Huống chi ngươi vốn cảnh nghèo
Bỏ người ta lại biết theo cảnh nào
Xưa nay ngươi vốn tính hào
Cầm kỳ thi tửu ngón nào cũng chăm
Thảnh thơi ngươi giở khúc cầm
Ta xin làm bạn tri âm Tử Kỳ
Khi buồn ngươi giở con ngà
Ta xin làm bạn bày cờ dịch thu

Dưới trăng khi rượu say sưa
Ta xin rót chén Đường Ngu ba tuần
Nhà lan khi giở thơ thần
Thì ta xin nối một vần thanh tao
Những là khấn nguyện trời cao
Cho người trường thọ ra vào cùng ta"
Nghe lời cả sợ lòng ta
Vậy nên mới phải ngỏ ra lời này
Rằng: "Khi ta chửa gặp mày
No ăn đủ mặc ngày ngày thảnh thơi
Từ khi trông thấy mặt rồi
Vợ liền réo rắt con thời xót xa
Làm nhân mày lại gạt ra
Muốn làm việc nghĩa mày đà hất đi
Canh khuya đọc sách thường khi
Lửa huỳnh không sáng bởi vì mày ngăn
Có khi nhà chẳng bữa ăn
Lọ vò mốc thếch bình chè rêu xanh
Mười năm chẳng được một lần
Để ngươi Lý tử băn khoăn sao đành
Yến tân họ Thạch linh đình
Một đoàn ca vũ khuynh thành giá đang
Bình nguyên vui bạn vẻ vang
Hạt châu đi lại sáng quang một đường
Sao mày bỏ chốn giàu sang
Mà nơi hèn khó lại càng dang tay
Làm ca này để đưa mày
Mày nghe mày phải từ đây xa rời
Đưa mày về đến tận trời
Làm sao Khuê Đẩu tuyệt vời văn chương
Đưa mày về đến Hán Xương
Làm cây tùng bách nước dùng đống lương
Đưa mày về chốn cao cương
Làm hòn ngọc tốt cống sang vua mày

Đưa mày về bể đông tây
Mưa nhuần sái khắp thân mày giảo long"
Cùng thần nghe nói thủy chung
Cúp đuôi rảo bước sượng sùng nên câu

Câu rằng

Cất gánh từ đây đỡ tấm lòng
Mai ngày sung sướng chớ quên Cùng
Bao nhiêu khó nhọc nay đi sạch
Còn lại vinh hoa ngụ ở trong
Xin học Phạm đan dành lọ mốc
Chớ theo Tráng sĩ hổ lưng không
Xem ra mới biết anh hùng sự
Thôi rõ là trời khéo nặn nung

Năng nhẫn bất năng nhẫn hành

Tục truyền tác giả bài này đang khi đau yếu thấy đời nhiều việc cạnh tranh vô vị, mà bè bạn thì kẻ đông người tây, không có ai cùng đàm đạo, nhân mới thuật một chuyện để khuây sầu.

Trời thu hiu hắt gió vàng
Rặng lau hoa nở đôi hàng lá thưa
Thư đường nhân lúc hứng thừa
Vui lòng mượn bút lọc lừa ngâm nga
Thấy trong lục cũ truyền ra
Thực hư chưa tỏ song nga chưa tường
Tiếc là tựa gối theo đường
Cứ trong tích trước rõ ràng chép chơi
Tích xưa nghe có một người
Gia sư điền sản phỏng vời thích trung
Một ông đức hạnh lạ lùng

Chẳng hay làm sự ngoài vòng phi vi
Tính hằng nhẫn nhục từ bi
Thiệt hơn chẳng chút tranh thi cùng người
Dù ai cả tiếng dữ lời
Làm thinh gãi tóc đấp tai ra về
Một ông thì lại hay nề
Nét thì cả giận nào hề nhịn ai
Cùng lòng chính trực thời trai
Đã lòng hỉ xả hiệp tài nở nang
Cùng nhau kết bạn đá vàng
Cùng đi làm phúc thập phương ta bà
Chẳng nề chùa quán gần xa
Thấy đâu dột nát cửa nhà hưng công
Hai người đi đến ba đông
Bãi đau xẩy thấy non thung lạ dường
Đỉnh cao nghi ngút nghìn hàng
Dợn xanh ấy đá chói vàng nọ hoa
Huệ lan đôi khóm rườm rà
Hóa long trúc đã thực da điểm mồi
Suối đàn cuộn nước cùng vui
Chim rừng làm tổ tranh mồi líu lo
Rồng nam phun nước thập thò
Thung thì thổi gió ỳ ù chèo leo
Một chùa bỗng thấy bên đèo
Bên bề đá chởm rồng leo ngất tường
Trong chùa chơi chói chữ vàng
San hô hổ phách cột giường khảm quanh
Bốn bề cảnh vật khoe thanh
Muôn gian nghìn nóc thênh thênh rộng dài
Nhìn xem chả khác Bồng Lai
Đã nên một cảnh trần ai tuyệt trần
Hai người đến đấy lòng mừng
Vào chùa lễ Phật đều chưng tu hành
Tháng ngày náu tiếng ẩn danh

Gió xuân đỡ quạt trăng thanh thay đèn
Khát thì uống nước cam tuyền
Đói thì lại nếm đào tiên qua thì
Niệm kinh lắng kệ đòi khi
Vui niềm phật pháp sớm khuya chẳng nài
Biết rằng xuân tới hoa khai
Thu sang lá rụng chẳng sai tơ hào
Tháng ngày luống những ước ao
Vui bề đạo đức biết nào kỷ canh
Hai ông tu đấy đã đành
Cùng khuyên nhau ở lòng lành mới nên
Ở lâu cầm thú liền quen
Cái vào hái quả cái lên dâng chè
Chúng cầm đã ở chiền già
Lòng ông hay nhẫn hiền hòa yêu đang
Cho ăn cho uống giữ giàng
Rác thì quét tước sửa sang một mình
Ra vào mặc chúng tung hoành
Chẳng hề nặng đến chúng sinh một lời
Dầu lòng chúng vật chơi bời
Đã trong thượng điện lại ngoài tam quan
Một ông thấy chúng lăng loàn
Khôn chừa nết cũ tức gan thay là
Ngày ngày đánh đánh khua ra
Mắng rằng rác ráy chiền già vì bay
Cũng nhiều phải cái quá tay
Lòng ông năng nhẫn thương thay muôn phần
Khuyên ông bất nhẫn đòi danh
Kẻ đà làm phúc xả thân tu hành
Còn làm những sự chẳng lành
Hư công vả lại uổng danh thay là
Chẳng bằng nhẫn nhục hiền hòa
Từ bi hỉ xả vốn ta ghi lòng
Để cho dày thửa âm công

Thân sau lại sửa hóa rồng chút chăng
Ấy là lời thực tình rằng
Xin đừng làm sự lăng nhăng nữa là
Cùng nhau đều trở lại nhà
Sớm kinh tối kệ xướng hòa chẳng khuây
Bạn cùng non nước cỏ cây
Hay đâu trời đất vần xoay mấy đời
Đạo cao đức rộng tốt vời
Đã mươi lần hóa lại mười lần sinh
Đều cùng được phép tiễn linh
Lốt phàm lột khỏi nhẹ mình dưng dưng
Ăn chăng không ý cũng đừng
Chẳng hề đói khát rửng rưng tháng ngày
Ông kia nết cũ chưa khuây
Thấy loài cầm thú còn hay giận cùng
Một hôm chư Phật hội đồng
Phán rằng hai ấy tu công đã chầy
Đạo nhân đức trọng cao dầy
Song còn người nọ chưa hay nhẫn lòng
Âu là người ấy hãy không
Hãy cho năng nhẫn lên thông tòa vàng
Bàn xong biện bạch tỏ tường
Long xa phượng tiễn nghênh ngang tống hoàn
Lũ thì bảo cái tràng phan
Ngất trời rợp bóng dù tàn bể sen
Kiệu vào đến trước cửa chiền
Rước ông năng nhẫn vào đền lưu ly
Phong làm Bồ tát ngự vì
Ông kia thấy vậy lòng thì buồn thay
Song le tu đạo đã chầy
Đằng vân giá vũ cũng hay phép thần
Tức thì nương gió rời chân
Xăm xăm thẳng bước tới sân Phật đài
Bước vào quỳ dưới ngọc giai

Khấu đầu bèn kể mọi lời khúc nhôi
Rằng tôi từ thuở ra đời
Cùng ông năng nhẫn hai người kết thân
Đi làm phúc khắp xa gần
Ba đông bèn mối mai chân cửa chiền
Hằng từ đạo đức tăng thiền
Vui bề Phật pháp những quên cửa nhà
Lẽ thì ân Phật lòng xa
Anh em cùng được một tòa vinh phong
Cớ sao kẻ được người không
Dám xin xét đấy cho cùng kẻo oan
Phật rằng sự đã luận bàn
Hai người tu đạo đã ngoan đã chày
Song ngươi nhẫn nhục chưa hay
Cho nên chưa được sánh bày tòa sen
Bạch rằng tội ấy đã nên
Bây giờ Phật phán ở đền làm sao
Hay là tu lại thế nào
Mà cho được dự bước vào Lưu ly
Phán rằng nào có khó gì
Non kia tụ điểu gần thì chẳng xa
Gìn lòng nhẫn nhục thì là
Chẳng là nhẫn nhục thì ta trở về
Lên non đứng đấy một bề
Ba năm ba tháng chớ hề giận ai
Thì cho vào chốn phật đài
Vâng lời Phật phán bèn dời chân ra
Cách non phỗng hãy còn xa
Tiếng chim eo óc nghe đà ỏi tai
Xăm xăm bước đến nửa vời
Trèo lên đỉnh núi đứng nơi thạch bàn
Dãi dầu nắng sém mưa chan

....

Tân toan khổ ải chẳng nài

Cứ lời Phật phán dám sai chút nào
Chim đều đậu khắp vai đầu
Tổ làm dừng dực trước sau trọn ngày
Chim non theo mẹ tập bay
Vẫy vùng nhảy nhót thâu ngày gọi nhau
Dạy đường chuyển động trên đầu
Cứ lời Phật phán dễ hầu dám xao
Đêm ngày luống những ước ao
Đốt tay tính sắp kỳ đào khai hoa
Đến tuần trăng mãn trăng tà
Đành hay tháng trọn biết là niên chung
Ra ngoài hai tháng ba đông
Mười lăm ngày nữa thì công hoàn thành
Ở lành gặp sự chẳng lành
Đôi chim chinh chích trên cành bảo nhau
Ta đừng tha rác chi lâu
Kìa kìa đã sẵn trên đầu người kia
Cùng nhau rít rít bay về
Liền làm tổ bé ở kề bên tai
Nhỏ nhen chẳng dám gần ai
Vợ chồng để ấp hôm mai một mình
Bốn con tốt tốt sơ sinh
Chồng liền dặn vợ tâm tình khúc nhôi
Giữ con chẳng khá khi nguôi
Để anh sẽ liệu kiếm mồi cho ăn
Bay xuôi bay ngược xa gần
Chẳng hề có được nghỉ chân ở nhà
Hết gần lại dạo miền xa
Kiếm cho con trẻ đàn bà đủ no
Một mình hầu mượn ai lo
Tối về thì lại dặn dò hỏi han
Sớm thì chắp cánh băng ngàn
Thương con xót vợ tân toan chẳng nài
Đến tuần con đã ra ngoài

Nể chồng chim cái ngỏ lời vân vi
Rằng anh tối lại sớm đi
Nhọc nhằn mưa nắng thiếp thì ở không
Rầy con cũng đã đủ lông
Nghỉ chân thiếp sẽ tất công đỡ chàng
Chim đực rằng chớ nói quàng
Em còn non nớt nắng sương phong hàn
Nào anh có quản lầm than
Vợ lành con lớn thì an dạ này
Phỏng đà qua được ba ngày
Tối về chim cái lại nài xin đi
Thấy lòng vợ đã năn nì
Nhủ rằng mặc ý anh thì giữ con
Nói rồi chim cái liền bon
Lạ lùng phong thổ nước non biết gì
Tìm mồi bay lại bay đi
Vẩn vơ chẳng biết rằng thì nơi đâu
Bay quanh đã một ngày thâu
Chẳng hề có một cái sâu cái ruồi
Non đoài hầu lặn mặt trời
Chồng mong con đói dỗ thôi lại mòng
Dường như lửa chất bên lòng
Thương con vả lại sợ chồng giận chăng
Khi trời tối đến liên băng
Thấy hoa sen nở nhện giăng tơ ngoài
Lòng mừng bay thẳng đến nơi
Nhện kinh thoắt đã chạy dời vào trong
Ruổi theo vào giữa liên phòng
Mải ham bắt nhện mơ mòng biết chi
Hay đâu sen cũng như quỳ
Âm thì hợp lại dương thì nở ra
Yếu thơ con trẻ đàn bà
Phải chờ bạch đán khai hoa mới về
Đến nhà con khóc như dì

Chồng thì chẳng có ủ ê một điều
Tấc lòng lo sợ trăm chiều
Dỗ con thôi mới đánh liều tới nơi
Chồng rằng đã thỏa sự đời
Lênh đênh thuyền bách sóng khơi mặc dầu
Hẹn hò đã phỉ sở cầu
Một mình ai dễ biết đâu là rừng
Trạnh lòng chim cái ngập ngừng
Than thân rằng: khế lộn gừng chua cay
Bây giờ sự đã dường này
Lạy chồng thôi lại bày ngay mọi lời
Thấy chàng chen chúc ngược xuôi
Xót chàng thiếp phải bước dời chân ra
Song le thơ yếu đàn bà
Vả thêm non nước gần xa lạ lùng
Trọn ngày mỏi hãy còn không
Tối về thấy nhện liên phòng giăng tơ
Mải tham bắt nhện nào ngờ
Khi âm hòa hợp thì vừa khôn ra
Trước sau sự đã thật thà
Há rằng thiếp dám sai ngoa điều nào
Chim đực rằng sự lạ sao
Hoa đâu lại có hợp vào nở ra
Thôi thôi hãy trở về nhà
Sự đà có đấy ắt là khỏi dôi
Hôm nay đã được nhiều mồi
Con thì no dạ đều ngồi khỏi lo
Thấy chồng mai mỉa nhỏ to
Dẫu ngay ai kẻ hỏi cho được tường
Tấc lòng thảm thiết tư lường
Mặt hoa thêm đượm hai hàng mưa sa
Nói thôi bèn trở về nhà
Đỗ cành chim đực thiết tha một mình
Giận sao vợ ở bạc tình

Bèn đem hát thử hoa tình câu chơi
Hát rằng gần bén xa vời
Một chăn đắp được mấy người tri âm
Trong nhà đã sẵn hoàng cầm
Song le lại muốn nhân sâm nước người
Đành hay kho Tạo chẳng vơi
Pha phôi ai dễ biết nơi cõi bờ
Thương vì chút phận con thơ
Cho nên trải chiếu rấp dơ trăm chiều
Ưa là chơi đã đến điều
Bạn sen đã phủ hết điều nói năng
Nghe thôi chim cái nghĩ rằng
Đã nên một sự vô bằng mất đôi
Sự oan biết thủa nào nguôi
Âu là phải trả khúc nhôi mấy lời
Hát rằng vào sóng ra khơi
Một mình ai kẻ biết vời sâu nông
Tử sinh ngỡ vẹn chữ đồng
Nào hay nhìn đến mênh mông trăm chiều
Thôi thôi sương tuyết đã nhiều
Càng cao tuổi tác càng nhiều mỉa mai
Bây giờ tía nhạt hồng phai
Cho nhau những tiếng đơn sai vào mình
Lọ là phải nói tận tình
Nghe lời thì biết xem hình thì hay
Hát thôi chim đực giận thay
Nhủ rằng trong ấy gian ngay đã liều
Đất kia mà ném ao bèo
Dao kia rạch nước hết điều đôi co
Ngỡ là phải lưới mắc dò
Ai ngờ hoa hợp kể cho làm kỳ
Thôi đừng hát khẩy làm chi
Vào nhà nghỉ khỏe mai đi kiếm mồi
Thấy chồng ngờ vực chưa thôi

Tức gan chim cái khôn ngồi chạy ra
Đến gần lạy đã trình qua
Vợ chồng là nghĩa ruột già nghìn năm
Đã nguyền kinh bố thạch trâm
Dám đâu bả lả âm thầm riêng ai
Niềm gian phó quỷ thần hay
Nâng mâm cầm chổi xưa nay một bề
Đắng cay chua chát chẳng nề
Ước cầu cho vẹn lời thề cho xong
Thiếp dầu ở chẳng hết lòng
Lại nguyền như đá đợi chồng đứng đây
Thầy nghe nó nói giận thay
Mắng rằng chim chóc chúng bay nói càn
Vốn tao nết dữ đã quen
Cứ lời Phật phán về ngàn từ bi
Dù hay xảy có việc gì
Cớ sao mà lại nói chi đến tao
Tao mong lên cõi đài cao
Cho nên tao mới ra vào đứng đây
Tổ làm con đẻ mặc bay
Từ bi nhẫn nhục xưa nay ghi lòng
Làm sao lại có lời chồng
Mà cho mày lại vợ chồng ví von
Xưa trên cây được bốn con
Cùng hai trai gái kiểu tròn như vo
Vật nào hòn đá dương cô
Thương ôi chim chích nên tro còn gì
Trên đầu mấy tổ dứt đi
Cõi mây nương gió tốc về Tây phương
Bước vào tới trước tòa vàng
Phật liền phán hỏi mọi đường xưa sau
Dư ngày dự đã về chầu
Liền quỳ bèn mới ngỏ tâu mọi lời
Tôi vâng Phật phán tới nơi

Đã trong ba tháng lại ngoài ba năm
Trên đầu chim đẻ dư trăm
Cứ lời Phật phán dám lầm một phân
Hằng trông cho được toàn thân
Đôi chim chinh chích tổ gần bên tai
Ghen tuông lắm sự gái trai
Chẳng như lại ví thân ai lời chồng
Giận tôi đã sốt cả lòng
Bốn con cho lẫn vợ chồng xua tay
Ấy là lời thực bày ngay
Dám xin truyền phán lẽ này làm sao
Công tôi khó nhọc tiêu hao
Tòa vàng may được chút nào cùng chăng
Phật rằng làm sự chẳng hằng
Sát sinh thôi lại nói năng ấy gì
Có đường có nẻo thì đi
Già lam yết đấy tức thì đuổi ra
Giận thay liền trở lại nhà
Quyết rằng tìm cảnh yên hà thong dong
Non Bồng nước nhược dầu lòng
Vui bề sơn thủy lánh vòng trần gian
Truyện này chẳng lọ luận bàn
Ai xem thi xá tu hàn nết na
Chín đời Công Nghệ một nhà
Lấy chung chữ nhẫn thuận hòa bền lâu
Vợ chồng dù chẳng nhịn nhau
Ắt là gia đạo thấy âu nên tàn
Bằng hữu là nghĩa kim lan
Nếu quên chữ nhẫn khôn toan lâu dài
Anh em đạo cả chân tay
Dù chăng nhẫn nhục không hay bảo toàn
Sang giàu chữ nhẫn dù quên
Ắt là quyền của chẳng bền được đâu
Tửu sắc tài khí bốn câu

Tranh đua quên nhẫn thấy âu khôn lành
Thánh hiền câu ví rành rành
Tương vàng chữ nhẫn đinh ninh muôn đời
Thư đường vui thú thảnh thơi
Xem trong sự thế ngâm chơi chép làm
Nôm na chấp chẻnh lời phàm
Xin người đồng chí cho làm cũng nên

Vịnh thủy tiên

Than ơi sắc nước hương trời,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa;
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây?

CHÚ THÍCH PHẦN LỤC BÁT

1. *Tiêu thiều* là tiếng sáo trong trẻo.
2. Chùa Thầy tỉnh Sơn Tây.
3. Có thuyết cho rằng bài này là của bà Đoàn Thị Điểm.

THƠ NGŨ NGÔN

NGUYỄN DỰC TÔN
Vua Tự Đức

Tứ thi

Ban cho Nguyễn Tri Phương và Phan Thanh Giản khi sai vào trấn đất Nam Kỳ

Nồng nại [1] long hưng địa
Tùng Hai đức trạch thâm
Mạo nghê giai ngã tử
Bảo chướng lại khanh tâm
Huyền thấn cầm nan lý
Căn bàng diệp tự thâm
Cam đường ưng bái bái
Trường sử hậu ngân ngâm

Bài dịch của **Thượng Tân Thị**

Đồng Nai là đất long hưng [2]
Xưa nay đức trạch đượm nhuần sâu xa

Trẻ già đều phải con ta
Giữ gìn êm thấm nhớ mà lòng ngươi
Dãn dây đàn gảy khó tươi
Gốc sâu lá mới tốt tươi um tùm
Cam đường phơi phới bóng râm
Khiến người sau có tiếng ngâm lâu dài

TRẦN TẾ XƯƠNG
Tú Xương

Than cùng

Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông đã bán rồi
Vợ lăm le ở vú
Con tấp tểnh đi bồi
Ai trói voi bỏ rọ
Đời nào lợn cạo ngôi
Người bảo ông cùng mãi
Ông cùng đến thế thôi

Tết của cô đào

Mừng xuân mừng quý khách
Khi vui lọ đàn phách
Chuyện nở như gạo vàng
Chuyện dai như chão rách
Đổ cả bốn chân giường
Xiêu cả một bức vách

Thế cũng đòi thi

Cử nhân cậu ấm Kỷ
Tú tài con đô Mỹ
Thi thế cũng đòi thi
Ới khỉ ơi là khỉ

Tự vịnh

Phú đắc: "Vị Xuyên có bác Tú Xương, quanh năm ăn quịt chơi lường mà thôi"

Vị xuyên có Tú Xương
Dở dở lại ương ương
Cao lâu thường ăn quịt
Thổ đĩ lại chơi lường

Tự trào

Hán tự chẳng biết Hán
Tây tự chẳng biết Tây
Quốc ngữ cũng mù tịt
Thôi thì về đi cày
Trồng ngô và trồng đậu
Cấy chiêm lại cấy mùa
Ăn không hết thì bán
Bán đã có Tây mua
Được tiền thì mua rượu
Rượu say rồi cưỡi trâu
Cưỡi trâu thế mà vững
Có ngã cũng không đau

Ăn lương hàm chính thất
Thôi thôi thế cũng xong
Ví bằng nhà nước dụng
Phải bổ tòa Canh nông

BÙI KỶ
Bảng Kỷ

Mặt trăng

Vằng vặc bóng thuyền quyên
Mây quang gió bốn bên
Nề cho trời đất trắng
Quét sạch núi sông đen
Có khuyết nhưng tròn mãi
Tuy già vẫn trẻ lên
Mảnh gương chung thế giới
Soi rõ mặt hay hèn

Ngẫu cảm

Tuổi mới non sông cũ
Người xưa vận hội nay
Trải bao cơn nóng rét
Đeo mãi cái râu mày
Tháng tháng mòn con mắt
Năm năm bấm đốt tay
Trẻ thơ khôn lớn mãi
Tuổi tác vẫn còn đây

DƯƠNG BÁ TRẠC

Hai Bà Trưng

Nước nhà gặp cơn bĩ
Trách nhiệm gái trai chung
Quyết lo đền nợ nước
Há những vị thù chồng
Tham tàn căm tướng Chệch
Tai mắt tủi nòi Hồng
Em ơi đứng cùng chị
Thù riêng mà nghĩa công
Xin đem phận bồ liễu
Đành liều với non sông
Một trận đuổi Tô Định
Quân Tàu chạy đuôi cong
Lĩnh Nam bảy mươi quận
Mặc sức ta vẫy vùng
Mê Linh dựng nghiệp đế
Độc lập nêu cờ hồng
Bốn năm nước tự chủ
Nhi nữ cũng anh hùng

NGUYỄN KHUYẾN

Nhà sư

Đầu trọc lốc bình vôi
Nhảy tót lên chùa ngồi
Ỳ à kinh một bộ

Lóc cóc mõ ba hồi
Cơm chẳng thèm cá thịt
Ăn rặt oăn chuối xôi
Không biết câu tình dục
Đành chịu tiếng mồ côi

Mùa hạ

Tháng tư đầu mùa hạ
Tiết trời thực oi ả
Tiếng dế kêu thiết tha
Đàn muỗi bay tơi tả
Nỗi ấy biết cùng ai
Cảnh này buồn cả dạ
Biếng nhắp năm canh chầy
Gà đà sớm giục giã

Điếu Dương Khuê văn

Dĩ hỹ Dương đại niên
Vân thụ tâm huyền huyền
Hồi ức đăng khoa nhật
Dữ công thần tịch liên
Tương kính thả tương ái
Tao phùng như túc duyên
Hữu thời xuân kinh lộ
Không ơn văn lạc tuyền
Hữu thời thướng cao các
Ca nhi minh tố huyền
Hữu thời đối công ẩm
Thái bạch phù kỷ diên
Hữu thời dữ luận văn

Đông bích la giản biên
Dĩ hỹ tao dương cửu
Thăng đẩu phi tham thiên
Dư lão công diệc lão
Giải tổ quy điền viên
Vãng lai bắc sác đắc
Nhất ngộ tam niên tiền
Chấp thủ vấn suy kiện
Ngũ ngôn thù vị khiên
Công niên thiểu dư tuế
Dư bệnh diệc công tiên
Hốt văn công phó chí
Kinh khởi hoàng hoàng nhiên
Dư khởi bất yếm thế
Nhi công tranh thượng tiên
Hữu tử vị thùy mãi
Bất mãi phi vô tiền
Hữu thi vị thùy tả
Bất tả phi vô tiện
Trần Phồn tháp bất hạ
Bá Nha cầm diệc nhiên
Công Kỷ khí dư khứ
Dư diệc bất công liên
Lão nhân khốc vô lệ
Hà tất cưỡng nhi liên

Bài khóc Dương Khuê

Phỏng theo bài trên

Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước
Lúc sớm khuya tôi bác cùng nhau

Kính yêu từ trước đến sau
Trong cơn gặp gỡ biết đâu duyên trời
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách
Tiếng suối reo róc rách lưng đèo
Có khi tầng gác treo leo
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp
Chén quỳnh tương ôm ấp bầu xuân
Có khi bàn soạn câu văn
Biết bao đông bích điển phần trước sau
Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn
Phận đẩu thăng chẳng dám than trời
Tôi già bác cũng già rồi
Biết thôi thôi thế thì thôi mới là
Những đi lại tuổi già thêm nhác
Gặp nhau ba năm trước một lần
Cầm tay hỏi hết xa gần
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác
Tôi lại đau trước bác mấy ngày
Làm sao bác vội về ngay
Chợt nghe tôi bỗng chân tay rụng rời
Ai chả biết chán đời là phải
Vội vàng chi đã mải lên tiên
Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua
Câu thơ nghĩ đắn đo chẳng viết
Viết đưa ai ai biết mà đưa
Gương kia treo những hững hờ
Đàn kia muốn gảy ngẩn ngơ tiếng đàn
Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở
Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương
Tuổi già hạt lệ như sương
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan

Di chúc văn

Ngã niên trị bát bát
Ngã số phùng cửu cửu
Ta tai ngã đức lương
Thọ kỷ mại tiên khảo
Ta tai ngã học thiển
Khôi nhiêm chiếm long thủ
Khởi phi tiên khảo linh
Lưu dĩ tứ nhĩ phụ
Khởi phi tiên khảo danh
Bất tố dĩ lưu hậu
Bình nhật vô thốn công
Phủ ngưỡng dĩ tàm phụ
Túc hĩ diệc hà cầu
Tử táng vật yêm cửu
Tử hạnh đắc toàn qui
Táng hạnh đắc thân phụ
Quan khâm bất khả mỹ
Chỉ dĩ liễm túc thủ
Cụ soạn bất khả thịnh
Chỉ dĩ đáp bôn tẩu
Bát khả tả chúc văn
Bất khả vi đối cú
Bất khả thiết minh tinh
Bất khả đề thần chủ
Bất khả đạt môn sinh
Bất khả phó liêu hữu
Tân khách bất khả chiêu
Phụ điếu bất khả thụ
Thử giai lụy sinh giả
Tử giả diệc hề hữu
Duy dĩ trọng ngô quá

Hiêu nhiên chúng đa khẩu
Duy ư táng chi nhật
Kỳ biển đạo tiền cữu
Vu công bát cửu nhân
Xuy tống liệt tả hữu
Thảo thảo táng ngã hoàn
Lỗi ngã dĩ bôi tửu
Viên đề vu thạch bi
Hoàng Nguyễn cố hưu tẩu

Tự dịch bài trên

Kém hai tuổi xuân đầy chín chục
Số sinh ra gặp lúc dương cùng
Đức thầy đã mỏng mòng mong
Tuổi thầy lại sống hơn ông cụ thầy
Học chẳng có rằng hay chi cả
Cưỡi đầu người kể đã ba phen
Tuổi thầy tuổi của gia tiên
Cho nên thầy được hưởng niên lâu dài
Ấy thuở trước ông mày chửa đỗ
Hóa bây giờ để bố làm xong
Ơn vua chưa chút đền công
Cúi trông thẹn đất ngửa trông thẹn trời
Sống được tiếng trên đời trọn vẹn
Chết lại gần quê quán hương thôn
Mới hay trăm sự vuông tròn
Ăn chơi đã trải chết chôn chờ gì
Đồ khâm liệm chớ nề xấu tốt
Kín chân tay đầu gót thời thôi
Cỗ đừng hậu lắm con ơi
Hễ ai chạy lại khuyên mời người ăn
Tế đừng có viết văn mà đọc
Trướng đừng dùng gấm vóc làm chi

Minh tinh con cũng bỏ đi
Mời quan đề chủ con thì chớ nên
Môn sinh chớ tống tiền đạt giấy
Bạn với thầy cũng vậy mà thôi
Khách quen con chớ có mời
Lễ đưa đến phúng con thời chớ thu
Ấy chẳng qua những trò thằng sống
Chết đi rồi còn ngóng vào đâu
Lại mang cái tiếng to đầu
Khi nay bày biện khi sau chê bàn
Cờ biển của vua ban ngày trước
Lúc chưa thầy con rước đầu tiên
Lại thuê một lũ thợ kèn
Vừa đi vừa thổi mỗi bên năm thằng
Việc tống táng lăng nhăng qua quít
Tưới cho thầy rượu tít một be
Đề vào mấy chữ trong bia
Rằng quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu

TRƯƠNG HÁN SIÊU

Nhàn du

Thường ngâm khi vẽ trí sĩ ngồi câu cá
trên thạch bàn ở Thúy Sơn

Sơn sắc chính y y
Du nhân hồ bất quy
Trung lưu quang tháp ảnh
Thượng giới khải nham phi
Phù thế như kim biệt
Nhàn thân ngộ tạc phi

Ngũ hồ thiên địa khoát
Hảo phóng điếu ngư ky

Bản dịch của **Nam Phong**

Sắc núi y như đó
Khách chơi sao chẳng về
Giữa dòng soi bóng tháp
Trên cõi hé then huê
Phù thế bằng nay biệt
Thêm nhàn tỉnh trước mê
Năm hồ trời đất rộng
Sẵn có bến câu kia

NGUYỄN GIA THIỀU
Ôn Như Hầu

Cảnh nhỏ

Lởm chởm vài hàng tỏi
Lơ thơ mấy khóm khương
Vẻ chi tèo tẻo cảnh
Thế mà cũng tang thương

KHUYẾT DANH

Tự trào

Phong lưu tính đã quen
Thằng tôi há chịu hèn
Bạc mở vung tàn tán
Rượu đánh tít cù đèn

Trên trời đứt dây xuống
Dưới đất chật nẻ lên
Ao ước còn toan những
Có tiền để mua tiên

Thu Giang

Cảnh vẽ trong bộ chén
Một thức nước in trời
Đò ai chiếc lá khơi
Non xanh cao chót vót
Dòng nước chảy đầy vơi
Mảng khúc Thương lang hát
Ưa tình lữ khách chơi
Mong cho yên sóng gió
Qua lại mặc người đời

Chùa Vô Vi

Vắt vẻo sườn non Trạo
Lơ thơ mấy ngọn chùa
Hỏi ai là chủ đó
Có bán tớ xin mua

Hồ Tây

Tứ bề cảnh vắng teo
Một vũng nước trong veo
Phấp phới buồm ai đó
Xa xa một mái chèo

CHÚ THÍCH PHẦN THƠ NGŨ NGÔN

1. Nồng Nại tức là Đồng Nai
2. Nhà Nguyễn hưng lên tại Nam kỳ.

THƠ YẾT HẬU

PHẠM THÁI
Chiêu Lỳ

Tự trào

Sống ở dương gian đánh chén nhè
Chết về âm phủ cắp kè kè
Diêm vương phán hỏi rằng chi đó
... Be...

Cha mắng con cờ bạc

Ác lặn xăm xăm tới
Gà kêu lẻn lẻn về
Quan ngắn quan dài hết
... Ghê...

Con trách cha nghiện rượu

Một năm mười hai tháng

Một tháng ba mươi ngày
Hũ lớn hũ bé cạn
...Hay...

Than nỗi chồng con

Trông lên nhà đổ đoạn
Trông xuống vách tan rồi
Cha thế con thế ấy
...Thôi...

Bợm rượu

Sống ở nhân gian đánh chén khè
Trăm năm ngày thác giữ đầy be
Diêm vương phán hỏi rằng ai đó
...Nhè...
Sống ở nhân gian đánh chén say
Trăm năm ngày thác giữ be đầy
Diêm vương phán hỏi rằng ai đó
...Say...

Con lươn

Cứ nghĩ rằng mình ngắn
Ai ngờ cũng dài đườn
Thế mà còn chê trạch
...Lươn...

KINH NGHĨA

LÊ QUÝ ĐÔN

Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng

ĐẦU BÀI

Mày về nhà chồng, phải kính phải răn, chớ trái lời chồng.

(Chữ kinh Lễ: vãng chi nhữ gia, tất kính tất giới, vô vi phu tử).

BÀI LÀM

Khuyên con giữ đạo làm dâu, bà già nghĩ đã đến lắm vậy

Phù [1] *con dại cái mang,* lẽ xưa nay vốn thế. Khuyên con phải kính trọng chồng, há chẳng phải đạo lắm ru!

Mẹ đưa con ra cửa, ý nghĩ rằng: trong phối định ba giường [2] đạo cả, thực là muôn hóa chi theo ra; mà hôn nhân hai họ giao vui, há để một lời chi trách đến.

Mẹ đưa con ra, mẹ càng nghĩ lắm con ạ!

Con, con mẹ, mà dâu, dâu người vậy! Hoặc lời ăn lời nói

chi ra tuồng, tức *lành đồn xa dữ đồn xa*, ai bảo rằng con chi con nhỏ.

Dâu, dâu người, mà con, con mẹ vậy! Hoặc trong cửa trong nhà chi có chuyện, tức *yêu nên tốt ghét nên xấu*, rồi ra trách mẹ chi không răn.

Về nhà chồng phải kính phải răn, chớ trái lời chồng, con nhé!

Lúc ở nhà nhờ mẹ nhờ cha, về nhà chồng nhờ chồng nhờ con nhé! *Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời*, chớ bắt chước người đời xỏ chân lỗ mũi[3] chi lăng nhăng. Nhủ này con, nhủ này con: *đi đến nơi về đến chốn*, việc nhà việc cửa cho siêng năng, hỏi thì nói gọi thì thưa, thờ mẹ thờ cha cho phải lẽ. Kính lấy đấy! Răn lấy đấy! Liệu học ăn học nói, học gói học mở; khi anh nó hoặc ra xô xát chi lời, cũng tươi, cũng đẹp, cũng vui cười, chớ như ai học thói nhà ma, mà hoặc con cà con kê[4] chi kể lể.

Lúc ở nhà là mẹ là con, về nhà chồng là dâu là con nhé! *Khôn cho người giái*,[5] *dại cho người thương*, chớ bắt chước người thế *mặc áo qua đầu* cho khủng khỉnh. Nghe chưa con? Nghe chưa con! *Ăn có nơi nằm có chốn*, lời ăn nết ở cho ra tuồng; *gọi thì dạ bảo thì vâng*, thờ mẹ thờ cha cho phải đạo. Kính vậy thay! Răn vậy thay! Chớ cậy khôn cậy khéo, cậy duyên cậy tài; khi anh nó hoặc nổi bằng bằng chi sắc, thì lạy thì van thì lễ phép, đừng học chi những tuồng đĩ thõa, mà hoặc *dây mơ rễ má*[6] chi lôi thôi.

Đời có kẻ xem chồng như đứa ăn đứa ở, thậm đến điều mày tớ chi khinh. Chẳng biết rằng: *ngu si cũng thể chồng ta, dẫu rằng khôn khéo cũng ra chồng người*. Chẳng suy chẳng nghĩ lại ra điều *cả vú lấp miệng em*[7], sao chẳng biết *xấu chàng hổ ai*[8] chi lý! Mẹ khuyên con giữ đạo cương thường, khôn hèn cũng chịu, hay dở cũng đành, chớ hoặc sinh vênh

vểnh chi môi; khi anh nó giận quá sinh xằng, mẹ con ắt phải mắc *bèo trôi* [9] chi tiếng.

Đời có kẻ giận chồng mà đánh con đánh cái, thậm đến điều mày tao chi quá. Chẳng biết rằng: *khôn ngoan cũng thể đàn bà, tuy rằng vụng dại cũng là đàn ông.* Bạ ăn bạ nói, lại ra điều múa rìu qua mắt thợ[10], sao chẳng biết *già đòn non lẽ* chi cơ? Mẹ khuyên con giữ nết thảo hiền, vọt roi cũng chịu, yêu thương cũng nhờ, chớ hoặc lộ xầm xầm chi mặt, khi anh nó nói dai càng thêm chuyện, cha con ắt phải mang *vớ cọc* [11] chi cười.

Con ơi, *nhập gia tùy tục*[12], mẹ nhủ cho đạo vợ chi thường; *xuất giá tòng phu*[13], con phải giữ nhà chồng chi phép.

Thôi mẹ về!

Đầu bài
Mẹ ơi con muốn lấy chồng

BÀI LÀM

Nói nhỏ tình riêng với mẹ, muốn sao muốn quá thế vậy!

Phù[14] lấy chồng chi sự, người ta ai cũng thường muốn, nãi muốn nhi chí ư nói với mẹ.

Muốn sao muốn gớm muốn ghê,
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao?

Tưởng khi phàn nàn cùng mẹ rằng:

Nhất âm nhất dương, nãi thiên địa cổ kim chi đạo; mà nghi gia nghi thất, thực thế gian duyên kiếp chi thường. Sa chân bước xuống cõi phù sinh, đố ai giữ được tiếng trinh trên đời.

Ngồi một mình mà lại nghĩ một mình, mẹ ơi có thấu tâm tình này chăng? Tuổi bằng này mà không vẫn hoàn không, nhỡ quá bước long đong sao hở mẹ!

Con nghĩ rằng:

Xuân xanh thấm thoắt, người ta như quá lứa chi măng, phỏng hôn giá chi cập thời, tức chồng loan vợ phượng chi duyên, cũng quang thái môn mi chi rạng rỡ. Con luống sợ tơ đỏ nhỡ nhàng, phận những chịu đanh chi ván. Phỏng thanh xuân chi bất tái, tức chớp bể mưa nguồn chi hội, cũng buồn tanh ư mai siếu chi lơ thơ.

Sự này mẹ đã biết chưa, con hay luống những ngẩn ngơ về chồng.

Kìa những người son phai phấn nhạt, cuộc phong trần đã chán chường xuân, huống con lấy mặt hoa mày liễu chi dung nghi, chính đương độ tuần rằm chi bóng nguyệt. Bởi vì ai dở dang phận bạc, dịp chưa thông ả Chức chi cầu Ô, khắc khoải rồng mây, lược không muốn chải, khát khao cá nước, gương chẳng muốn soi, đêm thanh tơ tưởng khách thừa lương, chăn phỉ thúy suốt năm canh trằn trọc. Ngồi với bóng mà lại thở than với bóng. Mẹ ơi, muốn đem trời xuống cõi trần, hỏi rằng duyên kiếp nợ nần chi không!

Kìa những kẻ liễu yếu đào thơ, tình vân vũ hãy còn e ấp nguyệt. Huống con lấy sắc nước hương trời chi phẩm giá, đã ngoài vòng đôi tám chi thanh xuân. Bởi vì ai ngấn đón gió đông, đàn chưa gảy chàng Tương chi hoàn khúc? Ước ao sứ điệp, phấn chẳng muốn tô; mong mỏi tin hồng, vòng không muốn chuốt. Ngày ngắn mơ màng duyên bốc phượng, gối uyên ương thâu sáu khắc bồi hồi. Buồn về thu mà mê mệt cũng về thu. Mẹ ơi, muốn đem cái sợi tơ đào, để cho ông Nguyệt xe vào cho con.

Mẹ thử xem trên trời chim kia chi liền cánh, dưới đất

cây nọ chi liền cành, vật ấy cũng đèo bòng ân ái; nay con tủi là thân bồ liễu, giữ đầu sanh ấp một buồng không, nào người tính lục, nào kẻ tham hồng, khôn mượn kẻ dắt mối tơ bạc mệnh. Mẹ có biết có chồng kẻ đón người đưa, không chồng đi sớm về trưa mặc lòng!

Mẹ thử xem làng bắc lý kẻ nọ chi nghênh thê, vùng nam lân người kia chi tống nữ, người ta từng náo nức đông tây; nay con hổ là phận thuyền quyên, mang má phấn nằm trong phận bạc, nào kẻ tương tri, nào người tương thức, biết dùng ai mà tả chữ đồng tâm? Mẹ ơi, ngồi trong cửa sổ chạm rồng, chăn loan gối phượng không chồng cũng hư!

Ý buồng hương lạnh lẽo, tuy đã có áo đơn lồng áo kép sao bằng da nọ ấp da kia; phỏng con già kén kẹn hom, quá mù ra mưa, lờ mờ trông bóng trăng chi quạ. Mà duyên phận vuông tròn, thì sum vầy cành trúc tựa cành mai, ríu rít tiếng cầm chen tiếng sắt, phỏng con chẳng có tình rình bụi, lỡ ra tha bước, lênh đênh trôi mặt nước chi bèo.

Nghĩ nguồn cơn phàn nàn cái số, nông nổi mẹ đã thấu chưa?

CHÚ THÍCH PHẦN KINH NGHĨA

1. *Phù:* Tiếng đưa đẩy như chữ "ôi" của ta.
2. *Phối định* là nghĩa vợ chồng lấy nhau. *Ba giường* là dịch nghĩa chữ *Tam cương*, ý câu này nói: đạo vợ chồng là gốc trong tam cương.
3. Tục ngữ: Ý nói tính khinh nhờn, thói lăng loàn.
4. Kể lể lôi thôi.
5. Chữ *giái* này nghĩa là trọng nể.
6. Nói bậy nói nhảm.
7. Tục ngữ: Ý nói lăng loàn hiếp nạt.
8. Tục ngữ: Ý nói làm xấu chồng thì mình cũng hổ, có vinh dự gì.
9. *Bèo trôi:* Mẹ vợ như bèo trôi sông.
10. Tục ngữ : Ý nói hợm hĩnh, kiêu kỳ.
11. Tục ngữ : Bố vợ thì vớ cọc chèo; ý đãi bố vợ không ra gì cả.
12. Nghĩa là vào nhà nào phải theo thói nhà ấy.
13. Nghĩa là đi lấy chồng phải theo chồng.
14. *Phù:* Tiếng đưa đẩy như chữ "ôi" của ta.

VĂN THƯ

TRỊNH KIỂM

Thư dụ Phan Quận công

Phan Quận công lánh tới Bắc Ninh, chiêu mộ hào kiệt, uy danh lừng lẫy. Trịnh Kiểm đưa thư này để toan thu dụng.

Từng mảng:

Đấng hào kiệt sở yêu vì nghĩa, nghĩa nào trọng hơn nghĩa quân thần.

Bậc anh hùng sở cảm vì ân, ân nào thâm hơn ân phụ tử.

Dù so lại nghĩa dài ân hậu,

Khá gồm cùng đất rộng trời cao.

Bằng tớ nay:

Ngôi ở Nguyên lương,

Độ thường khoát đạt.

Cơm Bình nguyên nuôi khách, tóm sĩ hiền túi chật thoát dùi,

Vàng Trịnh Bá mua người, xum tài tử lồng chim cánh dím.

Đấng kiện vũ đều về hung lạc,

Sĩ trí năng hết ở phạm vi.

Bằng ngươi:

Ngoài giữ chân tay,

Trong làm lòng dạ.

Dòng tuy khác Trịnh Trần hai họ, tớ lên đền vương thất, ngươi ra cửa tướng quân,

Duyên xẩy ưa Hồ Việt một nhà, tớ nhớ nghĩa tiêu phòng, người kết duyên quế tịch.

Tớ vốn lấy nghĩa nhân hai chữ,

Ngươi thì nên trung nghĩa mười phần.

Dực Đức vốn đã mến ông Lưu, những mừng rỡ hùm kia mọc cánh,

Diên Mao lại chẳng vì thiếp Hán, khéo vẽ vời rắn nọ thêm chân.

Trăm miệng gièm, khôn cấm khôn bưng,

Nghiêng tai thánh, dễ nghi dễ hoặc.

Đường vương giúp Lý công hí đấu, tớ chở che hết sức chàng Hai,

Tống hoàng nghi Dương sứ mưu tư, tớ gánh vác nặng lòng chúa Tám.

Con cò chợt thò lò thấy bẫy.

Cánh hồng bèn thăm thẳm lánh xa.

Lời tớ nguyền bạch nhật thanh thiên, ngươi canh cánh hằng ghi dạ ấy.

Lời người rõ đạn thư thiết khoan, tớ đinh ninh còn nhớ dạ này.

Trượng phu tu ý khí tương kỳ,

Quân tử vị hiềm nghi nên khích.

Chu Nguyên tế vốn cầm một tiết, còn lao đao trong thuở lưu ngôn.

Hán giang hầu há có hai lòng, cũng man mác mấy điều nghi tự.

Xưa lẽ ấy nay thường lẽ ấy,

Ngươi lòng nào tớ có lòng nào.

Rầy dưới đời còn thê tam phân, ngươi cẩn giữ tận tâm sở sự,

May trong bể nên công một mối, tớ nhớ lời giữ quốc đồng hưu.

Dù ai đen bạc biến rời,

Phó mặc xanh vàng soi xét.

Cẩn thư

VĂN HỊCH

LÊ DUY MẬT

Bài hịch đánh Trịnh

Lê Duy Mật là con thứ mười một vua Lê Dụ Tôn, thấy chúa Trịnh chuyên quyền, bèn làm bài này để khởi nghĩa, chẳng may việc tiết lộ phải trốn vào Thanh Hóa, chiếm cứ Thạch Thành. Sau bị bọn Hoàng Ngũ Phúc bày mưu phản gián, nên phải cùng vợ con tự thiêu mà chết.

Hịch rằng:

Đấng văn tôn văn tử, thù cha ông chi để tội trời,

Người vương thổ vương thần, lòng trung nghĩa phải toan vì nước.

Nhớ từ thuở:

Đất Lam Sơn khởi nghĩa,

Vua Thái tổ ra uy.

Rút gươm thiêng chém quách Liễu Thăng,

Lên ngôi báu dựng đồ Nam Việt.

Trọc tóc lại nên dài tóc, đầu đội ơn công đức vô cùng,

Trắng răng đổi được đen răng, miệng đọc chữ thái bình hữu tượng.

Ca Lê luyện chắp tay hớn hở,

Khúc Nghiêu cù múa bụng nhởn nhơ.

Trần Tung trở mặt mặc Trần Tung, nào chuyển nhân tâm tư Hán,

Mạc thị mếch lòng dầu Mạc thị, khôn ngăn thiên hạ qui Châu.

Giữa trời Nam vận mở trung hưng,

Trong đất Tống mượn tay Nguyễn tướng.

Nguyễn, công ấy dã tràng xe cát,

Trịnh, việc chi tu hú đẻ nhờ.

Trước ra tuồng tầm gửi loạn ngành, đã phè phỡn như chuột sa chĩnh gạo,

Sau quen thói bồ câu tranh tổ, lại hung hăng như trâu húc nhà thần.

Mặt mãng xà nhắm vạc Tây kinh,

Nhờn tháo quỷ thèm ngôi Đông hán.

Vẽ chân rắn những loài xiểm nịnh, anh hùng miệng ngậm bồ hòn,

Thêm lông lươn sinh sự nề hà, thiên hạ đầu vo quả ké.

Thảm khắc bấy rán sành ra mỡ.

Oan khốc chi gắp lửa bỏ tay.

Nhân dân thổ địa cõi bờ xưa, chi để xa hang tặc tử,

Xã tắc sơn hà nền nếp cũ, sao cho vào túi gian phu.

Nay dầu mà chẳng sớm liệu toan,

Oan gia ấy biết bao giờ trả?

Vậy phải:

Liều mình vượt bể,

Gắng sức trèo non.

Chữ khâm sai sương nhuộm lá cờ,

Đàn quy nghĩa gió lay con mác.

Lúp túp một thành một lũ, tro tàn bếp Hạ thổi phù phù,

Mở mang tấc đất tấc dân, gươm cũ thành Lưu mài sáng sáng,

Chín thu trời ngưỡng tưởng,

Năm canh nguyệt mơ màng.

Lội nội Tần, hươu chửa bẻ sừng, vào lưới vắng người hào kiệt,

Tắm sông Sở, khỉ còn đội mão, ra tay thiếu kẻ anh hùng.

Tổ công tông đức phụ chi ai,

Trung nghĩa thần dân sao lánh mặt?

Kẻ chịu Hoàng ân khi sáng nghiệp, có trời có đất có nhi tôn,

Người nhờ hồng phúc thuở trung hưng, còn nước còn non còn tước lộc.

Người vẫn là người cõi Việt,

Đất nào chẳng đất nhà Lê.

Ngôi thiên vương chim phượng ngắn lông, trông thấy cũng nên sa nước mắt,

Chắc tặc quân miệng tằm ăn lá, xem vào sao chẳng ngứa buồng gan.

Xác liu điu nào phải con rồng,

Lửa lém dém chen gần bóng ác.

Cấy lúa chớ dung loài má khác,

Ăn quả nên nhớ kẻ trồng cây.

Gà Lữ kia cứng cổ được ai, máu Lữ Sản làm nhơ chợ Hán,

Chó Hồ nọ nhăn nanh cắn chủ, bụng Lộc Sơn thêm nhớp gươm Đường.

Xin đừng ỷ thế băng sơn,

Phải liệu cùng lòng tả đản.

Nhà đại hạ mái nghiêng nghiêng xuống, giương sức chống cột giường,

Dòng trung lưu đương quẩn quẩn trôi, ra tay cầm bánh lái.

Buộc yên ngựa chớ tham của Tháo,

Hội vườn đào đừng phụ nghĩa Lưu.

Thu tro nước Cối, người Tần, gặp thuở khi khu bền dạ sắt,

Lượm bếp người Phùng người Đặng, trong khi thảng thốt cháy gan vàng.

Hoặc tới quân môn,

Hoặc thông tín sử.

Bạn trạng trở sông Hoàng non Thái, ai phụ ai mặc quỷ thần soi,

Bình định sao khoán sắt thư son, đức báo đức, duy trời đất biết.

Mấy sự thủy chung cậy yết,

Xin người quy nghĩa nghe cùng.

ĐOÀN PHÁT

Cử nghĩa hịch văn

Bài dịch này do Lê Lợi sai Đoàn Phát thảo ra vào lúc bắt đầu khởi nghĩa.

Quân đại thiên nhi hành chính, quan sát tứ phương
Thiên sinh thánh dĩ tế thì, tập ninh vạn vũ
Lý thường như thử
Uy qui dĩ nghiêm
Lưu Qui hưng long, trừ Tần bạo dĩ an Trung Quốc
Thị tuất dân phi xứng loạn dã
Ngã Việt
Thiên khai thái vận
Địa tịch nam cương
Hiền thánh đốc sinh, Kỳ phượng ứng hưng long chi triệu
Quốc gia ninh tĩnh, Lạc quy trình chí trị chi tường
Bách niên vô sự ư can qua
Dịch đại bất lao ư chiến trận
Nguy tai Bắc khấu
Xâm ngã Nam bang
Nô lệ kỳ dân
Quận huyện kỳ địa
Thương nhân hại nghĩa, kỷ cương kiệt kỳ tứ duy
Kiếm thụ đao sơn, hình phạt nghiêm ư ngũ ngược
Pháp tào tứ ác, hà chính mãnh ư hổ lang
Gian lại tham tàn, sinh dân khổ ư xà yết
Thần nhân cộng nộ

Thiên địa nan dung

Dư

Khởi tự Lam sơn

Đồn ư Tế Thủy

Quần thần hiệp đới vi nghĩa vương

Bách tính suy tôn vi minh chủ

Thuận thiên tâm nhi khởi nghĩa, địch binh chi ô hợp tùy tiêu

Trượng thiên uy dĩ bình tàn, ngô dân chi nhạn minh tự định

Ô hô

Quân dân nhất niệm

Ngư điểu đồng tâm

Ngư khởi cam du ư đỉnh phí chi trung

Điểu khởi lạc tại ư phong trần chi tế

Phàm chư chúng chí

Nghi thể dư tâm

Tư hịch

LÊ HUY GIAO

Bài hịch dụ các người trung nghĩa miền Bắc

Hồi Tây Sơn còn chiếm giữ Bắc Thành, Nguyễn Ánh sai một cựu thần nhà Lê là Lê Huy Giao làm bài hịch này để xúi giục lòng người theo giúp mà phục thù nhà Lê.

Ta là cháu chắt đức Chiêu huân công dụ cho bọn trung

nghĩa hào kiệt ở các phủ huyện thôn xã:

Đường đường hồ đế trụ [1] thù tổ tông chi để đội trời chung

Du du thử hà nhân[2], phận thần tử phải lo đền nước cũ

Nhớ từ lúc:

Lê gia trung bĩ [3]

Mạc thị thượng can [4]

Dựng ba vua chống thuở treo leo, ngã tiên tổ trước gây nền phục Hạ

Trải trăm trận nhờ cơ rong ruổi, Trịnh thái vương nêu trọn nghĩa khuông Châu

Dẫu Hoành Sơn ngăn một dãi về Nam

Nhưng Liệt Đẩu vẫn mấy tòa củng Bắc

Bỗng một phút gặp ngã gia truân tạo [5] song Ô, Lý đôi châu nho nhỏ, dẫu tồn vong chi quản nỗi nhà

Bụi chín đời làm Lê thị viễn thần mà Hoàng đô chiếc vạc chông chênh, thì thù xỉ khá toan việc nước

Bóng liễn tất bơ vơ ải Bắc, trông về Tản lĩnh, nghìn tầng

Độc tinh chiên [6] lai láng thành Tây, trôi khắp Nhĩ hà mấy ngả

Ngạch thuế nặng, tham dường thạc thử, muôn dân màu mỡ đã hầu tàn

Lưới hình mau, thảm tựa tràng xà; trăm họ chân tay khôn nẻo đặt

Nghĩ đến dư dân đồ độc [7]

Cũng vì cố quốc thử ly [8]

Vậy nên:

Đạp sóng trèo non

Tắm mưa gội gió

Lầu Vọng đế trông dường gang tấc, tấm trung thành

mong noi đấu Tiên công;

Cờ Cần vương xá ngại xa xôi, cơ hưng phục quyết dựng nên chính thống.

Thanh tặc rắp vang lừng một trận

Súc uy nên lần lữa mấy thu

Kỳ này:

Quyết chí an nhương

Thề lòng kham bát

Thủy đạo nghìn sưu [9] tiến phát, buồm thuận phong mấy cánh như bay

Bộ binh muôn đội khải hành, quân thời vũ mấy lông chẳng phạm.

Qua Vân ải rẽ xe tổ địch [10], thành Phú Xuân đã nghe tiếng thê ô

Trở Tràng Giang khoa việt tuân cừu [11] miền Kinh Hạ lại khua đàn phục thỏ

Trước để sanh hồi miếu xã

Sau là chứng cứu sinh linh

Khuyên người trung nghĩa ngoài này

Rõ ý khuông phù trong ấy

Nghe võ hịch một lòng ứng Hán, giúp cơn Đông Lạc trùng hưng

Dựng can kỳ bốn mặt công Tần thừa thuở Sơn Man thất thế

Còn những kẻ nghiệp tòng ngụy khóa [12]

Cùng là vi đạn cập dâm hình

Dù hay sớm biết đảo qua[13], gươm bất sát hẳn là chuẩn thứ

Như lại ra lòng cự triệt [14], lửa câu phần khôn lẽ cầu dung

Trước sau xin bấy nhiêu lời

Trên dưới nên cùng một sức

Dẹp loạn ngửa nhờ trời đất, hồi loan lại rạng cổn thường xưa

Ghi công thề trở nước non, tàng quĩ lại theo thư khoán trước

Hiền thánh giáng sinh, phượng núi Kỳ ứng điềm thịnh vượng

Nước nhà yên ổn, rùa sông Lạc báo hiệu thanh bình

Trăm năm chẳng động đến binh đao

Nghìn thuở không màng chi chiến trận

Nguy thay giặc Bắc

Sang lấn nước Nam

Tôi tớ nạt dân

Quận huyện chia đất

Tàn nhân hại nghĩa, kỷ cương đứt hết bốn duy

Cây kiếm núi đao, hình phạt thảm hơn năm ngược

Pháp quan đua ác, chính nghiêm dữ quá hổ gầm

Gian lại tham tàn, dân khổ hại hơn rắn cắn

Thần người đều giận

Trời đất khôn dung

Ta

Khởi nghĩa tự Lam Sơn

Đóng quân ở Tế Thủy

Quân thần hiệp cử lên nghĩa vương

Trăm họ đều tôn làm minh chủ

Thuận lòng trời mà khởi nghĩa, quân giặc kia quạ họp đều tan

Nhờ uy trời để bình tàn, dân ta lại nhạn yên về tổ

Than ôi

Vua dân một dạ
Chim cá cùng lòng
Cá sao chịu ở trong nước sôi
Chim cũng muốn yên cơn gió bụi
Hỡi các dân chúng
Nên thể ý ta

Nay hịch

CHÚ THÍCH PHẦN VĂN HỊCH

1. Đường dường dòng dõi nhà vua.
2. Kìa kìa ấy là người nào.
3. Nhà Lê nửa chừng suy.
4. Nhà Mạc lấn quyền trên.
5. Vận bĩ nhà ta.
6. Mùi tanh hôi.
7. Dân thừa khổ sở.
8. Nước cũ bỏ hoang.
9. Chiếc thuyền.
10. Xe đi đánh giặc.
11. Hỏi tội.
12. Trót theo đảng ngụy.
13. Quay mũi qua.
14. Chống bánh xe.

VĂN SÁCH

LÊ QUÝ ĐÔN

Đầu bài
Lấy chồng cho đáng tấm chồng

Vấn: *Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bõ công trang điểm má hồng răng đen.*

Truyện rằng: *Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ.*

Kim khảo [1]: *Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm*, tằng kiến ư thiện vạn nữ nhi chi nghị, bất tri hà sở thủ ư anh đồ, nho quyến luyến nhược thị ru [2]?

Thí vị trần chi, dĩ quan xuân hoài tình tự [3]

BÀI LÀM

Em nghe rằng: *Sen ngó đào tơ, may gặp hội hôn nhân chi phải lứa; chả chim cơm trắng*, vẫn là mong giải cấu chi tốt đôi, *chọn mặt gửi vàng*, dẫu ý ai cũng vậy.

Nay vâng lời sách hỏi mà lược bày ra.

Trộm nghĩ rằng: rồng bay còn đợi đám mây,bắn bình tước [4] phải đợi tay anh hùng. Lấy chúng em chi má đỏ hồng hồng, răng đen nhưng nhức, chẳng những muốn cô tú dì nho chi dự, vẫn là mong chồng loan vợ phụng chi chung tình. Nếu mà cú đậu cành mai, thì công trang điểm chẳng hoài lắm ru? Vậy nên sớm gửi tơ duyên, ai là chẳng ngọc đá, vàng thau chi lừa lọc.

Nay xét phương ngôn chị em bạn gái nói chuyện rằng:

Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ.

Ý trộm nghĩ rằng: Ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lộn thau. Cây gỗ lim chìm, quyết chẳng nỡ mang làm cọc giậu; hoa đào tươi tốt, hẳn không đem bán cho lái buôn. Cam đường với quả quít hôi, cũng cân nhắc ba đồng một, một đồng đôi chi giá.

Thử ngó coi: Ruộng sâu ao cả, chàng nông kia chi trọc phú những khoe giàu; song Vương Khải, Thạch Sùng [5] đã từng đấu phú, rồi cũng giương mắt ếch ư của đời người thế chi thu.

Nghiên ruộng bút cày, anh đồ nọ chi đa văn [6] không ngại khó; kìa Mãi Thần, Mông Chính [7] có lẽ tràng bần, rồi cũng bổng cánh hồng ư bĩ cực thái lai chi hội.

Nông nhì sĩ nhất, lẽ ấy đã rành.

Vả: Chân lấm tay bùn, chàng nông nãi vũ phu chi cục kịch, lấy yếm thắm chỉ đào chi tha thướt, giá thể mà mang bầy xách lọ, sao cho cam *hạt ngọc để Ngâu vầy.*

Miệng vàng dạ gấm, anh đồ là quân tử chi dịu dàng, lấy môi son má phấn chi nhởn nhơ, giá thể mà sửa túi nâng khăn thì mới đáng *cành ngô cho phụng đậu.*

Vậy có thơ rằng:

Dẫu có bạc vàng trăm vạn lạng,
Chẳng bằng kinh sử một vài pho.

Lại có thơ rằng:

Gươm trời chi để tay phàm tuốt,
Búa nguyệt sao cho đứa tục mài.

Vả: Tiếng tăm con gái, nết na học trò, nên em nghĩ duyên em, em nghĩ tình em, lại tưởng đến anh đồ chi sự nghiệp. Đèn xanh một ngọn, án tuyết ân cần, quyển vàng mấy con, cửa huỳnh [8] gióng giả.

Còn trong trần lụy, anh đồ là *vị vũ chi giao long* [9], may khoa thi mà kim bảng đề danh, tức hôm nọ chi Hàn nho mà hôm nay đã Bảng nhỡn, Thám hoa chi đài các.

Em phỏng có duyên ưa lá thắm, thời trước voi anh sau võng thiếp, cũng thỏa đời ư võng lọng chi nghênh ngang.

Đương thủa hàn vi, anh đồ là *tại sơn chi hổ báo* [10], gặp vận thái mà thanh vân đắc lộ tức bữa tê chi hiện sĩ, mà bữa ni đã thượng thư, đô đốc chi phong lưu. Em phỏng như phận đẹp chỉ hồng thì anh quan cả thiếp hầu bà, cũng sướng kiếp ư ngựa xe chi đủng đỉnh!

Huống chi: Kinh sử lầu thông, anh đồ chi tài học, đã sẵn tay kinh tế; tuy có *dài lưng tốn vải*, bấy giờ đã đai vàng áo gấm chi bảnh bao. Tài năng rất mực, anh đồ chi duyên phận, gặp được lúc long vân; tuy có ăn no lại nằm, bấy giờ đã cơm chúa võng đào chi chễnh chện.

Gương trời vằng vặc, sáng soi nhà vàng gác tía chi linh lung, lộc nước miên miên, súc tích gấm cuốn vàng cân chi ban cấp.

Như thế thì: Chồng quan sang, vợ hầu đẹp, ai chẳng khen *nhất thể chi thần tiên*; danh phận cả; bổng lộc nhiều,

thế mới thỏa *tam sinh chi hương hỏa*. Khởi vô sở thủ ư anh đồ tai?

Vậy nên: Yếm trắng nước hồ, vã đi vã lại [11], chỉ mong anh nho sĩ chi yêu đương. Miệng ong lưỡi én, uốn ngược uốn xuôi, cũng mặc giọng thế gian chi mai mỉa.

Em nay: Tuổi mới trăng tròn, tiết vừa hoa nở vâng lời sách hỏi, giãi hết niềm đơn.

Em cẩn thưa.

KHUYẾT DANH

Đầu bài
Văn sách Kiều

Vấn: *Xuân Kiều đại giả chi niên.*

Kiều viết: *Chẳng tham ruộng mẫu ao liền, tham người hay chữ bút nghiên học hành.*

Phù: *Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm, thế gian hữu thiên vàn chi nói, nhi phú quý chi nhà, nhân tình chi sở tất nguyện, hà mãi khinh thử nhi trọng bỉ da?*

BÀI LÀM

Thưa rằng:

Quyết hữu người xuân xanh thục nữ, tuổi mười sáu trăng tròn, điệp nhấn thơ sang, nhạn đưa tin tới.

Cũng có kẻ vốn người hay chữ, dục đề hồng điệp chi

duyên; cũng có anh vốn trang nhà giàu, dục đính kim hoàn chi ước.

Mẹ thầy định liệu, duyên cũng chưa hài, nãi vấn vu Kiều viết: "Bên có tài, bên có chữ, con định liệu bên nào?" Kiều viết: "Chẳng tham ruộng mẫu ao liền, tham người hay chữ bút nghiên học hành!" Quả bất như thị ngôn dã, khởi bất tri sở vị hiếu học dã hồ?

Tầy cây nứa, quá cây tre, lưng dài thước bảy, dĩ khổ rộng chi vải, hết một chầu, hết chầu rưỡi, tưởng chưa đầy đòn xóc chi lưng. Cơm đầy giá, cá đầy nồi, ăn ngày ba bữa, vắt ngọn khoai chi cẳng, dò giường dưới, lên giường trên, tự bất giác chưa ngày chi ngủ.

Học trò chi vi học trò, cố như thử dã, bỉ Xuân Kiều há định kiến nhi vân nhiên dư? Tưởng phù phú dã, tranh chi phủ dã. Dĩ đầu cá đầu tôm chi chấp vá, nhiên hậu hữu quan dài quan vấn chi tiền, tức dĩ chi nhi tậu ruộng mẫu ao liền, hà mạc phi nước vận chầy chi sở do chí; dĩ cổ mèo cổ chó chi buộc neo, nhiên hậu hữu kho lớn kho con chi lúa, tức dĩ chi sở đo lai. Tuy nhất thời chi ruộng mẫu ao liền, cận khả tạm mục tiền chi giàu có.

Nhiên nguyên kỳ vô đức giả, bất túc dĩ cố kỳ bản, tức trăm tuổi sau chi con cháu, an chi kỳ bất vi thiên vạn chủ chi điền, thử giàu có bất khả tham chi minh nghiệm dã.

Thục nhược phù: Dầy nhân đội đức, học trò kỳ thiên thượng chi lân; nhả ngọc phun châu, học trò kỳ nhân trung chi bửu. Ghế tuyết rèm sương, rừng nho lâm thong thả, mảng chơi cùng trời bỏ đất chi văn chương. Quyển vàng bìa gấm, hội thanh vực ngao du, sôi nấu chín truyện kinh chi nghĩa lý.

Trong mười năm công gia giảng tập, nguồn học hải đào sâu, kinh nghĩa giỏi, mà nghề văn sách cũng hay, chữ nghĩa chắc trong tay chi khôi thám. Vừa ba năm gặp được hội khoa trường, bút văn phong đua nhọn, đệ nhất ưu, đệ nhị

ưu, mà kỳ đệ tam cũng tốt, nức tiếng kinh trên quyển chi quan trường.

Bảng thiên môn chi dám một cheo tức tên hẳn đậu đầu, tam tằng vượt Vũ môn chi lăng. Yến hoàng cung chi ban đà lãnh, tức chờ về báo tiệp, một tiếng ầm binh địa chi lôi.

Cờ một mở trên đường chi rước, tức áo vải mà cân đai, chiếu lều mà võng lọng, anh học trò mới đó, nghiễm nhiên vi đài các chi lệnh ông. Gẫm một về trong xã chi vinh, tức mợ nho mà bà thám, thằng bé mà cậu chiêu, ông bà lão nhà ta, nghiễm nhiên tác cao đường chi hầu cụ.

Nên quan, từ ngoài quận trong triều chi bộ, cáng ngà rèm bạc chi rỡ ràng, ông dù bà giá chi nghênh ngang, tất bất chi giãi nắng dầu mưa chi nậu nớ. Vừa gặp hội trăng thanh gió mát chi chiều, rượu cúc trà lan chi sóng sánh, vợ phượng chồng loan chi đủng đỉnh, tất bất chi ăn sương nằm tuyết chi nậu kia.

Ông ra chốn công đường mà hỏi kiện, tức kẻ thưa người bẩm, cúi đầu dài, mấy đứa chi nhà giàu; bà ngồi phòng tư thất mà nghỉ ngơi, tức đứa hầu, chắp tay tống mấy thằng chi cày ruộng.

Quát một tiếng mà vâng vâng dạ dạ, mạc bất kinh bà lớn chi ra uy; lệnh một truyền mà nọc vồ vồ, mạc bất lạy lệnh ông chi làm phúc.

Chừng khi ấy, nhà lan cửa cúc, con cháu đầy đàn, chén ngọc chiếu ngà, ông bà giai lão.

Vàng dư vàng, bạc dư bạc, tán chi vi điệp các trùng lâu chi thất, hà hoạn hồ xe ngựa tư chi bất dung; lúa thừa lúa, tiền thừa tiền, tán chi vi thiên khu vạn mẫu chi điền, hà hoạn hồ cánh cò bay chi bất thẳng.

Hồi thị phù tắc cái hò rì chi cha nọ mẹ kia, khởi bất đại kính định giả hồ?

PHẠM THÁI
Chiêu Lỳ

Khóc cô Trương Quỳnh Như

Nương tử ơi! Chướng căn ấy bởi vì đâu? Oan thác ấy bởi vì đâu? Cho đến nỗi, xuân tàn hoa nụ, thu lẩn trăng rằm! Lại có điều đau đớn thế! Nhà huyên vi có năm có bảy, mà riêng một mình nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội với nước vơi còn có lẽ. Thương hại thay! Hoa có một cành, tuyết có một quãng, nguyệt có một vầng, mây có một đóa. Thân, là thân hiếm hoi là chừng ấy, nỡ nào lấy đôi mươi năm làm một kiếp, mà ngơm ngớp chốn non Bồng nước Nhược, đỉnh gì không đoái đến cõi phù sinh!

Ví dù, kiếp mà tiên thù với tục, sao xưa khi vâng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện thân này cho vẹn kiếp, thì cũng trọn ba vạn sáu nghìn ngày cho đủ lệ. Nọ xuân huyên, kìa phụ tử, góp với trần gian không chút bận, rồi sẽ giong chơi chín suối, cớ gì riêng bỗng vội vàng chi?

Ôi! Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên suồng sã, những như thân già ấy, tình cảm ấy, ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho. Huống ta cùng nương tử, tuy chẳng thân kia, thích nọ, nhưng tình duyên là từng ấy, cũng là một chút cường thường: dẫu rằng kẻ đấy người đây, song ân ái bấy lâu nay, đã biết bao nhiêu tâm sự. Ta hăm hở chí trai hồ thỉ, bởi đợi tình cho nấn ná nhân duyên; mình long đong thân gái liễu bồ, vì giận phận hóa ngang tàng tính mệnh. Cho đến nỗi hoa rơi lá rụng, ngọc nát châu chìm. Chua xót cũng vì đâu? Não nuột cũng vì đâu?

Nay qua nấm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, xụt xùi hai hàng tình lệ, dãi bày một bức khốc văn. Đốt xuống tuyền đài, tỏ cùng nương tử.

NGUYỄN TỪ MẪN [12]

Phê bình ông Chiêu Lỳ

Tôi nghe ông là người phụ khi, uống rượu nói ngông nay đọc đến thơ văn, vẫn tưởng tượng như trông thấy ông vậy.

Ban đầu tôi đọc tập văn Sơ kính tân trang cho là văn thơ của ông chỉ nguyên có đấy, nhưng sau lại được đọc nhiều bài khác mới biết ông là bậc toàn tài, người xưa văn như ông thật là hiếm có. Nhiều bài Đường luật đem so với văn chương Lý Đỗ cũng không kém gì, một thiên quân yếu đem sánh với thao lược Tôn Ngô cũng không thua mấy. Cạo đầu làm sư chính là một bậc quốc sĩ nuốt giả câm ngày trước, thấy sư chùa Tiêu Sơn có khí phách anh hùng, có võ nghệ xuất chúng, mà thích kết giao, đủ biết ông là người thế nào. Lấy Lỳ làm tên cũng là cái chí tịch cốc tòng tiên của cổ nhân đó thôi. Ông từ lúc bé cho đến lớn, hết gặp gia biến lại gặp quốc nguy, trải bao cảnh ngộ đắng cay, thế mà văn càng điêu luyện; võ đủ lược thao, cho đến kỳ thi họa cũng đều tinh thạo, không phải bậc toàn tài mà được như vậy sao? Tiếc thay có tài mà không gặp vận!

CHU MẠNH TRINH

Bài tựa truyện Kiều

Kim sử duyên đề tặng phiến, Liêu Dương bất qui thúc phụ chi tang, biến khởi mãi ty, Lôi châu tức biện oan dân chi

án; tắc sắc cầm hảo hợp, cốt nhục đoàn viên, bích ngọc trường lưu, tử thoa bất đoạn; yên hoa thương khách, hà lai mại tiếu chi kim, thanh giáo ngoại thần, chung trở qui hàng chi giáp. Hà dĩ biểu khuê nhân chi hiếu hạnh, kiến hiệp nữ chỉ cơ quyền? Nãi tri sự phi khúc tắc bất kỳ, ngô dũ truân nhi nãi hiển.

Khanh chân đạt giả, tu tri thương hiệu chi liên tài; ngã điệc vân nhiên, mạc oán hồng nhan chi vô phận. Độc thị vị thông môi chước, tiên đính tư minh, nhất trụy phiền hoa, tiện thành kết tập. Hoặc giả vị thủy đãng vân lưu chi thái, luận nhi vi chi nghênh diệp tống chi phong. Bất tri hồng hạnh xuất tường, vị phó hương tâm ư phấn điệp. Sương phong liễm hận, khủng điên họa sự ư trì ngự. Lệ kính lý chi băng sương, độ sầu biên chi tuế nguyệt. Vô hà chi bích, giá khả trọng ư liên thành; dĩ thệ chi ba, mộng do hồi ư cựu phố. Thí bình tình nhi trước luận, nghi lược tích nhi nguyên tâm. Hựu huống: thập thủ tân thi, quán nhập đoạn trường chi tập; tứ huyền cung oán, phổ thành bạc mệnh chi âm. Giác thê lương kỳ não nhân, phục đính đình nhi cố ảnh. Hoa ưng thâm diễm, liễu dục tăng kiều. Tham bắc bộ chi phong tao tiếu đề diệc vận; thiện nam triều chi phấn đại nùng đạm tương nghi. Cố nghi chư lão chung tình, biến danh tình ư quần biên tụ dốc; toại sử thiên thu ký sự, thái phong lưu ư thặng phấn tàn chi. Ta hồ! Tiểu trích phong trần, kỷ tao ma nghiệt! Tình thiên hạo điểu, hận hải thương mang! Tùy phong chi như hà y! Truy khổn chi hoa vô lại! Can khanh thậm sự, thế cổ thiên sầu! Nhiên nhi thính nguyệt dạ chi tỳ bà, thanh sam dị thấp; xướng các giang chi ngọc thụ, bạch mấn thiêm hoa. Do lai danh sĩ giai nhân, túc thế hữu hoa, nghiêm chi kiếp. Hựu quái thanh sơn hoàng thổ, thiên cổ đồng luân lạc chi bi. Bộc bản đa tình, cảm thông đồng điệu. Vị ngộ không ư sắc giới, thiên liên ảo mộng ư xuân tràng. Kim ốc a kiều, mạn trước bán không chi tưởng; mỹ nhân phương thảo, bằng

chiêu cách đại chi hồn. Ngẫu hứng bút dĩ trừu tư, toại trục hồi nhi tưởng vịnh. Ngôn chi trường dã, tạ đương khách song thính vũ chi đàm; linh chi lai hề, hoặc tại Lạc phố lăng ba chi dạ.

Bản dịch của **Đoàn Quỳ**

Giả thử ngay khi trước Liêu Dương [13] cách trở, duyên chàng Kim đừng dở việc ma chay; quan lại công bằng, án Viên ngoại tỏ ngay tình oan uổng; thì đâu đến nỗi son phấn mấy năm lưu lạc, đem thân cho thiên hạ mua cười; mà chắc rằng biên thùy một cõi nghênh ngang, ai xui được anh hùng cởi giáp. Thì sao còn tỏ được là người thục nữ mà đủ đường hiếu nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ quyền. Thế mới biết người khôn thì hay gặp gian truân, chuyện đời khéo lắm trò quanh quẩn.

Con tạo hóa vốn thương yêu tài sắc, nàng đà biết thế hay chưa? Khách má hồng đừng giận nỗi trăng già, ta cũng khuyên lời phải chăng. Chỉ vì một nỗi mối manh chưa có, thề thốt đã nhiều, trăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi. Cũng có người bảo tại nước chảy mây trôi lỡ bước, nên cành lá đón quen thân, nào biết đâu bông hạnh nở ngoài tường [14] chưa để con ong qua tới. Cho có muốn lưỡi dao liều với mạng [15], lại sợ thành cháy vạ lây. Tấm lòng này như tuyết như gương, mối sầu nọ qua ngày qua tháng. Ngọc kia không vết, giá liên thành khôn xiết so bì; nước đã trôi xuôi, hồn cựu mộng hãy còn vơ vẩn. Bàn cho thật phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn trường mười khúc [16], trúc tơ phong nhã, hồ cầm một chương, câu thần vẳng giọng tiêu tao, bóng ngọc tưởng chiều não nuột, *hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh,* vậy nên khách đa tình say chuyện phong lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão, người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu sau nhặt cài phấn hương thừa. Than ôi! một bước phong trần, mấy phen chìm nổi; trời tình mờ mịt, bể giận mông mênh. Sợi tơ mành theo gió đưa đi, cánh hoa

rụng chọn gì đất sạch. *Ai dư nước mắt khóc người đời xưa;* thế mà giống đa tình luống những sầu chung, hạt lệ Tầm Dương [17] chan chứa. Lòng cảm cựu ai xui thương mướn, nghe câu ngọc thụ [18] não nùng. Cho hay danh sĩ giai nhân, cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất đỏ, để riêng ai luân lạc đau lòng. Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu [19]. Cái kiếp không hoa lẩm cẩm, con hồn xuân mộng bâng khuâng. Đã toan đúc sẵn nhà vàng [20], chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phương thảo [21], hú vía thuyền quyên. Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi, đem sự tích tóm làm một tựa. Bây giờ kể còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thánh thót mưa thu. Hỡi ôi! hồn còn biết hay chăng? Bóng hoàn bội [22] tưởng ra vào Lạc phố [23]

CHÚ THÍCH PHẦN VĂN SÁCH

1. *Kim khảo:* nghĩa là nay xét.
2. Nghĩa là: từng thấy muôn nghìn con gái chê anh học trò như vậy, không biết chuộng anh đồ vì nỗi gì mà quyến luyến như thế ru?
3. Nghĩa là: thử bày tỏ ra để xem tình ý lòng xuân.
4. Bắn bình tước: theo tích người Đậu Nghị vẽ một con tước (chim sẻ) vào cánh bình phong và bảo rằng: "Hễ ai bắn trúng mắt con chim sẻ này thì ta gả con gái cho".
5. Là hai người giàu có tiếng về đời Tấn, thi nhau sự xa xỉ.
6. Theo chữ "đa văn vi phú" (học được nhiều chữ là giàu).
7. Lã Mông Chính người Tống nhà nghèo chỉ ăn cháo, sau đậu đến Trạng nguyên, làm tể tướng.
8. *Cửa huỳnh* là cửa sổ có bóng đom đóm, (theo tích Trắc Dận nhà nghèo phải nhờ ánh sáng đom đóm để xem sách).
9. Là con rồng gặp mưa: ý nói người tài giỏi gặp thời.
10. Là con hổ báo còn ở núi: ý nói lúc còn hàn vi.
11. Theo câu ca dao: yếm trắng mà vã nước hồ, vã đi vã lại anh đồ yêu đương.
12. Nguyễn Từ Mẫn, đỗ cử nhân năm Tân Sửu đời vua Thiệu trị, người làng Thư Điền, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình.
13. *Liêu Dương:* là quê Kim Trọng.
14. Ý nói làm thân phận của một người đàn bà có tài sắc mà lại gặp bước lưu lạc.

15. Đây nói về nàng Kiều phải tay Mã Giám Sinh lừa, đã toan tự vẫn, sau nghĩ đi nghĩ lại, sợ vạ lây đến cha mẹ, lại thôi.
16. Thúy Kiều khi đi chơi Thanh minh về, mộng thấy Đạm Tiên đưa cho mười cái đầu bài thơ đoạn trường để nàng vịnh.
17. *Tức* là bến Tầm Dương nói trong bài Tì bà hành của ông Bạch Cư Dị; ý nói nước mắt khóc người bạc mệnh.
18. *Ngọc thụ* là cây ngọc, ví với người đẹp (Cổ thi: Không nỡ trông thấy cây ngọc chôn ở trong đất).
19. Như nói người cùng một hội một thuyền, cùng một số kiếp.
20. *Tích cũ:* vua Hán Vũ Đế ước lấy được nàng A Kiều nói: "Được người này thì lấy vàng làm nhà cho ở".
21. Là cỏ thơm.
22. Là ngọc đeo của đàn bà.
23. Lạc phố là bến sông Lạc, chỗ nàng tiên ở (theo điển trong Sở từ).

VĂN TẾ

ĐẶNG ĐỨC SIÊU

Vua Gia Long tế Bá Đa Lộc

Hỡi ôi!

Người nước khác mà dạ lòng chẳng khác, công non sông thẻ lụa đương cài: - Ân nghĩa tròn mà báo đáp chưa tròn, đường sống thác sớm chầy khó liệu.

Êm giấc hòe hồn đó thanh thanh: - Nhớ ơn trước sầu đây đìu địu.

Thuở ta mới quyền trao nguyên súy, bạn tóc răng vui nghĩa sơ giao: Ngày ngươi vừa làm khách viễn phương, lòng vàng đá phỉ nguyền tương chiếu.

Nghĩ lúc lưng gầy bước ngặt, đình Nam Vang, bầu Tân lữ, phiêu lưu cho khỏi bạo tàn: - Tưởng khi mặt ủ gan phiền, trời cố quốc, bến Hậu Giang, tìm tòi chẳng từ hiểm yếu.

Cực đến nỗi cha con khôn giữ, gửi gia nhi, trao quốc bảo, giời tây phương muôn hộc ai hoài: - May vừa đâu nhà nước mới về, đưa ấu tử cầu lương bằng, đất Đông phố một

đoàn vĩnh hiếu.

Công giáo dưỡng mấy thu khẩn khẩn, phúc ta nhiều gần sánh tam vương; - Nghiệp tổ tôn nghìn thuở miên miên, công gã giúp ngõ toàn cửa miếu.

Đạo tây vực một niềm riêng giữ, chẳng cậy ai quốc tử hoàng tôn: - Nạn Nam bang trăm chước mưu lo, dựa hết sức mưu chầu chước diệu.

Nhà thái học chia ngôi tây tịch, chải tín thành đòi buổi huân đào; - Dặm cô thành hộ giá dòng cung, thêm khẳng khái mấy lần thượng biểu.

Mưu tế quốc kinh luân dạ đỏ, từng hay liệu địch chia đồn; - Phép dùng binh thao lược mắt tường, chi quản xông tên rạo pháo.

Chế hỏa xa, bầy trái phá, đẹp lòng loạn tặc buổi long đong, - Đàn thiết tử, tán hoa ngâu, giúp vận nước nhà khi thiếu thốn.

Ân nặng đô mười phần công của, trước sau trọn nghĩa tiên thi: Nhẽ cùng ta nghìn thuở tôn vinh, đây đó phỉ nguyền hậu báo.

Mấy thu trấn biên thành Diên Khánh, tặc đảng đồn mất vía kinh hồn; Một trận hàng hiểm địa qui nhân, cố nhân sớm phân bào chia áo.

Ôi! núi nhạc về thần; - Trời Nam để dấu.

Giới đồng long ô yết dễ đành; - Lệ lạp trúc sụt sùi khôn ráo.

Giăng tối, chợt ngờ nhan sắc, mở rèm đãi khách gia tân: - Mây chiều ngẫm tưởng phong nghi, thiết ỷ mong người cố lão.

Chữ đạo đồng sinh dưỡng, chế tâm tang con chút đáp ân; Câu vinh cập một tồn, tặng thái phó ta đưa tình thảo.

Theo ý chúng nghi lề ngoại quốc, khi tống chung đó, đã xong xác cất hồn cầu; - Hết lòng thành lấy lễ trung hoa, kỳ

tử biệt đây, ngõ tạm bầy thiên tế điếu.

Trước sống đã suy tình bằng hữu, lòng trung lo sự nghiệp trung hưng; - Nay thác rồi nhớ nghĩa quân thần, linh còn giúp cơ đồ tái tạo.

Hỡi ôi! Thương thay!

Hoàng tử Cảnh tế ông Bá Đa Lộc

Hỡi ôi!

Mấy năm dư tri ngộ, tính chửa rồi trong cuộc chinh chu; - Năm mươi lẻ xuân thu, sao nỡ rẽ ngoài vòng cực lạc.

Lấy ai nhỡ giúp dựng việc nhà; - Lấy ai cậy chung lo việc nước.

Nhớ đức Thượng sư xưa: Suốt giải kiền khôn, Khỏi trên nhân vật.

Học kinh thánh mảng theo đạo thánh, từ Tây Thiên chẳng đoái công danh; - Giữ tính giời mong hóa dân giời, qua Đông Thổ vui niềm nhân đức.

Trải năm lạnh thu sương nhiều thuở, đứng cho gắng tiết bách tòng; - Rửa cốt phàm nước trí một bầu, đâu đó nghiêng lòng qui hoắc.

Duyên giải cấu liền vây cửa Bắc, yến gia tân từng ngâm ngợi lộc minh: - Vận trung hưng chăm giúp triều Nam, cơ liệu địch đã sẵn sàng hổ lược.

Tục người khác mà tấm lòng chẳng khác, chia vàng đã rõ bạn tương tri; - Thù nước riêng mà tấc dạ chẳng riêng, rèn đá quyết vá trời Việt quốc.

Ngỡ thấy nhà Lưu vận ách, đất Hứa Xương rộng rãi, đã khó khăn giặc quỷ Tào Man; - Từng than thế Hán thiếu binh, nơi Tân Dã hẹp hòi, lại khôn dụng đồ chim Gia Cát.

Cùng thuyền Bá Việt, dìu dắt đưa lá ngọc cành vàng:- Kể nỗi gian truân, nhục nhằn trải non xanh bến bạc.

Ra Thổ châu, vào Phú quốc, giặc sau lưng theo đuổi, cùng nhau hầu khôn chước giải nguy; - Đồ khôi phục, liệu tá binh, con dưới gối lìa trao, muốn việc đã đành lòng ký thác.

Vì người mưu hết sức, ngừng lệ phân tiệc khách đông nam; - Hiềm sự cả khác lòng, rắp mình ẩn góc trời tây bắc.

Thức nhấp lo toàn Triệu bích, mảng tai nghe yên đảng Ngụy Lâm, - Hôm mai nuôi dưỡng Hán chừ, rắp cánh nhẹ trông miền tử khuyết.

Một nhà tương khách, ơn lão trượng xiết bao: - Thuở trước huân đào điểm tiền tinh sáng quắc.

Ra công giúp của, khi loạn li từng đỡ ngặt nước nhà: - Nói gót rỉ tai, việc triều chính đã tin nhau gan mật.

Dỏ cơm trên cảm tình Cao đế, trí cả đành giúp một cánh tay; - Nắm gạo từng làm núi Phục Ba, thế giặc thấy rõ đôi con mắt.

Dải Duyên Khánh bốn bề sa mạc, lòng bền dạ gắng giúp Đông cung khỏe sức chống thành: - Thu Quy Nhơn một lũy Bàn Đồ, thẻ vận màn che, khiến tây tặc cúi đầu quay bước.

Ba Bến Đá dưa nên bệnh quỷ, bệnh lại thêm dũ nhật dũ tăng; - Về Ký Sơn cầu chuộc thuốc tiên, thuốc khôn giúp tư nhân tư tật.

Ôi! Tôn khách băng chừng; - Thiên đường nhẹ bước!

Sao khách Tử Lăng sớm xế, đoái nhìn lệ luống mông mênh: - Tòa nhà Quang Vũ đeo sầu, tranh tưởng long càng thổn thức.

Chép miệng ngẫm được thành Nhạc Bối, song thành kia dễ tạo, tuy rằng mừng chẳng lấy làm mừng: - Vỗ vế than chếch bạn tây song, tưởng bạn ấy khôn cầu, vậy nên tiếc không nguôi nỗi tiếc.

Ngày sâu khắc mảng to chấp chính, vậy càng ngây mắt Thuấn mày Nghiêu; - Đêm năm canh chợt nhớ cố nhân, chẳng êm dựa gối loan nệm hạc.

Cảm là cả một mai đại cứu, ngõ dùng mưu giết giặc, ai hầu cùng ngồi chốn át duy; - Thương là thương muôn dặm viễn phương, vì tính việc cho ta, chế chẳng về nơi quê vực.

Mồ tha hương luống gửi, chập chùng gò đất bi ai; Tin cố lý chưa thông, bẳng lẳng bên giời phiêu lạc.

Nào thuở nước Lang Sa, thành Vọng Các, đường xa dặm thẳm, mấy thu giời ai được gặp nhau; - Bây giờ miền âm giới, cõi dương gian, kẻ mất người còn, ba tấc đất mà không thấy mặt.

Trăm mình khó chuộc, gác tía đà mất đấng trí năng; Một giấc chẳng về, cung xanh lại không ai vũ đực.

Đổi con trẻ cho mà dạy đó, lối cổ nhân dấu hãi rành rành: - Rứt nghĩa này chẳng gác về đâu, trông thiên giới gót đà phần phật.

Phận tân chủ sẻ chia hai ngả, bồi hồi xiết trạnh lòng đau; - Tả ân tình lạo thảo một văn, điếu tế tạm dùng lễ bạc.

Công nặng đó của thêm nặng đó, ngàn vàng chưa dễ đền bồi; - Còn tưởng nhau, chết cũng tưởng nhau, trăm thuở hãy còn ghi tạc.

Than ôi! Thương thay!

Bài tế Phò mã Chưởng hậu quân Võ Tánh và Lễ bộ Thượng thư Ngô Tòng Châu

Năm Tân Dậu hai ông giữ thành Bình Định bị Tây Sơn vây khốn hết lương, ông Châu uống thuốc độc, ông Tánh tự đốt ở lầu Bát Giác.

Than rằng:

Đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian nan từng giãi dạ trung trinh,

Đấng anh hùng vì nước quyên sinh, điên bái chẳng sai lòng tiết nghĩa.

Ngọc dù tan vẻ trắng nào phai,

Trúc dẫu cháy tiết ngay vẫn để.

Nhớ hai người xưa:

Thao lược ấy tài;

Kinh luân là trí.

Phù vạc Hán thuở ngôi trời chếch lệch, chém gai đuổi lũ hung tàn,

Vớt xe Đường khi thế nước chông chênh, cầm bút ra tay kinh tế.

Mối nghĩa sánh duyên gác tía, bước gian truân từng cậy dạ khuông phù,

Màn kinh giúp sức cung xanh, công mông dưỡng đã đành lòng ủy ký.

Hậu quân thuở trao quyền tứ trụ, chữ ân uy lớn nhỏ đều phu,

Lễ bộ khi làm việc chính khanh, bề trung ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vuốt nanh ra sức, chí tiêm cừu đành dãi xuống ba quân,

Trong thành vững dạ chia lo, bề ưu quốc đã thấu lên chín bệ.

Miền biên khổn đôi năm chia sức giặc, vững lòng tôi bao quản thế là nguy.

Cõi Phú xuân một trận thét uy trời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

Sửa mũ áo lạy về Bắc khuyết, ngọn quang minh hun mát tấm trung can,

Chỉ non sông giã với cô thành, chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí.

Há rằng ngại một phen thỉ thạch, giải trùng vây mà theo tới quân vương.

Bởi vì thương muôn vạn tì hưu, thà nhất tử để cho toàn tướng sĩ.

Tiến hiệu lệnh mơ màng trước gió, ân tín xưa, người bộ khúc thương tâm.

Bóng tinh trung thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cũ, kẻ liêu bằng sái lệ.

Cơ đăng định kíp chầy đành hẹn buổi, xót tướng doanh sao vắng mặt thân huân,

Phận truy tùy gang tấc cũng đền công, tiếc nhung mạc bỗng thiệt tay trung chí.

Nay gặp tiết thu,

Bày tuần ủy tế.

Hai chữ cương thường nghĩa nặng , rõ cổn hoa cũng thỏa chốn u minh,

Nghìn thu hà nhạc khí thiêng, sắp mao việt để mở nền bình trị.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

VŨ LƯỢNG

Bài tế trận vong tướng sĩ

Than ôi!

Trời Giản phố vận ra Sóc cảnh, trải mấy phen lao khổ mới có ngày nay,

Nước Lô hà chảy xuống Lư giang, nghĩ những kẻ điêu linh kể từ thuở nọ.

Cho hay sinh là ký mà tử là quy,

Mới biết mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ.

Xót thay!

Tình dưới viên mao,

Phận trong vũ trụ.

Ba nghìn họp con em đất Bái, cung tên ngang dọc chí nam nhi,

Hai trăm vây bờ cõi non Kỳ, cơm áo nặng dầy ơn cựu chủ.

Liều thân cho nước, son sắt một lòng,

Nối nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ đích bước sang miền khách địa, hăm hở mài nanh rũa vuốt, chỉ non Đoài thề chẳng đội trời chung,

Kẻ thời tránh việt mao, liều mệnh chốn sa trường, dập dìu giương cánh giương vây trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai gối đất, chung nỗi ân ưu,

Mở suối bắc cầu, riêng phần lao khổ.

Trước từng trải Tiêm La Cao Miên về Gia Định mới dần ra Khánh Thuận, đã mấy buổi sơn phong hải lệ, trời Cao Quang soi tỏ tấm kiên trinh,

Rồi lại từ Đồ Bàn Nam Ngãi, lấy Phú Xuân mà thẳng tới Thăng Long, biết bao vũ pháo vân thê, đất Lũng Thục lăn vào nơi hiểm cố.

Phận truy tùy gẫm lại cũng cơ duyên,

Trường tranh đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa, quyết giật cờ trong trận, xót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lông hồng theo đạn lạc tên bay,

Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương thay phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi

sóng vỗ.

Hồn tráng sĩ biết đâu miền mệnh bạc, mịt mù gió lốc, thổi dấu tha hương,

Mặt chinh nhân khôn vẽ nét gian nan, lập lòe lửa chơi, soi chừng cổ độ.

Cũng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu,

Nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo kiếm đã chăm rèn mới có, nợ áo cơm phải trả đến hình hài,

Những là khen dạ đá gan vàng, bóng bạch câu xem nửa phút như không thù, dầy đội cũng cam trong phế phủ.

Phận dù không các khói đài mây,

Danh đã dậy ngàn dâu nội cỏ.

Tiếc vì thuở theo cờ trước gió, thân chẳng quản màn sương đêm giá, những chờ xem cao thấp bậc cân thường.

Tiếc cho khi nhỡ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ lộ.

Vâng Thượng đức hồi loan tháng trước, đoàn ứng nghĩa dẫu Quảng Thuận Nghệ Thanh cũng vậy, đội ân quang gieo khắp xuống Đèo Ngang,

Mà những người từng thượng trận ngày nay, rắp tấu công tư ngọ vị thân dậu đến giờ, theo tính tự để nằm theo lá số.

Ngọn cờ trúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui,

Dịp trống dồn hoa, chốn tươi chốn ủ.

Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh liệt, cái sinh không cái tử cũng là không,

Nhưng tiếc cho tạo hóa khéo vô tình, ngàn năm một hội tao phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có.

Bản tước nay:

Vâng việc biên phòng,

Trạnh niềm viễn thú.

Dưới trướng nức mùi chung vạc, sực nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh,

Trong nhà rỡ vẻ áo xiêm, trạnh nghĩ buổi tấm cừu hong trước gió

Bâng khuâng kẻ mất người còn,

Tưởng tượng thấy đâu tớ đó.

Nền phủ định tới đây còn sốc nổi, ngụ lòng một lễ, chén rượu thoi vàng,

Chữ dữ đồng gẫm lại vốn đinh ninh, khắp mặt ba quân, cờ đào áo đỏ.

Có cảm thông thì tới đó khuyên mời,

Dù linh thính hãy nghe lời dạy dỗ.

Trường chinh chiến hoặc là oan hay chẳng, cũng chớ nề kẻ trước người sau hàng trên lớp dưới, khao thưởng rồi sẽ tấu biếu dương cho.

Hội thăng bình đừng có nghĩ rằng không, dù ai còn cha già mẹ yếu vợ góa con côi, an tập hết cũng ban tuần tuất đủ.

Hồn phách đâu đều ngày tháng Thuấn Nghiêu,

Hài cốt đó cũng nước non Thang Vũ.

Có huyền điệu hoặc thăng trầm chưa rõ, thiêng thời về cố quận, để hương thơm lửa sáng, kiếp tái sinh, lại nhận cửa tiền quân,

Niềm tôn thân dù sinh tử chớ nề, thiêng thì giúp Hoàng triều, cho bể lặng sông trong, duy vạn kỷ chửa rời ngôi bảo tộ.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

TRẦN TẾ XƯƠNG

Bài tế sống vợ

Con gái nhà dòng,

Lấy chồng kẻ chợ.

Tiếng có mà không,

Gặp chăng hay chớ.

Mặt nhẫn nhụi chân tay trắng trẻo, ai dám chê rằng béo rằng gầy,

Người ung dung, tính hạnh khoan hòa, chỉ một màu hay gàn hay dở.

Đầu sông bãi bến, đua tài buôn chín bán mười,

Trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào dơi nói thợ.

Gần xa nô nức, lắm gái nhiều trai,

Sớm tối khuyên răn, kẻ thầy người tớ.

Anh tu tác cửa cao nhà rộng, phó mặc tay dâu,

Anh lăm le bia đá bảng vàng, cho vui mặt vợ.

Thế mà:

Mình bỏ mình đi,

Mình không chịu ở.

Chẳng nói chẳng rằng,

Không than không thở.

Hay mình thấy tớ nay Hàng Thao mai Phố Mới mà bụng mình ghen,

Hay mình thấy tớ sáng Tràng Lạc tối Viễn Lai mà lòng mình sợ.

Thôi thôi:

Chết quách yên mồ,

Sống càng nặng nợ.

Chữ nhất phẩm ơn vua vinh tứ, ngày khác sẽ hay,

Duyên trăm năm ông nguyệt se dây, kiếp này đã lỡ.

Mình đi tu cho thành tiên thành phật, để giong chơi Lãng uyển Bồng hồ,

Tớ nuôi con cho có rể có dâu, để trọn vẹn đạo chồng nghĩa vợ.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

Vợ tế chồng

Hỡi thương ơi!

Con thơ vợ dại sống càng thương mà chết lại càng thương,

Cửa vắng nhà thanh, nghĩ cũng khổ mà nói ra cũng khổ.

Cầu trời cầu Phật, nào thiếu cầu đâu,

Tại thuốc tại thầy hay là tại số.

Nhớ chàng xưa:

Cháu giống con dòng,

Người kim chất cổ.

Tự mười tám trăng màn bảo trẻ, chi hồ giả dã, chữ đủ làm thầy,

Tới bốn ba lều chiếu quan trường, tí ngọ mùi thân, thi sao chưa đỗ.

Trừ ông cử ông tú ông đồ chi ngoại, phường ngựa xe điếu tráp ít chơi,

Lấy câu văn câu thơ câu phú làm vui, thú cờ bạc rượu chè chẳng mộ.

Cũng tưởng làm nên quan lớn, toan sự biển cờ cướp lấy,

ông Từ Ô cũng chốn anh em,

Nào ngờ già dễ văn hay, làm cho thợ tạo chết tươi, ông Tiền hải cũng trong môn hộ.

Tưởng sự cửa nhà,

Thêm tình quyến cố.

Như chú hai đã có em phụng dưỡng, thôi cũng yên lòng.

Nọ thím năm đang lập cửa thừa diên, nhưng chưa xong số.

Mẹ thiếp cũng già đà lẫn cẩn, phố là làng con là rể, ai kẻ trông nom,

Con chàng còn dại dại ngây ngây, thằng mười bốn đứa lên ba, ai vì dạy dỗ.

Gần đã đến mùng năm đoan ngọ, đào đào mận mận, cũng có của ngon vật lạ, chàng đà đi thiếp cũng chán chường,

Xa là tháng tám trung thu, ngựa ngựa voi voi, những là tán giấy đèn cù, cha chẳng ở con nào vui cỗ.

Thương ôi!

Bối rối lòng quê,

Vội vàng tục phố

Lờ mờ đèn tỏ một huê,

Xơ xác quyển vàng vài bộ

Nghĩ đến họ đến hàng đến làng đến nước, thì trước cửa Diêm vương ngơ ngẩn, chắc chàng chưa ăn cháo tái sinh,

Nghĩ có trai có gái có rể có dâu, thì trên lầu Thị Kính thề nguyện, quyết thiếp chỉ ôm cầm một độ.

Xin giữ đủ ba năm một tiết, tuần tứ cửu ngày bách nhật, khi giỗ đầu lúc giỗ hết, dưới suối vàng ai hỡi xét soi.

Gọi là một chén tam ngu, lá vàng giấy nén hương thơm, lưng cơm bạc bát canh suông, trên dương thế lấy gì báo bổ.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

NGỌC HÂN CÔNG CHÚA

Văn tế vua Quang Trung

Ngọc Hân công chúa, con gái vua Lê, lấy vua Quang Trung được phong làm Hữu cung Hoàng hậu.

Than rằng:

Chín từng ngọc sáng bóng trung tinh, ngoài muôn nước vừa cùng trông vẻ thụy [1]

Một phút mây che vừng Thái Bạch [2], trong sáu cung thoắt đã nhạt hơi hương

Tơ đứt tấc lòng ly biệt

Châu sa giọt lệ cương thường

Nhớ phen bến Nhị thuận buồm, hội bái việt [3] chín châu lừng lẫy.

Vừa buổi cầu Ngân sấn dịp, đoàn ỷ la [4] đôi nước rõ ràng

Hôn cấu đã nên nghĩa cả

Quan san bao quản dặm trường

Nhờ lượng trên cũng muốn tôn Chu, tình thân hiếu đã ngăn chia đôi nước

Song thế cả trót đà về Hán hội hỗn đồng [5] chi cách trở một phương

Lòng dẫu xót thấy con cách chính

Thân lại nhờ gặp hội hưng vương [6]

Thành Xuân theo ngọn long kỳ, đạo tề trị gần nghe tiếng ngọc

Cung Hữu [7] rạng màu địch phất [8], tình ái ân muôn đội nhà vàng

Dạnh phân ấy cậy vun trông mọi vẻ

Nền nếp xưa nhờ che chở trăm đường

Ơn sầu nhuần gội cỏ cây, chốn lăng tẩm chẳng phạm chồi du tử [9]

Lộc nặng thơm tho hương khói, nơi miếu đường nào khuyết lễ chưng thường [10]

Mọi nỗi mọi nhờ trọn vẹn

Một điều một được vẻ vang

Phép hằng gìn hạc thược tước thoa [11], buồng quế rạng khuôn nội tắc

Điềm sớm ứng Chung tư Lân chỉ [12], phái Lam thêm diễn thiên hoàng [13]

Mảy chút chưa đền đức cả

Gót đầu đều trọn ơn sang

Đền Vị Ương bóng đuốc bừng bừng [14], lòng cần miễn vừa khi dóng dả

Miền Cực lạc xe mây vùn vụt [15], duyên hảo cầu sao bỗng dở dang?

Ôi!

Gió lạnh buồng đào, rơi cầm nẩy sắt.

Sương pha cung đỏ, hoen phấn mờ gương!

Tiệc vầy vui nhớ hãy rành rành, dịp ca múa bỗng khuây chừng Thần ngự [16]

Buổi chầu chực tưởng còn phảng phất, chuông điểm hồi sao vẳng chốn Cảnh dương [17]

Vấn vít mấy, bảy năm kết phát

Đau đớn thay, trăm nỗi đoạn trường

Hé nhà sương [18] ngắm quyển cung trâm [19], tiếng chi phất hãy mơ màng trên gối,

Nương hiên nguyệt ngẫm lời đình chỉ [20], bóng thúy hoa [21] còn chấp chới bên tường.

Hang núi cũng phàn nàn đòi chốn,

Cỏ hoa đều sùi sụt mấy hàng

Liều trâm thoa mong theo chốn chân du [22] da tóc trăm thân nào có tiếc

Ôm cưỡng bảo [23] luống ngập ngừng di thể [24], sữa măng đôi chút lại thêm thương

Tiếc thay!

Ngày thoi thấm thoắt

Bóng khích vội vàng

Thuyền ngư tọa đã mang ghềnh thái thủy [25]

Bánh long xa thẳng trỏ chốn tiên hương [26]

Nẻo hoàng tuyền xa cách mấy trùng, ngao ngán thêm ngừng cơn biệt duệ [27]

Chén hoàng thủy [28] kính dâng một lệ, xét soi xin thấu cõi dương gian

Hỡi ôi! Thượng hưởng!

PHAN HUY ÍCH

Văn tế tướng sĩ trận vong

Than ôi!

Mây nam ngất mấy trùng non nước, trông bờ cõi hằng nhớ lối chinh hành,

Gió đông vầy muôn khóm cỏ hoa, đổi ngày tháng lại tiếc người lao tụy [29]

Kiếp nam nhi vẹn nghĩa ấy nên danh

Đạo sư súy [30] suy tình mà đặt lễ.

Ai nấy:

Cá nước phải duyên,

Cung tên là chí.

Tự ta đội chín lần sống thác, lệnh cửa viên [31] nổi tiếng trống ngọn cờ.

Cùng nhau vâng muôn dặm duổi dong, đoàn áo giáp trải chân rừng mặt bể.

Ôm chữ trung thì xương thịt cũng liều,

Gánh việc võ dẫu chông gai xá kể.

Nanh vuốt trước sáu quân hăm hở, khi dậy quê nhà, khi sang đất khách, lần tới buổi nương chỉ bắc, từng dãi sôi đạp nóng chốn gian nan,

Đồng việt [32] trong trăm trận pha phôi, kẻ dàn đồn bộ, kẻ chống buồm tàu, đều chăm niềm dẹp bắc bình tây, những trải gió dầm mưa phen tiến chỉ [33]

Theo nhung hàng [34] ra sức đã dầy.

Giữ chiến pháp lấy mình làm nhẹ.

Ngậm ngùi lúc tên bay đạn lạc, ngàn cỏ xanh đầy dẫy nấm chinh phu,

Băn khoăn cơn gió lộng sóng khơi, đáy nước biếc ù ù hồn dũng sĩ.

Phận cần lao đà cam dạ tử tuy [35]

Lệ huân thưởng [36] chẳng đợi ngày ẩm chí [37]

Tưởng sự thế gian nhường mộng, tiếng trung tẫn thơm tho thế ấy, dẫu u minh nào có thiệt anh hùng.

Cảm tình bộ khúc [38] là thân, nỗi truy-tùy [39] cay đắng bấy lâu, từng ưu hoạn bỗng chẳng chia phú quý.

Tiếng khánh chiền đã lọt thấu ngự thần,

Hồi nhạc vịnh lại xích riêng màn súy.

May gặp hội ghi son tạc sắt, nhuần ơn trên mưa móc cũng dồi dào.

Nghĩ đoái người xông tuyết pha sương, quạnh dấu cũ nước mây thương vắng vẻ. Tôn tuất [40] cho nhờ có điển thường [41] Khao thưởng đều thỏa chưng phận nghị [42]

Rầy nhân:

Gặp tiết xuân hoa,

Bày diên hoàng thủy.

Linh phách nơi nào cũng tỏ, cứ sinh bình vị thứ để khuyên mời.

Thiện căn [43] sau nọ còn dài, nguyện tái thế công danh cho vẹn vẻ.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

Văn tế tướng sĩ rằm tháng bảy

Gươm linh bảo [44] mười năm sẵn có, đấng anh hùng mây gió mãi chưa thôi,

Đám nhung tràng [45] một phút như không, con tạo hóa ghét ghen chi lắm thế?

Nhớ tôn linh xưa

Hào kiệt ấy tài,

Kinh luân là chí.

Nặng vai nửa gánh giang sơn

Chấp cánh bốn phương hồ thỉ.

Quốc bộ gặp đương cơn binh cách, phép nhung bào từng lắm trận uy linh.

Thiên tài mong học chước Vệ hầu, chế pháo đạn biết bao chừng cơ trí.

Chức soái phủ đổ nhung vâng mệnh, cầm ấn quan phòng.

Tước triều đình tưởng vệ sắc phong, mở cờ tân chế.

Chắc những tam sinh hữu hạnh, hăm hở sợi bền sắt cứng, trí khuông phù không phụ với quân vương,

Nào hay nhất đán vô thường, tơi bời đạn lạc tên rơi, Tràng chiến đấu biết đâu là số hệ.

Thương ơi!

Thời vậy vay hay mệnh vậy vay?

Người ra thế sao phận ra thế?

Trong ba kỷ xuân thu tuy chửa mấy, yên ngựa chỉn ghê phen sấm sét, gánh cương thường cho tỏ mặt nam nhi,

Ngoài mười năm sự nghiệp biết dường nào, doành lông đà bỗng chốc sao sa, thu linh phách vội cướp công tráng sĩ.

Thà chết mà trọn tay địch khái [46], về theo tổ phụ cũng vinh,

Kìa sống như mấy mặt hàng thần, ở lại giang sơn thêm bẽ.

Núi Thiên nhận mịt mù hơi gió thổi, tiếc người tiết nghĩa ngậm ngùi thay,

Nước Tam thoa thấp thoáng bóng trăng soi, nhớ kẻ trung trinh ngao ngán nhỉ!

Nay nhân:

Thu tất tới tuần,

Thúc sô [47] dâng lễ.

Chén rượu rót thoảng bay mùi chính khí, trước sân đề đủ mặt quan liêu,

Nén hương đâng nghi ngút khói bạch vân, dưới án tỏ đôi hàng cơ vệ.

Đau đớn nhẽ xuân huyên tuổi tác, ôn sảnh nhờ tay em nâng giấc, chút thâm tình ngậm cõi hoàng tuyền,

Hỡi thương ôi, hòe liễu thơ ngây, ân cần nhờ tay vợ chăn nuôi, di phúc ấm sẵn chồi đơn quế.

Hồn có sẳng linh, hộ phen này cho quân mạnh tướng hùng,

Phách dù oan uổng, đợi ngày khắc sẽ sắc phong đền tế.

Thôi thôi!

Ngựa tía dù xanh đành kẻ khuất, đem thân bách chiến, để tiếng thơm cho vẹn cuộc trần ai,

Súng đồng gươm bạc mặc người còn, trở mệnh tam quân, dốc chí cả quyết xây nền bình trị.

Thương hỡi là thương,

Kể sao xiết kể.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

VÕ PHÁT
Bang Nhu

Văn tế Cao Thắng

Than rằng:

Thanh bửu kiếm mươi năm sẵn có, đấng anh hùng dồi mài mãi chưa thôi

Ánh nhung trường một phút hóa như không, con tạo hóa ghét ghen chi lắm thế

Nghĩa đồng ưu tưởng lại luống đau lòng

Tình vẫng điếu nghĩ càng thêm rơi lệ

Nhớ tôn linh

Hào kiệt ấy tài

Kinh luân là chí

Vén mây nửa gánh giang sơn

Vỗ cánh bốn phương hồ thỉ

Gặp quốc bộ đang con binh cách, nghĩa giúp vua chung nỗi âu ưu.

Bỏ gia đình theo việc nhung đao, lòng đánh giặc riêng phần lao tụy.

Địa bộ muốn theo dòng Nhạc mục, thét nhung bào từng ghê trận oai linh

Thiên tài toan học chước Võ hầu, chế súng đạn biết bao chừng cơ trí.

Ơn quân tướng Đổng nhung vâng mạng, cầm ấn quan phòng

Tước triều đình Chưởng vệ gia phong, kéo cờ tân chế

Những chắc rằng ba sanh có phước, hăm hở mài gươm chuốt đá, chí không phò không phụ với quân vương

Nào ngờ đâu một sớm không chừng, mơ màng đạn lạc tên bay, trường chiến đấu biết đâu là số hệ

Trong ba kỷ xuân thu tuy chửa mấy, trên yên ngựa đòi phen roi thét, trọng cương thường quyết mở mặt nam nhi

Ngoài mười sương sự nghiệp biết chừng nào, trước cửa viên bỗng chốc sao sa, thu linh phách vội cướp công tráng sĩ

Non Thiên Nhận phất phơ hơi gió thổi, thương người tiết nghĩa ngậm ngùi thay

Nước Tam Thoa thấp thoáng bóng trăng soi, nhớ kẻ trung trinh ngao ngán nhẽ

Thà chết nữa song tay địch khái, theo về tổ phụ ấy cùng vinh

Kìa sống như mấy kẻ hàng di, ở với tinh chiên càng thêm bậy

Nay nhân

Chung thất tới tuần

Thúc sô dâng lễ

Chén rượu thoảng bay mùi chính khí, trước dinh đều đủ mặt quan liêu

Nén hương nghi ngút khói bạch vân, dưới án đua chen hàng cơ vệ

Chua xót thay hai già tuổi tác, ngọt bùi cậy em nâng đỡ khối tâm tình chưa thoát cõi hoàng tuyền

Cám cảnh cho đàn trẻ thơ ngây, ân cần nhờ công vợ dạy nuôi, may di phúc lại nẩy ngành đan quế

Tinh hồn ví dầu thanh sảng, hộ phen này cho tướng mạnh quân bền

Linh hồn nếu có khôn thiêng, rồi ngày khác lại sắc phong điện tế

Thôi thôi

Cửa tía lầu vàng đành kẻ khuất, đem thân bách chiến để tiếng thơm cho tỏ mặt anh hùng

Súng đồng gươm bạc mặc người còn, truyền lịnh ba quân thét hơi mạnh để xây nền bình trị

Thương ôi là thương

Kể sao cho xiết

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

BÙI VIỆN

Văn tế lão mẫu

Dùng chữ trong truyện Kiều

Non khơi nước thẳm, lạc bước phù tang [48]

Đất thấp trời cao, đau lòng trắc dĩ

Nỗi nhà báo đáp, tội con vâng biết đã nhiều

Cõi khách xa xăm, cơ tạo nghĩ đâu ra thế

Ngày vĩnh quyết cách lời khuất mặc, tấc lòng nào thương nhớ có nguôi

Công dưỡng sinh tạc dạ ghi lòng, trăm thân dẫu đền bồi chưa dễ

Những tưởng

Trời còn rộng, đất còn dài

Thông còn tươi, huyên còn khỏe

Nhà mai trúc một đoàn xum họp, theo đòi dưới trướng đã đông người

Sân quế hòe mấy chút thơ ngây, thay đỡ việc mình không thiếu kẻ

Thương nỗi chiếc thân ngày tháng, nghiên bút ít nhiều cũng có, kiếp trần mong rũ sạch cho xong.

Xót lòng tựa cửa hôm mai, bỗng vì quạnh quẽ bấy lâu, đường mây nghĩ bước đi cho nhẹ

Thấy giữa đường đang lắm nỗi bất bình

Nhìn trong cuộc phải chọn người tri kỷ

Ngày xuất cáo chưa kịp lời thưa nói, những là tưởng dưới nhà trên nước, khắc xương chép dạ, biết đâu mà gửi can tràng

Bước viễn du không kịp tính gần xa, những là toan lấy hiếu làm trung, nhắm mắt đưa chân, phận nào có tưởng gì vui tẻ

Lìa nhà lìa cửa, chiếc gánh quan san

Một nước một trời, mảnh buồm thu thủy

Phần e đường xá còn xa

Phần sợ bóng dâu đã xế

Khi trên thác dưới ghềnh, khi ra khơi vượt biển, trông

vời cố quốc, lòng tư thân một bước một đau

Khi chân mây mặt sóng, khi cữ gió tuần mưa, đoái dặm tử phần, nỗi viễn khách càng thương càng nhớ

Khi thì thương nhà huyên, tuyết chở sương che, vì nuôi con những rày ao mai ước, những tưởng liều một giọt làm coi thiên hạ, lấy trân cam mà bổ lại đắng cay

Khi thì thương nhà thông, da mồi tuổi hạc, gặp nước nhà còn khe khắt lạ lùng, những toan đem tấc cỏ quyết đền ba xuân, dẫu phiền muộn phải lo cho mát mẻ

Nào ai nghĩ

Nỗi xa còn khuất mấy ngàn xanh

Việc nhà bỗng gặp cơn dâu bể

Khi được tới tàu vừa đỗ bến, đèo Hải Vân theo quán dịch lân la

Tin đâu như sét đánh lưng trời, nghe từ mẫu dã sân Lai vắng vẻ

Đau đớn nhẽ nhà huyên nỗi hơi đồng giá ngắt, non nước bao xa cách trở, biết đâu ngọt bùi biết đâu ấm lạnh, những ai vì săn sóc thuốc thang

Ngậm ngùi thay nhà thông khi tuổi hạc đã cao, công trình kể xiết mấy mươi, nào là khâm liệm nào là tang trai, những ai giúp sắm sanh tang tế

Nghĩ lại từ phen lưu lạc, ngoài nghìn dặm chốc ba đông, bên trời góc biển, bốn phương trông may trắng tuyệt vời

Xiết bao kể nỗi thảm sầu, đĩa dầu vơi nước mắt đầy, bão gió tuôn mưa, một mình những canh chầy âm ỷ.

Vì bởi chuyện xa gần tan hợp, những chịu năm chờ tháng đợi, con tơ còn vương mối chưa xong.

Cũng biết điều khinh trọng phải chăng, mà theo gió bắt mưa cầm, chim lồng dẫu cất mình khôn nhẽ

Nỗi thương nói chẳng hết lời

Tình sự khóc than khôn kể

Sao lúc trước tới nhà huyên, đã lũ trẻ gieo mình dưới gối, lại bầy em trông mặt trao tay

Sao lúc giờ tới nhà huyên, ngoài thì trông nấm đất bên đường, trong những sở chiêu hồn thiết vị

Sao lúc trước tới nhà huyện, tiêu hao vẫn gạn gùng nguồn ngọn, hỏi nỗi tha hương lữ khách, sự duyên tường kẽ tóc chân tơ.

Sao lúc giờ tới nhà huyên, chiêm bao như liệu tưởng đi về, căm lòng tử biệt sinh ly, phong cảnh luống trông vời gạt lệ

Biết trăm sự tại khuôn thiêng lừa lọc, những tự cơn binh lửa tới gặp nhà tang tóc, vì bởi quá chân nên nỗi, dẫu sự mình nào dám nói năng.

Tưởng một đời như giấc mộng mơ màng, đã cam phụ quỷ thần lại thẹn với non sông, thà rằng một thác cho rồi, dẫu miệng thế cũng mặc người phi thị

Cực vì nỗi lòng trên trông xuống, trước còn một chút nhà thông

Thương vì đường máu chảy ruột mềm, sau đó đôi ba đàn trẻ

Kiếp phong trần còn lắm chuyện nhân gian

Duyên hội ngộ chưa đền ơn quốc sĩ

Trót đã ngổn ngang trăm mối, chưa dứt tình kia hiếu nọ, cõi đời sao khỏi phụ người ta

Cũng liều đầy đọa chiếc thân, sao cho trong ấm ngoài êm, cuộc thế mới trả xong ân nghĩa

Bây giờ

Đức cù lao trông chín chữ chưa đền

Lời nguyền ước nhớ ba sinh chưa phỉ

Bình bồng vừa khỏi chút xa xăm

Sinh tử lấy chi làm đáp để

Rầy lần mai lữa, cách năm vừa trở bước về quê

Đêm thẳm ngày dài, một chén để trước mồ dâng lễ

Trên linh vị giải hết lòng cao thấp, hương khói trông theo nào thấy nữa, tấm son gột rửa đến bao giờ

Dưới tuyền đài sau có lúc thần hôn, suối vàng may họa biết ra cho, nỗi nước dần dà xin liệu sẽ

Than ôi

Đất cỏ dầm mưa

Song trăng quạnh quẽ

Mây bay hạc lánh, dặm ngất mù khơi

Vượn hót ve kêu, canh khuya rầu rĩ

Trong nhà cửa trước sau đầy tớ,về nhìn coi đủ mặt người

Bước giang hồ ràng buộc áo xiêm, giở đến còn vương tơ chỉ

Trải mấy ác tà thỏ lặn, trăm năm để một tấm lòng con

Dẫu rằng sông cạn đá mòn, muôn kiếp trả nào xong nghĩa mẹ

Thượng hưởng!

KHUYẾT DANH

Tế sống tình nương

Xưa có người học trò ở Hà Tĩnh dan díu với một cô ả, tưởng rằng một hai chắp mối tơ mành, ai ngờ chim trời cá nước, không biết vì đâu mà cô ta lại lấy chồng xa, giả mà xấu. Cậu này nghe tin, hôm nhị hỉ, đặt bàn thờ giữa chợ mà tế sống cô ta.

Than rằng:

Vàng lộn cùng thau,

Ngọc lầm với đá

Kén khách mà không gặp khách, nỗi vuông tròn thương phận gái thuyền quyên,

Trao duyên chẳng lựa mối duyên, thấy đôi lứa ngán thay cho thiên hạ

Thế đã đành, song còn chút chửa đành,

Lặng cũng dở, mà nói ra càng dở

Nhớ cô xưa:

Dự bậc nữ trung,

Vốn người lịch sự.

Lưng eo vú dảnh, ngọc chuốt vàng chau,

Má phấn răng đen, miệng cười hoa nở.

Trải lúc chơi đình giữn quán, nhởn nhơ dải đào yếm thắm, nét trai lơ nhìn hết khách tài hoa,

Đòi phen đi chợ về quê, lân la điếu thuốc miếng trầu, đường ăn ở xiêu lòng người bạn lứa.

Ngoài phong lưu mọi vẻ đủ rồi,

Trong khuê khổn trăm bề giỏi cả

Phụng dưỡng treo gương hiếu kính, nết trung trinh thay mặt nam nhi

Cửi canh nẩy mực kiêm cần, đường công tác ra tay thục nữ.

Gần xa nao nức, chữ sắc chữ tài,

Ong bướm xôn xao, làng Đơn làng Hạ

Nhà phú hữu ao liền ruộng mẫu, những mong mỏi duyên ưa phận đẹp, bảy năm trò chờ đợi ước non sông.

Khách văn chương tai thánh mắt hiền, những ước ao gái sắc trai tài, mấy tháng chẫn đi về tin nhạn cá.

Dẫu lòng kia hay nghĩ hay suy,

Thời đó cũng là đôi lứa.

Phải phận nữa kết duyên người nhất sĩ, may mắn rồng mây gặp hội, ắt chồng loan vợ phượng xum vầy,

Ép duyên chăng chắp mối kẻ nhì nông, sớm trưa trâu ruộng cầy bừa, cũng đụn lúa kho tiền chan chứa

Sao cô chẳng biết đường toan liệu, chẳng nghĩ đũa so với phướn, những chắc nào trướng gấm nào màn the nào cõng điều nào sáo vẽ, thấy vàng son mà giục dạ mơ màng,

Vậy cô đành luống những đợi chờ, quản bao dạ cạn như đèn, cũng có khi lên huê khi xuống nguyệt khi trên bộc khi trong dâu, đem sắt đá để ghi lòng cậu mợ.

Những tưởng ông tơ rèn tập đó, bậc bố kinh đành lựa chốn trâm anh,

Nào ngờ con Tạo ghét ghen gì, đưa thành thị xui vào miền biển dã.

Giai tế hình dung xem cũng khá, tóc rễ tre, da đồng điếu, phỏng chừng trong một áng mấy người này

Tân lang tuổi tác đã bao nhiêu, hạt cau mốc, quả mướp xơ, phỏng đâu đã bốn tuần thêm lẻ nữa.

Nài mai ép trúc, nỗi căn nguyên chếch mác bởi vì đâu,

Chê muống ôm rền, bề ân ái phụ phàng chi lắm nữa.

Duyên phận ngán thay cho duyên phận, trâm cài lược giắt, luống công trình chải chuốt bấy lâu,

Chồng con sao khéo những chồng con, nón gọ quai mây, ngó hình dạng ra chiều buồn bã.

Đành bến nước mười hai là phận, trong gia đạo chưa có người toan liệu, sao cô chẳng kiếm nơi gần gụi, nở để mẹ thầy tuổi tác biết lấy ai khi mưa dầu nắng lửa gió kép sương đơn,

Đành quả mai ba bảy phải lo, trong hương thôn cũng có kẻ yêu vì, sao cô chẳng nghĩ đến nguồn cơn, nỡ đem thân phận liễu bồ, gieo vào hơi nước biếc rêu xanh cát vùi sóng vỗ.

Hay là cô nếm thử mùi đời mặn nhạt, nên chẳng quản

đồng chua nước nặn, lối sinh nhai toan ngày tháng đủ no.

Hay là cô muốn dò la thế cạn sâu, chẳng tham nơi thuyền vắn chèo dài, câu thích chí được sớm trưa nghiêng ngửa.

Hay là bởi mẹ thầy lẩn quẩn, quen những thói mớ tôm sàng cá, qua lại ít nhiều ngọng miệng, ép uổng duyên cô nông nỗi thế, nặng tiền tài mà nhẹ gánh tình chung.

Hay là vì mối lái đèo bòng, chẳng nhằm khi vào lộng ra khơi, nói phô mật rót vào tai, dỗ dành phận gái ngẩn ngơ tình, già nhân sự để non quyền tạo hóa.

Duyên xích thằng ước trăm năm có lẻ, phỏng một ngày chi không nghĩ thiệt hơn,

Phận hồng nhan hai mươi mốt tuổi tròn, chi nên tội nỡ đưa thân đầy đọa.

Lúc vãng sinh đi qua miền thành thị, cảm nỗi duyên nài phận ép, vật sầu nhân cây cỏ héo rầu rầu,

Buổi hồi môn về tới chốn Vinh giang, ngán thay vợ trẻ chồng già, cảnh liêu khách cáy cua cười rả rả.

Thôi thời thôi!

Hồng ngâm chuột vọc, liễu ủ đào phai,

Mình ngọc ngâu vầy, hoa tàn phấn rã.

Mây Hồng Lĩnh khi tan khi hợp, tủi thân cô lưu lạc nước non xa,

Nước thủy triều cơn ngược cơn xuôi, thương phận gái nổi chìm quê quán lạ.

Muốn lấy nhân duyên than dì gió, gió bay cửa bể, dáng phất phơ thêm giục mấy cơn sầu,

Toan đem phận số trách bà trăng, trăng rọi đầu non, chiều lơ láo không soi vào tấc dạ.

Toan quyết lễ thời trả lễ, duyên phong nhà chẳng vuông tròn như trước, thời cũng đã câu vào miệng cá, khôn đưa mối chỉ xẻ làm hai,

Tính rằng duyên lại phụ duyên, tình gối chăn không êm ấm như xưa, thời làm chi ván đã đóng thuyền, khôn cắt dải đồng chia lấy nửa.

Hoa lưu động khẩu ưng trường tại, phận hồng nhan bao quản bước truân chuyên,

Thủy đáo nhân gian định bất hồi, cửa xuân tỏa tha hồ ai khép mở.

Tơ một mối không vương bạch diện, nợ tình chi mà nói, nói nữa làm chi.

Giấy ba hàng đưa chị hồng nhan, đã đành lỡ thời thôi, thôi đành chịu lỡ.

Ai tai! Thượng hưởng!

Văn tế khóc mẹ

Than ôi!
Một cuộc trải qua
Trăm năm trong cõi.
Vừa tiết tháng ba
Thương thay huyên cỗi
Cơ trời dâu bể đa đoan
Bên lòng tầm tơ trăm mối
Nhớ mẹ xưa:
Trong đạo gia đình,
Cùng nhau ân ái
Hương lân thơm nức, có nghĩa có nhân
Trang trọng khác vời, khi ăn khi nói
Kinh bố đã cho vào bực, đầu lấy chữ trinh
Nuôi con những ước về sau, lòng càng khắc khoải.

Nào những lúc cây cù cây quế, đằng cát đưa duyên,
Đòi phen hoa hạnh tử phần, trường văn gặp hội.
Mấy độ sương sa gió táp, mừng thầm lá vẫn xanh cây,
Có khi đắp lạnh quạt nồng, mong được hạc càng cao tuổi.
Thế mà:
Con tạo xoay vần,
Bể trầm chìm nổi.
Cảnh vui gió trúc mưa mai
Người đã mây ngàn hạc nội.
Trời tây vàng bóng, gương nga vằng vặc từ song
Đất nắm xanh rì, ngọn cỏ hiu hiu gió thổi.
Bây giờ:
Chốc đã ba đông,
Ngậm cười chín suối
Gương nga đã ngậm non đoài
Hoa đào vẫn cười năm ngoái
Táng tế gọi là trả nghĩa, nhủ khuyên em, em cũng chịu
Sinh thành trước phải đền ơn, nghĩ đến con, con đà biết tội.
Một lễ kính dâng
Tấc thành đem lại.
Trông lên linh vị, luống những ngại ngùng,
Họa là dưới suối, biết cho nông nỗi.

Thương ơi! Thượng hưởng!

Văn tế thuốc phiện

Trước bàn đèn xe tẩu, khóc mà than rằng:
Ba sinh hương hỏa, cuộc trần hoàn nào mấy mặt tri âm,

Một phút nhàn du, nghĩa giao tất [49] dễ quên lòng quyến cố.

Nhớ người xưa:

Quê ở Mãn Châu

Qua chơi Trung thổ.

Sắc vàng tơ nhỏ, vén lưng ong chạy tẩu, sùi mặt quỷ da đen, ấy chính danh là Bách là Công,

Mình mỏng bột to, sùi mặt quỷ da đen, ấy chính của trên Ngâu trên Tự

Tính nguyên thăng tán, trục phong hàn, quyết giật giải Hiên kỳ,

Vị hữu thanh lương, ôn tì vi, ăn cướp công quế phụ.

Thanh giá thời hai thứ khác nhau,

Công hiệu dẫu đôi đường vẫn có.

Kìa những kẻ buôn hương bán phấn, nhớ ôn lương mà giữ khách phồn hoa,

Bao nhiêu người kế lợi thương công, mượn tinh thục [50] để tiện khi tính sổ

Chốn quyền môn quý khách càng chen,

Đoàn vũ nữ ca nhi cũng mộ

Cũng có kẻ giận công danh trắc trở, bạn cùng người cho khuây nợ tang bồng,

Lại có người buồn quê quán xa xôi, chơi cùng người cho khuây niềm vân vũ.

Đã quen hơi kiếm chác càng chăm; Có biết thú xẩm xành mới đủ. Màn xuyên lô, rèm thêu tam hữu, nệm kim quy, chăn cù gối xếp, làng xa mã nghênh ngang, xem cam lộ, tẩu dáng lục lăng, ban tê giác, tiêm bạc, móc vàng, khách tài tình ngang ngửa.

Đèn pha lê miếng trám miếng huỳnh,

Khay vân mẫu nhất thi nhất họa.

Năm canh những bạch thông cống nặng, tưởng đến câu vưu vật [51] di nhân,

Bốn mùa đều gió mát trăng thanh, sao bằng cảnh dương xuân[52] triêu ngã.

Ngọn đèn thay nhật nguyệt hai vừng,

Chiếc điếu hợp long vân mọi vẻ.

Giải khát sẵn đường phổi, trà ô-long hương mộc thanh-kỳ.

Nhuận tràng có bánh ngọt bánh bùi, cháo yến huyết bột đao mát mẻ.

Lúc phong lưu kể cũng nên đời

Khi nghiện ngập nghĩ ra mà sợ

Những tưởng một khi một điếu, nếm mùi đời cho đủ thứ mà chơi.

Nào ngờ phút bén quen, giục lòng khách đến cơn lại nhớ.

Ho hen ngáp vặt, mặt mũi lừ đừ,

Mũi sổ dạ đau, chân tay buồn bã.

Kẻ dật khách vãng lai thù tạc, bọn hiền nhân mặc đi sớm về trưa,

Người thương nhân xu sự phó công, sợ phép nước cũng ăn không nói có.

Khăn khăn áo áo cùng nhuộm mùi cam,

Ruộng ruộng trầu trầu, đều chui vào lọ.

Gái thuyền quyên nên mặt bủng dạ chì

Trai tráng sĩ cũng xo vai rụt cổ

Kìa những kẻ văn hay võ mạnh, đa mang vào còn xếp bút gác cung,

Huống chi người tài thiển trí ngu, chơi quá độ cũng vong gia thất thổ.

Bẻ gảy chân, chuyện cũ chẳng không

Ném vỡ váy, trò cười còn đó.

Sờ lưng vợ kiếm mười lăm mười tám, tìm tiền mua thuốc xái cho qua,

Bới đầu giường không quan vắn quan dài, đến bạn xin xẩm lần nuốt độ.

Cũng có lúc ho hen nên nghiện, thì vung văng đập lọ chẻ xe,

Cũng có khi bầu bạn quá vui, lại tấp tửng tiện xe khoét lọ,

Đọc thấy chữ "sát nhân vô kiếm" kẻ tri cơ đã biết phải chừa,

Xem đến câu "trạch hữu nhi giao", bạn vô ích chơi làm chi nữa.

Rầy nhân:

Tiết tới hạ thiên

Tuần lâm đoan ngũ.

Vậy có ngọn đèn chén nước, giải lòng thỏa với tri âm,

Gọi là chút kính tấc thành, mời khách tìm về cố thổ.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!

Văn tế Cô đầu

Tay chàm trót dại, kể đà mấy độ gió trăng,

Mắt song đưa tình, cũng thể ba sinh hương lửa

Tiền mất đành đau,

Nghề chơi vẫn ngứa

Nhớ xưa gốc Cô đầu,

Sinh ra từ Thanh Hóa

Mẹ gà con vịt, góp nhặt vài người,

Tớ mượn công thuê, nuôi chung mấy đứa.

Mượn màu trang điểm, phấn chèo, son giấy hồng điều,

Đủ bộ xênh xang, hột bóng, nhẫn vàng bọc mạ

Chấp chảnh vài câu hãm sáo, non non nước nước, trúc trúc mai mai,

Học đòi mấy ngón vờ chim, cắn cắn beo beo, lơi lơi lả lả.

Đồ nhắm đã hồ nhẫn nhụi, "quan đưa cay cho cháu đắt hàng".

Rượu đưa chẳng cứ đầy vơi, "mình bất nghiệt chi tôi thế hử?".

Mảnh rượu chạy nơi này nơi khác, xin rộng cho "cháu kiếm gạo thêm",

Đồng hồ đã canh ba canh tư, còn gạn mãi "quan xơi cháo nhá?"

Đi mãi cũng thẹn mặt, những phàn nàn, "quan chẳng hát giùm cho".

Ngồi lâu chưa nóng trôn, đã ấm-óe "cô về có khách ạ".

Nào những lúc chuyện riêng cùng tri kỷ, muốn cái nọ, muốn cái kia.

Nào những khi bàn mãnh với chị em, người ấy hay người ấy dở.

Vé vạn bảo [1] giở ra từng nút, "đến hạn rồi, mình hãy chuộc cho",

Nợ cựu triều khai hết mọi nơi, vắng hát quá, mình cho để trả".

Hát có một vài bận trước, bâng khuâng thấy bạn như được lạng vàng,

Chơi không độ bốn năm lần, nhạt nhẽo đưa đà khác gì nước lã.

Than ôi!

Chơi cũng vui thay.

Nghĩ mà chán quá

Duyên kiếp là chi?

Nợ nần nhau cả!

Vợ ghép người ta

Chồng vờ thiên hạ
Đến bây giờ mới gặp nhau đây
Hẳn kiếp trước làm sao đó tá?
Đi hôm về tối, ruột tầm bối rối nên mê
Tiền mất tật mang, miệng hến câm ngầm dám há
Nay nhân gió mát trăng trong
Sẵn có kẻ quen người lạ
Thìa đũa sắp bầy,
Chị em chứng quả
Nào hạt dưa
Nào hoa quả.
Nào gà rán, nào chim xào
Nào long tu, nào vây cá
Uống một thìa, ăn một miếng có khôn thiêng xin xét soi lòng.

Vắng một ngày, gấp ba thu, tưởng nỗi nhớ càng bâng khuâng dạ.

Nào tình, nào nghĩa, nào ân, nào ái, chiếu cuốn thì thôi,
Còn trời, còn đất, còn nước, còn non, tiệc sau cũng rứa
Hỡi ôi! Thượng hưởng!

Khóc sư và cụ đạo

Bài văn tế của một chú tiểu và một nhà thầy khóc điếu nhà sư và cụ đạo chết đuối vì bị đắm đò.

Trước bờ sông khóc mà than rằng:
Nước thẳm non cao,
Ngàn dâu bãi cát.
Sư si tình nghĩa, trăm năm chất để lòng son,

Bình địa ba đào, một phút sa trông mây bạc

Nông nỗi cùng trời đất có hay

Ơn đức ấy mẹ cha nào khác

Nhớ cụ xưa thực người đạo đức, thương các con chiên;

Tưởng sư nay bản tính từ bi, rộng lòng bồ tát

Mười bốn đường câu rút, cụ thuộc làu làu

Mười tám bộ kim cương, sư thông chan chát.

Quan thượng Hưng qua đời là phúc, con mừng cụ vừa được yên thân.

Ông cống Chỉnh mất sớm là may, tiểu mừng sư nay đã giải thoát

Lúc ra mùa, cụ đi làm phúc, con sắm sửa theo hầu.

Gặp tiết xuân, sư lại thăm quê, tiểu vội vàng chen gót,

Bến đò ngang vào quán nghỉ ngơi, cụ với sư đỡ cơn nắng rát.

Khi xuống đò:

Cụ lầm rầm niệm a-di-a-men,

Sư lẩm nhẩm tụng đề-đa-đê-đát.

Bóng trên đầu nổi đám mây che

Sóng mặt nước dầm cơn gió quạt.

Khách ngổn ngang náo nức bước lên bờ,

Thuyền đạo đức lênh đênh không lái bát.

Tiểu cùng con, khác dòng khác họ, một chuyến đò bỗng hóa nên quen,

Cụ với sư, một giáo một lương, dòng nước chảy rủ nhau tắm mát.

Giê-su-ma phép thiêng rửa tội, nỡ để cụ sóng dập cát vùi,

A-di-Phật trí tuệ độ sinh, nỡ để sư bèo trôi sóng giạt.

Hay là quan Hà bá có làm lễ, mà chúa trời cho cụ xuống giảng kinh?

Hay là vua Thủy tề có làm chay, mà Phật tổ cho sư đi kiểm soát?

Hay là sư rủ cụ sang Tây trúc ngao du?

Hay là cụ rủ sư theo Gia tô tiến phát?

Tưởng những lúc sư lên đàng cúng quả, lòng tiểu nhớ mong.

Tưởng đến khi cụ làm lễ dâng hoa, bụng con chua chát.

Thương ơi!

Đền ơn xiết kể, tiểu xin lập một đàn tràng, giải oan cắt đoạn để thoát vong hồn;

Báo đức khôn cùng, con xin làm một lễ mồ, giảng đạo cầu kinh cho yên phần xác,

Thôi nay:

Cụ lên thiên đường tòa thánh, độ cho con thoát tội về sau,

Sư ngồi thập điện tòa sen, độ cho tiểu siêu sinh cực lạc.

Sang tô-a-di-men,

Nam-vô-di-đà-Phật.

CHÚ THÍCH PHẦN VĂN TẾ

1. *Thụy* là điềm hay, nhân chữ *ngọc* mà đặt ra chữ *thụy*.
2. *Thái Bạch* là tên ngôi sao, buổi sớm mọc ra ở Phương Đông, gọi là sao Khải Minh, ở đây ám chỉ ngôi vua.
3. Bái là cờ lớn, Việt là cái búa lớn.
4. Ỷ la là nhiều lụa. Câu này và câu trên nói việc vua Quang Trung đem quân ra Bắc Hà trong dịp ấy mà Công chúa thành hôn.
5. Hồn đồng là dồn lại làm một, ý nói đại thể trong nước thuộc về Tây Sơn, cho nên hợp giang sơn lại làm một.
6. Cách chính là thay đổi quyền chính trị, hưng vương là nổi lên cơ đồ làm vua, ý nói buồn vì nhà mình mất, lại may được nhờ chồng lên ngôi.
7. Cung Hữu tức là Hữu Cung.
8. *Địch* là lông chim trĩ, phất là cánh gà se, địch phất là cái cánh gà se có gài lông chim trĩ.
9. *Du tử* là tên hai thứ cây.

10. *Chưng thường* là tên hai ngày lễ về mùa thu và về mùa đông. Câu này và câu trên ý nói mồ mả và tôn miếu nhà Lê được nhờ vua Quang Trung mà bình yên như thường.
11. *Hạc Thược* là cái thược (?) hình chim hạc, tước thoa là cái thoa hình con chim tước.
12. *Chung tư Lân chỉ* là bài câu tả trong Kinh thi, nói về điểm vợ vua sinh được nhiều con cái.
13. *Lam* là Lam Sơn quê hương nhà họ Lê. Câu này và câu trên ý nói đúng mực hoàng hậu, và sinh con trai.
14. *Vị Ương* và tên một cung điện nhà vua. Nguyên hai chữ "vị ương", nghĩa là chưa sáng, dùng đặt tên cung điện để ngụ ý rằng ông vua khi có việc cần phải coi triều từ đêm thì ngự ở cung này.
15. *Cực lạc* là lời của nhà Phật, câu này và câu trên ý nói vua Quang Trung đương chăm việc chính trị thì đã vội từ trần.
16. *Thần ngự* là chỗ vua ngự.
17. *Cảnh Dương* là tên cung, chuông ở cung Cảnh Dương động tiếng là hiệu vua mất. Câu này và câu trên ý nói nhớ tiếc.
18. *Nhà sương* là chỗ người đàn bà góa ở.
19. *Cung trâm* là quyển sách răn bảo về đức hạnh ở trong cung.
20. *Đình chỉ* là ý bảo của nhà vua.
21. *Thúy hoa* là lá cờ của thiên tử.
22. *Chân du* là đi chơi chân thật, cõi chân du cũng là nói chỗ chết của người đời.
23. *Cường bảo* là tã lót cho trẻ con.
24. *Di thể* là cái hình thể còn lại, nói ví đứa con. Câu này và câu trên ý nói cùng muốn chết theo vua; vì chút con cho nên phải sống.
25. *Thái thủy* là chỗ con sông đưa đám.
26. *Tiên hương* là chốn quê tiên.
27. *Biệt duệ* là vạt áo lúc lâm nguyệt
28. *Hoàng thủy* là rượu nghệ sắc vàng, chén rượu rót đề giáng thần.
29. *Lao tụy* là khó nhọc
30. *Sư* là thầy, *súy* là tướng
31. *Cửa viên* là cửa quan tướng. Nguyên chữ viên là bánh xe, các ông đại tướng khi đóng quân ở đâu, chất xe lên làm cổng, cho nên gọi là cửa viên.
32. *Đông* là giáo, việt là lưỡi việt. Đông Việt cũng như nói gươm giáo.
33. *Tiến* là đi, *chỉ* là dừng lại.
34. *Nhưng hàng* là hàng quân lính.

35. *Tử tuy* là có chết mà không có lui: sách có chữ "tướng quân tử tuy", nghĩa là ông tướng quân có chết mà không có lui.
36. *Huân thưởng* là sự thưởng cho những người có công.
37. *Ẩm chỉ* là bữa rượu mừng cho người đã về đến nhà
38. *Bộ khúc* cũng như nói bộ lạc.
39. *Truy tùy* là theo đuổi
40. *Tồn tuất* là xét đến mà thương xót.
41. *Điển thường* là phép thường của nhà nước.
42. *Phân nghị* là phân nghĩa nên được.
43. *Thiện căn* là cỗi rễ từ thiện.
44. *Linh bảo* là báu thiêng.
45. *Nhung tràng* là chỗ trận mạc.
46. *Địch khái* là địch với kẻ mình giận.
47. *Thúc sô* là bó tranh, tức là bó sa mao làm lễ.
48. Lúc mẹ chết tác giả đang xuất ngoại cầu viện binh khôi phục xứ Nam Kỳ.
49. *Giao* là nhựa keo, *tất* là sơn, lấy keo bỏ vào trong sơn thì dính nhau lắm; hai chữ này nói cái tài tình không dứt được, mà keo và sơn lại làm mẫu văn cho thuốc phiện.
50. *Tỉnh thục* là nói nghĩa tỉnh ngủ.
51. *Vưu vật* là vật lạ thường.
52. *Dương xuân* là mùa xuân đầm ấm.

VĂN XUÔI CỔ

LÝ VĂN PHỨC

Tự thuật ký

Ở cõi trời Nam,

Có người đất Bắc.

Dòng thi lễ vốn Minh triều tạt lại,

Áng binh qua vừa Lê mạt xuống sinh.

Nhờ nghĩa phương[1] từ bé chút từng nghe, dưới sân nghiêm mắt quở tai răn, tính du đãng tính dần cho nhập giáo.

Theo học nghiệp đã lớn khôn biết nghĩ, bên trướng giáng sớm ôn tối đọc, việc tập tành gắng mãi cũng thành danh.

Vận đổi xoay vừa chán cuộc tang thương,

Cơ binh trị sớm rạng vừng thiên nhật.

Khoa Đinh Mão cũng nước bầu cơm gói, tiếc lẽ đi không về luống, kỳ tứ trường còn nhượng bảng Tôn sơn[2],

Chốn Trường An thời củi quế gạo châu, lấy gì ngọt thảo bùi thơm, đường bách lý những ghi lời Tử lộ[3].

Nghề buôn bán tay không khôn vỗ,

Bước khó khăn đầu gối hay bò.

Cất mình đi đem lưỡi bút thay cầy, hết miền Cổ nhuế lại phố Thăng Long, nhờ lộc thánh để giúp công rèn tập,

Làm thế lại giở túi nghề đãi khách, nay số tử vi mai pho dã hạc[4] mượn giá thày cho đắt tiếng xem coi.

"Nhân cùng trí đoản" hết nói khôn ngoan,

"Bĩ cực thái lai" là nhờ vận chuyển.

Trường Ất Mão may dự tên hương tiến, hàng thường lệ nối liền ba nhánh, công sinh thành đã hớn hở mẹ cha

Năm Canh Thìn vâng ứng chiếu hạ trưng[5] cánh tiêu liêu[6] gửi ghé một cành, đường vinh đạt cũng theo đòi bạn hữu.

Ti-lạp[7] tuy nhờ lộc nước,

Đẩu-thăng[8] riêng thiết nỗi nhà.

Trông quãng mây che đỉnh hỗ Khuất đi, một phong thư lặn suối trèo non, mở ra xem giấy thảm mực sầu, kêu trời thẳm những cắt lòng nơi lữ xá.

Đội vừng nguyệt chỉ phê Phần trở lại, hai tháng hạn nằm rơm gối đất, tả chưa hết dòng thương giọt tủi, lạy mẹ già thôi trở gót chốn Thần kinh.

Yên phận tôi, đâu kể nỗi gia tình,

Gác chữ hiếu phải chăm bề công sự.

Tài sơ thiển chực một bề tôm tép, lần nữa mưa sương nắng nguyệt, chữ tháng ngày nên dự số công lao,

Duyên tạo phùng may nghìn thuở rồng mây, vẻ vang áo mãng đai mồi, tuôn mưa móc thấm cả mình bố tố[9]

Đường mây thanh thả, khi quận khi triều,

Bể hoạn chập chờn, có vinh có nhục.

Vinh thay buổi ra vào bên điện bệ, phận hàn sĩ thoắt nhảy ngôi quan cả, tuy chẳng được bảng vàng bia đá, nghĩ lại sáu bảy năm chừng ấy, tám chín phần đà trả nợ sách đèn.

Nhục thay khi ngồi đứng gốc hành - dương [10], thân á - khanh cam sánh kẻ lính già, gượng cho qua cháo muối cơm

dưa, tính dồn ba bốn tháng dài ghê, trăm nghìn nỗi đủ nếm mùi cay đắng.

Tội thần tử dẫu búa rìu cũng đáng,

Ơn thánh minh rồi sấm sét lại qua.

Lầu thái vân [11] đâu nảy xuống tiếng tơ, may bóng dương còn soi đến dấu bèo, nét son thắm sáng lòe nhà ngục thất.

Khối bạch cốt [12] bỗng nở dần thân thịt, nhờ hòn đất lại nắn nên ông bụt, giấc mộng tàn tỉnh cả chốn cư đình.

Trải nhục rồi mới biết thuở xưa vinh,

Được sống lại dám quản đâu là thác.

Đến trời bể đã sáu lần thiệp lịch, sóng gió kể bao phen chìm nổi, chắc trong mình vâng có mệnh quân vương,

Góp non sông vào mấy quyển phẩm đề, bút nghiên là vốn nghiệp xưa nay, mở con mắt ngó cùng nơi dị vực.

Trong sai khiến ấy là huấn hối[13]

Sức hẹp hòi thêm được kiến văn.

Đành tấm thân nhờ đào tạo còn dày, xếp đắc táng có bàn chi sự cũ?

Cầm tấc dạ với quỷ thần không hổ, miễn thủy chung sao chớ phụ ơn trên!

Buồn tênh khi dâng bảng hồi sai

Bút thảo gọi ghi thiên tự thuật.

NGUYỄN TRÃI

Bình Ngô đại cáo

Đại thiên hành hóa hoàng thượng nhược viết:

Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân; điếu phạt chi sư, mạc

tiên khử bạo. Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực ký thù, nam bắc chi phong tục diệc bị. Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc; dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương. Tuy cường nhược thì hoặc bất đồng, nhi hào kiệt thế vị thường pháp. Cố Lưu Cung tham công nhi thủ bại, nhi Triệu Tiết hiếu đại nhi xúc vong. Toa Đô ký cầm ư Hàm Tử quan; Mã Nhi hựu ế ư Bạch Đằng hải.

Kê chư vãng cổ, quyết hữu Minh - trương. Khoảnh nhân Hồ chính chi phiền hà, trí sử nhân tâm chi oán bạn. Cuồng Minh tứ khích, nhân dãi độc ngã dân; ác đảng hoài gian, cánh dĩ mại ngã quốc. Phiến thiên võng dân, nguy kế cái thiên vạn trạng. Liên binh kết hấn, nẫm ác đãi nhị thập niên. Bại nghĩa thương nhân, kiền khôn cơ hồ dục tức; trọng khoa hậu liễm, sơn trạch võng hữu kiết di. Khai kim trường tắc mạo lam chướng nhi phủ sơn đào sa! Thái minh châu tắc xúc giao long nhi cẳng yêu thộn hải! Nhiễu dân thiết huyền lộc chi hạm tịnh! Điển vật chức thúy cầm chi võng la! Côn trùng, thảo mộc, hàm bất đắc dĩ toại kỳ sinh! Quan quả, điên liên, câu bất đắc dĩ an kỳ sở. Tuấn sinh linh chi huyết, dĩ nhuận kiệt hiệt chi vẫn nha! Cực thổ mộc chi công, dĩ sùng công tư chi giải vũ! Châu lý chi chinh, dao trọng khốn! Lư diêm chi trữ, trục giai không! Quyết Đông Hải chi ba, bất túc dĩ trạc kỳ ô! Khánh Nam Sơn chi trúc, bất túc dĩ thư kỳ ác! Thần nhân chi sở cộng phẫn! Thiên địa chi sở bất dong! Dư phấn tích Lam Sơn, thê thân hoang dã. Niệm quốc thù khởi khả cộng đái, thệ nghịch tặc nan dữ câu sinh! Thống tâm tật thủ giả, thùy thập dư niên; thường đởm ngọa tân giả, cái phi nhất nhật. Phát phẫn vong thực, mỗi nghiên đàm thao lược chi thư; tức cổ nghiệm kim, tế suy cứu hưng vong chi lý. Đồ hôi chi chí, mụ my bất vong! Đương nghĩa kỳ sơ khởi chi thì, chính tặc thế phương trương chi nhật. Nại dĩ: nhân tài thu diệp! Tuấn kiệt thần tinh! Bôn tẩu tiên hậu giả ký phạp kỳ nhân! Mưu mô duy ác giả hựu quả kỳ trợ! Đặc

dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục đông! Cố ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư tả! Nhiên kỳ: đắc nhân chi hiệu, mang nhược vọng dương! Do kỷ chi tâm, thậm ư chửng nịch! Phẫn hung đồ chi vị diệt; niệm quốc bộ chi do chuân. Linh sơn chi thực tận kiêm tuần, Khôi huyện chi chúng vô nhất lữ. Cái thiên dục khốn ngã dĩ giáng quyết nhiệm, cố dư ích lệ chí dĩ tế vu gian! Yết can vi kì, manh lệ chi đồ tứ tập; đầu dao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm. Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị, dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ! Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi dịch cường bạo. Bồ đằng chi đình khu điện xiết! Trà lân chi trúc phá hôi phi! Sĩ khí dĩ chi ích tăng! Quân thanh dĩ chi đại chấn! Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ, văn phong nhi trĩ phách! Lý An, Phương Chính chi bối, dẫ tức dĩ thâu sinh! Thừa thắng trường khu, Tây kinh ký vi ngã hữu Tuyển phong tiến thủ, Đông Đô tân phục cựu cương. Ninh Kiều chi huyết thành xuyên, lưu tinh vạn lý! Tốt Động chi thi mãn dã, di xú thiên niên! Trần Hiệp tặc chi phúc tâm, ký cưu kỳ thủ! Lý Lương tặc chi gian tố, hựu bộc quyết thi! Vương Thông lý loạn nhi phần giả ích phần! Mã Anh cứu đấu nhi nộ giả ích nộ! Bỉ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong; ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất. Vị bỉ bất dịch tâm nhi cải lự. Khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô! Chấp nhất kỷ chi kiến nhi giá họa ư tha nhân; Tham nhất thì chi công, nhi di tiếu ư thiên hạ! Toại sử Tuyên đức chi giảo đồng, độc binh vô yếm! Viên mệnh Thạnh, Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phẫn! Đinh mùi cửu nguyệt, Liễu Thăng toại dẫn binh do Ôn Khâu nhi tiến. Bản niên thập nguyệt, Mộc Thạnh diệc phân đạo tự Vân Nam nhi lai. Dư tiền ký tuyển phục tốt tắc hiểm, dĩ tồi kỳ phong. Hậu hựu điệu kỳ binh tiệt lộ, dĩ đoạn kỳ thực. Thập bát nhật, Liễu Thăng ký vi ngã sở công, kế trụy ư Chi Lăng chi dã! Nhị thập nhật, Liễu Thăng hựu vi ngã sở bại thân tử ư Mã Yên chi sơn! Nhị thập ngũ nhật, Bảo định bá Lương Minh trận

hãm nhi táng khu! Nhị thập bát nhật, Thượng thư Tào Lý Khánh, kế cùng nhi vẫn cảnh! Ngã ký nghinh nhận nhi giải! Bỉ tức đảo qua tương công! Kế nhi tứ diện thiêm binh dĩ bao vi; kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi điễn diệt. Viên manh tỳ hưu chi sĩ; thân mệnh trảo nha chi thần. Ấm tượng nhi hà thủy can! Ma đao nhi sơn thạch khuyết! Nhất cổ nhi kình khoa, ngạc đọa!

Tái cổ nhi điếu tán, huân kinh!

Quyết hội nghì ư băng đế!

Chấn cương phong ư khô diệp! Đô đốc Thôi Tụ tất hành nhi tống khoản! Thượng thư Hoàng Phúc diện phọc nhi tựu cầm! Cương thi tắc ư Lạng Sơn, Lạng Giang chi đồ! Tiên huyết xích ư Xương Giang, Bình Than chi thủy! Phong vân vị chi biến sắc! Nhật nguyệt thảm dĩ vô quang! Kỳ Vân nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê quan, tự đồng nghi, khư ất nhi tiên dĩ phá đởm! Kỳ Mộc Thạnh đẳng vi ngã quân sở bại ư Cần trạm, toại lạn tạ, bôn hội nhi cẩn đắc thoát thân! Lãnh câu chi huyết chử lưu, giang thủy vị chi ô yết! Đan Xá chi thi sơn tích, dã thảo vị chi ân hồng! Lưỡng lộ cứu binh, ký bất toàn chủng nhi câu bại! Các thành cùng khấu, tương suất giải giáp dĩ xuất hàng! Tặc thủ thành cầm, bỉ ký trạo tàn tốt khất lân chi vĩ. Thần võ bất sát, dư diệc thể Thượng đế hiếu sinh chi tâm! Tham tướng Phương Chính nội quan Mã Kỳ, tiên cấp hạm ngũ bách dư sưu, ký độ hải nhi do thả hồn phi phách tán; tổng binh Vương Thông tham chính Mã Anh, hựu cấp mã sổ thiên dư sất, dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật tâm kinh. Bỉ ký úy tử tham sinh nhi tu hiếu hữu thành, dư dĩ toàn quân vi thượng nhi dục dân đắc tức. Phi duy kế mưu chi cực kỳ thâm viễn; ức diệt cổ kim chi sở vị kiến văn! Xã tắc dĩ chi điện an, sơn xuyên dĩ chi cải quán. Kiền khôn ký bĩ nhi phục thái, Nhật Nguyệt ký hối nhi phục minh. Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ! Vu dĩ tuyết thiên cổ vô cùng chi sỉ! Cái do Thiên, Địa, Tổ, Tông chi linh hữu dĩ âm

tướng, mặc hựu nhi trí nhiên dã. Ô hô! Nhất nhung đại định, hất thành vô cạnh chi công; tứ hải vĩnh thanh, đản bá duy tân chi cáo. Bố cáo thiên hạ, hàm sử văn tri.

Bài dịch **Bình Ngô đại cáo**
(*Bản dịch của* Trúc Khê)

Thay trời làm việc, Hoàng thượng dạy rằng:
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước vì khử bạo.
Nền văn hiến cũ.
Non nước cõi bờ đã khác,
Bắc Nam phong tục vẫn riêng.
Cơ đồ gây dựng trải Triệu, Đinh, Lý, Trần.
Đế bá tranh hùng cùng Hán, Đường, Nguyên, Tống.
Tuy mạnh yếu từng khi có khác,
Nhưng hào kiệt chẳng thuở nào không.
Cho nên:
Lưu Cung tham công mà phải thua,
Triệu Tiết muốn lớn càng mau mất.
Toa Đô đã bị bắt ở cửa Hàm Tử,
Ô Mã phải chết ở sông Bạch Đằng.
Xét lại việc xưa,
Hãy còn chứng rõ.
Gần đây nhân:
Họ Hồ ngang ngược,
Lòng người căm hờn
Quân Minh thừa dịp hại dân,
Đảng ngụy mạnh lòng đem bán nước.
Hơ lũ dầu đen trên lửa bỏng,
Đẩy phường con đỏ xuống hang sâu.
Dối trời hại dân, gian xảo đủ muôn nghìn lối,
Gây binh nhóm loạn, tàn hại trải hơn mười năm.
Nhân nghĩa vất đi hoài, vũ trụ tưởng chừng muốn sập.

Thuế má vét cho đầy, núi khe sạch nhẵn như chùi.
Kẻ bị ép xuống khơi mò ngọc, cá nuốt sóng vùi.
Bẫy dân cạm đặt khắp nơi nơi,
Vét vật lưới chăng từng chốn chốn.
Dẫu loài sâu bọ cỏ cây, khôn bề rảnh sống;
Đến kẻ góa bụa cùng khổ, khó nỗi an thân
Máu mỡ dân chúng, nay xây mai dựng.
Chốn châu lý nặng nề sưu dịch;
Trong xóm làng quạnh vắng cửi canh.
Múc cạn nước Đông Hải dễ mà rửa sạch tanh nhơ;
Đẵn hết trúc Nam Sơn, chẳng đủ biên ghi tội ác.
Thần người đều căm giận,
Trời đất chẳng dung tha.
Ta phát tích từ núi Lam Sơn,
Náu hình trong nơi hoang dã.
Trước thù lớn làm ngơ không thể,
Cùng giặc già chung sống được sao!
Đau lòng não ruột đã ngoài mươi niên,
Nếm mật nằm gai, phải đâu một buổi!
Quên ăn, bỏ ngủ, dùi mài các sách lược thao;
Xét xưa nghiệm nay, suy cứu mọi lẽ hưng phế.
Đồ hồi chí định,
Thức ngủ không quên.
Giữa khi quân nghĩa nổi lên,
Chính lúc thế giặc đang mạnh.
Buồn nỗi nhân tài còn ít ỏi,
Tuấn kiệt còn vắng thưa.
Chạy chọt sau trước không đủ người,
Trù hoạch mưu mô càng thiếu kẻ.
Chỉ vì lòng cứu dân không nguôi nửa khắc,
Cho nên xe đãi hiền dành sẵn một bên.
Nhưng đợi người,người vẫn xa xăm
Mà việc mình, mình càng nóng sốt.
Giận tặc - đồ chưa trừ khử được.

Buồn quốc bộ vẫn truân kiển hoài.
Linh sơn lương cạn đến hàng tuần;
Khôi huyện quân không còn một toán.
Bởi trời muốn thử ta để trao nhiệm vụ,
Nên ta càng gắng chí để chống gian nan.
Tụ tập các đám lưu dân, tay vác cần câu ra đánh giặc;
Gắn bó một lòng phụ tử, rượu hòa nước lã để khao quân.
Lấy yếu chống mạnh, hoặc đánh lúc bất ngờ,
Lấy ít địch nhiều, hoặc dùng quân mai phục.
Rút lại thì lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn;
Lấy chí nhân mà đè được cường bạo.
Dải bồ tát sấm ran chớp giật,
Miền Trà Lân trúc chẻ ngói bay.
Sĩ khí nhân thế càng tăng thêm,
Quân thanh nhân thế càng lừng lẫy.
Một bọn Trần Trí, Sơn Thọ, nghe hơi mà bỏ vía;
Mấy gã Lý An, Phương Chính nhịn thở cầu thoát thân.
Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh đã thu phục.
Thuận đường thẳng tiến, Đông Đô lại lấy về.
Máu Ninh Kiều lênh láng thành sông, tanh hôi muôn dặm,
Thây Tốt Động ngổn ngang đầy nội như để nghìn năm.
Trần Hiệp là tâm phúc của giặc đã phải bêu đầu;
Lý Lương là sâu mọt dân ta lại liền bỏ mạng.
Vương Thông nhảy vào chữa cháy mà càng cháy,
Mã Anh xông đến gỡ nguy mà càng nguy.
Bó tay đợi chết, họ đã quẫn cùng;
Khôg đánh tự tan, ta dùng mưu thuật.
Vẫn tưởng chúng phải thay lòng đổi ý,
Không ngờ họ còn giở chuyện bày trò.
Vì ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác;
Tham công danh một buổi, để cười cho tất cả nhân gian.
Do đó thằng nhãi Tuyên Đức nối giáo không ngừng,
Khéo sai thằng khốn Liễu Thăng, đem dầu chữa cháy.
Đinh mùi tháng chín, Liễu Thăng dẫn binh từ Ôn Khâu

tiến đến;

Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam kéo sang.

Ta đã đặt phục binh đánh cho giập đầu;

Sau lại dùng kỵ binh chẹn cho đứt cuối.

Ngày mười tám Liễu Thăng bị đánh, sa cơ ở Chi Lăng.

Ngày hai mươi Liễu Thăng bị thua, bỏ mạng ở gò Yên Ngựa.

Ngày hai mươi lăm, bá tước Lương Minh lâm nguy phải tử trận,

Ngày hai mươi tám, Thượng thư Lý Khánh cùng kế phải quyên sinh.

Ta đưa mũi nhọn rạch phăng,

Họ quay đầu giáo đánh lộn.

Kế đó bốn mặt thêm quân để vây bọc;

Định đến trung tuần tháng mười sẽ diệt trừ.

Bèn tuyển những đội quân gấu hùm,

Và sai những bầy tôi nanh vuốt.

Voi uống khiến nước sông vơi cạn,

Gươm mài nên đá núi thủng mòn.

Một trận mà ngạc mổ kình phanh,

Hai trận mà chim tan thú giãn.

Tổ kiến lớn phá toang đê núng.

Trận gió to rung trút lá khô.

Đô đốc Thôi Tụ quỳ gối xin thương.

Thượng thư Hoàng Phúc cúi đầu chịu trói.

Lạng Sơn, Lạng Giang, thây chết nằm bề bộn;

Xương Giang, Bình Than, máu đỏ nhuộm lênh lang.

Gió mây đến nỗi bàng hoàng,

Nhật nguyệt ra chiều ảm đảm.

Quân Vân Nam bị ta chẹn ở Lê-hoa, hồ đồ sợ bóng mà trước tự vỡ mật:

Quân Mộc Thạnh bị ta phá ở Cần Trạm, giày đạp lẫn nhau mà chạy lấn thoát thân.

Lãnh Câu máu chạy đầy sông, nước vang tiếng rú

Đa Xá thây trồng khắp nội, cỏ đẫm màu hoen.

Cứu binh hai đạo đã vỡ tan tành;

Cùng khấu các thành đều cởi giáp hàng phục.

Tướng giặc bị cùm, van vỉ họ đã xin cho toàn mạng,

Thần võ chẳng giết, khoan hồng ta cũng mở lượng hiếu sinh.

Bọn tham chính Phương Chính, nội - quan Mã Kỳ, trước được cấp năm trăm chiếc thuyền, đã vượt bể mà vẫn hồn kinh phách tán;

Lũ tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh lại được cấp mấy nghìn cỗ ngựa, đã về nước mà còn mặt xám mày xanh.

Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng;

Ta lấy toàn quân là hơn để nhân dân nghỉ sức.

Chăng những mưu kế đã sâu xa nhiều lắm,

Cùng là xưa nay chưa nghe thấy bao giờ.

Xã tắc từ đây sẽ vững yên,

Non sông từ đây sẽ đổi mới.

Càn khôn đã bĩ mà lại thái,

Nhật nguyệt đã mờ mà lại trong.

Đặng mở nền bình trị muôn năm.

Đặng rửa vết thẹn thùng nghìn thuở.

Âu cũng do trời đất Tổ tông linh thiêng đã lặng thầm giúp vì mới được thế.

Ôi!

Ba quân rong ruổi, hoàn thành công đại định mừng nay,

Bốn bể thăng bình, bá cáo lời duy tân từ đó.

Bảo khắp thiên hạ,

Ai nấy đều hay.

DƯƠNG XUYÊN HẦU

Thư gửi Tả Đình hầu

Vay tiền cưới thiếp

Từng mảng rằng:

Kết bạn để mong tương ích, chuyện chia vàng ngày trước chửa bao xa,

Làm ơn chẳng khéo nhân thời, tình bọc của tuổi già còn chưa lẫn.

Đạo trời đất thì đành có báo,

Nghĩa xưa sau đạt ắt hơn cùng.

Tôi:

Vũ ngọc giá hèn,

Ngưu kê tài mọn.

Văn cóp nhặt mấy lần vào trận bút, háo may nhờ nửa cánh phượng loan,

Vũ theo đòi tự lạc tới màn nhung, nên lạm dự sau đuôi kỳ ký.

Tình nghiễn tịch hằng chung cửa sổ,

Nghĩa tháp chu há một chuyến đò.

Hoặc cùng vui cửa mận sân đào, trong nhất kiến tình cờ duyên gã Lý,

Hoặc may gặp nhà lan tiệc cúc, trước ba sinh run rủi phận chàng Hàn.

Tình tuy rằng có nhạt có nồng,

Tiếng cũng gọi là bầu là bạn.

Khi hữu sự dẫu bốn phương cũng lạy, quản chi điều nói khó với anh em.

Lòng thành nhân dù một chút cũng hay, nữa là việc để thơm cho cháu chắt.

Người trọng nghĩa ắt tiêu rồi lại có,

Đứa thủ tài tuy có cũng như không.

Vả tôi nay:

Chước vụng tư thân,

Tác hầu tri mệnh.

Chí hồ thỉ mười phần tiêu tám chín, biết tuổi xanh hơn sức đã vâng nhường,

Nợ phong hoa một gốc hóa hai ba, thấy yếm thắm cáo lòa còn chưa được.

Tuy tố vị đã nên tri túc,

Song hồng nhan ai chẳng động tâm.

Tôi thấy Thị mỗ:

Sinh chốn thôn trang,

Cách dòng thi lễ.

Da dương liễu phất phơ tự gió,

Vị phi diên rã sạch nên vừa.

Miệng phù đào chúm chím ngỡ kề trăng,

Vẻ cơ xảo nhìn lâu càng thấy ngụ.

Việc đã đành mười hẹn mười nên, mau vãn cảnh được thêm nơi cấy ngọc,

Thế còn ngại một đồng một khó, đuốc hàn gia khôn đủ giá mua vàng.

Dám xin liệt vị tri cố tôn thai:

Mở rộng tâm điền,

Lăm chung phúc quả.

Việc làm phúc chớ nề hơn thiệt,

Sự làm duyên chẳng lọ ít nhiều.

Hoặc đỡ đần lạng bạc đồng vàng, gáo nước nọ bớt ra không cạn bể,

Hoặc san sẻ quan tiền tấm lụa, hòn đất kia chất lại cũng nên non,

Đến ngày sau con chị bảo con em,

Rằng thuở trước có ta vì có bác.

TẢ ĐÌNH HẦU

Đáp lại Dương Xuyên hầu

Từng nghe rằng:

Đạo giao hữu thấy nhau nguy phải giúp, song giúp có từng điều,

Phận cùng nhân lâm lúc túng thì xin, nhưng xin cho có lẽ.

Truyện trước có đưa vàng nuôi bạn,

Sự đời không gúp của cưới hầu.

Tôi cùng anh:

Nghĩa trước đồng khoa,

Tình xưa khế phả.

Phô tài mọn buổi dan tay tên lá, mười sáu thu trần mộng cũng đều chung,

Nhờ lượng xa may họp mặt sân đào, năm ba kẻ cựu giao còn chưa mấy.

Bề gia thất đòi cơn mặn nhạt,

Rượu hiên mai đỡ lúc tỉnh say.

Hoặc đến việc nhường cơm sẻ áo,

Có dám đâu để nặng tiếng vàng.

Song việc này danh nghĩa vì đâu,

Dù có cũng tình văn chưa hợp.

Vả anh nay:

Dòng cao tài tử,

Bậc phong lưu.

Gương nhị kiều trong buồng quế đưa duyên, đủ cả chị hái tần nhặt tảo,

Sao tam tú dưới cây cù chực phận, thiếu chi người sửa túi nâng khăn.

Nói đến hàng tử tức cũng dài,

Nghĩ chưng kiếp nhân sinh đã phỉ

Dù muốn thêm tì thiếp làm vui cho đủ, có chị nâng chén cúc, có chị dọn bình hoa,

Thì tính trong gia đình tư cấp cũng vừa, đã em nhậm phủ Từ, đã em tri huyện Cẩm.

Đã vâng biết già càng trái thói,

Sao không suy nói chẳng lựa lời.

Khá bao lăm đồng bạc đồng vàng, của Kinh bắc tiếc chi trong bầu bạn,

E mai mốt tiếng chì tiếng bấc, giọng Hà Đông hay đá đến anh em.

Dám xin liệt vị tri cố tôn thai;

Xét lẽ thị phi,

Nghĩ đường khả phủ.

Ai trí thức tấm lòng thơm thảo, hoặc mồng năm ngày tết, gọi có thường nghi

Ai giao du tình nghĩa yêu đương, hoặc bánh thuốc lạng chè, cũng là lịch sự.

KHUYẾT DANH

Thuyền về gặp gió

Đương năm giáp ngọ,

Ngồi chiếc thanh dương.

Tuần chính nguyệt hai mươi lăm, phát hiệu súng ở Trà Sơn ra cửa,

Số quan quân một trăm chẵn, kéo lá cờ trông Tây quốc chỉ vời.

Đàng quen lối thuộc, bao quản dặm nghìn,

Gió thuận buồm xuôi, tới vừa mồng tám.

Đồ quan dụng tùy phương lo liệu, dẫu chẳng đặng mọi bề mọi vẹn, phận biện công cho hết sức cũng là xong,

Việc biên tình tìm chốn thăm lênh, dễ biết đâu rằng thực rằng hư, lệ xuất sứ phải hỏi cùng cho đủ tiếng.

Tàu đỗ đã hai mươi ngày lẻ,

Buồm chở vừa mồng một tháng ba.

Tưởng xa xôi phiền quân phụ xuống lòng, trông lộ đồ đều mấy lớp non sông, lời tấu đối sớm thấu lầu sương hạp,

Nghĩ ly biệt để gia nhân đăm mắt, nhớ huyết khí há rằng lòng cỏ đá, tiệc chung vui mong tả nỗi quan hà.

Người ta ai cũng một lòng,

Con tạo khéo là nhiều việc!

Dè đầu mũi bỗng đùng đùng trận bấc, tám chín bữa còn trong La-hán, đêm năm canh luống chực bóng trăng tàn,

Khấn trước thần vừa phất phất hơi nồm, ba bốn ngày khỏi núi Địa bàn, mây bốn phía lại vầy dòng ngọn cũ.

Buồm bắt đi trở lại, được mấy tấc đường,

Neo bỏ xuống kéo lên, kể năm bảy độ.

Đỉnh Côn Lôn há xa bao ná, thấy đó còn đây,

Thuyền Đinh Dương hay gấp mấy trùng, đi lui về trước.

Chín lần thẳm nỡ hẹp hòi cơn gió thuận,

Ba tuần dư còn lẳng đẳng khoảng đường trường.

Đau đớn thay, người dại sóng say với bữa cơm nhịn suốt thâu ngày, cầm chén cháo gắng dần cho lấy sống

Chua xót nhẽ kẻ dầu sương dãi nắng, liều nước đếm chia từng giọt, gặp cơn mưa đều mừng vội ngỡ là tiên.

Kêu sầu khóc thảm, nói chẳng ra lời!

Ngậm đắng nuốt cay, tính dần từng khắc!

Hay là tại năm xung tháng hạn, người chừng ấy há rằng đều số, mà đến giờ thiên nhai hải dốc hãy gian tân?

Hay là vì gió quở mưa trêu, đất thuộc đâu chẳng có tăm thiêng, sao để vậy quốc thắng quân nhu cho trở trệ.

Minh nguyên hậu đến đâu là trọng đó,

Mắt hoàng thiên ngó vậy nỡ đành sao?

Con cóc kêu lâu cũng thấu từng cao, xin soi xét ngõ tỏ lòng than thở,

Ngọn gió thổi được sớm về đất cũ, thấy vẻ vang cho bõ lúc trông mong.

Bút mực này vốn tục dám rằng thiêng,
Trời đất lẽ rất gần nên phải gửi.

Gửi thăm bạn học

Lơ thơ tơ liễu,
Bát ngát hương đào.
Thôi ngày nhấn cá,
Lại tối trông sao.
Mấy trùng non thẳm,
Một lá thư trao.
Lan quế đua tươi được mấy?
Xuân huyên đôi khóm nhường nào?
Hàn mặc xưa kia đã thế,
Khoa danh nay những làm sao?
Tiện gió thuyền mây gửi nhạn,
Bõ công rầy ước mai ao.

Đáp lại bạn học

Ngạt ngào gió huệ,
Hây hẩy mùi lan.
Từ ngày xa cách,
Biết mấy thở than.
Nào ngờ hang thẳm,
Được tiếp thư nhàn.
Nghe câu kinh ngọc,
Hả dạ bàn hoàn.
Hòe quế ba chồi, cửa Trình hăm hở,

Xuân huyền hai cỗi, ngày Thuấn thanh nhàn.
Lọc cát lấy vàng, lăm le Vũ lãng,
Đức dầy phận mỏng, lắt léo tôn - san.
Nghìn vàng ghi lời vân thụ,
Tấc gang dâng chữ bình an.

Kính thăm cha mẹ

Lập lòe lửa lựu, bừng bừng bóng lộn áng kỳ phong.

Ngăn ngắt màu sen, thoang thoảng hương lồng đầm Tử Trạc.

Ngửa thấy trời xanh vằng vặc, thơ Lục Nga[14] xiết nỗi bàng hoàng,

Đoái trông mây trắng đùn đùn, câu *chung mộ*[15] thực là chếch mác!

Nặng hai vai gánh chữ trung trinh,

Nhẹ tấc dạ ra tình bội bạc.

Nhớ khi trước quạt nồng ấp lạnh, lấy thừa hoan[16] đem thay nếp đỉnh chung,

Tưởng bây giờ sớm viếng tối thăm, thì viễn hoạn [17] khác nào thân lưu lạc!

Ơn cúc dục non cao bể rộng, nghìn dặm dâng tin nhạn tờ mây,

Chốn đình vi gió thụy mưa xuân, trăm năm chúc số rùa thề hạc.

Cha mẹ đáp lại

Gió nam hây hẩy, cõi trùng hoa như vẳng khúc cầm xưa,

Nắng hạ nồng nàn, câu khả úy thấy đâu lời ngạn trước.

Từ thuở giật lèo thu cúc[18] đã mừng du tử phùng kỳ,

Đến khi vịnh khúc hoàng hoa lại được dương xuân hữu cước.

Đội ơn vua phải nghĩ ơn vua,
Nhờ lộc nước phải lo việc nước.
Dân hòa vật thịnh, làm sao cho xứng chức thừa tuyên,
Trộm hết giặc tan, thế mới gọi ra tài thao lược.
Công có nên, tư cũng mới nên,
Trung đã được, hiếu thì cũng được.
Ấy tuổi xanh đà phỉ chí tố hành,
Mà đầu bạc cũng cam lòng túc ước.[19]

Tiễn chồng đánh giặc

Chiếu rồng vâng mệnh,
Thành phượng rời chân.
Vó câu muôn dặm,
Tiếng trống nghìn quân.
Tấc dạ đau tình nhật dưỡng,
Hai vai nặng chữ quân ân.
Chàng cứ chăm câu phụng phạt,
Thiếp xin gìn việc tảo tần.
Cật ngựa ra tài Mã Viện,
Trong màn vận chước Ngô - Quân.
Hang thỏ dẹp thanh khói lửa,
Ải lang quét sạch bụi trần.
Án đỗ dân vui bốn cõi,
Ngại vàng tiếng dậy chín lần.
Gió mát dựa thanh gươm báu,
Trăng trong treo túi cung thần.
Lời úy lạo khấu đầu trên bệ,
Chỉ huấn lao vâng mệnh trước sân.
Dưới gối vui lòng khuya sớm,
Cửa buồng đẹp phận chiếu chăn.
Phỉ chí vén mây bắn nhạn,
Bõ công sửa túi nâng khăn,

Hồ thỉ ước đà phỉ ước,
Khuê phòng xuân lại thêm xuân.

Chồng đáp lại vợ

Năm mây xuống chiếu,
Nghìn dặm lên đường.
Biết mấy gội mưa trải gió,
Quản bao gối đất nằm sương!
Chín chữ nhớ ơn cúc dục,
Năm canh cám nghĩa tào khang.
Mượn thiếp thay lời định tỉnh,
Để anh gánh việc cương tràng.
Vượt sóng tuôn mây, bể rộng tuyệt tăm kình ngạc,
Trèo non lặn suối, rừng xanh vét sạch sài lang.
Dân sự được yên bề nhẫm tịch[20]
Cõi bờ đem dâng lại quân vương.
Bài *lộ bố* [21] xa bay chín bệ,
Sổ *hiến phù* [22] dâng nộp một chương.
Lời thưởng tứ ban trào tòa ngọc,
Tiếng huân danh ghi tạc nhà vàng.
Một nhà đã đội, ơn mưa móc,
Nghìn vàng thêm rạng vẻ giàu sang.
Tóc bạc da mồi, yên tình huyên thất,
Năm rùa tuổi hạc, phỉ nguyện xuân đường.

Khuyên thế nhân

Tương truyền bài này là bài giáng bút của bà Chúa Liễu

Trời cao đất dầy,
Con tạo vần xoay.
Ơn trời nhờ thánh,
Sinh được hội này.

Ai là chẳng nức lòng nức dạ,

Ai không mong mở mặt mở mày.

Hậu giả hậu lai, ở hiền gặp lành, mới biết tre già măng mọc,

Ác giả ác báo, ăn mặn khát nước, khác nào cây yếu gió lay.

Trách những người thịt bắp vai u, đường lui tới, lẽ thiệt hơn, ở chẳng trông sau trông trước,

Nào những kẻ mặt hoa da phấn, chí tang bồng, duyên hồ thỉ, đi cho biết đó biết đây.

Đương cơn bình địa ba đào, có chí làm nên quan, có gan làm nên giàu, sao chẳng khoe khôn cậy khéo.

Gặp lúc cơn đen vận túng, có miệng thì phải cắp, có nắp thì phải đậy, cũng nên giả dại làm ngây.

Của bụt mất một đền mười, xin chớ ăn chay nói dối,

Nam vô một bồ lấy bốn, thà rằng ăn mặn nói ngay.

Vắn cánh với chẳng đến trời, trí thiển tài ngu, vòng danh lợi bon chen sao xiết kể.

Ra tay gạo xay ra cám, văn hay vũ mạnh, buổi kinh luân vùng vẫy cũng ghê thay.

Bò của chú chú phải lo, con vua vua dấu, con chúa chúa yêu, tình ân ái chẳng nhầm chẳng lẫn,

Đèn nhà ai nấy rạng, của anh anh mang, của nàng nàng xách, nợ phong trần này trả này vay.

Chị em ơi, lấy chồng cho đáng tấm chồng, cho bõ lúc nghiền phấn sáp lúc áp hoa hương, hai chữ cương thường, sao cho xứng đáng.

Quân tể phỉ lấy vợ chỉ biết mặt vợ chẳng nhớ ai bế anh nhớ ai bồng xích tử ba năm nuôi nấng, bao quản đắng cay.

Có cha có mẹ, như đàn không dây, đạo mẹ đức cha, bể rộng trời cao khôn ví.

Thuận vợ thuận chồng, bể đông cũng cạn, đạo chồng nghĩa vợ, nguồn ân bể ái nào tầy.

Chị ngã đã có em nâng, máu chảy ruồi bâu, lá rách lá lành đùm bọc.

Cha sinh không tầy mẹ dưỡng, áo dầy cơm nặng, công nuôi nấng đêm ngày.

Một cây chẳng nên rừng, đông có mây, tây có sao, đông đúc anh em mới quý.

Mười voi không bát sáo, kẻ nói thánh, người nói tướng, chớ nghe miệng thế thêm rầy.

Trẻ chẳng tha, già chẳng thương, ở chẳng phòng lo vuốt mặt không nể mũi.

Cha cũng kính, mẹ cũng vái, đi đâu mà thiệt, sấy vai xuống cánh tay.

Mưa bao giờ mát bây giờ, chẳng nghĩ lúc rét cắt ruột, lúc đói nhăn răng, may sống chẳng phòng cả dạ,

Gió chiều nào che chiều ấy, để cho nó qua thì đói, cho khỏi thì loạn, thế nào cũng được no say.

Báng đầu thằng trọc, chẳng nể đầu ông sư, cứng cổ cứng đầu, ai xá những phường ngu dại,

Vắng mặt thằng Ngô, lúc có mặt chú khách, sấp mày sấp mặt, chớ nghe người nói xưa nay.

Giặc bên Ngô, cô bên chồng, liệu gió phất cờ, đường cư xử sao cho trọn vẹn,

Cháu bà nội tội bà ngoại, vị cây dây quấn, lẽ phải chẳng nào dám đổi thay?

Giàu đâu ba họ, khó đâu ba đời, đói cho sạch, rách cho thơm, cứ giữ công bình cho phải đạo,

Sống người một nết, chết người một tật, mẹ sinh con trời sinh tính, há rằng số phận có ưa may?

Thiếu chi kẻ dở người hay, ai là người dạy bảo ai đem đao mở mang, có lẽ cha chung ai khóc,

Nhẫn nhủ trai lành gái tốt, phải nên để tấc lòng, phải nên chôn khúc dạ, chớ hề mẹ hát khen hay.

CHÚ THÍCH PHẦN VĂN XUÔI CỔ

1. *Nghĩa phương* là đường dạy phải.
2. *Nhượng bảng Tôn Sơn* là tên ra ngoài bảng, tức là không đỗ.
3. *Tử lộ* nhà nghèo thường đội gạo ở ngoài trăm dặm về nuôi cha mẹ.
4. *Tử vi* là sách số, dã hạc là sách bói.
5. *Hạ trứng* là mệnh vua vời.
6. *Tiêu liêu* là chim chích, ý nói phận nhỏ mọn.
7. *Tì* là sợi tơ, *lạp* là hạt gạo, ý nói cơm áo.
8. *Dầu* là đấu, *thăng* là thưng, ý nói lương bổng.
9. *Bổ tố* là áo vải trắng, ý nói kẻ bình dân.
10. *Hành dương* là gông cùm.
11. *Thái vân* là mây ngũ sắc.
12. *Bạch cốt* là xương trắng.
13. *Huấn hối* là dạy bảo.
14. *Thơ Lục Nga* là tên một thơ trong *Kinh thi* của người con có hiếu nhớ cha mẹ đã khuất.
15. *Chung mộ* là nói cảnh tuổi già.
16. *Thừa loan* là thừa thuận cái ý vui.
17. *Viễn hoạn* là làm quan xa
18. *Thu cúc* là trường thi về mùa thu
19. *Túc ước* là sự ước cũ.
20. *Nhẫm tịch* là chăn chiếu.
21. *Lộ* là để lộ ra, *bố* là bức vải. *Lộ bố* là bức vải có nói yết sự trạng vui mừng để ngơ lộ cho ai nấy cùng biết.
22. *Hiến phù* là dâng tù.

THỂ VĂN BIỀN NGẪU

LÊ QUÝ ĐÔN

Mẹ ơi con muốn lấy chồng

Hạn vần: gái tơ mà đã ngừa nghề sớm sao

Trình mẹ có hay
Nghĩ con không dại
Phải kén tấm chồng
Mới là phận **gái**
Đẹp lòng kia gặp gỡ là nên
Thuận ý nọ lứa đôi cũng phải
Mẹ suy bụng mẹ, sao yên gia thất mới đành
Con nghĩ lòng con, cũng muốn cơ đồ được toại
Tưởng như con nay
Gặp khi sen ngó
Đương thuở đào **tơ**
Kể bận phong lưu, yên thắm dải đào chi tha thướt
Cũng thời trang điểm, môi son má phấn chi nhởn nhơ
In màu bồ liễu chi xuân, đêm ngày gìn giữ
Hé cửa động đào chi nguyệt, năm tháng đợi chờ.
Bởi ai chểnh mảng

Nên kẻ những hờ
Tin yến đưa thoi, thấp thoáng bóng câu chi ruổi
Khúc hoàng lọt tiếng, bâng khuâng hồn bướm chi mơ
Chỉn e điều voi cái chi cười, thiệt công mà dại
Những gìn tiếng chó con chi trách, thấy của liền vơ
Thưa con nghĩ thế
Xin mẹ nghe ra
Cũng đôi chúng bạn
Cũng một lứa nhà
Người sao đã có
Mình vẫn không **mà**
Chẳng thanh tĩnh, tu đà thành Phật
Dẫu chính chuyên, thác cũng ra ma
Sao kia còn có bà Ngâu, sông Ngân đợi bắc cầu qua bến
Trăng nọ vẫn nuôi chú Cuội, cánh mây khép kín cửa trong nhà
Xem vật loại cũng ở trong khuôn trời đất
Ngẫm chuyện thế mà để gẫm sự người ta
Có hơi biết mùi đời chi hương phấn
Lại càng nồng sắc nước chi nguyệt hoa
Mừng thuở gặp thời, tơ liễu chi chừng đôi tám
Sợ khi quá lứa, quả mai chi rụng bảy ba
Dẫu hèn dẫu sang, may có kẻ yêu chi phận gái
Ép dầu ép mỡ, xưa kia ai cấm chi duyên bà
Xin mẹ bằng lòng
Cho con vững dạ
Muốn cho gái hiền
Lấy được rể khá
Những mong là sửa túi nâng khăn
Nào thấy có gieo cầu ném quả
Hẹn mười hẹn chín, mấy mặt thấy đâu
Ngày một ngày hai, những lòng rắp đã
Nhớ sông Hán rong chơi hợp mặt, ngẫm xem phận gái vẻ vang chi rồng đã có mây

Tưởng đến Tần vui thú dăng tay, trông thấy chị em sực nức chi lan nhường bén xạ

Nghĩ ăn chẳng ngon, nghĩ nằm chẳng ngủ, đêm những ngậm ngùi

Chán lược biếng chải, chán gương biến soi, ngày càng buồn bã

Lòng bác mẹ mong trăng tròn hoa nở, nỗi u tình biết tỏ với ai hay

Tình chị em yêu áo xẻ cơm nhường, của vưu vật có lẽ đâu người đỡ

Ngao ngán nỗi long đinh chi ván, trót buộc tay dám ngỏ người hay

Sung sướng thay đầy thóc chi bồ, biết no bụng nào nhường kẻ lở

Vậy nên con muốn

Bằng chị bằng em

Có đôi có lứa

Lẽ đâu ở mả chi mèo lành

Cũng muốn húc rào chi dê sữa

Chớ ỏe họe bà già chi lên mặt, những hòng kén cá chọn canh

Để dở dang con trẻ chi ngang lòng, lỡ lại già lừa đẻ ngựa

Không trách kẻ nương dâu chi đứng, nghĩ như kẻ ấy lại thêm buồn

Cũng thấy ai bụi ráy chi ngồi, có bận ai đâu mà lại **ngứa**

Mẹ vẫn nghe mười voi không bát xáo, chờ những lúc gối quỳ tay liếm, lâu ngày tính khổ chịu sao

Con dại nghĩ trăm lợn cũng một lòng, e những khi lửa bén gần rơm, một giờ dễ hay giữ cửa

Con vẫn biết

Trai khôn trăm nết

Gái dại bảy **nghề**

Xuân tâm chợt động

Xuân sự chớ hề

Vẫn gối phượng chăn loan chi chờ đợi
Nào tin ong sứ bướm chi đi về
Đã hay rằng sớm mận tối đào, cấm sao kẻ dài mỏ chi rủ rỉ
Dẫu rằng có nụ cà hoa mướp, khéo những người nở miệng chi gớm ghê.
Thôi mẹ đừng cấm chợ ngăn sông, sá quản người đời chi mai mỉa
Để con liệu nhổ sào qua bến, tha hồ miệng thế chi cười chê
Phương chi
Trời đã định người có thì
Mẹ cũng mong con được **sớm**
Hễ lấy đừng chê, hễ chê đừng lấy, khỏi mang già kén chi cười
Sao nên chẳng gặp, sao gặp chẳng nên, lại phải miệng đời chi nhắm
Đã lắm lúc bực mình chi trê đẻ, vì đường kinh kỷ loay hoay
Đã nhiều phen sạn mặt chi đá trơ, không lẽ quyền nghi chút tạm
Phỏng như lúc tơ tơ chi con gái, thoảng trông người cũng đã yêu
Ngộ theo sau sòng sọc chi cái già, nhác thấy ai mà chẳng gớm
Thôi đã đẹp duyên thì lấy, có đâu đổi chác chi cỏ rau
Hẳn là phải kiếp thì theo, sá quản tầm thường chi tấm cám
Vậy có thơ rằng
Nhân duyên trời chửa định nơi nào
Nông nỗi con nay mẹ tính **sao**
Con muốn lấy chồng cho sớm sủa
Kẻo người lấy hết chồng mông gào
Mẹ già nghe nói
Khuyên con ngọt ngào
Hễ nhà có gái

Lắm kẻ ra vào
Biết đâu là duyên ưa lá thắm
Để mong cho phận đẹp má đào
Vội chi mà vội
Bao giờ thì bao
Cũng mặc ai chỉ Tấn tơ Tần, cứ giữ lấy mình vàng giá ngọc
Cho đáng kẻ chồng loan vợ phụng, lọ là nên chào khách bán rao.
Há lo đâu có ế chi chồng, trỗ muộn càng nhiều hạt chắc
Cũng nên nghĩ đương xuân chi gái, ngọc lành hãy đợi giá cao

VŨ DUY THANH

Cổ kinh danh thắng

Hạn vận: Kể trong chinh thống từ đây là đầu

Tảng đá trời xây
Bức tranh mới vẽ
Nét mực cố đô
Dấu xe thịnh đế
Có thành quách có lâu đài
Có đẳng uy có đường bệ
Sự ấy còn truyền
Bia khôn xiết **kể**
Nước cũ đương hồi mở vận đã dựng nên độc lập cơ đồ
Uy thiêng nay đã về thần còn tưởng thấy thái bình nghi vệ
Đương khi
Cương kỷ rối bong
Giặc dấy như ong

Kẻ giữ miền bắc
Người cứ phương đông
Đất cõi tan tành, sứ tướng cắt chia từng mảnh
Lầm than tủi nhục, dân ta kết oán ở **trong**
Vua Đinh thuở ấy
Là đấng anh hùng
Mấy người tướng tá
Đều bậc trinh trung
Cùng mưu hiệp sức
Nhân thế lập công
Chiến trường muôn trận xông pha, trong hoàn vũ dẹp yên gió bụi
Cơ nghiệp năm năm cả định, hội minh lương được thấy mây rồng
Chịu trời quyết mệnh
Đường đường chính **chính**
Mở mặt sơn hà
Vào tay quyền bính
Trời Nam riêng một triều đình
Đất Việt không hai hiệu lệnh
Phúc nước có người trị nước, buổi kinh luân hết thẩy đều trông
Số vua đáng vị làm vua, nơi căn bản vậy nên trước định
Định đô Trường An
Mở nền chính **thống**
Một là tiện thế tôn nghiêm
Hai là tiên đường triều cống
Núi Mã nghìn trùng xung ngắt, thành đắp đã cao
Sông Long một giải trong veo, hào đào cũng rộng
Nào phủ tía, nào lầu son
Nào đài lân, nào gác phụng
Nào trường tập trận đánh giặc nước Chiêm
Nào quán tiễn nghi, tiếp quan nhà Tống
Trên đường tía trăm quan đô hội, ngựa ngựa xe xe

Dưới cờ đào mười đạo nghiêm binh, chiêng chiêng trống trống

Xét trong địa dư
Đương buổi bấy giờ
Bên tây núi ngăn như mác
Bên đông biển lặng như tờ
Nam đến châu Hoan châu Ái
Bắc giáp nước Sở nước **Từ**
Cùng bòng chính sóc
Cùng mối xa thư
Ngẫm câu Nam đế Nam cư, khác hẳn những đời thảo muội
Xem tượng Bắc thần Bắc cực, còn đâu bằng xứ Hoa Lư
Phong cảnh tốt thay
Đệ nhất là **đây**
Phong châu khôn sánh
Phong kê nào tày
Xem như địa lý họa đồ, thày Tàu để kiểu
Rõ được thiên nhiên hình thắng, thợ Tạo khéo bày
Tiếc cho một bức dư đồ, âu vàng khôn mẻ.
Những tưởng muôn năm cơ nghiệp, cột đá khôn lay
Từ khi
Đỉnh hồ xe khuất
Ngân hải bóng lòa
Sao dời vật đổi
Gió táp mưa sa
Dòng thu giang rồng vắng đã lâu, nước xuôi cuồn cuộn
Đỉnh hoa biểu hạc về những muộn, trăng xế tà tà
Bàn cờ triều thị
Giấu mộng quan hà
Hồ quyên khắc khoải
Tiếng dế thiết tha
Xanh om hòa thử một màu, miếu Chu trước coi hình cũng vậy
Xơ xác từng thu mấy khóm, lăng đường xưa âu khác chi **là**

Khách ở đời sau
Viếng cảnh Thần châu
Sẵn sách đàn ư một túi
Thu phong nguyệt ư lưng bầu
Phú nên mấy vận
Thơ vịnh vài câu
Thơ rằng:
Đã trải bao nhiêu cuộc bể dâu
Khiến nay còn nhớ chuyện cờ lau
Một vùng sao rạng thanh gươm báu
Năm sắc mây phong bộ áo chầu
Công cả lưu truyền trong tám cõi
Khí thiêng phảng phất dưới nghìn thâu
Tràng An miếu cũ hương nghi ngút
Sùng bái ai ai cũng cúi **đầu**

NGUYỄN CƯ TRINH

Truyện sãi vãi

Sãi rằng:
Mới tụng kinh vừa xuống, nghe tiếng khánh gióng lên:
Ngỡ là chuông vua Hạ Vũ chiêu hiền
Ngỡ là mõ đức thánh nhân thiết giáo
Sãi yêu vì đạo; sãi đẹp vì duyên
Vãi này sao nhan sắc có hơn
Sãi theo với tu hành kẻo thiệt
Khoan khoan chưa biết, vãi ở chùa nào
Thanh tân mày liễu má đào; đẹp đẽ mắt sao da tuyết
Lòng người dù thiết, thì đao ắt gần

Qua tây phương còn cách trở non thần
Sau phương trượng đã sẵn sàng bàn Phật
Ngoài che sáo nhặt; trong rủ màn thưa
Lạnh đã có màn Bát tơ; nực thời có quạt Thúc phủ
Chiếu du trơn như mỡ; thuốc lá ướp hoa ngâu
Rượu hoàng cúc ngào ngào; chè tiên xuân phức phức
Sẵn đồ sẵn đạc, có vãi có thầy
Thoát sau liệu cho gần đó gần đây
Vào cùng sãi đặng tu hoài tu hủy
Vãi rằng:
Điều sao nói ngụy, chẳng phải tính chân
Tu làm sao mà lo thiệt lo hơn
Tu làm sao mà tham tài tham sắc
Ấy những điều bội đức, chớ tu những điều chi
Sãi rằng:
Sãi cũng muốn tu trì, khốn thiếu đồ khí dụng
Thiếu chuông thiếu trống, thiếu kệ thiếu kinh
Thiếu sửa thiếu sanh, thiếu tiêu thiếu bạt
Thiếu bình thiếu bát, thiếu đậu thiếu tương
Thiếu bình hoa lư hương, thiếu quần màn áo phủ
Thiếu giấy thiếu mũ, thiếu hậu thiếu y
Thiếu tiền đường sơ ly, thiếu thượng phương liên đối
Thiếu biển son bình sái, thiếu tích trượng cà sa
Thiếu hương thiếu hoa, thiếu xôi thiếu thịt
Ấy là đồ vật, vãi hãy sắm sau
Những việc kíp làm đầu, sãi phải toan sắm trước
Nhiễu Thượng Hải sãi sắm một cái quần cho tốt
Vải Cát Căn vãi sắm một cái áo cho xuê
Nón cảnh hàn sãi sắm một cái cho xinh ghê
Quạt ban trúc sãi sắm một cây cho báu riết
Giầy hồng hài sãi sắm một đôi để mà đạp tuyết
Khăn bích cân sãi sắm một cái để mà bịt đầu
Sãi lại sắm một cái khăn xanh mềm mềm, để mà buộc đẫy xưa cho ngỏa

Chợ nào nhiều bạn hàng các ả
Xóm nào đông bổn đạo các dì
Thời sãi tu lại tu đi, thời sãi tu lên tu xuống
Sãi lại sắm một cái phương trượng, để sau liêu cho vắng một mình
Trên mặt ấy rộng thênh; dưới chân trời sâu riết
Vãi rằng:
Sắm để làm gì
Sãi rằng:
Đương khi thời cơm lạt, thấy bổn đạo vừa lên
Nghe tiểu đồng nó đằng hắng lên, mấy đĩa thịt sãi thu vào đó
Sãi lại sắm một cái vườn nho nhỏ ở cuối xóm xa xa
Vãi rằng:
Sắm để làm gì
Sãi rằng:
Để phòng khi bổn đạo đẻ ra, há khiến sãi khoanh tay mà ngồi vậy
Sãi lại lắm tiền nghề bỡ đẫy, sáp tốt để mà đánh môi
Mắc phải khi cờ bạc thua hoài, dễ khiến sãi khoanh tay mà ngồi lặng.
Sãi lại sắm một cái bình thuốc dán, năm ba đạo bùa mê
Sãi lại sắm một tiểu đồng cho hay tin đi tin về
Sãi lại sắm một tín vãi cho hay nói ngon nói ngọt
Vãi rằng:
Sắm để làm chi
Sãi rằng:
Phải khi gái tốt, vả lại nhiều tiền
Giữ nết na nó chẳng đến chùa chiền, dễ khiến sai khoanh tay mà ngồi vậy
Vãi rằng:
Lời nào nói quấy, nghe chẳng muốn nghe
Trí tuệ thông như hoa nở bồ đề
Nhân duyên bạc như nhị thù ưu bát

Tuy rằng ngồi mật thất song chẳng khác thông cù.
Trời xa xa rộng thẳng mà chẳng mù
Lưới lồng lộng bổ thưa mà chẳng lọt
Một lời dầu lỗi thất, muôn kiếp ắt khôn đền
Vậy thì cõi thiên đường khoan khoan chớ bước lên
Chốn địa ngục chóng chóng mau tìm xuống
Sãi rằng:
Vãi này vụng lượng, chẳng biết hí ngôn
Có thiên đường thì quân tử tu lên
Có địa ngục thì tiểu nhân tu xuống
Hễ người quân tử lượng, thì tu đức thắng tài
Thờ vua lo hết ngay, thờ cha lo hết thảo
Một lời nói phải nhân phải đạo, ấy là tu ngôn
Một việc làm chẳng hại chẳng tham, ấy là tu hạnh
Lấy nhân mà tu tính, lấy đức mà tu thân
Tu minh đức để mà tân dân, tu tề gia để mà trị quốc
Ấy là trong tu đức, tu ấy phải đạo tu
Ngoài thời tu khoan dũ ôn nhu
Trong thời tu hòa bình trung chính
Tu cung tu kính, tu tín tu thành
Đã phải đạo tu hành; lại thêm nền phúc chỉ
Tự nhiên đắc lộc đắc vị, đắc thọ đắc danh
Đắc phú quý hiển vinh, ấy thiên đường là đó
Hễ là người quân tử độ, thời tu đến thiên đường
Còn như tiểu nhân gian, đều tu vào địa ngục
Tiểu nhân tu tục, tu những tính phàm
Tu lòng bạc ác gian tham, tu dạ ngoan ngu hung bạo
Nuôi cho lớn tu lòng bất hiếu, ăn cho no tụ dạ bất trung
Tu sắc lành để mà a ý khúc tòng
Tu lời khéo để mà sức phi vặn quá
Người hiền ngõ tu ghét ghen ngăn trở
Kẻ lỗi lầm tu xoi xỉa phô trương
Tu lưỡi mềm để lấy của cho đầy rương
Tu mưu độc để hại người cho đã giận

Đứa tiểu nhân như rận, nó cắn máu người ta
Tu càng dầy càng hại con hại cháu
Tu vơ tu váo, tu chạ tu càn
Hễ là đứa đại gian, tu những điều bất nghĩa
Âm vi quỷ thần sở hại, dương vi vương pháp sở tru
Ấy là tiểu nhân tu, tu vào nơi địa ngục.
Muốn nghe đấng tu mà thoát tục
Hãy còn trang thượng chí chi tu
Nhớ thuở Đường Ngu, thánh xưng nhị đế
Nhị đế người tu kỷ mà thiên hạ thăng bình
Tam vương người tu thân mà cơ đồ củng cố
Đầu những tu văn tu vũ
Trên một ngươi tu đủ, dưới muôn họ đều vui
Hây hẩy thọ vực xuân đài, tu làm vậy chẳng là trang thượng chí
Bằng muốn xét cho cùng nhân sự, hãy còn nhiều trung chí chi tu
Kìa Mặc Địch, Dương Chu, tu một việc vị nhân vị ngã
Nhổ mảy lông mà yên trong thiên hạ: ấy là họ Dương, tu một việc chẳng tham
Mài mòn đầu mà lợi có một người: ấy là họ Mạc, tu một lòng chẳng ngại
Dầu những Thích Ca tu lại, với Đạt Ma tu qua
Tu cho tinh chuyên là Cửu Thập Ma-a, tu cho khổ não là Văn Thù Bồ Tát
Ấy là người ngoại quốc, chọn theo thói Trung Hoa
Chê sự đời phú quý vinh hoa
Muốn vui thú thanh nhàn dật lạc
Nghiệm chữ kia cho xác, chữ tiên là nhất cá sơn nhân [1]
Suy chữ nọ cho chân, chữ Phật là phất chi nhân sự [2]
Vậy cho nên ai dữ thì mặc dữ, ai lành thì mặc lành
Nhà hưng vong phụ tử chẳng bênh, nước trị loạn quân thần chẳng đoái
Song chẳng can danh phạm ngãi, mà không dịch tích

biến tình

Vậy nên thế nhân tham thiên đường phải nói làm lành sợ địa ngục nên trừ thói dữ

Tuy vô ích cũng không sinh sự, ấy là trang trung chí chi tu

Còn tu mà rất ngu, hãy nhiều trang hạ trí

Kìa như Hán Vũ Đế đã nên đấng minh vương

Nọ như Tần Thủy Hoàng thực là trang anh võ

Tham lam cầu đạo, lặn lội tìm tiên

Mỏi sức người thiên hạ chịu lao phiền

Hao của nước nhân dân kêu đồ khổ

Trăm chước sưu cầu thời có

Mảy lông chứng nghiệm vốn không

Đất Luân đài nhà Hán chẳng hối ngộ trách cung

Ải Hàm Cốc nhà Tần cũng rắp ranh làm bạn.

Hãy nhiều người như Hán, chẳng những một chi Tần

Đời nào tu cho hơn Tống Đạo Quân

Đời nào tu cho hơn Lương Vũ Đế

Thụ-nhục Mạc-bắc, sao Phật chẳng ra cứu về

Ngã-tử Đài-thành, sao Phật chẳng tới trợ nạn

Uổng cơ đồ gây dựng gian nan

Hoài sự nghiệp tổ tông khai sáng

Chu sư đã vang lừng tên đạn, sao Tề Nguyên còn nương án mà giảng đạo hoài?

Khiết Đan đã vầy vỗ trong ngoài, sao Khâm Nhược hãy đóng cửa mà tu trai mãi mãi?

Hư thời đã phải, chết chẳng ai thương

Hễ là đạo đế vương thì phải tu nhân chính

Tu quyền tu bính, tu kỷ tu cương

Trên thời tu Nghiêu Thuấn Vũ Thang

Dưới thời tu kinh luân thao lược

Có đâu đi bắt chước thầy sãi mà tu trì

Lại cho trong ban ngày mà có phép lên trời, luận đạo trị cũng chẳng ích chi cho nước.

Thấy đâu đặng phước đều những mang tai
Cứ theo mê đạo hoài hoài, như vậy là trang hạ trí
Vãi rằng:
Ngỡ là sãi biết một điều tu
Hay đâu giả thói ngu, mới biết là bợm lịch
Khôn ngoan trong sạch, trí tuệ từ hòa
Thiệt vàng nọ chẳng pha, hẳn ngọc kia còn ẩn
Chẳng kêu chẳng hận, biết kính biết nhường
Biết tiểu nhân như cỏ rác mà rẻ rang
Biết quân tử như ngọc vàng mà yêu chuộng
Biết kính trọng, biết của biết người
Sãi biết lắm chuyện đời, nói nghe chơi cũng khá
Sãi rằng:
Vãi này cũng lạ chớ hỏi mà sầu
Uổng năm dây đàn gẩy tai trâu
Hoài muôn hộc nước xao đầu vịt
Sãi không có biết, sãi chẳng có hay
Xích cho khỏi cánh tay, kẻo mà quàng nhằm vế
Vãi rằng:
Sãi này thất lễ, vả lại bạc tình
Vãi tu vốn có một mình, sãi tưởng vãi không thông thế sự
Đã hay rằng nam tử thì có chí kinh luân
Song le đấng phụ nhân cũng có tài tế thế
Kìa như Chu Mái Tự, kinh còn tiếng đức sáng khuê môn
Nọ như Tống Nguyên Nhân, sử còn ngợi nữ trung Nghiêu Thuấn
Gái như Tạ Đạo Uẩn, gái mà hay vịnh tuyết thành thơ
Gái như Thái Văn Cơ, gái mà biết phân cầm nên khúc
Chương gián chúa khỏi vòng dật dục, ấy là Đường Từ Huệ thứ phi
Thơ cứu cha khỏi chốn tai nguy, nọ như Hán Đề Oanh thiếu nữ
Nam tử nhiều trang nam tử, phụ nhân ghê đấng phụ nhân

Thuyền bách trôi nghìn thuở hãy nhẩn nhẩn
Sách Hán để muôn đời còn vặc vặc
Thuyền quyên đâu dễ kém anh hùng
Ông sãi chớ phụ chi mụ vãi
Sãi rằng:
Rất phải rất phải, mừng thay mừng thay
Khát hạn luống trông mây, ôm cầm mà gặp khách
Chẳng gió cả sao hay cây cứng, không đường dài nào biết ngựa hay
Vậy thời sãi vén mây mù, phát dong gai
Đặng cho vãi thấy trời xanh, tìm đường cả
Thiếu chi điều lạ, hết mấy chuyện kỳ
Ghé tai lại mà nghe, xếch vú ra kẻo đụng
Sãi muốn nói một truyện hay hay cho vãi biết, trong kinh chép đã nên xe
Sãi muốn nói một truyện xa xa cho vãi nghe, trong sử chép đà nên đống
Truyện Hán, truyện Đường, truyện Tống
Truyện Thương, truyện Hạ, truyện Châu
Truyện phụ tử làm đầu
Truyện quân thần rất hệ
Sãi muốn nói một truyện, quân sử thần dĩ lễ, sãi lại e Trần Vệ phiền lòng. Sãi muốn nói một truyện, thần sự quân dĩ trung, sãi lại sợ Mãng Tào gây oán.
Sãi muốn nói một truyện, vi phụ chỉ u từ cho vãi hẳn sãi lại e Cổ Tẩu la ngầy
Sãi muốn nói một truyện, vi tử chỉ ư hiếu cho vãi hay, sãi lại sợ Tùy Đường chê ngộ
Sãi muốn nói một truyện, vi nhân bất phú, sãi lại e thầy Nhan mắng rằng: sao khéo thổi lông mà tìm vết
Việc sãi thì sãi biết, việc sãi thì sãi hay.
Gắng công phu mà tu luyện cho lâu ngày, đêm thanh vắng sãi hãy nói cùng một truyện.
Vãi rằng:

Ông này tu luyện, có chí anh hùng
Thuộc sử kinh chứa để đầy lòng
Rõi y bát chân truyền phải mặt
Dẫu chẳng vạn gia sinh phật, cũng là nhất lộ phúc tinh
Đời chẳng dùng cho nên trễ nải công danh
Vận đâu gặp đặng khoe khoang danh giá
Sãi rằng:
Chữ phụ nhân nan hóa, vãi có biết là đâu
Câu bên ghềnh Lã Vọng còn chờ đợi công hầu
Cầy ngoài nội, Y Doãn hãy mơ màng Nghiêu Thuấn
Bất tri nhi bất vấn, hữu đức tất hữu lân
Sớm mười hai dầu chẳng đội đầu khăn
Bảy mươi mốt cũng đặng đeo tướng ấn
Công danh chẳng tưởng, vì có bệnh mình
Tồn ư trung bất chính ắt chẳng lành
Phát ư ngoại bất hòa thời thất tiết
Bệnh này chí thiết, có một bệnh thương
Sãi thương đấng Tam hoàng, thương ngôi Ngũ đế
Thương vì hiếu vì để, thương vì đức vì tài
Thương vua Nghiêu áo vải quần gai
Thương vua Thuấn cầy mây cuốc nguyệt
Ăn hẩm hút thương vua Võ, thương càng chí thiết
Ở lao tù thương vua Văn, thương rất xót xa
Thương ông Châu Công, tôi nên tôi còn mắc tiếng dèm pha
Thương đức Khổng Tử, thánh rất thánh hãy lầm khi hoạn nạn
Thương mấy kẻ trung thần đời Hán, không tội mà chết oan
Thương những người văn học nhà Tần, vô cớ mà chôn sống
Thương Gia Cát có tài lương đống gặp chúa chẳng gặp thời
Thương Nhạc Phi nên tướng ân uy, không hòa mà bị hại
Thương đi thương lại, thương chẳng có ngần
Lúc đêm đông thương người nằm giá khóc măng

Nơi bể bắc thương kẻ chăn dê uống tuyết
Thương càng chí thiết, thương rất đỗi thương
Thương cho đủ bốn phương, chi bằng thương mụ vãi
Thêm bệnh này khôn cãi, sãi có bệnh hay vui
Vui dưới trần đài, vui trên đất rộng
Vui gió mát trăng thanh lồng lộng
Vui nước trong nguyệt sáng lầu lầu
Vui ba nghìn thế giới chứa để một bầu
Vui chín chục thiều quang trải xem đôi mắt
Non Bồng lai sớm lướt, sãi vui với Bát tiên
Núi Thương Linh trèo lên, sãi vui cùng Tứ hạo
Vui nhân đạo, vui thánh vui hiền
Vui tiếng chuông dục khách mà xuôi thuyền
Vui chiếc dép đưa người mà đạp giá
Lánh cõi tục sãi vui thuyền Bát nhã
Rửa bụi trần sãi vui nước Ma-a
Đạo làm lành sãi vui giáo Thích ca
Nhân cứu chúng sãi vui lòng Bồ tát
Vui cho ngỏa cho nguê, chi bằng đêm thanh vắng sãi vui cùng mụ vãi
Song lòng này còn ngại, có một bệnh giận dai
Sẵi giận phải, chẳng phải giận chơi
Sãi giận thiệt, sãi không giận đối
Sãi giận sãi nhiều lầm nhiều lỗi, khi sãi lầm sãi một giận hoài
Sãi giận sãi ít đức ít tài, tưởng tài đức sãi càng giận thiệt
Sãi giận sãi kinh luân chẳng biết
Sãi giận sãi thao lược không hay
Sãi giận sãi xa quân vương uống tấm lòng ngay
Sãi giận sãi cách cha mẹ chưa đền nghĩa thảo
Luận như nhân đạo, sãi luống giận căm
Nghĩ đứa thú tâm, sãi càng giận riết
Khi Đổng Trác nghênh ngang Hán thất, sãi giận chăng Hà Tiến vô mưu

Thuở Khuyển Nhung phá phách nhà Châu, sãi giận gã Thân hầu thất kế

Máu sục sục sôi dòng Vị Thủy, giận Thương quân hành chính chẳng lành

Thây chan chan đầy nội Tràng Bình, giận Bạch Khởi ra uy rất dữ

Hán dấu yếu, giận Lã làm quái gỡ
Đường chưa thôi, giận Võ dám lăng loàn
Tội Võ đã xấp xỉ Lộc Sơn
Tội Lã cũng rắp ranh Vương Mãng
Giận vãi sao chẳng chút mến lòng
Khiên sãi luống giận hoài mệt mỏi
Lại thêm còn một nỗi: sãi có bệnh hay yêu
Chẳng yêu kẻ dâm kiêu, chỉ yêu người trung chính
Luận trong chân tính, đầu phải yêu thân
Suy lý hành nhân, cuối thời yêu vật
Yêu chí thiết, yêu người nhân đức
Yêu mặn nồng, yêu kẻ tín thành
Yêu trượng phu lượng rộng thênh thênh
Yêu quân tử lòng ngay trác trác
Yêu gan sắt đập mà chẳng nát
Yêu lòng son nhuộm mà chẳng đen
Yêu lỗ tai lời trung chính nghe quen
Yêu con mắt việc cổ kim soi tỏ
Tiết lạnh lẽo sãi yêu bá tòng đồ sộ
Dặm xa xôi sãi yêu kỳ ký giỏi giang
Con thảo cha, sãi yêu bằng ngọc bằng vàng
Tôi ngay chúa, sãi yêu bằng châu bằng báu
Gẫm yêu như đạo, chi hơn yêu đạo trung dung
So như yêu lòng, chi hơn yêu lòng Bồ tát
Yêu mà dân trị quốc trị, chi bằng yêu hiền
Yêu mà nên vẻ, nên vang, chi qua yêu sĩ
Yêu trang trí tuệ; yêu cả tài năng

Như yêu việc lăng quăng, chi bằng yêu mụ vãi
Tưởng chuyện này còn dại; bệnh hay ghét ở mình
Ghét chẳng phải vô tình, ghét thực là hữu thú
Ghét Kiệt, ghét Trụ, ghét Lệ ghét U
Ghét nhân chính chẳng tu; ghét cương thường nỡ bỏ
Luận như ghét cho đủ, sãi ghét đứa bất hiếu bất trung
Luận như ghét cho cùng, sãi ghét đứa đại gian đại ác
Ghét kỳ ghét quặc, ghét lạ ghét lùng
Đọc thư kinh ghét Đảng tứ hung
Xem Tống sử ghét bầy ngũ quỷ
Ghét hoài ghét hủy, ghét ngọt ghét ngon
Ghét đứa cầu mị giết con, ghét đứa tham sang hại vợ
Ghét kẻ hay chênh hay trá
Ghét người chẳng thực chẳng thà
Ấy là ghét xưa nay mấy việc người ta
Chưa bằng ghét mụ vãi vô tình với sãi
Lại bệnh này không dại, về một nỗi muốn nhiều
Muốn trên cho thánh đức Thuấn Nghiêu
Muốn dưới thảy nên tài Y Lã
Nghĩa từ hiếu muốn chưng đường phụ tử
Câu xướng tùy muốn xử đạo vợ chồng
Anh với em muốn để muốn cung
Bầu với bạn muốn tin muốn thực
Người hiền ngõ, sãi muốn gần cho thiệt rít
Đứa gian tà, sãi muốn tránh cho xa xôi
Mở quyển vàng tay chẳng muốn thôi
Thấy đứa bạc mắt không muốn ghé
Trong làng xóm, sãi muốn sạch loài gian ngụy
Chốn quân ô, sãi muốn trừ đảng tham ô
Lưới thỏ ta, sãi muốn cho củ củ võ phu
Gót lân chỉ, sãi muốn cho chân chân công tử
Muốn hoài muốn hủy, muốn chẳng hay cùng
Muốn kinh bang, chưa gặp vận hanh thông

Muốn độ thế, hãy ra tuồng tham luyến
Đá Tinh Vệ muốn lấp sao cho cạn biển
Đất Nghĩ Phù muốn đắp dễ nên non
Muốn sao cho đều đặn vuông tròn
Chi bằng sãi muốn tu cùng mụ vãi
Những suy đi nghĩ lại, còn một bệnh sợ nhiều
Sợ Quách Khai hay đặt nên điều
Sợ Lâm Phủ ngọt ngon lắm thể
Sợ sắc tốt hại người Sùng phải lụy
Sợ vật kỳ vu gã Viện mắc nàn
Chị dâu sợ em vì sáu cái ấn vàng
Tôi hiền sợ giặc vì một đôi ngọc trắng
Sợ dài sợ vắn, sợ ngược sợ xuôi
Thuyền họ Trương ở khô, còn sợ sóng bổ mồi
Đất nhà Kỷ vốn hẹp, hãy sợ trời sập mái
Sợ giá mỏng phòng khi bước lại
Sợ móc nhiều e buổi mình gầy
Dương quan tây còn sợ có bốn hay
Bùi Ngư sử há nhà không ba sợ
Sợ cật vắn chưa mau chân ngựa
Sợ vách thưa còn lậu hơi sư
Sợ là sợ mật tuy lành mà ruồi đậu ngất ngư
Sợ là sợ hoa chẳng độc mà bướm đà mê mẩn
Sợ quá sung quá sướng, sợ chưa dại chưa ngây
Sợ tu không trọn kiếp ông thầy
Nữa rồi lại đụng nhằm mụ vãi

Bờ giác ngạn dễ đà đặng lại, bởi thất tình còn hãy năm mang

Việc cổ kim chi xiết luận bàn, lời phẩm uất chút ra tiêu khiển

Vãi rằng:

Nghe qua các chuyện, ngẫm cũng hữu tình
Khen cho ông thuộc sử thuộc kinh

Khen cho ông có tài có chí
Lời ăn nói thánh hiền đạo vị
Khoa ngôn từ nghĩa lý văn chương
Chẳng phải kẻ tầm thường, hẳn là trang cách vật
Lôi Âm tự có tu mới thành Phật
Thiên Thai sơn có đến mới nên tiên
Biết đường nào đặng thấu tây thiên
Cậy chỉ nẻo tu cùng hôm sớm
Sãi rằng:
Vừa vừa vãi bợm, bớt bớt yêu tinh
Bến mê còn nước chảy mênh mênh, bờ giác hãy xa khơi vọi vọi
Phương nam khôn nẻo tới, phía bắc khó đường qua
Nay đi đặng nhưng xa, lại sợ quân Đá Vách
Tưởng thôi lạc phách, nhớ đến kinh hồn
Nọ giết người như giun, nọ hại người như rắn
Đến đâu là tảo tận, bắt đặng ắt ăn tươi
Đã vào làng cướp của hại người
Lại xuống nội đuổi trâu bắt ngựa
Hãy tu đây cho ngót, chớ tu đó làm chi
Đừng đi mà nó bắt vãi đi, rồi bỏ vãi mồ côi mồ cút
Vãi rằng:
Kinh trung hữu thuyết, nhưng địch thị ưng
Nếu phương biên không chọn tài năng
Thế nọ ắt ngày sau sinh tệ
Đạo tu lòng chẳng trễ, công mài sắt ắt nên
Mặc ai xao lãng trăng thuyền
Đạo ta ta giữ cho bền thì thôi
Thôi thời ông sãi hay ngồi
Tây phương vãi tới tìm nơi Thiên đường

PHẠM GIA HUỆ

Thái hòa cảnh tượng chí

Trời hóa đuốc ngọc
Đất mở cõi tiên
Lạ thay trong miền thành thị
Yêu thay sẵn thú lâm tuyền
Hây hẩy tục hiệu Thái hòa, một chĩnh bầu trời thu hết
Rờ rỡ phô nền bình trị, nghìn năm thế nước thêm bền.
Khi xưa:
Đặt hiệu Việt Nam
Nối sinh thánh chúa
Âu vàng vững đặt nghìn thu
Đất ngọc quanh thu bốn cõi
Sặc sỡ thư nên đầm ấm, nghĩ nhiều sơn thủy hữu tình
Rỡ ràng vẻ có thanh tao, dễ thêm thái hòa thắng cảnh.
Nhìn xem:
Rành rành bốn cõi
Quanh quất một đồ
Tám cảnh yên hà vây đủ
Bốn mùa hoa cỏ nở đua
Phục tường sơn một đỉnh chầu vào, trên gác tía rèm phô hổ phách
Dưỡng long thủy mấy giòng tuôn lại, dưới doành vàng nước sẻ san hô.
Lạ thay:
Cảnh có phong quang
Giá nên thanh tú
Nhìn xem mọi vẻ mọi thanh
Ngẫm biết một chiều một đủ
Miền tây bắc nước trong leo lẻo, hồ có kim ngưu

Mái đông nam đường rộng thênh thênh, cửa chầu bạch hổ
Xiết bao cảnh vật mọi nhường
Ấy cũng thái hòa một thú
Có khi:
Giữa thời hòa hú
Vừa tiết thanh minh
Thí điện mở khoa cầu sĩ
Lưỡng cung tạm chốn hành doanh
Cây rườm rà đòi ngọn đìu hiu, đủ rạng nền hồng nền bích
Chim hớn hở chuyên cành véo vót, như hòa chấp địch chấp sênh
Lại có khi:
Tiết vừa hạ qua
Thuở vừa thu chí
Đại đức nối lề tiên miếu
Hoành từ đặt khoa đại tị
Sùng văn mười hàng long phượng, nghìn hồng như cử tử nức lòng
Diệu vũ trăm đội tì hưu, muôn tía lẫn chiến tràng bước nhẹ
Chưng khi ấy cảnh thái hòa, đã phô thượng thụy.
Vậy hay:
Người thêm thanh quỹ
Cảnh mới não nà
Thấy âu thế nước đặt yên, chốn chốn đã sạch loài tiêm thảo
Vả lại ân trên nhuần gội, đâu đâu đều tụng đức trùng hoa
Vậy nên cảnh kiền khôn thanh lặng
Hẳn lại đời Nghiêu Thuấn thái hòa
Sĩ nay:
Sinh dưới cửa thưa
Cả công tràng ốc
Hổ chưng phận bé cỏ cây
Từng đã ân nhuần mưa móc

Mừng thấy thái hòa hữu cáp, đời chí hòa đã phỉ ngóng mong

Ngửa trông đán tịch bất vong, lòng sử thái dám xin siêng sóc

Thế thì:

Nước yên chín vạc

Tô dõi muôn đời

Bao thuở thái bình, phỏng lấy chữ vũ trụ thái hòa làm câu kinh chúc.

KHUYẾT DANH

Lạc đệ tự hối

Khoa mục đường xưa

Văn chương thể mới

Trời năm mây thiên tử rõ ràng

Bóng bốn bể trạng nguyên phấp phới

Lều chiếu là thang võng lọng, tranh nhau giật giải có ai nhường

Thềm trường ấy cửa cân đai, mau bước nhanh chân ai kẻ đợi

Gang tấc những ôm rồng ấp phượng, mượn ơn vua trả nợ bút nghiên

Đêm ngày chăm mài sắt nên kim, nhờ đạo thánh đền công đèn sách

Lưới hiền rộng mở, một trường thu cúc, có cỏ, có hoa

Trận bút riêng ai, ba đợt vũ môn, lẫn trê lẫn chuối

Có một người

Mặt mũi khôi ngô

Mày râu nhẵn nhụi

Biếng học tham ngủ, sách vở mập mờ

Non tập già chơi, văn chương sốc nổi

Vinh hiển cậy mình rằng tú, đủng đa đủng đỉnh như thể lợn no

Tung tăng vị một chữ tài, tất tả tất tơi như hình cá úi

Đến khoa thi nửa sợ nửa mừng

Ngẫm nhân sự một may một rủi

Mừng mặt đủ buồng cau bánh thuốc, đồ vào trường rất mực phong lưu

Theo chân những tớ tớ thấy thầy, chốn quán trọ tìm nơi rộng rãi

Buồng tứ hữu sửa sang tươm tất, lều một vác, chiếu một ôm

Đồ phụng thân mang xách nặng nề, nước đầy bầu, trầu đầy túi

Thuốc Bách tính bao diêm điếu ống, thông mồi ấy, dặt mồi khác, phì phèo thay tốt giáng thở nghề

Thịt ba dọi cơm tám duốc bông, ăn một miếng, nghĩ một câu, lung tung đã tìm đường tháo lủi

Văn làm rít như mật, đặc như bí, chạy hết lều kia sang lều nọ, nghe được ít nhiều

Sách quên tối như hũ, mê như đêm, nghe hơi câu được với câu chăng, viết chầy viết cối

Cập kỳ

Ghế tréo gián lọng xanh

Bành voi dơ ống gọi

Số cử nhân xướng đã hết tên

Dòng niên hiệu đọc vừa đến cuối

Người xem lác đác

Ai đâu về đấy

Thấy đồ nọ nét mặt tế tổ ngoại, nón quàng vai đi thất thểu thất tha

Bác tú kia đầu gối tranh trưởng nam, áo cắp nách chạy

hất hơ hất hải

Nào những lúc xênh xang hàng phố, giày kéo lê quần buông đóng gót, bề phết thay tốt bộ cử nhân

Sao bây giờ lủi thủi cửa trường, nón quàng vai áo dài thất lưng, nhăng nháo coi ra hình chú lái

Thúy sơn thu mộng ký

Năm Long Đức thứ ba
Tiết Trung thu tháng tám
Quế tử hương đưa ngàn dặm
Hòe hoa rợp tán đôi ngàn
Giăng, giăng bạc, gió, gió vàng, lạo lạo một bầu bạch bích
Trời, trời xanh, nước, nước biếc, lầu lầu muôn khóm pha lê
Tám cảnh vây mở bức bình phong
Bốn cõi xắp nên đồ vân thủy
Ta khi ấy
Vừa thuở ra chào thiên sứ, nhân khi rảnh việc công sai
Thênh thênh một chiếc thuyền lan, nơi giòng Xích Bích
Nhè nhẹ đôi con chèo quế, rạng khúc Thương Long
Trải hang Dê vào cửa Thần Phù
Khỏi kênh Mèo vào chùa Non Nước
Chốn am tiên, nơi đất bụt, nhìn xem sơn thủy hữu tình
Này quán tuyết, nọ cung mây, chẳng khác non tiên đem lại
Bát ngát lòng thơ đề quyển
Bâng khuâng dạ hứng khôn cầm
Ta bèn
Kề bến liễu đỗ thuyền
Ghé ghềnh hoa chơi bộ
Sách quần nghê, choàng mũ én, xênh xang một quạt một con đồng
Dò bóng ác, bạn chơn lừa, líu lo đôi hầu đôi đứa tiểu
Dìu dặt qua cầu chín nhịp

Dần dà vào cửa tam quan
Bài thơ khách đọc đọc ngâm ngâm
Trên am bụt trai trai bái bái
Quyến rủ lại đôi ba thầy đọc, rập rình tiếng cảnh tiếng tiu
Rủ rê vầy năm bảy ông thơ, dìu dặt chén thông chén cúc
Dan díu tiệc hầu trọn mãn
Dần dà canh đã sang ba

Bài chiếu khuyên thần dân lúc đầu năm

Bài dịch

Chiếu rằng, trẫm nghe:
Kinh Lễ có lời "bố chính" về tháng giêng
Kinh Dịch có câu "thân mệnh" ở quẻ tốn
Bởi thiên đạo sinh sinh không hết, đông lại sang xuân
Nên nhân quân chăm chút không quên, sau lo từ trước
Vậy câu "sắc thiên" nói ở trong Thuấn điển, phải kính từng việc từng giờ
Mà lời "kinh thế" bày ở trong Cơ trù, phải đem làm khuôn làm phép
Kính nghĩ đức Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta:
Thông minh bẩm tính
Trí dũng kiêm toàn
Đánh một trận nên nghiệp gian nan, "mao việt" mở cơ đồ dằng dặc
Mưu trăm năm lo đường nối dõi, "thạch quân" đủ phép tắc rõ ràng
Trẫm nối nghiệp to
Soi theo phép cũ
Sớm chiều lo sợ, một lòng kính cẩn ban đầu
Công việc thi hành, trăm mối tính lo cất nhắc
Nối chí noi việc là đạo hiếu, đương giữ từng ngày để lo toan
Ban ơn ra lệnh về mùa xuân, vậy tỏ lời nói để răn bảo

Nào những kẻ thân quan thạc vọng, phải khuyên nhau sửa nết để cùng hưởng tôn vinh

Nào các hàng nội ngoại trăm quan, phải gắng giữ chức mình để cùng nên mọi việc

Nhà quân sĩ phải luyện tập, nghề cho tinh, sức cho mạnh, lôi đình mới tỏ được uy thanh

Đám nho gia phải học hành, học cho rộng, nết cho thuần, lương đống mới làm nên tài cán

Bọn nông phu chớ nhỡ thời làm ruộng, đất chớ bỏ hoang, người đừng lười nhác, phải khuyên nhau mà chăm việc cấy cày

Kẻ thường dân đừng trái đạo làm người, chơi đừng đua đả, nết chớ gian tà, phải bảo nhau mà noi đường lễ nghĩa

Để mà tỏ cái công ninh tập hơn hai mươi năm về trước

Để mà gây lấy cái cảnh thái hòa cho nghìn muôn đời về sau

Than ôi!

Thiên đạo đủ cả tứ thời, kìa như trời chuyển đất xoay, cơ thần mở đóng

Thiên hạ họp về một mối, sẽ thấy sấm vang gió động, hóa tốt lưu hành

Vậy từ các công khanh đại thần cho đến quan quân chúng thứ, đều phải khuyên gắng, để hưởng cái phúc thái bình

Bảo khắp gần xa, cho đều nghe biết

Bài biểu chúc tết

Bài dịch

Thần đẳng cúi dâng lời sau này

Nay kính gặp tiết lành Nguyên đán:

Sân phong rạng vẻ

Ống luật về xuân

Khí nương hòa sáng tỏa thềm son
Cảnh trời đẹp vẻ lồng cõi Bắc
Thần đẳng rất vui vẻ, rất mừng rỡ, kính dâng biểu mừng
Thiết nghĩ rằng:
Đế ra phương chấn, vẻ vang nối dõi ngôi rồng
Vương kế chữ xuân, rực rỡ gây từ năm sớm
Đầu xuân hòa thắm
Khắp cõi vui mừng
Kính nghĩ Hoàng đế bệ hạ:
Nối chịu ngôi tôn
Vâng thừa mạng lớn
Công tạo hóa phát sinh muôn vật, mạnh mẽ vô cùng
Đuốc quang minh soi rạng bốn phương, tưng bừng tỏa khắp
Ngày này ngày khác
Mới lại mới thêm
Gió hòa, muôn dặm hây hây, thơ muôn tuổi, núi Nam chúc tụng
Vẻ sáng chín tầng ôi ối, phúc cửu như, cửa Bắc nghinh tường
Đời Hoàng mát tựa mùa xuân
Lòng chúng quay về cửa khuyết
Thần đẳng:
Chức phận giữ nơi bờ cõi
Long mong nương bóng mặt trời
Giáp lịch hiến phúc lành, ngóng ơn rộng trong nhà Tượng ngụy
Tiêu tràng dâng chén thọ, xin chúc mừng ngoài cõi Nghiêu phong
Thần đẳng mừng rỡ tụng đảo, không biết đâu cho xiết, xin dâng biểu lên ngự lãm.

CHÚ THÍCH THỂ VĂN BIỀN NGẪU

1. Chữ Hán: chữ tiên gồm có chữ Nhân và chữ Nhân.
2. Chữ Phật: gồm có chữ Nhân và chữ Phật

CÁC THỂ TẢN VĂN

TRƯƠNG HÁN SIÊU

Bài ký tháp Linh Tế

Bài dịch của Khuyết danh

Quê tôi nhiều cảnh đẹp. Thuở nhỏ đi chơi xem, vết chân đã gần khắp nơi. Thường bỏ thuyền trèo lên núi này. Xoa hòn đá bia, gạt rêu róc xem thì biết rằng đây là cái tháp cũ dựng từ năm thứ bảy đời Quang Hựu nhà Lý. Leo sườn đá, trèo lên đỉnh núi, thì chỉ thấy mấy viên gạch vỡ, cái nền đổ, lăn lóc trong bụi rậm đá hoang. Tự lấy làm buồn thay mà thở dài, than cái cuộc hưng vong thành bại, mới được hai trăm mấy mươi năm mà đã thành dấu cũ. Hay là từ đây trở đi một suy mòn mất, hay là sau này có ai sửa lại hay không? Từ có trời đất, đã có núi này. Biết bao nhiêu người cùng trèo lên đây, cùng trông cảnh này mà cùng mất cả.

Tôi rồi sau đi chơi tứ phương, làm quan trọng triều, cũng có ngôi vị cao; bao giờ tưởng đến nơi ẩn cũ thường mộng du đến. Hoàng thượng ta lên ngôi được hai năm, bấy giờ về mùa đông, tôi ở kinh thành, ông sư ở chùa núi ấy tên là Trí Nhu đến chơi nhà tôi bảo tôi rằng: "Bảo tháp xây lại

đã từ năm Khai Hựu Đinh Sửu, được sáu năm tròn rồi, nay công đã xong, xin ông làm cho bài ký. Công đức nào bằng, báo ứng xiết bao!" Tôi nói: "Đạo Thích già Lão tử lấy cái hư không làm chủ, cổ hoặc chúng sinh. Thiên hạ chia làm năm phần thì bọn sư tăng chiếm đến một phần, phá hại di luân, hư phí của cải. Trong những bọn ngu dốt, nhơn nhơn mà theo, ít đứa không phải là phường yêu ma gian tà. Những việc chúng nó làm sao có nên? Tuy nhiên, sư là học trò Phổ Tuệ, học được pháp tủy môn Trúc Lâm. Buộc thân khổ hạnh là phạm đạo tam cương. Nhưng đương tay không mà thành công lớn, mở chân mây, xếp tầng đá, từ một tấc đến một thước, từ một thước đến mười thước, một bước lại tiến một bước, một tầng lại thêm một tầng, cho đến chót vót cao thế tựa trời xanh, thêm cảnh đẹp ở nơi sông núi, công thật đáng sánh cùng tạo vật! Những bọn sư dông dài lười biếng, há đáng kể cùng ru?"

Than ôi! Sau này vài ba trăm năm, trông lên trên, nhìn xuống dưới, thấy biến đổi cả, tất lại có người thở dài như tôi. Há lại không có ai như bọn sư Nhu ru? Cũng chưa tất có. Bây giờ chỉ biết có núi xanh nước trong, sông không bóng tháp. Buổi chiều đi thuyền thung thăng ở dưới, mở cửa bồng ngắm cảnh, đánh dịp thuyền mà hát khúc Thương lang, nhớ đến tích hai ông Tư Lăng, Đào Chu đời xưa. Cảnh này lòng này, duy có ta với núi sông này biết mà thôi.

NGUYỄN TRÃI

Băng Hồ di sử lục

Bài dịch của Khuyết danh

Băng Hồ tướng công là thân tộc nhà Trần, húy là Nguyên Đán. Vốn con nhà thi lễ, dòng dõi thần minh. Trăng trong gió mát, gây nên tư tưởng xuất trần; trời xanh ngày sáng, rõ mối lòng trung hứa quốc.

Xưa đương buổi đức mờ rối loạn, theo hai vua Nghệ, Duệ, chạy trốn ra ngoài. Đến ngày việc bình, bèn lập làm tướng. Buổi lay động ra tay chống giữ, khi rối loạn hết lòng cởi gỡ, trong mấy mươi năm, nước được thái bình, quốc dân xưng là "hiền tướng" dầu đàn bà trẻ con cũng đều biết tiếng. Từ nhà Hồ tiếm dụng, băng kết trong lòng, thường nói: "Người quân tử liệu cơ mà làm không phải đợi đến hết ngày". Bèn mở động "Thanh Hư" ở trên núi Ngôi Sơn, huyện Phượng Sơn làm chỗ nghỉ ngơi. Động thành rồi, vua Duệ Tông viết cho ba chữ đại tự "Thanh Hư động" yết ở trên gạch bia. Vua Nghệ Tông thì thân chế bài minh để khắc vào đá.

Ông tuy người ngụ chốn lâm toàn mà chí vẫn ở nơi tôn miếu. Tấm lòng yêu chưa từng một ngày nào tạm nhãng. Mỗi thác lời thơ ca, vẫn ngụ lòng trung phẫn. Hoặc đi. Hoặc đứng, hoặc ngồi đều có ý can gián vua. Vua Nghệ tông sau cùng không xét đến nữa. Từ đấy nhà Hồ mỗi ngày một lừng lẫy, thế mỗi ngày một thịnh, nước mỗi ngày một suy. Biết làm sao được? Ông bèn quyết chí thoái hưu. Kịp đến lúc mắc bệnh, không phục thuốc. Con cháu có ai khuyên thì nói: "Thời sự như thế, ta được chết là may. Há muốn sống để thấy họa hoạn ru!"

Ông mất chưa được bao lâu, nhà Hồ quả cướp nước, giết hết con cháu họ Trần không còn người nào. Ông tiên kiến sáng suốt như thế! Thọ được sáu mươi nhăm tuổi. Mất ở nhà

ngày mười bốn tháng một năm Canh Ngọ, táng ở núi Giáp Sơn, huyện Phượng Sơn, phủ Lạng Châu.

Bài dụ tướng sĩ thành Thanh Nghệ

Bài dịch của Khuyết danh

Dụ các tướng hiệu quan nhân thành Thanh Hóa, Nghệ An

Tuẫn nước quên mình, là tiết lớn kẻ làm tôi. Luận công hành thưởng, là lệ thường của nhà nước. Nay các ngươi lấy lòng trung nghĩa, khí hãn bạo, đánh kẻ thù nhà vua, đã mấy lần hiển công.

Xưa bản triều ta đương buổi đấng Tiên hoàng dấy thịnh, quân Chiêm-thành nghịch mệnh, xâm sang biên ấp ta. Ông các ngươi, cha các ngươi đã phục thuận được chúng nó, mong báo nhà nước, giết phá tặc đồ, phục được bờ cõi nước ta, danh thơm công lớn, sử sách còn ghi. Bây giờ quân Cuồng Minh bất đạo, trên nghịch lòng trời, độc vũ cùng binh, muốn lấy thêm đất. Sinh dân cay đắng, hơn hai mươi năm. Vận trời xoay chuyển, không có đi thì không có lại. Nghĩa binh một khởi, cuốn chiếu đuổi xa. Trong mấy tháng trời, quang phục đất cũ. Duy còn một thành Đông Quan, tướng giặc Vương Thông, hồn vía thoi thóp mà còn ra mặt chí trương. Phàm các quan ở kinh thành, các lộ, cùng những quân "Dực thanh" "Tả Thiên cương" "Hữu Thiên cương" khi trước, hoặc đứng đầu nam ban bắc ban, hoặc đi theo các tướng thân thích nhà vua, mà cũng chưa thấy ai hết trung gắng sức, dựng lập công huân. Mà các ngươi là bầy tôi phên giậu của nhà vua, biết nhớ công ông cha các ngươi thuở trước, mà hết lòng trung cho nhà nước, đồng tâm nhất lực, mong sạch hổ nước. Đánh được phá lấy, đi đến đâu cũng thành công. Cái lòng trung thành ấy thực khá khen thưởng. Nay riêng sai cấp thưởng để đền công khó nhọc các ngươi.

Các ngươi nên lấy đấy làm khuyên.

THÂN NHÂN TRUNG

Vua Lê Thánh Tông

Bài dịch của Khuyết danh

Vua Lê Thánh Tông nước Đại Việt ta, húy danh Tư Thành, hiệu "Thiên Nam động chúa", là con vua Thái Tông Văn Hoàng đế, em vua Nhân Tông Tuyên Hoàng đế. Mẹ là bà Hoàng thái hậu họ Ngô. Vua sinh tháng bảy năm Đại Bảo nguyên niên; ngày sinh nhật làm hội "Sùng thiên khánh tiết". Khi bà hậu mới làm cung phi, cầu tự, mộng thấy Thượng đế cho một người tiên đồng. Rồi có mang. Đến lúc sinh vua thì thiên tư vằng vặc, thần thái dị thường. Trời đất gồm về, tính hạnh thuần toàn, cao, cao vậy, vót, vót vậy, thật đáng là một đấng thông minh trí dũng.

Tháng tám năm ấy Thái Tông Hoàng đế ra ở ngoài, đại thần Lê Khả, Lê Sí, Lê Lăng, thừa di mệnh phụng Nhân Tông Hoàng đế lên ngôi vua. Niên hiệu Thái Hòa thứ ba, phong vua là Bình Nguyên vương, phụng phiên ở Kinh sư được cùng với các vương vào học Kinh duyên. Bấy giờ quan Kinh duyên Trần Phong thấy vua đứng ngồi đoan chính, thông tuệ hơn người, trong lòng đã lấy làm lạ. Vua lại càng tự ẩn giấu, không lộ anh hoa, duy lấy sách vở nghĩa lý thánh hiền đời xưa đời nay làm vui. Tính vốn sinh tri, mà sáng suốt không bao giờ dời; thiên tài cao mại mà chế tác lại càng chăm chút. Vui điều thiện, chuộng kẻ hiền không bao giờ chán. Bà Tuyên Hoàng thái hậu coi như con mình; vua Nhân Tông Tuyên Hoàng đế trọng như em giỏi. Đức hiếu hữu của vua cảm khắp trong ngoài.

Kịp đến khi ông Lạng Sơn vương Nghi Dân, nghe mưu nghịch những kẻ gian thần, gây biến lớn trong cung phủ, muốn trộm ngôi vua, tiếm thiên hạ; những bọn hung ác tha hồ gây

loạn, không biết mệnh trời, vững khởi tư tâm, bèn phong vua làm Gia vương, dựng cung ở phía tây trong đại nội để vua ở.

Vua sẵn ngôi mà làm, thuận thời mà ở, cứ êm như vậy. Chưa được mấy năm đạo trời dẹp lại, lòng người chán loạn. Bấy giờ có những người bầy tôi giúp nước cao công như Nguyễn Sí, Đinh Liệt, Lê Lăng, Lê Niệm, hiệp lực đồng tâm, xướng tôi đến đánh. Việc đại nghĩa một xướng, người đều thuận giúp; bọn hung đồ giết hết, cung cấm nghiêm sạch. Bọn Nguyễn Sí mưu với nhau rằng: "Ngôi trời thật khó, thần khí thật trọng; nếu không phải người đại đức thì làm sao có kham được. Nay Gia vương sáng suốt, khí lược trầm nhã, cao hơn mọi người, không phải các vua khác khá sánh được. Lòng người đều thuộc, ý trời khá biết". Tức nhật đánh xe đến đón vua ở Tây cung, để nối thừa mối lớn. Vua không có lòng làm vua, song lấy cơ nghiệp của tổ tông làm trọng, lòng dân suy đợi cầu, cũng phải chịu theo dân tình mà lên bảo vị.

Đại xá thiên hạ, cải nguyên Quang Thuận.

NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Quán Trung Tân

Bài dịch Khuyết danh

Ôi! tính người ta vốn thiện, tự câu vào cái khí bẩm, phải cái vật dục nó che đi, mà cái tính vốn thiện hoặc không được toàn như lúc mới, thành ra kiêu, lận, tà, tịch, không cái gì là không có. Ở nơi triều miếu thì tranh danh, ở chốn chợ búa thì tranh lợi. Những nơi quyền quý thì xa xỉ như dựng nhà lương đài áo thất; những nhà giàu có thì hoa lệ, như đặt chốn vũ tạ ca lâu. Thấy người chết đói giữa đường,

tiếc một đồng tiền không cho; cái tính lành người ta không sửa đã lâu vậy! Song lẽ trời vốn ở lòng người, chưa từng tiêu mất. Hay vậy ôi! các kỳ lão làng ta gắng nhau lấy điều thiện. Cầu quán đền chùa, chỗ nào cũng sửa sang lại. Ta cũng có lòng lạc thiện, vẫn thường nói đến luôn.

Mùa thu năm Nhâm Dần, ta thôi quan về nghỉ nhà quê, dắt các kỳ lão trong làng ra chơi bến Trung Tân. Trông đông có bể, tây có ghềnh; nam nhìn sông Liêm Khê thì có chùa Trung Am, động Bích Động liền nhau, bắc ngắm sông Tuyết Giang thì có chợ Hàn Thị, bến Nguyệt Độ giáp nhau. Một con đường lớn bao bọc ở giữa. Bánh xe đi lại, không biết mấy nghìn dặm. Nhân ngoảnh lại bảo các hương lão rằng: "Các ông trước xây dựng, như cầu Nghênh Phong, cầu Trường Xuân, đẹp thật là đẹp vậy! Nhưng chưa có đất nào đẹp như ở đây.Khá không nên dựng một cái nhà để cho khánh hành nhân nghỉ ngơi ư?" Chư lão đều vui đấy.

Ta tức quyên tiền nhà để làm nền, sai Trương Thời Cử, Nguyễn Trọng Tiên, Nguyễn Mẫu, Đinh Thanh Miếu, Vũ Đình Địch, Lê Sùng Phúc, bấy nhiêu người đốc việc. Hưng công ngày mồng ba tháng tám, ngày hai mươi chín quán thành. Ta đề ngạch ba chữ: "Trung Tân quán". Có người hỏi ta rằng: "Quán lấy tên Trung Tân là nghĩa làm sao?" Ta nói rằng: "Trung ấy là giữa vậy. Hết điều thiện là giữa, không hết điều thiện thì không phải là giữa. Biết chỗ nên dừng là yếu tân, không biết chỗ nên dừng là mê tân. Cái nghĩa tên quán là ở đấy vậy. Như trung với vua, kính người lớn, bạn với anh em, hòa với chồng vợ, tin với bằng hữu, là giữa vậy. Thấy của không tham, thấy lợi không tranh, vui điều thiện mà dạy người, suy điều thành mà đãi vật, cũng là giữa vậy. Cái nghĩa chữ trung là đến chỗ chí thiện, biết lấy đấy làm bến, biết nơi yếu tân, thì sự sự vật vật, cứ mà làm đấy, không cái gì là không thiện. Cái công đức thiện, há khả lượng được vậy thay!".

Chư lão đều vui ta nói là phải, xin khắc vào đá để nhủ đời sau.

VĂN PHÚ

PHAN VĂN ÁI

Bài phú Thầy đồ đi trọ

Quân bất kiến:
Núi Đọi đằng kia,
Sông Lê bên nọ.
Có một thầy đồ,
Hề kỳ mũi lõ.
Nón dứa, giầy da,
Áo lương, quần lụa.
Giọng pha Nguyên mặc, bài truyện bài kinh,
Hơi luyện Đường nhân, câu thơ câu phú.
Gặp hội phong vân long hổ, nhà nước mở khoa,
Giở nghề bút nghiễn văn chương, thầy đồ đi trọ.
Trọ ở đâu à?
Rằng ở tỉnh nhà.
Mặt rửa chi chậu thau bể đá,
Đít ngồi chi trường kỷ ghế hoa.
Phong lưu quen thói thị thành, chốn thanh lịch đãi người thanh lịch,

Nhà cửa quanh năm vắng vẻ, mẹ đàn bà con cũng đàn bà.
Dồ vui được chốn thanh nhàn, tiếng thì mặc tiếng,
Chủ cũng yêu người văn tự, ta lại gặp ta.
Ư thị:
Mượn cái đĩa ngô.
Bày trăm cau khô.
Rằng tôi anh đồ,
Xin trọ nhà cô.
Gánh tủ sách,
Quẩy hòm đồ.
Này khăn này áo,
Này thầy này trò.
Sẵn sàng nước rót cơm bưng, ba đồng một tháng,
Bè bẹt rượu ngon nhắm tốt, hai bữa đôi hồ,
Tường đông ai khéo xoay vần, mắt Kim Trọng đôi bên ngấp nghé.
Cửa sổ đưa phấp phới, đàn Tương Như mấy khúc nhỏ to.
Phù dĩ:
Hương lửa gần quen,
Tăm hơi chẳng quản.
Một đây một đấy,
Nên bầu nên bạn.
Thầy đồ nghe cũng cứng, gắng sức dùi mài,
Nhà chủ mở ngôi hàng, ra tay buôn bán.
Mấy quyển Tân thanh chi truyện, đọc lại thêm vui,
Vài thiên Trịnh Vệ chi âm, ngâm mà chẳng chán.
Khởi bất dĩ:
Cô thì buôn bán,
Tôi thì học hành.
Lời ăn tiếng nói,
Nấu sử sôi kinh.
Ngày sáu khắc,
Đêm năm canh.
Say vì nết,

Mệt vì tình.
Dù ai hẹn ngọc thề vàng, trời cao bể rộng.
Mặc kẻ cười hoa cợt nụ, gió mát trăng thanh.

Lẳng lơ phú

Lấy vần "Thanh làm đồng sớm có đôi ba người"

Mang một chữ tình,
Mình buộc lấy mình.
Ong ong bướm bướm.
Yến yến anh anh.
Bạn chăn gối kẻ tham hồng tích lục,
Khách đong đưa kẻ du tử đạp *thanh*.
Có người:
Răng đen má phấn.
Tóc phượng cài trâm.
Thực người thành thị.
Khác kẻ sơn *lâm*.
Miệng cười hớn hở chi hoa, tướng xem đã lạ.
Môi điểm hồng hồng chi phấn, sắc lại ưa nhằm.
Lịch sự nhi khăn điều yếm thắm,
Phong lưu nhi nón thúng quai thâm.
Nghĩ rằng:
Ưa duyên cá nước,
Gặp hội mây rồng.
Ngang án Mạnh,
Tạc chữ *đồng*.
Bõ công trang điểm,
Thỏa kiếp má hồng.
Ai ngờ già kén kẹn hom, cao chẳng đến, thấp chẳng tới.
Có lẽ đeo bầu mang tiếng, người thì có, ta thì không.
Vậy nên:
Theo thói giang hồ.

Học nghề ong bướm.
Khi đêm, khi hôm,
Khi chiều, khi *sớm*.
Khi chợ, khi búa,
Khi đình, khi đám.
Cưỡi hoa cợt nguyệt, long bồng thủng trống chi chơi,
Bán phấn buôn hương, đổ quán xiêu đình chi bợm.
Nay kiệu mai cờ,
Nay xe mai lọ.
Trà tầu, thuốc lá, tay trái gái này,
Tổ tôm, bài phu, ngón nào cũng *có*.
Ông ẹo đôi vai chi gánh, sớm sớm, chiều chiều
Tình tang bốn góc chi trời, trăng trăng, gió gió.
Kìa những kẻ:
Buồng the khép nép,
Ra vào khoan thai.
Nói chẳng ra lời,
Cười chẳng hở môi.
Kịp lúc bước chân ra ngoài,
Mới hay đôi cũng đủ *đôi*.
Chẳng qua mượn tiếng trinh thuần, rằng danh thục nữ,
Giả giáng ra người yểu điệu, dử mối anh tài.
Sao bằng ta:
Mười lăm, mười sáu,
Mười bảy, mười *ba*.
Ta giữ nết ta,
Thế nào cũng là.

Chồng con chi cho bận tấm lòng, uốn ngược uốn xuôi, khôn bề chiều chuộng.

Chị em nhỉ chẳng chơi cũng thiệt, một tuổi một khác, trẻ mãi ru mà?

Vậy ta nên:
Lẳng ăn, lẳng chơi,
Lẳng nói, lẳng cười.

Lẳng đi, lẳng lại,
Lẳng đứng, lẳng ngồi.
Ta lẳng, cứ lẳng,
Người cười, kệ *người*.
Chẳng một mình tôi, đồng sớm thanh lâm đó nọ,
Cũng đôi ba kẻ, lầu hồng gác tía hơn ai?

NGUYỄN ĐÌNH TỐ

Bài phú Tiến sĩ

Khi ra đường thì:
Lọng dập dìu đôi,
Võng dan díu bảy.
Gậy sừng hươu vác trước nghênh ngang,
Giáo cổ ngỗng xua nhau lập lẫy.
Trống tiểu cổ tung tung lừng giọng hát, trời nghiêng một góc tưng bừng,
Quân tiền hô tránh tránh thét ra oai, người dẹp đôi bên thây thẩy.
Kẻ đi đường phải nghiêng nón dạo quanh,
Người ngồi quán phải nép lưng đứng dậy.
Khi vào chầu thì:
Nghiêm trang mới dám,
Uy vệ càng ra.
Đai mặt ngọc sáng lừng đủng đỉnh,
Ủng mũi cao cong vắt nhởn nhơ.
Đầu đội mũ đồng cân, phảng phất ngắm hình khác nào bụt hiện,
Lưng đeo tấm bố tử, thướt tha xem nhường quá ngỡ tiên sa.

Khi ra:
Vâng chịu mệnh vua,
Sửa sang việc nước.
Kinh luân mặc sức đảm đang,
Khôn khéo ra tay mực thước.
Thét một tiếng gian tà co cổ, ai nào dám he,
Quát một điều nha dịch cau mày, người nào dám xược.

QUAN NGHÈ THỤ ÍCH

Tống thần cùng phú

Ông hỡi, hỡi nghèo,
Lại đây, đây hỏi:
Ta với người xưa,
Khen ai dắt mối?
Không sắt mà cầm,
Không dây mà nối?
Đeo đuổi giốc lòng,
Đi về quen lối?

Dù kiếp trước hoặc là giàu là nghèo cũng mặc, chèo bôi đã thay mặt khác, thời đĩa ho cò gáy biết ai đâu,

Sang kiếp này từa hay ăn nói đến giờ, bợm già vẫn dấn mình theo, để rộng xác vò xơ khôn xiết nỗi!

Nhờ công dưỡng lúc cau non ấp bẹ, mày sao cây xe hạc chi mau?

Nhớ đức sinh cây cả mát cành, mày sao tuyết thềm gương chi vội?

Tháng tháng xui hồn mà gọi bệnh: chẳng sâm Cao Ly,

thời quế Thanh Hóa, cao Ban long, nhung bao tử, ngang vàng chi của, dễ xin ai?

Ngày ngày xui thần khẩu kiếm ăn: hết thuốc Nam Chân, thời cau Đông Hải, trà Chính Thái, rượu cúc hoa, như ốc chi tiền, đâu đúc mãi?

Trông bè bạn toan viết thơ chu cấp, nơi mày bóc áo quần, nơi mày xoay cơm gạo, khác lọ nhưng cùng một nước, cũng phường mày như một cốt một đồng,

Trong anh em toan tính số phân phì, nơi mày lừa cờ bạc, nơi mày rủ rượu trà, đào ao khó uốn khúc lươn, bởi vì mày ra ba chìm bảy nổi.

Đã lừa nhau bán thày nho dõi miệng, giá văn chương đất rẻ mấy đồng công!

Lại trêu nhau mua anh tú nặng vai, tiếng khoa mục ít nhiều thêm chuỗi tội!

Nhà nhân đứng toan khua trống lưới, mày vác minh tinh chạy trước, toan tát cạn bắt lấy, kén muốn dày nhưng ngày chẳng được lâu,

Cửa rằng dầu muốn gẩy đàn môi, mày khua hiệu mõ theo sau, toan trông đó ngó chài, bò phải đói nhờ ai mà được cởi.

Cũng đã chán chê mê mỏi, rắp bôi đen cùng phường mặt phấn, nhưng đường đi vẫn chẳng đường thông,

May thay tí cốc tinh cò, toan pha son mượn sức má đào, họa quẻ bĩ xui ra quẻ thái.

Cạnh bếp chi hai con lợn giống, trông thấy một ăn một lớn, những mong hai hóa bốn, bốn hóa tám, mày vội mừng đem lễ tiễn quan Ôn,

Trong buồng chi một lứa tằm hoa, trải qua ba dậy ba nằm, chắc rằng một mà mười, mười mà trăm, mày quá đến lại ra trò thằng Cuội.

Lúa bông vang vừa khi vàng mắt, mày khấn khứa ông mưa bà bão, một đêm mà béo lũ mương gầy,

Ngô bế em vừa thuở thâm râu, mày mồi chài chú nước bác sông, một chuyến để no phường đĩa đói.

Bồ có tuổi, mày rủ rê nanh chuột, gió rét mưa dầm mấy độ, đã thờ ơ, như đất cạn lờ,

Việc không tên mày bới chải lông lươn, dầu hao mỡ tốn bao phen, vẫn chấp chễnh như chân để muối.

Mặt ấy với mặt này đã vậy, áy náy cho phường mặt phấn phải đen lây,

Ngày nay so ngày trước khác gì, lẩn thẩn để ngày xanh thêm quẩn lại.

Hay nước lọ cơm niêu, mày quen thói cũ, ăn cây nào rào cây nấy, để anh em vì mày nhạt nhẽo, làng nước vì mày xa khơi?

Hay chim mây cá nước, mày có lòng nào, đứng núi nọ đọ núi kia, để nhà cửa vì mày tan hoang, công việc vì mày dở dói?

Mãi mãi hai mươi năm có lẻ, mày vẫn đeo bầu kết bạn, riêng thân nhĩ mục chi nhầm,

Thôi thôi trăm nghìn dặm bao xa, mày thời liệu nẻo tìm đường, kiếm bệnh cao hoang chi khỏi.

Vào những chốn non bồng nước nhược, bầu tiên không cấm đoán chi ai,

Vào những nơi gác kệ lầu kinh, cửa Phật có hẹp hòi đâu hỡi!

Hay là muốn tránh danh cho đẹp mặt, còn nhiều phượng đất với lân trời,

Hay là nghe con chữ mãi êm tai, nào thiếu ong lưng cùng hạc gối.

Can chi lẩn mãi đường quai,

Mà để vật nhau đống sỏi?

NGUYỄN HUY LƯỢNG

Tụng cảnh Tây Hồ

Bài phú này làm ra để tụng công đức của Cảnh Thịnh nhà Tây Sơn.

Lạ thay cảnh Tây Hồ!

Lạ thay cảnh Tây Hồ!

Trộm nhớ thuở đất chia chín cõi,

Trước bạch hổ vào ở đó làm hang, Long quân trổ nên vùng đại trạch.,

Sau kim ngưu chạy vào đây hóa vực, Cao vương đào chặn mạch Hoàng đô.

Tiếng nghe gọi Dâm đàm Lãng bạc,

Cảnh ngắm in tinh chử băng hồ.

Sắc rờn rờn nhuộm thức chàm xanh, nghĩ động bích nổi lên dòng lẻo lẻo,

Hình lượn lượn uốn vòng trăng bạc, tưởng vầng ngân rơi xuống mảnh nhò nhò.

Dư nghìn mẫu nước trời lẫn sắc,

Trải bốn bên hoa cỏ chiều mùa.

Đám đất bày mỏ phượng còn in, kẻ rằng đài thượng nguyệt,

Vũng nước hút hàm rồng chẳng cạn, người gọi chén trung tô.

Tòa thạch tháp nọ nơi tiên để báu,

Chốn thổ đôi kia chỗ khách chôn bùa.

Đền Mục lang hương hỏa chẳng rời, tay lưới phép còn ghi công bắt hổ,

Quán Trấn võ nắng mưa nào chuyển, lưỡi gươm thiêng còn để tích giam rùa.

Kề bến nọ, quán Thiên Niên lớp sớp,

Cách ngàn kia, ghềnh Vạn Bảo nhấp nhô.

Tòa kim liên sống nổi mùi hương, bia Trấn Quốc tưởng in vùng Tĩnh Phạm,

Hàng cổ thụ gió rung bóng lộc, tràng phụng thiên nhận sẵn thú Nghi Vu.

Dấu Bố Cái rêu in nền miếu.

Cảnh Bà Đanh hoa khép cửa chùa.

Trông mơ màng dường đỉnh Thứa nơi kia, vài tổ thước cuối làng kêu chích chích,

Nghe phảng phất ngỡ động Đào mái nọ, mấy tiếng gà trong trại gáy o o.

Lò Thạch Khối khói tuôn nghi ngút,

Ghềnh Nhật Chiêu sóng giật ý ồ.

Rập rềnh cuối bãi đuôi nheo, thuyền thương khách hãy chen buồm bươm bướm,

Thanh lảnh đầu hồ cổ ngựa, tháp cao tăng còn hé cửa tò vò.

Chầy Yên Thái nện trong sương chểnh choảng,

Lưới Nghi Tàm ngăn ngọn nước quanh co.

Liễu bờ kia bay tơ biếc phất phơ, thoi oanh ghẹo hai phường dệt gấm,

Sen vũng nọ nẩy tàn xanh lác đác, lửa đóm trêu năm xã gây lò.

Cầm ve gẩy lầu thư ánh ỏi,

Mõ quốc khua án kệ rì rù.

Gò Châu Long khi ngọn gió đưa quanh, hồi thú cổ thấy kề bên khóm trúc,

Non Phục tượng lúc vầng trăng hé nửa, tiếng hàn châm nghe cách dải sông Tô.

Người ngoạn cảnh thẩn thơ đòi chốn,

Khách thâu nhàn lai láng từng khu.

Mảnh áo tơi lớp sớp trong mưa, ca Thanh thảo quyến đàn trâu gã Nịnh,

Con thuyền trúc lân la trước gió, khúc Thương lương đưa gánh củi chàng Chu.

Vầy cuộc ẩn mọi nghề chẳng thiếu,

Mượn thú vui bốn bạn gồm no.

Cảnh Khán Sơn chưa gác cuộc cờ, lòng thơ đã bồi hồi ban lãnh thỏ,

Làng Vọng Thị còn đông tiệc rượu, tiếng cầm đà não nuột buổi tà ô.

Khách Ngô Sở chợ tây ngồi xan xát,

Người Hi Hoàng song bắc ngáy o o

Bến giặt tơ, người vốc nước còn khuya, gương thiềm đựng trên tay lóng lánh,

Vườn hái nhị, kẻ dầy sương hãy sớm, túi xạ rơi dưới gót thơm tho.

Ngang thành thị ghé yên hà một thú,

Dọc phố phường tung phong nguyệt hai kho.

Gió hiu hiu dòng Nhị thủy đưa lên, lồng hơi mát tới chòm hoa khóm trúc.

Trăng vằng vặc mái Tam sơn rọi xuống, hớp bóng trong từ lũ cá đàn cò.

Phong cảnh cũ nhiều nơi thắng lãm,

Triều đời xưa mấy lớp thanh ngu.

Tựa bóng hoa đặt quán quan ngưu, kìa đời Hưng Khánh,

Đè mặt sóng đem đường dụ tượng, nọ thuở Kiều phù.

Trải Trần trước đã nhiều phen xe ngựa,

Tới Lê sau càng lắm độ tán dù.

Trộm thấy thiên "Bát vịnh du hồ" trong tĩ hứng cũng ngụ lời qui phúng,

Trạnh nhớ khúc "Liên ngâm thưởng nguyệt", lúc tiếu đàm dường thỏa ý giao du.

Tòa đá nọ hãy nghi câu canh họa,

Dòng nước kia đương nổi chén tạc thù.

Năm sau từ nổi bụi tiêu đường, ba thước nước khôn cầm mầu hiệu khiết,

Buổi ấy cũng góp phần tang hải, sáu thu trời bao xiết nỗi hoang khô!

Hình cây đá mưa trôi gió giạt,
Sắc hoa chim mây vẩn sương mù.
Chốn trì đường làm bợn vẻ thanh quang, xuôi ngược những vẫy đuôi khoa đẩu,
Nơi viên vũ để che màu sảng lãng, dọc ngang trao mặc bóng tri thù.
Hương cổ miếu đôi chòm lạnh lẽo,
Đèn viễn thôn mấy ngọn tù mù.
Kênh đâu đâu đều chạy xuống trung sa, lầu túc điểu gió còn sớm quạt,
Sen chốn chốn đã bay về tây vực, vũng du ngư nguyệt hãy tối mò.
Kêu trị loạn đau lòng con đỗ vũ,
Gọi công tư mỏi miệng cái hà mô.
Lũ cầy mây lần tưởng bóng nghê, thơ thất nguyệt thở than cùng mục thụ
Khách điếu nguyệt biếng tìm tăm cá, chữ tam mô bàn bạc với tiều phu
Nghe xóm nọ rù rì ong kiến,
Ngắm ghềnh kia thấp thoáng trai cò.
Thú thượng lưu chếch mác thế cờ, người nhạo thủy ôm cầm khi dạng quế,
Màu yên cảnh bâng khuâng hồn rượu, khách đăng đài gác bút buổi bay ngô.
Chiều phong vị xem dường quạnh quẽ.
Dấu đồ thư ngắm hãy mơ hồ.
Dưới cầu vồng nước chảy mênh mông, đường xưa đua ngựa,
Trên thành trĩ đá xây chơm chởm, bên cũ gọi đò.
Trước cố cung treo nửa mảnh gương loan, vầng trăng he hé,
Sau cổ tự gửi mấy phong da ngựa, đám cỏ lù rù.
Lớp canh dịch người xưa man mác,
Vẻ tiêu lương cảnh cũ thẹn thò.

Áng phồn hoa vì cảnh muốn phô người, người trải khi vật đổi sao dời, cảnh phải chiều người buổi ấy,

Thời thanh lãng có người còn mến cảnh, cảnh có sẵn nước trong trăng sáng, người nên phụ cảnh này ru?

Vành trăng nọ buổi tròn buổi khuyết,

Ngọn nước kia nơi hoắm nơi nhô.

Tới Mậu thân từ rõ vẻ tường vân, sông núi khắp nhờ ơn đẳng địch,

Qua Canh tuất lại tưới cơn thời vũ, cỏ cây đều gội đức chiêm nhu.

Vũng trì chiểu nước dần dần lặng,

Nơi đình đài hoa phới phới đua.

Chốn bảy cây còn mấy gốc lăng vân, chẳng tùng bá cũng khoe mình thương lão,

Nơi một bến đã đông đoàn hí thủy, tới uyên ương đều thỏa tính trầm phù.

Vẻ hoa thạch châu thêu gấm dệt,

Tiếng trùng cầm ngọc gõ vàng khua.

Bãi cỏ non, trâu thả ngựa buông, nội Châu đã lắm người ca ngợi,

Làn nước phẳng, kình chìm ngạc lặn, ao Hán còn mấy trẻ reo hò.

Mặt đất đùn, này thóc này rau, dầu lòng Cô Trúc,

Làn nước chảy, nọ dòng nọ bến, mặc chí Sào Do.

Cây quán kia còn đứng dậy thần uy, đoàn Mán tới dám khoe lời tây hữu.

Sen chùa nọ lại bay về cảnh Phật, lũ Ngô về từng niệm chữ nam mô.

Dấu linh dị rành rành vẫn sáng

Mạch hậu nhân dằng dặc bao gò.

Mặt thành xưa đem lại thế kim thang, đất xây phẳng lặng.

Cánh hàn cũ sửa ra hình chỉ trụ, đã xếp xô bồ.

Nghé vùng danh nẻo lợi bấy lâu, cảnh tuy rằng nhỏ,

Song nước trí non nhân mấy chốn, cảnh đã chi thua.

Trải mấy thu từng tựa bóng tàn xanh, thâu cảnh đã vào trong vũ trụ,

Song nghìn dặm đã xa vời bệ tía, góp cảnh còn gọi chốn biên ngu.

Tuy thú vị đã giãi bày ra đó,

Nhưng thanh dung còn trang điểm lại cho.

Này mừng:

Trời phù chính thống,

Đất mở hoành mô.

Quyền tạo hóa tóm vào trong động tác,

Khí càn khôn vận lại trước đô du.

Nền hoàng thành đặt vững Long biên, ngôi bắc cực muôn phương đều củng hướng,

Đàn bắc trạch xây kề Ngưu chử, cảnh Tây Hồ trăm thức lại phương phu.

Chòm hủ thảo chưa qua tuần đom đóm,

Áng tường vân đà cách độ tua dua.

Ngắm nguyệt chiêm từ Cấu tượng bốn hào, ống âm dương đà quét bụi,

Xem tuế luật đến Di tàn bảy tấc, lò thiên địa mới bay tro.

Cơ vãng phục lạnh thôi lại ấm,

Lẽ hư doanh bớt đã lại bù.

Dưới lục âm vừa sinh khí nhất dương vạn phẩm đã nhờ ơn khuôn tạo,

Trên cửu đạo lại tẩy ngôi thất chính, bốn mùa đều theo hướng đẩu xu.

Hương khâm kính xông miền hiệu đãng,

Rượu cung kiền thấm cõi minh u.

Ánh năm mây bày ngọc bạch đôi hàng, thảo mộc hãy ca công Thang Vũ,

Vang chín bệ nổi tiêu thiều mấy chập, điểu thú đều vỗ đức Đường Ngu.

Vẻ hoa lẩn dấu cờ năm thức,

Mặt nước in bóng giáo ba ngù.

Trước huân phong nghe phảng phất cung đàn, làn thâm thủy muốn vái lên ngũ bái

Dưới ngọ nhật thấy vang lừng tiếng chúc, hình viễn sơn đều gục xuống tam hô.

Lễ nhạc ấy nghìn thu ít thấy,

Phong cảnh này mấy thuở nào so.

Trên dưới đều rồng mây cá nước phải duyên, giọt vũ lộ tưới đòi nơi uyên lộ,

Gần xa cũng bờ cõi non sông một mối, tấm đan thành dung khắp lũ nghiêu sô.

Hơi yêu mị quét dưới cờ thanh đạo,

Ánh tường quang tuôn trước ngọn huyền lô.

Rặng đầu ghềnh người mượn chữ vu viên, ran loài hồng nhạn,

Ca cuối vũng kẻ ngâm câu tại chử, nhủ lũ ê phù.

Lời ca ngợi tưởng ngồi trong Châu nhã,

Điệu ngâm nga nghe đứng giữa Nghiêu cù.

Ngẫm nay đà vui thú tạc canh, đành chốn cũng ca đồng vũ tẩu,

Nhớ trước đã thảo loài động thực, hẳn đâu đâu đều bặt thỏ êm hồ.

Nay lệnh tiết đã tin điềm thái lãng.

Xin thánh nhân càng ghín chữ dự du.

Ngọn nguồn tuôn giàn giụa mái kia ghềnh, đèn chiếu thủy chia dòng Kinh Vị,

Chòm cỏ mọc tần vần bên nọ miếu, trống thôi hoa rẽ khóm huân do.

Nhận giá sắc xét vân phong cần nọa,

Ngắm thanh quang soi vật tính thanh ô.

Chốn chiểu đài xem cá nhảy chim bay, thâu sĩ lộ nơi thông nơi trệ,

Miền thôn ổ lắng chim kêu gà gáy, lượng dân gian đâu háo đâu trù.

Tình u ẩn khắp bày trên thị thính,

Hiệu trị bình đành rắp dưới tề tu.

Nơi mạch kia dân tựa lấy làm trời, hang chuột ẩn há ngừa nơi có khuất,

Bờ liễu nọ kẻ xây đà vững đất, lỗ kiến đùn lên kín buổi nguồn xô.

Đem phong cảnh lại một bầu trí nhỏ,

Mở thái bình ra bốn bể mới to.

Tôi nay:

Hổ mình thiển lậu,

Dại trí sơ thô.

Dự một kỷ yên bề vu lịch.

Ngoài năm tuần thẹn bóng tang du

Trước phượng đàn đứng sánh hàng loan, trông hồ cảnh tiến một chương lại ngự,

Bên ngự đạo ngửa trông vầng nhật, nổi thanh sơn mừng muôn kỷ dao đồ.

PHẠM THÁI
Chiều Lỳ

Phản Tây hồ tụng

Để tỏ lòng chống đối, Phạm Thái làm bài này, họa đúng tám mươi lăm vần của bài Tụng cảnh Tây Hồ của Nguyễn Huy Lượng.

Ngán nhỉ tụng Tây hồ!

Ngán nhỉ tụng Tây hồ!

Vốn trước đã lở làm hoang hoác vũng,

Có lẽ đâu mọc đá nhấp nhô gò?

Người rằng nơi Long tử khoét làm vùng, bởi được bùa quái chú Huyền trao, vầy cáo trắng hách hơi vào đại trạch,

Kẻ bảo ấy Cao vương đào chặn mạch, vì mảng tiếng chuông thầy Khổng nện, nên trâu vàng theo dấu trung đô

Bốn mặt chứa châu cung kim điện,

Một doành thâu băng chử ngọc hồ.

Bãi Dâm đàm gió thét trận Trưng vương, khí chướng vụ khua tan đầu lĩnh ngất,

Gò Lãng bạc tuyết tan đồn Bắc tướng, đoàn lộ âu tắm lẫn bóng trăng nhò.

Có thu nguyệt mới nước trời in sắc,

Chửa xuân thiên sao hoa cỏ chiều mùa?

Cát xô lên mỏ phượng lù sù, hình thu nữ thẹn lên lầu nguyệt kính,

Nước chảy xuống hàm rồng róc rách, dáng xuân lang rót lại chén đồ tô.

Tòa thạch tháp đã tan bình xá lị,

Đống thổ đôi đà nát dấu linh phù.

Lưới Mục lang âu nát mất cả giường, gian chẳng bắt nữa hoài công bắt hổ,

Gươm Trấn Võ chỉ còn trơ những sống, giặc không giam mà có sức giam rùa.

Thiên nhiên nếu được lâu, sao quán nát

Vạn bảo nào có báu, để ghềnh nhô.

Ngẫm tăng ni thơ thẩn khổ tu hành, anh xe vóc, chị mũ vàng, đỏng đảnh thế, ở làm giông Phạm Vũ,

Xem đồng quán dở dang chiều lý thú, đứa dải đào, thằng khăn thắm, náo nức thay, chạy đến quấy Nghi vu.

Ông Đá dãi dầu hình tượng miếu.

Bà Đanh vắng ngắt tiếng chuông chùa

Nhà tranh đua đều khấn bụt cầu ma, đường Quán thánh khéo lăng nhăng lít nhít,

Chợ xao xác những buôn hùm bán quỷ, mái Trường lương nghe lếu láo y o.

Khói lò gạch thổi lưng trời ngùn ngụt,

Sóng cánh hàn xô sườn đá ô ồ.

Bãi đuôi nheo tanh ngắt giống tinh chiên, nước trong hờn vẻ nguyệt chẳng còn ưa, thuyền du tử lái chạy ra cho chóng,

Hồ Cổ ngựa thối hoăng mùi đại tiểu, hoa thơm giận chiều xuân sao nỡ phụ, lều cư nhân tranh nát đã như vò.

Yên công tử ắt đà long cổ nối,

Mộc vũ thần âu hẳn gãy tay co.

Thoi oanh dầu dệt liễu nên tơ, cửa Nam khó xổ kim thêu túi,

Đèn đóm dẫu soi sen thấy lửa, quân Tây khôn hút điếu hun lò.

Quyên oán hạ thiên đà khắc khoải,

Ve hờn nam địa mới rì rù.

Chùa Châu Long, hương cúng khét mù, nghe mõ cá đã dức vang cầu Trúc,

Hồ Bạch Mã sen bay mất cả, làm giấy hoa đem bán giả sông Tô.

Ngắm cảnh trí cũng mảng vui mấy thú,

Xem phong quan nào có vẻ một khu.

Cái cô đình cho gió lọt hoa kề, lơ thơ cảnh đượm màu sương, dường tạo hóa đã in châu thúy biếc.

Con tiểu đĩnh đã mây che nước chở, lóng lánh sóng in sắc nguyệt, ngỡ không trời còn đúc bạc đào châu.

Góp cảnh vật đủ tháng ngày cũng khó,

Lấy cỏ hoa làm bầu bạn mà no.

Cành dưới trên sương hãy nhuộm màu xanh, ca ngư tử đã xua tan vầng ngọc thỏ,

Cây dọc ngang tuyết vừa đông bãi bạc, địch mục nhi đà thổi sáng bóng kim ô.

Tuyện Tần Hán kẻ kia cười lả tả,

Giấc Hi Hoàng người nọ ngáy phi pho.

Cuộc doanh thâu bàn bạc bắc nam chơi, khúc lưu thủy gảy vài cung réo rắc,

Thơ thanh nhã đề ngâm phong nguyệt mới, rượu kiền khôn rót mấy chén thơm tho.

Vuông đất tròn trời, thu về chật túi,

Ngang sông dọc núi, chở lại đầy kho.

Hóng thanh phong nằm khểnh tót Tam Sơn, phơi bụng trí để dãi đoàn ong kiến,

Chở minh nguyệt tếch về ngay Nhị thủy, giương mắt thần mà ngắm thế trai cò.

Bấy nhiêu đã lấy chi làm thắng khái,

Còn những đâu mà dám nói nhàn ngu?

Cao minh chi mà biết phép quan ngư, nào có phải Ba la thích sắt,

Tài cán ấy khó làm mưu dụ tượng, dễ mà hư Huyền Tĩnh thư phù.

Đường ngoạn thưởng lờ mờ móng ngựa,

Cung du quan mù mịt bóng dù.

Đồ ăn thức mặc, ngán nỗi phố phường, xem phong vị khó như đời đại hữu,

Kẻ ám người gian, gớm thay quân tướng, ngẫm minh lương nào phải đạo trung phu.

Chữ lối cua bò, lằng nhằng thư thảo,

Thơ dông có chạy, láo nháo xướng thù.

Nhạc tiêu thiều còn lõm bõm khúc xưa, tiếng thanh điểu gọi người đi kẻ lại,

Sắc chương phủ hãy lờ mờ dấu cũ, ngọn kim phong lay lá rụng chồi khô.

Con túc vụ mờ mờ về lĩnh quạnh,

Cái cô hồng thăm thẳm tếch sương mù.

Chốn thi đình ve giục mới hè sang, bốn vách in sầu thơ bạch nhạn,

Mái cầm viện dế kêu liền thu đến, vài gian kết thảm lưới thanh thù.

Đàn dế rúc sương cung ánh ỏi,

Lửa huỳnh đưa gió bóng lù đù.

Cát xô lên mặt nước trắng phau phau, nghĩ ấy thầy Tân đem hạc múa,

Trăng lặn xuống đáy hồ trong vằng vặc, tưởng rằng ông Lý cưỡi kềnh mò.

Khóc khí vận tối căm con đỗ vũ,

Kêu cơ hoang sớm tủi cái hà mô.

Quên thét lâu thì luống để hờn lâu, bên cầu vồng nghe dịp trống khua trăng, vì Nam tướng phải căm lòng Bắc sĩ,

Ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi, trên thành trì lắng ngọn còi huýt gió, bởi Tây triều mà ghét chí Đông phu.

Than với đất cả đoàn ong lũ kiến,

Thở cùng trời từ cái cóc đàn cò.

Thưởng nghiên trà cho cá lội hạc bay, khi hứng vịnh nguyệt dòm quanh bóng quế.

Nhớ lư khí sẵn ngòi sâu nước rộng, buổi qui lai gió thổi rụng cành ngô.

Kẻ cao sĩ ít nhiều nơi trực bút,

Đứa tiểu nhân âu lắm lúc hàm hồ.

Phường Khán Sơn hoa kết võng vừa rồi, đoàn kỹ nữ bẻ bai hình đến phố,

Chợ Võng Thị rượu nồng hương mới chín, lũ túy ông tất tưởi dáng sang đò.

Khói viễn thôn khi ngọn gió ra vào, trông thoáng thoáng ngỡ nhà ma cửa lấp,

Trăng cổ quán lúc tấm mây cuốn mở, thấy xa xa dường núi ngất cây rù.

Chim bay nhảy đầu non vì vụt,

Cá xuống lên mặt nước thập thò.

Cảnh vừa khi quân tướng những ta xưa, thú cỏ hoa thì ai cũng chiều chơi, nào ngờ tuyết lạnh sương tan, lòng dạ ấy phải biết cho người với,

Người đến buổi quan hà về kẻ khác, thù non sông nghĩ mình chưa trả được, dẫu có trăng trong gió mát, mặt mũi nào mà vui với cảnh ru!

Quảy cả văn chương hòn đất lấp,

Chảy băng danh vọng khúc sông nhô.

Quỷ dạ xoa quấy bụt xuống chi đây, người bách nghệ đến đâu đều khổ não,

Thần hạn bạc nát ai ra đấy tá, kẻ tam nông mong chẳng được tô nhu.

Cơn binh hỏa trải mấy tao dời đổi,

Buổi phong trần thêm mấy dịp tranh đua.

Lớp tang thương rơi rụng tựa hoa tàn, ngẫm thiên đạo cũng vui thay cảnh thú,

Cuộc nam bắc được chăng dường chớp giật, nghĩ thời cơ thêm ngán nỗi diêm phù!

Đường vinh nhục nọ dòng nước chảy,

Áng lợi danh kìa đá lửa khua.

Gánh quân thân ai đã mỏi vai rồi, kẻ chí sĩ làm thinh đi chẳng dứt,

Chiếc quốc bảo khách còn dang cánh kéo, đứa nhâm nhân gắng sức lại mà hò.

Du hồ dễ mấy ai Phạm Lãi,

Phù hải âu chẳng một Tử Do.

Cửa âm dương khép mở sớm khuya liền, cơ huyền diệu khó lường sinh với tử,

Xe nhật nguyệt rẩy run xuôi ngược mãi, kiếp phù hư khôn tính hữu hay vô.

Vầng trăng nọ tròn rồi lại khuyết,

Bình nước kia đầy lắm có khi dò.

Nhớ khi thanh dạ tuần trăng, sen thoang thoảng đưa phong trà ướp mộc,

Tưởng buổi đoan dương quạt gió, lửa bằng bằng đun ấm rượu ngâm bồ.

Thanh cung khi hạ tới nắng đương nồng, nhồi phấn phun hương, so thanh lãnh với đông kia chẳng kém,

Lãng uyển buổi thu tàn hoa chửa rã, thêu hồng kết lục ví phân phương cùng xuân ấy không thua.

Thuở ngự du đua đĩnh phượng thuyền rồng, thẻ thanh hồng hoa cắm chật ao tiên, thu được cả vương hầu khanh tướng,

Khi tứ yến bày đàn loan quán phượng, khúc vũ nghê gió thổi lên cung nguyệt, vui mừng đều thành thị hải ngu.

Nông nỗi ấy kể càng thêm cảm nhỉ,

Cơn cớ này ai hầu dễ biết cho.

Đến nay:

Tan tành phong cảnh,

Nát bét quy mô.

Cơn thảo muội những gặp điều biến cải,

Lúc phong trần khôn thấy hội đô du.

Đông châu mấy kẻ múa gươm trung, buồm cần vương quấn ngược ngọn nam phong, thù khấu tặc chí còn chưa thỏa,

Bắc khổn những người đem việc nghĩa, cờ chính khí phất tàn lò hạ hỏa, nợ quân vương lòng ứng chẳng phu.

Thấy địa trận lắm nơi quay gió lốc,

Xem thiên văn đang lục thẳng sao tua.

Thuở bán chuân dồn đến lại thêm phiền, Canh thân ấy nghĩ còn bền tựa đá,

Quẻ lục hiệp bói ra thời cũng phải, Nhâm tuất kia âu hẳn nát như tro.

Vận hội nọ nghĩ ra thì đã biến,

Huân lao kia xem chửa chút nào bù.

Nếu ra tay thì núi lở non mòn, thể chí ấy để vững ngồi trong nhân thế.

Hễ chớp mắt là trời xoay đất chuyển, quyết gan này đem yên đứng giữa thiên xu.

Có trung nghĩa ắt không cùng lưỡng lập,

Để tinh linh cho thấu đến cửu u.

Rửa quan hà sạch dấu tanh hôi, vạn vũ được mừng ca hữu tượng,

Quét thành thị cho hết loài gai góc, bốn phương đều đội đức vô ngu.

Bởi con tạo có tơ gây lắm mối.

Vậy thợ trời không thấm nhuộm nên ngù.

Kèn Thọ Xương đưa khách bắc nam về, thổi vu ký, vu

qui, hồ tí hí,

Văn Quảng Bá phúng người khanh tướng chết, khóc vô cô, vô cố, vị ô hô.

Kèn thổi thế dễ ai đua ngón được,

Văn khóa kia mấy kẻ đặt lời so.

Nghĩ thời cơ mà thêm cám cảnh thay, thử liếc mắt nhắm cùng con vụ lộ,

Ngẫm thế sự mới càng ngán nhẽ, sẽ rỉ tai bàn với đức mục sô.

Rằng thiện ác vì ai tung rách lưới,

Buổi thịnh suy nào kẻ đạp toang lò.

Dân hoang niên nào có ít tử vong, được vui thỏa hẳn quên câu oán nhạn,

Người loạn thế biết là bao cơ cận, lúc say sưa mới nghĩ khúc ca phù,

Máy trị loạn chẳng khác chi bàn rối,

Vòng cổ kim xem tựa giống đèn cù.

Chính sự này đừng nói với ai chi, nỏ kim quy để nhằm con quái thỏ,

Văn chương ấy chớ khoe cùng tớ nữa, cung mộc tinh dành bắn cái yêu hồ.

Gẫm thiên đạo biết rằng cơ trọc loạn,

Xem hồ quang đà không đấu thanh du.

Con lộc kia nào có phép toàn đâu, ông ngồi trên ngựa những theo nhanh, còn theo thói gian tà mà chỉ lộc.

Khóm đo nọ hẳn đến ngày thì cất, kẻ muốn dang tay mà nhổ sạch, bỗng quen tuồng gian ác lại trông do.

Cháo bụt cơm trời, mớm no quả độc,

Nồi trời rẽ đất, bắc cạn trần ô.

Dùi hàn châm đương nện nguyệt công kênh, khúc thú cổ những đong sầu viễn cận,

Chầy cổ tự mới đâm sương loảng choảng, địch chinh nhân đà hát oán điêu trù.

Dẫu Tiên cũng khó lòng đây hóa,

Huống Phật kia không xuống đấy tu.

Vũ bộ xem ra khổ man di, thằng trọc tới, đứa hề vào, chiến trận ấy cũng cờ giong trống giục,

Văn chương ngẫm chẳng soi hiền thánh, kẻ đặt đi, người chữa lại, thơ ngây chi mà cửa chật sân xô.

Khí tượng ấy cũng không vương được nhỏ,

Anh uy này toan lại để cho to.

Đệ nay:

Chơi thì đã trải,

Ở cũng không thô.

Nghĩ thân trước đã dự mùi chung đỉnh,

Nên mình nay còn nhận đấu tang du.

Giận vì thằng nỡ đặt "Tụng Tây hồ", bênh nguỵ tặc bỏ quên thần đế thế,

Cho nên tớ phải họa "Thiên Chiếu tụng", nguyện ngô quân đem lại nếp hoang đồ.

MẠC ĐĨNH CHI

Ngọc tỉnh liên phú

Mạc Đĩnh Chi thi đậu trạng nguyên nhưng bị vua chê người nhỏ xấu nên làm bài này để tự tỉ. Vua thấy văn hay kiệt tác, mới chịu thu dùng.

Khách hữu ẩn kỷ cao trai,
Hạ nhật chinh ngũ,
Lâm bích thủy chi thanh trì,
Vịnh phù 3dung chi nhạc phủ.
Hốt hữu nhân yên,
Dã kỳ phục,
Hoàng kỳ quan,

Quỳnh xuất trần chi tiên cốt,
Lãm tịch cốc chi cồ nhan.
Vấn chi hà lai?
Viết tòng Hoa San.
Nãi thu chi kỷ
Nãi sử chi tọa,
Phá đông lân chi qua,
Tiến dao trì chi quả.
Tái ngôn chi lương, tái tiếu chi tha.
Ký nhi mục khách viết:
Tử phi ái liên chi quân tử da?
Ngã hữu dị chủng,
Tàng chi tụ gian.
Phi đào lý chi thô tục,
Phi mai trúc chi cô hàn.
Phi tăng phòng chi câu kỷ,
Phi lạc thổ chi mẫu đơn.
Phi Đào lệnh đông ly chi cúc,
Phi Linh quân cửu uyển chi lan.
Nãi Thái hoa phong đầu ngọc tỉnh chi liên.
Khách viết dị tai.
Khởi sở vị
Ngẫu như thuyền hề, hoa cao thập trượng,
Lãnh như băng hề, cam tỉ mật giả da?
Tích văn kỳ danh,
Kim đắc kỳ thực.
Đạo sĩ hân nhiên,
Nãi tụ trung xuất.
Khách nhất kiến chi,
Tâm trung uất uất.
Nãi phất thập dạng chi tiên,
Tỉ Ngũ Lăng chi bút,
Dĩ nhi ca viết:

Giá thủy tinh hề vi cung
Tạc lưu ly hề vi hộ
Toái pha lê hề vi nê
Sái minh châu hề vi lộ
Hương phức ức hề trùng tiêu
Đế văn phong hề nữ mộ
Quế tử lãnh hề vô hương
Tố Nga phẫn hề nữ đố
Thái dao thảo hề phương chau
Vọng mỹ nhân hề Tương Phố
Kiển hà vi hề trung lưu
Hạp tương phản hề cố vũ
Khởi hộ lạc hè vô dung
Thán thuyền quyên hề đa ngộ
Cẩu dư bính chi bất a
Quả hà thương hồ phong vũ
Khủng phương hồng hề dao lạc
Hoài mỹ nhân hề tuế mộ
Đạo sĩ văn nhi thán viết:
Tử hà vi ai, thả oán dã?
Độc bất kiến
Phượng hoàng trì thượng chi tử vi
Bạch ngọc đường tiền chi thược dược
Tuấn địa vị chi thanh cao
Ái thanh danh chi chiêu chước
Bỉ giai kiến quý ư thánh minh chi triều
Tử độc hà chi hồ tao nhân chi quốc
Ư thị.
Hữu cẩm tư ngôn
Khởi kính khởi mộ
Nga thành trai đình thượng chi thi.
Canh phong đầu chi cú.
Khiếu xương hạp dĩ phi tâm,
Kính hiến Ngọc tỉnh liên chi phú.

Bài dịch của khuyết danh

Đương khi lửa hạ,
Khách cao trai thư thả,
Tới dòng nước biếc,
Vịnh khúc phù dung,
Đến bến ao trong,
Ngâm câu nhạc phủ.
Bỗng bóng ai: áo trắng mũ vàng,
Phất phơ điệu cốt xương tiên,
Hớn hở tinh thần khác tục.
Khách hỏi tự đâu mà lại?
Thưa rằng từ núi Họa San.
Khách kéo ghế mời ngồi vồn vã.
Này dưa ngon quả quý bày ra,
Chuyện gần thôi lại chuyện xa,
Nói cười lơi lả tiệc hoa tơi bời.
Chuyện xong mới hỏi khách rằng
Khách đây quân tử ái liên chăng là?
Tiện đây sẵn có giống nhà,
Vẫn từng gìn giữ nâng niu hoa vàng.
Nọ đào lý bỉ thô còn kém,
Kể trúc mai đơn lạnh còn xa.
Nào phải giống tăng phòng câu kỷ,
Nào phải phường lạc thổ mẫu đơn,
Cũng chẳng phải đông ly đào cúc,
Mà cũng không cửu uyển linh lan,
Chính là một giống sen thần,
Đầu non Núi Họa giếng vàng sinh ra.
Khách nghe nói khen thay quý lạ,
Phải chăng giống hoa cao mười trượng,
Ngó cong như thuyền,
Lạnh giá như băng,

Ngọt ngon tựa mật,
Xưa từng nghe tiếng,
Nay được thực trông.
Nghe qua đạo sĩ vui lòng,
Hoa trong tay áo dũ liền tặng đưa.
Khách trông thấy trong lòng hồi hộp,
Bút Ngũ Lăng tay thảo nên ca:
Ca rằng:
"Thủy tinh làm mái cung đình,
Lưu li tạc để nên hình cung môn.
Pha lê nát nhỏ làm bùn,
Minh châu làm móc trên cành tươi cây.
Hương thơm bay thấu từng mây,
Bích thiên âu cũng mê say tấc lòng.
Quế xanh khóc vụng tủi thầm,
Tố Nga luống những mười phần giận thân.
Cỏ Dao hái chốn Phương tân,
Sông Tương trông ngóng mỹ nhân dãi dầu.
Giữa dòng lơ lửng vì đâu,
Non sông đất cũ có sao chẳng về?
Dành nơi lưu lạc quản gì,
Thuyền quyên lỡ bước lắm bề gian truân.
Một lòng trung chính nghĩa nhân.
Lo chi mưa gió phong trần tuyết sương!
Chỉn e lạt phấn phai hương,
Tháng ngày thấm thoắt mỹ nhân ai hoài".
Nghe xong đạo sĩ than rằng:
Nói chi ai oán thiết tha,
Kia chẳng xem đóa tử vi nở trên ao phượng,
Hoa thược dược mọc trước bệ vàng,
Cũng là địa vị thanh cao,
Thanh danh hiển hách,
Ơn trên thánh chúa mưa móc dồi dào.
Vội chi tủi phận hờn duyên,

Nước non lẩn thẩn toan bề đi đâu.
Khách nghe ra như tình như cảm,
Đem lòng kính mộ xiết bao.
Khúc trai đình tay tiên đề vịnh,
Thơ phong đầu giọng ngọc ngâm nga.
Nỗi lòng xin giãi gần xa,
Kính dâng một phú hải hà xét soi.

THỊ KÍNH

Quan Âm tống tử văn [1]

Bức thư của bà Thị Kính gửi con đưa về hầu bố mẹ khi sắp chết.

Nên nổi chân bèo khách địa, phận phù sinh về với kiếp thiên hôi,

Ngậm ngùi gốc tử cố hương, lời vĩnh quyết theo cùng dòng mặc lệ.

Khuất mặt gọi để sau làm dấu,

Khấu đầu vâng dẫn trước xin thưa.

Thuở thác sinh vào chốn hoa tông, phận xử nữ dám lòa gương hiếu kính,

Khi tác hợp nhờ tay nguyệt lão, bạn lương nhân bao trễ dạ trinh thuần.

Nghĩ một bề trọn đạo nghi gia,

Để đôi đức đành lòng nguyệt thất.

Duyên cắt tóc mới nên lời nguyện ước, chỉ đào lá thắm trăm năm,

Nỗi cắt râu ai rắp mối oan khiên cầu Thước sông Ô đôi bến.

Cầm ngọc đã đành ngang khúc phượng,

Lầu hồng thêm để thẹn gương loan.

Mai chia cành, trạnh nỗi phu thê, chếch mác buồng duyên nghìn dặm nguyệt,

Dâu ngả bóng, cảm tình phụ mẫu, dở dang cửa đức một chồi hoa.

Hẳn sinh xưa chưa trọn đường tu,

Nên nợ cũ còn theo quả kiếp.

Hương mật đảo luống trông vời Bắc đẩu, tiếng quyên dứt nối buổi tàn canh,

Nước giải oan còn khơi suối Tây thiên, giấc bướm đi về nơi lạc thổ.

Đã ly biệt lỗi cùng nhất nhật,

Phải tu hành độ lấy tam sinh.

Ngẫm duyên xưa mình xót một mình, cả lòng quyết thay xiêm đổi áo,

Tới cảnh lạ bước dừng nửa bước, bạch thầy xin thắp nến dâng nhang.

Mặt vâng chữ "Kính" là tên,

Tai lắng lời răn để dạ.

Bèo bọt trôi về bể Thích, biết thân này đã chắc Phật hay tiên,

Sống nâu ngả xuống màu thuyền, đành quả ấy phải nguyền non với nước.

Miễn con trẻ vui về thú tĩnh,

Họa trời già xét đến niềm trai.

Tưởng cảnh nhà khi trạn nhận ghét sương, hiếu nghĩa đôi đường còn tủi tí,

Lắng tiếng kệ thuở chầy kình nện nguyệt, sắc không hai chữ sẽ nguôi dần.

Thiện căn hằng khuya sớm vun trồng,

Phúc ấm họa mai sau trọn vẹn.

Dưa muối vốn người ưa với cảnh, dám để hơi trần chướng lọt vào,

Trăng hoa khen nhà khéo sinh con, bỗng đem mối phong tình buộc lại.

Nghiệp còn nặng, lòng từ khôn lẽ chối,

Tình có ngay, mắt tục dễ ai tin.

Phép công hố tiếng tiểu tăng, giọt nước cành dương bao rửa bụi,

Khoán cũ nặng lòng sư trưởng, đóa mây đỉnh Thứu cũng tuôn sầu.

Rắp bạch sòng cho rõ mặt nhân gian,

Song tu trót kẻo thẹn lòng thượng giới.

Dày chân bụi dám dày sân tĩnh địa, giữ chiền ra tựa mái tam quan,

Vốn lòng từ chữa thẹn nén chân nhang, niệm Phật lạy về nơi cửu tự.

Bể khổ chìm bao được nổi,

Nợ trần trả chửa hay xong.

Nhai sương mớm tuyết chịu cho ai, ngoài chín tháng đôi tay con nhện mọn,

Dãi gió dầu sương liều với kiếp, trong ba thu một xác cái ve gầy.

Xa xôi bao quản cửa Già lam,

Tươi héo khôn nài cơ Tạo hóa.

Cảnh vắng nào thầy nào tiểu, giọt nước đồng thánh thót thuở trăng khuya,

Đè tàn bên mõ bên con, mồ hôi đá đầm đìa cơn gió thoảng.

Giấc trần mộng nằm lâu cũng mỏi,

Hạn kim sinh đến thế là thôi.

Lỗi sinh nên phải bước bèo mây, đôi gánh cù lao chồn lại nặng,

Vụng hóa chưa tròn duyên thông suối, một thư thê oán gửi về không.

Đã cam kiếp ấy chốn sông Ngân,

Bao biết thân sau vào cửa phúc.

Hồn hồ điệp từ đây muôn kiếp, nước non diệu vợi biết con đâu,

Nghĩa minh linh cũng gọi một ngày, hương khói mai sau đành cháu đấy.

Tình dài vấn thêm dầu khúc vượn,
Đường xa xôi nên mượn cánh hồng.

ĐỖ THẾ GIAI

Ngọc thụ hoa chi

Màu khoe phú quý,
Sắc điểm thanh tân.
Sinh trưởng hằng nhờ Tạo hóa,
Tài bồi muôn đội hồng quần.
Cây ngọc nẩy cành hoa, giá đành trọng giá.
Nhà vàng lồng vẻ gấm, xuân lại thêm xuân.
Nên từ:
Giống sẵn địa sinh,
Tính toàn thiên phú.
Vun trồng mấy độ tinh sương,
Nhuần gội đôi làn vũ lộ.
Thuở dương xuân đầm ấm, vườn trải ỷ la,
Cành ngọc thụ sẵn sàng, hoa treo cẩm tú.
Đồ pha tú lệ,
Cảnh chiếm phương phi.
Cõi tục đủ mầu diệm dã,
Lá xanh chen thức sâm si.
Cao thấp bày tử đóa hồng hoa, lồng in hổ phách,
Nhấp nhánh rỡ huỳnh tư dao chất, phun nhả lưu ly.
Hoặc khi:
Hiểu vũ vừa thôi,

Bụi trần chẳng bợn.
Vẻ đeo hồng nhật thêm tươi,
Chiều điểm thụy vân càng lạ.
Sắc ánh rõ ràng cửa ngọc, rạng chốn Bồng lai,
Hương đưa ngào ngạt mành tương, lẫn mùi lan sạ.
Cảnh bây giờ như vẽ trên tranh,
Cây chưng ấy càng thêm khác giá.
Hoặc khi:
Nhặt khaon dịp bướm,
Gióng giả ca oanh.
Gần rước hây hây phượng liễn,
Ngửa mừng rỡ rỡ long tinh.
Đám phồn hoa tiệc mở ba xuân, hứng dầu thắng thưởng,
Tôi thị tụng chén dâng thượng thọ, thưa ngợi thăng bình.
Thụy ứng chửng sai,
Điềm trình nào nhạt.
Thượng lâm bõ ngỡ hàm châu,
Lãng uyên rõ ràng kết thực.
Dành để bàn đào yến lạc, tuổi rùa thêm theo dấu tiên gia,
Dùng dâng tôn miếu hưởng ca, non Thái càng vững nền vương thất.
Thế âu vật lạ vô song,
Chỉn ắt danh nên đệ nhất.
Vậy mới biết:
Cảnh có cây mới nên là quý,
Cây có hoa mới kể làm yêu.
Ví cây như giã thụ nhàn hoa, mảng đoái chưng khi nhàn hạ,
Bởi cây đã hoa chi ngọc thụ, âu dành trong cuộc thanh tao.
Ấy đã chuốt bề vật loại,
Thì âu xứng với giá cao.
Nay thì:
Thánh giá chín lần,
Nền xây ngũ phúc.

Sớm khuya hằng nghiêm kính giữ gìn.
Khiêm tốn chẳng ưu du mãn túc.
Đạo Ngư Chu nào trễ, vững bền cỗi đức nền nhân,
Thơ Đường lệ hằng ca, hớn hở cành vàng lá ngọc.
Tôi nay giãi tấm lòng si,
Dâng chữ họa phong tâm chúc.

Lâm tuyền khách

Xuân cả bốn mùa,
Trời riêng một góc.
Rủ màn phong nguyệt quyến hương trời,
Tầng vách yên hà ngăn bụi tục.

Đủng đỉnh non nhân nước trí, chốn lâm tuyền sẵn thú thảnh thơi,
Xênh xang áo ấu quần tiên, trường danh lợi mặc ai chen chúc.

Đã đọc thì ngâm, đã ngâm thì đọc, đọc ngâm ngâm đọc quyển thơ mai,
Thôi say lại tỉnh, thôi tỉnh lại say, say tỉnh tỉnh say bầu rượu cúc.

Mùi Trường An đã trải tí ti,
Đồ dật hứng bày ra lắm lúc.

Đàn ngọc tiếng cao chen tiếng thấp, vân thủy thu góp lại một tay,
Cờ vây nước dọc lại nước ngang, giang sơn nhặt đóng vào bán cục.

Đầu ghềnh tiếng gió réo ỳ ù,
Lòng suối ngọn nước tuôn réo róc.

Khi dật hứng nằm khểnh đỉnh núi, thình thình nghe tiếng búa thằng tiều,
Lúc thanh du đứng mát bên cây, hỏng hảnh lắng tiếng ca đứa mục.

Thị thành đã lẩn bóng phượng loan,
Bằng hữu sẵn có đàn my lộc.
Đọc điển mô những mơ màng Nguyên thánh, tìm tòi sang Sần dã nảy cày xuân,
Ôm lược thao còn khao khát Thái công, thăm lênh tới Bàn khê gieo cần trúc.
Núi ẩn thân, đá vững như đồng,
Suối tẩy nhĩ, nước trong như lọc.
Hơi hớt lọ là chàng họ Đặng, lò hương hun lửa lựu lập lòe,
Nấp nom chi với ả nhà Phùng, búa giơ chém cành cây ký cốc.
Đèn Hằng nga soi năm trống sáng lòe,
Chổi phong bá quét bốn bề sạch lốc.
Khuya sớm cái thánh nô ngang ngửa, bạn sách già ngồi bàn bạc rù rì,
Tháng ngày đời Hoàng Thạch nghênh ngang, thằng nhỏ oắt chạy theo sau lốc cốc.
Mái thanh sơn gót ngọc khắp đòi nơi,
Nền tử phủ mình vàng không chen chóc.
Trải trời đất nửa bầu cảnh trí, dù không chen tùng bách rườm rà,
Khắp non sông một vẻ thiên nhiên, khúc phượng lân ca hồng eo óc.
Nhân khi nhàn hứng, tả cảnh lâm tuyền,
Lên giọng tiêu tao, pha vào ngâm khúc.

Hồng nhan bạc phận phú

Hạn vần năm chữ: Hồng nhan bạc phận phú

Khách có người:
Giang hồ là chí,
Phong nguyệt là lòng.
Bốn cõi giang sơn đã trải,

Một bầu thế giới như không.

Khi thảnh thơi tựa chốn thư hiên, giọng lưu thủy hứng câu Lý Bạch,

Cơn thong thả ngồi nơi viện các, điệu hành vân dấng khúc đào hồng.

Ngâm thơ rằng:

Phóng mục nhàn đình ngoại,
Thanh thanh vân thủy lung.
Chi nghênh nam bắc điểu,
Diệp tống văng lai phong.
Túy đào bình sa nhạn,
Thi ngâm tuyết lý hồng.
Giá ban chân ý vị,
Giai hứng dữ nhân đồng.

Thơ rồi chợt thấy người:

Ăn mặc bảnh bao, ra mầu ty trúc,

Hình dung cách điệu, ngỡ khách Quảng hàn.

Dừng gót ngọc nửa mừng nửa lệ,

Ngoảnh mặt hoa trăm thở trăm than.

Than rằng:

Hổ thân bồ liễu,

Đeo thói hồng nhan.

Bút son vâng mệnh Thiên tào, chi biết long đong là phận số,

Tơ đỏ nhờ tay Nguyệt lão, đành thay giải cấu ấy nhân duyên.

Ra vào khi màn Đổng gối Ôn, những nghĩ rằng giống trâm anh, chưa tìm kẻ ăn đào giả mận,

Sớm tối lúc đàn Nha, thơ Lý, những tưởng thói nhà băng tuyết, cần chi người mỉm miệng cười loan.

Chừng ấy:

Tỏ tình một bức,

Đề khúc quá quan.

Đề rằng:

Nhất đóa xuân hoa kỷ điệp hoàn,
Hoa gian điệp thiếu cộng thùy hoan.
Thùy quy tá vấn chương đài khách,
Kỷ độ xuân hoa, kỷ độ tàn?

Để rồi:

Mặt ngọc ngẩn ngơ,
Gan vàng thắc mắc.
Hoa đeo sầu tựa chốn lầu tây,
Liễu dãi thảm trông miền ải bắc.

Trách rằng:

Nào người kim mã, nào khách ngọc đường,
Nào kẻ văn chương, nào nơi đài các.

Người hoành sáo phú thi đâu tá, chẳng nối câu đông nguyệt dương phong.

Khách thái bình mưu lược là ai, không giáng khúc điểu đề hoa lạc.

Trà sánh chén không người tương thức, biết lấy ai than thở chuyện hàn huyên,

Rượu đầy bầu vắng khách tri âm, không mượn kẻ hoan huy câu thù tạc.

Tưởng cái xuân xanh còn mãi, cậy cắm sào đợi nước, duyên mặc duyên luống chắc mai sau,

Nào ngờ xuân muộn hoa tàn, đâu phải lứa gieo cầu, phận yên phận vì không lo trước.

Nghĩ đòi cơn quyên nhặt nhạn thưa,
Vì hồng nhan cho nên phận bạc.

Khéo thay:

Hoa nguyệt một mùa,
Mây mưa mấy trận.
Phận liễu bồ lắm lúc truân chuyên,
Kiếp má hồng nhiều khi lận đận.

Uẩy bà Nguyệt ghẹo trêu đó tá, chi đến điều nhạt liễu phai đào?

Hay ông Tơ gàn quải đấy chăng, sao đến nỗi thẹn gương

tủi phấn?

Lẳng lơ thói thiên hương quốc sắc, hôi cõi trần một tiếng nhân duyên,

Đủng đỉnh tuồng tuyết nguyệt phong hoa, tanh miệng thế nghìn năm bạc phận.

Lênh đênh thay nào có trách chi ai,

Quá ngán nhẽ phải sao chi xá hận.

Tưởng đến hoa những ngậm ngùi xuân,

Tránh bạc phận nên câu ta thán!

Than rằng:

Xuân tiêu nhất khắc hề trị thiên kim,

Khả hận xuân tiêu hề bất phục phản.

Hữu nữ hoài xuân hề bất tái lai,

Thùy vi xuân hoa hề thành đầu mãn.

Mới hay:

Tự cổ tri âm thiểu, cầm thi từ ấy với ai vui,

Giai nhân tái đắc nan, hương phấn đến nay nhiều kẻ oán.

Bây giờ:

Hoa đã tàn,

Hương đã vãn.

Mặc ai thăm vấn bán thuyền,

Mặc kẻ tưởng Tần vọng Hán.

Nếu có phải tuổi chừng đôi chín, lúc ấy hoa chào nửa miệng, liệu từ khi sen ngó đào tơ,

Nào có hay mai đã bảy ba, bây giờ bóng xế ngang đầu cho đến nỗi ong chường bướm chán.

Vậy có câu rằng:

Tiếc thay trong giá trắng ngần,

Đến phong trần cùng phong trần như ai, chi thán.

Sĩ quân tử ư thử vị thường,

Bất viễn nhi hâm mộ.

Chắp chẻnh vài câu cách cú theo giọng quốc âm,

Nôm na mây tiếng thôn quê, tuân lời cổ ngữ.

Đọc đến chữ

"Thư trung hữu nữ", điệu cầm tâm mà vần tú khẩu, mới quan hoài phong hoa kỳ ngộ chi thi,

Xem thấy câu

"Ngã bối chung tình", ngâm nét ngọc mà nối thơ thần, bèn liêu ngụ hữu nữ hoài xuân chi phú.

PHẠM QUANG SÁN

Bài phú cờ bạc

Hạn vận: cờ bạc là bác thắng bần

Ngán thay cờ bạc
Lắm kẻ say sưa
Tam khoanh tứ đốm
Bảy lọc năm lừa
Khi vui thì vỗ tay vào, chẳng chơi cũng thiệt
Thấy của thì tối mắt lại, dẫu chết cũng không chừa
Được thua cũng là, chẳng quản tiền trăm bạc chục
Ruộng nương bán hết, vì chưng nay bạc mai **cờ**
Trên tay sẵn có đồng tiền coi như cái rác
Trong túi không còn một chữ xác như thân vờ
Kẻ máu mê đã trót nhúng chàm, biết dại vẫn còn cứ dại
Bệnh truyền nhiễm từ đâu lưu độc, bao giờ mãi đến bây giờ
Chỉ vì
Đương độ phong lưu
Quen mùi đài các
Nhân lúc thanh nhàn
Bày ra đánh chác
Nghề chơi cũng lắm công phu

Của trời những mong bốc vác
Ít xì xóc đĩa, hết ngón nọ giở ngón kia
Tổ tôm tài bàn, thua canh này bầy canh khác
Thông tôm lèo chi chi thập xích, khi lên trời cũng chiều lòng
Theo khuôn rền cập lệch bay bay, được thế cũng dễ nói khoác
Được ăn thua chịu, nhất quận công nhì không lều
Tiền ngắn bạc dài, trong anh em ngoài cờ **bạc**
Tham thì thâm, lầm thì thiệt, quá vui chơi nên nỗi rạc rài
Đen thua lận, trắng thua mòn, trót mê đắm thành ra gỡ gạc
Há phải là ma
Quyến rũ người ta
Suốt từ trên dưới
Lan khắp gần xa
Mấy ông quan chức
Họp tập đàn hòa
Công việc thư thả
Bài lá chia ra
Mấy ông ký phán
Trò chuyện lân la
Giả nghề kiếm chác
Gạ gẫm các bà
Mấy thầy tổng lý
Kỳ nát mọt già
Nhân khi vào đám
Chứa thổ trong nhà
Mấy anh keo kiết
Túm năm túm ba
Nào người đứng cái
Nào kẻ đầu gà

Khắp miền kẻ chợ nhà quê đâu đâu cũng vậy
Quen thói cờ gian bạc lận ai ai cũng **là**
Một cuộc rủi may
Năm canh xào xạc
Đen đỏ đỏ đen
Được thua thua được
Tiền liền với ruột, anh những toan chụp cả em
Của trọng hơn người, cháu cũng chẳng tha gì **bác**
Chơi cho thỏa chí, quản bao quan ngắn quan dài
Mở cho sướng tay, phó mặc tiền xương tiền nạc
Mong những quay thua đáo gỡ, vay trả trả vay
Chung qui tiền mất tật mang, xác xơ xờ xạc
Cờ lâm nước bí, sa cơ mất bộ anh hùng rơm
Bạc gặp canh đen, thất thế dơ tuồng công tử xác
Vẫn tưởng gậy vông phá nhà gạch, bụng lăm lăm chỉ muốn vơ vào
Ngờ đâu bợm già mắc cò ke, chơi mãi mãi hóa ra bệ rạc
Tiền thầy bỏ túi
Củ tỏi giắt lưng
Còn ăn hết nhịn
Hơn chực kém đừng
Đã mê về sự cờ bạc
Biết đâu là lẽ công bằng
Cạn lưng vay bãi vay bừa, lãi bao cũng gật
Nóng mắt mở liều mở lĩnh, của ai cũng chằng
Hơn chẳng bỏ hao, đến nỗi mất cơ mất nghiệp
Túng phải tính, sinh ra làm bậy làm xằng
Tham lam chỉ vị hơi đồng, khôn dồn ra dại
Danh giá lâm vào đám bạc, ông cũng như **thằng**
Bán vợ đợ con, gương Trọng Quỳ [2] vẫn còn như tạc

Ba que xỏ lá, đình Cổ Lương [3] đã biết hay chăng
Than ôi
Đổ thần, đổ thần
Làm hại quốc dân
Bỏ hết công việc
Mất cả làm ăn
Làm cho khốn khó
Làm cho nhục nhằn
Làm cho cơn đen vận túng
Làm cho nước yếu dân **bần**
Nay nhân
Lòng người biết hối
Hồn nước tỉnh dần
Mày đi nơi khác
Chớ có lần khần
Tiễn mày về Tàu
Quảng Đông cũng gần
Tiễn mày sang Nhật
Đáp bến Hoành Tân
Mày sang nước Mỹ
Vàng bạc vô ngần
Mày sang nước Đức
Khôn ngoan tuyệt trần
Vàng hương cúng tiễn
Gạo muối đưa chân
Mượn tay giải ách
Cắt duyên nợ nần
Lập tức đi ngay, chuông cảnh tỉnh mấy câu xám hối
Nếu còn lẩn quất, gươm văn minh một nhát trừ căn

TRẦN VĂN NGHĨA

Thế tục phú

Ngán thay thế tục
Ngán thay thế tục
Nước chảy bến mê
Gió hun lửa dục
Suối liêm mấy kẻ giầm đìa
Đường lợi đua nhau chen chúc

Có trung hậu cũng là trung hậu bạc, nào đoái hoài những phường khố rách áo ôm.

Chẳng nhân nghĩa chi hơn nhân nghĩa tiền, phải chiều chuộng những kẻ vàng trăm bạc chục.

Mập mờ phải trái, mụ lão xỏ kim
Lường ván ăn thuyền, ông thần đánh mộc

Khi được thể thì đất nặn nên bụt, nghe hơi khá xăm xăm chen gót tới, đen ngỡ đàn ruồi

Lúc sa cơ thì khôn cũng hóa ngu, xem chiều hèn khinh khỉnh vẫy tay ra, nhạt như nước ốc

Chẳng biết ăn cây nào rào cây ấy, thấy bở thì đào
Chẳng biết mất của ta ra của người, cứ mềm thì đục

Khó giữa chợ nào ai hỏi, chẳng mua thù bán dữ cũng thờ ơ

Giàu trên non mà có kẻ tìm, không ép dấu nài thương mà rạo rực

Còng lưng uốn gối, tôi tớ đồng tiền
Mắm miệng ray tay, thế thần bị thóc

Lạ buông thả bán buôn chẳng quản, quen lèn đau càng giáo giở đấu thưng

Giàu nể nang dật mượn không nề, khó kéo đến lại ngặt ngòi lãi gốc

Dạ hẹp hòi nào có lượng hây hây
Mắt trơ tráo tựa như loài lục lục

CAO BÁ QUÁT

Tài tử đa cùng phú

Có một người:

Khổ dạng trâm anh,

Nết na chương phủ [4]

Hôi miệng sữa tuổi còn giọt máu, nét hào hoa chừng ná Tân Dương,

Chòm tóc xanh vừa chấm ngang vai, lời khí nghiệp những so Y Phó.

Nghiên gợn sóng vẽ vời điển tích, nét nhạn điểm lăn tăn!

Bút vén mây dìu dặt văn chương, vòng thuyền khuyên lỗ trỗ.

Nghiêng cánh nhạn tếch mái rừng Nhan Khổng, trí xông pha nào quản chông gai,

Cựa đuôi kình toan vượt bể Trình Chu, tài bay nhảy ngại chi lao khổ.

Lắc bầu rượu dốc nghiêng non nước xuống, chén tiếu đàm mời mọc Trích Tiên,

Hóng túi thơ nong hết gió trăng vào, cơn xướng họa thì thầm Lão Đỗ.

Tươi nét mặt thư sinh lồ lộ, bưng mặt trần toan đạp cửa phù đồ [5]

Rửa buồng gan du tử nhơn nhơn, giương tay Tạo rắp buông cơn khí số.

Tưởng đến khi vinh hiển đã am tường,

Song nghĩ lại trần ai không đếch chỗ.

Lều nho nhỏ kéo tấm tranh lướp tướp, ngày thê lương hạt nặng giọt mưa sa,

Đèn con con gon chiếc chiếu lôi thôi, đêm tịch mịch soi chung vừng nguyệt tỏ.

Áo Trọng Do[6] bạc thếch, dãi xuân thu cho đượm sắc cần lao,

Cơm Phiếu Mẫu hẩm xì, đói tuế nguyệt phải ngậm mùi tân khổ.

Gió trăng rơi rụng, để cái quyên gầy,

Sương tuyết hất hiu, làm con nhạn võ.

Túi thanh bạch ngược xuôi miền khách địa, trăm nghìn đường, chỉ nhện dệt thưa mau.

Đèn toan hàn[7] thức náhup mái nam song, dăm ba ngọn, lửa huỳnh khêu nho nhỏ.

Miệng châu quế những rì rầm học vấn, chị chú Tô[8] cẳn nhẳn chỉ hiềm nghèo,

Vai tân sài[9] đủng đỉnh ngâm nga, vợ anh Mãi[10] bẵn khoăn từng kể khó.

Đói rau rừng, thấy thóc Chu mà trả, đá Thủ Dương chơm chởm, xanh mắt Dy nằm tốt gáy o o,

Khát nước sông, trông dòng đục không vơ, phao Vị thủy lênh đênh, bạc đầu Lã ngồi dai ho lụ khụ.

Trông ra nhấp nhố sóng nhân tình,

Ngảnh lại vật vờ mây thế cố [11]

Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực chốn hầu môn,

Quản bao kẻ màng cái giàm danh, áo giới lân[12] trùm dưới cơ phu[13], mỏi gối quỳ mòn sân tướng phủ.

Khéo ứng thù những các quan trên,

Xin bái ngảnh cùng anh phường phố.

Khét mùi thế vị chẳng thà không!

Thơm nức phương danh nên mới khổ!

Tình uốn éo muốn vạch trời lên hỏi, nào kiếp Chử Đồng đâu tá, nỡ hoài chi chén ngọc để trần ai?

Trí lẳng lơ toan vượt để đi tu, hỏi quê tiên tử nơi mô, xin lĩnh lấy vân đan làm tế độ.

Bài phú Dương Hùng dầu nghiệm tá, thì xin quyết tống cùng thần đến miền Đông Hải, để ta đeo vòng thư kiếm,

quyết xoay bạch ốc lại lâu đài,

Câu văn Hàn Vũ phỏng thiêng chăng, thì xin quyết tống cùng quỷ ra đến Côn Lôn, để ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm[14] sang cẩm tú.

Nhọc nhằn cơn nhục mát cơn vinh,
Cay đắng lúc cùng bù lúc phú.
Vậy có lời nôm dặn bảo thế gian rằng:
"Đừng thấy người bạch diện thư sinh,
Mà cười rằng đa cùng tài tử".

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Hàn nho

Chém cha cái khó!
Chém cha cái khó!
Khôn khéo mấy ai?
Xấu xa một nó!
Lục cực bày hàng sáu, rành rành kinh huấn chẳng sai,
Vạn tội lấy làm đầu, ấy ấy ngạn ngôn hẳn có.
Kìa ai:
Bốn vách tường mo,
Ba gian nhà cỏ.
Đầu kèo mọt đục vẽ sao,
Trước cửa nhện giăng màn gió.
Phên trúc ngăn nửa bếp nửa buồng,
Ống nứa đựng đầu kê đầu đỗ.
Đầu giường tre, mối dũi quanh co,
Góc tường đất, giun đùn lố nhố.
Bóng nắng rọi trứng gà bên vách, thằng bé tri trô,

Hạt mưa soi hang chuột trong nhà, con mèo ngấp ngó.
Trong cũi, lợn nằm gặm máng, đói chẳng muốn kêu,
Đầu giàn, chuột cậy khua niêu, buồn thôi lại bỏ.
Ngày ba bữa, vỗ bụng rau bịch bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no,
Đêm năm canh, an giấc ngáy kho kho, đời thái bình cửa thường bỏ ngỏ.
Ấm trà góp lá bàng lá vối, pha mùi chát chát chua chua,
Miếng trầu têm vỏ mận vỏ dà, buồn miệng nhai nhai nhổ nhổ.
Áo vải thô nặng trịch, lạnh làm mền, nực làm gối, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu,
Khăn lau giắt đỏ lòm, dải làm chiếu, vận làm quần, một bộ ăn chơi quá thú.
Đỡ mồ hôi, võng lác quạt mo,
Chống hơi đất, dép da, guốc gỗ.
Miếng ăn sẵn cà non mướp luộc, ngon khéo là ngon,
Đồ chơi nhiều quạt sậy điếu tre, của đâu những của.
Đồ chuyên trà, ấm đất sứt vòi,
Cuộc uống rượu, be sành chắp cổ.
Đồ cổ khí bức tranh treo trên vách, khói bay lem luốc, màu thủy mạc lờ mờ,
Của tiểu đồng pho sách gác đầu giàn, dán nhấm lăm nhăm, dấu thổ châu đo đỏ.
Cỗ bài lá, ba đời cửa tướng, hàng văn hàng sách mập mờ,
Bàn cờ săng, bảy kiếp nhà ma, chữ nhật chữ điền xiêu xó.
Lộc nhĩ điền lúa chất đầy rương,
Phương tịch cốc khoai vừa một rỏ.
Tiêu dụng lấy chi mà phao phóng, thường giữ ba cọc ba đồng,
Mùa màng dành để có bao nhiêu, chừng độ một chiêng một bó.
Mỏng lưng xem cũng không giàu,
Nhiều miệng lấy chi cho đủ.

Đến bữa chưa sẵn bữa, con trẻ khóc đường ong,

Quá kỳ lại hẹn kỳ, nhà nợ kêu như ó.

Thuốc men rắp bòn chài gỡ bữa, song nghĩ câu ý dã, thế nào cho đáng giá lương y.

Thầy bà mong dối trá kiếm ăn, lại nghĩ chữ dũng như phép chi được nổi danh pháp chủ.

Quẻ dã hạc toan nhờ lộc thánh, trút muối đổ biển, ta chẳng bõ bèn,

Huyệt chân long toan bán đất trời, ngôi mả táng cha, tìm còn chửa chỗ.

Buôn bán rắp theo nghề đỏ, song lạ mặt, chúng hòng rước gánh, mập mờ nên hàng chẳng có lời,

Bạc cờ toan gỡ con đen, chưa sẵn lưng, làng lại dành nơi hỏi gạn mãi giạm không ra thổ.

Gấp khúc lươn, nên ít kẻ yêu vì,

Giương mắt ếch, biết vào đâu mượn mõ.

Đến lúc niên chung nguyệt quý, lấy chi tiêu đồng nợ đồng công?

Gặp khi đường xảy chân cùng, nên phải tới cửa này cửa nọ.

Thân thỉ to to nhỏ nhỏ, ta đã mỏi cẳng ngồi trì,

Dần dà nọ nọ kia kia, nó những vuốt râu làm bộ.

Thầy tớ sợ men tìm đến cửa, ngoảnh mặt cúi đầu,

Chị em e vất lấm vào lưng, chìa môi nhọn mỏ.

Láng giềng ít kẻ tới nhà,

Thân thích chẳng ai nhìn họ.

Mất việc toan giở nghề cơ tắc, tủi con nhà mà hổ mặt anh em,

Túng đường mong quyết chí cùng tư, e phép nước chưa nên gan sừng sỏ.

Cùng con cháu thuở nói năng chuyện cũ, dường ngâm câu lạc đạo vong bần,

Gặp anh em khi bàn bạc sự đời, lại đọc chữ vi nhân bất phú.

Tất do thiên, âu phận ấy là thường,

Hữu kỳ đức, ắt trời kia chẳng phụ.

Tiếc tài cả phải phận ngưu bản trúc, dấu xưa ông Phó ông Hề,

Cần nghiệp kho khi tạc bích tụ huỳnh, thuở trước chàng Không chàng Vũ.

Nơi thành hạ đeo cần câu cá, kìa kìa người quốc sĩ Hoài Âm,

Chốn lý trung xách thớt chia phần, nọ nọ đáng mưu thần Dương Võ.

Khó ai bằng Mãi Thần Mông Chính, cũng có khi ngựa cưỡi dù che,

Giàu ai bằng Vương Khải Thạch Sùng, cũng có hội tường xiêu ngói đổ.

Mới biết:

Khó bởi tại trời,

Giàu là cái số.

Dầu ai ruộng sâu trâu nái, đụn lúa kho tiền,

Cũng bất quá thủ tài chi lỗ.

Trương Lương

Lưu hầu Trương Lương là người có công giúp Hán thù Hàn, đánh Tần dẹp Sở, lao đao đà lắm, mưu trí đã dầy, thật đáng bậc đế sư, nên vào hàng tam kiệt, vua ban bổng lộc rất hậu, thiên chung vạn đỉnh, mà chẳng thèm chút nào, lại muốn tìm phương thoát vòng tục lụy, xa lối công danh, chỉ lấy sự bảo kỳ thân làm trọng. Vậy nên khi đã làm xong chức trách, tự nơi lòng, tuy chẳng tin ở sự tu tiên là đường hư đản, song cũng mượn tiếng theo Xích Tòng tử du tiên để tiêu diêu chốn non xanh nước biếc, cảnh thanh nhàn tùng cúc trúc mai, thú tịch mịch riêng người biết thú. Nhớ lời thầy Trình tử khen rằng: "Trí tai Lưu hầu, thiện tàng sở dụng!" Kinh thi rằng: "Ký minh thả triết, dĩ bảo kỳ thân", xưa nay dễ thường một mình Trương Lương làm dặng vậy.

Thương hay cho nho nhã!
Kính thay người nho nhã!
Gặp thuở nhuận Tần,
Vốn lòng lương tá.
Chung đỉnh năm triều ân ái, nặng sa trung lỗi dịp phó xa,
Lược thao ba cuốn trí mưu, xa Bái hạ tìm người trưởng giả.
Đẩy đưa tấc lưỡi, đứng bậc đế sư,
Xốc vác năm năm, dựng nền vương bá.
Nghiệp Hán thù Hàn vẹn vẽ, nặng lời Huỳnh thạch ước xưa.
Đường danh nẻo lợi thờ ơ nhẹ bước Xích tòng thong thả
Thảnh thơi thuyền Phạm Ngũ Hồ
Xuôi ngược buồm ngư một lá
Lộc nước muôn nhà búng vẩy, thờ ơ áo vải đủ nguyền xưa,
Bụi trần một phút tan không, thủng thỉnh bữa thường theo khách lạ.
Dối cũng nên mà thiệt cũng nên,
Tiên chẳng bạ nhưng trần vẫn bạ.
Phú quý mặc ai lung lạc, cánh hồng giũ sạch tiếng tàng cung,
Thân danh chẳng bợn kê mê, gót phụng lọt xa vòng lão mã.
Rất khốn thay biết lẽ tới lui,
Chẳng bận bấy những điều dối trá.
Kìa kẻ cổ quăng, nọ người đại tướng, vả danh nhân kiệt có ba người,
Trước xe Vân mộng, sẵn án thương tâm, ghi chữ bảo thân riêng một giá.
Y thần tiên hư đản đã đành,
Lựu Tiêu Tín công danh bao nả?
Đường tiến thoái như gương nhật nguyệt, bàn chi kẻ phải người chăng,
Nghĩa thủy chung vẹn ước san hà, mới biết mưu thâm

chí cả.

Vả nay

Ôn qua cựu sử, thấy chữ "Trí tai Lưu hầu",
Khéo dấu thửa dùng, xưa nay mấy gã?

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Ngư tiều trường điệu

Non vọi vọi, nước mênh mênh.
Non nước dầu ta dưỡng tánh tình.
Sướng mắt trăm trùng biếc biếc,
Trái tai một dải xanh xanh.
Chẳng có tiên cũng có rồng, khí thiêng đất cấu,
Đã không quê lại không vực, chốn lạ trời dành.
Hi Di lánh đầu đuôi chiếc lá,
Gia Cát nằm để luống lều tranh.
Đây cũng là động,
Đó cũng là nguyên.
Đời sao vắng chân nhân,
Đời sao không xử sĩ?
Kìa thời ấy non
Nọ thời ấy nước.
Ai đà thôi tể tướng,
Ai đà cất tiên sinh?
Chia tục lựa khăn ba triệu.
Ngăn trần miễn áo hai manh.
Sớm bãi hạc, tối đồi le, thú ngư ông mặc thích,
Rầy đường chim, mai dấu thỏ, nghiệp tiều lão ai tranh?
Gió nặng, buồm bay phới phới,

Trăng dày, thuyền nhẹ thênh thênh.
Hễ đâu tới là nhà, phải mượn ai hỏi bến
Hễ đâu nhàn ấy thú, lọ chỉ chỗ tìm gành.
Ướm hỏi ngâm câu thoát lý,
Vỗ tay ca chữ trạc anh.
Gạo Bành trạch dễ bao lăm, có chăng chúa bẻ lưng Đào lệnh,
Ngôi Gián nghị đã mấy lần, họa là trời cải chí Nghiêm khanh.
Nết niềm thà cùng rừng cỏ,
Xôn xan không chịu sỏi sành.
Cuộc Hán Sở liếc con ngươi, chi đến đỗi rìu ta cán mục,
Truyện Tấn Tần nhăn cái lưỡi, đâu để cho thuyền tớ chèo quanh.
Vẽ chân rắn khéo nhưng mà vụng,
Vịn tuổi hùm dữ ắt chẳng lành.
Ghi khoán thiết, chép thư son, chớ nói ngàn năm sự nghiệp,
Chực cửa vàng, chầu bệ ngọc, nực cười hai chữ công danh.
Nơi thành thị có vinh âu có nhục,
Chốn lâm tuyền càng tục lại càng thanh.
Đất cấp của tự nhiên, xã xượi cá tươi gỏi tốt,
Trời ban kho vô tận, ê hề gió mát trăng thanh.
Thưởng cảnh tả thơ tựa gấm,
Đánh sầu điểm rượu làm tranh.
Say lại tỉnh, tỉnh lại say, một ngày cũng thần tiên vô sự,
Uống nhẫn ăn, ăn nhẫn uống, muôn năm ơn thiên tử thái bình.

Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh

Hạn vần: Nữ nhi cũng có một lần bồng tang

Tiếng trống vang thềm,
Ngọn cờ cắm cửa,
Hổ phận liễu đào,

Đường trường quân lữ.
Cấp mộc mang gươm những kẻ, muôn sức đua tranh,
Nâng khăn sửa túi là ai, một mình che chở.
Ấy mới gan, ấy mới tài,
Kể chi hay, kể chi dở.
Chúng bay nọ, có đầu thì giữ, chớ cậy anh tài,
Chị em ơi, ngoảnh mặt mà xem, thực là liệt **nữ.**
Vì đâu nên nỗi túng mình,
Lại nhớ đến câu tục ngữ.
Mụ ấy nghĩ nhà xưa kia:
Có nền nhân đắp lại,
Có đường nghĩa theo đi.
Có đụn ăn, có đụn để,
Có nơi nọ, có nơi ni.
Nào có phải bóc áo tháo cày, làm giàu làm có,
Nào có phải buộc mèo treo chó, một tý một ty.
Quản bao chân lấm tay bùn, ông cha khó nhọc,
Mới được tiền ròng bạc khối, con cháu no nê.
Ta nay:
Tủi đường nội trợ,
Hổ phận nữ **nhi.**
Được cơm no mà áo ấm,
Được quần lĩnh mà màn the.

May nhờ cửa rộng, nhà cao, khuya sớm dám sai niềm chăn chiếu,

Cũng muốn ngoài êm trong ấm, khuyên răn cho vẹn nghĩa xướng tùy.

Ai ngờ:
Những mặt ăn không,
Ra lòng cướp sống.
Giong ngựa kéo cờ,
Chèo thuyền nạp súng.
Kẻ phá lũy, kẻ trèo thành,
Kẻ xé rào, kẻ mở cổng

Già mất vía, nấp bờ nấp bụi, mắt đổ đồng quang,
Trẻ cuồng chân, hò mẹ hò cha, mũi xùi bong bóng.
Kìa ai nối giáo, để cho tầm gửi leo cành,
Những kẻ đưa đường, đến nỗi con ong vỡ bọng.
Nước đã đến rồi, chẳng liệu thì quê,
Pháo bén gần ngòi, không nhanh cũng hỏng.
Tay đã khi vui thì vỗ, còn nạn làm sao,
Mình đương lúc túng phải liều, còn tiền thì **cũng...**
Hóa phải:
Dắt kẻ đầu đen,
Vẫy thằng con đỏ.
Đánh ngược đánh xuôi,
Đâm xiên đâm xổ.
Hò voi bắn súng, co gái thì mềm,
Giá ngựa thay đao, đàn bà dễ có.
Sự thế mà cơn buổi thế, lẽ nào ăn cáy bưng tai,
Thân này mà nước non này, không những đánh hùm quấy họ.
Nghề đã ngày thường đánh mộc, nọ phải hùng rơm,
Sức còn bẻ gẫy sừng bò, sợ gì giặc cỏ.
Nhờ trời đất đắp nên giường cột, gặp nguy nan đứng vững khôn lay,
Vì chồng con gánh vác giang sơn, dù sống chết lẽ nào dám bỏ.
Thương thay:
Những lúc ba đào,
Chút thân bèo bọt.
Nhà rách vách xiêu,
Con đau của xót.
Nào phải bồ nhìn chi đứng, ngoảnh mặt làm thinh,
Không như bụt ốc chi ngồi, đến mình phải nhót.
Thua được được thua chẳng kể, có người có ta,
Hết còn còn hết cũng liều, rằng hai rằng **một.**
Thế mới biết:

Dẫu thân nhi nữ,
Mà gan tướng quân.
Nữ tài mà đủ nghề thao lược,
Nội tướng mà cũng bậc kinh luân.
Lục súc quân kia, thây kệ khôn ngoan tám vạn,
Tam bành mụ nổi làm cho đáo để một **lần.**
Há rằng việc ngửa tay xin, trên đàn ma quỷ,
Cũng muốn báng giương đầu chịu, hổ bạn hồng quần.
Giá như ai:
Mưa sa phận gái,
Nước rửa đàn ông.
...
Thì cũng chăn chung,
Thì cùng quần chúng.
Thì cũng long tong,
Thì cũng ti tung.
Tha hồ túng tính,
Mặc sức vẫy vùng.
Xanh vỏ đỏ lòng, thây kệ phai vàng nát đá,
Thay đen đổi trắng, chơi cho thủng trống long **bồng.**
Cũng nghĩ rằng:
Trong nhà trong cửa,
Có thiếp có chàng.
Đạo tác hợp chỉ thề non nước,
Nghĩa thủy chung ghi tạc đá vàng.
Giàu ăn khó chịu cùng nhau, tấm lòng nỡ phụ,
Hay ở dở đi những kẻ, ngoảnh mặt sao đang.
Dẫu còn hoạn nạn,
Còn lúc nghênh ngang.
Chẳng sợ gì ai, chiêng không kêu cũng đấm,
Đánh liều một chuyến, trống dẫu thủng còn **tang.**

Cho nên má phấn răng đen, con tạo cũng nhiều lần ghen ghét,
Mới biết lưng eo vú thắt, bố cu dầu bớt chứng phũ phàng.

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

Bài phú cải lương hồi nước ta mới duy tân

Anh em ơi! Anh em ơi!
Xoay vần cuộc thế,
Khép mở cơ trời.
Nghĩa cho hết lẽ,
Khôn mới ăn người

Sống cạnh tranh lai láng dưới hoàn cầu, người muốn nọ kẻ muốn kia, không ai giống đâu, sống một nết chết một tật,

Đường giao thiệp mở mang trên đại lục, khôn cũng nhiều mà dại cũng lắm, trông đó thì biết, người ba đấng của ba loài.

Giống nòi chia sắc vàng sắc trắng sắc đỏ sắc đen, con vua vua dấu, con chúa chúa yêu, ai nấy cũng là chung bụng nghĩ,

Công việc đủ nghề học nghề cày nghề buôn nghề thợ, của anh anh mang, của nàng nàng xách, ngồi không há chịu đe tai quai.

Mật ít ruồi nhiều, nghĩ người ta đương ra sức đua tranh, khéo đâu đất bỏ hoang, của sẵn mang dâng, cây đổ còn toan đào đứt gốc,

Quít làm cam chịu, tại kẻ trước hóa bây giờ vất vả, may thay trời mở lối, cơn mê chợt tỉnh, rượu ngon nay đã nếm qua mùi.

Bụng nghĩ hay việc làm mới hay, nhức tinh thần đừng giữ mãi thói si, lừ khừ như ông từ vào đền, trông chiều dễ ngán,

Khi trước khác bây giờ lại khác, lối ăn mặc đừng theo chi lối hủ, lượt thượt như lễ sinh mất vợ, ngó bộ buồn cười.

Chẳng thầy sao mày làm nên, kìa cao đẳng kìa giáo sư, học hành một bụng khuyên răn, sao cho sáng suốt,

Có tiền mua tiên cũng được, nào trung châu nào biên

tỉnh, bán buôn trăm đường mở rộng, chớ ngại xa xôi.

Thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ, sao bằng người giữ bụng tin ngay, lợi lớn là hơn, của nhặt thấm chi đồ tẹp nhẹp,

Đi giác sắm bầu, đi câu sắm giỏ, huống chi sự học nghề chế tạo, đồ làm phải đủ, tay không chưa dễ tỏ mười mươi.

Nói chuyện sinh nhai, bậc làm trên trước phải dè dùng, chồng ăn chả vợ ăn nem, kẻ dưới tội chi không phí phá,

Xem trong đoàn thể, buổi mới cốt cho chung bụng, ông nói gà bà nói vịt, việc chi thì cứ để lai nhai,

Có khôn thì vẽ cho nhau, chớ nghĩ rằng ta dối mà rước ma cũ nạt ma mới,

Muốn hay phải giữ cho trọn, đừng chơi những kẻ hư mà giở lợn lành chữa lợn toi.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, mấy nghìn năm đức Thuấn ân Nghiêu mang nặng trên vai, báo đáp sao cho đền được nguyện,

Có bột mới gột nên hồ, ba vạn quyển rừng Âu bể Á in sâu trong não, văn minh rồi mới dựng ra tài.

Đạo tri giao cốt phải chọn người, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng,

Đường cư xử sao cho biết lối, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Có chồng như rồng có vây, trăm năm vẹn đạo xướng tùy, án ngọc ngang mày, lẽ phải giữ thường ai chẳng nể,

Con có cha như nhà có nóc, một mực lo về hiếu dưỡng, vẻ ban quanh gối, lòng trên trông xuống cũng thêm vui.

Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo, dám khuyên ai biết nghĩ biết lo, đứng lại vững chân thì hẳn được,

Đương đi đường quang bước quàng đường rậm, kìa những kẻ vẽ khôn vẽ khéo, làm ra lỡ bước sợ không rồi.

Đói cho sạch rách cho thơm, há như ai đục nước béo cò, chẳng nghĩ con cái mình, nặng tay rìu búa,

Ăn có nhai nói có nghĩ, chớ toan sự mù trời bắt két, gặp khi thời vận thế, lên mặt cân đai.

Bước công danh vui lắm cũng lo nhiều, trong lưng đã chắc hơn ai, đơm đó ngọn tre, đừng háo hức chi nghề kiếm cá,

Đường danh lợi vinh kia thì nhục đó, có miếng thì mang lấy tiếng, múa tay trong vị, khéo mê man chi sự ăn xôi.

Thảm đến ai vạch là tìm sâu, được lòng đất mất lòng đò nghĩ sao cho phải,

Hay chỉ rán sành ra mỡ, buộc cổ mèo treo cổ chó, đến thế thì thôi.

Xanh vỏ đỏ lòng, chẳng nghĩ chi áo chúa cơm vua, ở chùa đốt chùa, kể nghĩa lý đâu đồ láo lấc,

Chôn rau cắt rốn, ai chẳng có quê cha đất tổ, ngồi thúng cất thúng, có thủy chung là kẻ hẳn hoi.

Một cột làm chẳng nên rừng, phải đùm nhau cho nên việc tốt tươi, ăn cây nào rào cây nấy,

Hai thưng cũng vào một đấu, hễ biết tính sợ chi cơn túng bấn, ăn bữa hôm lo bữa mai.

Lối dụng tài đã bỏ hết hư khoa, thôi những anh hay thi hay phú hay kinh nghĩa hay sách văn, đứt đuôi nòng nọc,

Đường tiến hóa cốt tìm ra thực hiệu, kìa những kẻ nào mũ nào giầy nào ba toong nào ô máy, tốt mã dẻ cùi.

Giậu đổ bìm leo, cũng tại mình có trách chi ai, mơ màng thác ngủ sống say, gương hủ tục đà treo áp mặt,

Tre già măng mọc, lẫn hơn trước còn mong ở lại, hăm hở tìm khôn học khéo, chuông tự do đã đánh vang tai.

Nghĩ cho xa sự thế cũng buồn cười, có khác chi đâu, tò vò nuôi con nhện,

Đứng chưa vững sức, mình còn phải nhón, chớ vội rằng được, châu chấu đá ông voi.

Bao giờ to lớn hãy hay, mèo nhỏ bắt chuột con, sức ấy xem ra đừng có gượng,

Mấy kẻ ngọt ngon chửa vững, tiền thực mua của giả, sự kia xét kỹ kẻo mà sai.

Giàu làm kép hẹp làm đơn, cơ cực dường nào, liệu thế đắn đo là kẻ phải,

Nhặt che mưa thưa che gió, phong trần gội ấy, ra tay xoay xở đáng tài trai.

Chớ như ai há miệng chờ ho, có cấy có trông có trồng có ăn, ra sức sửa sang, nền hưng vượng có khi xây vững móng.

Suy ra mới biết đứt tay hay thuốc, học ăn học nói học gói học mở, nhanh chân mau bước, bể trầm luân rồi cũng vượt qua vời.

Thấy ai mà ngay thực mới nên tin, đi ra hỏi già, về nhà hỏi trẻ,

Nghĩ mình có u mê chi chẳng biết, miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời.

Việc hồi thiên há một chốc xong ngay, bụng nghĩ cho sâu đừng láo nháo như cháo với cơm, sợ khi nát bét.

Lòng ái quốc dẫu trăm năm ghi đó, tay cầm cho vững, kẻo lanh chanh như hành không muối, chưa dễ ăn ai.

Xin đừng giương mắt trông nhau, lắm sãi không ai đóng cửa chùa, phong hội ấy nước non này, cũng phải lo toan cho hết sức,

Thôi đừng già mồm nói khoác, mười voi không được một bát xáo, chí khí to công việc lớn, sao cho chắc chắn được như lời.

Đất Viêm bang tuy dâu bể lắm phe, đông có mây tây có sao, muôn sức phù trì, gặp lúc mở mang ra cũng dễ,

Giống Hồng Lạc cùng anh em một họ, sống ở làng sang ở nước, mấy câu gắn bó, khuyên ai thong thả nghĩ mà coi.

NGUYỄN KHUYẾN

Bài phú thầy đồ ngông

Bốn cóng kê giường,
Vài chồng cặp sách.

Cơm trắng canh ngon,
Ghế cao chiếu sạch.
Chữ thánh phù,
Câu thiên tích.
Chậu thau rửa mặt, tầm váo tầm vênh,
Điếu sứ long đờm, cóc ca cóc cách.
Thần Cầu cậy xôi gà tùy thích, ông đã nên ông,
Bụt Nam xang oản tẻ chẳng từ, khách thời mặc khách.
Nguyên phù thầy đồ dã giả:
Râu ria nhẵn nhụi,
mặt mũi ngông nghênh.
Văn pha Nguyên mặc,
Sách học Quan hành.
Chạy gạo chạy tiền, thất điên bát đảo,
Làm gà làm vịt, tứ đốm tam khoanh.
Số tử vi tuần triệt đương đầu, qua vòng vận hạn,
Đất văn học thần đồng phụ nhĩ, may bước công danh.
Nhiên nhi:
Mình lính tính quan,
Khôn nhà dại chợ.
Chơi đã hay ranh,
Cạnh còn mắc hớ.
Vài khoa thi hỏng, xót ruột tiền cơm,
Mấy tháng công non, bấm gan thóc nợ.
Vạch ông Khổng còn hòm khoe đấu, mở một vài con,
Ngõ thầy Nhan treo túi đan biều, bảo dăm ba đứa.
Nón sơn úp ngực đi liểu đi liều,
Bút thủy cài tai, sớn sơ sớn sở.
Nghĩ sểnh nhà ra thất nghiệp, cũng bặt như cười,
E nằm mát ăn bát đầy, ai nuôi không hở?
Rằng tôi nhà chủ,
Xin rước thầy ngồi.
Trầu nước đoạn,
Rượu chè rồi.

Bàn tiền đốn,
Tính cơm nuôi.
Chủ rằng đạo thánh là đạo rộng,
Thầy bảo tùy ông còn tùy tôi.
Mặt chữ điền vác hẳn lên trên, nết đâu có nết,
Chiếu hàm trượng vắt ngay ngồi giữa, ngôi đã nên ngôi.
Thầy đồ thầy lề,
Học trò học trẹt!
Nghịch như mà,
Đánh như két.
Bộ Sử đầu,
Pho Dương tiết.
Mẹo hỏi lục kỳ,
Bài ra tam kiệt.
"Đô đô bình trượng ngã",
"Thiết thiết phản nhân thiết".
Chữ tứ thể lầm vài bốn lối, nét cứng như đanh,
Sách thập khoa quên đủ mười bài, văn trơ như thép.
Mô, tê, răng, rứa,
Giả, dã, chi, hồ.
Hoặc cầm roi nhi quát tháo,
Hoặc nghe sách nhi gật gù.
"Sử tiên ban, sứ tiên cung", bắt khoan bắt nhặt,
"Tiền diệc tặc, hậu diệc tặc", tiết nhỏ tiếng to.
Nước chè tàu uống một vài hơi, mặt cán tàn chi thẳng,
Thuốc lá tỉnh hút dăm ba điếu, đầu tán lọng chi rù.
Dĩ nhi:
Xem sách xem văn,
Chấm bài chấm đối.
Lên mặt thầy, sổ tựa băm bầu,
Bưng mắt chủ, khuyên như lòi tói.
Hạ bút xuống tô tô dạm dạm, mực trát đen sì,
Giở bài ra đọc đọc ngâm ngâm, son hòa đỏ chói.
Lương nguyệt đốn lại này nhất đế, bàn mỏng bàn dầy,

Tiền hương khoa toan bổ đồng môn, thu chầy thu cối.

Dĩ nhi:

Khăn bỏ đầu rìu,

Quần xoay lá tọa.

Ôm bụng nằm mèo,

Nhe răng nói quạ.

Cầm quyển sách ngủ gà ngủ gật, đầu canh hai đã chực đi nằm,

Lúc ra ngồi mắt trước mắt sau, cỗ bàn nhất lại toan đánh cả.

Cổ còn ngóng gái, "phụng thỉnh như lai",

Tay vẹt vẽ bùa, "phó lô thiêu hóa".

Cũng có lúc:

Việc làng việc họ,

Về cửa về nhà.

Bàn giang đởm,

Gánh phù trà.

Thầy nài nẫm thêm dăm tiền nữa,

Chủ kèo cò đưa mấy đồng ra.

Ruột tượng thắt lưng, nguyên đồ khố rận,

Khăn tay giắt rốn, rặt giống cau già.

Cực nỗi người mặt nước chân mây, miếng cơm chểnh mảng,

Giở chuyện chủ đầu cua tai muỗi, chén rượu khề khà.

Diệc hoặc:

Nhân khi nghỉ mát,

Nhẹ bước thanh nhàn.

Ả kép ả đào chi loại,

Tổ tôm tổ tép chi gian.

Bạch định thập hồng, chèo đò Phó Duyệt,

Xuyên tâm thượng mã, nổi trống Hà Nam.

Toét mắt được gì, đã lờ đờ như mất khố,

Cúi đầu về thẳng, việc đủng đỉnh như tựu trường.

Đánh trống qua cửa nhà sấm,

Đem chuông đi đấm nước người.
Gắt như con khỉ,
Cười ngỡ đười ươi.
Rượu bứ cung thang, múa ba hoa chi mép,
Văn gàn bát sách, rung chữ ngũ chi đùi.
Tốt vậy thay!
Vị nghiễm hương sư,
Quyền long giáo dưỡng.
Dở lính dở quan
Vừa thầy vừa tráng.
Ba chìm bảy nổi, ngông dại ngông càn,
Chín giận mười lành, nhớn nhơ nhớn nhác.
Chữ nghĩa sau,
Công nghĩa trước.
Há phải rằng là,
Thôi thì bất nhược.

Gạt nước mắt khóc thầm cùng vũ trụ, trách trời xanh bạn với bút nghiên chi,

Hở hàm răng cười vụng với giang san, đem mặt trắng vẫy vùng son phấn nước.

Nỡ trừ công:

Nhất nhị như tam hề, thường tân nguyên đán,
Nhị tứ như bát hề, y phục công dung.
Thầy cậy khôn, một li một tính,
Chủ sợ tốn, ba cọc ba đồng.
Võng đào khiêng chấm đất chí lưng, thực đài chửa chủ,
Rượu cúc toét cù lì chi miệng, sao láo với ông?
Rõ ràng quốc sĩ,
Thực đấng anh hùng.

Phù khởi tích nhật chi đi dạy học giả, diệc bất quá nhất anh đồ ngông, dã tai!

Viên tòng nhi ca chị viết:
Ê thày đồ chi hữu tác hề,
Khương chữ tốt chi văn hay.

Truyện Thúy Kiều kì đọc ngược hề,
Kinh Tam tự kì biết ngay.
Thi nhân chính ư khuyên điểm hề,
Chấn thiên oai ư roi mây.
Kí lễ sinh chi phất ngược hề,
Thành kỳ mục chi nan tầy.
Hễ nhà chủ chi có nuôi hề,
Tấc ngất ngưởng chi vi thầy.
Hễ nhà chủ chi đếch nuôi hề,
Rồi ông xem hồ chúng bay!

TÚ XƯƠNG

Bài phú Thầy đồ đi trọ

Có một cô lái,
Nuôi một thầy đồ.
Quần áo rách rưới,
Ăn uống xô bồ.
Cơm hai bữa cá kho rau muống,
Quà một chiều khoai lang lúa ngô.
Sao dám khinh mình, thầy đâu thầy vậy,
Không biết trọng đạo, cô lốc cô lô.
Thầy đồ thầy lề,
Dạy học dạy hành.
Ba quyển sách nát,
Dăm thằng trẻ ranh.
Văn có hay thì đã làm quan, võng điều võng thắm,
Võ có giỏi đã ra giúp nước, khố đỏ khố xanh.
Ý hẳn thầy văn dốt vũ dát,

Cho nên thầy lẩn quẩn loanh quanh.
Trông thầy phong vận,
Ở chốn thị thành.
Râu rậm như chổi,
Đầu to tầy giành.
Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo,
Cũng có lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh.
Bạn thầy là ông bảng, ông nghè, ông hoàng, ông thám
Con thầy là tên Uông, tên Bái, tên Bành.
Thấy ngồi chễm chện,
Trò đứng chung quanh.
Trước thầy ngồi có án thư dàn mặt,
Bên thầy nằm có cánh xếp mành mành.
Dạy câu Kiều lẩy,
Dạy khúc Lý kinh.
Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải phép,
Dạy những lúc cao lâu chiếu hát, ăn nói cho sành.

Bài phú hỏng thi

Đau quá đòn hằn,
Rát hơn lửa bỏng.
Hổ bút hổ nghiên,
Tủi lều tủi chõng.
Nghĩ đến chữ nam nhi đắc chí, thêm nỗi thẹn thùng.
Ngâm đến câu quyển thổ trùng lai, nói ra ngập ngọng.
Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói vậy mà thiêng.
Nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài Bảng nhỡn Thám hoa lỡ ra cũng hỏng.
Có một thầy:
Dốt chẳng dốt nào,
Chữ hay chữ lỏng.

Nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu,
Hay hát, hay chơi, hay nghề xuống lỡng.
Quanh năm phong vận, áo hàng Tàu, ô Nhật Bản xanh,
Ra phố xênh xoang, quần cát bá, giày Gia Định bóng.
Giá cứ chăm nghề đèn sách, thì mười lăm mười sáu đỗ tự bao giờ,
Chỉ vì quen lối thị thành, nên một tuổi một già hóa ra lóng dóng.
Tú rốt bảng giữa năm giáp ngọ, nổi tiếng đầu trò,
Con nhà nghề ở đất Vị Xuyên, ăn phần cổ nọng.
Năm vua Thành Thái thứ mười hai,
Lại mở khoa thi Mỹ Trọng.
Kỳ đệ tam văn đã viết rồi,
Bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng.
Thầy chắc hẳn văn chương có mực, mượn khách xem giò,
Cô mừng thầm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng.
Sáng đi lễ Phật, con kỳ này kỳ nữa thế là xong,
Đêm dậy với trời, qua mồng bốn mồng năm cho chóng.
Nào ngờ:
Bảng nhỏ có tên,
Ngoại hàm còn trống.
Kẻ đến sáng vẫn còn được chấm, bảng cót nghênh ngang,
Người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lụng thụng.
Thi là thế, học hành là thế, tri kỷ cùng ai,
Người ở đây, hồn phách ở đâu, than thân với bóng.
Thôi thời thôi!
Sách vở mập mờ,
Văn chương lóng ngóng.
Khoa trước đã chầy,
Khoa sau hẳn chóng.
Ý có kẻ lo toan việc nước, vua chửa dụng tài,
Hay thiếu người dạy dỗ đàn em, trời con bắt hỏng.

KHUYẾT DANH

Quá xuân phú

Lấy vần: mẹ ơi con muốn lấy chồng

Ngán nhẽ cho con!
Biết chăng hỡi **mẹ?**
Tình mới tình, nghĩ những khóc thầm,
Thế thôi thế, lặng mà nói sẽ.
Xôn xao anh yến, kẻ bắc người nam,
Ánh ỏi ong ve, kẻ già người trẻ.
Năm chờ tháng đợi, tơ Nguyệt lão mong xe,
Rầy ước mai ao, bóng Hằng Nga muốn xế.
Nghĩ rằng:
Xuân xanh có một,
Liễu yếu không hai.
Chẳng thấy chữ đào yêu mà liệu,
Ắt đến tuần mai phiếu hẳn rồi.
Cái hồng nhan chi mấy ở đời, nghĩ lại chẳng chơi cũng thiệt,
Con bạch thỏ ăn sao được bóng, đành duyên đằm thắm mà thôi.
Đông phong ấy vì ai ngăn lối?
Tạo hóa kia sao khéo trêu ngươi!
Hỡi hỡi mẹ **ơi!**
Chưng khi :
Sóng tình xô xát,
Lửa dục bồn chồn.
Đêm năm canh vuốt bụng thở dài, ngại đường gia thất,
Ngày sáu khắc than thân lãng bạc, ngán nỗi chồng **con.**
Tính đốt tay đã suốt ba vòng, tuổi ấy hãy còn chưa gặp!
Đo bóng đất đã gần năm thước, thân này ai bảo chẳng khôn?

Lễ nghi giá giận sao phận bạc,

Thơ nghi gia thẹn với lòng son.

Nỗi nước non những giận lương thân, trông mà chẳng thấy,

Buồng trăng gió luống chờ quân tử, nghĩ lại càng buồn!

Phỏng gặp người nho sĩ là may, số tôn vinh hẳn đó,

Dù phải kẻ nông phu cũng đẹp, phận yên phú hãy còn.

Dẫu mà tốt đẹp cũng làm, đành cái phận kẻo còn bàn may rủi,

Dẫu mà xấu xa cũng lấy, liều cái duyên thôi đừng nói già non

Sao mà:

Phận bạc như vôi,

Kim vàng nỡ uốn!

Rèm mái hiên tên sẻ chẳng đưa,

Buồng dạ hợp chăn loan những luống.

Cũng tưởng rồng gặp mây, cá gặp nước, đây vui mà đấy cũng vui.

Nào ngờ chim liền cánh, cây liền cành, ta muốn nhưng người chẳng **muốn!**

Hay là tài hèn sức mọn, trống tình mặt hổng đánh không kêu?

Hay là phận hẩm duyên hôi, gương tri kỷ bóng mờ soi chẳng thấy?

Hay là chốn xuân viên đã lạnh, khách xem hoa thẹn mặt chẳng chơi?

Hay là vườn hồng hạnh đã tàn, người bẻ nhị kém tay chẳng **lấy?**

Hay là nói năng thua chúng bạn, để cho duyên đằm thắm hóa bẽ bàng?

Hay là trang điểm kém chị em, để cho phận hồng nhan ra ruồng rẫy?

Vậy biết:

Phận đà đành phận,

Lòng hãy vững lòng.

Duyên kỳ ngộ xưa nay là thế,

Tình hợp hoan ai bảo chẳng thông.

Đạm Tiên kia tài sắc không hai, gương bạc mệnh cũng nhiều phen chếch mếch,

Thúy Kiều nọ nết na có một, số đoạn tràng còn lắm lúc long đong.

Thôi thôi:

May rủi bởi trời, sớm muộn cũng đành cái phận,

Chê khen mặc thế, trước sau cũng một tấm **chồng.**

Lạc đệ phú

Khoa mục đường xưa,

Văn chương hội mới.

Trên chín lần lời Thiên tử rỡ ràng,

Ngoài bốn bể bóng Cử nhân phấp phới.

Lều chiếu là thang võng lọng, tranh lèo giật giải có ai nhường,

Đường thẳm là cửa cân đai, cao bước mau chân không kẻ đợi.

Gang tấc chắc ôm rồng vin phượng, mượn phấn vua trả nợ bút nghiên xưa,

Đêm ngày quyết mài sắt nên kim, nhờ đạo thánh đền công đèn sách lại.

Cửa hiên rộng mở, một vườn thu cúc, có quả có hoa,

Trận bút riêng ai, ba đợt vũ môn, nào trê nào chuối.

Có một người:

Mặt mũi khôi ngô,

Tu mi nhẫn nhụi.

Biếng học tham ngủ, ách vở lờ mờ.

Non tập già chơi, văn chương xốc nổi.

Vênh vào cậy mình tiểu hiệu, tham lam đầu gà má lợn, ngủng nga ngủng nghỉnh, như thể mèo no,

Khù khì nhiều nỗi đa mang, tò mò tai ếch đầu ruồi, tất tưởi tất ta như hình cá úi.

Đến khoa thi nửa lệ nửa mừng,

Ngẫm nhân sự một may một rủi.

Mừng mặt buồng cau bánh thuốc, đồ tiến trường rất mực phong lưu,

Theo chân đầy tớ học trò, chốn tạm trú tìm nơi rộng rãi.

Tính hay ngủ sửa sang tươm tất, lều một vác, chiếu một ôm.

Đồ phụng thân mang xách nặng nề, nước một bầu, trầu một túi.

Thuốc Bách tính, đốm diêm điếu ống, xoi mồi ấy nạp mồi khác, văn hay như thuốc, ắt hẳn hơi dài,

Chả Ba họ, cơm trắng ruốc bông, ăn một miếng nghĩ một câu, sách nhớ như cơm, cớ gì ý nỗi?

Văn làm tối như mực, đặc như bí, kiếm chác lều kia lều nọ, hỏi một hỏi hai,

Sách quên đặc như thuổng, tôi như đêm, nghe hơi câu được câu chăng, viết chày viết cối.

Vào kỳ đệ nhất, làm theo chế nghĩa [15] so sắn vừa tám vế rõ ràng,

Tới kỳ thứ hai, đủ mục trường quy, tùng tiệm độ ba tờ ngắn ngủi.

Phú chẳng tỏ rằng tàu rằng mán, theo anh em "tắc kiến, y phù"[16].

Văn gọi là có cổ, có kim, đủ lề lối "sỹ văn, cẩn đối"[17]

Đóng lều cho chắc, nhất định ngồi dai,

Se xáp thẳng gang, cố lòng viết tối.

Tính chằng chuột muốn bù khi xóc đĩa xúi, tấp tểnh làm gà,

Khéo kéo cò toan trả nợ tổ tôm thua, kiếm ăn như nhái.

Khi nộp quyển hòm vừa đóng khóa, van lại phòng tiếng nhỏ tiếng to,

Lúc ra đường trời đã quá canh, kêu đầy tớ ấm a ấm oái.

Giường nhà trọ khi thở dài vuốt bụng, những mừng thầm quyển ấy đủ là may,

Ghế cô hàng khi hút vặt rung đùi, lại khen gượng kỳ này xem cũng lợi.

Cũng có khi bàn dầy bàn mỏng, lượng quan mà rộng bút, cuối bằng cung xong,

Lại có khi nghĩ quẩn nghĩ quanh, quyển ấy có câu thần, thủ khoa cũng phải.

Đến khi:

Ghế tréo dán lộng xanh,

Bành voi giơ ống gọi.

Số cử nhân xướng đã hết rồi,

Dòng niên hiệu đọc vừa đến cuối.

Người ta tất tưởi về quê,

Hàng họ rù rì đón gọi.

Thầy đồ nọ mang mặt tế ngoại tổ, nón quàng vai đi hất hải hất hơ,

Bác tú kia đầu gối tranh trưởng nam áp cắp nách chạy tất ta tất tưởi.

Này những:

Mong một đi khỏi cáo, mà làm hại con mễ con kim,

Tưởng ba đời cung khai, thêm nhêu nhuốc ông bà ông vải.

Về nhà:

Vợ con thờ ơ,

Trẻ con ấm oái.

Thấy chó vẫy đuôi mừng,

Nghĩ mình càng thêm tủi.

Tần cung nữ oán Bái Công

Nguyên khi Bái Công đánh Tần, vào được kinh đô Hàm Dương, thấy trong cung Tần có nhiều cung nữ rất đẹp. Bái Công muốn ở lại đấy, sau có Phàn Khoái, Trương Lương can ngăn, nên lại kéo quân ra đóng ở Bá Thượng. Bọn cung nữ trước đã mừng thầm sẽ được gần mặt rồng, nay nghe Bái Công đi, đều có lòng oán giận.

Sương khóa cung nga,
Mây lồng đồn Bá.
Xuân tín [18] bỗng đưa cùng điệp thúy [19]
Phương tâm [20] đành thẹn với long nhan.[21]
Từ tuổi xanh chưa gặp bụi hồng, thuyền ngư phủ qua vào đồng biếc,
Vì má đỏ thường đeo phận bạc, đây nguyệt ông dắt lại lầu son.
Bẽ bàng chăng một tiếng cung nhân,
Ngoa ngán cả mười phần thất nữ.[22]
Gác phượng tiếng reo tựa sấm, xô bồ dưới nguyệt gót kim liên,[23]
Lầu hồng bóng lộn giường mây, thấp thoáng trong gương lưng bạch ngọc.
Đài lan nọ thôi cười với bóng,
Đệm thúy kia lại ngỏ cùng hoa.
Nét mày xanh từ cái lá cũng ghen, câu khiển hứng [24] đánh chìm dòng nước [25] chảy,
Làn môi đỏ tới con chim còn ghét, giấc thừa ân [26] dậy nổi bóng trăng tà.
Ngẫm nhân duyên từng rơi giọt lụy thầm,
Nghĩ thế sự những đổ mồ hôi trộm.
Hồ Thái dịch [27] lúc nỉ non tiếng dế, trướng xuân lang lạc bước quản huyền [28] xưa,
Cửa Hàm Quan [29] khi phơ phất ngọn đào, mảnh tà nguyệt ói mùi la ỷ cũ,

Quán ngán nhẽ cửa bạch câu [30] một thoáng,

Nực cười thay tranh thương cẩu [31] trăm hình.

Con hươu bách nhị lạc loài đâu, hoa cỏ ngậm ngùi vườn thượng uyển.[32]

Cái én ba nghìn ngơ ngẩn đó, mây mưa bát ngát đỉnh Vu phong.

Tuyết đã tà mái tóc kim sinh[33]

Nhị còn nhuộm vẻ hồng lai thế[34]

Ví thân đã lây hương cấm dịch, cỏ Li Sơn đà cắt tóc rồi [35],

Bởi phận còn nhặt là ngự câu[36] trăng Vị Thủy [37] sẽ cầm bóng lại.

Cửa ngọc nữ sương còn im đóng,

Tiếng chân nhân [38] gió đã xa đưa.

Dòng Đào Đường tuôn róc rách xuống sông Liêu, mẹ rắn khóc giữa đường nghe cũng tủi,[39]

Mây Mang Lĩnh cuốn tần vần về đất Bái, chị Trĩ kêu trong núi nghĩ mà thương [40].

Thấy bóng cờ ai cũng rượu dê mừng,

Nghe tiếng nhạc đâu không đàn sáo thổi.

Trên chỉ đạo xe vôi ngựa trắng, trộm thấy lòng "bất nhẫn" những thì thầm [41],

Trước hiên lâu xiêm bụi áo bùn, vâng biết ý "dục lưu"[42] còn khép nép.

Xem khí sắc đã nên năm vẻ,

Ngẫm cơ duyên lại lỗi ba sinh.

Bất kỳ mà nương bóng rồng bay, lừa bén hương lây cho đánh số,

Giải kết hoặc lâu hơi khỉ tắm, hoa trôi nước trẩy cũng oan tình [43].

Nếu quan gia [44] mà thực chúa ái nhân,

Thời thánh thế há còn ai oán nữ [45]?

Âu ca thuơ về cùng Thuấn Võ, Cao Dao, Hậu Tắc nào ngăn,

Huyền hoàng khi lại tới Thang Văn, Y Doãn, Chu Công dám cấm.[46]

Nay trong trướng chửa chút chi trộm mặt,

Mà ngoài sân đà lắm tiếng ói tai.

Ngao ngán thay nắng chẳng thương hoa,

Đau đớn nhẽ mây nào xót nguyệt.

Ngọc xích xí [47] còn cồn bể Bái thượng, mây tuôn nước chảy xót xa tình,

Ngọc Lam Điền ri rỉ tới Quan Trung, phấn nhạt hoa trôi ngao ngán phận.[48]

Lặng thời những đeo sầu chịu tủi, Nói nên dường ép dấu này yêu.

Gấp bánh xe thời cũng tội Lý Tư, nào ai đem nhất tiếu khuynh thành mà dượng võ mỉa vong Tần cho đáng,[49]

Giơ vọt ngựa mới nức danh Chu Võ lấy ai đủ thập thần dựng nước, mà thày nho rằng trợ Kiệt làm tin[50].

Tráo con ngươi [51] nào ngẫm cuộc tang thương,

Uốn đầu lưỡi[52] lại đầy duyên phấn mặc.

Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ, chẳng qua bệnh già nó đánh ghen thay,[53]

Gan cắp dùi vừa mất vía ngày nào, âu hẳn vị chúa mình lây giận mãi [54]!

Sức bao tá tráo trưng dưới bệ,

Trung với ai dỉ dót trong màn [55]!

Có chăng loài muông nhỏ ngựa non, đón giọt rãi phú ông thời cũng phải,

Sao những thứ nhạn sa cá nhảy, dứt tấm lòng du tử thế cho đang!

Thuở Đông cư[56] lòng sở hiếu sao chiều?

Nay Tây nhập[57] sức hữu vi mà cấm?

Một thời bởi giật mình uy chín quận, gượng lánh ra đành đợi Tướng quân [58] vào,

Một thời toan theo dấu vượt Ngũ hồ, để nhằm trộm nghĩ thần Tây Tử [59] bước.

Đã đắng ngắt một liều thuốc độc,

Lại cháy ran ba tấc lưỡi miềm.

Bởi lẻ loi vì phận ấy bình bồng, lần kim giáp để hơi hương chẳng thấu,

Ví may mắn vững duyên ai ky chủy, tấm la y nào mùi sạ có phai?

Lượng bao dong sao nỡ hẹp hòi?

Tư minh đạt có đau nhầm nhặt!

Nào thuở núp gốc cây, nghe nhạc ngựa, thấp thoáng dưới cờ bên kiệu, thời thở dài kẻ đại trượng phu [60]

Tuy cách bức khách còn lạ khách,

Song trông gương mình lại yêu mình.

Họa ra màu thói cũ say sưa, mặt nào hót cũng không người cợt hấng,

Dù đến nỗi cuộc nào chếnh choáng, tay này đưa còn hơn lúc chia vàng.

Gương trong đuốc sáng mặc lòng trên,

Cỏ áy hoa hèn đành phận lưới.

Khi hang thẳm phong hơi dương đã thấu, ắt trong nước ai không thần thiếp, lại phòng tiêu cung quế cũng cam lòng,

Áng non cao dù vẻ ngọc mà lầm, thời dưới trời đâu cũng giang sơn, tới cửa trúc lều tranh càng mát mặt.

Âu còn nghĩ bẽ bàng lời tục,

Vậy chửa khuây dan díu cánh tiên.

Miễn chớ cười lời khách thơ ngây,

Xin gửi lạy lòng trên khoát đạt.

Phú đồ Nghệ

Có một người:

Tính khí ngang tàng,

Ngôn từ tuyệt xảo.

Quan chẳng phải mà lại cũng không,

Thượng vị chí mà hạ bất đáo.

Đông tây nam bắc, kẻ anh hùng ai nấy đều quen,

Thành thị kinh kỳ, chốn tử các vào ra cũng bạo?

Cũng có lúc giả danh ông cống, tì tòe dạy trẻ ăn cơm,

Lại thường khi lên mặt thầy chùa, vọc vạch vài bài cúng cháo.

Cũng có lúc tráp sơn điếu sứ, xem hình hài ra dáng thầy nho,

Lại nhiều khi quần cấp ô thâm, ngó phong thể ra nhòng ông giáo.

Kẻ chưa biết, bẩm ông bẩm cụ, tha hồ nói tựa pháo ran,

Người đã quen, tự thánh tự thần, tâng bốc lên như diều sáo.

Học chưa biết chi hồ giả dã, đã khoe mình quán sử thông kinh,

Số chưa tường chế hóa khắc sinh đã múa mép tấu thư phong cáo.

Thả ra nói một tấc đến trời,

Rút cục mười voi không bát sáo.

Nói vượn nói hươu,

Giở mèo giở cáo.

Sách có chữ rằng:

Bằng hữu chi giao chỉ ư tín, xin chớ sai ngôn,

Quân tử khả khi dĩ kỳ phương, xin đừng nói láo

Phú răn cờ bạc

Gớm thay cờ bạc!

Gớm thay cờ bạc!

Chẳng ớt mà cay,

Không chuối mà chát!

Bỏ bả nhau bằng quân bài,

Đánh cạm nhau bằng đĩa bát.

Có không không có, như chuyện chiêm bao,
Khôn dại dại khôn, theo nhau mấy nhát.
No cơm nhân lúc rồi nghề,
Quẩng mỡ bày trò đổ bác.
Một trăm hai mươi quân chằn chặn, ba hàng ngang dọc đảo điên.
Bốn đồng mười sáu chữ rành rành, hai mặt âm dương xô xát.
Trước chơi sau thực, mon men dần nên truyện ăn thua,
Vào nhỏ ra to, cay cú mãi ra lòng bạc ác.
Được lúc hòn son giắt khố, ù thông thập hồng bạch định, chờ nọc lên chi nẩy đùng đùng,
Đương khi đầu rắn giắt lưng, nhớ rành cập lệnh ba bay, theo lối trúng khuôn rền chan chát.
Trước mặt vơ đống tiền xù xụ, lửng diều mặc sức ba hoa,
Trong lưng găm túi bạc kè kè, béo mỡ tha hồ phân phát.
Của ngon vật lạ, đem đến như mưa,
Bạc vụn tiền rơi, tung hê ngỡ rác.
Những chú cao lâu lê la dề đến, xúm quanh mời công đạo bi bô,
Các cô hàng sáo ví véo rủ về, tán mảnh gạ nhân tình kia khác.
Chắc hẳn dỡ nhà về thổi, tưởng lăm lăm những bụng ăn người,
Biết đâu hết đụn đi xin, chơi mãi mãi có khi bỏ xác.
Đến lúc họa lại thần ám, bài xoay quanh bỏ phỗng bỏ ù,
Phải khi vận bĩ quỷ trêu, bạc đánh đuối càng thua càng khát.
Xóa ván này bày ván khác, đen lại hoàn đen.
Đổi phần nọ bỏ phần kia, nát cũng vẫn nát.
Chửa đánh xuống đã ghê những mất, ngực thì thùng như trống đổ hồi,
Mong gỡ ra lại buộc thêm vào, mặt hăm hở như là phải phát.

Quá tay nên nỗi nợ nần,

Nóng mắt tìm đường gỡ gạc.

Vay cào vay cấu, lãi mấy cũng ừ,

Đất non đất già, của ai cũng choạc. Búi tóc chặt, gật chầy gật cối, tát cũng đành, dầu đem giam trói cũng đành,

Trơ mặt dầy, đeo mẹt đeo mo, rủa càng mát, dầu bất lột đìa càng mát.

Hàng xáo gặp phải tay nanh nọc, giở đầu bò, vỗ tuột cũng không xong,

Nặc nô rây phải lũ côn quang, sắn móng lợn chạy bừa mà chẳng thoát

Khi mới phải bán cửa bán nhà,

Khi mới phải gán đồ gán đạc.

Khi mới lủi về xó nhà,

Khi mới chúi nằm xó gác.

Lo đến nợ bồn chồn không ngủ, đặt xuống nằm thời lại giật mình.

Nghĩ đến tiền ngao ngán quên ăn, nuốt vào cổ hình như mắc gạc.

Vợ con cũng mất lòng thương,

Bè bạn cũng ra tình nhạt.

Mất danh mất diện, quá chơi mà nên kẻ lăng nhăng,

Hại thân hại đời, chót dại hóa ra người rầy rạc.

Thế mới biết ngồi vào đám bạc, già cũng chẳng thương gì trẻ, thằng cũng chẳng nể gì ông,

Thế mới hay lâm đến đồng tiền, con cũng chẳng nể chi cha, cháu cũng chẳng tha chi bác.

Cao hạ bằng đẳng, láo nháo lào nhào,

Cốt nhục tương tàn, xác xơ xơ xác.

Đọc đến chữ "Tham tài nhi tử" kẻ máu mê đã chót dại thì chừa,

Nhớ đến câu "Lâm cục giả mê", người tai mắt phải giữ gìn cho rát.

Thuốc phiện

Nguyên giống phù dung,

Về nòi cống tẩu.

Khí nguyên công điều tán cũng thần,

Mùi ý vị thanh kỳ cũng thú.

Sang Việt Nam nức danh nha phiến, nhờ ơn trên mới được giá cao,

Diễu trần ai là gái ả phiền, mặc lòng khách xì xồ hẩu lố.

Rặt những khách dương xuân yên cảnh, rủ rê nhau bỉnh chúc dạ du,

Nguyên những người cố quốc tha hương, nghi ngút cũng hóa công đào chú.

Nẩy mực từ phân li đồng lạng, kẻ bán buôn cân nhắc không sai,

Trải mùi đời đắng nhạt chua cay, người nghiện ngập bùi say phải mộ.

Khi mới tiêu dao vài khói, tía tai đỏ mặt, bụng hung hăng quân tử tự cường,

Lúc chưa chơi bỡn mấy mồi, nằm gối nghiêng mình, hình dáng tựa anh hùng tương ngộ.

Xe tới miệng hình như Bá Lãnh, đưa một cung cho rền rĩ xang xừ,

Khói ra môi dường tựa thần công, lọt vài phát cho vang lừng kim cổ.

Giở những truyện Kim Kiều tài tử, miệng ngâm nga tiếng nhỏ tiếng to.

Khen những người hào kiệt anh hùng, nói trải khắp trên Ngâu dưới Thổ.

Mới một lượt nói quanh nhà quanh cửa, tới ba năm nói lung thiên hạ cả ngoài trời,

Mới một năm còn thầy nọ thầy kia, tới ba bốn mặc sức quỷ thần trong cố tổ.

Dơ rác nhặt từng li từng tí, miệng lâm râm cho biết chữ thánh nhân vô,

Giàu sang khi dù có dù không, bụng thốn thức cũng bền gan quân tử cố.

Chẳng tố nữ cũng trong cung ngoài cấm, trêu những người tài sắc dọc ngang xe,

Chẳng hung đồ mà vào nhỏ ra to, cướp những của ruộng trâu chui vào lọ.

Chứng nhớ chẳng thương mà ngáp dài xổ mũi, chuyện trên đời, sáng tỏ quá thần đăng,

Không ốp không đồng mà ngáp vặt vươn vai, việc tìm của tính rành hơn ma xó.

Cơn áp sát ra tay cũng mạnh, phép lệnh hơn Tiêu Sơn Độc Cước nào bằng,

Lúc ốm đau điều dược cũng thần, trị bệnh đến Biển Thước Hoa Đà khôn đọ.

Khi giàu sang tươm tất lại càng hay,

Trong nhà cửa sửa sang gì cũng có.

Cửa cao nhà rộng, sân gạch tường hoa,

Thềm đá cổng ngăn, cột lim xà gụ.

Quanh vườn cổ thụ, mấy mươi cây,

Trước cửa chi lan năm bảy chậu.

Trên bể cạn cá vàng cá bạc, tùng mai cúc trúc canh tiều,

Dưới hồ sen hoa trắng hoa xanh, cá mực tôm kình ngư phủ.

Liễn xà cừ treo khắp cột, án thư dàn mặt một vài đôi,

Tranh thủy mặc dán quanh tường, tràng kỷ ngả lưng năm bảy bộ.

Mùa hạ thời khăn ngang quạt khách, chiếu mây ghế đá, sập bình khung,

Mùa đông thời bí tất giầy tầu, mã nhục chăn bông màn xuyến lộ.

Khay tráp khảm bày ngang trước mặt, tiêm vàng móc bạc, kéo tây đèn thiếc, chụp pha lê,

Tráp da hoa gối tựa trên đầu, cóng sứ hộp ngà, chén ngọc tẩu tàu, xe cam lộ.

Tẩm bổ đã yến sào cá mực, đường cát đường phèn, mâm đồng bạch vẽ long ám, bát dáng trái hồng,

Giải khát thời liên tử ô long, chè hảo, chè tâm, ấm bình tích kiểu Mãi Thần,chén pha mai thọ.

Khi sớm trưa xa gần chầu chực, cao bằng mãn tọa, lời bác lời ông,

Lúc tối hôm tôi tớ dạ vâng, cao ngọa gia san, tiếng ông tiếng cụ.

Con trai đẻ ra gọi cậu cả cậu hai,

Con gái đẻ ra gọi cô Lan cô Huệ.

Khi giàu sang quen thói phong lưu,

Lúc bần tiện quải ra khốn khổ.

Thuốc hàng lạng quay vào nuốt sảm, năm ba xu tạm đỡ nuốt qua,

Nhà tường vôi thay đổi tranh pheo, đồ trăm chục liệu mua vừa cố.

Nhà nhất gian trên trời nom xuống, tiểu tinh tuệ bỉ năm ba,

Giường bán liêm vua bếp ngồi bên, hạnh thái sâm sì xanh đỏ.

Tẩm giọng đã nước trong lẻo, chè hậu phác mía ba đồng, tiện đặt đĩa tầu mo.

Giải khát thời cháo mảnh gạo, bánh kim qui kẹo mấy cái, giắt niềm bao tấu gỗ.

Khi đi thì áo cừu nam sột sạt, cóng chai hộp hến dọn lau lia,

Lúc nằm thì gối gạch xếp gập ghềnh, đèn đĩa chụp mo khêu lấp ló

Cơn gió đến ngọn đèn bay phấp phới, trên ơn nhờ thiên tử chở che cho,

Lúc đông hàn đầu gồi dịp rung chơi, dưới sẵn bếp anh hùng dành để đó.

Đầu khăn mảnh bát, áo vắt vai mảnh một, tảng khoanh tay lên mặt đầu bò,

Lưng thắt hầu bao, quần lá tọa phân hai, lò rò cổ ra vai keo cú.

Đi hỏi nợ ai trông cũng sợ, nhởn nhơ toan đồ nọ của kia,

Tới đâu thời ai nấy cũng kinh, chiếu cố cả thượng cầm hạ thú.

Ấy thuốc phiện mới hay là thế, sao không tri cơ mà tự an nhiên,

Nên những người nghiện ngập mang điều, sao không tự hối mà như bất cố.

Kìa những kẻ tư thiên tư vạn, đang mang vào cũng giương mắt ếch chi sa cơ,

Huống chi người nhất nhật nhất hào, đeo đuổi mãi cũng tuốt đuôi lươn chi quá độ.

Kìa trời thủng bà Nữ Oa còn vá được, ấy mới hay thế thượng sự nan vô.

Nọ cây lửa ông Toại Nhân còn dùi nên, ừ mới biết nhân tâm kiên tự thủ.

Tế thần [62]

Nay mừng:

Non xuân gáy phượng,

Cõi lạc chơi lân.

Chín bệ thảnh thơi xiêm áo,

Bốn phương êm ấm chiếu chăn.

Dặm hoa cù quạt gió gương trăng, phao tuôn đêm hạ,

Miền tử lý gậy cưu ngựa trúc, đầm ấm hơi xuân.

Áng ta nay:

Phong quang trăm thức,

Cảnh sắc mười phần.

Đem tám cõi vào đồ cực lạc,

Hợp bốn mùa về thú khả nhân.

Núi Hồng Sơn luốm nhuốm đôi ngàn, tranh thúy vũ mây thêu chữ gấm,

Sông Ngự Thủy choằm hoằm một dải, sóng đào hoa gió dán màn ngân.

Gò Cánh Phượng chắn ngang, cột trụ thạch ngăn dòng lưu thủy.

Suối Mũi Rồng tuôn xuống, nước san hô sói mạch thiên tân.

Cảnh thanh tú bầu trời vượng thái,

Đất thiêng liêng thụy khí nhân huân.

Văn ba tầng cửa Vũ giương vây, cơn dâu bể chẳng mòn bia tính tự.

Vũ môn dặm trướng hùm trổ vuốt, khoán sơn hà còn rạng dấu đai cân.

Thanh bảo kiếm khí thiêng còn vượng,

Đóa hoàng hoa điềm ứng hầu gần.

Dọc ngang lễ nhạc ba ngàn, trường hòe cúc ra tay đoạt giáp,

Hớn hở tang bồng muôn dặm, hội phong vân phỉ chí phan lân.

Ngoài nội Hạ vui vầy bốn thú,

Trong trời Nghiêu an nghiệp tứ dân.

Sĩ, rừng nho nhả ngọc phun châu, vẻ cẩm tú dãi thâu muôn trượng,

Nông, nội hạ cầy mây cuốc nguyệt, thơ xương dương lần nghĩ mười vần.

Công, thấp cao lưỡi búa chàng Ban, khuôn bốn biển vuông tròn tấc thước,

Thương, ngang dọc cánh buồm chàng Phạm, giá chín châu nặng nhẹ đồng cân.

Ngư, dòng đào quen thú giang hồ, chèo phong nguyệt phao tuôn dòng nước trí,

Tiều, lãnh thấm vui miền toàn thạch, búa yên hà đủng đỉnh mái non nhân.

Canh, vui vầy thôn khói làng mây, thơ lương phủ thấp cao miền lục dã,

Mục, thong thả màn hoa chiếu cỏ, khúc giác xương chắp nối buổi tà huân.

Bãi luộc trận nam, sen chen mặt nước,

Hiên mai buổi mát, quế bóng trăng sân.

Đâu đó đã vẹn chữ thu thanh, nhà nam bắc nổi tiếng đàn cấp túc,

Đầu gót cũng nhờ ơn huyền hỗ, lũ trẻ già vui khác nhạc nam huân.

Mưa suối ngửa trông ơn thánh,

Tiết lành mở tiệc thờ thần.

Trên nhận nhân hai chữ anh linh, vẻ cẩm tú rỡ phô trăm thức,

Dưới khẩn khẩn một lòng thành kính, chén chi lan vui chúc đôi tuần.

Ngoài tám tiếng họa vần ti trúc,

Trong hai hàng rạng nếp trâm thân.

Đào giống giả cung bắc cung nam, trên chín bệ ngâm câu phục đán,

Kép dìu dặt ngọn đàn ngọn sáo, dưới muôn dân vui chữ nghênh tân.

Ấy là phép tiên công khảo thí,

Này là lời dặn bảo hương lân.

Gẩy khúc cầm khuyên chữ phòng dâm, trinh thục khen người sông Hán,

Nghĩ câu hát ghi lời tiết tính, kiệm cần học thói nước Mân.

Chớ theo thói ong mê bướm luyến,

Mới nên đời tục mĩ phong thuần.

Quang sang, dân giàu, người có, của có, đô trong Hà Tĩnh, có đâu hơn huyện Can xã Nội Thuần chân.

Ngũ canh phú

Bây giờ đã hầu sang canh một
Chim bay về đỉnh núi Lịch Sơn
Ve gọi sầu vượn rủ rê đàn
Sông lai láng buồm về góc bể
Non đoài trạnh, chiêng vàng xê xế
Triền chuông đưa đủng đỉnh tiếng chày
Tiều thung thăng chứa củi chất am mây
Mục xao xác dắt trâu về điền dã
Ngư vắt chài ngồi chơi thong thả
Canh gác cày nghỉ mát thảnh thơi
Thiếp khuyên chàng đèn lửa thư trai
Ôn kinh sử thư đường thú giảng
Đêm thu tỏa đồng hồ hầu cạn
Những âm thầm canh đã sang hai
Nhà thư đường cửa đóng then cài
Buồng chức nữ phòng không chặt khóa
Sông Vị Thủy bóng trăng làn với cá
Tuyết bạc in chồi liễu uốn quanh
Thú Vị Sơn rong ruổi khách thuyền
Sông Bích Động lửa huỳnh bay thấp thoáng
Thuyền một chiếc buồm trôi lai láng
Thiếp khuyên chàng khỏi chốn ba đào
Đường công danh chớ ngại cần lao
Việc gia thất đã đành có thiếp
Thánh hiền dạy:
"Thiếu tiểu tu cần học
Văn chương khả chí thân
Mãn triều chu tử quí
Tận thị độc thư nhân"
Sang canh ba tiếng gà khoan giọng
Trên giá tuyết gương soi lai láng

Dưới mơ màng nguyệt dãi bóng Hằng Nga
Ngoài đầm đầm sương bạc thả ra
Sông nước rẫy quyển vàng năng nở
Đêm khuya khoắt thiếp khuyên chàng to nhỏ
Giấc hòe êm màn Đổng gối Ôn
Sang canh tư nghe tiếng diêu dồn
Thắp đèn dậy khuyên chàng chăm nghiệp
Thiếp theo giữ đầu đội vai mang
Chàng thì ôn kinh thánh truyện hiền
Sang canh năm tinh đẩu thay quyền
Miền đông bắc nhà thôn xao xác

CHÚ THÍCH PHẦN VĂN PHÚ

1. Bài này tương truyền là của cụ Ba Voi ở làng Thụ Ích, thuộc tỉnh Vĩnh Yên bây giờ, vốn là dòng dõi Cố Lê công thần, vì Nguyễn triều đương quốc, nên không muốn ra làm quan. Cụ làm bài văn này, thực là mượn tình bà Thị Kính mà giãi tỏ cái khí tiết cô trung của cụ.
2. Xưa kia Trọng Quý vì đánh bạc thua mà phải bán vợ cho người.
3. Tục ngữ có câu: Thất nghiệp nằm đình Cổ Lương.
4. Chương phủ là cái mũ nhà nho.
5. *Phù đồ* là nhà Phật.
6. *Trọng Do* là tên tự ông Tử Lộ, học trò đức Khổng Tử; ông thường mặc áo bông rách đứng với người mặc áo cừu mà không xấu hổ.
7. *Toan hàn* là lạnh lẽo.
8. *Chú Tô* là chàng Tô Tần, khi xưa cùng khổ, chị dâu không nấu cơm cho ăn.
9. *Tân sài* là củi đuốc.
10. *Anh Mãi* là Chu Mãi Thần: Chu khi xưa nghèo phải đi kiếm củi, vừa gánh củi vừa ngâm nga, vợ lấy làm xấu hổ.
11. *Thế cố* là việc đời.
12. *Áo giới lân* là áo giáp dùng bằng da loài có vẩy.
13. *Cơ phu* là ngoài da.
14. *Thanh khâm* là vạt áo xanh.
15. *Chế nghĩa* là kinh nghĩa.
16. *Tắc kiến y phù* là những chữ lề lối trong bài phú.
17. *Sĩ văn, cẩn đối* là những chữ lề lối trong văn sách.

18. *Xuân tín* là tin xuân.
19. *Điệp* là con bươm bướm; chữ *thúy* chưa tường nghĩa.
20. *Phương* là nói hoa thơm. Bụng nghĩ của người con gái, gọi là phương tâm, ý nói như cái lòng thơm của hoa vậy.
21. *Long nhan* là mặt rồng.
22. *Thất nữ* là con gái không chồng. Nguyên xưa có người gái làng Tất Thất, hơn ba mươi tuổi mà chưa có chồng thường dựa cột mà thở dài. Người ta hỏi vì sao thì nói là lo cho nước Lỗ sắp loạn. Hai chữ "thất nữ" dùng ở đây là mượn điển ấy nói phận cung nhân không được vua đoái đến như người con gái không có chồng vậy.
23. *Kim liên* là sen vàng, *gót kim liên* tức như nói gót sen.
24. *Khiển hứng* là làm cho xuôi qua lúc tình hứng.
25. *Đánh chìm trong nước chẩy*, tức là nói về điển để thơ vào cái lá buông thả xuống ngòi.
26. *Thừa ân* là được thừa ân trạch của vua. Câu này ý nói không được vua nhìn đến.
27. *Thái dịch* là cái hồ trong cung vua.
28. *Quản huyền* là đàn sáo.
29. *Hàm Quan* là cửa ải Hàm Cốc của nhà Tần.
30. *Bạch câu* là ngựa trắng qua cửa sổ, ví như đời người đi nhanh.
31. *Thương cẩu* là chó xanh. Sách có chữ: "Thiên thượng phù vân như bạch y, tu du hốt biến vi thương cẩu", nghĩa là Đám mây nổi bay trên trời thoáng chốc biến thành chó xanh.
32. *Con hươu* là ví vào vua Tần. *Bách nhị Thượng uyển* là vườn của nhà vua. Câu này nghĩa nói thương vua nhà Tần thất bại, chạy mất nơi nao, chỉ còn trơ hoa cỏ trong vườn, trông buồn bã.
33. Cái *én* là ví về cùng nữ, ba *nghìn* là số cung nữ của vua Tần tất cả có ba nghìn. Câu này nghĩa nói các cung nữ vơ vẩn không có chúa mà tưởng tượng sự ái ân với một ông vua.
34. *Kim sinh* là đời này.
35. *Lai thế* là đời sau.
36. *Li Sơn* là chỗ núi chôn vua nhà Tần trước. Câu này nghĩa nói: nếu cái thân đã được đội ân trạch nhà vua, thì cũng đã cắt tóc đi tu theo chỗ mả ở núi Li Sơn rồi.
37. *Ngự câu* là ngòi nhà vua, lá ngự câu tức là điển để thơ vào lá thả ngòi
38. *Vị Thủy* là con sông ở kinh đô Hàm Dương. Câu này nghĩa nói: bởi không được ơn vua đoái đến, cho nên cái thân còn ở lại trong cung Hàm Dương.
39. *Chân nhân* là một vị chân chính, tức là nói ông vua.
40. *Đào Đường* tức là họ của vua Nghiêu. *Lưu* là họ ông Bái Công, *họ Lưu* tức là dòng dõi nhà Đào Đường. Bái Công khi trước say rượu đi

đêm, qua cái đầm gặp con rắn trắng, rút gươm ra chém chết; sau người khác qua đó có thấy một mụ khóc, hỏi tại sao thì mụ kia than rằng: "Con ta là con vua trắng nay bị con vua đỏ chém chết".

41. *Mang lĩnh* là núi Mang. *Trĩ* là tên vợ của Bái Công. Nguyên Bái Công ở đâu thường có vợ tìm đến, ông hỏi tại sao người vợ nói rằng: "Ông ở đâu thì trên đầu thường có đám mây, cho nên lúc nào muốn tìm ông cứ trông đám mây đó sẽ thấy".
42. Vua nhà Tần khi đó là Tử Anh ra hàng Bái công ở bên đường Chỉ đạo, đi xe trắng ngựa trắng (phép đời xưa, ông vua nào ra hàng người, thời phải đi xe trắng ngựa trắng nghĩa là cái thân mình sẵn chết, mong nhờ ở người ta, hoặc được sống) khi đó các tướng sĩ định giết vua Tần mà Bái Công ngỏ truyền ý không nỡ. Câu này ý nói các cung nữ muốn ra yết kiến Bái Công, mà còn e lệ.
43. Khí là nói Hạng Võ. Câu này nghĩa nói giá lọt vào tay Hạng Võ thì thân thế sẽ bị luân lạc.
44. Quan gia là tiếng gọi riêng nhà vua.
45. Oán nữ là người con gái ở trong cung thường oán vì không được thỏa sự tình dục. Đời vua Văn Vương nhà Chu không để cho trong cung có người con gái oán.
46. Khi vua Thuấn, vua Võ và vua Thang, vua Văn được nhận ngôi làm vua, các quan triều nọ kia đều không dám ngang trái.
47. Xích xí là cờ đỏ của Bái Công, câu này nói Bái Công về Bái Thượng thì bọn cung nữ không theo bám vào đâu.
48. Câu này là cung nữ tự than thân phận.
49. Lý Tư làm quan thừa tướng nhà Tần, dượng võ là nói vào Phàn Khoái. (Phàn Khoái là tướng võ mà lấy em vợ của Bái Công; cho nên gọi là dượng võ). Câu này ý nói tội làm mất nhà Tần là ở các vua tướng mà Phàn Khoái đã vội trách gì tần cung.
50. Chu Võ là Võ vương nhà Chu. Thập thần là mười bầy tôi khai quốc của Võ Vương nhà Chu mà trong đó có một người đàn bà. Thầy nho là nói về Trương Lương. Trợ Kiệt là giúp chúa Kiệt sách có chữ "giúp chúa Kiệt làm ác". Câu này nghĩa nói vua Võ vương khi xưa khai quốc cũng là nhờ đến bầy tôi, mà trong đó có một người đàn bà, sao Trương Lương lại nhiếc là giúp chúa Kiệt làm ác?
51. Trảo con ngươi là nói nhiếc Phàn Khoái.
52. Uốn đầu lưỡi là nói nhiếc Trương Lương.
53. Mặt bán thịt là nói Phàn Khoái vì Khoái lúc còn hàn vi có làm nghề mổ lợn. Già nó là nói vợ Bái Công là chị, mà Phàn Khoái lấy người em. Câu này cũng là nói nhiếc Phàn Khoái như muốn vì người chị vợ mà đánh ghen.

54. Gan cắp dùi là nói Trương Lương. Khi trước Trương Lương muốn vì nước Hàn báo thù nhà Tần định cầm dùi đánh vua Tần. Hai chữ chúa mình là nói vua Hàn. Câu này nói nhiếc Trương Lương như còn vì thù riêng;
55. Hai câu này nói nhiếc Phàn Khoái và Trương Lương.
56. Đông cư là ở phương đông, ý nói lúc Bái Công ở Sơn đông, thì tham của, thích con gái mà không có ai can.
57. Tây nhập là vào mạn tây, tức là vào nước Tần.
58. Câu này là ý nói mỉa các tướng của Bái Công có lòng sợ Hạng Võ mà muốn nhường bỏ Tần cung chăng.
59. Câu này là ý nói nghi các tướng có lòng lợi riêng, muốn đánh lừa Bái Công để kiếm riêng cung nữ chăng.
60. Câu này ý nói mỉa Bái Công. Nguyên khi trước Bái Công chưa nổi quân, thường gặp nghi vệ của vua nhà Tần đi qua, mà than trộm rằng:"Người đại trượng phu nên như thế".
61. Câu này cũng nói mỉa Bái Công là lúc được như ý thì lại làm kiêu.
62. Bài này tục truyền là của Kỳ Đồng, một cậu bé ở làng Thuần Thiện, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Cậu bé này từng được gọi là Nam Bột (Vương Bột nước Nam) chết năm mười một tuổi.

CA TRÙ

NGÔ THẾ VINH

Thanh phong minh nguyệt

Giang san thu nguyệt bạch [1]
Não nùng thay khi gió mát lúc trăng thanh
Bóng thềm soi đáy nước long lanh
Quang cảnh ấy cũng thanh mà cũng lịch
Vạn lại tịch nhiên thu dạ vĩnh
Nhất hồ oánh nhĩ nguyệt minh thâu [2]
Đàn năm cung thơ một khúc cờ một cuộc rượu một bầu
Tiếng ca quản một vài câu khiển hứng
Chèo mấy mái thuyền lan lững thững
Bạn mấy người tài tử tiêu dao
Non mấy tầng đá mọc so le
Cầu một dịp bắc ngang sông Vị Thủy
Hội Xích Bích nọ năm Tuất nhỉ
Thú phong lưu há để một Tô công
Trăng thanh gió mát kho chung

Ăn chơi

Nhân sinh thích chí
Chẳng gì hơn tiền cho nhiều vợ cho đẹp đàn cho ngọt hát cho hay
Nợ phong lưu chơi hết lại vay
Kho vô tận không rồi lại có
Mãn viện lý đào như hữu chủ
Bách ban hoa thảo cánh thâu thùy [3]
Khi cung đàn khi chén rượu khi túi thơ
Thu xếp cả phồn hoa vào một cuộc
Thú vị ấy chơi cũng tục mà chẳng chơi cũng tục
Chơi thì chơi cho Tấn sang Tần cho Sở sang Hán cho Ngô sang Lào
Biết đâu rồi chẳng chiêm bao.

Tài sắc mà chi

Nào nùng một khúc tỳ bà
Giang châu Tư Mã mới là tri âm
Tầm Dương giang đầu dạ tống khách [4]
Duyên nước bèo gặp gỡ cũng nực cười
Giữa giòng sông nước chảy hoa trôi
Bỗng dắt cả tài hoa vào một cuộc
Giai nhân tâm sự quy cầm trục
Tài tử phong tao nhập tửu bôi [5]
Nghe tiếng đàn đà rát ruột đòi thôi
Nghĩ mình đó thương vay cho kẻ khác
Hồng nhan tự cổ đa luân lạc
Thái bút như kim bán lục trầm [6]
Người trăm năm ngảnh lại cõi trăm năm
Tài sắc tính ra là ngộ cả
Quá ngán nhẽ người ngồi thiên tải hạ

Cũng với lên chung một gánh sầu
Giọt tình há một Giang Châu

VŨ PHẠM HÀM

Hương Sơn phong cảnh

Hựu hà tất Bồng châu Doanh hải [7]
Tiểu sơn lâm mà có đại kỳ quan
Người tai mắt kẻ nhân gian
Ai chẳng đến Hương Sơn thì cũng tục
Kể từ lúc bước lên đò Đục
Liếc mắt trông đà mãn mục vân sơn
Lần theo một dải thanh tuyền
Nào ngư phủ nhập đào nguyên đâu cũng thế
Mặt trời gác bóng cây xê xế
Tản vân in thủy để rành rành
Chim trời mấy chiếc lênh đênh
Cây mai rụng rập rềnh năm bảy lá
Chú tiểu tử ruổi giong bến đá
Lũ ngư ông quẩy cá qua cầu
Cỏ cây san sát một màu
Núi trước núi sau mình ở giữa
Đoàn mục thụ bóng chiều vừa ngả
Dắt trâu về lả tả đầu ghềnh
Trong hang sâu thăm thẳm một mình
Thế mới biết sơn thủy hữu tình là chốn ấy
Dừng chèo lại càng trông càng thấy
Núi mờ xanh từng dãy ngất non thiêng
Kìa núi Gà núi Tượng núi Trống núi Chiêng

Chưa qua núi lại thấy đò bên cạnh núi
Thoạt trông thấy biết đâu mà hỏi
Cầu đăng tiên nọ chốn đăng doanh
Gót in đá biếc xanh xanh
Lòng trần tục bỗng không thanh thảnh nhẹ
Cao chót vót mấy tòa cổ sái
Ấy chi chi nọ trái Thiên trù
Trăng trong gió mát một khu
Ngắm phong cảnh Bồng hồ đâu đó tá
Động đào đã dan tay mở khóa
Càng nhìn lâu càng rõ càng xinh
Cây xanh xanh mà lá cũng xanh xanh
Xuống một núi lại trèo quanh một núi
Nước công đức trong ngần không chút bụi
Đường lên tiên đây là suối Giải Oan
Thảnh thơi bạch thạch thanh tuyền
Thế mới biết thần tiên là diệu thú

Thơ rằng

Bộc bố khê lưu sơn diệc vũ
Nhân thanh cốc ứng thạch năng ngôn [8]
Trông lên trời nhỏ con con
Mình ta đã lon chon trên đỉnh núi
Đứng núi nọ tưởng núi kia là cuối
Bước chân lên đường núi vẫn không cùng
Trèo qua một dịp trấn song
Đấy mới biết thực quần phong chi đệ nhất
Niệm nam mô a di đà phật
Mảng vui chơi mà quên phắt đường xa
Quả mơ non với nước mai già
Trông chân cảnh nhìn ngoài ra chân vị
Trong bụi rậm đàn chim thỏ thẻ
Dưới rừng xanh mấy chị tìm mơ

Lá vàng man mác ngẩn ngơ
Tam quan đã tờ mờ đâu có phải
Chân bước đi mặt còn ngoảnh lại
Ước gì đường dài mãi thì hay
Nào ngờ tiên lĩnh trời xây
Lối vào đã vén mây, trông rõ
Vạn trạng thiên hình vô số
Vẫn hãy còn giấc ngủ lơ mơ
Xanh như mây mà đá vẫn trơ trơ
Trên vách phấn tờ mờ treo giá áo
Này kho tiền này kho bạc này buồng tằm này lẫm gạo
Phật Quang âm thiên tạo một tòa
Bốn bề như gấm như hoa
Đố ai lấy nhân công mà vẽ được
Dưới cầu bạch trong veo đáy nước
Núi bình phong đứng trước phật đình
Chim gõ mõ vượn tụng kinh
Giục lòng khách năm canh chải chuốt
Dục đáo Hương sơn bất khả ước [9]
Khen cho ai biết trước cũng là tiên
Ai ơi chẳng đến cũng hèn

BÀ NHÀN KHANH

Lấy chi ghẹo mận trêu đào

Chồng bà có món tiền để sẵn tặng
ả đào chẳng may đêm mất trộm

Thử hồi thiên hạ đô vô sự [10]
Lúc thanh nhàn vừa gặp khách ca nhi

Ai chiều ai ai có tiếc ai chi
Mượn tiếng trúc dây ty mà cợt nguyệt
Ai có biết tình chăng chẳng biết
Túi chung tình hào kiệt với thuyền quyên
Tiệc vừa xong giấc bướm nào yên
Dậy sờ túi thì tiền đâu đó tá
Ngơ ngẩn vậy chẳng tra chẳng hỏi
Tâm sự này còn biết nói làm sao
Thôi lấy chi ghẹo mận trêu đào
Khách tri kỷ mong sao thì cũng vậy
Nhiều ít hữu tình chi đấy đấy
Biết hoa này đừng hẹn với đông quân
Bẽ bàng thay khách tình nhân

CỤ THƯỢNG VÕ KHOA

Cuốn chiếu hết nhân tình

Sách có chữ "vô tình tiễn biệt"
Khách với mình chưa quen biết chi nhau
Quê quán đâu mà nhà cửa ở đâu đâu
Ngán vì nỗi nước lã ao bèo thêm đểnh đoảng
Dưới nguyệt chén quỳnh khi thắng thưởng
Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi
Thảm thiết chi giọt ngọc tuôn rơi
Mai mốt đã ngược xuôi người mỗi xứ
Cô nhạn nam phi hồng bắc khứ
Nhàn vân tây vãng thủy đông lưu [11]
Khách về nhà đã có bạn khâm trù
Vui vẻ đêm thu cùng mở tiệc

Đây cũng ôm cầm theo liễu mạch
Thú cầm ca còn lắm khách vui chơi
Kìa kìa cá nước chim trời

NGUYỄN ĐỨC NHƯ

Mặc đời

Nhân sinh thiên địa nhất nghịch lữ [12]
Thôi công đâu mà rước lấy sự trần gian
Như chiêm bao như mây nổi như sương tan
Cơn đắc táng bi hoan đành có số
Vài chung phong nguyệt bầu kim cổ
Mấy khúc sơn hà túi gió trăng
Cuộc tẻ vui vui tẻ so bằng
Ai cõi thế chắc rằng không với có
Kìa Vương Khải Thạch Sùng thuở nọ
Dẫu đến nay tắc lưỡi cũng là hư
Làm chi giữ lấy khư khư

TRẦN LÊ KỶ [13]

Chơi cho thích

Từ lên một đến mười lăm còn trẻ nít
Bốn mươi năm cút kít đã về già
Tính trong vòng cấn đá với trăng hoa

Già cho lấm ba mươi năm là sắp kiệt
Thế mà còn đi học đi hiệc đi thi đi thiếc
Khi đỗ khi điệc làm quan làm kiếc
Việc đời vấn vít kiếp bao ngơi
Trời đã sinh ra kiếp làm người
Chả chơi nữa người cười ra chú vích
Được ngày nào ta chơi cho thích
Cho phong lưu thanh lịch mới là trai
Thấy ai ai ta cũng ai ai
Ai ai ấy thì ta cũng ấy
Chớ có quở chữ dâm là chữ bậy
Nếu không dâm sao nảy ra hiền
Nhủ em em chớ giữ gìn

LÊ THÁNH TÔN

Hương sơn phong cảnh

Thú thiên nhiên đâu bằng Hương tích
Đủ thanh tao cảnh lịch trăm chiều
Người thì vui sô lạp ngư tiều
Kẻ thời thích yên hà phong nguyệt
Kho vô tận những thế nào chưa biết
Thú hữu tình sơn thủy thực là vui
Khi đăng lâm có lối đến tận trời
Mây dưới gót đủ đen xanh vàng đỏ trắng
Lúc vào động ngắm sơn quynh thạch đẳng [14]
Bút thần ngoan chưa khéo vẽ cho cùng
Riêng một bầu sắc sắc không không
Khắp mọi vẻ kỳ kỳ quái quái

Thơ rằng:

Động chủ hữu linh thần bút tại
Hóa nhi vô ý tự nhiên công [15]
Khách trèo non ngoảnh lại mà trông
Lòng mến cảnh dời chân đi hóa đứng
Chén vân dịch [16] nghiêng bầu uống gắng
Bức thơ tiên mở túi liền đề
Giải oan ra tẩy tục lại thêm mê
Thiên trù tới vong cơ [17] càng thấy khỏe
Làng thi tửu còn đâu hơn đấy nhỉ
Chẳng Bồng lai Nhược thủy cũng thần tiên
Rõ ràng đệ nhất Nam thiên
Đem đi sợ để quần tiên mất lòng
Thôi thì để đấy chơi chung

TRỊNH ĐÌNH THÁI

Nhàn là thích

Hồng nhật tam can miên vị khởi
Toán lai danh lợi bất như nhàn [18]
Cõi trăm năm ngất ngưởng chốn trần gian
Nhân sinh chẳng gì hơn thích chí
Chén rượu hoàng lưu [19] thơ Đỗ Lý
Cung đàn lưu thủy nước cờ tiên
Thú phong lưu tiền định tự nhiên
Dầu miệng thế chê khen chi đó cũng
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng
Thiên kim tán tận hoàn phục lai [20]

Chốn nam song chợt tỉnh giấc hoàng mai
Nghìn vàng đổi trận cười chi xá ngại
Kia những kẻ giam danh khóa lợi
Khéo công đâu bởi chải sự đời chi
Chữ rằng an phận tri ky

BÙI MAI ĐIỂM
Tú Điểm

Trống chầu

Trống chầu lên ngón tự nhiên
Chát tom tom chát bốn bên ba bề
Tiếng vào giữa tiếng ra khe
Tiếng nâng dưới phách tiếng đè lên trên
Nghề xướng hát roi chầu làm chuẩn đích
Trống làm sao mà khúc khích chị em cười
Thoạt mới vào ba tiếng vái trời
Trách đào kép đàn lơi mà phách lỗi
Hát thực quan quở rằng hát dối
Chầu ngũ liên ai khéo nối dây vào [21]
Trống thôi tương vô phách lá đầu [22]
Miễn thưởng nện vào câu khổ giữa [23]
Thi cú khởi ưng phi nhạn khứ
Khúc chung tranh nại đoạt châu lai [24]
Rung đùi khi say tít rượu rồi
Mờ mịt cả cắc đầu cắc vai cắc nách
Trống như thế chấp cả đàn lẫn phách
Tom chát tom tùy thích đó mà thôi
Chơi cho thủng trống long dùi

CAO NGỌC ANH

Giang dạ cầm thi

Nhất diệp khinh châu lặng vạn khoảnh [25]
Giữa sông Hương mà lanh lảnh tiếng Hồng Lam
Khúc cao ca dìu dặt với cung đàn
Bỗng gặp khách Trường An thi xã
Văn tự tiền duyên giai cố ngã
Cầm ca cựu khúc tức tân thanh [26]
Vẻ thiên nhiên lắm thú hữu tình
Kìa gió mát trăng thanh ta với bạn
Kho tạo hóa chi vô tận tạng
Góp cùng nhau lạng mạng cuộc mua vui
Kìa kìa cá nước chim trời

NGUYỄN ĐỨC ĐÀM

Mối tình vương giả

Anh hoàng Edouard - VIII thoái vị để được tự ý kết hôn với một thiếu phụ Hoa Kỳ

Vì ai cho nước đổi ngôi
Cho dân đổi chúa cho đời xôn xao
Cô mình danh giá là bao
Hỏi ra thì đã hai tao lộn chồng

Bốn trăm triệu thần dân la bái
Trên ngai vàng nào có phải không sang

So oai quyền trong bậc đế vương
Đời thứ tám Anh hoàng là đệ nhất
Cô gái Mỹ hẳn người đẹp ngất
Một tiếng cười âu nước mất đành tan
Nếu không sao hoàng tử Đờ gan
Đành thoái vị để toàn lời ước hẹn
Câu chuyện gay go trong lưỡng viện
Sóng tình dào dạt khắp năm châu
Thảo nào xưa hiền triết có câu
Trước gái đẹp vương hầu là bé cả
Hiểm một nỗi cái đời cô ả
Đã hai lần đàn Tư Mã ngang cung
Lấy chồng vua rầy cô đã vừa lòng
Hay núi nọ cô còn trông núi khác
Chữ tình duyên lỡ một mai chếch mác
Áo hoàng bào còn khoác lại hay không
Mấy lời nhắn nhủ đức ông

Muốn tu chẳng được

Khuôn thiêng khéo đúc nên người
Khúc ca vân tán về người thành khuynh
Làn thu con mắt đưa tình
Muốn tu mà chẳng cho mình được tu
Dục tu tu bất đắc [27]
Mối tơ tình thắc mắc mãi không thôi
Đa mang thêm rầy lắm ai ôi
Mà trang điểm ghẹo người chi mãi mãi
Còn vướng trong vòng ân với ái
Khôn ra khỏi cửa chị cùng em
Khách đa tình trời đâu để cho yên
Dắt vào cuộc chẳng đền bù sao phải
Thu thập xuân thành hoa vạn thái [28]

Đường tu kia ta hãy liệu về sau
Soi gương chưa thấy bạc đầu

Đàn ai trên bến

Hoa xuân đương thuở mỹ miều
Đã yêu yêu quá lại chiều chiều ghê
Ai ơi liệu quyết một bề
Xuân đi hồ dễ xuân về nữa chăng

Ai về nhắn hỏi
Xóm vườn hồng sớm tối vẫn xôn xao
Giọng đa tình réo rắt khúc ly tao
Chật ngoài cửa biết bao xe ngựa gác
Nhịp gõ chia tan vành lược bạc
Rượu hơi hoen ố bức quần hồng
Mảng vui cười thu nguyệt lại xuân phong
Coi thấm thoát đã mơ màng câu chuyện cũ
Quân bất kiến kinh địa hoa khôi hốt tác giang đầu nhất thương phụ [29]
Khách má hồng coi thử đó làm gương
Đàn ai trên bến Tầm Dương

LÊ ĐỨC MAO

Bài hát xuân đình

Nhị nguyệt huyên hòa tiết
Thập đình cổ vũ xuân [30]
Tiệc mở hát thờ thần kỳ phúc

Vạn vạn niên tề chúc thánh cung [31]
Hoan thanh ba tiếng hô tung
Hương nghi ngút khói rượu nồng nàn hoa
Đình tấu nhạc miếu dâng ca
Vẻ thanh múa phượng khúc hòa bay loan
Ngày xuân xuân tịch thừa hoan [32]
Thọ trăm tiếng chúc phúc ngàn câu ca
Kể từ đó bình hòa vĩnh nhạ [33]
Vỗ tay mừng huệ ngã vô cương [34]
Xuân kỳ giải thưởng đào nương
Cửu như [35] dâng chúc ba hàng nức vui.

Bài hát mừng xuân

Hưu kỳ thiên tải hạ
Nguyệt lệnh tứ dương xuân [36]
Lễ nhạc bách niên tu miếu điển
Thăng bình nhất khúc tụng thần công [37]
Ngự tiền ngào ngạt hương xông
Phượng quanh tịch múa hoa lồng chén bay
Miếu Chu văng vẳng tâu bày
Thiều xưa khúc chín tung rầy tiếng ba
Mừng xuân xuân yến xuân ca
Bốn dân mưa huệ trăm nhà gió huân
Kể từ đó nhờ ân cấp túc
Tiếng quản huyền [38] nô nức nhân gia
Năm năm mở tiệc xướng ca
Đào dâng hai chữ Tam đa chúc mừng [39]

PHAN HUY VINH

Tỳ bà hành

Tỳ bà hành là một bài hành của Bạch Cư Dị đời Đường, gồm có một bài tự và tám mươi tám câu hát. Dưới đây là nguyên văn và bài dịch của Phan Huy Vịnh kèm thêm một bài thơ "Thu hứng" của Đỗ Phủ mà ca nhi thường hát trước khúc tỳ bà.

Tỳ bà hành tự

Nguyên hòa thập niên, dư tả thiên Cửu Giang quận tư mã. Minh niên thu tống khách Bồn phố khẩu, văn chu trung dạ đàn tỳ bà giả, thích kỳ âm tranh tranh nhiên, hữu kinh đô thanh. Vấn kỳ nhân, bản Trường An xướng nữ, thường học tỳ bà Mục Tào nhị thiện tài, niên trưởng sắc suy, ủy thân vi cổ nhân phụ. Toại mệnh tửu, sử khoái đàn số khúc.

Khúc bãi, mẫn nhiên tự tự thiếu tiểu thời hoan lạc sự, kim phiêu luân tiều tụy, chuyển tỷ vu giang hồ gian. Dư xuất quan nhị niên, diểm nhiên tự an, cảm tư nhân ngôn, thị tịch thủy giác, hữu thiên trích ý, nhân vi trường thiên ca dĩ tặng chi. Phàm lục bách nhất thập lục ngôn, mệnh viết "Tỳ bà hành".

Bản dịch bài tự:

Niên hiệu Nguyên hòa thứ mười, ta phải đổi ra làm tư mã quận Cửu Giang. Mùa thu năm sau, đi tiễn khách ở bến Bồn. Đêm nghe thấy người gảy đàn tỳ bà ở trong một chiếc thuyền kia, những giọng đàn lanh lảnh có tiếng ở kinh kỳ. Hỏi ra mới biết là một người xướng nữ ở Trường An thường học đàn ở hai nhà thiện tài họ Mục và họ Tào, đến khi tuổi

cả sắc suy mới gửi tấm thân làm vợ một anh lái buôn. Liền bảo đặt rượu và gảy mấy khúc đàn chơi. Gảy xong, người ấy buồn bã, tự kể khi trẻ trung thì vui thú chừng nào, nay phải lưu lạc tiều tụy ở nơi giang hồ. Ta ra làm quan ở ngoài đã hai năm, vẫn thường lẳng lặng tự dưng, đêm ấy cảm mấy lời nàng nói mới để ý đến nỗi mình bị giáng trích, nhân làm bài ca trường thiên để tặng. Cả bài có sáu trăm mười sáu lời, đặt tên là "Tỳ bà hành".

Thu hứng của Đỗ Phủ

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm
Vu sơn Vu giáp khí tiêu sâm
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng
Tái thượng phong vân tiếp địa âm
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ
Cô chu nhất hệ cố viên tâm
Hàn y xứ xứ thôi đao xích
Bạch đế thành cao cấp mộ châm

Bài dịch **Thu hứng**

Lác đác rừng phong hạt móc sa
Ngàn lau hiu hắt khí thu già
Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm
Mặt đất mây đùn cửa ải xa
Khóm trúc tuôn thêm hàng lệ cũ
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà
Lạnh lùng giục kẻ tay đao xích
Thành quạnh dồn châm bóng ác tà

BẠCH CƯ DỊ

Bài Tỳ bà hành

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách
Phong Điệp địch hoa thu sắt sắt
Chủ nhân há mã khách tại thuyền
Cử tửu dục ẩm vo quản huyền
Túy bất thành hoan thảm tương biệt
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt
Hốt văn thủy thượng tỳ bà thanh
Chủ nhân vong qui khách bất phát
Tầm thanh ám vấn đàn giả thùy
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì
Di thuyền tương cận yêu tương kiến
Thiêm tửu hồi đăng trùng khai yến
Thiên hộ vạn hoán thỉ xuất lai
Do bão tỳ bà bán già diện
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình
Huyền huyền yểm ức thanh thanh tứ
Tự tố bình sinh bất đắc chí
Dê my thân thủ tục tục đàn
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự
Khinh lung mạn niễn mạt phục khiêu
Sơ vi Nghê thường hậu Lục yêu
Đại huyền tào tào như cấp vũ
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ
Tào tào thiết thiết thác tạp đàn
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn
Gian quan oanh ngữ hoa đế hoạt
U yết lưu tuyền thủy há than

Thủy truyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt
Ngưng tuyệt bất thông thanh tạm yết
Biệt hữu u tình ám hận sinh
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh
Ngân bình sạ phá thủy tương bình
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh
Khúc chung trừu bát đương tâm hoạch
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch
Đông thuyền tây phóng tiễu vô ngôn
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch
Trầm ngâm phóng bát sáp huyền trung
Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung
Tự ngôn bản thị kinh thành nữ
Gia tại Hà Mô lăng hạ trụ
Thập tam học đắc tỳ bà thành
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ
Khúc bãi tầng giáo thiện tài phục
Trang thành mỗi bị Thu Nương đố
Ngũ lăng niên thiếu tranh triển đầu
Nhất khúc hồng tiêu bất tri số
Diễn đầu ngân bề kích tiết toái
Huyết sắt la quần phiên tửu ô
Kim niên hoan tiếu phục lai niên
Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ
Dệ tẩu tòng quân a di tử
Mộ khứ triêu lai nhan sắc cố
Môn tiền lãnh lạc xa mã hy
Lão đại giá tác thương nhân phụ
Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly
Tiền nguyệt Phù lương mãi trà khứ
Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền
Nhiễu thuyền minh nguyệt gian thủy hàn
Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự
Mộng đề trang lệ hồng lan can

Ngã văn tỳ bà sĩ thán tức
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân
Tương phùng há tất tằng tương thức
Ngã tòng khứ niên từ Đế kinh
Trích cư ngọa bệnh Tầm Dương thành
Tầm Dương địa tịch vô âm nhạc
Chung tuế bất văn ty trúc thanh
Trụ cận Bồn thành địa đê thấp
Hoàng lô khổ trúc nhiễu trạch sinh
Kỳ gian đán mộ văn hà vật
Đỗ quyên đề huyết viên ai minh
Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ
Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh
Khởi vô sơn ca dữ thôn địch
Ẩu á trù chiết nan vi thính
Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ
Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh
Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc
Vị quân phiên tác tỳ bà hành
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập
Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp
Thê thê bất tự hướng tiền thanh
Mãn tọa văn chi giai yểm khấp
Tọa trung khấp hạ thùy tối đa
Giang châu Tư mã thanh sam thấp

Bài dịch **Tỳ bà hành**

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu
Người xuống ngựa khách dừng chèo
Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ty
Say những luống ngại khi hầu rẽ

Nước mênh mông đầm vẻ gương trong
Tiếng tỳ chợt vắng trên sông
Chủ khuây khỏa lại khách dùng dằng xuôi
Lần tiếng sẽ hỏi ai đàn tá
Lửng tiếng đàn nấn ná làm thinh
Dời thuyền nèo hỏi thăm tình
Chong đèn thêm rượu còn dành tiệc vui
Mời mọc mãi thấy người bỡ ngỡ
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa
Vặn đàn vài tiếng dạo qua
Tuy chưa nên khúc tình đà thoảng ngay
Nghe não nuột mấy dây bứt rứt
Dường than niềm tấm tức bấy lâu
Mày chau tay gảy khúc sầu
Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn
Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt
Trước Nghê thường sau thoắt Lục yêu
Dây to dường đổ trận rào
Nỉ non dây nhỏ như chiều chuyện riêng
Tiếng cao thấp lựa chen lần gảy
Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu
Trong hoa oanh ríu rít nhau
Suối tuôn róc rách chảy mau xuống ghềnh
Nước suối lạnh dây mành ngừng đứt
Ngừng dứt nên phút bặt tiếng tơ
Âm thầm đau giận ngẩn ngơ
So ra lặng lẽ bấy giờ càng hay
Bình bạc vỡ tuôn đầy mạch nước
Ngựa sắt giong sàn sạt tiếng đao
Cung đàn trong khúc thanh tao
Tiếng buông xé lụa lựa vào bốn dây
Thuyền mấy lá đông tây lạnh ngắt
Một vầng trăng trong vắt lòng sông
Ngậm ngùi đàn hát xếp xong

Áo xiêm khép nép hầu mong dãi lời
Rằng xưa vốn là người kẻ chợ
Cồn Hà Mô thú ở lân la
Học đàn từ thuở mười ba
Giáo phường đệ nhất sổ đà chép tên
Gã thiện tài sợ phen dừng khúc
Ả Thu Nương ghen lúc điểm tô
Ngũ Lăng chàng trẻ ganh đua
Biết bao the thắm chuộc mua tiếng đàn
Vành lược bạc gãy tan nhịp gõ
Bức quần hồng hoen ố rượu vơi
Năm năm lần lữa vui cười
Mải gió trăng chẳng đoái hoài xuân thu
Buồn em trẩy lại sầu dì thác
Lần hôm mai đổi khác hình dung
Cửa ngoài xe ngựa vắng không
Thân già mới kết đôi cùng khách thương
Khách trọng lợi khinh đường ly cách
Mải buôn chè sớm tếch miền khơi
Thuyền không đậu bến mặc ai
Quanh thuyền trăng dãi nước trôi lạnh lùng
Đêm khuya sực nhớ vòng tuổi trẻ
Lệ trong mơ hoen vẻ phấn son
Nghe đàn ta đã trạnh buồn
Lại rầu nghe nỗi nỉ non mấy lời
Cùng một đứa bên trời lận đận
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau
Từ xa kinh khuyết bấy lâu
Tầm Dương đất trích gối sầu hôm mai
Chốn cùng tịch lấy ai vui thích
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm
Sông Bồn gần chốn cát lầm
Lau vàng trúc võ nảy mầm quanh hiên
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối

Quốc kêu sầu vượn nói nỉ non
Hoa xuân nở nguyệt thu tròn
Lần lần tay chuốc chén son riêng ngừng
Há chẳng có ca rừng địch nội
Giọng líu lo nhiều nỗi khó nghe
Tiếng tỳ bỗng lắng canh khuya
Dường như tiên nhạc gần kề bên tai
Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca
Tần ngần dường cảm lời ta
Dén ngồi bắt ngón đàn đà kíp dây
Nghe não ruột khác tay đàn trước
Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi
Lệ ai chan chứa hơn người
Giang châu Tư mã đượm mùi áo xanh

PHẠM THÁI
Chiêu Lỳ

Tình xuân

Theo điệu Tây giang nguyệt

Ai lên tử các thanh vân
Hỏi thăm ả Tố chiều xuân thế nào
Cầm âm một khúc gửi trao
Cậy lòng dì gió đưa vào xuân cung
Oanh yến véo von gọi khách
Cỏ hoa hớn hở mừng ai
Gió xuân hây hây dịu đưa người
Dễ khiến lòng thơ bối rối

Thấp thoáng thoi oanh dệt liễu
Thung thăng phấn bướm dồi mai
Vũ Lăng xa viễn biết bao vời
Khôn hỏi Đào Nguyên đâu tá
Dòng ngự câu đeo lá tình thi
May thay một hội tương kỳ
Đã bên tình phận lại bề phong lưu
Câu hảo cầu đợi người thục nữ
Năm mây phong đôi chữ đồng tâm
Đón xuân nhắn với tri âm
Tình tình xin tỏ tiếng cầm này cho
Rắp hẹn hò ngồi hoa đứng tuyết
Lòng còn e không biết nói năng
Bây giờ mượn gió cung Đằng
Vì duyên đưa mối xích thằng lại đây

NGUYỄN CÔNG TRỨ
(Ca trù)

Kiếp nhân sinh

Nhân sinh như ký nhĩ
Đắc ý tu tận hoan [40]
Hữu mà hữu thuyền hữu thủy hữu san
Tức bỉnh chúc du lương hữu dĩ [41]
Đành vũ trụ ấy ngộ nhân phận sự
Cũng tiêu dao cho tuế nguyệt thêm trường
Vân thương thương hề thủy ương ương [42]
Phong quang ấy người sao nỡ phụ
Nhược đãi công thành danh toại độ

Nhất đôi lão cốt dĩ lăng tằng [43]
Thế thời sơn chi Nam sơn chi Bắc chi Tung Hằng [44]
Chắc đâu truyện phù bình tán tụ
Lưng bầu rượu say cổ kim kim cổ
Một túi thơ vui hoa nguyệt nguyệt hoa
Khi cờ vây khi bài lá khi tiếu ngạo khi cầm ca
Nhận phong vị hào hoa làm lạc thú
Chỉ Lô Tản [45] ngắm cùng thảo thụ
Cuộc tỉnh say say tỉnh ai hay
Thử xem con tạo sau này

Vịnh Trần Đoàn

Sườn non bầu rượu túi thơ
Thảnh thơi ngồi gẫm cuộc cờ Trường An
Vạc Hậu Chu vừa khi mới đổi [46]
Trần Di Di lên ẩn núi Họa sơn
Mấy mươi năm trong cuộc bùn than
Lửa văn võ chưa rặc lò đan táo [47]
Hà vật lão ẩu
Nặng trên vai hai chúa thái bình[48]
Liếc trông chừng Tống nhật đã khai minh[49]
Mây thúc quý [50] hẳn từ rầy trong leo lẻo
Trần kiều mộng lý giang sơn tiểu
Vân quán xuân thâm nhật nguyệt trường [51]
Rượu một bầu thơ một túi cờ một cuộc cầm một xoang
Khi đắc ý gật trên lừa cười ra rả
Ngoài cung kiếm mặc ai xa mã
Tri trần bất đáo thử giang san [52]
Trời riêng cho một cuộc nhà

Cảnh xuân

Xuân sang hoa cỏ thêm tươi
Khoe màu quốc sắc trẻ [53] *mùi thiên hương*
Đầm ấm thuở tin xuân phút bắn
Khi phát sinh rải rác trên cành
Thử tập bay bướm mới uốn mình
Muốn học nói oanh còn lạ tiếng
Liễu hoàn cựu lục oanh do tĩnh
Đào thí tân hồng điệp vị tri [54]
Mái đông phong mày liễu xanh rì
Đám tàn tuyết đầu non trắng xóa
Buổi hòa hú khí trời êm ả
Hội đạp thanh xa mã dập dìu
Nghìn vàng một khắc xuân tiêu

Cảnh hè

Hè sang tán lửa càng cao
Khúc ca giải uấn lựa vào năm dây
Vận ống tiết vừa sang hạ
Bính đinh về hiệu lệnh Trúc dung
Quanh ngọn tường lửa lựu phun hồng
Ran mặt nước tàn sen nẩy lục
Trì đường tịnh trưởng tôn ông trúc
Ly lạc tề khai tỉ muộn hoa [55]
Buổi thời huân mấy khúc cầm ca
Với trời đất cũng sinh sinh trưởng trưởng
Hé mành ngọn nam phong thoảng thoảng
Người Hi hoàng [56] dáng cũng dường này
Thú mầu dễ mấy ai hay

Cảnh thu

Trời thu bảng lảng gió chiều
Mây về Ngàn hống [57] *buồm treo ráng vàng*
Sang thu tiết hơi may hiu hắt
Cụm sen già lã chã phai hương
Sương dày giậu cúc đóa hoa vàng
Son nhuộm non đào cành lá đỏ
Lãnh vũ như ti trùng chức dạ
Tình thiên tác chỉ nhạn thư không [58]
Phút đâu đâu một trận hảo phong
Trên cung Quảng xa đưa hương quế
Trời biếc biếc nước xanh xanh một vẻ
Khen hóa công khéo vẽ nên đồ
Một năm được mấy mùa thu

Cảnh Đông

Trời đông hơi giá như đồng
Cái cơ lai phục đã trong hỗ hàn [59]
Sang đông tiết hơi may lạnh lẽo
Hội bế tàng [60] chuyển máy âm dương
Lôi thôi chày nhạn khua sương
Thấp thoáng bóng ngư câu tuyết
Lăng hàn bích khắc tùng thiên xích
Nại lãnh hoàng lưu cúc số khoa [61]
Ngoài quan sơn tuyết đóng sương pha
Kẻ hào hứng chốn khê kiều đắc thú
Điểm điểm trông chừng linh sấu [62]
Phút tin xuân đã hé đầu cành
Đành hay âm cực dương sinh

Gánh gạo đưa chồng

Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non
Vụ diệc vũ tùng trung chi nhất
Thương cái cò lặn lội bờ sông
Tiếng nỉ non gánh gạo đưa chồng
Ngoài nghìn dặm một trời một nước
Trông bóng nhạn bâng khuâng từng bước
Nghe tiếng quyên khắc khoải năm canh
Phận tép tôm ai nỡ phụ tình
Ơn thủy thổ phải đền cho vẹn
Chàng tên đạn xin chàng bảo trọng
Thiếp trở về nuôi cái cùng con
Cao Bằng cách trở nước non
Lòng trong trắng quỷ thần a hộ
Sức bay nhảy một phen năng nổ
Đá Yên nhiên còn đó chưa mòn
Đồng hưu rạng chép thẻ son
Chàng nên danh giá thiếp còn trẻ trung
Trăm năm khăng khít dải đồng

Nghe tiếng tỳ bà

Cũng người hải giác thiên nha [63]
Cùng nhau gặp gỡ lọ là lạ quen
Tầm dương giang đầu hạ tống khách [64]
Bóng trăng thu thấp thoáng trên thuyền
Tiếng Tỳ bà ai khéo gảy cho nên
Xui lòng khách thiên nha luống những
Ai oán nhẽ bốn dây văng vẳng
Nỗi bất bình như khấp như tố [65] như oán như than
Nực cười thay cái phận hồng nhan

Nào những khách Ngũ lăng đâu vắng tá
Yên thủy mang mang thiên ngũ dạ
Tỳ bà khúc khúc nguyệt tam canh [66]
Bến Tầm dương cảnh ấy biết bao tình
Chiếc thuyền những đi về trong bóng nguyệt
Người viễn thú biết chăng chẳng biết
Khúc đàn này biết gảy cùng ai
Giang đầu hạnh hữu khách lai [67]

Vịnh Tiền Xích Bích

Gió trăng chứa một thuyền đầy
Của kho vô tận biết ngày nào vơi

Ông Tô Tử [68] qua chơi Xích Bích
Một con thuyền với một túi thơ
Gió hiu hiu mặt nước như tờ
Trăng chênh chếch đầu non mới ló
Thuyền một lá xông ngang ghềnh bạch lộ [69]
Buông chèo hoa len lỏi chốn sơn cương
Ca rằng: *Quế trạo hề lan tương*
Kích không minh hề tố lưu quang
Diểu diểu hề dư hoài
Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương [70]
Người ỷ ca [71] giéo giắt khúc cung thương
Tiếng tiêu lẫn tiếng ca vang đáy nước
Sực nhớ kẻ quây ngọn giáo vịnh câu thơ thuở trước[72]
Nghĩ sự đời nên cảm nỗi phù du
Đành hay trời đất dành cho
Hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy còn
Còn trời còn nước còn non

Vịnh Hậu Xích Bích

Sông Xích Bích vầng trăng vằng vặc
Thày Tô tìm thú cũ qua chơi
Bóng quang âm là đã mấy mươi
Mà non nước dễ xui lòng cảm kích
Thi thành nhất bức thiên sơn tịch
Cô hạc hoành giang lược tiểu châu [73]
Suốt năm canh bên gối mơ hồ
Chiếc thuyền luống đi về trong bóng nguyệt
Trong cười nói hỏi tên gì chẳng biết
Liếc trông ra nào thấy đâu nào
Ấy người hay hạc xinh sao

Thoát vòng danh lợi

Chen chúc lợi danh đà chán ngắt
Cúc tùng phong nguyệt mới vui sao
Đám phồn hoa trót bước chân vào
Sực nghĩ lại giật mình bao kể xiết
Quá giả vãng nhi bất thuyết [74]
Cái hình hài làm thiệt cái thân chi
Cuộc đời thử ngẫm mà suy
Bạn tùng cúc xưa kia là cố cựu
Hẹn với lợi danh ba chén rượu
Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ
Truyện cổ kim so sánh tựa bàn cờ
Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt
Mặc xa mã thị thành không dám biết
Thú yên hà trời đất để riêng ta
Nào ai ai biết chăng là

Quân tử cố cùng

Tang bồng là cái nợ
Đấng làm trai chi sợ áng công danh
Phú quý tương dĩ hậu ngô sinh
Bần tiện tương dĩ ngọc ngô thành [75]
Cái vinh nhục nhục vinh là đắp đổi
Thùy năng thế thượng vong danh lợi
Tiện thị nhân gian nhất hóa công [76]
Thôi thời thôi quân tử cố cùng
Cùng khi ấy hẳn là thông khi khác
Số tảo vãn tùy cơ phú thác
Chớ như ai chi chất cũng tay không
Chơi cho phỉ chí tang bồng

Tự tình

Thợ trời sao khéo đa đoan
Cái danh cũng ghét cái nhàn cũng ghen
Danh giả Tạo vật chi sở kỵ [77]
Ghét chứng chi ghét mãi ghét hoài
Lúc tuổi xanh ai chẳng cậy tài
Sức bay nhảy tưởng ra ngoài đào chú
Dẫu chàng hám trần dao mấy độ
Cũng tri tri trích trích không nao
Ngẫm con Tạo chèn chơi hay ác thật
Đã mang tiếng đứng trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông
Cuộc trong đời ai chẳng làm lòng
Nên đè nén dày vò ừ cũng phải
Chớ như đã đến tuần lão đại
Cuộc đời trăm việc đó xin nhường
Chút đỉnh ninh chẳng dám coi thường

Mùi hoạn huống nếp phong lưu đà gác sạch
Đem thân thế gửi miền toàn thạch
Bán công danh mà mua lấy cuộc nhàn
Cớ sao còn giữ mãi thói ghen
Sai bắt lao đao hành khốn mãi
Khả quái lão thiên đa đố thái [78]
Trẻ chẳng thương mà già cũng chẳng tha
Bực mình phải hỏi cho ra

Chơi xuân kẻo hết

Gẫm cho đến bất nhân là Tạo vật
Đã sinh người lại hạn lấy năm
Kể chi thằng lên bảy đứa lên năm
Dẫu ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc
Lại mang lấy lợi danh vinh nhục
Cuộc đời kia lắm lúc bi hoan
E đến khi hoa rữa trăng tàn
Xuân một khắc để nghìn vàng đổi chác
Tế duy vật lý tu hành lạc
An dụng phù danh bạn thử thân [79]
Song bất nhân mà lại chí nhân
Hạn lấy tuổi để mà chơi lấy
Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy
Nếu không chơi thiệt ấy ai bù
Nghề chơi cũng lắm công phu

Công danh

Tang bồng hồ thỉ nam nhi trái [80]
Cái công danh là cái nợ lần
Nặng nề thay đôi chữ "quân thân"
Đạo vi tử vi thần đâu có nhẹ

Cũng rắp điền viên vui tuế nguyệt
Trót đem thân thế hẹn tang bồng
Xếp bút nghiêng theo việc kiếm cung
Hết hai chữ "trung trinh" báo quốc
Một mình để vì dân vì nước
Túi kinh luân từ trước để nghìn sau
Hơn nhau một tiếng công hầu

Thanh nhàn

Thị tại môn tiền náo
Nguyệt lai môn hạ nhàn [81]
So lao tâm lao lực cũng một đàn
Người nhân thế muốn nhà sao được
Nên phải giữ lấy nhàn làm trước
Dẫu trời cho có tiếc cũng xin nài
Cuộc nhân sinh chừng bảy tám chín mười mười
Mười lăm trẻ năm mươi già không kể
Thoạt sinh ra thì đà khóc chóe
Trần có vui sao chẳng cười khì
Khi hỉ lạc khi ái dục lúc sầu bi
Chứa chi lắm một bầu nhân dục
Tri túc tiện túc đãi túc hà thời túc
Tri nhàn tiện nhàn đãi nhàn hà thời nhàn [82]
Cầm kỳ thi tửu với giang san
Dễ mấy kẻ xuất trần xuất thế
Ngã kim nhật tại tọa chi địa
Cổ chi nhân tằng tiên ngã tọa chi [83]
Ngàn muôn năm âu cũng thế ni
Ai hay hát mà ai hay nghe hát
Sông Xích bích buông thuyền năm Nhâm Tuất
Để ông Tô riêng một thú thanh tao
Chữ nhàn là chữ làm sao

Thân danh

Ba vạn sáu nghìn ngày thấm thoát
Tự mọc răng cho đến bạc đầu
Cõi nhục vinh góp lại có bao lâu
Ngồi thử ngẫm thợ trời thêm khéo quá
Núi tự tại cớ sao sông bất xả
Chim thì lông hoa thì cánh công đâu tạo hóa khéo thừa trừ
Từ nghìn trước để nghìn sau
Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp
Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp
Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân [84]
Mà chữ "danh" liền với chữ "thân"
Thân đã có ắt danh âu phải có
Này phút chốc kim rồi lại cổ
Có hẹn gì sao chẳng bằng nay
Râu mày kìa hỡi râu mày

Tài tình

Ai chê rằng dể cũng oan
Cuộc cờ bốn nước cung đàn một dây
Thế nhân mạc oán tài tình lụy [85]
Không tài tình quang cảnh có ra chi
Thú tiêu sầu rượu rót thơ đề
Có yến yến hường hường thì mới thú
Khi đắc ý mắt đi mày lại
Đủ thiên thiên tập tập thêm nồng
Nợ phong lưu ai nỡ chối không
Duyên tri ngộ nên đeo đẳng mãi
Thiên vạn khuyến quân mạc quái
Nam nhi đáo thử thị hào [86]

Ngẫm tài tình ai lụy ai nào
Ai rằng lụy đây xin chịu cả
Trong trần thế thiệt là cảnh giả
Dứt tài tình chẳng uống lắm ru
Xin ai đừng oán mà ngu

Yêu hoa

Ngồi thử ngẫm trăm hoa ai nhuộm
Một hoa là riêng một sắc hương
Khi chưa xuân khép khép bên tường
Còn phong nhị đợi Đông hoàng về cáng đáng
Liễu tía đào hường mai trắng trắng
Lan tươi huệ tốt lý xanh xanh
Thêm hương khi gió lá mưa cành
Mở mắt thấy giang san cười chúm chím
Khách thập thúy [87] say màu hoa diễm
Đối mặt hoa mà cầm mà kỳ mà tửu mà thi
Khuyên ai đừng giở cuộc ly phi
Trân trọng lấy hương trời cho trọn vẹn
Hoa với khách như đà có hẹn
Ưa màu nào màu ấy là xinh
Trăm hoa cũng bẻ một cành

Cuộc thi tửu

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiếu [88]
Khách giang hồ thường hợp thiểu ly đa
Nay bắc nam xum họp một nhà
Gồm đủ cả: thắng cảnh lương thời thưởng tâm lạc sự
Hào trúc ai ty dư túy hĩ

Thê phong lãnh nguyệt dạ hà như [89]
Thú nguyệt hoa là nợ sẵn với cầm thư
Cuộc thi tửu để riêng người phong nhã
Quân bất kiến hoa lạc hoa khai xuân khứ dã
Hãy chơi cho lăn lóc đá kẻo hoài
Kìa kìa hải giác thiên nhai

Nợ phong lưu

Cõi trần thế nhân sinh là khách cả
Nợ phong lưu kẻ trả có người vay
Trong trần gian ai biết ai hay
Làm ra đấng phi thường cho rõ trí
Quân tử dụng tâm vô đố kỵ
Trượng phu nhập thế hữu kinh quyền
Bất oản nhân diệc bất vưu thiên [90]
Trong ba vạn sáu nghìn ngày đều thích chí
Năm ba chén non nhân nước trí
Một vài câu thơ thánh phú thần
Nhởn nhơ trong áng hồng trần
Sánh người chung đỉnh đai cân cũng vừa
Thảnh thơi bầu rượu túi thơ

Vãn cảnh chiều

Trải non nước xa trông ban tịch chiếu
Bức phong vân ai khéo vẽ vời
Dưới kim ô bóng bạch nhạn loi thoi
Dòng bích lãng tiếng ngư ca gắng gỏi
Đầu lâm điểu sấn tà dương ngoại
Thừa tịch ngư quy cổ độ đầu [91]

Gió trăng say chếnh choáng rượu lưng bầu
Non nước hứng bẻ bai đàn mấy khúc
Nhàn đủng đỉnh xênh xang gậy trúc
Giục thằng đồng thất túi kiền khôn
Thảnh thơi trong cõi khu hoàn

Chữ tình

Chữ tình là chữ chi chi
Dầu chi chi cũng chi chi với đời
Sầu ai lấp cả vòng trời
Biết chăng chẳng biết hỡi người tình chung

Đa tình là dở
Đã mắc vào đố gỡ cho ra
Khéo quấy người một cái tinh ma
Trói buộc kẻ hào hoa biết mấy
Đã gọi người nằm thiên cổ dậy
Lại đưa hồn đứng ngũ canh đi
Nực cười thay lúc phân kỳ
Trong chẳng nói xiết bao nhiêu biệt lệ
Tình huống ấy dẫu bút thần khôn vẽ
Càng tài tình càng ngốc càng si
Cái tình là cái chi chi

Thành Thăng Long

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dầu không lịch sự cũng người Trường An

Hồi thủ khả lân ca vũ địa

Đất Tràng An là cổ đế kinh
Nước non một dải hữu tình
Trời Nam Việt trước gây đồ đế kỷ
Người thôn ổ dấu phong lưu thành thị
Đất kinh kỳ riêng một áng lâm toàn
Men sườn non tiếng mục véo von
In mặt nước buồm ngư lã chã
Hoa thảo kỷ, kinh xuân đại tạ
Giang sơn do tiếu cổ hưng vương [92]
Đồ thiên nhiên riêng một bức tang thương
Khách du lãm coi chừng thăm hỏi
Đã mấy độ sao dời vật đổi
Nào vương cung đế miếu ở đâu nào
Mĩa mai vượn hót oanh chào

Lo gì chẳng có lúc chơi

Thi tửu cầm kỳ khách
Phong vân tuyết nguyệt thiên
Mặt tài tình đang độ thiếu niên
Cuộc hành lạc vẫy vùng cho phỉ chí
Thơ một túi gieo vần Đỗ Lý
Rượu lưng bầu rót chén Lưu Linh
Đàn Bá Nha gẩy khúc tính tang tình
Cờ Đế thích đi về xe pháo mã
Lúc vị ngộ Vị tân Sằn dã [93]
Lấy bút nghiêng mà hẹn với non sông
Xe Thang Văn nhất đán tao phùng
Bao nhiêu nợ tang bồng đem trả hết
Tri mệnh thức thời duy tuấn kiệt.
Hữu duyên hà xứ bất phong lưu
Ngô tâm hà cụ hà ưu[94]

Liệt nữ NGUYỄN THỊ KIM

Hoàng phi Nguyễn Thị Kim không kịp theo vua Chiêu Thống chạy sang Tàu, liền ẩn vào trong một ngôi chùa. Đến khi linh cữu vua được đưa về, bà ra đón tang ở cửa quan, rồi chờ táng xong, bà uống thuốc độc tự tử.

Triều Lê Quý [95] có nàng tiết liệt
Hai mươi thu khăn khít thù Tây
Đem tàn dung nương chốn am mây
Đạo thần tử tình trong phu phụ
Vạn cổ di luân chiêu vũ trụ
Nhất xoang trung nghĩa đáp quân vương [96]
Nặng hai vai một gánh cương thường
Chén tân khổ nhấp ngon mùi chính khí
Đã nên đến trung thần bất nhị [97]
Lại nên tài liệt nữ bất canh [98]
Rõ ràng hai chữ trung trinh

Hàn Tín

So tam kiệt ai bằng Hàn Tín [99]
Một tay thu muôn dặm nước non
Những ngờ rằng khoán thiết thư son
Thái sơn như lệ Hoàng Hà như đái [100]
Hạp tảo ngũ hồ song Phạm Lãi
Khước giao tạm biệt độc Trương Lương [101]
Đau đớn thay điểu tậu cung tàng [102]
Đầm Vân Mộng [103] phải mắc mưu con trẻ
Nếu biết chữ khả hành khả chỉ [104]
Thời Ngũ Hồ một lá cho xong
Làm chi lý túng trong vòng

Tình hay tiền

Gớm chết nhân tình thế thái
Nhạt nồng coi chiếc túi đầy vơi
Trông tốt màu lựa ý theo hơi
Giọng thù phụng ngọt ngào đủ mực
Khi đở qủe sa mày nặng mặt
Thói đảo điên khủng khỉnh không dời
Nghe ra thì cũng buồn cười
Nghĩ lại từ đây phải chạy
Buộc chỉ cổ tay chừa chước ấy
Chống rèm con mắt ngắm sau này
Việc trăm năm ngày tháng hãy dài
Đường kim cổ còn nhiều lúc gặp
Thôi cũng chớ can chi mà gấp
Bỗng bôn chôn hấp tấp khéo là xinh
Ghê cho thế thái nhân tình

Buồn về tình

Sầu ai lấp cả vòng trời
Biết chăng chăng biết hỡi người tình chung

Xuân sầu mang mang tắc thiên địa [105]
Giống ở đâu vô ảnh vô hình
Khéo tờ mờ quanh quẩn bên mình
Khiến ngẩn ngẩn ngơ ngơ đủ chứng
Hỏi trăng gió gió trăng hờ hững
Ngắm cỏ hoa hoa cỏ ngậm ngùi
Gươm đoạn sầu thơ trục muộn đủ rồi
Còn lẽo đẽo vô trung sinh hữu [106]
Dục phá sầu thành tu dụng tửu

Túy tự túy đảo sầu tự sầu [107]
Tửu với sầu như gió mã ngưu
Trong lai láng biết tránh đâu cho khỏi
Càng tài tử càng nhiều tình trái
Mối sầu kia theo tình ấy mà ra
Mua sầu tại kẻ tài hoa

Quen thú vẫy vùng

Hồ thỉ đã quen tay vũ trụ
Cầm thư chi lạ mặt quan hà
Túi giang sơn bốn bể cũng là nhà
Nên vương thổ cả trong trời đất Việt
Ví chẳng điền viên vui tuế nguyệt
Âu đem thân thế hẹn tang bồng
Kém gì Nam Bắc Tây Đông
Đường thư kiếm vẫy vùng cho hết đất
Di khuất trượng phu ưng bất bất
Bảo an quân tử tín vô vô [108]
Cuộc trăm năm chữ tố hành hồ [109]
Bề khu xử quy mô hoàn tự biệt
Cung tường ấy cho thiên hạ biết
Biết rằng ai to nhỏ nhỏ to
May ra mở mặt rừng nho
Quân dân một gánh giang hồ cũng xong
Nam nhi đáo thử thị hùng

Kim tiền

Hôi tanh chẳng thú vị gì
Thế mà ai cũng kẻ vì người yêu
Tạo vật bất thị vô để sự [110]

Bòn chài a một thứ quấy chơi
Đủ vuông tròn tượng đất tượng trời
Khảm họa phúc nguy yên tử hoạt
Chốn kim môn nơi tử thất
Mặc phao tuồng không kẻ phòng nhàn
Đương om xòm chớp giật sấm ran
Nghe róc rách gió hòa mưu giọt
Kẻ tài bộ đã vào phường vận đạt
Không ngươi cũng ải với cỏ cây
Người yêm yêm đành một phận trầm mai [111]
Có gã lại trổ ra sừng gạc
Dốc đáy túi mặt Nguyễn lang ngơ ngác [112]
Chổng đầu giường gan tráng sĩ làu bàu
Để đoàn ấm á càu nhàu
Khiến lũ tài danh vơ vẩn
Khả quái tầm thường a đổ vật
Khước giao đáo để đại thần linh [113]
Đương đồ ai chẳng chuộng gia huynh
Thù thế kể lấy làm đệ nhất
Tiếng xỏng xảnh đầy trong trời đất
Thần cũng thông huống nữa là ai
Long đồ nghĩ cũng nực cười

Hữu chí cánh thành

Cùng đạt có riêng chi mệnh số
Hành tàng nào hẹn với văn chương
Đường công danh sau trước cũng là thường
Con tạo hóa phải rằng ghen ghét mãi
Duyên ngư thủy còn dành cơ hội lại
Quyết tang bồng cho phỉ chí trượng phu
Trong trần ai ai kém ai ru

Tài bộ thế khoa danh ờ lại có
Độc thư thiên bất phụ
Hữu chí sự cánh thành
Giang sơn đành có cạy nơi mình
Mà vội mỉa anh hùng chi bấy nhẽ
Đã sinh ra ở trong phù thế
Nợ trần ai đành cũng tính xong
Nhắn lời nói với non sông
Giang sơn hầu dễ anh hùng mấy ai
Thanh vân trông đó mà coi

Đạo Phật

Thuyền từ một lá chơi vơi
Bể trần chở hết mấy người trầm luân

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
Nhỏ trong mà lớn cũng không ngoài
Chiếc thuyền từ một lá vơi vơi
Vớt chìm đắm đưa lên cõi Tĩnh
Chữ kiến tính cũng là xuất tính
Trong ống nhòm để tiếng hư vô
Kẻ muốn đem nhân kỳ nhân hỏa kỳ thư lư kỳ cư
Song đạo thống hãy rành rành công cứ
Bạng y thiên lý hành tương khứ
Đô tự nhân tâm tố xuất lai [114]
Bất khang trang chẳng chút chông gai
Cùng nghiêng ngả một dòng Hà Lạc
Trong nhật dụng sao rằng đạo khúc
Cái luân hồi chẳng ở đâu xa
Nghiệp duyên vốn tại mình ra
Nơi vuông tấc đủ Thiên đường Địa ngục
Ví chưa thoát lòng trần mắt tục

Nên mơ màng một bước một khơi
Khiến cho phiền muộn Như Lai

Thú rượu thơ

Đánh ba chén rượu khoanh tay giấc
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười
Cái công danh là cái nợ đời
Đường thản lý cát nhân chi đã vội
Dắt lỏng giang sơn vào nửa túi
Rót nghiêng phong nguyệt cạn lưng bầu
Cảnh cùng thông ai có bận chi đâu
Mùi tiêu sái với trần gian dễ mấy
Hữu danh nhàn phú quý
Vô sự tiểu thần tiên
Đấng anh hùng yên phận lạc thiên
So trời đất cũng nhất ban xuân ý
Khi lang miếu đã đành công danh ấy
Lúc yên hà khước thị xuất nhân gian
Hành tàng bất nhị kỳ quan [115]
Cõi đời mở mặt giang san thái hòa
Còn xuân may lại còn hoa

Chức phận trượng phu

Vũ trụ chức phận nội
Đấng trượng phu một túi kinh luân
Thượng vị đức hạ vị dân
Nên nỗi phải xuất thân mà gánh vác
Có sự nghiệp đứng cùng trời đất
Không công danh nát với cỏ cây
Trí tang bồng hồ thỉ dạ nào khuây

Phải tùy thế mà ra tay kinh tế
Người đời thế trả nợ đời là thế
Của đồng lân thiên hạ của chung
Hơn nhau hai chữ anh hùng

Rõ mặt tu mi

Thông minh nhất nam tử
Yếu vi thiên hạ kỳ [116]
Trót sinh ra thời phải có chi chi
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu
Đố kỵ sá chi con tạo
Nợ tang bồng quyết trả cho xong
Đã xông pha bút trận thì gắng gỏi kiếm cung
Cho rõ mặt tu mi nam tử
Trong vũ trụ đã đành phận sự
Phải có danh mà đối với non sông
Đi không chẳng lẽ về không

Công danh bất lụy

Thành sự do thiên lý
Gánh kiền khôn ai chẳng anh hùng
Sách có câu cùng đạt biến thông
Lại có kẻ dập dìu danh với lợi
Hữu chí công danh tài bất lụy
Sơ lai bồng thỉ hựu hà phương [117]
Dễ mấy ai thôi dốc đống lương
Mà người thế đã đem nhau vật sắc
Làng khanh tướng xưa nay mấy mặt
Cũng lắm phen nhục nhục vinh vinh
Mới hay thiên địa đa tình

Cán cân Tạo hóa

Lão trục thiếu lai ưng bất phóng
Nhục tùy vinh hậu định tu quân [118]
Lò âm dương san sẻ bình phân
Cân Tạo hóa đỉnh đinh rất nhặt
Mới đó chòm mây còn ngắt ngắt
Phút đâu mái tuyết đã phau phau
Cái khó dam là giống ở đâu
Cứ lẽo đẽo cặp kề hiên cái
Đôi kẻ biết sao không tỉnh lại
Cái nhục theo cái vinh, định san sẻ cho đều.
Dù thiên hô vạn hoán cũng u ơ
Xót ta ta biết sao cho

Thú nguyệt hoa

Nhân sinh thất thập cổ lai thiểu [119]
Trẻ thơ ngây già tuổi tác kể làm chi
Giữa trung gian quang cảnh bấy nhiêu thì
Khi ấm lạnh lại khi phiền não
Năng đắc kỷ thời khai khẩu tiếu
Cư chư hòn phụ thử quang âm [120]
Sao bằng rũ sạch trần khâm
Khi ngoạn nguyệt khi xem hoa nở
Cho giải kết dẫu sao sao nữa
Nợ phong lưu tính cũng lãi rồi
Ngàn vàng mua lấy trận cười

Chơi tổ tôm

Nhân sinh quý thích chí [121]
Chẳng gì hơn vui cuộc tụ tam
Tài kinh luân xoay dọc xoay ngang
Cơ điều khiển quân ăn quân đánh
Gọi một tiếng người đều phải kính
Dậy ba quân ai dám chẳng nhường
Giương vó lên bốn mặt khôn đương
Hạ bài xuống tam khôi chiếm cả
May gặp hội quốc gia nhàn hạ
Nghĩ ăn chơi thú nọ cũng hay
Gồm hai văn vũ trong tay

Chí anh hào

Việc đời đã chắc chắn đâu
Ỗm ờ con tạo một màu trêu ngươi

Hóa nhi đa hí lộng [122]
Đúc chuốt ra rồi bắt bẻ lắm sao
Khéo gán phẩn những việc đâu đâu
Biết là mấy phân hiêu bàn thác [123]
Sơ sinh bất hạnh thành đầu giác
Vạn lý ưng nan tích vũ mao [124]
Trót đa mang một tiếng anh hào
Lại muốn chuốc cuộc nhàn sao phải
Mặc xui khiến dám nghĩ đâu thành bại
Đem thông minh mà đền lại hóa quân
Thử xem cơ tạo xoay vần

Kiếp phù thế

Sinh trong phù thế
Chữ vô cầu là chữ thiên nhiên
Đêm bẩm Trời, Trời cũng phải khuyên
Tạo hóa có ghen chi mệnh số
...
Giang sơn nào oán với văn chương
Phận tài hoa đành có lúc vẻ vang
Đường khoa mục xa nhau là mấy bước
Sóng vỗ lớp sau như lớp trước
Chí vẫy vùng ai kém ai đâu
Thảnh thơi thơ túi rượu bầu
Trần ai ai biết công hầu là ai
Làm cho rõ mặt anh tài

Chí nam nhi

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh [125]
Đã hẳn rằng ai nhục ai vinh
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ
Cũng có lúc mưa dồn sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong
Chí những toan xẻ núi lấp sông
Làm nên tiếng phi thường đâu đấy tỏ
Đường mây rộng thênh thênh cử bộ
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo
Thảnh thơi thơ túi rượu bầu

Chơi là lãi

Ôi nhân sinh là thế ấy
Như bóng đèn như mây nổi như gió thổi như chiêm bao
Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nao
Vừa tỉnh giấc nồi kê chưa chín
Vật thái mạc cùng vân ảo biến
Thế đồ vô lự thủy doanh hư [126]
Cái hình hài đã chắc thiệt chưa
Mà lẽo đẽo khóc hoài chi rứa mãi
Trời đất hỡi có hình ắt có hoại
Ỷ chi chi mà chắc chắn chi chi
Cuộc làm vui liệu phải kịp thì
Khi đắc chí lại có khi thất chí
Trông đó đó hãy suy cho kỹ
Dầu xưa nay nào có trừ ai
Có tài mà cậy chi tài

Sĩ tụng

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt
Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên [127]
Có giang sơn thì sĩ đã có tên
Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý
Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường
Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất
Lúc vị ngộ hối tàng nơi bồng tất
Hiêu hiêu nhiên điếu Vị canh Sằn
Xe bồ luân dầu chưa gặp Thang Văn

Phù thế giáo một vài câu thanh nghị
Cầm chính đạo để tịch tà cự bí
Hồi cuồng lan nhi chướng bách xuyên
Rồng mây khi gặp hội ưa duyên
Đem quách cả sở tồn làm sở dụng
Trong lang miếu ra tài lương đống
Ngoài biên thùy rạch mũi can tương
Làm sao cho bách thế lưu phương
Trước là sĩ sau là khanh tướng
Kinh luân khởi tâm thượng
Binh giáp tàng hung trung
Vũ trụ chi gian giai phận sự
Nam nhi đáo thử thị hào hùng [128]
Nước nhà yên mà sĩ được thung dung
Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch
Năm ba chú tiểu đồng lếch thếch
Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn
Nào thơ nào rượu nào địch nào đờn,
Đồ thích chí chất đầy trong một túi
Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tới
Gẫm việc đời mà ngắm kẻ trọc thanh
Này này sĩ mới hoàn danh

Ngất ngưởng

Vũ trụ nội mạc phi phận sự
Ông Hi văn tài bộ đã vào lồng
Khi thủ khoa khi tham tán khi tổng đốc Đông
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng
Lúc bình tây cầm cờ đại tướng
Có khi về phủ doãn Thừa Thiên
Đô môn giải tổ chi niên
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng

Kìa núi nọ phau phau mây trắng
Tay kiếm cung mà nên dáng từ bi
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng
Được mất dương dương người thái thượng
Khen chê phơi phới ngọn đông phong
Khi ca khi tửu khi cắc khi tùng
Không phật không tiên không vướng tục
Chẳng Hàn Nhạc cũng phường Mai Phúc
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung
Đời ai ngất ngưởng như ông

Thú say

Say chưa say mới thú
Hỏi làng say ai đủ thú say
Mượn màu hào hứng đâm bầy
Thả giọng phong lưu cưỡng ẩm
Sầu lai dữ phụ ẩm do thả thắng tục khách
Trong nhạt nồng đã nhạt hơi men
Lúc đan biều tùy ngộ nhi an
Thuở hiên tứ nhược do cố hữu
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
Dữ ngã đồng tiêu vạn cổ sầu
Món bất thời còn hãy lưng bầu
Khuếnh khoáng mấy ngọn rau cũng đủ
Việc bình đán đã chắc đâu bạc mộ
Qua ngày mai lại có ngày mai
Khen ai khéo khéo lo dài

DƯƠNG LÂM

Mừng ông nghè mới

Giai nhân hà tất kiều như ngọc [129]
Chữ duyên may đạp đổ phận hồng nhan
Kìa những người xe ngựa chan chan
So ngón kẻ đã thua nhau ngàn với vạn
Mai phóng hạnh tiên tiếu hạnh vãn
Hạnh khai mai hậu thán mai suy [130]
Xin đừng đem tài sắc đánh ghen ci
Trăm năm ấy đường đi lối bước
Nhắn những kẻ đường mây bước trước
Sẽ dừng roi đợi kẻ sau này
Chắc rằng ai dở ai hay

Lễ phong thân phụ

Tùng quân xuân vị lão
Bàn thác tử năng quan [131]
Đầy một sân vừa huệ vừa quế vừa cúc vừa lan
Màu son phấn chứa chan đều đủ cả
Giọt vũ lộ nghiêng bầu Tạo hóa
Gương tuyết ty treo giá cầm thư
Muốn sao sao trời đất cũng ư
Đong phúc trạch đã hư thăng đẩu lẻ
Mượn bút Thiên tào ta thử vẽ
Vẽ ra long ra ly ra loan nghê phụng thế cũng là xinh
Một nhà riêng một triều đình

Tự mừng sinh nhật

Phụ mẫu cù lao kim thử nhật
Văn chương tàn thặng hữu dư niên [132]
Mang tửu thi vui với thú lâm tuyền
Chẳng hoạt Phật cũng thần tiên trong thế giới
Thức mục ngũ đại châu chi đại
Hà thời sơn thủy phục cao thanh [133]
Thôi đừng mang lão lệ với đàn tranh
Kìa kỹ nữ cũng thương sinh đâu đấy nhỉ
Mảnh ty trúc ai là tri kỷ
Ngón tì bà năn nỉ với ai đây
Thôi say tỉnh lại tỉnh say
Ba vạn sáu nghìn ngày chừng cũng thế
Ngảnh mặt lại mấy phen dâu bể
Thương cuộc đời mà vui vẻ riêng ai
Thưa cô cô cũng như tôi

DƯƠNG KHUÊ

Cùng ai dan díu

Ngó lui ngó tới
Có một người phong nhã nổi thời danh
Bấy lâu nay tình lại gặp tình
Lời nguyện ước vẫn đinh ninh vàng đá
Tiên lang nhất ngộ tằng tương hứa
Quế điện phiêu hương kim kỷ hồi [134]
Nợ tình tình rầy lắm chị em ơi

Đã dan díu trót vay rồi phải trả
Khi đón gió khi chờ trăng khi xem hoa khi bẻ lá
Điệu đồng tâm nấn ná biết là bao
Một mảnh tơ ông tạo hóa hay trêu
Duyên đằm ấm chen vào cay ngọt
Mặn không mặn mà nhạt thời không nhạt
Gần không gần mà xa cũng không xa
Có chăng ta biết sự ta

Tặng cô đào Phẩm

Dạ thâm hốt ức thiếu niên sự [135]
Giận hồng quân ghen ghét vẻ hồng quần
Trải nắng mưa gầy biết mấy phần xuân
Mà son phấn cũng phong trần thế nhỉ
Ý trung nhân ngô lão hĩ [136]
Lệ Giang châu chan chứa bởi vì ai
Tân tri cựu hận bời bời
Tình duyên ấy lôi thôi sao kể xiết
Ngồi hỏi khách biết chăng chẳng biết
Thương cho tình mà lại tiếc cho tài
Hay là nhớ nỗi chương đài
Xạ lan mùi cũ hán hài thói xưa
Hay là tưởng nỗi mây mưa

Tặng cô đào Cúc

Quân phi ẩn dật
Cớ làm sao Ái cúc gọi là tên
Gối bắc song xem truyện Đào Tiềm
Nam sơn nọ bóng rèm coi thấp thoáng
Mạc hiềm lão phố thu dung đạm [137]

Do hữu hoàng hoa vãn tiết hương
Mảnh thu trinh chớ ngại lúc hàn sương
Năm năm hẹn trùng dương tống tửu
Cười cợt khách chỉ tùng vân cựu hữu
Hỏi ai là trúc hữu mai thê
Giai nhân hoài bất vong hề [138]

Tặng cô đào Ngọ

Hốt ức lụa thất niên tiền sự [139]
Nợ phong lưu chửa trả hương nguyền
Đến bây giờ lại gặp người quen
Nỗi lưu lạc sự ghét ghen là thế thế
Thiếp tự thân khinh lang vị khí
Thần tuy tội trọng đế do liên [140]
Can chi mà tủi phận hờn duyên
Để son phấn đàn em cười khúc khích
Ý trung nhân đãn khả tình tương bạch [141]
Thôi bút nghiên đàn phách cũng đều sai
Trông nhau nói nói cười cười

Tặng cô đào Cần

Tiễn ai chi liễu giang đình
Bận ai chi mối tơ tình vương chơi
Chắc ai đã nhớ đến lời
Biết ai đã nhớ đến người xa xa

Xin ai đừng có quên ai
Bức hồng cân đó là lời cựu minh
Chiêm bao lẩn quất quế đình
Nhớ ai ai có biết tình cho ai

Tình thư một bức

Hỏi tình nhân rằng có nhớ hay quên
Khách má hồng vừa mới bén hơi duyên
Lúc tương ngộ lại thêm tương biệt
Quân khứ lưu tình Tô Thủy nguyệt
Khách quy tần vọng Nhị Hà vân [142]
Ai nhớ ai luống những tần ngần
Để quạt ước hương nguyền chờ đợi đó
Hỏi thăm lối phù dung vườn cũ
Hẹn hoa này chớ phụ với đông quân
Nào ai ngăn đón vườn xuân

Tặng cô đào góa

Gốc ở Trung kỳ

Nghe đàn nhớ lão Chung kỳ
Vợ mi ở đó mi đi mô chừ
Sớm khuya xe tẩu phụng thờ
Góa chồng cũng thể như chưa có chồng
Lấy ai làm khách đồng tâm
Lấy ai làm khách tri âm với nàng
Đêm khuya luống những bàng hoàng
Người đi đâu mất mà đàn còn đây

Nhân vong cầm tại [143]

Nhớ chàng Hai mà hỏi lại cô Hai
Tiện đây hỏi một đôi lời
Đàn bản ấy đã cùng ai tơ phím cũ
Hồng phấn kỷ nhân vi quả phụ

Bạch đầu nan lão Trác Văn Quân [144]
Thế thì khi gió gác lúc trăng sân
Chừng bạch tuyết dương xuân còn tưởng nhớ
Gượng ngồi lại hát chơi lúc nữa
Ai trách chi tang trở xóm bình khang
Xưa nay nghề nghiệp thế thường

Thăm cô đào ốm

Trông nấp bóng ra chiều liễu yếu
Bệnh đông phong sao khéo nực cười
Trộm nghe sương tuyết hơi hơi
Cơm xơi mấy thuốc xơi được mấy
Thức hay ngủ cớ sao nằm vậy
Hãy tung màn gượng dậy làm vui
Tiện đây hỏi một đôi lời
Lòng chiều khách đã xuôi xuôi thế chửa
Đàn cầm sắt gẩy chơi lúc nữa
Rượu hồng hoa còn chứa nữa hay không
Nàng vâng xin cũng chiều lòng

Hồng tuyết

Hồng Hồng Tuyết Tuyết
Mới ngày nào còn chửa biết chi chi
Mười lăm năm thấm thoát có xa gì
Ngoảnh mặt lại đã đến kỳ tơ liễu
Ngã lãng du thời quân thượng thiếu
Quân kim hứa giá ngã thành ông [145]
Cười cười nói nói thẹn thùng
Mà bạch phát với hồng nhan chừng ái ngại
Riêng một thú Thanh sơn đi lại

Khéo ngây ngây dại dại với tình
Đàn ai một tiếng dương tranh

May rủi

Một rủi một may là máy tạo
Dù khôn dù dại cũng bia trần
Việc đã rồi nghĩ lắm lại thêm đần
Liếc gươm trí cắt giặc phiền từ đó
Nằm khểnh ngâm thơ cho vợ ngủ
Ngồi rù uống rượu với cơm chơi
Mô phạm con ba đứa mũi chưa chùi
Tiêu khiển vẫn mấy cô đào mới nổi
Ngoài tai ấy tha hồ ai gọi
Rằng ngựa trâu vâng cũng ngựa trâu
Nào đâu đã hẳn hơn đâu

Nợ phong lưu

Say mới biết ở đời ai cũng hớ
Vị tài tình nên vướng nợ phong lưu
Kho trời chung tiêu phí thấm vào đâu
Chơi là lãi dẫu chưa giàu nhưng chẳng kiết
Trả trả vay vay lâu cũng hết
Co co com cóm chắc hơn ai
Chỉ chịu thua tay chú thợ trời
Khéo tỉ mỉ nặn ra người làm múa rối
Nào nhục vào vinh nào hiển bối
Mặt ra hề thay đổi mấy mươi phen
Chẳng gì hơn rượu thánh với thơ tiên
Trời đất chẳng dám ghen chi với hắn
Thế sự phù vân hà túc vấn

Thiên kim tán tận hoàn phục lai [146]
Hay chơi trời cũng chiều người

Cảm hoài

Ai ôi má đỏ ra đầu bạc
Quá ngán hơi vàng để dạ đen
Công đèo bòng nhận tính bấy nhiêu niên
Luống thay cữ trăng đi tuần gió lại
Phai thắm mùi trần ghê khéo quái
Hợp tan cuộc thế uẩy là xinh
Trời trêu ngươi sao khoanh độc trăm vành
Cho có mắt trắng nhiều xanh lại ít
Thôi từ đấy nợ phong lưu trả hết
Giã tấm lòng cho nước chảy hoa trôi
Người mà đến thế thì thôi
Uẩy ai tiếc ngọc để tôi đợi chờ

Nói hớt

Thà câm từ thuở sơ sinh
Lớn lên nói hớt như ranh làm gì
Ngó lui ngó tới
Có một người nói hớt nổi thời danh
Hớt chuyện người rồi lại hớt chuyện mình
Cất miệng nói đã rành câu nói hớt
Hớt đau có hớt
Chua như chanh cay như ớt dẻo như xôi
Lại pha thêm nửa ngọt nửa bùi
Góp khôn dại hờn vui làm một tiệc
Ai nghe hớt biết chăng chẳng biết
Chuyện nhân tình sao xiết thị phi
Còn nghe nói hớt làm chi

Xin hỏi Thúc lang

Chế ông Dương Lâm bị vợ ghen với á đào Oanh

Gớm cho cái nợ tình đời
Đem gương tố nữ dối người phong huê
Tin xuân thó thẻ đi về
Mảng vui "oanh" hót mà e liễu hờn
Gượm xin thưa lại
Hỏi tình quân rằng phải thế hay không
Buổi tân tri chưa vướng lục lây hồng
Mà phòng trong đã Hà Đông sang sảng tiếng
Ngắm về anh hào coi cũng mến
Chuyện ghen tuông còn để tiếng khi xưa
Chén khuyên chàng ngoảnh mặt làm ngơ
Đừng liễu cợt trăng mờ chi thóc mách
Một mai hỏi tiểu thư mượn sách
Giật mình về nỗi khách đa mang
Nước đời được mấy Thúc lang

Cái dại

Trăm năm ai chẳng bạc đầu
Mười điều ai có hay đâu cả mười
Trông trăng trăng khéo nực cười
Hờn hoa mà cũng lắm lời thế ư
Ngồi mà ngẫm mấy năm về trước
Chẳng dại nào giống cái dại nào
Giật mình thay sực tưởng giấc chiêm bao
Rồi mới biết ước ao là chuyện láng
Bởi con tạo trêu ngươi không chán
Mới xui nên cái dại không chừng
Cho phờ râu cho chớn mắt cho long dái

rút cho tụt dây lưng
Còn tham tiếc lăn lưng vào cuộc dại
Thôi thôi chớ từ đây dại mãi
Chữ chung tình là chữ vô tình
Gặp nhau ta sẽ làm thinh

Khánh thành sinh từ Nguyễn Hữu Độ

Ấy ai đi nhớ sống thờ
Tống khê tướng quốc sinh từ kia kia
Tầng lâu các họa thơ đề
Nghiễn bi thuở trước Nùng bi thuở này
Giang sơn riêng thú thanh kỳ
Có lầu có tháp có bia công thần
Giữa trời một gác khuê văn
Chùa thiên bên nớ miếu thần bên ni
Thừa tướng đại danh thùy vũ trụ
Sinh từ trường dữ thử giang sơn [147]
Thú vui chơi thắng tích kỳ quan
Miên thủy hiểu hoa hoàn [148] coi cũng rứa
Ngấn tuyết trảo [149] vãng hoàn lưu khứ
Dịp tuần hồng nhứ nhứ ty ty [150]
Hát rằng vô dĩ công quy [151]
Một tiếng trúc dây ty là một nhớ
Hỏi lại cỏ hoa đà biết chửa
Giang san này còn đó bởi vì ai
Còn sông Tô Nhị còn dài
Còn bia Nùng Khán [152] còn lời niệm ân
Trăm nghìn bái chúc thần quân

Chơi Trăng

Cao sơn nhất phiến nguyệt [153]
Đã chơi trăng cho phải biết tình trăng
Sơn chi thọ đối nguyệt chi hằng [154]
Sơn có nguyệt càng thêm cảnh sắc
Nguyệt quải hàn sơn thi bán bức
Sơn hàm minh nguyệt tửu thiên tôn [155]
Trăng chưa già núi hãy còn non
Núi chưa khuyết trăng vẫn tròn với núi
Rượu một bầu thơ ngâm một túi
Góp gió trăng làm bạn với non sông
Núi kia tạc để chữ đồng
Trăng kia nhớ mặt anh hùng này chăng
Xinh thay kia núi nọ trăng

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

Chơi Tây Hồ

Non non nước nước
Ở trong Nam mà mới vượt ra đây
Cắp mảnh trăng lên chải [156] chốn Hồ Tây
Ai nói chuyện thì đây ta nói với
Nay ta chán phong lưu thôi ý chí không thành thị chẳng yên hà
Ngồi mà nghĩ có rượu tốt hoa thơm là dễ chịu
Quy lai nhất hướng Long thành liễu
Mộng khứ ưng huề Hạc phố vân [157]
Mượn lông hồng chấp dưới hai chân
Bay một dịp tới thảo đường ta nghỉ
Giở tráp cũ xem qua Chẩm trung ký
Chỉ danh sơn mà hỏi một đôi câu
Năm trăm năm nữa là đâu

Chơi Sài Sơn

Mây đá ngất trời xanh một dải
Đứng tiên sơn mà ngoảnh lại cõi hồng trần
Kìa thành quách nọ nhân dân
Bóng xe ngựa mấy lần coi thấp thoáng
Nhân hướng mộng trung tranh tướng tướng
Ngã tòng bôi lý trịch kiền khôn [158]
Bóng trăng soi vừa lọt mái hoa hiên
Chừng Nhược thủy Bồng Sơn âu cũng thế
Ngồi tính đốt ba mươi hai tuổi lẻ
Thấy nghiêng trời lệch bể đã bao phen
Bước chân ra mà nhớ cảnh lầm tuyền

Ngẫm trụy lạc cũng nên qua một kiếp
Ba mươi sáu động trời còn chửa khép
Vẫy cung Nga bắc dịp để ta lên
Nào ai là bạn trích Tiên

TÚ XUẤT

Dại khôn

Chẳng dại nào giống cái dại
Cái dại này nên dại đến nghìn năm
Trót dại rồi nên phải ngậm tăm
Đã mang tiếng dẫu nói ra thì cũng dại
Không có lẽ dại đâu mà dại mãi
Đem dại này mà đổi lấy khôn kia
Thôi thôi đừng tuyết nguyệt phong huê
Kẻo mang tiếng nam nhi nhiều cái dại
Đem nhận nghĩa giao tình trong tứ hải
Không ai là chửa dại đã nên khôn
Chỉ vì ta đông tẩu tây bôn
Cho đến nỗi hết khôn dồn ra dại
Thế mới biết to đầu to cái dại
Chép mấy lời khôn dại gửi người sau
Cũng là cái dại trước khôn sau

CHU MẠNH TRINH

Thúy Kiều oan trái

Bát ngát nhẽ gió thanh trăng bạc
Trạnh niềm đau sẽ nhớ nàng Kiều

Phận hồng nhan cay đắng trăm chiều
Cơn dâu bể phải theo thời sự
Mình nàng nghĩ khôn đường lưỡng lự
Suốt năm canh nương bóng đèn tàn
Trách ông tơ sao khéo đa đoan
Duyên chị để mượn em chắp chỉ
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy
Tân thanh đáo để vị thùy thương [159]
Mười lăm năm trong sổ đoạn trường
Son phấn biết mấy lần trôi giạt
Chữ tình để dành chung kiếp khác
Đạo sinh thành trước phải đền ơn
Gác lời thệ hải minh sơn

Thúy Kiều lưu lạc

So tài tình Thúy Kiều đệ nhất
Tiết thanh minh đi tảo mộ hoàng tuyền
Bóng tà dương viếng mả Đạm Tiên
Theo vó ký gặp chàng Kim Trọng
Nằm thoắt thấy thần nhân báo mộng
Số cô còn nhiều nợ phong hoa
Sực tỉnh cơn tưởng nỗi niềm xa
Năm canh nguyệt ủ ê chiều liễu yếu
Đoạn tràng một lý căn duyên liễu
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường [160]
Mối tơ vương xấy cuộc tang thương
Người má phấn bên trời lưu lạc
Gẫm duyên cô mười lăm năm chếch mác
Phận hồng nhan nhiều nỗi gian truân
Trêu ngươi thay mấy tạo nhân

Hương Sơn phong cảnh

Bầu trời cảnh Phật
Thú Hương sơn ao ước bấy lâu nay
Kìa non non nước nước mây mây
Đệ nhất động là đây có phải
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lửng lơ khe Yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chầy kình
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng
Này suối Giải oan này chùa Cửa võng
Này hang Phật tích này động Tuyết quynh
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh đôi lối uốn thang mây
Chừng giang sơn còn đợi ai đây
Hay tạo hóa sẽ ra tay xếp đặt
Lần tràng hạt niệm Nam vô Phật
Cửa từ bi công đức xiết bao
Càng trông phong cảnh càng yêu

NGUYỄN QUÝ TÂN

Tự khen mình

Tài sắc nhỉ Đỉnh trai quan Thượng Cốc
Tuổi thanh niên mà tai mắt thần đồng
Học lầu thông thi họa cầm cung

Thú trải khắp phong hoa tuyết nguyệt
Duy giang thượng chi thanh phong dữ sơn gian chi minh nguyệt
Kho trời chung mà vô tận của mình riêng
Câu thơ thần chén rượu thánh khúc ca tiên, kiều nhi năm bảy bọn, đồng tử bốn ba tên thủng thẳng đôi con ngựa le te một chiếc thuyền khi thành thị lúc lâm tuyền phong lưu này quen nết tự nhiên
Tiếng thảng thích đã lừng miền Đông quận
Trót sinh ra đứng trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông
Hội long vân quyết chí vẫy vùng
Bút một trận bảng rồng treo chói lói
Chữ phận bạc má hồng khôn tránh khỏi
Mà phong lưu cho bõ lúc phong trần
Cũng tưởng rằng danh chẳng bằng thân
Xăm xăm vẫn dốc cân tư đệ
Ca Tao Lý cân đai nhè nhẹ
Khúc nga tùng ngoảnh mặt thong dong
Gan anh hùng cốt tiên ông
Khúc cầm khúc hạc nam đông bắc đoài
Khôn ngoan rất mực làm trai

CAO BÁ QUÁT

Thất tịch

...
...
Chẳng biệt ly ai dễ biết chữ tình
Hỏi Ô thước doành Ngân khơi mấy dặm

Ngao ngán nhẽ rẽ bảng vàng phai nét gấm
Ngậm ngùi thay chênh bóng quế chếch gương thu
Nhỡn xuyên tràng đoạn vị Khiên ngưu [161]
Mười hai tháng mới đêm nay là thất tịch
Cung nguyệt gác đầu non chênh chếch
Lũ hồng nhan còn ngất nghểu trên lầu
Giọt lay thay trận mưa ngâu

Phận hồng nhan

Tự cổ hồng nhan đa mệnh bạc
Buồn cho ai mà lại tiếc cho ai
Duyên chông chênh nguyệt mỉa hoa cười
Ngao ngán nhẽ đào tiên lăn cõi tục
Đã gác gương loan treo giá ngọc
Nỡ nào chim cú đậu cành mai
Xuân còn dài duyên hãy còn dài
Thử đủng đỉnh để xem cơ tiền định
Nhắn ông Nguyệt sẵn cầm dây xích
Khách giai nhân xe với khách văn nhân
Sắc tài ai kẻ cầm cân

Tìm sở thích

Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ [162]
Có bao lăm ba vạn sáu nghìn ngày
Như thoi đưa như bóng sổ như gang tay
Sực nhớ chữ cổ nhân bỉnh chúc
Cao sơn lưu thủy thi thiên trục
Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền [163]
Dang tay người từ tử khách thuyền quyên
Chén rượu thánh câu thơ thần thích chí

Thành thị ấy mà giang sơn ấy
Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa
Bốn mùa xuân lại thu qua

Cuộc phong trần

Có lưu lạc mới trải mùi nhân thế
Còn trần ai khôn tỏ mặt công hầu
Ngất ngưởng thay con tạo khéo cơ cầu
Muốn đại thụ hãy dìm cho lúng túng
Thân hệ bang gia chung hữu dụng
Thiên sinh hào kiệt bất ưng hư [164]
Hãy bền lòng chớ chút oán vưu
Thời chí hĩ ngư long biến hóa
Thôi đã biết cùng thông là mệnh cả
Cũng đừng đem hình dịch cầu chi
Hơn nhau cũng một chữ tình

Chán đời

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu [165]
Vắt tay nằm nghĩ chuyện đâu đâu
Đem mộng sự đấu với chân thân thì cũng hệt
Duy giang thượng chi thanh phong dữ sơn
gian chi minh nguyệt [166]
Kho trời chung mà vô tận của mình riêng
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng
Kẻ thành thị kẻ vui miền lâm tẩu
Gõ dịp lấy đọc câu thơ tiến tửu
Quân bất kiến hoàng hà chi thủy
Thiên thượng lai bôn lưu đáo hải bất phục hồi [167]
Làm chi cho mệt cuộc đời

Tự tình

Giai Nhân nan tái đắc [168]
Trót yêu hoa nên dan díu với tình
Mái tây hiên nguyệt gác chênh chênh
Rầu rĩ bấy xuân về oanh nhớ
Phong lưu tài tử đa xuân tứ
Tràng đoạn Tiêu lang nhất chỉ thư [169]
Nước sông Tương một dải nông sờ
Cho kẻ đấy người đây mong mỏi
Bứt rứt nhẽ trăm đường nghìn nỗi
Chữ chung tình biết nói cùng ai
Trót vì gắn bó một hai

Mặc đời

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười
Thôi công đâu rước lấy sự đời
Tiêu khiển một vài câu lếu láo
Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu
Trầm tư bách kế bất như nhàn
Dưới giậu thưa thấp thoáng bóng Nam san
Ngoảnh mặt lại cửu hoàn coi cũng nhỏ
Khoảng trời đất cổ kim kim cổ
Mảnh hình hài không có có không
Lọ là thiên tứ vạn chung

Nhủ tình nhân

Tài tử với giai nhân là nợ sẵn
Giải cấu nan là chữ làm sao

Trải xưa nay chừng đã biết bao
Kìa tan hợp nọ khứ lưu đâu dám chắc
Giai nhân khứ khứ hành hành sắc
Tài tử triêu triêu mộ mộ tình [170]
Uẩy kia ai như mây tuôn như nước chảy như gió mát như trăng thanh
Lơ lửng khéo trêu ngươi chi mãi mãi
Trời đất có san đi mà sẻ lại
Hội tương phùng còn lắm lúc về sau
Yêu nhau xin nhớ nhời nhau

TRẦN TẾ XƯƠNG

Dán câu đối tết

Nhập thế cục bất khả vô văn tự [171]
Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài
Huống chi mình đã đỗ Tú tài
Ngày tết đến cũng phải một hai câu đối.

Đối rằng:

Cực nhân gian chi phẩm giá phong nguyệt tình hoài
Tối thế thượng chi phong lưu giang hồ khí cốt [172]
Viết vào giấy dán ngay lên cột
Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay
"Rằng hay thì thực là hay
Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú tài
Xưa nay em vẫn chịu ngài".

Cậu Mán

Phong lưu nhất ai bằng cậu Mán
Trong anh em chúng bạn kém thua xa
Buổi loạn ly bốn bể không nhà
Răng không nhuộm vợ không lấy lụa là không mặc
Mán chỉ làm đủ tiền tiêu vặt
Khi cao lâu khi cà phê khi nước đá khi lại đi xe
Sự đời Mán chẳng muốn nghe

Đánh tổ tôm

Bực chăng nhẽ anh hùng khi vị ngộ
Như lúc đen chơi cuộc tổ tôm
Bài chạm thành cuối cánh phỗng ầm ầm
Ngồi thôi thẳng bốc quân rác rảnh
Cũng có lúc thông chi thời bát sách
Cũng có khi bạch đinh bốc yêu hồng
Cất bài lên ông lão lẩn về không
Không đâu cả gặp kề năm bảy phỗng
Cũng có ván tôm lèo lên chờ rộng
Vớ phải thằng bạch thủ phỗng tay trên
Gớm ghê thay đen thực là đen
Sắc như mác cũng thua thằng vận đỏ
May mắn nhẽ hữu duyên năng tái ngộ
Bĩ cực rồi đến hội thái lai
Tiếng tam khôi chi để nhường ai
Hết bạch lại hồng thông mãi mãi
Nào những kẻ tay trên ban nẫy
Tới bây giờ thây lẩy dưới tay ta
Tiếng bài cao lừng lẫy khắp gần xa
Bát vạn người ta ai dám đọ

Thế mới biết tổ tôm đen có đỏ
Thời anh hùng vị ngộ có lo chi
Trước sau sau trước làm gì

Kim tiền

Phàm kim chi nhân duy tiền nhi dĩ [173]
Hết tiền tiêu tráng sĩ cũng nằm co
Chẳng dại khôn cũng chẳng thân sơ
Có hơi kẽm mới tha hồ ngang ngửa

Thơ rằng:

Toán lai thế sự kim năng ngữ
Thuyết đáo nhân tình kiếm dục minh [174]
Dơ dáng thay những mặt tài tình
Co quắp lắm cũng ra hình thủ lỗ
Tiền dẫu hết hết rồi lại có
Chữ bất nhân tạc đó không mòn
Ai ôi giữ lấy lòng son

Giễu bạn

Người tai mắt không ai thúc thủ
Lúc về già lụ khụ mới chơi xuân
Suốt quanh năm nào mất cái lông chân
Nhà chứa bẩn để dành phân bón lúa
Ba câu chuyện khoe mình lắm của
Chốn nhà lan sặc sụa những hơi đồng
Vui anh em đến chốn lầu hồng
Hỏi cô ấy có chồng chăng nhỉ
Anh đây thực là người chí khí

Tiền cưới cheo chi phí một vài hào
Khoe mình chơi nhất Hàng Thao

Đĩ rạc đi ru

Cũng ra đĩ rạc
Bấy lâu nay đã toác toạc toàng toang
Chán chê rồi về đến đầu làng
Toan tấp tểnh những đường tu lý
Sờ đến ngấn cổ tay buộc chỉ
Bìu díu gì chị chị với em em
Của chua kia cho dẫu có thèm
Nuốt nước dãi cũng nên khem của độc
Má đã nhăn màu da đã mốc
Dẫu hoa hòe có cóc ai ưa
Nghĩ mình phận gái hạt mưa
Chắc gì nỗi tự trưa cho đến tối
Bao nhiêu kiếp phong trần rũ khỏi
Tìm am thanh cảnh vắng khỏi dơ tuồng
Dập dìu tiếng mõ tiếng chuông

Chơi ả đào

Nhân sinh quý thích chí
Còn gì hơn hú hí với cô đầu
Khi vui chơi năm ba ả ngồi hầu
Chén rượu cúc đánh chầu đôi ba tiếng
Tửu hậu khán hoa nhàn bất yếm
Hoa tiền chước tửu hứng vô nhai
Thôi ai ơi chơi lấy kẻo hoài
Chơi cũng thế mà không chơi thời cũng thế
Của trời đất xiết bao mà kể

Nợ công danh biết thế nào xong
Chơi cho thủng trống tẩm bông

Cảnh tết ở nhà cô đầu

Chị hỡi chị năm nay túng lắm
Biết làm sao tết đến nơi rồi
Mới ngày nào chị mua muối cùng tôi
Ngoảnh mặt lại hàng vôi nay đã bán
Này nụ này hoa này hài này hán
Pháo tranh Tầu Hương Cảng mới đưa sang
Chị cùng em sắm sửa lo toan
Muốn mua chịu sợ nhà hàng lại lạ
Chị em ta cùng nhau giữ giá
Đến bây giờ ngã cả có ai nâng
Cũng liều bán phấn chơi xuân

Ngẫu chiếm

Người quân tử gặp khi vận kiển
Liệu qua loa cho xong chuyện thì thôi
Việc gần xa phải trái kệ thây đời
Hơi đâu nghĩ vào người thêm tức bực
Ấy mới biết sự đời tùy lúc
Thắc mắc chi mà cầy cục có làm chi
Ăn thì ăn ở thì ở đứng thì đứng đi thì đi
Cầm bắt được lòng người khi đã dễ
Với những kẻ đàn hòa vui miệng trẻ
Biết mười mươi ngoảnh mặt sẽ làm thinh
Chờ khi cờ đến tay mình

NGUYỄN KHUYẾN

Bóng đè cô đào Sen

Bóng người ta nghĩ bóng ta
Bóng ta ta nghĩ hóa ra bóng người
Tỉnh ra rồi mới nực cười
Giấc hồ ai khéo vẽ vời cho nên
Cô đào Sen là người thi liệu
Cớ làm sao õng ẹo với làng nho
Bóng đâu mà bóng đè cô
Bỗng thấy chuyện nhỏ to thêm thắc mắc
Cố hữu diệc vi thân ngoại vật
Toán lai đô thị mộng trung nhân [176]
Sực tỉnh ra nào biết chuyện xa gần
Còn văng vẳng tiếng đàn cùng tiếng trống
Quân bất kiến Thiên thai động khẩu cần tương tống [177]
Dẫu bóng ta ta bóng có làm sao
Thương người hay giấc chiêm bao

Hỏi ông phỗng đá

Người đâu tên họ là gì
Khéo thay trích trích tri tri nực cười
Dang tay ngửa mặt lên trời
Hay còn lo tính sự đời chi đây

* * *

Thấy phỗng đá lạ lùng muốn hỏi
Cớ làm sao len lỏi đến chi đây
Hay là vui hoa cỏ nước non này

Chí cũng rắp dang tay vào hội Lạc [178]
Thanh sơn tự tiếu đầu tương hạc
Thương hải thùy tri ngã diệc âu [179]
Thôi xin đừng chấp chuyện đâu đâu
Túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác
Duyên kỳ ngộ là duyên tuổi tác
Chén chú chén anh chén tôi chén bác
Cuộc tỉnh say say tỉnh một vài câu
Nên chăng đá cũng gật đầu

Giả cách điếc

Bởn ông DƯƠNG KHUÊ

Trong thiên hạ có anh giả điếc
Khéo ngơ ngơ ngác ngác ngỡ là ngây
Chẳng ai ngờ sáng tai họ điếc tai cầy
Lối điếc ấy sau này em muốn học
Tọa trung đàm tiếu nhân như mộc
Dạ bán phan viên nhĩ tự hầu [180]

Khi vườn sau khi sân trước khi điếu thuốc khi miếng trầu khi trà chuyên năm ba chén khi kiều lẩy một đôi câu

Sáng một lúc lâu lâu rồi lại điếc
Điếc như thế ai không muốn điếc
Lối điếc anh dễ bắt chước ru mà
Hỏi anh anh cứ ậm à

Mẹ Mốc

So danh giá ai bằng mẹ Mốc
Ngoài hình hài gấm vóc chẳng thêm ra
Tấm hồng nhan đem bôi lấm xóa nhòa

Làm thế để cho qua mắt tục
Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc
Tâm trung thường thủ tự kiên kim [181]
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm
Giữ son sắt êm đềm một tiết
Sạch như nước trắng như ngà trong như tuyết
Mảnh gương trinh vằng vặc quyết không nhơ
Đắp tai ngảnh mặt làm lơ
Rằng khôn cũng kệ rằng khờ cũng thây
Khôn em dễ bán dại này

Chơi Tây hồ

Thuyền lan nhè nhẹ
Một con chèo đủng đỉnh dạo hồ Tây
Sóng rập rờn sắc nước lẩn chiều mây
Bát ngát nhẽ ghẹo người du lãm
Yên thủy mang mang vô hạn cảm
Ngư long tịch tịch thục đồng tâm [182]
Rượu lưng bầu mong mỏi bạn tri âm
Xuân vắng vẻ biết cùng ai ngâm họa
Gió hây hẩy nức mùi hương sạ
Nhác trông lên vách phấn đã đôi bài
Thơ ai xin họa một vài

Túy ông

Túy ông ý chẳng say vì rượu
Say vì đâu nước biếc với non xanh
Nước thăm thẳm núi quanh quanh
Tôi với bác chừng đầu cùng thích thế
Đời trước thánh hiền đều vắng vẻ

Có một người say rượu tiếng còn hay
Cho nên say say hết cả ngày
Say mà chẳng biết rằng say ngã đùng
Chu Bá Nhân chưng thuở sang sông
Chỉ tỉnh được ba ngày không phải ít
Gào gào thế cười chi cho mệt
Ai buồn nghe giọng hát làm say
Xin người hãy cạn chén này

Vườn Bùi

Vườn Bùi chốn cũ
Năm mươi năm lẩn thẩn lại về đây
Trông ngoài sân đua nở mấy chồi cây
Thú khâu hác [183] lâm toàn âu cũng thế
Bành Trạch cầm xoang ngâm trước ghế
Ôn Công rượu nhạt chuốc chiều xuân
Ngọn gió đông ngảnh lại lệ đầm khăn
Tính thương hải tang điền qua mấy lớp
Người chớ giận Lỗ hầu chẳng gặp
Như lơ phơ tóc trắng lại làm chi
Muốn về sao chẳng về đi

Đùa chế ông đồ Cự Lộc

Văn hay chữ tốt ra tuồng
Văn dai chữ chão chữ vuông như hòm
Vẻ thày như vẻ con tôm
Vẻ tay ngoáy cám vẻ mồm húp tương

Vẻ lịch sự ai bằng thày Cự Lộc
Vẻ cô đầu nói mộc một vài câu

Anh chẳng sang mà cũng chẳng giàu
Hào bao ních dận bâu quanh chiếu
Khăn nhuộm lờ lờ mùi nước điếu
Nóp chóp sơn không méo cũng không tròn
Quần vải thô ngại giặt ngả màu son
Giày cóc gặm nhặt dây đờn khâu lấy
Phong lưu ấy mà tình tính ấy
Đến cô đầu vẫn thấy lả lơi bông
Xinh thay diện mạo anh hùng

Đĩ cầu Nôm

Thiên hạ bao giờ cho hết đĩ
Trời sinh ra cũng để mà chơi
Dễ mấy khi làm đĩ gặp thời
Chơi thủng trống long dùi âu mới thích
Đĩ bao tử càng chơi càng lịch
Tha hồ cho khúc khích chị cười em
Người ba đấng của ba loài
Nếu những như ai thì đĩ mốc
Đĩ mà có tàn có tán có hương án bàn độc
Khá khen thay làm đĩ có tông
Khắp giang hồ chẳng chốn nào không
Suốt nam bắc tây đông đều biết tiếng
Đĩ mười phương chơi cho đủ chín
Còn một phương để nhịn lấy chồng
Chém cha cái kiếp đào hồng
Bạn với kẻ anh hùng cho đứng số
Vợ bợm chồng quan danh phận đó
Mai sau này giỗ có văn nôm
Cha đời con đĩ cầu Nôm

NGUYỄN KHẮC HIẾU
Tản Đà

Đời đáng chán

Người đời thử ngẫm mà hay
Trăm năm là ngắn một ngày dài ghê
Còn ai ai tỉnh ai mê
Những ai thiên cổ đi về những đâu

Đời đáng chán hay không đáng chán
Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm
Giá khuynh thành nhất tiếu thiên câm [184]
Mắt xanh trắng đổi nhầm bao khách tục
Thiên địa lô trung thục hữu tình [185]
Đón đưa ai gió lá chim cành
Kiếp nhân thế phù sinh là thế thế
Khách phù thế chửa dứt câu phù thế
Người phong lưu càng đượm vẻ phong lưu
Bức khăn hồng nâng đỡ hạt châu
Chuyện kim cổ một vài câu phải trái
Châu Nam Hải [186] thuyền chìm sông Thúy Ái [187]
Sóng Tiền Đường [188] cỏ áy bến Ô Giang [189]
Ngẫm nghìn xưa ai tài hoa ai tiết liệt ai đài trang
Cùng một kiếp mơ màng trong vũ trụ
Đời đáng chán biết thôi là đủ
Sự chán đời xin nhủ tri âm
Nên chăng nghĩ lại kẻo nhầm

Lục xuất Kỳ Sơn

Ngồi buồn nhớ chuyện người xưa
Nhớ ông Gia Cát bây giờ nơi nao
Sáu phen bắc phạt họ Tào
Kỳ Sơn chí khí anh hào nghìn thu

Lục xuất Kỳ Sơn Gia Cát Lượng [190]
Tấm trung trinh treo sáng cõi nhân hoàn
Biểu xuất sư hòa lệ chứa chan
Bao xiết nghĩ giang san cùng ấu chủ
Thành bại hưng vong nguyên hữu số
Tranh hùng cát cứ khả do nhân [191]
Cuộc trần ai còn có sức kinh luân
Sao đã chịu tam phân hình đỉnh túc [192]
Anh hùng tự cổ nan tri túc [193]
Kể làm chi vinh nhục nghĩa hư vô
Diệt Tào rồi sẽ thôn Ngô

Gặp xuân

Gặp xuân ta giữ xuân chơi
Câu thơ chén rượu là nơi đi về
Hết xuân cạn chén xuân về
Nghìn thu nét mực thơ đề vẫn xuân

Xuân ơi xuân hỡi
Vắng xuân lâu ta đợi chờ mong
Trải bao nhiêu ngày tháng hạ thu đông
Ròng rã nỗi nhớ nhung xuân có biết
Khứ tuế xuân qui sầu cửu biệt
Kim niên xuân đáo khánh tương phùng [194]

Gặp ta nay xuân chớ lạ lùng
Tóc có khác nhưng lòng chẳng khác
Kể từ thuở biết xuân bốn mươi chín năm về trước
Vẫn rượu thơ non nước thú làm vui
Đến xuân này ta tuổi đã năm mươi
Tính trăm tuổi đời người ta mới nửa
Rồi sau lại bao nhiêu xuân nữa
Mặc trời cho ta chửa hỏi chi
Sẵn rượu đào xuân uống với ta đi
Chỗ quen biết kể gì ai chủ khách
Thiên cổ vị văn song Lý Bạch

Giang hà nhật hạ nhân giai trọc

Nhất niên hà đắc lưỡng Đông quân [195]
Dẫu trăm năm gặp gỡ đủ trăm lần
Thơ với rượu cùng xuân ta vẫn thế
Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế
Xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm
Gặp nhau nay hãy uống thêm

KHUYẾT DANH

Chúc thọ

Sang Đông hải vin cành nhược mộc
Về Nam minh bẻ ngọn phù tang
Lần lên mây hỏi chú thương thương [196]
Dưới trần thế được mấy trăm ông Bành tổ [197]
Ta muốn chúc Ngô hoàng vạn thọ

Song cách bảy mươi ba lần khói biếc thẳm xa
Chim đại bằng bay thẳng lại nhà
Nhắn thanh điểu hỏi chàng Đông Phương Sóc [198]
Cây bàn đào bây giờ mới mọc
Biết bao giờ ba vạn sáu nghìn tầm
Ngô hoàng chừng bấy nhiêu năm

Nhớ quê

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản [199]
Nhác trông lên thăm thẳm mấy tầng lâu
Người đời xưa văng vẳng biết về đâu
Tấm mây bạc xa xa còn ở đó
Tình xuyên lịch lịch Hán dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu [200]
Ngọc khói tan mặt nước tỏa mù mù
Lớp sóng vật chân đèo xô cộn cộn
Khi gió thổi lúc ánh hồng gần rụng xuống
Niềm hương quan tỉnh lại lúc hồn mê
Chạnh lòng nhớ cảnh thôn quê

Mỗi người mỗi thú

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy
Người một ngày thời trời đất cũng một ngày
Đã nam nhi ai chẳng râu mày
Tiêu khiển mỗi người riêng một thú
Nhân khất tế dư kiêu thiếp phụ
Sĩ cam phần tử bất công hầu [201]
Cuộc nghìn thu ai dễ biết ai đâu
Rấp cây cỏ dẫu hiền ngu thì cũng vậy
Ngoảnh mặt lại tang bồng là thế ấy

Cũng chơi nhoàng phiếm trúc với dây đàn
Trần gian phó mặc trần gian

Chinh phụ

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hối giao phu tế mịch phong hầu [202]
Trống tràng thành giục giã vó long câu
Người trong trướng kẻ chân rừng thêm thắc mắc
Một chén quan hà lên phố bắc
Ba trùng sương tuyết chỉ non cao
Xếp bút nghiên ra mặt lược thao
Đạp gai góc phá tan miền yên vụ [203]
Giận thân thiếp chửa nên chinh phụ
Vì tình nên ngơ ngẩn ngẩn ngơ
Quản bao tháng đợi năm chờ
Tính ngày tháng những mong tin báo tiệp
Tung kim chỉ hẹn ngày xưa không cải nghiệp
Xếp kiếm cung theo việc Lý Châu nương
Cờ con trống nhỏ theo chàng

Trời chẳng chiều người

Tạo vật sinh nhân tình phú dữ
Kìa tu mi son phấn đã an bài
Uẩy kia ai khéo giở trò cười
Đem phong nhã lộn vào trong Trịnh nhạc [204]
Hồng nhan hữu phận ninh hiềm bạc
Bạch diện đa tình hảo tá xuân [205]
Dưới trăng thanh thấp thoáng bóng nghê thường
Hồn tài tử cũng xiêu đường cảnh vật
Nực cười nhẽ hiu hiu gió hắt

Nợ phấn son mà hàn mặc cũng long hơi
Trời sao trời chẳng chiều người

Tặng đào nương

Nực cười nhẽ khách chung thị khách
Nghĩa tương phùng đồng bệnh phải tương liên
Người buồn về phận người giận về duyên
Tài sắc thế mà sao duyên phận thế
Kìa son phấn cũng là tuồng gái
Gánh giang sơn thôi rày bắc lại mai đông
Này tu mi thân đã nên thân
Nợ lều chiếu buổi sương thu cùng nắng hạ
Ngã vị thành danh nương vị giá
Toán lại quân thị bất như nhân [206]
Người phong lưu mà vướng bước phong trần
Thôi nỗi đấy tình đây khôn xiết kể
Này tặng biệt mấy lời ghi để
Nợ bút nghiên ta quyết trả phen này
Chén đưa nhớ bữa hôm nay

Chơi xuân kẻo già

...
Nhật trầm tây linh thủy đông lưu
Hoa khai xuân hề diệp lạc thu [207]
Lần lữa mãi cũng bạc đầu tráng sĩ
Thất thập chu nhan năng hữu kỷ
Lão thành hối bất cập như nhân [208]
Nợ thỉ cung dan díu với giang sơn
Thi tửu vẽ vời cho tuyết nguyệt
Nữa một mai về làng tuổi tác

Cuộc cầm thi phó trả mặc dương thì
Chơi xuân kẻo hết xuân đi!

Anh hùng vô tận

Kỳ phục dã anh hùng vô tận
Hội phong vân ngư thủy duyên hài
Lúc trần ai ai đã biết ai
Thời dĩ chí nhân giai vật sắc [209]
Cùng đạt nhất thiên sinh dĩ định
Lý vô tràng phú bất tràng bần [210]
Ngao ngán thay Y Lã thị hà nhân
Thời vị ngộ cũng canh Sằn điếu V [211]
Trong thiên hạ có đôi đường xuất xử
Miễn sao cho tùy nghĩa khuất thân
Anh hùng trí chúa trạch dân

Thế sự

Thế sự đa như mộng
Chuyện trăm năm tỉnh giấc nhẫn buồn cười
Gương nhục vinh thiên cổ vẫn còn soi
Đường ngu trí phải tùy cổ xuất xử
Tràng tiếu Lý Tư xưng hỗn thử
Mỗi đa Trang tẩu dụ hi ngưu [212]
Ngắm tóc xanh tới lúc bạc đầu
Xem hay dở cũng một tràng ối lỗi
Thiên địa cơ giam nhân mạc hội
Cô tương tình tính ngụ cầm ca [213]
Chẳng ăn chơi thấm thoát trở về già
Dẫu vũ trụ lâu dài là ảo cả
May gặp lúc ngoài vòng cương tỏa

Chơi cho ran tiếng trúc với đây đàn
Ai ơi chớ vội mơ màng

Trung thu

Tích niên trung thu nguyệt
Kim niên trung thu nhân [214]
Khắp đâu đâu cũng một lương thần
Cảnh non nước trông càng thấy rộng
Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng
Bất tri thu tứ tại thùy gia [215]
Trên thanh giang tranh vẽ một chòm nhà
Dưới tiên lãnh gương in vài chiếc lá
Đã biết thú thời chơi cho thỏa
Mỗi một năm một tháng một đêm thu
Uổng làm sao có chè có rượu có đèn cù
Ở đã đến Trung thu rứa hử
Chiều lịch sự khéo giục người quân tử
Khách phong tình vui mấy mặt tri âm
Người này trăng ấy năm năm

Nhân sinh thích chí

Nhân sinh quý thích chí
Tu phú quý hà vi [216]
Nhi cầm nhi kỳ nhi tửu nhi thi
Thú vui thú an bần thoát tục
An phận thân vô nhục
Tri cơ tâm tự nhàn [217]
Mảng vui chơi nhịp phách cung đàn
Trúc tơ nổi tiếng khoan chen tiếng nhặt
Khóm lý đào đông chật

Chồi lan huệ xanh tươi
Quanh năm ngày tháng thảnh thơi

Thúy Kiều

Cơ trời dâu bể
Khách hồng nhan xiết kể nỗi gian truân
Mang tấm son đeo đuổi khách hồng quân
Lời vàng đá dám lỗi cùng non nước
Ngọc diện khởi ưng mai thủy quốc
Băng tâm tự khả đối Kim lang [218]
Mười lăm năn thương xót kẻ đôi phương
Ruột tằm bực đã đành nơi chín suối
Duyên tái ngộ bởi trời đâu đem lại
Lửa ba thu một mối rõ ràng
Mới hay con tạo khôn lường

Anh hùng thuyền quyên

Trai anh hùng ở cho đáng giá
Dốc một lòng vàng đá đinh ninh
Bất đam hồ nhẫm tịch chi tư tình
Bất nịch hồ phòng vi chi thiên ái [219]
Gái thuyền quyên ở cho có ngãi
Dốc một lòng sửa túi nâng khăn
Bất đố kỵ bất kiêu căng
Cho vẹn chữ tòng phu xuất giá
Trai anh hùng khôn ngoan vì vợ
Có chữ rằng như sắt như cầm
Khăng khăng kết dải đồng tâm

Phong cảnh lâm tuyền

Lâm tuyền một cõi
Hoa cỏ bốn mùa
Cúi nhìn xem cảnh vật gồm thu
Nọ đủ giang sơn tám bức
Viễn quan sơn hữu sắc
Cận thính thủy vô thanh [220]
Càng nhìn sơn thủy hữu tình
Xui lòng kẻ tha hương cố quốc
Đầu non nọ người đi hái thuốc
Cật lom khom men móc sườn non
Lắng tai nghe vượn ru con

Nguyễn triều nhất thống

Long thành ngũ thái [221]
Gươm báu thiêng chống tại đất Hoành sơn
Chỉ sông sông cạn chỉ núi núi tan
Nay mừng được thánh quân lên trị
Nhất thống sơn hà thiên vạn lý
Phục hồi cố quốc ức dư niên [222]
Thuận hồ nhân nhi ứng hồ thiên
Thiên địa ứng nhân tâm chi sở tại [223]
Ra tay góp giang sơn một dải
Đem kinh đô về đất Phú Xuân
Hoành sơn vạn đại dung thân [224]

Nga sơn tiều ẩn

Chốn nga sơn tiều phu ngụ đấy
Thường thường ra hoán tửu dịch tân

Chốn thanh nhàn vui thú dưỡng thân
So phong nguyệt vốn hằng lưu loát
Khi ngả nón nằm ngơi bóng mát
Bàn bạc chơi cổ vãng kim lai
Lúc khoanh chân ngắm thức mây trôi
Nghêu ngao chốn lâm toàn thong thả
Nhiệm tha triều thị nhiệm tha xa mã
Tri tràn bất đáo thử giang san [225]
Thiên mịch mịch thủy sàn sàn
Sĩ hữu chí nhiệm kỳ sở thích [226]
Vui thay nhẽ thú miền toàn thạch
Sẵn nước khe chè núi củi rừng
Tính hay quạt gió đèn trăng

Trung thu vọng nguyệt

Trung thu vân tĩnh xuất thương hải
Bán dạ lộ hàn đương bích thiên [227]
Vẻ thanh soi biết mấy dặm nghìn
Đâu là chẳng xem vầng nương bóng
Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng
Bất tri thu tứ tại thùy gia [228]
Sẵn giang sơn hứng thích mặc lân la
Xin chớ để trăng thanh cười khách tục
Tửu nhất hồ cầm nhất trương ca nhất khúc [229]
Hứng nam lâu nào có thua ai
Biết trăng hãy hỏi trăng chơi

Đêm thu hội yến

Hốt nhiên kim tịch hội
Hoàn hữu cố nhân đồng [230]

Quyến trăng thanh với chén rượu nồng
Đêm một khắc dẫu nghìn vàng chửa xứng
Hiệu ca bất tận tôn tiền hứng
Cánh dục lăng tiêu thượng Quảng hàn [231]
Lắng tai nghe bậc hát với cung đàn
Phỏng tiếc khúc Nghê thường nào đấy
Trong nguyệt điện những ai lên ấy
Khách Tiên nga yêu mặt thiếu niên chăng
Hỏi cho giáp mặt chị Hằng

Uống rượu trông trăng

Ai lên ta hỏi chị trăng
Bao nhiêu cành quế mấy tầng thang mây
Nghê thường khúc ấy xưa nay
Phong lưu đọ với dưới này hơn chăng
Khách tử tự lai vô ước thúc

Chủ nhân huống phục thái phong lưu [232]
Một chén thay con ngựa mảnh cừu
Góp trời đất vào trong lòng lạo đảo
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
Dữ ngã đồng tiêu vạn cổ sầu [233]
Cảnh mua chung cả một trời thâu
Tiếc bán khó để riêng người hứng thích
Cùng đất lạ biết ai là chủ khách
Lấy trăng thanh gió mát làm quen
Một bầu phong nguyệt vô biên

Một ngày là nghĩa

Ngao ngán nhẽ kẻ về người ở
Sao kẻ về người ở đôi nơi

Chuốc chén quỳnh say tỉnh đầy vơi
Ròng giọt lệ bồi hồi bát ngát
Nào những lúc tiếng đàn chen tiếng hát
Nào những khi tiếng phách lẫn tiếng sênh
Bấy lâu nay dan díu biết bao tình
Mà con tạo lọc lừa chi lắm nhé
Chẳng trăm năm cũng một ngày là nghĩa
Lúc phân kỳ ai nấy ngẩn ngơ
Để ai luống những đợi chờ

Tài tình

Yêu những kẻ văn nhân tài tử
Trót đa mang về một chữ tình
Nghĩ nguồn cơn thẹn với trời xanh
Tưởng nông nỗi giận cùng trăng bạc
Tương thức nhất thanh song lệ lạc
Khả liên bán điểm thấp chu huyền [234]
Trách vì phận lại giận vì duyên
Duyên phận cũng vì tình nên nông nỗi
Dầu dạ sắt gan vàng cũng rối
Vẩn ruột tằm bối rối càng đau
Tương tư ai để cho nhau

Xa cũng như gần

Trong bốn bể ai là không tri kỷ
Nghĩa tương phùng tương đắc hóa tương thân
Trót yêu nhau xa cũng nên gần
Mới phải đáng văn nhân tài tử
Thiên lý tao phùng bình thủy nghĩa
Nhất triêu khiển quyển tất giao tình [235]

Người phong lưu mà gặp khách thị thành
Bao xiết kể tâm tình cho hết
Năm ba chén chè liên tống biệt
Một vài chung rượu cúc giải phiền
Mới hay thanh khí cho nên

Nhân sinh đắc ý

Nhân sinh đắc ý tu hành lạc [236]
Nào thơ nào rượu nào trà nào con hát nào tổ tôm
Đường tơ ai hãy gẩy khúc cao sơn
Thôi cũng mặc càn khôn tràn quý tị
Bất tác phong ba ư thế thượng
Tự vô băng thán đáo hung trung [237]
Buổi phong vân chi vội tao phùng
Cơn đắc táng hội cùng thông là thế thế
Rồi ra nữa của đời người thế
Mang công danh mà ỷ thị với giang san
Chơi cho rõ mặt ngang tàng

Của đời người thế

Phù sinh nhược mộng [238]
Cuộc bi hoan thôi cũng giấc chiêm bao
Tính đốt tay ngày tháng có là bao
Trong liếc mắt bóng câu đà xốc xáo
Tiền trừ niên thiếu hậu trừ lão
Duy hữu trung gian tam thập niên [239]
Đàn một cung cờ một cuộc rượu một bầu thơ một thiên
Dìu dắt được bao nhiêu là lãi đó
Kho vô tận đầy lại vơi không lại có
Của trời chung trời lại lấy đi
Xuôi tay nào giữ được gì

Có không không có

Có không không có
Có rằng không không có cũng ừ
Đố ai hay trời đất tự bao giờ
Thời mới biết non sông là mấy tuổi
Hồn hồn nhất đại khối
Diểu diểu như nghĩ quần [240]
Lọt lòng ra ai cũng có quân thân
Nợ mang lấy lẽ lần khân chẳng trả
Cuộc kim cổ bày thôi lại xóa
Cái tu mi dù dại cũng là khôn
Xú phương cũng một tiếng đồn

Tiễn biệt

Đào trên mây hạnh trên trời
Nghĩ chi cho não lòng người như tương
Nhất ngữ mã tiền tương tặng biệt
Cầm thi tương tống cánh tương tư [241]
Ngại ngùng thay những lúc phân kỳ
Khách lên ngựa kẻ buông cầm ngao ngán
Thương nhẽ lúc tơ tình bát ngát
Tâm sự này len lét bóng thu ba
Khi tiếng cầm tiếng điểm lân la
Niềm ân ái vẫn ghi lòng vàng đá
Tình cảnh ấy dễ đâu khuây khỏa
Tiệc quan hoài tỉnh tỉnh say say
Chén đưa nhớ bữa hôm nay

Cảnh nhàn

Nhật trường tự tuế nhàn phương giác
Sự đại như thiên túy diệc hưu [242]
Cõi trần gian rất mực phong lưu
Thứ nhất thú tùng tâm sở dục
Khi đàn thất huyền cầm khi ca tứ thời khúc
Khi trà kim cúc khi rượu bạch liên
Cái vinh không tố định tự thiên
Ai trần tục nào ai tiên cách
Đường sĩ hoạn cũng là trong thanh bạch
Cũng chẳng qua giấy rách giữ lề
Thoảng ngoài mặc tiếng khen chê

Cảnh phong lưu

Thu thủy tràng thiên nhất sắc [243]
Vẻ phong lưu rất mực phong lưu
Trăng trăng bạc gió gió vàng
Giục lòng khách tha hương tình khiển hứng
Chén rượu hoàng hoa cơn chuếnh choáng
Câu thơ bạch tuyết lúc ngâm nga
Bạn cùng người tuyết nguyệt phong hoa
Lấy thi tửu cầm ca làm thích chí
Cơn lưu lạc mới trải mùi thế vị
Lúc phồn hoa càng lắm vẻ xuân tình
Tỉnh ra rồi mới giật mình

Tơ tình quấn quít

Trong ca quán phong tình ai đó tá
Hỏi tình kia ai đúc chuốt cho nên

Bận vì tình hay bận vì duyên
Tình duyên ấy bởi đâu dan díu
Thiên ký sinh nhân tình tiện hữu
Tình trường tình đoản hựu tình chung [244]
Mối tơ tình quấn quít biết bao xong
Nỡ để khách anh hùng thêm thắc mắc
Mượn bút vẽ thư tình một bức
Mảnh gương tình muôn kiếp soi chung
Nợ tình biết trả bao xong

Tơ tình ai gỡ

Duyên hội ngộ bấy nhiêu năm trước
Thợ trời toan thu xếp thế nào đây
Khách trâm anh từng nhẹ bước thang mây
Người phong các đã hồ tròn bóng nguyệt
Mặt nhìn mặt biết chăng chẳng biết
Tình gặp tình xuân lại thêm xuân
Khi trà liên khi rượu cúc khi gió gác khi trăng sân
Nỗi sầu muộn biết cùng ai san sẻ
Chữ chung tình xưa nay là thế thế
Mối tơ tình ai gỡ cho ra
Yêu hoa nên phải tìm hoa

Hoa nguyệt

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đối diện bất tương phùng [245]
Cái nguyệt hoa là cái não nùng
Người hoa nguyệt là người phong nhã
Nọ thuở trước buồm ngư một lá
Động Đào nguyên vui thú vị ra vào

Cũng có khi Vương mẫu hiến bàn đào
Đỉnh Vu giáp triêu vân mộ vũ [246]
Thiên thượng nhân gian tằng tự thú
Nga mi thổ phách diệc đồng cư [247]
Chẳng phong tình ngày tháng cũng là dư
Nguyên phú dữ tự kiển khôn mới hé
Ướm hỏi tố thư ai khéo vẽ
Truyện Bích Câu kỳ ngộ thực khôn ngoan
Mới hay con tạo đa đoan

Nhớ người viễn khách

Người viễn khách xa xôi biên tỉnh
Vắng tri âm trong dạ phàn nàn
Vẩn vơ thay giấc bướm mơ màng
Non nước để xa khơi dường phảng phất
Tương thân tương ái tri hà nhật
Đa tử đa tình tổn thiếu niên [248]
Khi sương sa thì gió hắt lúc trăng xuyên
Mối tình ấy biết cùng ai san sẻ
Sầu là thế mà tình duyên là thế thế
Nợ chung tình biết trả bao xong
Đời người lắm lúc long đong

Nhớ chinh phu

Trước lầu thú phụ mưa hoàng diệp
Đầu ngựa hành nhân gió tịch dương
Khách thiếu niên vò võ đôi phương
Trướng gấm sẽ động lòng nơi ải tuyết
Vọng trường an phiến nguyệt
... Tắc châm viễn tái chi hàn y

Kiến phế mạch thùy dương
... Tức động thu lâu chi hà tưởng [249]
Ngày lần lữa thoi đưa bóng thoáng
Khúc tương tư ai đặt nên lời
Vừng trăng ai xẻ làm đôi

Cáo quan về nhà

Tiết Phùng hưu ca lão khứ dã
Đào Tiềm dĩ phú quy lai hề [250]
Chỉ vân sơn nhận lấy đường về
Đừng đeo đuổi phong trần chi mãi mãi
Trời đất nể nang người khí khái
Nước non bênh vị mặt tài tình
Đạo Trích lợi Bá Di danh
Thủ lĩnh Đông lăng ai phải chẳng
Thử nhắc đồng cân xem nhẹ nặng
Chén bây giờ còn e tiếng mai sau
Dẫu người đá cũng gật đầu

Trung thu nguyệt

Nhất thiên lý sắc trung thu nguyệt
Đới kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu [251]
Thơ lưng túi rượu lưng bầu
Tiếng ti trúc nhặt khoan doành nước biếc
Hồng phấn ca thanh phiên bạch tuyết
Điêu kình lạp ảnh túy thanh niên [252]
Gió trăng chở nặng một con thuyền
Kho vô tận mặc dầu ai thích hứng
Phong lưu ấy nghìn cân chưa xứng
Nhắc trông ra trời đã rạng đông
Vừng trăng đằng đẵng trên không

Khai thắng tịch

Thiên lý huyền ca khai thắng tịch [253]
Rủ rê cùng hai ả tới đây chơi
Bỗng tiếng đâu tích lịch lưng trời
Lui gót ngọc bẽ bàng khôn kể xiết
Thanh điệu hữu thời linh bạch tuyết
Phù danh tất cánh ngộ hồng nhan [254]
Đương trăng thâu ném sáo quăng đàn
Trách ông nguyệt ghẹo trêu chi lắm tá
Gẫm lại phấn chưa phai hoa chưa rã
Ví đem vào kim ốc há nhường ai
Từ lâu lỡ một lầm hai

Thu hứng

Thanh phong minh nguyệt
Tô Đông Pha Xích Bích chi du
Tích phùng thu kim hựu phùng thu
Thiên cổ hào tình nhân vị lão
Ngô đồng nguyệt hướng hoài trung chiếu
Dương liễu phong lai diện thượng xuy
Vấn nam lâu kim dạ hà kỳ
Giang sơn chỉ kiến thiên biên nhạn
Ngọc địch nhất thanh hàn đăng nhất trản
Hoài giai nhân hề bất năng vương
Thu phong lan tú cúc phương

Bài dịch

Trăng trong gió mát
Tô Đông Pha Xích Bích ngao du
Xưa gặp thu nay lại gặp thu

Thiên cổ hào tình người vẫn trẻ
Ngô đồng trong bụng vừa trăng hé
Dương liễu trên đầu đợt gió lay
Hỏi nam lâu nào nhỉ đêm nay
Non sông chỉ thấy bầy nhạn nhỏ
Ngọc địch một hơi hàn đăng một tỏ
Nhớ giai nhân hề có đâu quên
Gió thu lan đẹp cúc thơm

Quyết khoa

Vị đạt thả đương hành tố vị
Ẩn ưu thiên lý ngọc vu thành [255]
Bằng chửa bay dù yến tiếu hồng khinh
An nghĩa mệnh chớ nảy lòng vu oán
Nương nương vật hận công danh vãn
Lưu đáo lai khoa dã vị trì [256]
Ngẫm anh hùng lỡ bước xưa kia
Lương Hiệu với Trần Tu là mấy kẻ
Mắt hãy sáng tay hãy mềm chân hãy khỏe
Hội quyết khoa âu cũng có ngày
Tuồng chi hờn gió giận mây

Trăng thu

Xinh thay tiết thu thiên quanh cảnh
Khi lạc hà giãi bóng tà dương
Một con thuyền dạy hát bên giang
Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc [257]
Vầng ngọc thỏ in sông vằng vặc
Giữa giang tâm bóng lộn mấy tầng
Trên một trăng dưới một trăng

Xui lòng kẻ hữu tình ngao ngán
Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn
Bán trầm thủy để bán thiên thai [258]
Vầng trăng ai xẻ làm hai
Nửa in dưới nước nửa cài trên không
Nước mây thăm thẳm một dòng

Lư giang

Xinh thay mấy Lư giang phong nguyệt
Nước trong xanh lẫn với sắc trời xanh
Sóng nhấp nhô toan nhảy lên ghềnh
Bóng cổ thụ rung rinh muốn lội
Chiếc ngư ông ra vào len lỏi
Buông chài hoa tựa lái bên sông
Vạch ngàn lau tìm lối thong dong
Nương gậy trúc lên đường đủng đỉnh
Trong lữ quán lâm râm đèn hạnh
Ngoài phế đê lấp lánh gương thu
Xinh thay cảnh vật sông Lư

Tình là dại

Cái tình là cái dại
Nợ phong lưu rước lấy mà chơi
Nực cười thay chẳng gốc đẻ ra lời
Đố ai rũ làm sao cho trắng khỏi
Đám tẻ vui quanh trò múa rối
Cuộc tỉnh say lẩn giấc chiêm bao
Thôi đoái thương phỏng nhớ lại vơ sầu
Lẩn thẩn hẹn hò trăng van vỉ gió
Ấy mới biết tình si là nợ đó

Uẩy thợ trời còn vẽ ra chi
Thà ngu thà ngốc thà si

Thề non nước

Nhân sinh dương thế
Chiếc thoi đưa ba vạn sáu nghìn ngày
Nợ phong tình kẻ trả người vay
Đường thiên lý thấy hoa rơi ai chẳng nhặt
Nghĩ thế sự lắm đường bứt rứt
Dắt díu nhau vào nợ sắc chi
Kiếp hồng nhan đã quá nửa thì
Mà tạo hóa khéo ghét ghen chi mãi mãi
Ngán thay chữ thanh xuân bất tái
Muốn bắc thang lên hỏi chín tầng mây
Rằng duyên rằng nợ chi đây
Nợ chưa trả duyên kia sao đã buộc
Phen này quyết chí thề non nước
Thử xem con tạo đặt nơi nao
Nào ai quân tử hảo cầu

Thiên thại

Lạ lùng thay cảnh Thiên thai
Bồng lai khi cũng thế này mà thôi

Xinh thay Nhẽ Thiên thai cảnh lạ
Dưới trần ai một áng non Bồng
Đầu non mây tỏa ngất trên không
Cửa động gà kêu vang bóng nguyệt
Bích sa động lý càn khôn biệt
Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường [259]

Nước lao xao điểm đót khúc sinh hoàng [260]
Mây lác đác mỉa mai con điểu thước
Hoa hớn hở nhị hồng chen nhị biếc
Lũ hai bên kẻ tới người lui
Lạ lùng thay cảnh Thiên thai

Thi hỏng

Vũ môn tam cấp lãng [261]
Cá giương vây tôm tép cũng đòi theo
Trải mấy phen cấp chiếu ôm lều
Treo tính tự tôn sơn ngoài lá biển
Ư kim thiếp diện tu quân diện
Quân dục lai thời đãi dạ lai [262]
Đã hay rằng học phận thi tài
Nợ đèn sách năm năm thêm xếp nặng
Lúc tiễn biệt mấy lời tương tặng
Chắc bà Nghè bà Cống cũng một hai
Bây giờ nhường để cho ai

Tuổi qua thì

Chẳng tuyết sắc cũng rây phương phấn đại
Không cô miên sao tỏ mặt hồng nhan
Trách đông quân sao nỡ phụ huê tàn
Ngắm xuân những khiến người ngao ngán cảnh
Bạch hát thử hồi tu đối kính
Chu nhan kỷ độ oán ly cầm [263]
Duyên trăm năm khôn trẻ lại trăm năm
Tình một độ luống già thêm một độ
Thôi thời vận cũng đành cho đáng số
Khép gió trăng cho mát cửa phòng thu
Chẳng tu thời cũng như tu

Mượn rượu làm vui

Nhân sinh thích chí
Chẳng gì hơn mượn rượu làm vui
Việc bằng trời khi say đoạn cũng thôi
Một trận phá thành sầu khối não
Tửu trái tầm thường tùy xứ hữu
Nhân sinh thất thập cổ lai hy [264]
Danh mà chi lợi mà chi
Mượn ba chén dập dìu trăng gió
Nghìn vàng dẫu hết rồi lại có
Chén còn không thời ngựa áo để chi
Bên tai gác tiếng thị phi
Màn trời chiếu đất dầu khi ngang tàng
Mơ màng trong cõi túy hương

Non xanh nước biếc

Thao giang vân nhiễm bích
Tản lĩnh thụ toàn thanh [265]
Hay thay Tạo vật khéo đa tình
Góp cảnh trí rước người du ngoạn
Thanh bình lại gặp khi hoa đán
Lúc công dư mặc kẻ thâu nhàn
Ba chén rượu một cung đàn
Vui với cảnh qua ngày lếu láo
Giang sơn thắng khái cung thi tửu
Hoa điểu nhàn tình tạp bạ thư [266]
Đường công danh ghĩ lại mà dư
Mượn trăng gió quyết tan niềm tục lụy
Cũng có thuở trả xong nợ thế
Mảnh vũ y cười cợt với yên hà
Xinh thay non nước chưa già

Đông hết sang xuân

Thảnh thơi thuở đông rồi xuân chiếm
Ngấn hàn băng từng phiến tan không
Cỏ hoa đua muôn tía nghìn hồng
Trên tiệc mở câu thơ chén rượu
Triều đình hữu đạo thanh xuân hảo
Môn quán vô tư bạch nhật nhàn [267]
Dẫu là dân hay dẫu là quan
Ai ai chẳng tế suy hành lạc
Ngày chín chục trăng đưa bóng ác
Cái hoàng oanh ríu rít trên cành
Dần dà dương liễu xanh xanh

Động Đào Nguyên

Non nhân nước trí
Động Đào Nguyên khác phẩm nhân cư
Phong cảnh xem thái cổ nhân cư
Riêng một thú cỏ hoa như vẽ
Thảo mộc tự sinh vô thuế địa
Tử tôn tràng độc vị thiêu thư [268]
Đóa hồng vân thấp thoáng bóng tỉnh lư
Vừng nhật sáng soi miền động khẩu
Non nước ấy đâu là chẳng thú
Trải giang hồ một lái thuyền ngư
Vui chơi tùy thích người ưa

Mối tơ tình

Vắt tay nằm nghĩ canh dài
Phong lưu dễ được mấy người xưa nay

Gió trăng kho tạo sẵn đầy
Những vui cảnh lạ mới khuây lòng phiền
Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Khéo xui nên bèo nước tình cờ
Trải từng phen tiếng hát câu thơ
Lòng chẳng mảng những là lòng đeo đuổi
Tương phùng sạ kiến tình tương ái
Nhất khúc tương tư dạ ngũ canh [269]
Bỗng dưng đâu vương lấy tơ tình
Trách con tạo trêu chi lắm thế
Riêng mình luống nửa e nửa lệ
Duyên ba sinh nào biết có hay không
Ngổn ngang trăm mối bên lòng

Chung tình

Tài tử với giai nhân là phối ngẫu
Người muốn nên trời cũng chiều lòng
Đã may thay giải cấu tương phùng
Mưu người ắt duyên trời cũng có
Dẫu chưa lấy chút gì làm gắn bó
Nhưng nửa câu mảnh giấy cũng là tình
Trách trăng già sao nỡ làm thinh
Mối sầu để bên lòng thắc mắc
Ước chi sóng lựa dây cầm sắt
Để ba sinh cho vẹn mười guyền
Chung tình gặp gỡ làm duyên
Chung tình vẹn đủ hai bên mới tình
Mới hay duyên nợ ba sinh

Cảnh chiều thu

Giang hồ từng thú trải
Thích chí mặc người ưa
Buổi chiều hôm nhạn lánh về thưa
Ban chấp tối thuyền ngư đỗ bến
Tín túc ngư nhân hoàn phiếm phiếm
Thanh thu yến tử cố phi phi
Sông sâu sóng vỗ đá tri tri
Bóng nguyệt tỏ sao thưa trời ngất ngất
Người đắc thú ngâm câu cổ luật
Kẻ thanh sầu xướng khúc trường ca
Ngàn lau nghi ngút sương pha
Chim hôm đã quyến mộ hà về tây
Chiều thu hiu hắt hơi may

Có chí thì nên

Tướng tướng bản vô hệ
Nam nhi đương tự cường
Tài trượng phu rộng cả bốn phương
Dẫu gặp bước gian truân đừng tử chí
Sầu giả lạc chi thủy
Thái giả bĩ chi chung
Có đông rồi mới có xuân phong
Tai còn hay nghe mắt còn hay trông
Sức mình còn mang nổi kiếm cung
Hèn là phận nhưng mà không chịu hẳn
Áng danh lợi vang lừng đành có phận
Hội phong vân gặp gỡ ấy lương duyên
Hễ ai có chí thì nên

Mừng thượng thọ

Dùng toàn giọng tài bàn

Núi *Hồng* Lĩnh đức ông *Lão* hóa
Lão nhân sinh giáng hạ phàm trần
Cung *thang* mây nhẹ bước dần dần
Trước *sửu sửu* sau tài tài đa cát khánh
Nhất sách mã cương bình bắc cảnh
Ngũ văn long cổn bổ hi trào
Bước lên cõi thọ tiêu dao
Nhị tam sách trước thư *ngũ lão*
Mệnh giã hảo vận giã hảo tử tôn *thập thành* cánh hảo
Quách - phần - dương phúc khảo *chiếu* về sau
Tiệc *thất* tuần mừng rỡ khắp đâu đâu
Con hai tỉnh *nhất nhị vạn* nhân về bái thọ
Đồ sơn hải cái *chi chi* cũng có
Trước *hồng bàn* Tây vương mẫu hiến đào
Tài cao thêm đức càng cao

Thi hỏng

Trăm kiếp khổ gì hơn thi hỏng
Hỏng khoa này xin khất vợ thắng khoa sau
Miệng cười vui bụng ngậm ngùi đau
Câu khiển hứng ra màu cảm khái
Cũng có lúc ngoảnh đầu toan cãi
Hỏi anh Xanh sao lại thế này ư
Đã sinh nhau ra chân không què tai không điếc mắt không mù
Nợ trần thế trả bù chi mãi mãi
Ử bĩ thái lẽ trời cũng phải
Lạy anh Xanh trang trải đi cho

Cuộc công danh nhỏ nhỏ to to
Trang trắng nợ kéo một hò lên vận đỏ
Hồi thủ hồng trần nhưng tự đố
Mai tâm hoàng quyển túc khai nhan [270]
Mở sách ra tính tính với toan toan
Rút cục lại đã thua ai ngàn với vạn
Thôi chẳng qua mai vi tảo cúc vi trì hạnh vi văn
Cuộc chung niên còn chán chán cái phong lưu
Rồi cũng cờ rồi cũng biển cũng vông cũng lọng cũng gậy cũng hèo
Rồi cũng giương mắt ếch vểnh tai mèo trong cõi tục
Trong thiên hạ một trăm thằng chín mươi chín thằng mất đục
Dù ai khen ai khúc khích mặc thây ai
Ai ơi cố lấy kẻo hoài

Đôi chim chích

Ông Lãng Nhẫn lên tu trên núi
Thấy đôi con chim chích vợ chồng
Nay mừng con đủ cánh đủ lông
Chồng gìn giữ vợ đi kiếm chác
Lạ thung thổ mồi thời chẳng được
Trở ra về thấy hện giăng tơ
Mảng vui chơi bắt nhện nào ngờ
Chợt hôm tối huê sen đà cụp lại
Chồng thời mong con thời bỏ đói
Hết đứng ngồi mong mỏi ngóng trông
Gái năm con chưa hết lòng chồng
Còn say đắm về bên hoa nguyệt
Nguyện đã có trời xanh nước biếc
Tôi say ai phụ dẫy chồng con
Nước non kia hỡi nước non

Khách chơi hoa

Trăm thức huê trong vườn đua nở
Đã chơi huê cho phải biết mùi huê
Kìa huê lan huê sen huê huệ huê trà
So xét lại có huê mai là đệ nhất
Đã đẹp lại thơm nhang cũng ngát
Vẻ trong soi với ngọc nào thua
Mặn mà thay mỗi vẻ mỗi ưa
Khen thợ tạo khéo điểm tô nên trọn vẹn
Nắng chẳng ải mưa chẳng phải gió chẳng lay sương chẳng bợn
Cứ trơ trơ giữ một lòng tơ
Nhị trên cành phong kín lửng lơ
Cao chót vót đối người tri kỷ
Thử ướm hỏi giai nhân tài tử
Dễ ai tầy đắc chí cùng ai
Yêu hoa hổ dễ mấy người

Viếng cô Hồ Xuân Hương

Người Cổ Nguyệt chuyện Xuân Hương còn đó
Phận hồng nhan nghĩ lại rõ buồn tênh
Thương cho tài mà lại ngán cho tình
Nông nổi ấy kể sao cho xiết
Người *cổ* lại còn đeo thói *nguyệt*
Buồn *xuân* chi để lạnh mùi *hương*
Thương mấy ôi phận bạc vẫn là thường
Dầu có bạc cũng đành liều với phận
Vì ai để xuân tình ngơ ngẩn
Tuổi còn xanh những thơ thẩn về xuân
Mười mấy thu đầy đọa kiếp phong trần

Dây tơ đỏ uẩy kìa ai dở dáo
Muốn giật túi ông tơ nguyệt lão
Tung lên cho đến tít mù xanh
Biết chăng chẳng biết cũng đành

Tương tiến tửu

Nọ nước Hoàng Hà trôi đến bể
Kìa người bạch phát tủi soi gương
Cuộc vi hoan khi đắc ý lại thêm càng
Đường thù tạc luống trăng in với bóng
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng
Thiên kim tán tận hoàn phục lai [271]
Miếng chung minh đỉnh thực sẽ làm vui
Ba trăm chén một hơi là mấy chốc
Tiến tửu quân mạc đình dữ quân ca nhất khúc [272]
Khi rượu nồng xin thử lắng tai nghe
Trống chuông cỗ ngọc có làm chi
Say cả ba vạn sáu nghìn ngày mới thích
Thánh hiền trước đến nay đều tịch mịch
Người túy hương tiếng để muôn thu
Yến Trần vương say tỉnh mặc tha hồ
Chủ sao nói ít tiền cho lỡ cuộc
Rượu đối ẩm mua về lại cuốc
Đổi rượu ngon sá tiếc mã cừu đâu
Cùng nhau nhấc chén tiêu sầu

Muộn chữ công danh

Giang sơn bất thiểu tài hoa khách
Thiên địa đa tình phúc hậu nhân [273]
Vi trạng nguyên vi tể tướng vi hiếu tử vi trung thần

Ấy ắt hẳn làm gương thiên vạn cổ
Kìa Mã Chu tam thập phùng Đường đế
Lã Thái công bát thập ngộ Văn Vương
Túi lược thao gánh chữ cương thường
Ơn thì trả lo chi đường sớm muộn
Đường còn rộng thênh thênh thản thản
Xếp bút nghiên mà tựa án với ba sinh
Khi vào màn khi ra trướng khi xuống ngựa khi lên thành
Tam bách niên hải yến hà thanh [274]
Mừng gặp hội thái bình thiên hạ
Ấy mới thực hoàng thiên vô phụ ngã
Đã anh hùng dụng xả có lo chi
Chữ rằng tảo vãn nhất thì

Tìm thú nước non

Xử thế nhược đại mộng
Hồ vi lao kỳ sinh [275]
Kiếp phù sinh vinh nhục nhục vinh
Liếc mắt đám mây nào mấy chốc
Con tạo vật bắt đeo râu tóc
Nợ tang bồng phải trả mới là trai
Mảnh áo xiêm buộc lấy hình hài
Ngoài nghìn dặm chửa chồn chân ngựa ký
Hiền ngu thiên tải tri thùy thị
Phú quý bách niên năng kỷ hà [276]
Hội công danh lớn nhỏ cũng là
Thôi mặn nhạt đã trải qua mùi thế
Tìm thú cũ hỏi thăm sơn thủy
Chén hoàng hoa ngồi hóng ngọn thu phong
Thảnh thơi một giấc tây song

Vinh quy

Thanh vân đắc lộ
Trước thiên môn một tiếng vang lừng
Bụi trần ai từ đó sạch lâng lâng
Nợ hồ thỉ trả xong không để vướng
Long môn nhật xạ hoàng kim bảng
Mã thượng vinh hồi cẩm tú y [277]
Rõ ràng danh diện nam nhi
Đem xích xí cắm rừng nho cho hậu tiến
Khuyên ai nấy ra công học vấn
Độc thi thư trời có phụ ai đâu
Công danh kẻ trước người sau

Lợi danh chẳng đoái

Công danh phú quý trần trung khách
Thi tửu cầm kỳ cục ngoại tiên [278]
Ba sinh may rủi là duyên
Nay lang miếu cũng xưa miền thảo dã
Non gan sớm lánh vòng cương tỏa
Xấu máu đừng tham miếng đỉnh chung
Nước đời đục đục trong trong
Âu chưa hẳn ai may ai rủi
Thôi dẫu vậy rượu bầu thơ túi
Khúc cầm ca sớm tối để tiêu sầu
Trần ai ai chắc ai đâu

Thú phong lưu

Giang sơn bất thiếu tài hoa khách [279]
Mỗi một người một cách phong hoa

Rượu Lưu Linh thơ Lý Bạch cờ Đế Thích đàn Bá Nha
Đủ tứ thú mới là tài tử
Chơi thì chơi chẳng chơi thì chớ
Đã chơi thì chơi cho lệch đất long trời
Tiếng thị phi gác để ngoài tai
Trên cõi thế mấy người là tri kỷ
Thời nhân bất giải thanh thiên ý
Không sử thân tâm bán dạ phiền [280]
Khách tài tình gặp lúc thanh niên
Mùi thế vị được bao nhiêu là lãi đấy
Đệ nhất phong lưu là thế ấy
Hỡi ai ơi chơi lấy kẻo hoài
Chữ rằng Xuân bất tái lai

Gánh tương tư

Thử địa thử nhân tòng thử khứ
Di sầu di hận cánh di thương [281]
Mối tình riêng xẻ nửa bước đường
Bên bờ liễu ngập ngừng cơn tống biệt
Người viễn khách biết chăng chẳng biết
Mối tơ vò vấn vít suốt năm canh
Khi cung đàn khi chén rượu khi gió mát khi trăng thanh
Khúc Bạch tuyết bên mình còn văng vẳng
Mấy bước tiễn đưa vàng đá nặng
Ba câu gắn bó nước non tình
Gánh tương tư chất nặng bên mình
Phong cảnh ấy trêu người thêm thắc mắc
Tự cổ giai nhân nan tái đắc
Khách tri âm ở đó uẩy nào đâu
Mười phần ta đã tin nhau

Chơi cho thích

Nhân sinh quý thích chí
Chẳng gì hơn vũ nữ ca nhi
Chén quỳnh đâng lưng uốn chân quỳ
Tay ba cổ miệng ngâm câu Tiến tửu
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
Dữ ngã đồng tiêu vạn cổ sầu [282]
Rồi trăm năm ai thấy ai đâu
Có trời đất dễ mấy ông Bành tổ
Khi thiếu tráng gắng chơi cho đủ
Kẻo về già lụ khụ ra đi
Da mồi tóc bạc quản chi
Than thân rằng thuở đang thì chẳng chơi
Chơi đi chơi lấy ai ơi

Ngao du sơn thủy

Khi thừa nhàn dạo chơi non nước
Thấy cảnh vui cực lạc vô biên
Non kề nước nước lại kề thuyền
Ba nghìn cảnh thu về một gánh
Trên sườn núi tiều phu đủng đỉnh
Dưới lòng sông ngư phủ nghêu ngao
Đá chấp chênh tòa thấp lẫn tòa cao
Sóng xô xát lớp sau đè lớp trước
Bóng tiểu tử lênh đênh mặt nước
Tiếng ngư ca đồng vọng trong đèo
Bên chiền một tĩnh teo teo
Tiếng ngư trong núi bóng tiều ngoài sông
Bẻ bai phiếm trúc cần thông

Chơi cho phỉ chí

Nhân sinh thiên địa gian hốt như lữ hành khách [283]
Có bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày
Nợ phong trần trót đã ăn vay
Phải trang trải mới là tay chí khí
Đã trót nhấp say mùi thế vị
Phải tìm phương tỉnh thuốc phồn hoa
Kiếp phù sinh thấm thoắt bỗng nên già
Thì tuyết nguyệt phong hoa cho phỉ chí
Hỏi những khách tang bồng hồ thỉ
Chốn lâm tuyền thành thị mấy tri âm
Trăm năm luống những cười thầm

Thú cầm ca

Nào ai bạn cầm ca đâu tá
Mải vui cùng gió hạ trăng thu
Nghề chơi xem cũng lắm công phu
Câu duyệt nhĩ tức vi ngu [284] là thú cả
Ai trước mắt Giang Châu Tư Mã
Ai lắng tai Lâm Hạ Chung Kỳ
Ngón đàn nhịp phách khúc hỉ khúc bi
Từng yêu dấu mới tương tri ngày tháng
Phút để khách đam thanh riêng ngán
Nỗi tình chung ngao ngán cũng vì tình
Há rằng duyên nợ ba sinh

Đi quân thứ

Bắc nam duy sở mệnh [285]
Mười lăm năm vui thú Lam quan

Lũ kiến ong mấy lúc hợp tan
Cơn sóng gió ra tay chèo chống vững
Con tạo ghét ghen chi mấy những
Anh hùng gặp gỡ nhẫn làm sao
Hội phong vân như có biết dường nào
Mình một bóng đành rằng nông nỗi thế
Hỏi thư kiếm có hay chăng nhẽ
Nợ tang bồng trả được lúc này chăng
Ra tay chữa lệch cho bằng

Cảnh xuân

Xuân tự thiên lai thời tại thủ [286]
Trước rèm thưa thấp thoáng bóng thiều quang
Áng cỏ hoa nhăm nhắp tựa hơi sương
Đàn ong bướm rủ rê chi lắm mấy
Ba vạn có thừa còn chẳng mấy
Sáu mươi không lẻ có là bao
Mới hay rằng xuân tới thời cao
Ăn chơi lấy kẻo thanh xuân bất tái
Cũng có lúc tiếc xuân mà ngoảnh lại
Trông ra thời lửa lựu đã bay lòe
Thôi thôi xuân đã sang hè

Của kho vô tận

Thủy trúc vân sơn địa
Phong hoa tuyết nguyệt thiên [287]
Tựa gốc tùng giở ván cờ tiên
Vầy tiệc cúc nghiêng bầu rượu thánh
Khi thong thả nhất tràng nhất vịnh
Khách lan đình cơn tỉnh cơn say

Khúc cầm xoang rắn rỏi canh chầy
Dìu dặt đủ năm cung hòa nhã
Của thích tình sẵn sàng trong vũ trụ
Đủ tiêu dùng xuân hạ thu đông
Thảnh thơi gió mát trăng trong
Bức tranh sơn thủy một vùng cỏ hoa
Cuộc này ai dễ hơn ta

Phong hứng

Rằng xe rằng ngựa
Duổi dong qua trải cả bốn phương
Hỏi nguồn cơn ra ở thổ nang
Cầm quạt ấy Phong Di Cơ Bá
Ao Bồ bản giữa mùa thịnh hạ
Đưa khúc cầm giải uẩn một hai vần
Đàn Vũ vu vừa tiết mộ xuân
Khoa tay áo thừa lương năm sáu trẻ
Khi đưa thoảng cành dương mát mẻ
Khi đưa qua mặt nước nhẹ nhàng
Đã cho người hóng lấy trận thanh quang
Lại để khách ngẫm ra màu đạo lý
Trong trời đất vật chi dành có chủ
Lấy thanh phong mà tiêu dụng mặc dầu
Hóa công nào cấm ai đâu

Hoa hứng

Đẳng nhàn thức đắc đông phong diện
Vạn tử thiên hồng tổng thị xuân [288]
Kiền khôn vừa hội phương thời
Ra khỏi cửa nơi nơi đều cảnh sắc

Khóm tựa gấm dễ say người cao các
Vườn khoe hồng thêm mát khách xuyên mang
Mặc tin ong sứ bướm nhộn nhàng
Ghi tấm dạ hướng dương còn khắn khăn
Khi ẩn hiện với hóa công mà chuyển vận
Dẫu thu sương đông tuyết cũng bao nài
Đưa tin đã có hoa mai

Tuyết hứng

Tinh thần sao lạ mấy
Giống chi chi như ngọc chuốt giá trong
Nhưng cũng là phi giáp xuống trùng trùng
Ai hay nữa thụy anh ra đóa đóa
Trinh tùng nọ thử đà biết dạ
Hàn mai kia mượn để đưa tin
Giục tao ông chân ruổi ấy đòi phen
Xui điền phủ miệng cười đà mấy trận
Thế chi sạ nghi mai địa tận
Công thành trực dục phóng xuân hồi [289]
Dễ mấy ai xem biết lòng trời
Nên cảnh sắc ngại ngùng cơn túc sái
Mười hai tháng ví mà sương lộ mãi
Biết bởi đâu nhận mối sinh cơ
Kìa người bạch tuyết ngâm thơ

Nguyệt hứng

Mấy bóng sơn hà thu thập lại
Rằng thỏ thiềm có phải hay chăng
Vầng trăng vằng vặc một hồ băng
Khắp bờ cõi ba nghìn đều một sắc

Gương đứng giữa trời in với nước
Vị nhất ban dễ mấy ai hay
Đèn trong đỉnh núi tỏ như ngày
Kho vô tận biết bao giờ hết
Bóng Tố nga trong vắt
Khách vui chơi ai cũng thích tình
Ngành đan quế tươi xanh
Người vui vẻ càng thêm vui thỏa
Suốt cổ kim bánh xe tạo hóa
Với vừng ô nguyện một tấm son
Nói chi khi khuyết khi tròn

Cầm hứng

Tì đồng hữu ý
Thú cầm trung dễ mấy ai hay
Não nùng thay giọng nói vận trên tay
Ba ngón lỏng mà dồi dào tư vị
Dưới thư án những khi thích chí
Vận cung thương lựa mấy phiếm loan
Câu lưu thủy khúc cao san
Một vài dịp sừ sang hồ cống
Dù đắc ý cành ngô tiếng phụng
Mặc lao xao Thiện Phủ Vũ thành
Khi bạn bày cùng cuộc cờ bầu rượu chốn Sơn đình
Khi theo đòi với chân hạc vó câu miền Thục cảnh
Tháng ngày thảo tính tình tình tính
Hỏi chủ ông càng lắm lúc tinh tinh
Vui là vui với cảnh với tình
Nói chi kẻ lâm cùng khi bán dạ
Kìa chẳng thấy du ngư mạt mã
Nữa là người há có vô tâm
Chu huyền ngọc chẩn di âm [290]

Kỳ hứng

Trong vòng thế cục
Những xóa đi đặt lại khéo ghê thay
Người đâu ăn ở luống ngày
Phải nhúc nhắc cho qua mùa tràng hạ
Thao lược sẵn trong tay biến hóa
Ruổi ngựa xe dù dọc dù ngang
Khi vãng lai biết được mối âm dương
Lúc giao thác ngẫm ra đạo lý
Nọ Chiên uyên kìa Phì thủy
Chước nhung cơ vần bên dạ khoan khoan
Người Thạch thất kẻ Thương sơn
Việc trần thế gác ngoài tai thẩy thẩy
Ngồi ngẫm nước cao đê là thế ấy
Mới hay rằng thế sự như kỳ
Doanh thâu đắc táng mà chi

Thi hứng

Cao sơn lưu thủy thi thiên trục [291]
Rất phong lưu dễ mấy kẻ tao đàn
Ngoài vẽ ra cảnh vật giang san
Trong tả khắp tính tình nùng đạm
Một ngòi bút mà dệt nên tú cẩm
Đủ tinh thần trong đoản thập tràng thiên
Lúc thôi sao cho Đại Doãn đó cũng quên
Khi xướng họa dẫu cao nhân nào dám sánh
Ngoài Đỗ Lý biết ai là thơ thánh
Cùng phong vân nguyệt lộ với nhau
Dạ dù ngây lấy rượu bạn bầu
Khi đắc ý quản đâu điều vụng khéo

Màu đạo ý trăng đồng gió liễu
Hứng thừa nhàn vịnh vịnh ngâm ngâm
Ai rằng phá nhất sinh tâm

Tửu hứng

Nhân sinh hữu tửu tu đương túy
Nhất trích hà tằng đáo cửu tuyền [292]
Cuộc phù sinh duyên nợ nợ duyên
Cuộc phù sinh duyên nợ nợ duyên
Kho vô tận có không không có
Dù ngũ mã thiên kim là mấy đó
Một vài chuông mặc thích say sưa
Giải mối sầu rồi lại nhớ mối thơ
Trí đâu kẻ rầm rìa cơn ngộ vũ
Thiên nhược bất ái tửu thiên hà hữu tửu tiên
Địa nhược bất ái tửu địa ưng vô lễ tuyền [293]
Tạo vật kia còn có vẻ tự nhiên
Cớ chi nỡ phụ phàng ơn giáng mệnh
Nghĩ ngươi thế lũ say hơn lũ tỉnh
Vậy có câu ẩm giả lưu kỳ danh [294]
Bầu Lý Bạch rượu Lưu Linh
Nước non trần tục tâm tình thần tiên
Thảh thơi ba vạn sáu nghìn

Cầm kỳ thi tửu

Khi nhàn hạ ưu du tự thích
Tưởng phong trần còn có ích chi chi
Chẳng gì hơn những thú cầm kỳ
Rồi cuộc ấy lại bầy nghề thi tửu
Khi đắc ý chơi cùng bạn hữu

Đàn Bá Nha ứng thủ suốt năm cung
Trong trần ai tri kỷ anh hùng
Dù mấy khúc mấy cung chẳng tiếc
Loài vật nhỏ tai nghe còn biết
Huống chi người hào kiệt với văn nhân
Dưỡng tính tình mà có ích thân
Vô sự cũng thần tiên chi tiểu
Kìa thục nữ hình dung yểu điệu
Biết biện cầm là Sái văn cơ
Xưa Thúy Kiều đàn khéo ngẩn ngơ
Khiến Kim Trọng đợi chờ ngơ ngẩn
Trách chi kẻ từ quan trả ấn
Bêm năm canh nhớ bạn tri âm
Bao giờ cho thấy mặt mới đành tâm
Bạn tri kỷ cung cầm còn nhớ mãi
Khắp bầu bạn ở trong tứ hải
Lúc thong dong lại trải cuộc cờ chơi
Bàn son nhè nhẹ quân bài
Nước cao thấp dễ mấy người dụng trí
Khi đắc ý ngựa xe tốt sĩ
Nước hơn người tài trí tót trong tay
Khi thanh nhàn vui thú chơi bời
Lời Lý Bạch lại truyền nơi tức cảnh
Câu thơ thánh theo lời Khổng Mạnh
Giọng ngâm nga đà lóng lánh sao trời
Hùng văn cẩm tú đòi nơi
Đề tuyệt cú sao trời sa xuống
Dù tới chốn lầu rồng gác phượng
Thì so ra ăn thưởng giải đầu
Biết bao khanh tướng công hầu
Ai cũng nhượng ý cao lời mạnh
Lại sang cuộc thơm tho rượu thánh
Chén pha lê sóng sánh ngát mùi hương
Vui vầy sum họp đồng đường

Bạn tri kỷ cử tràng đính chúc
Chén vân mẫu rượu sen rượu cúc
Cuộc làm vui cho bõ lúc ngày xưa
Nhân sinh trăm tuổi hạn chờ
Chén vui chén nào trời có tiếc
Bao những kẻ đai cân guốc dép
Mặc ngang tàng nào có hẹp chi
Khi đàn lại có khi thi
Khi kỳ khi tửu nam nhi thị hào
Thảnh thơi ngày tháng tiêu dao

Bạc mệnh lời chung

Tối ái phong lưu cao các điệu
Khả lân hồng phấn kiệm cung trang [295]
Thẹn với đời rằng cũng phấn hương
Sao nỡ rạch phú bần làm đôi mảnh
Con tạo đúc chi người bạc mệnh
Ai ôi thương lấy bạn hoa nhan
Nào những đâu chiếu gấm màn lan
Tựa giường gấm tủi bao tuế nguyệt
Hỏi con tạo biết chăng chẳng biết
Này năm canh lại cả mấy năm canh
Những đầy vơi say tỉnh chén quỳnh
Trông hoa thuấn đã hiu hiu muốn rã
Thôi xuân tỏa đóng chi cho chặt nữa
Mở toang ra cho tỏ với trăng già
Thương thay một kiếp đàn bà

Bĩ cực thái lai

U tình nhất phiến bằng thùy ngữ [296]
Tâm sự này phó mặc thiên tri

Gót anh hùng khi gặp bước gian nguy
Hãy ẩn nhẫn cho qua khi sở ngộ
Phụ bất tố tất tố [297]
Nợ tang bồng ta cố trả cho xong
Qua cơn sầu lại gắng thư công
Có tân khổ mới xoay vào vinh hiển
Chí khí tòng lai biệt
Khoa danh nghiệm tảo thành [298]
Trải mấy năm nấu sử sôi kinh
Trời đâu lẽ lấy dây trần buộc mãi
Ngẫm thế sự bĩ chung phục thái
Thôi trước sau cũng bước thanh vân
Vinh hoa bõ lúc phong trần

Xuân có một thì

Nhân sinh thất thập cổ lai hy [299]
Trước ngây thơ sau tuổi tác kể mà chi
Hội trung gian xuân có một thì
Thoi thấm thoắt câu đà bóng xế
Thế nhân bất giải thanh thiên ý
Không sử thân tâm bán dạ phiền [300]
Khách tài tình gặp hội thanh niên
Cuộc hành lạc được bao nhiêu là lãi đấy
Tai mắt ấy mà nhìn phong cảnh ấy
Buổi xuân hoa thu nguyệt nghĩ càng thêm
Kìa ai đánh đuốc chơi đêm

Chơi trăng trên sông

Tiết hạ thiên Đức Giang dạ phiếm [301]
Giải cơn nồng đổi trận đông phong
Nửa vừng trăng vằng vặc trên không

Muôn lớp sóng lạnh lùng mặt nước
Minh nguyệt thanh phong nguyên cựu ước
Cao sơn lưu thủy hữu lương bằng [302]
Giữa dòng sông tơ trúc vang lừng
Trên đỉnh núi cỏ hoa man mác
Phong cảnh ấy nghìn vàng khôn đổi chác
Đủ giang sơn phong nguyệt cầm ca
Nước non biết thuở nào già

Chơi chùa Hương Tích

Ngày xuân con én xôn xao
Con công cái bán ra vào chùa Hương
Chim đón lối vượn đưa đường
Nam vô đức Phật bốn phương chùa này

Nam vô bồ tát
Vãng cảnh này xem khác với cảnh kia
Ngắm đường đi đã thấy dị kỳ
Dọc suối Yến đôi bề non tượng phục
Vạn cảnh thiên hường đô bất tục
Cảnh đăng lâm ứng súc biết muôn vàn
Này chùa ngoài này chùa mới này Cửu võng này Giải oan
Này người kia kỵ mã này khách nọ đăng san
Này tiều phu ba bẩy lũ này cầu phúc bốn năm ngàn
Lần lối thỏ chợt Tam quan tới cửa
Ai đấy nhỉ sườn non khéo mở
Hỏm hom tròn mặt động đã thênh thênh
Vào ra thời gió mát trăng thanh
Dầu rằng có bút thần khôn vẽ được
Giọt nước càng dương rơi thánh thót
Rửa cho người mệnh bạc kẻ oan tình

Nhìn mà xem như đủ trăm hình
Núi Cô Cậu kho thóc tiền dành sẵn đó
Ríu tít đầu non chim gõ mõ
Lửng lơ khe Yến cá nghe kinh
Vẳng tai nghe mấy tiếng chầy kình
Dẫu gian ác cũng dấn mình ra niệm Phật
Sách có chữ không không sắc sắc
Cửa từ bi ai tỉnh mặc ai
Càng nhìn càng tưởng Bồng lai

Chơi cho thích chí

Nhỡn khan nhân tận túy
Hà nhẫn độc vi tinh [303]
Lúc say sưa thẩy mặc thế tình
Xếp vũ trụ để vào trong con mắt cả
Đã ngán kẻ đua chen then khóa
Lại thương người tất tả công danh
Bôn tẩu chi cho lụy đến mình
Phận như có trời kia nỡ tiếc
Hãy chước tửu hãy ngâm thi hãy ngoạn nguyệt
Hãy chơi cho khắp cả giang hồ
Kìa những ai bớt ruốc bầy trò
Thôi mặc quách không thèm dơ bụng nghĩ
Tử mạch túng vinh quanh cập thụy
Chu môn tuy quý bất như bần [304]
Ngoảnh mà xem trời đất xoay vần
Thấy phú quý phong lưu mà cũng chán
Lời rằng tôn trung hữu tửu khách thường mãn
Bút anh hùng có thực không sai
Phong lưu riêng một mình ai

Mối tơ duyên

Hoa đào cười đấy nguyệt
Khúc phượng dựng bên tường
Nợ giai nhân tài tử khéo đa mang
Hồn giải cấu cũng vào trong mộng điệp
Nhật mộ ca lâu quân ức thiếp
Xuân thâm hoa viện thiếp tư quân [305]
Ước trăm năm trong hội hồng trần
Má phấn với mày xanh thường thế mãi
Ba vạn sáu nghìn ngày ân ái
Mảnh tình riêng thề nước non này
Tơ duyên gắn bó từ đây

Dải đồng tâm

Tự cổ giai nhân nan tái đắc
Phúc may thay bên sắc bên tài
Chữ đồng tâm xin ai chớ quên ai
Duyên kim cải rắp bén mùi kim cải
Ngọc còn giữ giá cho người đợi
Trăng muốn làm cao để khách trông
Nghĩa trăm năm khăng khít dải đồng
Lời vàng đá phải ghi lòng vàng đá
Khách buồn lan với người kim mã
Nghĩa quan hoài chi hờ hững xa khơi
Thôi thôi đừng tiếng ngắn dài

Nhàn là hơn

Ngũ canh tể tướng triều kim khuyết
Bán dạ tướng quân xuất ngọc quan [306]

Thôi thời thôi danh lợi chẳng hơn nhàn
Riêng một cuộc giang san tùng cúc
Cười cợt yên hà thơ mấy khúc
Dọc ngang kim cổ rượu vài chung
Vẫy vùng vui phong nguyệt buông tung
Chẳng khanh tướng cũng ngang tàng trong vũ trụ
Phong vị đến đâu là chẳng thú
Giũ lưng thế cố với nhân tình
Chữ rằng thiên cổ phong thanh

Tang bồng hồ thỉ

Độc tại dị hương vi dị khách [307]
Chốn thị thành kinh lịch đã bao thu
Sá khen chi những tiếng giang hồ
Trong bốn bể đều ngô nho phận sự
Yếu vi thiên hạ kỳ nam tử
Tu lịch nhân gian vạn lý trình [308]
Nợ quan hà toan ngoảnh mặt làm thinh
Còn giận nỗi công danh chưa phỉ chí
Trời đất sinh ta âu có lẽ
Khách tài tình nên trải vẻ gian truân
Một mai gặp hội phong vân

Khi say

Nhân sinh quý thích chí
Dốc bầu say túy lúy với trần ai
Trăm năm một giấc ngủ dài
Cõi thế chẳng qua là khách cả
Chung cổ soạn ngọc bất túc quý
Đãn nguyện trường túy bất nguyện linh[309]

Kìa Lý Bạch nọ Lưu Linh
Bút Mã sử lưu danh bất hủ
Việc tày trời xem bằng giấc ngủ
Cất chén lên muôn sự cũng nhưng nhưng
Khen chê ai nấy cũng rằng

Kiếp phù sinh

Minh nguyệt thanh phong như hữu đãi
Hồng nhan bạch phát đệ tương thôi [310]
Kiếp phù sinh dầy lắm chị em ôi
Coi thấm thoát bóng câu đà mấy nhoáng
Chén rượu tiêu sầu khi chếnh choáng
Câu thơ khiển muộn những chờ mong
Trót đa mang xin chớ ngại đèo bòng
Chẳng túc trái cũng tiền nhân chi đấy
Tài tử giai nhân hồ dễ mấy
Buổi xuân hoa nào có hẹp gì ai
Thiên kim nhất khắc nỡ hoài

Gửi cô đào Oanh

Trên cành học nói
Giọng mỉa mai như gọi khách tri âm
Chốn hồng lâu nấn ná đã bao năm
Chi vướng vít để ruột tầm thêm bối rối
Trăng rọi vườn xuân chim dẫn lối
Hoa chào ngõ hạnh gió đưa tin
Nước non kia xa mấy dặm nghìn
Gương ân ái khéo như in một bóng
Thú vùng vẫy giang hồ còn rộng
Còn lắm phen bay bổng nước non khơi
Nên chăng thỏ thẻ mấy lời

Nợ nguyệt hoa

Vân phá nguyệt khuy hoa hảo xứ
Dạ thâm nhân tĩnh nguyệt minh trung [311]
Nguyệt có hoa vẻ nguyệt càng nồng
Hoa có nguyệt mùi hoa thơm ngát
Đình tiền ảnh chiếu hoa di nguyệt
Viện lý hương phiêu nguyệt bạng hoa [312]
Đêm ngồi khuya vì tiếc nguyệt canh tà
Ngày dậy sớm bởi yêu hoa lúc nở
Hoa nguyệt với tài tình là nợ
Nợ nguyệt hoa trả mãi không xong
Nguyệt hoa hoa nguyệt não nùng

Bài hát gửi thư

Nhân chưng còn mượn bút thay lời
Phong thư ấy gửi cho người quân tử
Nỗi niềm tâm sự ghi sắc son hằng giữ khăng khăng
Đọc đến câu phong tống các Đằng
Cùng niệm tưởng bóng trăng thanh chửa sáng
Vẳng cung niệm thành sầu ngao ngán
Lúc bấy giờ gặp bạn cố tri
Nghĩ mình cô còn có vẻ vang gì
Cho khách luống chịu thêm buồn bã
Đêm thất tịch mưa ngàn lã chã
Gió kim phong thổi lọt bức chăn cù
Buồn về thu mà mỏi mệt cũng thu về
Quá ngán nhẽ phải sao thời vậy
Nhiều ít hữu tình chi đấy đấy
Mặc lòng cô vả lại luống công
Dã tràng xe cát bể đông

Minh linh nọ tốn công nuôi nhện
Canh khuya tiếng trống điểm hồi
Chị xin kể một lời tường tận
Bóng ác càng xoay càng thêm điều lẩn thẩn
Vắng cầm thanh gửi khúc bồi hồi
Có chữ rằng xuân bất tái lai
Em phải kiếm chốn tìm nơi kết bạn
Em phải kết Châu Trần là nghĩa
Xin em đừng già kén kẹn hom
Tiếng thị phi luống những om thòm
Thoi thấm thoắt ngựa hồ qua cửa sổ
Trời đã định nhân sinh tại số
Con người ta phải biết hôm mai
Chị khuyên em có bấy nhiêu lời
Em đừng nghĩ tuổi còn niên thiếu
Bút hoa thảo vân tiên một bức
Gửi đưa người tri thức được hay
Gẫm từ gặp khách cung mây
Ước chừng cung quế xe dây xích thằng
Khúc Giang Lăng trong lòng canh cánh
Rắp tìm nơi Thứu Lĩnh thanh ba
Nguyệt năm canh dãi khách Hằng Nga
Thơ một khúc nhớ người hoài viễn
Vườn lãng uyển nhị đào phong kín
Thư gửi chim còn nể lòng chim
Doành ngân giang sứ điệp cách chìm
Thư nhắn cá còn e dạ cá
Thơ rằng chiếc bóng gương nga lược biếng cãi
Nỗi niềm cơn cớ bởi vì ai
Đằng đẵng một năm mười hai tháng
Thấu tình chăng hỡi khách Chương đài
Bút hoa thảo tình thư một bức
Tâm sự này vằng vặc bóng trăng soi

Sự nhân duyên đem lại bởi trời
Duyên kỳ ngộ chỉ thề non với nước
Ghi dạ nọ đinh ninh sau trước
Nỗi niềm này bao quản khách quan sơn
Một châu kiếm một ngân hoàn
Lấy dấu để phượng loan làm bạn
Khách tri âm người viễn hoạn
Chữ chung tình ai chớ quên ai
Gửi hồng nhấn cá chớ đơn sai
Lòng mây nước chớ như ai chễnh mảng
Tới tiết trăng thu vẻ sáng
Bắc cầu Ô giữa khoảng sông Ngân
Cho bõ công then khóa phòng xuân
Rủ màn trướng mấy lần chờ đợi

Bài hát lối phú

Nhớ thuở Vĩnh bình
Có chàng Lưu Nguyễn
Hai gã đồng tâm đồng đạo
Một đoàn phi thích phi nho
Trên đời thơ thớt máy then An lạc điếm lâm toàn một góc
Ngoãi cõi thờ lo hóng mát Thanh quang doành phong nguyệt đôi bồ
Người Hi Hoàng bộ gót nối ngày nhàn
Sự Nghiêu Thuấn rửa tai dòng nước sạch
Án ngọc đọc pho thanh giản[313] vượn tới nghe kinh
Lò vàng luyện thuốc linh đang[314] hạc bay lánh khói
Thân thể đã xa miền tục lụy
Tinh thành như tới chốn huyền hư
Vừa ngày Đoan ngọ tiết lành dang tay cùng hái thuốc
Vào chốn Thiên thai núi thẳm lõ gót bỗng quen đường
Nếm quả đào đổi bữa dạ bâng khuâng

Ngắm sườn núi lại nhẹ mình thanh thảnh
Len lỏi sương vàng mây bạc canh gà đâu nghe phảng phất bên trời
Dần dà cõi biếc ngàn hồng vùng ô nọ nổi lênh đênh mặt nước
Vịnh mấy tiếng cõi ngàn chiều lạnh lẽo
Sực đôi nàng mở cửa đứng song song
Chiều dương liễu thướt tha đón rước nửa mừng mừng thẹn thẹn
Dáng phù dung tươi tốt mừng rỡ vừa lạ lạ quen quen
Ba sinh sao khéo hẹn hò
Một phút đưa nên dan díu

Bài hát Chửa khi [315]

Mực in vách phấn đề thơ
Năm bay mỹ tự gửi đưa cho chàng
Thoi vàng biếng dệt cửi vàng
Mối sầu khôn gỡ bởi chàng lang quân
Chửa khi nước chảy giang tân
Chén trôi khúc thủy mấy lần mời khuyên
Chửa khi nhà ngọc mở diên
Đào tiên một dịp dưng lên khuyên mời
Chửa khi đêm vắng ca chơi
Lênh đênh ngư phủ khoan bơi chiếc thuyền
Chửa khi bát ngát giang biên
Tấm chơi ao giá nước nguyên thủy trầm
Chửa khi bóng quyển cờ châm
Đã thề lại hẹn tay cầm lấy tay
Chửa khi gối ngọc đặt bầy
Sầu nặng ví tầy nhẫn nhục phân chia
Bằng nay đôi chốn về đi

Thuở nào lại thấy người kia chăng là
Thanh đồng sứ mới truyền qua
Văn thơ bút đã chép ra gửi rầy
Hỏi thăm đến đất Hà Tây
Đem bức thư này cho tới Ngưu Lang

Bát hát Bắc phản

Trẩy thuyền qua Xích Bích thành
Khen ai tạc miếu tô tranh phụng thờ
Lênh đênh một lá đôi thơ
Đầu năm xuân đón gió đưa lọt mành
Gió đưa hương thoảng khói lừng
Vàng soi bến liễu khói dừng nhà thôn

Trêu ngươi chi hỡi trăng ngà
Xe dây cho hẳn một nhà phải nao
Bấy lâu duyên những ước ao
Giấc hòe mộng tưởng chiêm bao mơ màng
San lâm cách mấy tương vàng
Cây bao nhiêu lá thương chàng bấy nhiêu

Mấy câu hát Mường

Thoi đưa xuân đến đông về
Sớm giong đường liễu tối kề bến tiên
Ví dù sinh chẳng gặp nguyền
Túi thơ đủng đỉnh dạo miền thú quê

Giấc tiên luống những mơ màng
Non Bồng bóng nguyệt thường thường vãng lai
Mừng thầm chốn ấy chữ bài

Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây

Nghĩ đời mà thẹn với đời
Cũng là tai mắt chịu trời thông minh
Kiếp đời hai chữ nhục vinh
Kiền khôn một chén tính tình mấy cung

Bài hát Hà Liễu

Ví dù Gia Cát sinh lai
Vạc Lưu chưa dễ vào ai tay cầm
Trai anh hùng hữu tâm địch khái
Phù trung hưng đem lại nhà vương

Tung hô ba tiếng quát ran
Áo xiêm Nghiêu Thuấn đai cân Cao Quỳ
Chốn Đan trì thiều ca nhạc vũ
Tưới mưa xuân khắp đủ đôi nơi

Bài dồn Đại thạch

Chúa từ nghe biết vân vi
Thoát thôi lại nói bàn mê sự lòng
Ngọn cờ đỉnh núi xa trông
Nọ sao vùng quế hẹn cùng trúc mai
Trách thay ô thước nỡ hoài
Cớ chi sao bỗng lạc loài cung tiên
Chốn này là chốn cung tiên
Ước gì cho được phỉ nguyền niềm trông
Boong boong chuông dóng đêm đông
Cảm lòng này những luống công đợi chờ
Hỏi thăm ai kẻ thân sơ

Bóng trăng dãi tỏ qua ưa hay là
Đêm đêm tưởng dạng Ngân hà
Trông sao Bắc đẩu đã ba năm tròn
Non mòn nhưng nghĩa chẳng mòn
Dòng Tào khê khuyết lòng còn như in
Tình thư phong mượn cá chim
Chim tìm non thẳm cá tìm vực sâu
Chầy ai nặng tiếng bền lâu
Boong boong chuông dóng gửi sầu đêm thanh
Hội này lừng lẫy dưới trên
Vui này gặp hội thanh yên dấu lòng

Mấy câu Ngâm Vọng

Lưu lang từ gặp Châu nương
Gẫm cùng quân tử dạ càng đinh ninh
Bâng khuâng luống những mơ màng
Mối sầu khôn gỡ vì chàng lang quân
Nhởn nhơ dạo gót đường mây
Dập dìu ca vũ dang tay chúc mừng

Bài dồn Cung nam

Vắt tay dở chuyện riêng chung
Những bề hợp tán tâm trung cổ hồi
Trai Nam Việt bốn trời lồng lộng
Gương nước An chính thống sửa sang
Nhìn hồng muôn tía rõ ràng
Lam Kiều than thán hơi hương ngát lừng
Hài hoa luống dùng dằng chân bước
Đóa lan đều lác đác châu rơi
Mặt hoa Lãng uyển khoe tươi

Mày ngang chữ triện châu rơi dầm dề
Cánh sen bày mầm lan chồi huệ
Hạc phơi màu mai nhị kề hiên

Nói Mưỡu Đại thạch

Kìa đâu sao Đẩu tinh huy
Thuấn Nghiêu ấy chúa Cao Quỳn ấy tôi
Thong dong dủ áo lên ngôi
Muôn năm cùng hưởng lộc trời hiển vinh

Biếng nằm trằn trọc canh khuya
Nước trong cỏ biếc hồn mê mơ màng
Bởi ai ra dạ phàn nàn
Gánh vàng đi bỏ lại toan đi tìm

Bài hát dâng hương

Thét nhạc dương tranh
Chưng thuở ngọc ô não nùng chiều ai oán
Nhớ từ thuở hươi dương đầm ấm
Năm thức mây che rờ rỡ ngất trời
Bóng trăng thanh nguyệt gọi thềm lan
Tiếc thay mặt ngọc hay ai vậy là đêm đông trường
Nam thiên rạng vẻ mây rồng
Rờ rỡ nghìn thu rào rạt tiếng xa bay
Luống thâu đêm nghe phảng phất mối sầu tuôn
Tuôn khôn nhịn ngẩn ngơ lo buồn
Lá đồng rụng một lá thu bay
Ấy sương trót lọt mây ngồi che tiếng chầy
Sông hồ nước biếc chín khúc quận quanh
Đáy nước rung rinh đạo chơi thủy đình

Nguyệt tà tà xế bóng rọi chênh chênh
Trên không hoa cỏ nhẹ canh chầy
Đinh thần hôn mặt ngọc mày ngài
Thấy khách hồn mai
Nguyệt dãi tường lầu đồng vọng trăng thâu
Nặng tiếng đinh đang kẻo thiếu nữ nhớ thương
Ai gửi bức đường trường chày ai đã nện tiếng tương tư sầu
Vò võ luống chực phòng hương
Gửi cố nhân tình thư một bức
Gợi nỗi ái ân tương tư sầu

Bài hát Hà vị

Tiết thu đến gió vàng hiu hắt
Lụt sương đàm cảnh vật thêm tươi
Chim oanh thoăn thoắt đưa thoi
Bâng khuâng chiếc yến loi thoi trận nhàn
Tiếng oanh đàn nghe càng rầu rĩ
Nỗi riêng này năn nỉ cùng ai
Thẩm nghiêm thay chốn Thiên thai
Vì dầu lòng khách Chương đài phất phơ
Ngoài thềm lách tách mau mưa
Đào tơ tưởng liễu trúc chờ đợi trông
Hé nghệ song bóng trăng thấp thoáng
Trách lòng người chểnh mảng cho nên
Gió Đằng vương các đưa duyên
Non ghi lời nói nước in câu thề
Chung tình trót đã phủ phê
Xăn xiu dễ biết lấy gì mà chơi
Ai lên tôi gửi lạy trời
Nguyền sâu chỉ thắm xe người xuân xanh

Nguyệt ông khéo nhẽ vô tình
Hoa thơm cỏ khóm nên vin cành nào
Sông Ngân ai nỡ cắm sào
Những trông chờ nước doành Đào nổi thơ
Luống chờ đợi trên không tin tức
Cung Quảng hàn then chặt khăng khăng
Bước lên đòi chốn dùng dằng
Người nào hay khách chị Hằng đưa tin

Bài hát Cung Bắc

Dập dìu gió lượn màn thưa
Cơn buồn sẽ trạnh ngâm nga giải sầu
Hoàng oanh réo rắt dưới lầu
Bởi đâu đón rước vội hầu tin oanh
Thiều quang tuyết đượm vẻ thanh
Lênh đênh rộn những đồ tranh vẽ rồng
Ngậm ngùi nhớ cảnh hằng trông
Lênh đênh bóng nguyệt trạnh lòng buồn thay
Nước trong trăng lạnh vẽ mày
Nguồn cơn kể hết chua cay nỗi nhà
Bấy lâu ta lại gặp ta
Khác nào như thể Hằng Nga lạnh lùng
Dỡ nghiên giáp bút ngại ngùng
Tưởng chừng bên ấy bạn cùng với ai
Sầu kia thảm nọ khôn nài
Nhớ ai nên võ sầu ai nên gầy
Cung huỳnh lạnh lẽo hơi may
Ve kêu tiếng trúc canh chày điểm canh
Chiều thu Bạch đế tin lành
Chưng thuở rành rành cầu bắc ngân giang
Bờ sông đợi khách Ngưu lang
Đỡ con xùi xụt đượm chan mối sầu

Ngán thay cho vợ chồng Ngâu
Cách một nhịp cầu dạ lại kém tươi
Đêm khuya mượn rượu làm vui
Say mà chẳng biết rằng say bao giờ
Lạ thay đấy ở hững hờ
Lòng còn khăng khắng đợi chờ chưa quên
Bóng trăng tỏ rãi kề hiên
Hé mành đợi khách cung tiên bước vào
Thấy nhau tỏ mặt ta chào
Còn e lòng khách đỗng đào chưa khuây

Bài Hát Thiên Thai

Thụ nhập Thiên thai thạch lộ tân
Vân hòa thả tĩnh quýnh vô trần
Yên hà bất tỉnh sinh tiền sự
Thảo mộc không nghi mộng hậu thân
Vãng vãng kê minh nham hạ nguyệt
Thời thời khuyển phệ đồng trung xuân
Bất tri thử địa qui hà xứ
Tu tựu Đào nguyên vấn chủ nhân
Cỏ cây chẳng chút bụi trần
Lối vào chẳng biết rằng gần hay xa
Xinh thay hõi thú yên hà
Đào nguyên ướm hỏi ai là chủ nhân
Thiên hòa thụ sắc ái thương thương
Hà trọng nham thâm lộ diểu mang
Vân đậu mãn sơn vô điểu tước
Thủy thanh duyên giản hữu sinh hoàng
Bích sa động lý càn khôn biệt
Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường
An đắc hoa gian hữu nhân xuất
Miến linh tiên khuyển phệ Lưu lang

Mây che khói tỏa cõi vàng
Lối vào thăm thẳm mơ màng bâng khuâng
Phách khe đàn suối vang lừng
Ước gì được kẻ hỏi chừng cho hay
Ân cần tương tống xuất Thiên thai
Tiên cảnh na nằng khước tái lai
Vân dịch ký qui tu cưỡng ẩm
Ngọc thư vô sự mạc tần khai
Hoa lưu động khẩu ưng trường tại
Thủy đáo nhân gian định bất hồi
Trù tướng khê đầu lòng thử biệt
Bích sơn minh nguyệt chiếu thương đài
Ngậm ngùi ra cửa Thiên thai
Tưởng chừng nước chảy hoa trôi ngại ngùng
Tiễn đưa luống ngẩn ngơ lòng
Đầu non xanh ngắt nguyệt lồng rêu in

Bất tương thanh sắc lý nghê thường
Trần mộng na tri hạc mộng trường
Đọng lý hữu thiên xuân tịch mịch
Nhân gian vô lộ nguyệt mang mang
Ngọc sa dao thảo liên khê bích
Lưu thủy đào hoa mãn giản hương
Hiểu lộ phong đăng dị linh lạc
Thử sinh vô kế vấn Lưu lang
Hoa trôi man mác suối vàng
Hỏi ai nhớ khúc Nghê thường cho chưa
Trăng kề cửa động trơ trơ
Xuân về luống những ngẩn ngơ vì chàng
Tái đáo Thiên thai phỏng Ngọc chân
Thương đài bạch thạch dĩ thành trần
Sinh ca tịch mịch nhàn thâm động
Vân hạc tiêu điều tuyệt cựu lân
Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc

Yên hà bất tự vãng niên xuân
Đào hoa lưu thủy y nhiên tại
Bất kiến đương thời khuyến tửu nhân
Cỏ cây xem những tần ngần
Yên hà năm trước mười phần khác xa
Nào là lưu thủy đào hoa
Hỡi người khuyến tửu nay đà ở đâu
Non xanh ai đúc nên bầu
Xưa nay ai đã dễ hầu tìm lên
Kẻ trần phút gặp người tiên
Lạ thay Lưu Nguyễn là duyên tình cờ
Cung mây ai hẹn bao giờ
Vì đường hái thuốc lững lờ xe duyên
Lâng lâng dũ sạch ba nghìn
Một ngày cũng đã là tiên lọ nhiều
Non xanh từng đá mốc meo
Ai hay thì gặp lọ gieo mình vào

Bài hát Tương Tiến tửu

Dịch bài Tương tiến tửu

Biết chăng ai
Sông Hoàng Hà ngọn nước tại lưng trời tuôn đến bể khôn vời lại được
Biết chăng nữa
Đài gương mái tóc bạc sớm như tơ mà tối đã như sương
Nhân sinh khi đắc ý nên càng
Khôn nỡ để chén vàng trơ với nguyệt
Tài hữu dụng lẽ trời âu hẳn quyết
Nghìn vàng kia khi hết lại còn
Lúc vui chơi nào nhấm mùi ngon
Ba trăm chén cũng dồn một cuộc

Cụ Sầm rủ cụ Đan khuyên chuốc
Rượu nâng lên chớ được dừng tay
Vì người hát một khúc này
Xin ngươi sẽ lắng tai nghe lấy
Tiệc chung cổ ngọc vàng là mấy
Hãy nên say say mãi tỉnh chi mà
Thánh hiền xưa cũng vẳng xa
Chỉ có rượu với người say là vẫn để
Tiệc Bình lạc xưa kia cũng thế
Mười nghìn chung mặc thích vui cười
Tiền chủ nhân bao quản vấn dài
Cũng mua nữa cùng người khuyên rót
Ngựa hoa tốt mà áo cừu cũng tốt
Gọi đồng ra đổi lấy rượu ngon
Cùng người giải vạn kiếp buồn

Bài hát ru hời

Xưa Kính Tâm lấy chồng Thiện sĩ
Tỉa râu chồng mang tiếng bội phu
Trở về nhà cắt tóc đi tu
Phận là gái oan tình phải trái
Sách có chữ "tâm vô quải ngại"
Oan thì oan có lẽ nói làm sao
Miệng ru con tay gõ mõ đào
Ngày tụng niệm rì rào tiếng đọc
Ru hời ru hỡi tình du
Trong nhân luân như đạo vợ nghĩa chồng
Dù ai man muội mặc lòng thiên tri
Như tay chuông tay mõ rù rì
Sớm thì niệm Phật tối thì ru con
Tay bưng chén muối đĩa gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng có quên

Ru hời ru

Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên
Ba thương má lúm đồng tiền
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua
Năm thương cổ yếm đeo bùa
Sáu thương nón nghệ quai tua dịu dàng
Bảy thương nết ở khôn ngoan
Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh
Chín thương em ngủ một mình
Mười thương con mắt đưa tình cho ai

Bài hãm Tiếc xuân

Tiếc xuân ngảnh lại chơi xuân
Thương ôi bóng đã vân vân xế chiều
Lênh đênh duyên nổi phận bèo
Trốn làm sao khỏi nước chiều đầy vơi
Lộ đồ dao viễn xa xôi
Thuyền tình thêm một mình tôi nặng gì
Tuyết sương rụng lá đài bi
Hằng nga lững đững chân đi dịu dàng
Nước hồ lẻo lẻo như gương
Tóc tơ biếng chải một đường bẻ bai
Thẩn thơ đứng gốc cây mai
Bóng cô cô nghĩ bóng ai cô nhầm

Đêm qua chớp bể mưa nguồn
Hỏi người tri kỷ có buồn hay chăng
Ngọn đèn thấp thoáng bóng trăng
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này

Tiếc cành hoa sói bỏ rơi
Tiếc người lịch sự mà soi gương lòa

Tỳ bà nữ

Tự ngôn bản thị kinh thành nữ [316]
Thuở mười ba đã thanh nhập tâm thông
Đàn tỳ bà tay lựa suốt năm cung
Xui lòng khách Ngũ Lăng thêm bát ngát
Gian quan oanh ngữ hoa đế hoạt
U yết lưu tuyền thủy há than [317]
Bến Tầm Dương khêu ngọn đèn tàn
Sực nhớ sự thiếu niên ràn giọt ngọt
Tình cảnh lúc thiên nhai hải giác
Tâm sự khi mộ khứ triêu lai
Thuyền đông tây ai kẻ biết là ai
Khúc sơn thủy để đời mùi lau lịch
Ở thời cũng dị hương dị khách
Còn mặn mà mời khách tri âm
Ấy ai chào gọi hôm tăm

Tiễn biệt

Tống quân tống biệt hà kiều lộ [318]
Cách một ngày xem tựa ba đông
Lửa tìm ai gợi dậy đùng đùng
Nấu nung kẻ gan vàng dạ sắt
Tương tư tương kiến tri hà nhật
Da tử đa sầu tổn thiếu niên [319]
Khi sương sa khi gió thổi khi trăng xiên
Đong sầu lại biết cùng ai san sẻ
Chung tình ấy nghìn xưa cũng thế

Mối tình si há dễ một mình ta
Biết hoa đeo đẳng vì hoa

Cho đủ mùi đời

Nam nhi đứng ở trong vũ trụ
Quyết ăn chơi cho đủ mùi đời
Sự cùng thông bĩ thái bởi tự trời
Sông có khúc con người ta có lúc
Thiên sinh nhân hà nhân vô lộc
Địa sinh thảo hà thảo vô căn [320]
Hãy còn trăng gió gió trăng
Đừng lo lắng thanh xuân bất tái
Ông xanh có một ngày ngoảnh lại
Biết rằng ai đã trải hơn ai
Cho hay muôn sự bởi trời

Giang đầu hạnh hữu khách lai

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách
Bóng trăng soi thấp thoáng bên thuyền
Đàn tỳ bà ai khéo gẩy cho nên
Xui lòng khách thiên nhai luống những
Ai oán nhẽ bốn dây văng vẳng
Nỗi bất bình như khấp như tố như oán như than
Nực cười thay cái phận hồng nhan
Nào những khách Ngũ Lăng đâu vắng tá
Lưu thủy mang mang thiên ngũ dạ
Tỳ bà khúc khúc nguyệt tam canh [321]
Bến Tầm Dương cảnh ấy biết bao tình
Chiếc thuyền luống đi về trong bóng nguyệt
Người viễn hoạn biết chăng chẳng biết
Khúc đàn này biết tỏ cùng ai
Giang đầu hạnh hữu khách lai [322]

Triệu Tử Long

Triệu Tử Long nhất thân đô thị đảm [323]
Trận Đương dương thân hãm trùng vi
Thả hành thả chiến mã như phi
Bão A Đẩu thủ trì tam xích [324]
Tứ diện Tào binh vi tự bích
Nhất thân mã thượng quyển như vân [325]
Cơn dọc ngang xung đột mấy lần
Bảy mươi hai trận phong trần chẳng vướng
Tào binh lẻ năm mươi chư tướng
Long lanh về một mũi gương rồng
Cờ Thường Sơn ông Triệu Tử Long
Nhất nhân địch vạn quân trung tướng tài[326]
Làm trai cho đáng nên trai

Gỡ sao xong nợ

Thiên sinh ngã tài rất hữu dụng[327]
Sớm mà chi muộn nữa mà chi
Hơn nhau chăng một chữ thì
Mai trước hạnh sau dành nhẽ đó
Thanh vân mãn nhỡn ứng kiêu ngã
Bạch phát hồn đầu thiểu hận cừ [328]
Hiếu ca hiếu tửu hiếu cầm thư
Sinh quý thích tòng ngô sở hiếu[329]
Nữa mai mốt gặp thời hành đạo
Đã làm trai dành có thuở khai nhan
Gỡ sao xong nợ mới gan

Chữ nhàn

Thiên địa vạn vật chi nghịch lữ [330]
Bóng quang âm thấm thoát vụt qua
Cảnh phù sinh chừng một giấc Nam Kha
Nào ai chắc đeo tiền cưỡi bạc
Trước thơ ngây sau tuổi tác
Thuở trung gian thiếu trăng có là bao
Khi tật bệnh lúc bi sầu
Hảo tiết hoan ngu đà dễ mấy
Trăm năm nhân cảnh là dường ấy
Một khắc xuân tiêu đáng mấy chăng
Sẵn non sông kia với gió trăng
Mượn cảnh trí tiêu dao là sở thích
Kìa những kẻ lao cầu hình dịch
Chốn phong trần mấy thuở khai nhàn
Trời sao tiếc một chữ nhàn

CHÚ THÍCH PHẦN CA TRÙ

1. Non sông trăng thu trắng
2. Muôn tiếng đêm thu dài tịch mịch, một vầng trăng sáng ánh trong trong.
3. Đầy viện mai đào như có chủ, trăm ban hoa cỏ để vì ai.
4. Đầu bến Tầm Dương, ban đêm tiễn khách.
5. Tâm sự kẻ giai nhân ở nơi trục đàn, phong tao người tài tử ở nơi chén rượu.
6. Má hồng từ cổ hay luân lạc, vẻ bút như nay đã nửa chìm.
7. Nào cứ phải Bồng châu Doanh hải (chỗ ở của thần tiên).
8. Thác tuôn, suối chảy, non dường múa; người nói, hang reo, đá muốn thưa.
9. Muốn đến Hương sơn chẳng nên hẹn.
10. Bây giờ thiên hạ điều vô sự.
11. Nhạn lẻ bay về Nam, hồng bay về Bắc
12. Người ta sống trong trời đất như ở một quán trọ.
13. Trần Lê Kỷ, quê làng Bát Tràng, tỉnh Bắc Ninh, làm chức Đốc học.
14. Cửa núi, bậc đá.
15. Đông chủ có thiêng còn nét bút, thợ trời vô ý khéo phô bày.

16. Rượu tiên.
17. Quên đói.
18. Mặt trời đã lên cao ba con sào mà hãy còn ngủ, ngẫm xem danh lợi chẳng bằng nhàn.
19. *Hoàng lưu* là thứ rượu nấu có chất nghệ, cho nên vàng. Đời xưa lấy cái đó làm rất quý, cho nên có câu rằng: Rượu hoàng lưu thì phải đựng ở trong cái chén ngọc.
20. Trời sinh cho ta cái tài ắt có chỗ dùng đến. Nghìn vàng hết rồi lại có.
21. Ngày xưa có kẻ không biết đánh trống chầu phải nhờ người buộc dây làm hiệu.
22. *Trống thôi* là hai tiếng trống phải đánh trước khi gõ phách chứ không được đánh vô phách là đầu.
23. *Miễn thưởng* là tiếng chát khen thưởng không được đánh vào câu khổ giữa.
24. Câu thơ há để chim nhạn bay đi, khúc hát đã hết còn đánh chầu giật lại.
25. Một lá thuyền con muôn dặm lướt.
26. Chữ nghĩa duyên xưa mình lúc trước, đàn ca khúc cũ tiếng bây giờ.
27. Muốn tu chẳng được.
28. Thu nhặt xuân thành hoa vạn vẽ.
29. Ai chẳng thấy hoa khôi đất kinh đô bỗng làm vợ người lái buôn ở đầu sông.
30. Tháng hai tiết ấm áp, đình xã đón mừng xuân.
31. Vạn vạn năm đều chúc đức vua.
32. Ngày xuân vui vẻ.
33. Hòa bình mãi mãi.
34. Ân cho ta không biết chừng nào.
35. *Cửu như* nghĩa là "chín điều giống như". Đó là: như núi, như gò, như chỏm, như lăng, như sông, như mặt trăng, như mặt trời, như Nam sơn, như tùng bách.
36. Nghìn năm được hội mừng vui, thiên Nguyệt lệch bốn hào dương trong mùa xuân.
37. Lễ nhạc trăm năm sửa sang miếu điển, một khúc hát thăng bình ca tụng thần công.
38. Tiếng của ống sáo và dây đàn.
39. Bài này là "thể hát cửa đình" cho nên câu cuối không sáu chữ mà tám chữ.
40. Đời người như sống gửi, khi đắc ý nên vui.
41. Có ngựa có thuyền, có nước có núi, ấy là được lúc đốt đuốc chơi đêm.
42. Mây xanh xanh, nước mênh mông.

43. Nếu đợi lúc công thành danh toại thì một gò xương già đã chồng chất.
44. *Nam Bắc Tung Hằng* là tên của bốn dãy núi.
45. Sông Lô núi Tản.
46. Trần Đoàn hiệu là Hi Di là một nhà toán số sinh vào cuối đời Hậu Chu qua đời Tống sơ.
47. Đốt lửa nhỏ lửa lớn (văn hỏa võ hỏa), không để tắt (trặc) lò luyện thuốc (đan táo), ý nói vẫn từng lo chuyện cứu đời.
48. Trần Đoàn một hôm gặp bà lão gánh hai đứa con nhỏ, nhìn rồi nói: "Hà vật lão ẩu? Đảm đắc nhị thái bình thiên tử" nghĩa là "Bà lão gánh gì? Gánh được hai ông vua thời thái bình". Hai đứa nhỏ này, Triệu Khuông Dẫn và Triệu Khuông Nghĩa, quả sau là hai vua khởi nghiệp nhà Tống.
49. *Mặt trời nhà Tống* tục truyền trước khi các tướng tôn Triệu Khuông Dẫn lên ngôi ở Trần Kiều thì có điềm *độc nhật trùng luân*, nghĩa là mặt trời có hai vành.
50. Mây cuối thời tao loạn.
51. Trong giấc mộng ở Trần Kiều coi non sông nhỏ bé; giữa mùa xuân ở Vân quán thấy ngày tháng lâu dài.
52. Bụi đen chẳng đến non sông này.
53. Trẻ cũng là khoe.
54. Liễu sắc xanh xưa oanh vẫn nín, đào màu hồng mới bướm chưa hay.
55. Cùng mọc bờ ao ông cháu trúc, đều nhô hàng giậu chị em hoa (tôn là măng mà cũng là cháu).
56. Người đặt ra lịch đầu tiên ở bên Tàu.
57. Miền núi Hồng Lĩnh ở Hà Tĩnh.
58. Mưa lạnh như sợi tơ mà con tằm dệt vào đêm, trời tạnh như tờ giấy mà con nhạn viết lên không.
59. Lạnh lẽo.
60. *Bế* là đóng lại, *tàng* là giấu đi: mùa đông việc trời đất hình như xếp lại cả.
61. Cây tùng ngàn thước gặp trời rét mà lá xanh, cây cúc mấy khóm dương buổi lạnh mà hoa vẫn vàng.
62. *Linh sấu:* Mùa đông cây cỏ vàng rụng, các núi đều ra dạng gầy gò.
63. Góc biển chân trời.
64. Đầu sông Tầm Dương, ban đêm tiễn khách.
65. Như khóc như kêu.
66. Khói nước bao la trời mấy lúc, tỳ bà thánh thót nguyệt ba canh.
67. Đầu sông may có khách đến,
68. Tô Thức hiệu Đông Pha đời Tống.
69. Sương mù trắng.

70. Ca rằng: "Mái quế hề chèo lan, vỗ ánh soi hề trăng chảy tan, bồn chồng hề ta nhớ, ngóng mỹ nhân hề trời một phương".
71. Dựa vào lời ca.
72. Đây là nhắc đến Tào Tháo khi định qua sông Xích Bích để đánh Đông Ngô mà Tô Đông Pha đã tả "sái tửu lâm giang, hoành sóc phú thi" nghĩa là "rót rượu xuống sông, quay giáo làm thơ".
73. Thơ xong một đoạn ngàn non lặng, chiếc nhạn qua sông lướt mảnh thuyền.
74. Việc đã qua không nói nữa.
75. Giàu sang làm cho đời mình được đầy đủ, nghèo hèn làm cho việc mình được thành công.
76. Trên đời ai quên được danh lợi thì là một hóa công ở thế gian.
77. Cái danh là điều ghét của tạo vật.
78. Ghê cho trời già ghen chi mấy.
79. Nghĩ kỹ không gì bằng mua vui, sao dùng hư danh buộc lấy thân này.
80. Cung dâu tên cỏ là nợ của kẻ làm trai.
81. Chữ Náo ngoài chữ Môn trong chữ Thị , ý nói họp chợ ở ngoài cửa thì náo rộn. Chữ Nhàn ngoài chữ Môn , trong chữ Nguyệt , ý nói lúc có bóng trăng giọi vào cửa là lúc nhàn.
82. Biết đủ thì đủ, chờ đủ thì bao giờ đủ, biết nhàn thì nhàn, chờ nhàn thì bao giờ nhàn.
83. Chỗ đất ngày nay ta ngồi, từ ngày xưa có người ngồi trước ta (hai câu này lấy trong *Tây Sương ký*).
84. Vào cuộc đời chẳng thể không có công nghiệp, ra khỏi bụng mẹ là đã có quân thân.
85. Người đời đừng oán cái lụy của kẻ tài tình.
86. Ngàn vạn khuyên người đừng lấy làm lạ, nam nhi đến thế là hào hùng.
87. Thu nhặt màu xanh, ý nói tìm hoa.
88. Đời người ít gặp khi mở miệng cười.
89. Trúc tơ réo rắt ta say nhỉ, trăng gió lạnh lùng, đêm sao đây.
90. Người quân tử dụng tâm không ghen ghét, kẻ trượng phu ra đời có lúc kinh lúc quyền. Không oán người cũng không trách trời.
91. Chim bay về rừng, sấn ngang bóng mặt trời xế, cá nhân lúc tối, đi về bến đò cũ.
92. Cỏ hoa biết mấy lần thay đổi, Non nước còn cười cuộc thịnh suy
93. *Vị tân* là bến sông Vị, chỗ ông Lã Vọng câu cá. *Sằn dã* là cánh đồng họ Hữu Sằn, chỗ ông Y Doãn đi cầy. Đều nói anh hùng vị ngộ.
94. Chỉ bực tuấn kiệt mới biết được thời mệnh. Có duyên tới đâu mà chẳng phong lưu. Lòng ta có lo sợ gì?
95. *Lê Quí* là người cuối đời Lý.

96. Luân thường muôn đời chói lọi trong vũ trụ, trung nghĩa một lòng báo đáp đấng quân vương.
97. Trung thần chẳng hai (hai triều vua)
98. Liệt nữ chẳng đổi (đổi đời chồng)
99. *Hàn Tín, Trương Lương, Tiêu Hà* là tam kiệt của Hán Cao tổ.
100. Hán Cao tổ lập cái khoán bằng sắt (thiết khoán) tạc chữ son cam kết phong đất cho các công thần dẫu cho Thái Sơn mòn như đá mài (như lệ) Hoàng Hà cạn chỉ bằng dải lưng (như đái).
101. Sao chẳng sớm đến Ngũ Hồ để thành hai Phạm Lãi (một công thần của Việt Vương bỏ ra ở Ngũ Hồ), khiến cho tam kiệt chỉ có một Trương Lương (là biết bỏ đi thôi).
102. Chim hết thì cất cung đi.
103. Nơi mà Hàn Tín bị Hán Cao tổ lừa bắt.
104. Nên làm nên thôi.
105. Sầu xuân mờ mịt lấp cả trời đất.
106. Trong cái không sinh cái có.
107. Muốn phá thành sầu duy chỉ có rượu. Say vẫn say lăn mà sầu vẫn sầu.
108. Kẻ trượng phu chẳng chịu đổi chí khuất thân. Người quân tử không cầu no, không cầu yên.
109. Được sao nên vậy.
110. Trời chẳng phải là không có việc làm.
111. *Trầm* là chìm xuống nước, *mai* là chôn xuống đất, ý nói không nổi danh.
112. Nguyễn Phù nhà Tấn, đi chơi Cối kê mà trong túi không tiền.
113. Khá lạ cho vật tầm thường ấy. Mà thành ra vị thần linh to.
114. Đạo Phật cũng tựa vào lẽ trời mà đi. Điều gì cũng do ở lòng người mà lại.
115. Lúc giúp nước, lúc về ẩn, hai lúc coi như một.
116. Đã làm người tài trai thông minh ở đời, thì phải làm cho lừng lẫy hơn thiên hạ.
117. Có chí công danh tài chẳng lụy, những mong tài hồ thỉ từ hồi còn nhỏ thì có ngại gì.
118. Tuổi già đuổi tuổi trẻ chẳng buông tha.
119. Đời người bảy chục tuổi xưa nay ít.
120. Nào được mấy phen cười mở miệng, chỉ là uổng mất tháng ngày thôi.
121. Đời người cần được thỏa chí.
122. Ông trời hay trêu cợt.
123. Nhộn nhịp khó khăn.
124. Xưa rủi sinh vào nơi sừng sỏ, muốn giậm sao nên tiếc cánh lông.
125. Người ta tự cổ ai không chết, lưu giữ lòng son trong sử xanh.

126. Cảnh vật không chừng mây biển ảo, đường đời chẳng ngại nước đầy vơi.
127. Phẩm tước có năm bậc, kẻ sĩ ở trong đó. Quốc dân bốn hạng, kẻ sĩ đứng hàng đầu.
128. Tài kinh luân ở trong lòng, đồ binh giáp ở trong ngực, trong khoảng trời đất đâu cũng là phận sự, nam nhi đến thế mới là hào hùng.
129. Giai nhân nào phải xinh như ngọc.
130. Mai nở đầu tiên cười hạnh chậm, hạnh xòe sau đó tiếc mai già.
131. Cây tùng quân xuân chưa già, trong hoàn cảnh khó khăn mà con làm nên quan.
132. Công khó nhọc của cha mẹ chính là hôm nay, văn chương lúc tàn cuối còn có ngày rầy.
133. Mở mắt năm châu trông thấy lớn, ngày nào non nước lại cao trong.
134. Chàng tiên một gặp đường như hẹn, điện quế hương bay đã mấy hồi.
135. Đêm khuya chợt nhớ việc tuổi trẻ.
136. Người thương yêu, ta già rồi.
137. Chớ hiềm vườn cỗi màu thu nhạt, còn có hoa vàng cuối tiết hương.
138. Giai nhân nhớ chẳng quên.
139. Chợt nhớ việc sáu bảy mươi năm trước.
140. Thân thiếp dù nhẹ chàng không bỏ, tội thần dù nặng vua còn thương.
141. Người thương yêu có thể đem tình mà nói rõ.
142. Bạn đi vẫn luyến trăng Tô Thủy, khách lại thường mong khói Nhị Hà.
143. Người mất đàn còn.
144. Hồng phấn mấy người đành ở góa. Bạc đầu khôn già Trác Văn Quân.
145. Khi ta đang thời phóng túng thì nàng còn nhỏ, nay nàng đến tuổi lấy chồng thì ta đã già rồi.
146. Việc đời như mây nổi cần chi hỏi đến, ngàn vàng có tiêu hết rồi lại thu về.
147. Thừa tướng tiếng lớn rủ trong trời đất, sinh từ còn mãi với nước non này.
148. Nước chảy quanh, hoa vây quanh.
149. Mong chim hồng còn dấu in trên tuyết, ý nói người đi đến đâu còn để dấu vết ở đó (cổ thi: nhân sinh đáo sứ tri hà tự, ưng tự phi hồng đạp tuyết nê).
150. *Nhứ* và *ty* đều là tơ.
151. Chẳng lấy công mà về.
152. Sông Tô, sông Nhị, núi Nùng, núi Khán ở tại Hà Nội.
153. Núi cao một vừng trăng.
154. Cái già của núi đối với cái non (trăng lưỡi liềm) của trăng.

155. Trăng treo núi lạnh, thơ nửa bức; núi ngậm trăng thanh, rượu ngàn chung.
156. *Chải* là bơi dạo.
157. Khi về từng ngắm liễu Long Thành, mộng đi hằng ôm mây Hạc Phố.
158. Người mê cõi tục tranh vương tướng, ta mải bầu tiên kệ đất trời.
159. Một mảnh tài tình đeo lụy ngàn năm, khúc hát mới càng những thương xót vì ai.
160. Trong giấc mộng đoạn trường căn duyên đã hết, khúc đàn bạc mệnh oán hận vẫn dài.
161. Mỏi mắt đau lòng vì chàng Khiêu ngưu.
162. Đời người trong trời đất như quán trọ.
163. Núi cao nước chảy thơ ngàn cuộn, gió mát trăng trong rượu một thuyền.
164. Thân quan hệ đến nhà và nước tất sẽ dùng đến, trời sinh hào kiệt chẳng phải bỏ không đi.
165. Việc đời lên xuống người không cần hỏi, ở nơi sóng khói tịch mịch có chiếc thuyền câu.
166. Duy chỉ có gió mát trên sông và trăng sáng trong núi.
167. Người chẳng thấy nước sông Hoàng Hà trên trời tuôn xuống, chảy ra bể không trở lại.
168. Người đẹp khó gặp lại.
169. Tài tử giai nhân nhiều tứ xuân, chàng Tiêu đứt ruột một tờ thư.
170. Vẻ người giai nhân khi đi về, tình người tài tử khi hôm sớm.
171. Vào cuộc đời chẳng thể không có chữ nghĩa.
172. Phẩm giá hơn người, lòng mến gió trăng, phong lưu nhất đời, khí cốt giang hồ.
173. Phàm người bây giờ chỉ thích tiền mà thôi.
174. Tính coi thế sự vàng lên tiếng, nói đến nhân tình kiếm muốn reo.
175. Rượu xong xem hoa mãi không chán, trước hoa rót rượu nồng hứng thú vô hạn.
176. Dầu có cũng là thân ngoại vật, ngẫm ra thôi cũng người trong mơ.
177. Anh chẳng thấy cửa động Thiên Thai lưu luyến tiễn nhau đi.
178. Hội vui "Lạc xã kỳ anh" của các ông già.
179. Non xanh cười đầu ta trắng như đầu chim hạc, bể biếc nào hay ta cũng là chim âu (ta đội mũ ni trông như đầu chim âu).
180. Trong chỗ cười nói người như gỗ, nửa đêm vin trèo lại tựa khỉ.
181. Ngoài mặt không cần như ngọc tốt, trong lòng thường giữ lấy vàng tinh.
182. Mây nước mênh mang vô hạn cảm, cá rồng tịch mịch thiếu đồng tâm.
183. Khâu là gò. Hác là hang núi.
184. Giá nghiêng thành một nụ cười đáng ngàn vàng.

185. Dòng sông ngày xuống người đều đục, trời đất lò kia kẻ có tình.
186. *Châu Nam Hải* điển ý ở tích Mỵ Châu khi chết ở Nam Hải đã tuôn máu cho trai kết thành ngọc quý.
187. *Thuyền chìm sông Thúy Ái* điển ý ở tích Phan Thị Thuấn là vợ lẽ Ngô Cảnh Hoàn đã tự đục thuyền cho chìm để chết theo chồng ở sông Thúy Ái.
188. *Sóng Tiền Đường* điển ý tích Tây Thi bị vợ Câu Tiễn ném xuống sông Tiền Đường.
189. *Cỏ áy bến Ô Giang* điển ý ở tích Ngu Cơ tự tử ở Ô Giang về sau chỗ mả có mọc cỏ gọi là cỏ Ngu mỹ nhân.
190. Gia Cát lượng sáu lần ra Kỳ Sơn.
191. Thành bại hưng vong nguyên có số, tranh hùng cát cứ khá do người.
192. Chia ba thiên hạ như cái chân đỉnh.
193. Từ xưa anh hùng không biết thế nào là mãn nguyện.
194. Năm ngoái xuân về buồn cách mãi, năm nay xuân đến gặp mừng nhau.
195. Thiên cổ chưa nghe hai Lý Bạch, một năm sao được hai Đông quân.
196. *Chú xanh xanh* tức ông trời.
197. Tục truyền Bành Tổ thọ tám trăm năm.
198. Danh thần đời Hán có tài hí hước.
199. Hạc vàng một đi không trở lại (thơ của Thôi Hiệu đời Đường).
200. Sông lạnh man mác cây Hán dương, cỏ thơm lạnh lẽo châu Anh vũ (thơ của Thội Hiệu).
201. Người kia xin đồ tế thừa mà kiêu với thê thiếp (chuyện người nước Tề), kẻ sĩ chịu chết cháy mà không chịu nhận công hầu (chuyện Giới Tử Thôi đời Chiến quốc).
202. Chợt thấy sắc cây dương liễu ở đầu đường, hối để cho chồng đi lo việc công hầu (thơ của Vương Xương Linh).
203. Miền sương khói.
204. Nhạc đa tình của nước Trịnh.
205. Má hồng có phận đừng e mỏng, mặt trắng đa tình khéo mượn xuân.
206. Ta chưa thành danh nàng chưa cưới, tính lại đều chẳng được như người ta.
207. Mặt trời lặn đằng núi tây, dòng nước chảy về hướng đông, hoa nở là mùa xuân, lá rụng là mùa thu.
208. Bảy chục còn hồng đâu có mấy, tuổi già hối chẳng kịp như ai.
209. Thời vận đã đến thì người ta đều hỏi đến.
210. Một đời cung hay đạt thì trời đã định, không lẽ giàu mãi mà không lẽ nghèo mãi.
211. Y Doãn và Lã Vọng là ai mà lúc chưa gặp vận cũng cày ở núi Sằn câu ở sông Vị.

212. Đáng cười Lý Tư đời nhà Tấn xưng là hổn thử mà làm điều bạo ngược, từng khen Trang Chu nói chữ hí ngưu mà ví học đạo cũng như mổ trâu trước khó sau dễ vì sẽ quen đi.
213. Trời đất máy then người khó biết, hãy đem tình tính ngụ đàn ca.
214. Năm trước trăng trung thu, năm nay người trung thu.
215. Đêm nay trăng sáng mọi người đều ngắm, chẳng hay tứ thu ở nhà ai.
216. Người ta ở đời cần thích chí, cố lo phú quý làm chi.
217. An phận thì thân không bị nhục, biết thời thì được an nhàn.
218. Mặt ngọc lẽ nào chôn đáy nước, lòng băng còn khá đối chàng Kim.
219. Không mê về tình riêng chăn chiếu, chẳng đắm về lòng yêu nơi màn trướng.
220. Xa nhìn núi có sắc, gần nghe nước không tiếng.
221. Long thành năm sắc.
222. Muôn dặm non sông gom một mối, phục hồi nước cũ để nghìn năm.
223. Thuận lòng người mà ứng lòng trời, trời đất ứng với lòng người vốn thế.
224. Lời sấm Trạng Trình: Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân.
225. Mặc ai trong triều ngoài chợ, mặc ai lên xe xuống ngựa, bụi đen chẳng đến chỗ non sông này.
226. Trời lặng lặng, nước trôi trôi, kẻ sĩ lấy đó làm sở thích.
227. Giữa thu mây tạnh mọc lên biển xanh, nửa đêm sương lạnh đương lúc trời biếc.
228. Đêm nay trăng sáng mọi người đều ngắm, chẳng hay tứ thu ở nhà ai.
229. Rượu một bầu, đàn một trương, ca một khúc.
230. Bỗng đêm nay hội họp, lại cũng với người cũ.
231. Vang ca chưa hết cái hứng trước chén, lại muốn cưỡi mây lên cung Quảng.
232. Khách chơi tự đến không ràng buộc, huống chi chủ nhân lại đối đãi rất phong lưu.
233. Khuyên bác nên lại uống cạn một chén để cùng ta cùng tiêu tan cái sầu vạn cổ (thơ của Lý Bạch trong bài *Tương tiến tửu*).
234. Quen nhau một tiếng đôi hàng lệ, khá tiếc nửa đời ướt mối tơ đỏ.
235. Nghìn dặm tao phùng duyên bèo nước, một sớm gắn bó nghĩa keo sơn.
236. Người ta được vừa ý nên vui chơi.
237. Trên đời sóng gió đừng khua rối, trong dạ băng than chẳng vương.
238. Cuộc sống như giấc mộng.
239. Trước trừ lúc nhỏ, sau trừ lúc già, quãng giữa chỉ có ba mươi năm.
240. Lằng lặng một khối lớn, mòn mọn như đàn kiến
241. Trước yên ngựa nói từ giã, đưa tiễn cầm thi luống hớ nhau.
242. Ngày dài như năm lúc nhàn mới biết, việc to như trời, lúc say cũng xếp.

243. Nước thu và trời rộng cùng một màu.
244. Trời đã sinh người là đã có tình, tình dài tình ngắn lại tình chung.
245. Có duyên ngàn dặm cũng gặp nhau, vô duyên đối mặt chẳng gặp nhau.
246. Thần nữ đa tình núi Vu sớm làm mây chiều làm mưa.
247. Trên trời mặt đất dưỡng chùng thú, thổ phách nga mi cũng một nhà.
248. Cùng thân cùng yêu biết ngày nào, nhiều tứ nhiều tình hại thiếu niên.
249. Trông mảnh trăng nơi Tràng An đã may sẵn áo rét cho người lính nơi ải xa, thấy cây dương liễu nơi đường hẻm sực nhớ nỗi xa xôi nơi vòm quân lính.
250. Tiết Phùng thôi không hát câu "lão khứ dã", Đào Tiềm đã làm bài Quy lai hề.
251. Một ngàn dặm áng trăng thu chiếu, theo sóng cô đào mặt khứ lưu.
252. Hồng phấn tiếng ca chen tuyết trắng, chân đèn bóng nến ngả đầu xanh.
253. Vạn dặm đàn ca mở tiệc chơi.
254. Thanh điệu có khi nghe bạch tuyết, phù danh hết thảy giữ hồng nhan.
255. Chưa đạt hãy nên yên phận vậy, thầm lo thiên mệnh việc sau thành.
256. Nương nương đừng ngại công danh muộn, hãy để khoa sau cũng kịp mà.
257. Nước thu cùng trời dài một sắc (phỏng theo Vương Bột).
258. Cái chén vàng kia ai xẻ nửa, nửa chìm đáy nước nửa thiên thai.
259. Trong động cát xanh trời đất khác, bên cành cây đỏ tháng năm dài (thơ *Thiên thai* của Tào Đường).
260. Cái sênh và ống tiêu.
261. Ba bậc sóng Vũ môn.
262. Bằng nay đối mặt ai cùng thẹn, chàng muốn ngày đâu đợi đến đêm.
263. Tóc trắng bao lần e đối kính, mặt hồng mấy độc tiếc chia đàn.
264. Nợ rượu đôi đồng đâu cũng có, bảy mươi tuổi thọ hiếm xưa nay.
265. Sông Thao mây nhuộm biếc, non Tản cây mọc xanh.
266. Non sông thắng cảnh giúp cho cuộc thi tửu, tình nhàn của hoa điểu xen lẫn việc sổ sách.
267. Triều đình có đạo xuân xanh tốt, nơi cửa quan không có việc tư túi thì thường nhàn rỗi.
268. Cây cỏ tự sinh ở cái đất không có đánh thuế, con cháu đọc mãi sách chưa đốt.
269. Mới gặp nhau một lần mà tình đã yêu mến, đêm năm canh một khúc tương tư.
270. Ngoảnh ngắm bụi hồng thêm bực tức, lòng chăm sách quý tất vinh hoa.
271. Trời cho ta cái tài có chỗ dùng đến, nghìn vàng hết rồi lại có.
272. Rót rượu người chớ thôi, cùng người ca một khúc.
273. Non sông chẳng thiếu khách tài hoa, trời đất đa tình người phúc hậu.

274. Ba trăm năm biển lặng sông trong.
275. Ở đời như mộng lớn, sống mệt nhọc mà chi (thơ Lý Bạch).
276. Hiền ngu ngàn thuở nào ai đó, phú quý trăm năm biết mấy là.
277. Cửa rồng nêu rõ tên vàng chói, lưng ngựa quay về áo gấm sang.
278. Công danh phú quý nào ai tục, cờ rượu thơ đàn thực ấy tiên.
279. Non sông chẳng thiếu tài hoa khách.
280. Người đời chẳng rõ trời xanh ấy, luống để canh khuya những muộn sầu.
281. Đất ấy người kia cùng đã khuất, để sầu để hận để thương ai.
282. Khuyên anh hãy cạn chung này nữa, hai đứa cùng tiêu vạn cổ sầu (câu trên của Vương Duy, câu dưới của Lý Bạch).
283. Người ta ở trong đời bỗng như là khách trọ.
284. Khoái tai ấy là vui.
285. Ra Bắc vào Nam đều theo mệnh vua.
286. Xuân từ trời lại lúc đầu mùa.
287. Chỗ thì có nước trúc mây núi, nơi thì đầy hoa gió tuyết trăng.
288. Khi nhàn biết mặt đông phong ấy, muôn tía nghìn hồng khắp vẻ xuân.
289. Thế đến thoắt chốn vùi hết đất, công thành muốn chở khí xuân về.
290. Dây hồng, trục ngọc, âm truyền.
291. Núi cao nước chảy thơ ngàn trục.
292. Người ta có rượu nên say chuếnh, chín suối nào đâu có giọt nào.
293. Trời nếu không thích rượu, sao trời có tửu tiên, đất nếu không thích rượu, tất đất không suối ngọt.
294. Kẻ uống rượu để tiếng lại với đời (thơ Lý Bạch).
295. Rất yêu chiều phong lưu nơi đài các, khá thương người đàn bà đẹp không chịu trang điểm.
296. Một mảnh u tình biết cùng ai nói.
297. Cha chẳng làm, con ắt làm.
298. Chí khí người một khác, khoa danh nghiệp sớm thành.
299. Sống đến bảy mươi xưa nay rất hiếm.
300. Người đời không rõ ý trời xanh, đừng để lòng mình nửa đêm phải hiền não.
301. Mùa hạ chơi thuyền đêm trên sông Đức Giang.
302. Trăng trong gió mát vốn là ước cũ, non cao nước chảy có bạn hiền.
303. Mắt trông người đều say, sao mình riêng lại tỉnh.
304. Ngõ tía dù sang đâu sánh ngủ, cửa son tuy quý cũng thua nghèo.
305. Chiều tối ca lâu chàng nhớ thiếp, đêm xuân hoa viện thiếp mong chàng.
306. Canh năm quan tể tướng chầu ở cửa nhà vua, nửa đêm quan tướng quân ra cửa ải.
307. Một mình làm khách lạ nơi đất khách.

308. Muốn làm người con trai lạ trong thiên hạ, nên trải nhân gian đường muôn dặm.
309. Chuông trống, ăn ngon, chưa lấy gì làm quý, chỉ muốn say tít không cần tỉnh.
310. Trăng trong gió mát như chiều đợi, má hồng tóc trắng lần theo nhau.
311. Mây tan nguyệt chiếu nơi hoa nở, đêm khuya êm đềm bóng trăng soi vắng vặc.
312. Trước sân bóng xế hoa chào nguyệt, trong viện hương đưa nguyệt ghẹo hoa.
313. *Thanh* là xanh, *giản* là cái thẻ, *Thanh giản* là cái thẻ bằng tre xanh. Đời xưa chưa có giấy phải chẻ tre làm thẻ để viết, rồi xâu lại thành quyển sách.
314. *Linh* là thiêng. *Đan* là đan sa. *Linh đan* là thuốc tu tiên luyện bằng đan sa.
315. Cũng gọi "chớ khi".
316. Tự xưng là người con gái đất kinh thành.
317. Trong hoa rỉu rít lời oanh nói, dưới thác lầm đầm tiếng suối tuôn.
318. Đưa người qua đường cầu bên sông.
319. Nhớ nhau biết ngày nào mới thấy nhau, nhiều tình tứ, nhiều sầu thương làm hại cho tuổi trẻ.
320. Trời sinh người người nào mà không có lộc, đất sinh cỏ cỏ nào mà không có rễ.
321. Nước trôi biền biệt trời năm ngã, đàn tỳ từng khúc nguyệt ba canh.
322. Đầu sông may có khách đến.
323. Triệu Tử Long đều là mật.
324. Vừa đi vừa đánh ngựa như bay, ôm A Đẩu tay cầm ba thước.
325. Bốn mặt quân Tào vây dựng vách, một thân trên ngựa cuốn như bay.
326. Một mình chống vạn, thật là tướng tài trong quân.
327. Trời cho ta cái tài tất có chỗ dùng đến.
328. Mây xanh trước mắt trêu ghẹo, tóc trắng đầy đầu khá giận thay.
329. Thích ca thích rượu đàn sách, sống cần theo cái thích của ta.
330. Trời đất là cái nhà trọ muôn vật.

HÁT XẨM

NGUYỄN KHUYẾN

Mục hạ vô nhân

Chúng anh đây mục hạ vô nhân
Nghe em nhan sắc lòng xuân anh não nùng
Dù em má phấn chỉ chồng
Dửng dừng dưng anh chẳng thèm trông làm gì
Lấy anh anh cho đi trước để làm vì
Tay thì dắt díu tay thì quàng vai
Vén tay sờ chốn em ngồi
Em thời chẳng thấy anh thời thở than
Bâng khuâng như mất lạng vàng
Cái sênh cái trống cái đàn ai mang
Ai ơi thương kẻ dở dang
Miệng ca tay gảy khúc đàn tương tư
Chẳng yêu chẳng nể chẳng vì
Cũng liều nhắm mắt bước đi cho đành
Một duyên hai nợ ba tình
Chữ duyên chi vướng mối tình ai mang
Kẻo còn đi nhớ về thương

Kẻo còn để mối tơ vương bên lòng
Đôi ta chút nghĩa đèo bòng
Dẫu mòn con mắt tấm lòng dám sai
Ngại ngùng những bước chông gai
Trần gian nhơn nhục nào ai biết gì
Chữ tình là chữ chi chi
Yêu nhau phải bảo đường đi lối về
Đôi ta đã trót lời thề
Gần xa dắt díu đi về có đôi
Đến đâu người đứng ta ngồi
Khi đàn khi hát những người chung quanh
Tới nơi những chốn thị thành
Đôi bên hàng phố rắp ranh đón mời
Đố ai biết chốn chợ đời
Dẫn ta lên khoảng một người nàng tiên

KHUYẾT DANH

Tấm vóc đại hồng

Anh như tấm vóc đại hồng
Em như kim chỉ thêu rồng nên chăng
Nhất chờ nhị đợi tam mong
Tứ thương ngũ nhớ lục thất bát trông cửu thập tìm
Em thương ai con mắt lim dim
Chân đi thất thểu như chim tha mồi
Tối hôm qua vật đổi sao dời
Tiếc công gắn bó tiếc lời giao đoan
Lời thề xưa đã lỗi muôn vàn
Mảnh gương còn đó phím đàn còn đây

Trót vì đàn đã bén dây
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta
Chén son nguyện với trăng già
Càn khôn đưa lại một nhà vui chung
Đường xa xôi xin chớ ngại ngùng
Xa lời xa tiếng nhưng lòng chẳng xa
Nguyện với trăng già

Thi lễ con nhà

Thiếp nay thi lễ con nhà
Thấy chàng mĩ mạo nết na dịu dàng
Cho nên lòng muốn đa mang
Biết rằng quân tử có màng hay không
Ngẫm duyên kỳ ngộ tương phùng
Lứa đôi ai lại đẹp bằng Tương Như
Cầu hoàng một khúc lẳng lơ
Trác Văn Quân phải ngẩn ngơ lòng sầu
Vì đâu nên lấy được nhau
Nếu không duyên nợ có đâu thế này
Đôi ta nay gặp nhau đây
Ba sinh âu hẳn nợ này chẳng không
Xin chàng hãy quyết đành lòng
Nâng khăn sửa túi má hồng tựa nương
Họa may thau lộn với vàng

Vả lại giận trời

Trách thân vả lại giận trời
Trách chàng quân tử ở ra người thờ ơ
Phòng không để thiếp đợi chờ
Năm canh vò võ những là thở than
Nào khi hợp mặt chén vàng

Non nguyền biển hẹn tưởng chàng chẳng quên
Ai ngờ ra dạ bạc đen
Say bên nhan sắc bỏ bên ngãi tình
Để cho em vò võ một mình
Tương tư khắc khoải bệnh thất tình đầy vơi
Trách thân mà lại giận trời

Nghĩ lại kẻo già

Ai ôi nghĩ lại kẻo già
Đừng tham lam nữa để mà mệt thân
Đời người sống được bao năm
Sớm lo tối nghĩ mình tằm xác ve
Sao bằng phong nhã đủ bề
Thị thành cũng lịch giang khê cũng màu
Trí tài ai kém ai đâu
Mảng vui non nước một màu xanh xanh
Ra chi của cải thế tình
Mà đua khôn khéo mà tranh sang giàu
Đào Tiềm Lã Vọng tích đâu
Thanh nhàn sánh với công hầu ai hơn
Vui thay nước trí non nhân

Vằng vặc trăng rằm

Đêm qua vằng vặc trăng rằm
Thấy anh qua cửa em nằm không yên
Mê anh chẳng phải mê tiền
Thấy anh lịch sự có duyên dịu dàng
Trông thấy anh em những mơ màng
Ước gì đây đấy phượng hoàng kết đôi
Thấy anh chưa kịp ngỏ lời

Ai ngờ anh đã vội dời gót loan
Làm cho em mê mẩn canh tàn
Chiêm bao trông thấy được anh chàng cạnh bên
Có chăng duyên ngộ ngẫu nhiên

Vả giận trăng già

Trách duyên vả giận trăng già
Xe tơ lầm lỗi hóa ra chỉ mành
Biết ai than thở sự tình
Chẳng qua mình lại biết mình mà thôi
Lấy chồng gặp phải kẻ tồi
Cho nên lòng những bồi hồi đắng cay
Cả ngày chè rượu sưa say
Khi nay thuốc phiện khi mai tài bàn
Nói ra mang tiếng phũ phàng
Nín đi áo não can tràng xiết bao
Cũng thì phận gái má đào
Người thì gặp được anh hào đảm đang
Mình thì cũng dự phấn hương
Gặp nơi lêu lổng chẳng thương chút nào
Cắn răng chịu biết làm sao

Lơ lửng đầu câu

Ấy ai lơ lửng đầu cầu
Lược thưa biếng chải gương tàu biếng soi
Cái sập đá huê bỏ vắng không ai ngồi
Buồng nhang bỏ vắng mặc người ngồi quay tơ
Cô thương nhớ ai ra ngẩn vào ngơ
Đêm quên giấc ngủ ngày mơ trận cười
Đêm năm canh sáu khắc đức anh chàng ơi
Chàng cười nửa miệng thiếp tôi vui nỗi gì

Nó chẳng ra gì

Cái thằng chồng em nó chẳng ra gì
Tổ tôm xóc đĩa nó thì chơi hoang
Nói ra xấu thiếp hổ chàng
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà
Nói đây thời có chị em nhà
Còn năm ba thúng thóc với một và cân bông
Em bán đi trả nợ cho chồng
Còn ăn hết nhịn cho thỏa lòng chồng con
Em đắng cay ngậm quả bồ hòn
Con nhà gia thế chồng con kém người
Tạc bia lên để thế gian cười
Con nhà thi lễ lấy phải người đần ngu

Cái đêm hôm rằm

Sáng trăng xuống vằng vặc cái đêm hôm rằm
Nửa đêm là đêm về sáng chứ mới trăng bằng là ngọn cây tre
Anh trót yêu em cho trọn chứ bên một bề
Để em là em thơ thẩn chứ mới ngồi kề trăng này bóng trăng
Cái sự tình này ai thấu chăng là cho chăng
Để em là em thề nguyện chứ với bóng trăng em chịu sầu
Cái mối tương tư một dịp chứ đôi ba cầu
Bắc nam mà hai ba ngả chứ chịu sầu đôi ba nơi
Chim khôn chết mệt về mồi
Nó kêu réo rắt ghẹo người tình nhân
Bấy lâu nay vắng vẻ Châu Trần
Để em tạm chút chơi xuân kẻo già

Chỉ nẻo đưa đường

Thiếp khen ai chỉ nẻo đưa đường
Để anh khéo biết quê nàng ở đây
Ông tơ hồng bà nguyệt xe dây
Xe cô mình lấy anh đây cũng vừa
Đôi mươi mười tám đương thì
Xin anh có ngỏ điều gì sẽ hay
Chàng ơi nghe thiếp điều này
Cửa nhà gia thế phó rầy mặc tôi
Vợ chồng ta kết tóc ở đời

Nước chảy đôi dòng

Con sông Thương nước chảy đổi dòng
Đèn khêu đôi ngọn anh trông ngọn nào
Muốn tắm mát lên ngọn cái con sông Đào
Muốn ăn xim chín thì vào rừng xanh
Đôi tay vít cả đôi cành
Quả chín thì hái quả xanh thì đừng
Ba bốn năm nay anh ăn ở trên rừng
Chim kêu vượn hót nửa mừng anh lại nửa lo
Sa chân lỡ bước xuống đò
Gieo mình xuống sập chớ lo nỗi gì

Như cánh hoa nhài

Dì thằng Cu như cánh hoa nhài
Ba mươi sáu cánh tiếc tài nở đêm
Sáng trăng trong sáng cả ngoài thềm
Lại đây ta cởi áo mền đắp chung
Đêm đông thắp ngọn đèn lồng

Mình về có nhớ ta không hỡi mình
Chiếc thuyền nan anh giậm thình thình
Anh thì cầm lái cô mình phách ba
Có thương anh bẻ mái chèo ra
Sợ mẹ bằng bể sợ cha bằng trời
Anh thấy em anh cũng ưa đời
Biết rằng chốn cũ có dời ra chăng

Đắp nấm trồng chanh

Công anh đắp nấm trồng chanh
Chẳng được ăn quả vin cành cho cam
Xin đừng ra dạ bắc nam
Nhất nhật bất kiến như tam thu hề
Huống tam thu như bất kiến hề
Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu
Chắc về đâu đã hẳn hơn đâu
Cầu tre vững nhịp hơn cầu thượng gia
Bắc thang lên thử hỏi trăng già
Phải rằng phận gái hạt mưa sa giữa trời
May ra gặp được giếng khơi
Vừa trong vừa mát lại nơi thanh nhàn
Chẳng may số phận gian nan
Lầm than cũng chịu dám phàn nàn cùng ai
Đã yêu nhau giá thú bất luận tài

Năm vợ ngồi hầu

Đêm năm canh năm vợ ngồi hầu
Vợ cả pha nước têm trầu chàng xơi
Vợ hai trải chiếu chia bài
Vợ ba coi sóc nhà ngoài nhà trong
Vợ tư trải chiếu quạt mùng

Vợ năm thức vậy trong lòng xót xa
Chè thang cháo đậu bưng ra
Chàng xơi một bát kẻo mà công lênh

Thịt cá cơm canh

Giàu thì thịt cá cơm canh
Khó thì lưng rau đĩa muối cúng anh tôi đi lấy chồng
Hỡi anh chồng cũ tôi ơi
Anh có khôn thiêng thì anh trở dậy ăn xôi nghe kèn
Thôi anh đã về nghiệp ấy anh cũng đừng ghen
Để cho người khác cầm quyền thê nhi
Miệng em khóc tay em bế ẵm cái ông thần vì
Tay em gạt nước mắt tay em thì thắp nhang
Bởi vì đâu mà nên xót nỗi muôn vàn

Mình nhớ ta chăng

Mình về mình nhớ ta chăng
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười
Năm quan mua lấy miệng cười
Mười quan chẳng tiếc, tiếc người tình nhân
Mười tình nhân ta để trên cơi
Nắp vàng đậy lại để nơi giường thờ
Đêm qua ba bốn lần mơ
Chiêm bao thì thấy, dậy rờ thì không

Sương lạnh trăng mờ

Lúc đêm sương, sương lạnh trăng mờ
Canh tàn rượu tỉnh lúc bấy giờ em nghĩ thương thân
Em tiếc thay trong giá trắng ngần

Nỡ gieo mình vào đám phong trần mà chơi
Chốn hang sâu lẩn khuất hương trời
Non xanh nước biếc dễ ai người biết cho
Con chim khôn đã mắc phải dò
Vui gì cái kiếp giang hồ hỡi chị em ơi
Tính đốt tay quá nửa xuân rồi
Đầu xanh mấy nỗi da mồi tóc sương
Kiếp hồng nhan nghĩ đến mà thương
Tài tình chi lắm để mang nợ đời
Trông non sông mà thẹn với trời
Khi vui em vui gượng, khi cười em cười suông
Ruột con tằm trăm mối tơ vương
Bên trời góc bể biết gửi can trường vào đâu
Ai về nhắn ả Mạc sầu

Lên ngọn sông Ngâu

Năm ngoái anh lên ngọn sông Ngâu
Dầu sương dãi nắng chẳng tìm đâu bằng nàng
Năm nay anh về lắm bạc nhiều vàng
Để anh sắm sửa thì nàng lấy anh
Lấy anh anh sắm sửa cho
Sắm ăn sắm mặc sắm cho chơi bời
Khuyên em có bấy nhiêu lời
Thủy chung như nhất là người phải nghe
Mùa đông lụa lụa the the
Mùa hè bán bạc hoa xòe sắm khăn
Sắm gối thì phải sắm chăn
Sắm gương sắm lược sắm ngăn đựng trầu
Sắm cho em đôi lược chải đầu
Cái ống đựng sáp vuốt đầu cho xinh

Ngọn gió hiu hiu

Chiếc thuyền nho nhỏ ngọn gió hiu hiu
Nay nước thủy triều mai lại nước rươi
Sông sâu sóng cả em ơi
Chờ cho sóng lặng buồm xuôi ta xuôi cùng
Trót đem nhau vào kiếp bình bồng
Xuống ghềnh lên thác ta quyết một lòng cho ngoan
Giang hồ khoan lại hồ khoan

Anh lát đá hoa

Trong nhà anh lát đá hoa
Chân táng đồng bạch lợp nhà tiền trinh
Cửa bức bàn anh anh lồng kính thủy tinh
Hai bên bức thuận anh chạm tứ linh rồng chầu
Nhà anh kín trước rào sau
Tường xây bốn mặt hơn đâu hỡi nàng
Nhiễu anh vóc nhiễu nghênh ngang
Nhiễu điều lót áo cho nàng đi chơi
Áo nàng anh sắm đủ mười đôi
Bộ ba áo nhiễu để mặc chơi ngày thường
Dù nàng có bụng nàng thương
Thì anh quyết đóng bốn thang giường gỗ lim.

Thích bốn chữ vàng

Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng
Anh tiếc công anh gắn bó với cô nàng bấy lâu
Bây giờ cô lấy chồng đâu
Để anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng
Năm trăm anh đốt cho nàng

Còn năm trăm nữa giải oan lời thề
Xưa kia nói nói thề thề
Bây giờ bẻ khóa trao chìa cho ai
Bây giờ nàng đã nghe ai
Gặp anh ghé nón chạm vai chẳng chào

Thôi lại nghĩ gần

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ
Chắc về đâu trong đục mà chờ
Hoa thơm mất tuyết biết nương nhờ vào đâu
Số em giàu lấy khó cũng giàu
Số em nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo
Phải duyên phải kiếp thì theo
Thân em có quản khó nghèo làm chi
Chữ nhân duyên thiên tải nhất thì
Giàu ăn khó chịu lo gì mà lo

Được mấy anh hùng

Một đời có mấy anh hùng
Một nước được mấy đức ông trị vì
Anh đừng cợt ghẹo em chi
Em đang chắp chỉ chọn ngày cải hoa
Tin lên thiên thượng Hằng Nga
Cậy ông Nguyệt lão với bà Tơ vương
Chăn loan gối phượng sẵn sàng
Màn đào rủ dọc lầu hồng dãi ngang
Còn đang chọn đá thử vàng
Ngọc lành ai quảy ra đàng bán rao
Quan quan bốn tiếng thư cưu

Mong người quân tử hảo cầu kết duyên
Phấn son cho phỉ tấm nguyền
Anh hùng sánh với thuyền quyên mới tình
Phạt tha thơ ấy rành rành
Phỉ môi bất đắc xin anh liệu lường

Ông trăng lại tròn

Ông trăng khuyết ông trăng lại tròn
Gái tơ quá lứa lỡ thì mất giòn em chả có xinh
Vẳng tai nghe lời nói hữu tình
Cái con chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao
Gớm ghê thay cái số bông huê đào
Cởi ra rồi lại buộc vào như chơi
Chàng Thúc sinh quen thói bốc trời
Trăm nghìn đổ một trận cười như không
Chàng vô chăn gối loan phòng
Thiếp tôi ra tựa cái bóng đèn chong canh dài
Vả thiếp tôi phận nay gái nữ hài
Thấy chàng quân tử đáng tài trai anh hùng
Gương bạch nhật mà sánh với quạt thanh phong
Sao chàng chẳng nhớ cái tiết mùa đông lạnh lùng
Chàng nằm đâu chàng nhủ thiếp tôi cùng

Em ở trong phòng

Lúng túng em ở trong phòng
Chăn bông lơn đệm quế dốc lòng chờ đợi ai
Má hồng còn có cơn phai
Răng đen da trắng mái tóc dài anh yêu
Em nghĩ mình em đoan thế mỹ miều

Chồng con chẳng lấy quyết liều xuân ru
Song ngoảnh lại trông xuân
Xuân bây giờ đã xế tầy ngang vai
Sách có chữ rằng xuân bất tái lai
Đêm hôm khuya khoắt lấy ai bạn cùng
Song cửa sổ chạm rồng
Chồng con chẳng lấy không chồng chẳng có tươi
Em mà thiệt lắm em ơi

Tề lao xáo xác

Con chim nó kêu tề lao xáo xác
Tề lao xào xạc mụ ơi hỡi mụ
Đứng lại mà xem con vượn nó trèo
Trái núi qua lối nọ đường tê
Mặt trông thấy trai tang tình lịch sự
Cái quần bốp tím cái lông rím bạc
Cái lược đồi mồi tình tính tinh mồi
Lòng em quyết theo tay rút cái neo
Cho thuyền nó chạy nó chạy lên ngàn
Thuyền sa xuống lạch nước chảy ranh rách
Cá lội so le con trăm lạy mẹ
Con đi theo chồng tình tính tinh chồng
Kìa kìa theo chồng bồng bế nhau đi
Tôi đi qua cầu cầu cao gẫy nhịp
Tôi ngã ướt áo tôi đau bụng lắm
Mụ ơi hỡi mụ xin mụ tí gừng
Qua lối nọ cho mau

GIAI THOẠI LÀNG VĂN

1. Đắp chiếu nằm rơm

Tả quan Lê Văn Duyệt khi kéo quân ra Bắc, nghi vệ oai phong lẫm liệt, mọi người mà gặp phải vội tránh đường đi. Nguyễn Công Trứ lúc còn trẻ, đang ngồi trong một quán nước, liền ra nằm lên một đống rơm rồi lấy chiếu đắp lên trên. Tả quân đến nơi thấy thế, sai quân lôi dậy hỏi. Ông Nguyễn thưa rằng:

- Tôi là học trò qua đây bị cơn đau bụng. Bởi vậy biết tướng công sắp đến nhưng không kịp tránh đi đâu.

Tả quân bảo:

- Đã là học trò thì hãy tỏ tài coi!

Nói xong truyền phải làm hai câu đối vịnh người "đắp chiếu nằm rơm". Ông Nguyễn đọc ngay rằng:

Ba vạn anh hùng đè xuống dưới
Chín lần thiên tử đội lên trên

Tả quân khen là tài, tha không bắt lỗi.

2. Ông Cống làm trâu

Có một năm trời làm đại hạn, quan tri phủ Vĩnh Tường sửa soạn cầu đảo và cấm giết trâu bò. Hồ Xuân Hương là vợ

quan tri phủ, hôm đó bỗng thấy một lá đơn của một ông Cống mới thi đậu xin phép giết trâu để ăn khao. Bà liền cầm bút phê ngay:

Người ta thì chẳng được đâu
Ừ thì ông Cống làm trâu thì làm

Sau đó, nhân lại thấy một lá đơn hàng tổng xin mổ bò tế lễ, bà liền cũng phê rằng:

Chuẩn y quả việc tế thần
Bằng gian bán thịt bà dần xương ra
Manh lòng dối trá cửa ta
Bà thì chọc tiết không tha một thằng

3. Đề tranh tam giáo

Xưa kia có người theo đạo Lão, nhà có bức tranh vẽ Lão Tử ngồi đàm đạo với Phật tổ, mà dưới đất thì có Khổng Tử nằm phục xuống mà nghe. Một hôm người đó đang tiếp một nhà sư thì có một nho sĩ ghé qua chơi. Hai ông nhân muốn lỡm nhà nho bèn chỉ vào bức vẽ mà mời đề thử một bài thơ Nho sĩ nhanh trí, đề rằng:

Lão thị thuyết pháp
Phật thị đàm kinh
Khổng Tử văn chi
Tiếu nhi trụy địa

Nghĩa là:

Lão thị giảng pháp
Phật thị bàn kinh
Khổng Tử vừa nghe
Cười lăn xuống đất

4. Muốn hóa dưa hồng

Tú Xương một hôm ra sân dòm qua hàng giậu bỗng thấy một cô gái đang ngồi rửa trái dưa hồng trong chậu nước, liền ứng khẩu ngâm lên:

Ước gì ta hóa ra dưa
Để cho ai tắm nước mưa chậu đồng
Ước gì ta hóa ra hồng
Để cho ai bế ai bồng ai chơi

5. Bởn cô hàng Chấn

Dương Khuê một hôm cùng mấy người bạn ghé nghỉ chân trong một quán hàng. Nhân thấy cô hàng xinh xắn, mới hỏi thăm tên. Cô hàng xưng là Chấn. Mấy người bạn liền thách Dương Khuê làm một bài thơ về cô hàng Chấn mà phải có một chữ bát quái trong mỗi câu thơ. Ông liền nghĩ đọc:

*Bên bắc bến **đoài** chẳng hề đoái*
*Khen cho cô **Chấn** thực là quái*
*Ra vào **cấn** chỉ hệt lưng ong*
*Ăn nói **khôn** ngoan hơn mép giải*
***Tốn** nhượng cho hay lúc chửa chồng*
***Khảm** kha cũng thế thì con gái*
*Xin đừng **càn** dỡ với người ta*
*Kẻo nửa **li** ti mà mắc dại*

6. Ba ông Tam thế

Đời vua Lê Thánh Tôn có ba ông tiến sĩ đồng khoa là Thế Lịch Thế Hiển Thế Vinh. Hôm ban yến tiệc, vua có ứng khẩu một câu rằng: "Thế Lịch Thế Hiển Thế Vinh, tam thế

đồng khoa vinh hiển lịch". Đến ngày vinh quy bái tổ, Thế Lịch về đến huyện Trực Ninh thì có bạn là Phạm Văn Uyển ra đón mừng một bài thơ rằng:

Ba ông tam thế trên tòa
Khéo rủ nhau vào đỗ một khoa
Nhưng vậy bụt no nhờ có oản
Chẳng thì bụt đói bụt ra ma

Thế Lịch tức thì họa lại:

Có tu bụt mới hóa trên tòa
Một tháng hai lần diễn giáo khoa
Bụt vẫn ăn chay không sợ đói
Bụt đâu có lẽ hóa ra ma

7. Trịnh Sâm - Nguyễn Khản

Nguyễn Khản làm quan Tả thị giảng là thầy dạy thế tử Trịnh Khải con chúa Trịnh Sâm. Trịnh Sâm vốn ưa Nguyễn Khản, thường cho ông này đi theo trong những cuộc nhàn du. Một hôm, chúa sai gọi đi câu thì ông cáo là có bệnh. Chúa liền sai đưa ra một bài thơ rằng:

Đã phạt năm đồng bỏ buổi chầu
Lại phạt năm đồng bỏ buổi câu
Nhắn bảo ông bay về nghỉ đấy
Hãy còn phạt nữa chửa tha đâu

Ông được thơ chúa, liền họa theo vần:

Váng vất cho nên phải cáo chầu
Phiên chầu còn cáo nữa phiên câu
Trông ơn phạt đến là thương đến
Ấy của nhà vua chứ của đâu

Chúa xem lấy làm vừa ý, khen là cao diệu khôn ngoan.

8. Chân lão cầm thú

Xưa kia có một thầy đồ xứ Nghệ khéo vẽ, được một quan Tể tướng vời đến để vẽ cho ngài một bức chân dung. Đến khi vẽ xong, ngài liền bảo thầy đồ hãy nghĩ đề vào mấy chữ. Thầy đồ nghĩ một chút rồi đề:

Chân lão cầm thú

Quan tể tướng lúc đó đứng ở bên xem, tức thì quắc mắt:

- Viết vậy là sao?

Thầy đồ thản nhiên đáp:

- Bẩm tướng công tôi chưa viết hết!

Nói xong mới quệt bút đề thêm vào sau mỗi chữ đã viết, để thành ra:

Chân tể tướng
Lão trung thần
Cầm chi phượng
Thú chi lân

Nghĩa là:

Thực quan tể tướng
Bậc lão trung thần
Phượng trong loài chim
Lan trong loài thú

9. Trêu bỡn nhà sư

Hoàng Văn Thái là một danh sĩ ở Nghệ An. Khi còn trẻ tuổi, một hôm qua ngôi chùa kia thấy nhà chùa nhân dịp tết có dán tờ giấy đỏ đề tám chữ hai hàng :

Khuyến thiện trừng dâm
Cứu nhân độ thế

Tức thì ông đi mượn bút mực, đề thêm vào mỗi hàng bảy chữ để thành ra:

Khuyến thiện trừng dâm
con đâu đẻ tháng tư mồng tám
Cứu nhân độ thế
của ai vay mất một đền mười

Một bữa khác, gặp một nhà sư thách câu đối khó, ông không những đã đối ngay được mà ý câu đối còn trêu bỡn nhà sư. Câu xướng đối của nhà sư:

Cái là tượng, tượng là voi, voi chầu cửa cái

Ông đối lại là:

Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thầy tu

Lại có một bữa khác đi qua một ngôi chùa nọ, ông giả làm một anh học trò túng kiết ghé vào xin bố thí chút tiền tiêu. Nhà chùa đang ngồi lau đèn bệ Phật nhân sẵn có quan tiền để đó, liền rằng:

- Ta ra câu đối, nếu đối được, sẽ cho nhiều!

Ông liền nói xin vâng. Nhà chùa liền nói:

- Đây là xướng đối: *"Dầu vương cả để"*.

Ông liền bước lại cầm lấy cả quan tiền rồi vừa bước ra vừa ngoảnh lại:

- Đây tôi đáp đối: *"Ỉa vãi vào sư"*.

Nói xong tức khắc chạy đi ngay.

10. Câu đối khóc mẹ

Ông Ích Khiêm làm quan triều Tự Đức, văn võ toàn tài. Năm nọ đang cầm quân đánh giặc, bỗng được tin mẹ chết, ông coi việc quân làm trọng, chỉ viết đôi câu đối gửi về khóc mẹ như sau:

Mạc hiềm trần thế Khiêm vô mẫu
Ưng tiếu tuyền đài phụ hữu thê

Dịch nghĩa:

Trần thế đừng hiềm Khiêm mất mẹ
Tuyền đài có vợ hãy mừng cha

11. Câu đối hàng phân

Lê Thánh Tôn một hôm gần tết, vi hành ra đường phố xem xét dân tình. Khi đi qua một nhà kia, thấy cửa ngõ quạnh hiu, bèn ghé vào thăm hỏi. Người chủ nói là mình làm nghề hèn hạ, cho nên tết đến cũng chẳng biết sắm sửa chi nhiều. Ngài hỏi nghề chi mà nói là hèn hạ thì người nọ đáp là nghề gắp phân. Ngài bèn bảo:

- Can chi điều ấy! Để ta ra cho mấy chữ hơn người!

Nói xong bảo chạy đi mua tờ giấy đỏ rồi viết hai câu:

Ý nhất nhung y, năng đảm thể gian nan sự
Đề tam xích kiếm, tận thu thiên hạ nhân tâm

Dịch nghĩa:

Mặc chiếc áo nhung, đảm đang việc khó thế gian
Cầm ba thước kiếm, thu hết lòng người thiên hạ

12. Thợ cối thanh tra

Một năm ở Hải Dương có quan thượng ở miền trong ra nhận chức. Ông Nghè Tân bấy giờ làm thanh tra, đang muốn thử xem vị quan mới ra sao. Một hôm ra chơi phố ông bỗng gặp một bác thợ cối gánh đồ nghề vào dinh đóng cối cho bà Thượng. Ông bèn xin theo phụ giúp một tay. Nói xong liền cởi áo dài đút vào bồ, xắn quần đến gối, rồi ghé vai quẩy gánh đi theo.

Vào trong dinh, làm việc đến trưa, ông nhân thấy công đường vắng vẻ, liền trèo ngay lên sập gụ, nằm bắt cẳng chéo kheo. Một chốc quan Thượng đi ra. Ông liền đứng lên thi lễ, rồi tạ lỗi rằng mình là học trò nghèo túng, nay theo bác thợ cối làm giúp để kiếm một bữa cơm ăn. Quan thượng thấy vẻ người tuấn tú, cũng không nỡ mắng, lại còn cho được hầu cơm. Bấy giờ, đang vừa ăn vừa nói chuyện, quan Thượng bỗng chỉ lên tường mà bảo:

- Anh thử nghĩ mấy chữ đề bức vẽ kia xem!

Ông ngó thì thấy đó là một bức tranh "nhất ô bách tước" vẽ một con chim qụa và trăm con sẻ. Ông liền xin cho một bình rượu. Quan Thượng cho ngay. Ông uống xong một chén, rồi đề: "nhất chích". Lại uống chén nữa, rồi lại đề: "hựu nhất chích". Sau đó ông uống hết cả bình rượu, rồi đề tiếp: "tam tứ ngũ lục thất bát chích". Đến đây, ông đặt bút thưa rằng:

- Bẩm quan lớn, vậy là đủ một trăm lẻ một con rồi!

Quan Thượng ngạc nhiên, rồi nhẩm tính:

- Nhất chích nhất chích hựu nhất chích, vậy là ba con. Tam tứ là mười hai con. Ngũ lục là ba mươi con. Thất bát là năm mươi sáu con. Ba cộng với mười hai là mười lăm, cộng với ba lăm là bốn mươi lăm, rồi cộng với năm mươi sáu là một trăm lẻ một!

Quan Thượng vừa tính xong, ông lại xin một bình rượu nữa. Rồi liền đó, uống hết, lại mới cầm bút viết thêm rằng: "Hà ô chi thiểu điểu thiểu chi đa, thực tận nhân gian thiên vạn thạch".

Quan Thượng ngồi đọc lại:

Nhất chích nhất chích hựu nhất chích
Tam tứ ngũ lục thất bát chích
Hà ô chi thiểu điểu chi đa
Thực tận nhân gian thiên vạn thạch

Dịch nghĩa:

Một chiếc một chiếc lại một chiếc
Ba bốn năm sáu bảy tám chiếc
Cớ sao ít quạ lại nhiều chim
Ăn hết nhân gian nghìn vạn học

Đọc xong quan Thượng tấm tắc khen hay rồi mới nói:

- Như tài anh mà thi không đậu được!

Ông đứng lên vái nói:

- Thưa ngài, tôi là học trò nghèo túng, thi một khóa đậu ngay tiến sĩ, từ bảy năm nay đức vua ghét vì có tính thanh liêm, nên mới cho đi kiểm soát các quan ngoài xứ Bắc. Hôm nay nhân thấy quan bà cần người đóng cối, nghĩ ngài là chúa trong tỉnh, phải vội vào hầu lệnh quan bà!

Quan Thượng nghe nói, biết ngay đây là ông tiến sĩ Nguyễn Quý Tân, hiện làm quan thanh tra quan lại miền Bắc. Tức thì vội đứng lên xin lỗi và xin hứa sẽ hết sức liêm chính trong việc chăn dân.

13. Đề miếu Hạng Võ

Hạng Võ tranh thiên hạ với Hán Cao Tổ, về sau bại trận chết ở sông Ô Giang, được dân làm miếu thờ ở bên sông. Từ đó thành thiêng. Người ta nói rằng thuyền bè đi lại, nếu không vào yết miếu và đốt mấy man vàng thì thường bị đắm. Hồ Tôn Thốc sang sứ Tàu khi đi thuyền qua đó, tuy biết thế nhưng nhất định không vào khấn lễ. Bỗng nhiên đi một quãng thì sóng gió rầm rầm, mây che đen mịt. Ông chẳng sợ hãi, bước ra đầu thuyền ngâm một bài thơ rằng:

Quân bất quân hề thần bất thần
Như hà miếu mạo tại giang tân
Giang Đông tích nhật do hiềm tiểu
Hà tích thiêu tiền bách vạn cân

Nghĩa là: "Vua chẳng phải vua, bầy tôi chẳng phải bầy tôi, sao lại có miếu mạo ở bên sông? Khi xưa cả một đất Giang Đông còn cho là nhỏ, mà nay sao lại tiếc không được đốt cúng mấy man vàng?"

14. Qua cửa Thần Phù

Cửa bể Thần Phù là một nơi hiểm ác, ca dao có câu:

Lênh đênh qua cửa Thần Phù,
Khéo tu thời nổi, vụng tu thời chìm.

Vua Lê Thánh Tôn qua cửa bể ấy có câu rằng:

Thử khứ hải môn tam thập cửu,
Kế trình hà nhật đáo Ô Châu?

Nghĩa là:

Lần đề này qua ba mươi sáu cửa bể hành trình đến ngày nào mới đến Ô Châu?

15. Đối chữ sách

Bà Đoàn Thị Điểm khi lên sáu tuổi, một hôm đọc sách Hán Cao Tổ, anh ra câu đối rằng:

Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhi trâm chi

Bà đối rằng:

Hoàng long phụ chu, Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết.

Nghĩa là:

Rắn trắng giữa đường, người Quý tuốt gươm mà chém.
Rồng vàng đội thuyền, ông Vũ ngửa mặt mà than.

Hai câu này đều lấy điển trong sách bà đang học.

16. Đối chữ bóng

Một hôm bà Đoàn Thị Điểm đương soi gương ở cửa sổ, anh là ông Luân ra câu rằng:

Đối kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm.

Nghĩa là "Soi gương vẽ mày, một nét hóa hai nét" có thể hiểu là "Một cô Điểm thành hai cô Điểm".

Bà đối rằng:

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Nghĩa là: "Tới ao xem trăng, một vừng hóa hai vừng" có thể hiểu là "Một ông Luân thành hai ông Luân".

17. Đi một mình

Một hôm bà Điểm đi chơi một mình ngoài đường, gặp ông Thượng Nguyễn Công Hãn. Ông bảo bà vịnh hai câu "đi một mình". Bà đọc rằng:

Đàm đạo cổ kim tâm phúc hữu.
Truy tùy tả hữu cổ quăng thần.

Nghĩa là "Bàn chuyện kim cổ chỉ có bạn cật ruột, xung quanh tả hữu có bầy tôi chân tay".

Thật rõ là "đi một mình", chỉ có bụng dạ và tay chân!

18. Khóc chồng con

Khi chồng và con đều mất, bà Điểm có hai câu khóc chung rằng:

Tuyền hạ thừa hoan, ưng tri quân hữu tử,
Mộng trung đối thoại, thùy vị thiếp vô phu.

Nghĩa là:

Dưới suối hầu vui, vẫn biết chàng có con,
Trong mê nói chuyện, ai bảo thiếp không chồng.

19. Thử tài thích thực

Bà Bang Nhỡn nổi tiếng thơ Nôm. Có người muốn thử tài bà, mới thách bà đổi hai câu sau này ra hai câu Đường luật:

Phượng hoàng đua, bìm bịp cũng đua,
Mâm thau nhịp, mâm nan cũng nhịp.

Bà liền dịch:

Vuốt ve lông cánh theo ngàn nhận,
Chung chạ thanh âm đủ tám nghề.

20. Vương Toán

Vương Toán thuở nhỏ nhà nghèo, một hôm trông thấy con gái quan Đô úy Bạch Lạc đi qua, liền đòi mẹ phải đi hỏi cho kỳ được. Bà mẹ đến nơi sợ quá, rụt rè mãi ở ngoài dinh. Lính liền dẫn vào quan. Quan hỏi thăm rất kỹ rồi cho gọi Vương Toán đến. Khi gặp mặt, thấy vẻ khôi ngô, liền ra câu đối:

Trai họ Vương, đầu đội nón trúc, tuổi hai mươi, hà túc toán dã.

Câu này chắp chữ vương, chữ trúc và chữ trấp là hai mươi, thành chữ Vương Toán.

Vương Toán đối rằng:

Gái họ Bạch, lưng thắt dây tơ, tuổi mười tám, bất diệc lạc hồ.

Câu này chắp chữ bạch, chữ ty, chữ thập bát là mười tám, thành chữ Bạch Lạc

Quan khen lắm, có ý muốn gả con cho. Nhưng cô con gái đứng trong rèm nghe, dẫy nẩy không chịu, chê đồ quần manh áo rách. Vương Toán lẩm bẩm: "Sao chẳng thương nhau!" Cô ta nghe tiếng, thốc lại cho một hồi rằng:

- Thương cha, thương mẹ, thương vợ, thương chồng, thương con, thương cái nhà mày, ai khiến mày thương!

Quan thấy vậy vin ngay lấy lời con mà bảo Vương Toán rằng:

- Đấy nó ra đầu bài cho anh đấy, hễ làm được thì ta bắt nó lấy anh ngay!

Vương Toán liền làm:

Há dám thương đâu phận má hồng
Thương về một nỗi để phòng không
Thương cha thương mẹ nhện dăng tơ lưới
Thương vợ chồng Ngâu cách mặt sông
Thương con quốc rũ kêu mùa hạ
Thương cái bèo xanh dạt bể đông
Quân tử có thương, thương thế đó
Há dám thương đâu phận má hồng

Cô nọ thấy hay quá, liền cũng bằng lòng.

21. Đế vương khẩu khí

Lý Công Uẩn khi còn nhỏ, theo học nhà sư Vạn Hạnh. Một hôm học bài không thuộc, bị thầy trói lại, đêm khuya mới nghĩ ngâm rằng:

Dạ thâm bất cảm tràng thân túc
Chỉ khủng sơn hà xã tắc điên

Nghĩa là: "Đêm khuya không dám dang chân duỗi, chỉ sợ sơn hà xã tắc xiêu".

22. Lưu vong khóc mẹ

Ông Đinh Nhạ Hành, năm Kỷ Dậu gặp quốc biến, đem cả nhà theo vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu. Gặp khi mẹ mất có câu khóc rằng:

Nhật trầm tây lĩnh, thủy đông lưu, cổ kim thường thái.
Mẫu mộng nam kha, quân bắc độ, gia quốc câu ưu.

Nam Phong dịch:

Thói thường ngán nỗi xưa nay,
Miền đông nước chảy, non tây bóng tà.
Phần lo việc nước việc nhà,
Vua xa đất Bắc, mẹ già cảnh Nam.

23. Trạng Hiền

Đời Trần Thái Tôn người Tàu sang sứ bên ta, nhân có đưa ra một bài thơ ngũ ngôn để thử nhân tài nước Nam.

Thơ rằng:

Lưỡng nhật bình đầu nhật
Tứ sơn điên đảo sơn
Lưỡng vương tranh nhất quốc
Tứ khẩu tung hoành gian

Quần thần không ai hiểu ý. Bấy giờ Trạng Hiền mới mười ba tuổi [1], vua sai sứ đến tận nhà tìm hỏi nghĩa bài thơ. Sứ đi đến làng, thấy một cậu bé, nhân ngờ là Trạng, mới dừng lại đọc:

Tự là chữ, cắt đằng đầu, chữ tử là con, con ai con ấy?

Cậu bé ứng khẩu đối ngay:

Vu là chưng, bỏ ngang lưng, chữ đinh là đứa, đứa nào đứa này?

Đối xong chạy mất. Sứ biết ngay là Trạng. Đến lúc vào nhà, thấy Trạng đang đứng dưới bếp, sứ đọc một câu:

Ngô văn quân tử viễn bào trù, hà tu mị táo.

Nghĩa là: "Tôi nghe người quân tử xa nơi bếp, sao nên nịnh vua bếp"

Trạng đối ngay rằng:

Ngã bản hữu quan cư đỉnh nại, khả tạm điều canh.

Nghĩa là: "Ta vẫn có chức Tể tướng, nhưng hãy tạm nấu canh".

Sau sứ mời lai Kinh, đem bài thơ ra hỏi. Trạng giảng rằng: "Câu thứ nhất là hai chữ nhật ngược xuôi bằng nhau, câu thứ hai là bốn chữ sơn ngược xuôi vẫn là sơn, câu thứ ba là hai chữ vương tranh nhau một nước. Câu thứ tư là bốn chữ khẩu ngang dọc vẫn là khẩu. Tóm lại chỉ là một chữ điền".

Trạng Hiền là người rất thông minh, lúc mới lên bảy tuổi, một hôm chơi với lũ trẻ ngoài đường nặn đất làm voi, bốn chân để lên con cua, bát đĩa làm vòi, thành ra con voi giả mà tiến đi và co vòi được. Bỗng có một ông quan đi qua, đứng lại xem, hỏi chuyện. Rồi nhân thấy thằng bé ứng đối rất nhanh, quan mới đọc một câu rằng:

Đồng tử ngũ lục nhân, vô như nhĩ xảo

Nghĩa là: "Năm sáu đứa trẻ, không đứa trẻ nào khéo bằng mày".

Trạng hỏi lại ông quan rằng:

- Quan là chức gì?

Ông quan nói:

- Ta là quan Thái thú

Trạng đọc luôn rằng:

Thái thú nhị thiên thạch, mạc nhược công...

Nghĩa là: "Thái thú ăn lương hai nghìn hộc, chẳng là ông..."

Quan cười mà bảo:

- Đối còn thiếu chữ!

Trạng bảo cho tiền, rồi đối nốt. Quan liền cho tiền xong, Trạng đọc:

Thái thú nhị thiên thạch, mạc nhược công liêm

Nói xong lại bảo:

- Nếu quan không cho tôi tiền tôi sẽ đối lại là: Thái thú nhị thiên thạch, mạc nhược công tham

24. Phỉ xa bất đông

Đời chúa Trịnh có sứ Tàu sang ta, đến cửa Nam Quan viết một chữ đố cả nước ai biết thì mới vào cửa ải [1]. Khi đó ông Lê Quý Đôn bị cách chức, chúa Trịnh phải phục chức vời ông ra, ông mới viết bốn chữ:

Sứ tàu chịu là đoán giỏi. Vua chúa bây giờ mới biết là đố mẹo, trong Kinh Thi có chữ "Phỉ xa bất đông" mà họ viết chữ xa không ra xa, đông chẳng ra đông. Họ viết một chữ mà đủ ý bốn chữ.

25. Giễu quan chột mắt

Tú Quỳ có một ông bạn tên là Đĩnh chột một mắt và làm quan võ. Ông này một hôm nào bảo Tú Quỳ vịnh cho mình một bài thơ. Tú Quỳnh liền đọc:

Đề binh khiển tướng thiếu chi người
Nhắm lại anh hùng có một ngươi

Mới đọc được hai câu, ông kia xua tay nói:

1. Một chuyện đáng tin chăng?

- Lại xỏ rồi! Lại xỏ rồi!

Rồi không cho đọc nữa.

26. Ngô Thì Nhậm

Ngô Thì Nhậm làm quan với Tây Sơn, thường tỏ ra miệt thị Đặng Trần Thường. Về sau Đặng Trần Thường theo vua Gia Long, khi làm Tham tán Bắc thành, được vua cho phép, mới bắt Ngô Thì Nhậm đến, rồi ra câu đối:

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai ai dễ biết ai.

Ông Nhậm đối rằng:

Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế.

Đặng Trần Thường khen rằng:

- Tài người đáng khen, nhưng đầu người không đáng để!

Nói xong sai đánh chết để trả thù riêng.

27. Mừng đẻ con trai

Ông Thượng Trứ mới sinh con trai, đầy tháng làm cỗ mời họ hàng bạn hữu. Trong bọn bạn hữu có ông Nghè Tân vốn hay thơ từ đùa bỡn. Nhân lúc khách khứa bề bộn ông mới lẻn vào buồng để mấy câu thơ. Tối khách về cả, ông Thượng Trứ vào buồng thì thấy ba câu:

Mừng ông nay mới đẻ con trai
Thực giống con nhà, chẳng giống ai
Mong cho chóng lớn mà ăn cướp
...

Xem xong biết ngay là của Nghè Tân. Nhưng sao lại viết thiếu câu? Mà thơ sao nói xược? Đến mai lại làm rượu

mời sang hỏi, và xin đề nốt câu kết. Ông Nghè Tân mới vào buồng viết thêm một câu rằng:

Cướp lấy khôi nguyên kẻo nữa hoài

28. Gái thử tài trai

Ông Nghè Tân dạy học, cạnh nhà có cô gái vừa khấu vừa xinh. Học trò của ông đến học,đi về vẫn thường ngấp nghé, bảo nhau là "người thật đáng yêu". Cô gái nghe thấy thế tức lắm, nên một hôm ra mặt bảo rằng:

- Các cậu yêu thì cũng xin vâng. Nhưng tôi ra một câu đối, ai đối được, thì hãy hòng yêu. Bằng không, từ giờ chớ đi qua cửa nhà tôi mà xấu mặt! Các cậu đứng nghe, cô ta liền đọc:

Yêu nhau như bâu, như dót, như hót vào thúng, như búng con quay, như xoay thợ tiện, như bện hàng tơ.

Các cậu xấu hổ không đối được, tìm đường lãng hết. Từ đó đi học phải rẽ ngõ khác, thường bị chó cắn sủa om sòm. Khi vào học, cụ nghè mới mắng:

- Sao đường chính không đi, lại rẽ lên lối đó?

Các cậu bấy giờ mới thú thực. Ông nghe xong liền mắng:

- Chúng bay dốt quá. Có câu dễ thế mà không đối được, thì còn học hành gì!

Rồi ông mới đối rằng:

Lấy đây có bầu, có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp, có đệp bánh chưng, có lưng hũ rượu.

Các cậu nghe xong phục quá.

29. Đơn trâu

Một hôm ông Nghè Tân đi thanh tra các hạt, khi đến

địa hạt Bình Giang, nhân ghé vào một quán hàng nghỉ mát. Chợt một mụ đàn bà hớt hải đi qua quán hàng, thấy ông ăn mặc nho nhã, liền kể tình cảnh rằng mụ có con trâu chết, đã nhờ thầy Lý làm hộ lá đơn khai để nộp tiền chôn trâu, chẳng may mụ dắt lưng đánh rơi mất lá đơn, xin ông viết hộ. Ông nghè Tân hỏi rõ đầu đuôi, mới rõ cái tệ của quan phủ nơi đó: ông này là người xứ Nghệ, ra lệnh rằng cứ ai có trâu chết phải nộp năm quan, còn bò chết phải nộp ba quan. Ông Nghè Tân liền viết hộ mụ lá đơn khác:

Mỗ niên hiệu nguyệt nhật, mỗ phủ huyện tổng xã
Tôi là phận gái nữ nhi
Có con trâu chết, tôi đi trình ngài
Vội vàng, váy trụt đơn rơi
Tôi mượn một người mần cái đơn ni
Quan Tri kia hỡi quan Tri
Xin quan chấp lấy đơn ni làm bằng
Dù quan có hỏi: "Mần răng"
Rồi quan cắn cỏ lạy thằng mần đơn

Mụ kia không biết chữ, nên mới cầm thẳng đến phủ.

Quan phủ xem xong mướt mồ hôi, hỏi cặn kẽ mụ, rồi cho lính đi dò kẻ mần đơn. Đến khi biết là quan thanh tra ngài mần, quan vội vàng đi đón rước lạy van. Ông Nghè Tân nhiếc quan Phủ một hồi, và bắt phải bỏ ngay cái tệ tục ấy, từ giờ trâu bò chết cứ cho chôn, rồi tổng lý sau sẽ trình chiểu. cấm không được vòi tiền.

30. Viếng ông lão chết

Trong làng nọ có ông lão chết, anh nọ đến xin ông Thám Hàm đôi câu đối để viếng. Rồi anh ta kể một thôi một hồi rằng: "Ông ta năm nay bảy mươi hai, hai vợ bốn con trai, năm hai mươi mốt tuổi liền trúng tam khoa, trước có

làm quan, sau về dạy học, bây giờ chết trai gái đông đủ nên vợ nên chồng". Ông Thám nói:

- Thế thì nào khó, sẵn đấy, lấy bút chép ngay đi.

Rồi cụ đọc theo như lời vừa kể, rõ ràng từng chữ mà nghe rất văn hoa:

Nhị thập nhất, nhất cử trúng tam khoa, tiến vi quan, đạt vi sư,công danh cái thế

Thất thập nhị, nhị phòng sinh tứ tử, nam hữu gia, nữ hữu thất, thiên địa hoàn nhân.

Nghĩa là: "Hai mươi mốt tuổi, đỗ liền ba khoa, lúc làm quan, lúc làm thầy, công danh nhất thời. Bảy mươi hai tuổi, hai vợ bốn con, trai có vợ, gái có chồng, trời đất rước người về".

31. Bài thơ văn võ

Nguyễn Công Trứ khi còn đi học, một hôm ra đường gặp một ông quan võ, ông không tránh nép mà cứ đi lại nghênh ngang. Quan võ sai lính bắt lại hỏi. Ông nói là học trò. Quan võ bảo:

- Đã là học trò thì làm một bài thơ xem thử!

Nói xong ông lại cho hai chữ "văn võ" làm đề.

Ông liền làm rằng:

Đoái xem văn võ cả hai hàng
Bên văn sang, bên võ cũng sang
Dù tía, võng xanh, văn đủng đỉnh
Gươm vàng, thẻ bạc, võ nghênh ngang
Văn dìu cánh phượng yên trăm họ
Võ thét oai hùm dẹp bốn phương
Gặp hội thái bình văn trước võ
Võ đâu dám sánh khách văn chương

Quan võ nghe xong, chịu là mẫn tiệp, liền thưởng tiền cho. Sau ông làm quan kiêm cả văn lẫn võ, đúng với khẩu khí ở bài thơ.

32. Trách thần Châu chấu

Nguyễn Công Trứ một hôm trẩy quân đi qua đền thờ Châu chấu ở Bình Thuận là một đền thờ bà Chúa Chấu rất thiêng. Khi qua cửa, ông không xuống ngựa, bỗng con ngựa hai chân trước khụyu xuống, làm ông suýt ngã. Ông giật cương cho ngựa đứng lên, rồi đọc một bài rằng:

Mụ thần tệ thế thì thôi
Xuýt nữa làm ta thịch cái rồi
Dẫu có thiêng liêng đành phận gái
Lẽ nào châu chấu đấu ông voi

33. Nhắn chim Bằng

Cống Chỉnh có tài đánh thủy rất giỏi, người ta vẫn gọi là Chim Bằng ở bể, trước giúp Trịnh sau lại dắt Tây Sơn về diệt Trịnh, rồi sau lại bỏ Tây Sơn về giúp Lê Chiêu Thống, thực là phản phúc không chừng. Khi Chỉnh đang lẫy lừng ngoài Bắc, Nguyễn Huệ có bài thơ nhắn Chỉnh rằng:

Ai ra ngoài Bắc nhắn chim Bằng
Lông cánh bao nhiêu dám vẫy vùng
Lồng lộng lưới trời sao thoát đặng
Rồi xem ta bắt bỏ vô lồng

Nguyễn Huệ nhắn cho biết trước, rồi sau mới sai Võ Văn Nhậm ra đánh bắt Chỉnh đem cho bốn ngựa phanh thây.

34. Gan sắt đá

Khi vua Tây Sơn Nguyễn Huệ ra Bắc đánh đuổi Tôn Sĩ Nghị, vua Lê bỏ chạy sang Tàu, các cựu thần Lê đều trốn tránh. Nguyễn Huệ liền sai đòi các quan đất Bắc về triều.

Bấy giờ Trần Danh Án nhất định trốn ở rừng rú địa phận Bắc Giang, khi bị bắt về kinh điềm tĩnh ngâm rằng:

Thân vàng dẫu bón mồm hùm cọp,
Dạ sắt khôn theo bụng chó dê.

Tây Sơn dỗ mấy cũng không được, đành phải tha đi.

35. Tấm vóc đồng tiền

Xưa kia ở phố Hàng Đào có một cô bán hàng tấm đẹp đẽ lại biết cầm bút đề thơ. Khách bình tước những lăm le bắn sẻ, ong qua bướm lại mặc tường đông, nếp khuê môn vẫn giữ. Biết bao tin đi mối lại đã nhiều, cô bực mình mới ra một câu đối, bảo ai đối được sẽ lấy:

Cô nhất cẩm tú, thượng cầm hạ thú lưỡng biên phú thọ khang ninh.

Nghĩa là: "Bán một tấm gấm,trên dưới thêu cầm thú, hai bên thêu phú thọ khang ninh".

Biết bao lâu không ai đối được. Một hôm cô thấy một anh đồ, mặt mũi trắng trẻo lại hàng đưa một đồng kẽm, đòi mua một tấm gấm. Cô ta nghiêm nét mặt bảo:

- Gấm nào đồng kẽm?

Anh kia nói:

- Tấm vóc của cô, bán cho người ta thì cao giá thực, nhưng bán cho tôi thì chỉ đáng giá một đồng thôi!... Đây này tôi nói thực, tôi lại đây là chỉ cốt đối câu đối của cô ra cho sĩ tử mà lâu nay chưa ai đối được. Như vậy chẳng những cô

mất tấm vóc với tôi mà còn mất chán cái hơn tấm vóc nữa kia.

Cô kia có ý thẹn, nhưng trót tới nước hứa lỡ rồi, đánh liều bảo rằng:

- Nào thế đối đi!

Anh kia chỉ vào đồng tiền mà đọc:

Chú nhất văn tiền, nội phương ngoại viện, tứ tự Gia Long thông bảo.

Nghĩa là: Đúc một đồng tiền, trong vuông ngoài tròn, bốn chữ Gia Long thông bảo".

Cô kia chịu là hay, biết là tay giỏi, mời vào trầu nước. Sau người nhà hỏi ra mới biết là Tú Xuất, tay xỏ có tiếng ở Hà Thành. Cô gái trót hứa, đành phải làm mặt niềm nở, đem mấy tấm gấm ra biếu khách cho êm. Tú Xuất được vóc xúng xính ra về.

36. Thơ sấm

Nguyễn Thái Thường người đời Mạc, lúc còn là học trò, có đi cầu mộng ở núi Yên Tử thấy thần báo mộng rằng đến sáu mươi tuổi mới đỗ tiến sĩ. Ông thức dậy, liền ngâm bài thơ, để cự lại lời thần:

Sách thuốc văn hay sự chẳng ngờ
Trong ba mươi tuổi đỗ thì vừa
Thần nhân sao nói sai làm vậy
Đến sáu mươi thì đã Thượng thư

Quả nhiên ông ba mươi tuổi đậu Tiến sĩ, sáu mươi tuổi làm Lễ bộ Thượng thư.

Cùng thời ấy có người học trò khi sắp thi, thấy thần nhân báo mộng bảo đến ba mươi tuổi mới đậu tiến sĩ. Khi tỉnh dậy người ấy cũng làm thơ bác lại thần rằng:

Tiến sĩ khoa này ta lấy tươi
Có chi còn đợi đến ba mươi
Thần nhân nói thế là sao vậy
Nên ở người ta, há ở trời

Quả nhiên, khoa thi đó ông ta đậu Tiến sĩ.

37. Một giầy bốn lọng

Ông Ích Khiêm khi còn nhỏ đi học, một hôm ra tỉnh chơi gặp các quan tỉnh đi làm lễ nghênh xuân. Có quan Tổng đốc ngồi võng đòn cong giá điều, đầu che bốn lọng xanh, đi tới đâu hai bên hàng phố đều phải đứng dậy cúi chào. Duy có Ông Ích Khiêm cứ ngồi nghiễm nhiên ở hàng nước, xâu hai chân vào chiếc giày rách của ai bỏ đó.

Quan thấy vô lễ, sai lính bắt lại hỏi. Khi thấy nói là học trò, liền hỏi về sự học hành. Ông Ích Khiêm ứng đối rất hoạt bát. Sau quan ra một câu đối bắt phải đối cho hay:

Cắc cớ thay, hai cẳng xỏ một giày

Ông Khiêm ứng khẩu:

Sung sướng mấy, một đầu che bốn lọng

38. Khẩu khí

Nguyễn Giản Thanh, người huyện Đông ngàn, tỉnh Bắc Ninh, có khiếu thông minh từ nhỏ. Khi ông mười sáu tuổi, một hôm tan buổi học, trời mưa to, các học trò phải ngồi cả lại ở trường, ông thầy nhân đọc một câu, bảo các học trò cùng đối, để xem khẩu khí. Đọc rằng:

Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách

Ông Thanh ứng khẩu đối ngay rằng:

Sắc bất ba đào dị nịch nhân

Nghĩa hai câu là: "Mưa không then khóa gì, mà lưu được khách ngồi lại. Sắc đẹp không có sóng gió gì, mà làm đắm được người".

Thầy bảo ông rằng:

- Anh sau sẽ làm nên to, nhưng bị đắm vào vòng sắc dục, danh không được chu toàn!

Quả nhiên sau ông đỗ Trạng Nguyên, rồi say đắm một người con gái ở kinh sư, bị ô danh bại giá.

Trong bọn học trò, có một người khác đối:

Nguyệt hữu loan cung bất xạ nhân.

Nghĩa là: "trăng có cung treo chẳng bắn ai".

Thầy đoán rằng:

- Sau làm nên nhỏ, nhưng đều được hoàn hảo.

Quả nhiên sau người học trò này đỗ Cử nhân, làm quan đến Tuần phủ.

39. Vịnh con rận

Quận Hẻo Nguyễn Hữu Cầu người làng Lôi Động, huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương, con người thuyền chài tên là Nguyễn Ứng Lân. Thuở nhỏ rất ngỗ nghịch táo tợn, có sức khỏe hơn người, ưa học võ nghệ, về sau lớn làm giặc quấy rối các miền duyên hải Bắc Hà, mãi triều Hậu Lê có ông Phạm Đình Trọng ra dẹp mới yên. Khi Quận Hẻo còn nhỏ có hai câu thơ vịnh con rận rằng:

Ngọa tắc tứ phương an chẩm tịch
Khởi nhi thiên hạ tước bì phu

Nghĩa là:

Nằm yên thì bốn phương yên chăn chiếu,
Cựa dậy thì thiên hạ ngứa thịt da.

40. Thơ khổ vận

Có mấy danh sĩ chơi thuyền, đến một chỗ kia có tảng đá lớn chận giữa dòng sông, làm cho nước chảy rẽ ra hai bên. Một ông ứng khẩu:

Bóp lòng mà chịu hai dòng nước

Đọc xong, ông ta thách đối mà lại phải hạ vần "eo". Trót nửa ngày chẳng ai nghĩ ra câu gì. Mai sau mới có một ông đọc rằng:

Nát ruột chưa ra một vận eo.

41. Vỏ quít dầy

Có một sư một tiểu đi cúng làng trên về, qua cánh đồng gặp cô gái chăn trâu ở ruộng, nhà sư trông hay mắt, đọc ngay rằng:

Ngưu nữ tại trung điền, nhất luân hướng tiền, nhất luân hậu.

Nghĩa là: "Người trâu ở giữa ruộng, một đồ hướng trước một đồ hướng sau". Không ngờ gặp cô con gái biết chữ, đối lại một câu, làm cho sư tiểu nhà ta chết điếng:

Sư đệ hành ngoại lộ, lưỡng đầu thùy địa lưỡng đầu thiên.

Nghĩa là: "Sư tiểu đi ngoài đường, hai đầu cúi xuống, hai đầu chầu lên".

42. Quan án họ Cao

Xưa kia về hạt Hà Đông có một ông Quốc cữu thường hay lộng quyền cậy thế. Ông có nuôi một con hạc, cổ cho đeo bài ngà đề chữ: " Ai đánh chết phải đền mạng". Một hôm

hạc vào quấy nhiễu trong vườn kia, bị đàn chó săn cắn chết. Chủ trại xin đền nhưng Quốc cữu không chịu, nhất định đòi quan án tống giam ngay. Quán án thấy việc bất bình, nhưng hiềm danh phận nhỏ, quyền thế bé, mới sai chở hết đồ đạc và gia quyến về kinh. Sau đó mới đòi chủ trại đến xử, đồng thời cũng cho mời Quốc cữu sang dinh. Đoạn rồi hạ bút phê rằng:

Hạc chi huyền bài
Khuyển bất thức tự
Cầm thú tương thương
Ư nhân hà dự

Nghĩa là:

Hạc kia đeo bài,
Chó không biết chữ
Cầm thú hại nhau,
Việc chi người dự

Phê xong sai đem chém cổ con chó, rồi cho chủ trại ra về. Quốc cữu tức quá, về phủ điểm binh sang. Nhưng đến nơi thì cả nhà quan án đã dọn đi đâu hết chỉ còn trơ có cái dinh không.

Quan án sau đó về Kinh đem việc ấy tâu vua. Vua giáng chỉ hạ ngục Quốc cữu và cho quan án lại về nhậm chỗ cũ.

43. Câu đối mỉa đời

Xưa kia có người dán câu đối sau này ở chỗ ngồi chơi, kể cũng mỉa đời một cách chua chát:

Nguyện tử tôn ngu lỗ đáo công khanh, hữu như Tô thị

Khi thê thiếp giao du tận hiển giả, khởi độc Tề nhân.

Nghĩa là: "Chỉ xin cầu con cháu cứ ngu lỗ mà mũ chuồn đai bạc, như lời ông Tô đã nói. Về nhà dối thê thiếp rằng chơi toàn với người sang cả, chẳng cứ gì một Tề nhân".

Câu trên lấy tích ông Tô: ông này vì can vua mà phải đi

đầy nên đã làm bài thơ:

Thế nhân sinh tử vọng thông minh
Ngã bị thông minh ngộ thử sinh
Đãn nguyện tử tôn ngu thả lỗ
Vô tai vô nạn đáo công khanh

Nghĩa là:

Người đời sinh con mong thông minh,
Ta bị thông minh mà phải đến thế này,
Thôi từ sau chỉ cầu con cháu ngu lỗ,
Không tai nạn mà lại được hiển vinh.

Câu sau lấy điển người nước Tề đi hành khất ở bãi tha ma, xin rượu thừa thịt bỏ, ăn uống no say, rồi về khoe với hai vợ rằng ta đi ăn uống chỗ nọ chỗ kia sang trọng. Câu này ý nói đời dối trá man trá, chẳng cứ gì một Tề nhân, đời bây giờ thế cả.

44. Kinh lịch Lại ty

Xưa có một ông làm Lại ty, rồi thăng Kinh lịch, sau lại bị giáng xuống làm Lại ty. Chữ Ty đồng âm với chữ Ty là tơ, nên có người tặng hai câu rằng:

Bởi hay vê lắm nên xoăn sợi
Há vụng xoe rư phải lộn vòng

45. Đối xược Thừa ty

Có một người học trò tên là Lỗi có tính ngang bướng, khi vào thi, quan trường ra câu rằng:

Lỗi kia đã trọng bằng ba thạch

Người học trò nọ biết ông này làm chức Thừa ty liền mới đối rằng:

Ty nọ xem khinh đáng nửa đồng

Ba chữ thạch thành chữ lỗi, nữa chữ đồng là chữ ty.

46. Thất nghiệp nằm đình

Xưa có mấy anh học trò cùng làm bạn đi thi, nhưng chỉ có một anh đậu, lúc về họp nhau thử tài anh đậu, mới bắt anh đậu thích thực hai câu sau làm thơ Đường luật:

Cóc chết lại có minh tinh
Thất nghiệp nằm đình có trống cầm canh

Anh đậu làm rằng:

Cung thiềm lẩn bóng danh cao tít
Mảnh chiếu ơn vua trống điểm thùng

47. Vạn lý trường thành

Một ông Tổng đốc xuất thân là anh Lý trưởng, ngày sinh nhật ăn mừng,có người đem mừng bức thêu bốn chữ:

Vạn lý trường thành. Ông đốc đắc chí tấm tắc khen hay. Treo được ít lâu, có người đến chơi tán nghĩa:

- Bẩm cụ lớn, nếu bịt chữ vạn chữ thành thì lòi ra chữ lý trường ra, mà lý trường cũng có thể đọc là ... "lý trưởng".

48. Tài biện bác

Xưa cụ Thượng Giai mộ đạo Phật làm rất nhiều chùa.

Một hôm có người dán ở chùa hai câu rằng:

Phúc đức gì mày bố đĩ Giai
Hao tiền bên Bắc lại bên Đoài

Cụ Thượng Giai bắt đến hỏi. Người nọ chữa ngay rằng:

Phúc đức ai bằng cụ Thượng Giai
Làm chùa bên Bắc lại bên Đoài

Cụ Thượng cười mà không bắt lỗi.

49. Thơ rủa mát

Có một ông quan dặn lính ai hỏi cũng nói: "Quan tôi còn ngơi". Một hôm có người anh em ở xa tới thăm, lính cũng nói: "Quan tôi còn ngơi". Người kia chờ mãi không thấy dậy, mới tức mình viết mấy câu ở cửa rằng:

Một buổi hầu lại một buổi ngơi
Nào còn nhớ chữ: viễn phương lai
Ấy sang ngần ấy ngơi ngần ấy
Sang nữa thì ngơi biết mấy đời

50. Trạng Ngọt

Trạng Ngọt người tỉnh Bắc Ninh vốn cảnh nhà nghèo. Khi còn trẻ một hôm thấy võng con gái quan Thượng Bắc đi qua, liếc mắt trông lòng những ước ao, mới ra nằn nì mãi với phu cáng xin cho khiêng đỡ võng. Xong về, nhất định đòi mẹ đến hỏi. Bà mẹ không dám đi. Ông cố nằn nì. Bà mẹ cũng phải chìu con, đánh liều vào dinh quan Thượng thưa hết sự tình nỗi con gàn dở. Quan Thượng bảo:

- Đã thế thì hãy gọi nó đến đây xem!

Bà mẹ về gọi con đến. Thoạt trông, quan Thượng không thấy vẻ gì là xuất sắc, da thì đen mà người thì thấp, duy chỉ có đôi mắt là tinh. Nhưng khi hỏi đến học hành sách vở thì ứng đối lưu loát lạ thường. Nhân mới cho vào ở trong dinh, nuôi học. Mấy năm sau ông đi thi hương, đỗ Thủ khoa. Được

ngày tốt, quan Thượng cho thành thân. Tối hôm động phòng, sắp bước chân vào buồng, tiểu thư ngăn không cho vào vội, ra một câu, bảo đối được mới cho vào:

Ốc lậu nguyệt xuyên, hình như kê noãn, tam tam tứ tứ.

Nghĩa là: "Nhà thủng bóng trăng soi xuống, trông hình như ba bốn quả trứng gà".

Ông nghĩ một lúc không sao đối được, xấu hổ quá, liền lững thững ra dạo ở bờ sông. Hốt nhiên trông xuống nước thấy trăng soi, hàng nghìn hàng vạn sóng bạc đang dập dềnh. Ông liền nẩy ý tứ, nghĩ được câu đối lại, mới quay về đối rằng:

Giang trường phong lộng, thế tự long lân, điệp điệp trùng trùng.

Nghĩa là: "Sông dài gió thổi, trông sóng lớp lớp như vẩy rồng".

Tiểu thư liền mở cửa cho vào. Hôm sau tiểu thư đem câu câu đối ấy vào thưa với cha. Quang Thượng bảo:

- Cứ như câu này, ngày sau nó đỗ Trạng!

Quả nhiên về sau ông đậu Trạng nguyên. Nhưng ông lại đỗ Trạng thứ hai, vì khoa đó có Trạng Me, văn tuy kém Trạng Ngọt, nhưng đẹp trai, mà lại chưa vợ, vua muốn gả công chúa, nên Trạng Me lên trên Trạng Ngọt.Thành khoa thi năm đó có hai Trạng, đời bấy có câu: "Trạng Me đè Trạng Ngọt" là tích thế.

51. Nguyễn Hòe

Nguyễn Hòe tuổi còn nhỏ mà rất hay chữ. Một hôm ra tỉnh chơi, lạc đường, trời tối không ngủ nhờ đâu được sực nhớ khi xưa có theo thầy học ra tỉnh, có ngụ ở một nhà hàng sách ở phố Hàng Gai, mới tìm đến nhà gõ cửa xin ngủ nhờ.

Nhà hàng sách là một ông quan trí sĩ nhân hỏi Hòe về sự học hành. Hòe nói sang năm thì đi thi. Quan thấy nói sắp đi thi, định ra câu đối để thử tài, chợt trông lên vách có treo bức tranh sơn thủy, mới ra rằng:

Quải thư bích thượng, tận thu tứ hải sơn hà.

Nghĩa là: "Trên vách treo tranh thu hết non sông bốn bể".

Hòe nghĩ mãi không đối được, lấy làm xấu hổ, vì mình vừa khoe sắp đi thi, mới nghĩ một kế, xin phép quan cho ra ao rửa chân rồi vào đối. Định bụng rằng đối được sẽ quay lại, bằng không nghĩ ra thì chuồn thẳng cho đỡ xấu. Ra đến ao vừa rửa chân vừa nghĩ, trời thì tối, đứng cầu ao khỏa chân xuống nước, nước rung động, dưới trời sao lóng lánh, tự nhiên nảy tứ, nghĩ được câu tuyệt hay vào đối rằng:

Tẩy túc trì trung, dao động cửu thiên tinh đẩu.

Nghĩa là: "Rửa chân trong ao, lay động tinh đẩu chín tầng mây".

Quan khen câu đối rất hay và anh hùng lắm.

Lại còn một khi ông cùng với người bạn vào chùa chơi, sư cụ mời mọc ăn uống rất hậu, thế mà các bạn ông ăn xong lại còn bổ báng nhà chùa, làm cho sư cụ phát tức mới bảo rằng:

- Các anh vô lễ lắm, dám đến chùa nhạo báng, để ta ra một câu, nếu không đối được, ta sẽ sai đuổi cổ các anh ra!

Rồi đọc rằng:

Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ.

Các bạn ông đều ngẩn mặt không đối được, ông liền đỡ lời đối lại rằng:

Trên sư dưới vãi, ngảnh lưng trở lại, trên vãi dưới sư.

Đối xong, ông ra lại cho sư cụ một câu nhờ sư cụ đối:

Cô sư lên đàn mông sơn, tiểu ra cả đấy, vãi ra cả đấy.

Sư cụ chịu không đối được, ông thủng thỉnh chào sư cụ dắt anh em về.

Năm mười hai tuổi ông đi thi, chủ khảo năm ấy cũng tên là Hòe, lễ sinh xướng đến quyển, kiêng tên chủ khảo, đọc chạnh là Huề, ông nhất định không vào, xướng đi xướng lại mãi đến sáng, học trò vào hết, còn có một cậu bé đeo ống quyển đang chạy đi chạy lại, mới bắc loa hỏi tên là gì. Ông thưa to lên là thằng Hòe. Hỏi sao gọi mãi không vào. Ông nói không phải tên. Lễ sinh xướng phải xướng to tên là Hòe ông mới vào. Quan chủ khảo sai nắm cổ lại, hỏi vặn nghĩa lý văn chương, nhất nhất ông Hòe đều trả lời đâu đấy, sau quan ra một câu rằng:

Lạng Tương Như, Tư Mã Tương Như, danh tương như, thực bất tương như.

Nghĩa là: "Ông Lạn Tương Như với ông Tư Mã Tương Như, hai ông cùng tên là Tương Như, nhưng công nghiệp khác nhau". Có ý nói hai người cùng tên Hòe, đằng quan, đằng học trò, bì thế nào được. Ông Hòe đối lại rằng:

Ngụy vô kỵ, Trưởng tôn vô kỵ, bỉ vô kỵ, ngã diệc vô kỵ.

Nghĩa là: "Ông Ngụy Vô Kỵ, với ông trưởng Tôn Vô Kỵ, cùng tên là Vô Kỵ, ông tên Vô kỵ, tôi cũng tên Vô Kỵ".

Có ý dùng hai chữ vô kỵ là không sợ, bỉ vô kỵ, ngã diệc vô kỵ, mày không sợ tao, tao cũng không sợ mày. Quan chủ khảo thấy đối xấc,lại ra câu khác rằng:

Xỉ tính cương thiệt tính nhu, cương tính bất như nhu tính cửu.

Nghĩa là: "Răng rắn lưỡi mềm, rắn hay gãy, sao bằng mềm bền dai". Có ý khuyên nên nhũn, chớ nên ngông ngênh như thế. Ông Hòe đối lại rằng:

Mi sinh tiền, tu sinh hậu, tiền sinh bất nhược hậu sinh trường.

Nghĩa là: "Lông mày mọc trước, râu mọc sau, mọc trước ngắn, sao bằng mọc sau dài". Có ý nói đẻ trước mà dại, sao bằng đẻ sau khôn. Năm ấy ông đỗ Thủ khoa.

52. Kết án con vịt

Xưa có một quan án xử kiện rất minh, sau già về trí sĩ. Một hôm có người mời quan sang xơi rượu với thịt vịt. Trước khi lên chén, chủ nhân muốn thử tài, mới xin quan kết án con vịt tại sao mà giết làm thịt. Quan liền tuyên án rằng:

Trí lôi thanh ư nhĩ ngoại, võng nhiếp thiên uy,
Khước vũ thủy ư đầu tiên, bất triêm thánh hóa.

Nghĩa là:

Gác tiếng sấm ngoài tai, chẳng sợ uy trời,
Đẩy nước mưa ra khỏi đầu, không tuân phép thánh.

Có ý kết án con vịt cứng đầu cứng cổ, ăn thịt là rất đáng.

53. Thơ thăm vợ

Xưa có người học trò đi học phương xa, đã lâu lắm không về. Vợ ở nhà rất lấy làm trông đợi. Một hôm vợ đang ngồi khâu, có người đưa bức thư của chồng gửi về. Giở ra thấy bốn câu trong quyển "Ấu học ngũ ngôn thi":

Bạch nhật mạc nhàn quá
Thanh xuân bất tái lai
Song tiền cần khổ học
Mã thượng cẩm y hồi

Nghĩa là: Ngày xanh chớ bỏ qua, tuổi xuân không trở lại. Trước song đèn sách dùi mài, áo gấm trên ngựa sẽ về".

Người vợ đương buồn, được thơ càng ngẩn, nhân hứng bút muốn viết thơ trả lời, mới thêm vào mỗi câu hai chữ rằng:

Quân tuy bạch nhật mạc nhàn quá,
Thiếp diệc thanh xuân bất tái lai;
Tự cổ song tiền cần khổ học,
Kỷ nhân mã thượng cẩm y hồi.

Nghĩa là: "Tuy chàng ngày xanh chớ bỏ qua, thiếp cũng tuổi xuân không trở lại. Từ xưa trước song đèn sách dùi mài. Mấy người đã áo gấm trên ngựa mà về".

54. Thử tài rể mới

Xưa có một anh học trò ở gửi rể. Từ khi lấy vợ, ông nhạc chưa thử tài lần nào, chỉ biết học hành khá mà thôi. Một hôm ông nhạc ngồi uống rượu, cho chàng rể ngồi hầu. Khi đang ăn, ông trông thấy con chó lớn hàng xóm đứng ở cạnh dậu thưa, và con chó nhỏ thì đứng ở sân, ông nhạc ném một miếng xương ra cạnh dậu, hai con chó cùng ra hàng rào cấn tranh nhau, ông liền đọc một câu, bảo chàng rể đối:

Đại súc cách ly phệ tiểu súc.

Nghĩa là: "Cách rào chó lớn cấn cho con". Câu này dùng toàn chữ quẻ Dịch, nào quẻ đại súc, quẻ tiểu xúc, quẻ ly, quẻ phệ, quẻ cách. Anh chàng rễ ngồi ngẩn mãi, không đối được. Vợ định gà cho chồng, mới ra sân gọi to lên rằng: "Bảo ai ra giếng gọi người nhà về ăn cơm nhé". Chồng hiểu ý, biết ngay vợ gà cho mình, mới nghĩ ra, đối lại rằng:

Đồng nhân ly tỉnh hoán gia nhân.

Nghĩa là: "Ai ra giếng gọi người nhà về". Câu này đối lại cũng toàn là quẻ Dịch, nào quẻ đồng nhân, quẻ gia nhân, quẻ tỉnh, quẻ ly, quẻ hoán. Đối xong, ông nhạc cũng biết là con gái mình gà cho nó, nhưng cũng cho là giỏi.

55. Ghẹo quan võ

Xưa có người học trò nghèo, học giỏi, một ngày kia đi chơi, nhân buổi trưa vắng, nắng nực, vào nghỉ trong quán hàng. Lúc ấy có một ông quan võ đi qua quán, cũng vào nghỉ chân. Quan có đem theo một cô hầu non. Người học trò thấy

cô hầu của quan, thì cứ lén ngó trộm hoài. Quan thấy khác mắt, liền đòi người học trò lại, mắng là vô phép. Trò thưa rằng mình là học trò nghèo, không biết, nên phạm đến, xin thứ tội. Quan bảo làm bài thơ cho hay, sẽ tha cho. Trò đọc ngay rằng:

Há dám thương đâu gái có chồng
Thương về một nỗi có mà không
Thương cành hoa muộn sương xao xác
Thương đóa đào non tuyết lạnh lùng
Thương tấm lụa điều thân mỏng mảnh
Thương con én trắng phận long đong
Thương thời thương vậy, thương sao đặng
Há dám thương đâu gái có chồng

56. Lòng tiết tháo

Bùi Huy Bích là danh thần đời Lê Mạc. Khi vua Lê chạy sang Tàu, cụ theo không kịp, tránh vào núi ẩn, vua Quang Trung phục cụ là bậc chân chính quân tử, vời cụ ra làm quan, trong thơ có câu rằng:

Mũ lông gà ra khai quốc, công đã nên công

Cụ nhất định không ra, đối lại rằng:

Áo cánh diệc về canh nông, khách thời mặc khách

57. Những câu đối khó

Trạng Quỳnh khi ở nhà cụ Bảng là thân phụ bà Điểm, lúc vắng thường cùng bà Điểm xướng họa thơ từ. Một hôm hai người cùng ngồi trong nhà, cách bức vách có hai cửa sổ trông ra sân, bà Điểm liền đọc một câu thách đối:

Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi trong cửa sổ song song.

Trạng Quỳnh không đối được.

Bữa khác bà Điểm nhân khi tắm, mới ra một câu đối:

Da trắng vỗ bì bạch

Trạng Quỳnh lại chịu không đối được.

Lại một bữa khác nhân khi Trạng Quỳnh lên chơi phố Mía ở Sơn Tây, bà Điểm đọc một câu rằng:

*Lên phố **mía** gặp cô hàng **mật**, cầm tay **kẹo** lại hỏi thăm **đường**.*

Trạng Quỳnh chịu nữa!

58. Sứ Tàu bị lỡm

Đời chúa Trịnh, nhân khi có sứ Tàu sang ta, bà Điểm giả làm cô hàng bán quán ở bên đường. Sứ Tàu có ý trêu ghẹo, đọc bỡn câu rằng:

An Nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh.

Nghĩa là: "An Nam một tất đất, không biết bao nhiêu người cầy". Bà Điểm nói rằng:

Bắc quốc đại trượng phu, giai do thử đồ xuất.

Nghĩa là: "Các trượng phu nước Bắc, đều bởi đường ấy mà ra".

59. Ngấp nghé con thầy

Cụ Bảng thân sinh ra bà Đoàn Thị Điểm, mở trường dạy học. Trạng Quỳnh ngày ngày vờ đến nghe trộm, kỳ thực là muốn ngấp nghé bà Điểm. Một hôm cụ Bảng gọi vào hỏi rồi ra câu đối rằng:

Thằng quỷ ôm cái đấu đứng cửa khôi nguyên

Ông Quỳnh ứng khẩu đối rằng:

Con mộc dựa cây bàng dòm nhà bảng nhỡn

60. Nói lỡm

Hồ Xuân Hương khi chưa xuất giá, một hôm thấy có một cậu công tử đến chơi. Bà ở nhà trong sai con hầu đem trầu ra mời khách, trong miếng cau có thích hai câu:

Mảnh tình ví sẻ làm đôi được
Mảnh để trong nhà, mảnh để ra.

Cậu nọ không sao đối được xấu hổ mà đi.

61. Qua cửa Đó

Hồ Xuân Hương đi du ngoạn sơn thủy. Khi đi qua cửa Đó là chỗ thờ ông Khổng Lồ, bà có đề câu rằng:

Khéo khen ai, đẽo đá chênh vênh, tra hom ngược để đom người đế bá.

Gớm con Tạo, lừa cơ tem hém, rút nút xuôi cho lọt khách cổ kim.

62. Bị mắng

Chiêu Hổ đi làm quan lâu ngày, Xuân Hương nhớ chỗ nhân tình cũ mới viết giấy hỏi thăm. Chiêu Hổ chỉ gửi lại hai câu:

Nay đã mần cha thằng xích tử,
Rầy thì đù mẹ cái hồng nhan.

Xuân Hương tức quá, viết một câu mỉa lại:

Mặc áo giáp, giải cài chữ đinh, mậu kỷ canh, khoe mình rằng quý.

Chiêu Hổ liền đáp lại:

Làm đĩ càn, tai đeo hạt khảm, tốn ly đoài, khéo nói rằng khôn.

63. Thách vịnh

Một hôm Xuân Hương đến chơi chùa, thấy hai anh em học trò đang thơ thơ họa họa vịnh đề, bà mới ra một câu rằng:

Lượng cả xin ông chớ hẹp hòi

Lại thách rằng khi họa, cấm không được dùng chữ hẹp hòi. Các anh nghĩ mãi, dục ba bảy lần mới được câu rằng:

Sẽ lại gần đây tớ thẩm hồi

Xuân Hương lại đố làm được thơ chuông mà lấy vần uông.

Các anh lại chịu. Xuân Hương cười đọc:

Một đàn thằng ngọng rủ xem chuông
Nó bảo nhau rằng: ấy ái uông.

64. Hay thơ

Một hôm Xuân Hương vào chợ thấy mấy anh đang bàn chuyện thơ phú ngâm đề, Xuân Hương thấy lúc đó có cô con gái trong chợ đi ra, tay cầm trăm vàng hoa, mới bảo rằng: "Này các ông hay thơ, thử vịnh hai câu: Cô con gái kia cầm trăm vàng". Các ông xin chịu. Xuân Hương đọc hai câu rằng:

Xuân xanh tuổi độ chừng hai tám,
Nén đỏ tay cầm ngoại chín mươi.

65. Chữa thẹn

Một hôm trời mưa có khách đến chơi nhà, Xuân Hương ở nhà dưới lên nhà trên tiếp khách, qua sân dẫm phải hòn gạch lỏng, bùn bắn vọt ngay lên. Các ông cười khúc khích. Bà liền đọc chữa thẹn hai câu:

Nê nính do tri tầm hảo xứ,
Mạc tương thỏa thủ tiếu anh hùng.

Nghĩa là: "Bùn kia còn biết tìm chỗ ấy, đừng cười hào kiệt thọc tay chi!".

66. Phê đơn

Hồ Xuân Hương nhân một hôm ông phủ Vĩnh Tường đi vắng, bà ra ngồi phủ đường, có một người đàn bà tên là Nguyễn Thị Đào đầu đơn xin bỏ chồng. Đang lúc hứng bút, bà phê luôn rằng:

Phó cho con Nguyễn Thị Đào,
Nước trong leo lẻo cắm sào đợi ai
Chữ rằng xuân bất tái lai
Lấy chồng thì lấy lấy ai mặc lòng.

Vụ này về sau đưa lên trấn xử, chồng bà bị lỗi, mới trách lại bà. Bà nói: - Tôi bảo nó lấy chồng nó thì được, chứ lấy ai thì tôi không biết, nó không hiểu cứ đi lấy người khác là lỗi tại nó chứ phải tại tôi đâu!

67. Thoái khách

Có một chú khách thường đến chơi gạ gẫm Xuân Hương. Một hôm bà đọc một câu đối, lại bảo đối được sẽ lấy làm chồng:

Chân đi hài Hán, tay bán bánh Đường, miệng hát líu lường, ngây Ngô ngây ngố.

Chú khách chỉ hiểu được ba chữ Hán Đường Ngô là tên ba đời vua nước Tàu. Làm sao mà đối được!

68. Võng váy

Một hôm Xuân Hương đang giặt áo dưới sông, chợt nghểnh lên, thấy trên cầu có võng quan đi. Bà nhân hứng ngâm hai câu rằng:

Võng đào ông lớn đi trên ấy
Váy rách bà con vỗ dưới này.

69. Nói lái

Chiêu Hổ thường hay lại chơi nhà Xuân Hương. Một hôm đến chơi, ông đi qua sân đụng phải những quần áo phơi. Xuân Hương trông thấy, mới đọc một câu rằng:

Tán tía tàn vàng, che đầu nhau đỡ khi nắng cực.

Chiêu Hổ liền đối lại:

Thuyền rồng mui vẽ, vén buồm lên rồi sẽ lộn lèo.

70. Qua làng Bần

Một hôm Xuân Hương đi qua làng Bần, gặp lúc dân phu đang cắm cừ ở ven đê. Có người quen định bỡn Xuân Hương, trông thấy những cọc tre dập dềnh lảo đảo trên mặt nước, mới đọc một câu rằng:

Sóng vỗ cặc Bần quay lảo đảo,

Làng Bần hay nó ngọng, cái cọc nói là cái cặc, nên người nọ có ý ghẹo Xuân Hương mới dùng tiếng đó, ý nói cọc bần là cọc ngắn, mà lại là cọc làng Bần. Xuân Hương đối lại ngay rằng:

Gió đưa ghe Phú nhẹ bồng tênh.

Phú là Phú Xuân, đàng trong thường gọi cái thuyền là cái ghe, ý nói phú là thuyền nhiều, mà lại là thuyền ở Phú xuân. Đối đến như vậy thì thực tuyệt, mà lại tả rõ ra tiếng hai nơi.

71. Đối chiết tự

Quận Hẻo làm giặc, triều đình sai Phạm Đình Trọng đi đánh dẹp. Khi quân mới tới nơi, Quận Hẻo viết một câu gửi đến.

Ngọc tàng nhất điểm, xuất vi chúa, nhập vi vương

Câu này nghĩa là: "Chữ ngọc, có một chấm, đem lên trên đầu là chữ chúa, bỏ đi là chữ vương". Ý nói sẽ làm vua chúa nước Nam.

Ông Trọng viết lại một câu đối rằng:

Thổ triệt bán hoành, thuận giả thượng, nghịch giả hạ.

Nghĩa là: "Chữ thổ bỏ nữa nét ngang trên đi là chữ thượng, quay chữ thượng lại là chữ hạ". Ý nói biết thuận là kẻ trên, nếu nghịch là kẻ dưới.

72. Khẩu chiếm

Phạm Đình Trọng khi còn nhỏ có hai câu khẩu chiếm rằng:

Trời chẳng già đất chẳng già
Năm hồ bảy miếu một mình ta

Quả nhiên về sau chết có bảy miếu thờ.

73. Sự lạ Cống Chỉnh

Tục truyền Cống Chỉnh khi mới lọt lòng, khóc luôn mấy

tháng. Một hôm có cô thần nữ đến ru võng hát:

Rau răm một cụm ba đồng,
Anh đi xứ Quảng xứ Đông chưa về.
Khi nào răm mọc rậm rì,
Anh ra Bắc gửi yếm đào về cho em.
Từ đó Cống Chỉnh thôi không khóc nữa.

74. Đề cánh cửa

Khi Cống Chỉnh lên bảy lên tám, văn thơ đã tài, có câu đối đề cánh cửa rằng:

Mở khép càn khôn, có ra tay mới biết
Ra vào tướng tướng, thử liếc mắt mà coi

75. Ăn xin

Xưa kia có người học trò nghèo vào dinh quan Huyện ăn xin. Nhưng gặp lúc quan ông đi vắng, mà lại bị quan bà ở nhà nói chanh chua, văng tục văng rác đuổi đi. Người nọ giận lắm, lui ra, gặp quan ông về, liền thưa hết sự tình và cái cách đối xử của quan bà. Quan vin ngay lấy đấy làm đầu đề, bảo hễ làm được bài thơ hay, thì sẽ cho tiền. Người nọ liền đọc rằng:

Bác mẹ sinh thành giống tổ tông,
Ai ai cũng có, chẳng ai không
Ngoài bôi phấn trắng ba phân bạch,
Trong dắt châu son một tấc hồng.
Ngày sáu khắc vây màn Đổng tử,
Đêm năm canh dựng ngọc Đồ công.
Học trò hết gạo, ăn mày gạo,
Của ấy riêng bà để biếu ông.

76. Thơ nói ngược

Vua Tự Đức thường hội các văn thần để ngâm họa và bàn luận về sử sách văn chương. Một bữa thấy một viên quan trong Hàn lâm viện nói về đức Thánh Trèm là Lý Ông Trọng mà lại nhớ lầm là Lý Trọng Ông, nhà vua liền cách chức Hàn lâm và cho ra Hà Nội làm thông phán, sau khi giễu mắng bằng bài tứ tuyệt sau đây (dùng chữ nói ngược để nhại viên quan đó):

Ông Trọng như hà hoán Trọng Ông
Chỉ nhân học vấn thiểu phu công
Tư nhân an đắc cư Lâm hãn
Nghi truất Nội Hà tác phán thông

Nghĩa là:

Ông Trọng sao nay đổi Trọng Ông
Chỉ vì học vấn ít phu công
Người này sao ở Lâm hàn được
Ra Nội Hà ngay làm phán thông

77. Thơ hiểm

Vua Tự Đức một hôm muốn thử tài các văn thần, mới nghĩ một bài thơ rất hiểm hóc rồi bảo các quan rằng:

"Trẫm vừa có một bài thơ hay lắm, chư khanh nên chép lấy để ngâm chơi". Nói xong nhà vua sai người lấy giấy bút để trước mặt mỗi viên quan, đoạn đọc:

Tiêu hà tá hán khởi ư phong
Sấn nhập trùng vi nhiễu trướng trung
Bất luận huân tiêu phàn khoái lực
Hốt văn hàn tín tự tiêu không

Bởi vì ý định của Tự Đức là "vịnh con muỗi", nhưng để

tỏ ra mình tài chơi chữ, cho nên dùng những từ đồng âm với các nhân vật lịch sử để đánh lừa người nghe. Ví dụ: tiêu hà là cây chuối và cây sen, đồng âm với Tiêu Hà là một công thần đời Hán, phong là gió, đồng âm với Phong bãi là quê hương vua nhà Hán (Lưu Bang). Phàn Khoái là hun đốt, đồng âm với Phàn Khoái là tướng võ của nhà Hán. Hàn Tín là tin rét lạnh về đồng âm với Hàn Tín. Là tướng tài của nhà Hán. Do đó, đáng lẽ phải viết như ý định tả con muỗi: thì các quan lại viết tên các danh tướng làm cho bài thơ trở thành vô nghĩa:

Dịch Nghĩa:

Bẹ chuối đài sen mượn cánh bay
Xông vào màn trướng quấy vo rầy
Chẳng cần hun đốt ra công sức
Tin lạnh đòi cơn tẩu tán ngay

Lại một hôm khác, nhà vua lại đọc một bài hiểm hóc khác cho các quan viết thử xem sao. Bài thơ này là một bài tả "việc đi bắt ếch", nhưng lẽ tất nhiên là nhà vua không cho biết trước đầu đề:

Lâm vũ lâm ly lý lý đường
Minh minh bỉnh chúc chiếu âm dương
Trì khu thướng há công doanh quán
Khứ thủ ly bì đắc kỷ cương

Và lần này các quan cũng viết sai lầm hết. Câu nhất; Lý đường thì viết là nhà Lý nhà Đường. Câu hai: minh minh thì viết là sáng sáng hoặc mờ mờ, âm dương thì viết là rong ruổi, công thì viết là khuôn phép. Thật ra bài này chỉ có nghĩa:

Mưa dầm nhầy nhợt con đường trong bụi mận
Ngọn đuốc mờ tỏ soi vào những nơi có tiếng ỳ ộp
Soi lên xuống hết các khu, đánh được đầy xâu
Đêm về chặt đầu lột da, được chừng độ mấy niêu

78. Cương thường điên đảo

Vua Tự Đức một hôm nghĩ được hai câu đối treo ở điện Cần Chánh như sau:

Tử năng thừa phụ nghiệp
Thần khả báo quân ân

Khi đem treo trong điện, các quan trông thấy, đều chịu là hay. Nhưng riêng Cao Bá Quát thì tỏ vẻ không phục, than rằng: "Hảo hề! Hảo hề! Phụ tử quân thần điên đảo!" Nhà vua nghe nói lại, gọi vào hỏi nguyên do. Cao Bá Quát liền tâu: "Chữ tử đứng trên chữ phụ, vậy là con trên cha, chữ thần đứng trên chữ quân, vậy là tôi trên vua!". Nhà vua bảo chữa. Cao Bá Quát liền đọc:

Quân ân, thần khả báo
Phụ nghiệp, tử năng thừa

Nhà vua tuy giận lắm, nhưng cũng phải nhận là chữa lại như vậy, cương thường thuận lẽ mà ý đặt cũng già hơn.

79. Lỡm thì được lỡm

Vua Tự Đức thường tự đắc thơ hay. Một hôm nhà vua nghĩ được hai câu kỳ tứ, mới gọi Cao Bá Quát sang chầu:

- Đêm qua trẫm nằm mê được hai kỳ cú, vậy đọc khanh nghe!

Nói xong liền đọc:

Viên trung oanh chuyển khể khà ngữ
Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai

Cao Bá Quát nhân dịp, muốn lỡm lại nên mới tâu rằng:

- Muôn tâu bệ hạ, hai câu ấy thần đã được nghe từ khi còn nhỏ, trong một bài có đủ tám câu kia!

Nhà vua tức lắm, liền bảo đọc lại cả bài xem. Cao Bá Quát tức thì ứng khẩu thêm sáu câu nữa, câu nào cũng có hai chữ nôm, y như những chữ: "Khề khà, lấm tấm" trong hai câu vừa đọc của nhà vua:

Bảo mã tây phong huếch hoác lai
Huênh hoang nhân tự thác đề hồi
Viên trung oanh chuyển khề khà ngữ
Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai
Xuân nhật bất văn sương lộp bộp
Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhài
Khù khờ thi tứ đa nhân thức
Khệnh khạng tương lai vấn tú tài

Dịch nghĩa:

Ngựa báu theo gió tây huếch hoác lại
Huênh hoang người tự tựa theo về
Trong vườn oanh nói tiếng khề khà
Ngoài nội hoa đào nở lấm tấm
Ngày xuân không nghe sương lộp bộp
Tiết thu chỉ thấy mưa bài nhài
Khù khờ thơ giỏi nhiều người biết
Khệnh khạng còn đi hỏi tú tài

Nhà vua nghe dứt, giận mà không thể mắng, đành chỉ ngồi im.

80. Bỉ thử giai cẩu

Một hôm văn thần là Phan Văn Nhã vâng lệnh vua Tự Đức thảo một bài văn Ngọc diệp. Khi bài văn thảo xong, ông Phan lập một tiệc rượu, mời các đồng liêu đến dự, nhân để khoe tài. Không ngờ trong bọn các quan, có một người chê bài văn có mấy chỗ hỏng, rồi lời qua tiếng lại, gây chuyện đánh nhau. Vua Tự Đức sau nghe có người kể lại, nhân biết

là Cao Bá Quát bấy giờ cũng có mặt, liền gọi vào hỏi rõ đầu đuôi. Cao Bá Quát tâu vua:

- Bất tri ý hà, lưỡng tương đấu khẩu. Bỉ viết cẩu, thử viết cẩu, dĩ chí đấu ẩu. Thần khủng phệ thần, thần hoảng thần tẩu.

Nghĩa là; "Chẳng biết ý sao, hai bên cãi nhau. Bên này bảo chó, bên kia bảo chó. Kia này đều chó, rồi đến đánh nhau. Thần sợ cắn thần, thần sợ thần chạy".

81. Đề núi non bộ

Tự Đức một hôm sai người đắp một cảnh non bộ ở điện Cần Chánh, sau đó truyền Nguyễn Văn Siêu nghĩ hai câu đối để dựng ngay bên. Nguyễn Văn Siêu còn đang đắn đo chưa nghĩ được câu nào vừa ý, thì nhân lúc gặp Cao Bá Quát mới nhờ bạn nghĩ dùm mình. Cao Bá Quát liền đọc:

Sơn nhược hữu thần hô Hán tuế
Hải như sinh thánh thiếp Chu ba

Nghĩa là: Núi nếu có thần thì hô chúc tuổi vua nhà Hán, câu này điển ý ở việc vua Hán Vũ đế đi chơi núi Tung Sơn, quân hầu chờ xe vua đi ngang thì hô lên ba lần làm cho tiếng dội trong núi vang ra như là núi hô vạn tuế chúc vua. Biển như sinh thánh thì im lặng sóng gió nhà Chu, tâu rằng; "Chúa công tôi thấy gần đây biển không gợn sóng, biết rằng bắc quốc sinh thánh nhân, cho nên sai tôi sang triều cống".

Nguyễn Văn Siêu nghe đọc, rất chịu là hay.

82. Câu đối khóc vua

Niên hiệu của vua Tự Đức thứ tư, Thanh đế Đạo Quang

vừa chết, Tự Đức nhân thấy sứ giả Thanh sang báo, liền sai đình thần làm câu đối viếng. Khi câu đối đã bàn xong và được nhà vua vừa ý, Cao Bá Quát vì viết chữ rất đẹp, liền được triệu vào để viết. Bấy giờ ông vào nhận việc, đọc xong câu đối, liền ngông ngạo nói rằng:

- Văn này thì phải viết cách này!

Nói xong, một tay bịt mũi, một tay cầm bút viết một chữ đầu tiên. Đình thần giận lắm, liền vào trong điện tâu vua. Vua cau mày bảo:

- Vậy làm câu khác thử!

Cao Bá Quát dâng ngay:

Át mật bát âm Đường bạc hải
Bi hào vạn lý Tống thâm sơn

Nghĩa là:

Im bặt tám âm Đường biển rộng
Kêu gào muôn dặm Tống non sâu

Câu trên nhắc điển: Khi vua Đường Nghiêu vừa chết, bốn biển đều im bặt tiếng nhạc để chịu tang vua. Câu dưới nhắc điển: Khi vua Tống Nhân Tông vừa chết, muôn dặm non sông đều kêu gào để khóc thương vua.

83. Câu đối khởi nghĩa

Cao Bá Quát năm 1854 đang làm Giáo thụ ở phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây, nhân bất bình về chính trị đương thời, liền cùng Nguyễn Kim Thanh tôn phù Lê Duy Đồng làm minh chủ mà khởi quân chống triều đình. Khi làm lễ xuất trận, ông có viết vào một lá cờ đại bái hai câu:

Bình Dương Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn
Mục Dã Minh Điền hữu Võ Thang

Nghĩa là: Bây giờ ở đất Bình Dương và đất Bồ Bản

không có các minh quân là vua Nghiêu vua Thuấn nữa, thì ở đất Mục Dã và đất Minh Điều phải có những vị vua đem quân diệt bạo như vua Võ diệt vua Kiệt và vua Thang diệt vua Trụ.

84. Giặt áo cho mẹ

Đỗ Phát, hiệu là Mai Hiên, đậu Tiến sĩ triều Minh Mệnh, làm quan đến Hồng lô tự khanh. Tuy quyền cao chức trọng nhưng vẫn hầu hạ lão mẫu như kẻ hàn nho. Một hôm có ông Thám hoa trong tình giao tất đến thăm, thấy ông đang giặt áo cho mẹ, liền tặng mấy câu rằng:

Đại tai Đỗ Tiến sĩ
Thân vị địch thân thường
Thân dục ngộ thân thiết
Ngộ thân xú diệc phương

Nghĩa là:

Khen thay ông Nghè Đỗ
Giặt áo hầu cụ cố
Ông muốn cụ cố sạch
Ông có rếch cũng thơm

85. Bồ tiên thi

Ngày xưa có một quan huyện nhân nhờ dư ấm của cha mà được xuất chính, có thói quen hay ăn đồ lễ nhưng bề ngoài làm ra vẻ thanh liêm. Một hôm huyện ta dở dói văn chương, ra một đề thơ cho hàng huyện, truyền rằng sẽ trọng thưởng cho kẻ thơ hay. Đề rằng: "Bồ tiên thi đắc bồ vận". Với cái đề này, huyện ta có ý tự khoe là mình thương dân như con, nếu dân phạm lỗi thì chỉ đánh bằng bồ tiên nghĩa là cái roi bằng cỏ bồ. Ai ngờ có người đem báo việc này với cụ

Nguyễn Khuyến, cụ Nguyễn liền làm một bài gửi đến mỉa mai chơi. Bài rằng:

Chú huyện thanh liêm khéo vẽ trò
Bồ tiên thi lại lấy vần bồ
Nghênh ngang xe ngựa nhờ oai bố
Ngọng nghẹo văn chương giở giọng ngô
Bồ chứa miệng dân chừng bật cạp
Tiên là ý chú muốn vòi xu
Từ vàng sao chẳng luôn từ bạc
Không khéo mà roi nó phết cho

86. Chữ nhất

Băng nhãn Lê Quý Đôn khi mới thi đậu, có vẻ tự phụ là một tay học rộng nhất trong đời. Một hôm trong một bữa họp ăn khao, có người gặp nói:

- Tôi mới được nghe một câu đố chữ: Nay may gặp quan Bảng, tài cao học rộng, chắc là ngài cũng giảng dùm cho.

Lê Quý Đôn cười đáp:

- Hãy cứ cho nghe!

Người nọ liền đọc:

Hạ bất khả hạ
Thượng bất khả thượng
Chỉ nghi tại hạ
Bất khả tại thượng

Nếu dịch đúng nghĩa thì là:

Dưới không thể dưới
Trên không thể trên
Đúng nên ở dưới
Không thể ở trên

Lê Quý Đôn ngồi nghĩ, mãi cũng chưa ra. Sau đành xin

chịu. Người kia liền tủm tỉm:

- Họ giảng là "chữ nhất". Này nhé. Hạ bất khả hạ có nghĩa: trong chữ hạ thì chữ nhất không thể ở dưới. Thượng bất khả thượng có nghĩa: trong chữ thượng thì chữ nhất không thể ở trên. Chỉ nghi tại hạ có nghĩa: trong hai chữ chỉ nghi thì chữ nhất nằm ở dưới. Bất khả tại thượng có nghĩa: trong hai chữ bất khả thì chữ nhất nằm ở trên...

Lê Quý Đôn nghe xong, tự lấy làm thẹn. Từ đó, cũng bớt tự phụ nhiều phần.

87. Răng cắn lưỡi

Nguyễn Hàm Ninh là một đại thần, làm quan từ đời Minh Mệnh cho đến đời Tự Đức. Vào năm 1854, anh vua Tự Đức là Hồng Bảo toan mưu việc tranh ngôi, Tự Đức liền bắt Hồng Bảo tự tận và bắt giam con của Hồng Bảo là Ưng Đạo vào ngục sau khi phải lưỡi, liền bảo các quan hãy lấy đó mà vịnh một bài thơ. Nguyễn Hàm Ninh tức thì mượn dịp, nhắc lại vụ Hồng Bảo một cách bóng gió như sau:

Sinh ngã chi thời nhĩ vị sinh
Nhĩ sinh chi hậu ngã vi huynh
Nhất đường cộng hưởng trân cam vị
Hà nhẫn tương vong cốt nhục tình

Nghĩa là:

Cái lúc sinh ta chú chửa sinh
Chú sinh sau phận chú em anh
Một nhà chung hưởng mùi ngon ngọt
Sao nỡ quên đi cốt nhục tình

Tự Đức xem thơ, có ý cảm động, sau đó truyền tha Ưng Đạo và cho vào học trong Quốc tử giám.

88. Thơ đề mo cau

Nguyễn Công Trứ năm 70 tuổi, được Tự Đức cho về trí sĩ, liền đi đến khắp các đồng liêu để từ biệt về quê. Lúc này, cụ ngồi trên một chiếc xe bò, có một tiểu đồng đánh xe, và có đề một bài thơ vào một chiếc mo cau treo ở ngay bên. Thơ rằng:

Xuống ngựa lên xe nọ tưởng nhàn
Lợm mùi giáng tước với thăng quan
Điền viên dạo chiếc xe bò cái
Sẵn tấm mo bưng miệng thế gian

NHỮNG CÂU TẠP ĐỐI

89. Rể út phúng bố vợ

Dưới đây là hai câu đối mà cụ Nguyễn Khuyến nghĩ giùm cho một người nọ để viếng bố vợ bảy mươi tám tuổi với danh phận là một chàng rể út.

Khi ông sống, ông đẻ anh, ông đẻ chị, ông đẻ vợ tôi, nay được sáu tuần thêm tám lẻ,

Giờ ông chết, ông bỏ cửa, ông bỏ nhà, ông bỏ bà lão, ai ngờ một phút hóa trăm năm.

90. Hàng thịt khóc chồng con

Dưới đây là hai câu đối mà cụ Nguyễn Khuyến nghĩ dùm cho một người đàn bà khóc chồng và con cũng chết về bệnh thời khí mà khi sống làm nghề hàng thịt.

Những mong con kinh sử dùi mài, ơn phụ mẫu nỡ đứt tình xương thịt.

Sao bội chữ hải sơn giao ước, tình phu thê thêm đứt cả ruột gan

91. Thầy đồ dạy học

Dưới đây là hai câu đối mà cụ Nguyễn Khuyến làm ra khi cáo quan về dạy học.

Hàng ngày mổ bụng con nhét chữ
Cuối năm bổ đầu bố lấy tiền

92. Vãi viếng sư

Khuyết danh

Cửa trai thiền nương tựa chửa bao lâu, nhịp nhàng sư dạy, kinh kệ sư rèn, hương thắp đèn khêu, khấn nguyện những mong sư mạnh khỏe.

Đường tĩnh độ xa khơi nên phút chốc, chuông trống vãi khua, chùa chiền vãi quét, hoa dâng quả cúng, sớm khuya nỡ để vãi trơ vơ.

93. Viếng một người còn cha già

Tác giả hai câu đối dưới đây, có người nói là Nguyễn Khuyến, đã nghĩ viếng một người với những tiếng trong lối chơi bài tổ tôm.

Nỡ vội bỏ thang thang, để hàng giáp hàng phe khàn bát sách

Sao không sống cửu vạn, cho nhà con nhà cái nẩy chi chi

94. Tên cá tên sao

Dưới đây là hai câu đối của một tác giả khuyết danh, câu trên cố gò hai tên cá "chầy, cháy", câu dưới cố gò hai tên sao "hôm, mai".

Chầy, cháy trôi sông, chú ngư ông ngỡ cá,
Hôm mai vượt bể, người tinh tướng xem sao.

95. Ba dê bốn ngựa

Dưới đây là hai câu đối của một tác giả khuyết danh, cầu kỳ ở chỗ đã giải được nghĩa các chữ Hán như Tam Dương Lập Thạch Tứ Kỳ Thừa Thiên.

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá trông về Lập Thạch,

Quan Tứ Kỳ đi bốn xe ngựa, vâng mệnh trời ra trị Thừa Thiên.

96. Ba sĩ một bách

Dưới đây là hai câu đối của một tác giả khuyết danh, dụng công chiết tự chữ Nghiêu và chữ bật.

Ba sĩ ngồi một ghế đội đức đế Nghiêu
Một bách xách hai cung đáng tài phụ bật

97. Phương trời một gánh

Dưới đây là hai câu đối của cụ Nguyễn Công Trứ, nghĩ đặt lúc chưa hiển đạt.

Anh em ơi, băm sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn

phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác.

Trời đất nhẽ, một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu kềnh.

98. Cụ đồ tự vịnh

Tác giả khuyết danh

Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết
Râu ria đâm mãi cái già ra

99. Dán cửa tòa án

Tác giả khuyết danh

Kiện gian bàn ngay, dâm có tang, đạo có tích
Già đòn non nhẽ, quan cứ lệnh, lính cứ truyền

100. Vũ vũ thị thị

Dưới đây là hai câu đối mà tục truyền là của Cống Quỳnh làm ra để chế các viên quan thị.

Vũ cậy mạnh, vũ ra vũ múa, vũ đứng mưa, vũ ướt cả lông

Thị vào chầu, thị đứng thị trông, thị cũng muốn thị không có ấy.

101. Hai hạp ba bị

Tác giả khuyết danh

Hai hạp ba chủ, một lũ nhà thơ, ngồi chờ quan lớn
Ba bị chín quai, mười hai con mắt, vào bắt trẻ con.

102. Vợ khách khóc chồng Ngô

Tác giả khuyết danh

Tưởng là Tần Tấn giao duyên, vì mệnh bạc mong nhờ đất khách,

Nào ngờ bắc nam đôi ngả, thôi gánh vàng đi đổ sông Ngô.

103. Cảnh ngộ nhà nho

Tác giả khuyết danh

Nực cười thay, đi thi năm sáu khoa, dạy học chín mười thu, kỷ vị thành, nhân vị thành, kỳ sáng tân văn thêm rối bét

Thú truyện nhỉ, cha già bảy tám mươi, con thơ năm sáu đứa, ngưỡng bất túc, phủ bất túc, chí tình chân lạc những mừng suông.

104. Dán điếm sở làng

Tác giả khuyết danh

Cấm đình, cấm đáo, cấm pháo thăng thiên, cấm tiên sóc ống, cấm búng xa quay, cấm xoay thò lò, cấm tuốt.

Có bầu, có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp, có đệp bánh chưng, có lưng hũ rượu, có gì.

105. Đi gặp đám ma

Dưới đây là hai câu đối mà người ta nghĩ là của Phạm Thái.

Chợt thấy xe kim cổ xịch ra đi, không thân thích lẽ đâu mà khóc mướn,

Trạnh tưởng máy âm dương dừng nghỉ lại, nỗi tâm tình phút chốc hóa thương vay.

106. Ả đào khóc mẹ

Tác giả Nguyễn Khuyến

Giàu làm kép, hẹp làm đơn, tống táng cho yên hồn phách mẹ,

Cá kể đầu, rau kể mớ, tình tang thêm tủi lũ đàn con.

107. Lý trưởng dạy học

Tác giả Nguyễn Khuyến

Suốt năm mười hai tháng, hết việc quan đến việc dân bối rối như đầu dái ké,

Một tháng ba mươi ngày, đứa hỏi kinh thằng hỏi sử, dấp dính như lưỡi trai le.

108. Viếng bà thân gia

Ối thương ôi, hơn một ngày chẳng ở, kém một ngày chẳng đi, nghĩ rằng bà năm mươi tám, bà nhà tôi cũng sáu mươi tư, xuân xanh đã cao rồi, nọ khéo dắt díu chi, bảy tám chín mười mươi, đã về chầu Phật chầu trời, giấc bướm cũng không ân hận nữa,

Ấy quái nhỉ, sống mỗi người một nết, chết mỗi người một tật, ai ngờ bà tháng tư này, bà nhà tôi cũng tháng năm trước, tấc gang không cách mấy, nào có lâu la gì, một năm năm bảy tháng, ví chẳng dâu gia dâu giáo, đường mây sao khéo rủ rê nhau.

109. Cảm Tết

Tác giả Khuyết Danh

Tết có gì, cũng viết loài viết xoài, cũng chữ hoài, dửng với họ ra điều học việc,

Xuân thì chơi, nào câu đối câu điếc, nào pháo phiếc, chán cho đời những sự tết tung.

110. Tặng bạn

Dưới đây là câu đối mà cụ Nguyễn Khuyến làm ra để bỡn một ông bạn chột mắt, làm quan võ, tên gọi là "Bảng Long".

Cung kiếm ra tay, thiên hạ đổ dồn hai mắt lại,
Triều đình cử mục, anh hùng chỉ có một ngươi thôi.

111. Tặng thiếp

Dưới đây là câu đối mà cụ Nguyễn Công Trứ làm ra để tặng một người thứ thiếp trong khi người này theo hầu cụ đi đánh giặc ở Thượng du.

Đành nhẽ bút nghiên mà kiếm mã
Thương ôi kim chỉ cũng phong trần

112. Bát tiết đôi bồ

Dưới đây là hai câu đối dán tết mà cụ Nguyễn Khuyến nghĩ dùm cho một nhà hàng thịt ở gần bên.

Tứ thời bát tiết canh chung thủy
Ngạn liễu đôi bồ dục điểm trang

Nghĩa là:

Bốn mùa tám tiết thay cũ đổi mới
Bờ liễu gò bồ cũng muốn điểm trang

113. Dán nhà

Tác giả Nguyễn Khuyến

Người nước Nam, hỏi tiếng Tây chẳng biết tiếng Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết tiếng Tàu, cho nên phải "Minh tiên vương tri đạo dĩ đạo".

Nhà hướng Bắc, người chửa rét mình đã rét, người chửa bức mình đã bức, mới gọi là "tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu"

114. Viếng người làng

Tác giả Nguyễn Khuyến

Vừa mới họp việc làng, mặc áo địa, dận giầy tàu, đủng đỉnh cũng coi ra dáng kẻ,

Thế mà chết đầu nước, lấp ván thiên, vùi đất sét, khôn ngoan thì cũng đứt đuôi rồi.

115. Viếng bố vợ

Tác giả Nguyễn Khuyến

Chữ nghĩa có gì, cửa sấm há đâu mang trống lại,
Rể con không lẽ, nước người nên phải vác chiêng đi.

116. Mừng đám cưới

Tác giả Nguyễn Khuyến

Ông giàu có thiếu gì tiền, giúp một vài quan không phải lẽ,
Tôi sang không thì cũng bạc, kiếm nằm ba chữ để làm duyên.

117. Tặng bạn

Dưới đây là hai câu đối của ông tú tài Trần Sĩ Chấn, nghĩ dùm cho một nhà hàng xóm để mừng một người bạn, chồng muốn một câu chữ, vợ muốn một câu nôm.

Nhất cận thị, nhị cận giang, thử địa đế tương phong tị ốc,

Giàu về làng, sang về nước, nhờ trời ông được vảnh râu tôm.

118. Đối lại nhà sư

Dưới đây là hai câu đối, câu trên của một nhà sư tự vịnh, câu dưới là của cụ Nguyễn Công Trứ đáp lại câu trên.

Thuộc ba mươi sáu đường kinh, không thiên địa thánh thần song khác tục,

Hay tám vạn tư mặc kệ, chẳng quân thần phụ tử đếch ra người.

119. Khóc vợ

Dưới đây là hai câu đối khóc vợ của một người xứ Nghệ, có thuyết nói là của cụ Nguyễn Công Trứ.

Đất chẳng phải chồng, đem gởi thịt xương sao đặng

Trời mà chết vợ, thử xem gan ruột mần răng.

120. Khóc vợ

Tác giả Nguyễn Khuyến

Nhà chỉn cũng nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quay cồng, le te chân trước chân sau, vì tớ đỡ đần trong mọi việc,

Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đũa tay chén, lấy ai kể lể chuyện trăm năm.

121. Thú quê

Tác giả Nguyễn Khuyến

Quan chẳng quan thì dân, chiếu trung đình ngất ngưởng ngồi trên, nào lềnh nào trưởng nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, đóng góp làm sao, một năm mười hai tháng thảnh thơi, cái thủ lợn nhìn thầy đã nhẵn mặt.

Già chẳng già với trẻ, đàn tiểu tử lau nhau đứng trước, này thơ này phú này đoạn một, bằng là thế, trắc là thế, khuyên điểm là thế, ba vạn sáu nghìn ngày thấm thoắt, con mắt gà, đeo kính đã mòn tai.

122. Tiên chỉ lên lão

Tác giả Nguyễn Khuyến

Đám công danh có chí thì nên, ơn làng giấy trắng, ơn vua giấy vàng, chiếu trung đình ngất ngưởng ngồi trên, ngôi tiên chỉ đó cũng là rất đáng.

Nhờ phúc ấm sống lâu lên lão, anh cả bàn năm, anh hai bàn sáu, đàm tiểu tử xênh xang múa trước, tranh tam đa ai khéo vẽ cho nên.

123. Khóc cha chết

Dưới đây là hai câu đối khóc cha chết của Cao Bá Quát

Thảng nhược bộ túng cửu tiêu, trì trúc trượng dục tiên Bắc đẩu

Túng sử phi đằng vạn trượng, giải ma y cải tịch Nam tào

Dịch nghĩa;

Ví bằng bước được lên chín từng mây, cầm gậy tre, quyết đánh sao Bắc đẩu

Túng sử bay được cao muôn trượng, cởi áo gai, quyết xé sổ Nam tào

124. Cùm xích

Dưới đây là hai câu đối của Cao Bá Quát, trong khi bị bắt giam về cuộc loạn Lệ Duy Đồng.

Một chiếc cùm lim ngồi có đế
Ba vòng xích sắt bước thì vương

125. Chết chém

Dưới đây là hai câu đối của Cao Bá Quát, trước khi bị chém.

Ba hồi trống giục mồ cha kiếp
Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời

126. Viếng họ Cao

Dưới đây là hai câu đối mà Nguyễn Văn Siêu nghĩ viếng Cao Bá Quát và Cao Bá Đạt, sau khi ông này, vì là anh ruột của Cao Bá Quát, cũng bị tử hình.

Tai ta, quán cổ tài danh, nan đệ nan huynh, bất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử

Dĩ hĩ, đáo đầu sư thế, khả lân khả ố, hỗn trần lưu xú diệc lưu phương.

Dịch nghĩa:

Thương thay nức tiếng tài danh, anh giỏi em cũng giỏi, đời dễ mấy người cùng sống khác.

Thôi vậy, đến cơ sự thế, khá thương khá ghét, trần lưu một tiếng để danh thơm.

127. Khóc chồng thợ nhuộm

Tác giả Khuyết danh

Thiếp kể từ lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc cơn đen điều dại điều khôn nhờ bố đỏ.

Chàng ở dưới suối vàng có biết, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh.

128. Vợ nam chồng khách

Tác giả Khuyết danh

Xoắn đuôi chuột trở về với mẹ
Khép mu rùa ở lại nuôi con

129. Câu đối tên cây

Tác giả Khuyết Danh

*Thầy bá **Bưởi** đi xuống cầu **Chanh** đồ lề chi mà bưng **bồng** kín **mít**.*

*Cô tư **Hồng** ở làng cầu **Cậy**, nhân duyên gì mà quấn **quít** cho **cam**.*

130. Ứng đối Mạc Đĩnh Chi

Mạc Đĩnh Chi, Trạng nguyên đời Trần, nổi tiếng là một tay đối giỏi. Một lần đi sứ, vì trời mưa, nên không đến được cửa Nam Quan đúng hẹn, bị viên quan trấn ra câu đối thử:

Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan

Ông liền ứng đối:

Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối

Dịch nghĩa:

Qua ải chậm, cửa ải đóng, mời quá khách qua ải

Ra đối dễ, đối đối khó, xin tiên sinh đối trước

Một hôm ông đang cưỡi lừa đi trong phố, lỡ đụng phải đầu ngựa một nho sĩ người Tàu, liền bị người này hỏi lỡm:

Xúc ngã kỵ mã, đông di chi nhân dã, tây di chi nhân dã

Ông liền đáp lại:

Át dư thừa lư, nam phương chi cường dư, bắc phương chi cường dư

Dịch nghĩa:

Chạm ngựa ta cưỡi, người rợ đông hay người rợ tây

Chắn lừa ta đi, phương nam mạnh hay phương bắc mạnh

Hôm khác, trong khi vào chầu hoàng đế nhà Nguyên cùng với một quan sứ Cao Ly, ông liền được Nguyên đế truyền nghĩ câu đề quạt. Quan sứ Cao Ly cầm bút viết:

Uẩn long trùng trùng, Y Doãn Chu Công

Đông hàn thê thê, Bá Di Thúc Tề

Ông liếc mắt thấy vậy, tức thì mượn ý, đề ngay:

Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô
Nhĩ ư tư thời hề, Y Chu cự nho
Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tái đồ

Nhĩ ư tư thời hề, Di Tề ngã phu
Y, dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng
Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù

Dịch nghĩa:

Chảy vàng long đá, trời đất làm lò
Lúc ấy người hề, đắc dụng như Y, Chu
Gió bắc lạnh lẽo, mưa tuyết lê thê
Lúc ấy người hề, chết đói như Di Tề
Ôi khi dùng thì làm, khi bỏ thì cất
Ta cùng ngươi cũng giống thế chăng

Bữa nọ, trong khi đến điếu tang một bà công chúa, ông được nhà đám nhờ đọc một bài văn tế để sẵn ở trước linh sàng. Ngờ đâu đến lúc vào lễ và mở coi tờ giấy thì chỉ thấy viết có bốn chữ nhất. Biết là người ta muốn thử tài mình, ông liền ứng khẩu:

Vu sơn nhất đóa vân
Hồng lô nhất điểm tuyết
Thượng uyển nhất chi hoa
Quảng hàn nhất phiến nguyệt
Y, vân tán tuyết tiêu hoa tàn nguyệt khuyết

Dịch nghĩa:

Vu sơn một đám mây
Hồng lô một điểm tuyết
Thượng uyển một cành hoa
Quảng hàn một mảnh nguyệt
Ôi, mây tán tuyết tan hoa tàn nguyệt khuyết

Ngoài ra, trong khi đi sứ, ông lại còn khéo đối được nhiều câu hiểm hóc như sau:

Xuất đối:

An nữ khú, thỉ nhập vi gia

Đáp đối:

Tù nhân xuất vương lai thành quốc

Dịch nghĩa hai vế đối: Chữ an bỏ chữ nữ, đặt chữ thì thành chữ gia. Chữ tù bỏ chữ nhân, đặt chữ vương thành chữ quốc.

Xuất đối:

Lỵ vị võng lượng, tứ tiểu quỷ

Đáp đối:

Cẩm sắt tỳ bà, bát đại vương

Dịch nghĩa hai vế đối: Trong các chữ "Lỵ vị võng lượng" có bốn chữ quỷ nhỏ. Trong các chữ "cẩm sắt tỳ bà" có tám chữ vương lớn. (Cũng nên chú ý: lỵ vị võng lượng là tên riêng của bốn thứ quỷ, cẩm sắt tỳ bà là tên riêng của bốn thứ đàn).

Xuất đối:

Thập khẩu tâm tư, tư quốc, tư gia, tư phụ mẫu

Đáp đối:

Thốn thân ngôn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương

Dịch nghĩa hai vế đối: Các chữ "thập khẩu tâm" ghép thành chữ "tư" là lo nghĩ, lo nghĩ đến nước đến nhà đến cha mẹ. Các chữ "thốn thân ngôn" ghép thành chữ "tạ" là cảm tạ, cảm tạ với trời với đất với quân vương. Riêng về câu này thì người Tàu cũng tự nghĩ một câu đối lại:

"Song cung thì phát, phát tài, phát lộc, phát vinh hoa", nghĩa là các chữ "song cung thì" ghép thành chữ "phát", phát tài phát lộc phát vinh hoa.

Xuất đối:

Kỷ dĩ mộc, bôi bất mộc, như hà dĩ kỷ vi bôi

Đáp đối: *Tăng tàng nhân, phật phất nhân, hồ nãi dĩ tăng sư phật*

Dịch nghĩa hai vế đối: Chữ kỷ là gỗ kỷ thì ghép bằng chữ *dĩ* với chữ *mộc*, chữ *bôi* là cái chén thì ghép bằng chữ *bất* với chữ *mộc*, sao lại lấy gỗ kỷ làm cái chén. Chữ *tăng* là nhà

sư thì ghép bằng chữ *tăng* với chữ *nhân*, chữ *phật* là đức phật thì ghép bằng chữ *phật* với chữ *nhân*, sao lại để nhà sư thờ đức phật.

Xuất đối:

Can mộc, hoành cừ, lục giả tương như tự đạo

Đáp đối:

Đại đình, an thạch, vọng chi nghiễm nhược Thai sơn

Dịch nghĩa hai vế đối: Gỗ thẳng, cầu ngang, đường đi ngõ là đất phẳng. Đình to, đá vững, nhác trông tưởng ấy non Thai. Cũng nên chú ý: cả hai câu đối đều chỉ dùng đến những tên của các danh nhân: Can Mộc, Hoành Cừ, Lục Giả, Tương Như, Tự Đạo, Đại Đình, An Thạch, Vọng Chi, Nghiễm Nhược, Thai Sơn.

Xuất đối:

Quích tập chi đầu đàm Lỗ luận, tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri

Đối đáp:

Oa minh trì thượng độc Trâu thư, lạc dữ thiểu nhạc lạc, lạc dữ chúng nhạc lạc, thục lạc

Dịch nghĩa hai vế đối: Chim chích đậu đầu cành, đọc sách Lỗ luận tức là sách Luận ngữ, có câu "biết nói là biết, không biết nói là không biết ấy là biết vậy". Con ếch kêu trên ao, đọc sách Trâu thư tức là sách Mạnh tử có câu "cùng ít người vui nhạc, cùng nhiều người vui nhạc, đằng nào vui". (Cũng nên biết, vế trên của người Tàu đều là chữ sẵn trong sách Luận ngữ, vế dưới của ông Mạc đều là chữ sẵn trong sách Mạnh Tử, ngoài ra cái âm thanh của vế trên nghe có vẻ chíu chít như tiếng chim chích, và cái âm thanh của vế dưới nghe có vẻ ồ ộp như tiếng ếch kêu).

Và đây là một câu của người Tàu đố Mạc Đĩnh Chi:

Nhất diện lưỡng mi
Nhất sấu nhất phì
Nhất niên nhất nguyệt
Nhất nguyệt tam kỳ

Dịch nghĩa:

Một mặt đôi mày
Một béo một gầy
Một năm một tháng
Một tháng ba ngày

Ông liền giảng đó là chữ bát: chữ bát tựa đôi lông mày, chữ bát nét lớn nét nhỏ, mỗi năm có một tháng tám, mỗi tháng có ba ngày trong có số tám.

Riêng nói về loại đề vịnh thì ông đã có hai câu này để tặng một nhà thanh lâu đất Bắc:

Thốn thổ thị lương điền, canh giá bất câu xuân hạ nhật
Tứ hoang giai ngã thác, tính tình hề dụng bắc nam nhân

Dịch nghĩa:

Tấc đất mà ruộng tốt, cấy cày không nề ngày xuân hay ngày hạ

Bốn bên đều tay mở, tính tình không cứ người bắc hay người nam

Ngoài ra, khi trở về nước, ông cũng có hai câu rất hóm hỉnh để tặng một người bạn đồng triều có hai vợ nổi tiếng hay ghen:

Đông đầu Hán vương thắng, Tây đầu Hạng vương thắng, quyền tại túc hạ

Đông chinh Tây dị oán, tây chinh Bắc địch oán, hà độc hậu dư

Dịch nghĩa:

Sang đông Hán vương thắng, sang tây Hạng vương thắng, quyền ở dưới chân

Đánh đông Tây di oán, đánh tây Bắc dịch oán, sao đến ta sau.

Cũng nên biết trong hai câu đó, câu trên dùng chữ sẵn trong sách Hán Cao Tổ nói về Hàn Tín, câu dưới dùng chữ sẵn trong sách Kinh Thư nói về vua Võ là người nhân đức, khi vua đến chỗ nọ thì chỗ kia mong đợi những trách là sao vua không đến sớm cùng ta.

HÁN VIỆT VĂN BIỂU

Mục HÁN VIỆT VĂN BIỂU mà chúng tôi biên ra sau đây chủ ý lược thuật các thời kỳ của văn học sử nước ta, các văn gia trước tác cùng sách vở, để mọi người được biết qua về nền văn học nước nhà từ xưa tới nay đã thay đổi thế nào.

Tiếc thay, nhiều quyển sách đến nay chỉ còn tên, không còn sách: hoặc bị người Minh thu hết đem về Tàu, hoặc vì trong nước gặp cơn binh lửa, cho nên mất mát lần lần.

Hiện nay còn sót lại quyển nào, chúng ta há chẳng nên vì việc bồi đắp cho nền văn học nước nhà mà trân trọng gìn giữ lấy ru.

Công việc biên tập mục "Hán Việt văn biểu" này, chúng tôi nhờ tài liệu ở sách "Quốc văn trích diễn" "Việt Nam văn chương sử" và các sách khảo cứu về văn chương khác.

Trong mục "Hán Việt văn biểu" và cả bộ Văn đàn Bảo giám, ắt cũng còn khuyết điểm; dám mong các nhà cao minh trong nước bổ chính cho. Mỗi khi tái bản chúng tôi lần lần chữa lại, mong rằng một ngày kia sẽ được hoàn toàn.

NAM KÝ

HÁN VĂN LƯỢC BIỂU

I - THỜI KỲ THỨ NHẤT

Từ đời nhà Triệu đến thời đại Bắc thuộc, cho đến đời nhà Đinh, Lê, Lý

(Từ thế kỷ thứ 2 trước Thiên Chúa giáng sinh đến thế kỷ thứ II)

Trong thời đại nội thuộc nhà Hán, từ thế kỷ thứ I (tr. Th. Ch. g.s) đến cuối thế kỷ thứ II (sau Th, Ch. g.s) nhờ có những người Tàu như: Tích Quang, Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp, và những người nước ta sang du học Trung Quốc và Lý Tiến, Lý Cầm và Trương Trọng, truyền Hán học vào nước ta; cũng có nhờ công phu của vài nhà Phật học kiêm Hán học của ta vào thế kỷ thứ 3 (sau Th. Ch) như Ngô Chân Lưu, Đinh Thuận.

II - THỜI KỲ THỨ HAI

Từ đời nhà Lý đến nhà Trần

(Thế kỷ thứ II đến thứ kỷ thứ 14)

Trong thời kỳ này, từ năm 1054 (đời Lý) đến năm 1311 (nhà Trần) trong nước ta đã lập văn miếu, mở khoa thi, lập Quốc Tử Giám; định lại phép thi, mở nhiều khoa thi, thiết lập nhiều trường học.

VĂN GIA ĐỜI LÝ (1010 - 1225)

Lý Thường Kiệt (1036 - 1105): Bài thơ "Nam quốc sơn hà Nam đế cư"

Lý Thái Tôn (1000 - 1054): "Hình Luật" *

Tô Hiến Thành (1111 - 1179): "Binh gia yếu lược"*

Lý Tế Xuyên: "Việt điện u linh tập" *

VĂN GIA ĐỜI TRẦN (1125 - 1400)

Trần Quốc Tuấn (Tức Hưng Đạo 1126 - 1300): "Binh thư yếu lược "Vạn Kiếp bí truyền" * "Hịch tướng sĩ văn".

Đặng Dung: Bài thơ "Thế sự du du nại lão hà"

Phạm Ngũ Lão (? - 1320): Bài thơ "Hoành sáo giang san lịch kỷ thu"

Mạc Đĩnh Chi: "Ngọc tinh liên phú"

Trần Quang Khải (1241 - 1294): Bài thơ "Đoạt sáo Chương Dương độ" "Lạc đạo tập"*

Trương Hán Siêu (? - 1354): "Quan nghiêm tự ký"

Chu Văn An (? - 1370): "Thất trảm sớ".

Chu Văn Trinh: "Tứ thư thuyết ước"*

Lê Cảnh Tuân: "Vạn ngôn thư"

Trần Quốc Toại: "Sầm lâu tập"*

Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370): "Tiểu ẩn thi"*' "Giới Hiên thi tập"*'

Nguyễn Phi Khanh: "Nhị Khê thi tập"*

Lê Văn Hưu (1229 - ?): "Đại Việt sử ký"

Hồ Tôn Thốc: "Nam Việt thế chí" * "Việt sử cương mục"

Lê Tắc: "An Nam chí lược"[1]

Trần Nguyên Dán (1320 - 1390): "Băng Hồ ngọc hát tập"*

Phạm Sư Mạnh : "Hiệp Thạch tập"*

Trần Nguyên Đào: "Cúc Đường di thảo"*

Hàn Thuyên: "Phi Sa tập"

Trần Thái Tôn: (1218 - 1277) "Quốc triều thông lễ"* "Hình luật" "Thường lễ"* "Ngự chế thi tập"

Trần Thánh Tôn: (1240 -1290) "Di hậu lục" "Thi tập"* "Cơ cừu lục".

Trần Nhân Tôn: (1258 - 1308): "Trung hưng thực lực" * "Thi tập" *

Trần Anh Tôn: (1267 - 1320): "Thủy vân tùy bút" * "Thi tập"

Trần Minh Tôn: (1300 - 1329) "Ngự chế thi tập"

Trần Nghệ Tôn: (1320 - 1394) "Bảo hòa điện dư bút" * "Ngự chế thi tập"

Trần Dụ Tôn: (1336 - 1369) "Trần triều đại khúc" *

Còn 2 thứ sách sau này, cũng ở vào đời nhà Trần, nhưng không biết của ai làm.

1. "Khóa hư tập" *

2. "Linh tế tháp ký" *

III - THỜI KỲ THỨ BA

Từ đời nhà Hậu Lê đến nhà Nguyễn

(Thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ thứ 19)

Trong thời kỳ này, Hán học trong nước đã thịnh, đã có nhiều học giả viết văn làm sách; nhà nước đã lập Quốc sử quán, và sửa đổi định lệ lại thi hương thi hội.

VĂN GIA ĐỜI HẬU LÊ (1420 - 1790)

Nguyễn Trãi (1380 - 1443): "Bình Ngô đại cáo" "Ức trai toàn tập: "Quân trung từ mệnh" "An Nam vũ cống"

Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585): "Bạch vân thi tập"[1]

Đỗ Nhuận (1446 - ?): "Thiên Nam dư hạ tập"

Lê Thánh Tôn (1441 - 1497): "Thi tập" "Thân chính ký sự"

Lê Quý Đôn: (1726 - 1784): "Thánh mô hiền phạm" "Vân đài loại ngữ"[4] "Hoàng Việt văn hải"[5] "Kiến văn tiểu lục" "Thượng kinh phong vật chí" "Đại Việt thông sử"

Bùi Huy Bích (1744 - 1802): "Lữ Trung tạp thuyết"

Vũ Quỳnh (1452 - 1497): "Lĩnh Nam trích quái" "Đại Việt thông giám"

Nguyễn Dữ: "Truyền kỳ mạn lục" [6]

Nguyễn Du (1765 - 1820): "Bắc hành thi tập"

Nguyễn Hoàn: "Quốc sử tục biên"

Ngô Sĩ và **Nguyễn Quý Đức**: "Quốc sử thực lục"

Phạm Công Trứ: "Việt sử toàn thư"

Lê Tung: "Việt giám tổng luận"

Ngô Sĩ Liên: "Đại Việt sử ký toàn thư"

Phan Phù Tiên: "Việt sử".

VĂN GIA ĐỜI NGUYỄN (1880 - 1889)

Minh Mạng (1791 - 1840): "Ngự chế tiểu bình Nam kỳ tặc khấu thi tập"

Thiệu Trị (1807 - 1847): "Ngự chế danh thắng đồ hội thi tập" "Ngự chế Bắc tuần thi tập"

Tự Đức (1828 - 1883): "Ngự chế Việt sử tổng vịnh" "Ngự chế vũ công thi tập"

Tuy Lý Vương (1820 - 1897): "Thi tập"

Phạm Phú Thứ (1820 - 1880)": "Gia viên thi văn tập"

Phan Huy Chú (1782 - 1840): "Lịch triều hiến chương"[1]

Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825): "Gia định thành thông chí"[2] "Thi tập" Minh bột di hoán văn thảo"

Hoàng Công Tài: "Bản triều ngọc phổ" "Ký sự"

Cung Văn Hy: "Khai quốc công nghiệp diễn chí"

Nguyễn Đình Chính: "Minh lương khải cáo lục"

Vũ Văn Bưu: "Cố sự biên lục"

Lê Văn Định: "Nhất thống địa dư chí"

Cao Xuân Dục (1842 - 1923): "Đại Nam nhất thống chí"[3]

Phạm Quí Thích (1759 - ?): "Thảo đường thi tập"[4]

Nguyễn Văn Siêu (1797 - 1872): "Phương đình thi văn tập"

Cao Bá Quát (? - 1854): "Cao chu thần thi tập"[5]

Phạm Hữu Nghi: "Thi tập"

Phạm Đình Hổ (1768 - 1839): "An Nam chí" "Tang thương ngẫu lục" "Hi kinh trắc tãi" "Càn khôn nhất lãm" "Vũ trung tùy bút"[6]

Phan Thanh Giản (1796 - 1867): "Khảo cổ ức thuyết" "Sứ trình nhật ký" "Thi tập"

Trương Đăng Quế: "Đại Nam liệt truyện"[7]

Vũ Phạm Khải: Thực lục tiền biên.

VIỆT VĂN LƯỢC BIỂU

I - THƯỢNG CỔ THỜI ĐẠI

Từ lập quốc cho đến đời nhà Trần

(Tức là đến thế kỷ thứ 13)

Vào thời đại này, từ đời nhà Trần trở về trước, nước ta đã có tiếng nói riêng; tuy đã có một nền "Văn chương quốc âm" (?), nhưng tiếc rằng đến nay không thấy còn truyền lại một chút dấu tích gì xác đáng. Chỉ còn lưu lại những câu tục ngã, ca dao; cho nên về thời đại thượng cổ này, trong nước không có văn gia, văn chương sách vở gì.

II - TRUNG CỔ THỜI ĐẠI

Từ đời nhà Trần đến đời nhà Hậu Lê

(Từ thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ thứ 15)

Đến đời nhà Trần Nhân Tôn (1278 - 1293) mới có ông Hàn Thuyên bắt đầu làm văn Nôm. Nước ta từ đấy mới có "quốc văn", mà nền văn chương ta cũng thành lập từ đó.

THẾ KỶ THỨ 13

Hàn Thuyên: "Văn tế cá sấu"

Trần Khánh Dư: "Thơ bán than"

THẾ KỶ THỨ 14

Nguyễn Sĩ Cố: "Thi văn tập"

THẾ KỶ THỨ 15

Nguyễn Trãi (1380 - 1442): "Gia huấn ca" "Bình Ngô đại cáo" (bản dịch Nôm)

Lê Thánh Tôn (1441 - 1497): "Thi tập" "Hồng Đức quốc âm thi tập"

III - PHÁT ĐẠT THỜI ĐẠI

Từ đời nhà Hậu Lê cho đến triều Nguyễn

(Từ thế kỷ thứ 16 đến thế kỷ thứ 19)

Từ có ông Hàn Thuyên bắt đầu làm văn Nôm, rồi về sau trong nước mới có nhiều người bắt chước theo lối ấy ngâm vịnh. Văn Nôm trong nước bắt đầu thịnh từ bấy giờ, và càng ngày càng phát đạt.

THẾ KỶ THỨ 16

Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585): "Bạch vân thi tập" "Tập sấm"

Phạm Trấn (?): "Thi văn tập"

Đỗ Uông (?): "Thi văn tập"

THẾ KỶ THỨ 17

Đào Duy Từ: (?): "Ngọa long ngâm"

Nguyễn Bá Lân (1701 - 1785): "Trương Lưu hầu phú"

THẾ KỶ THỨ 18

Đoàn Thị Điểm 1705 - 1746): "Chinh phụ ngâm" (bản dịch Nôm)

Nguyễn Quỳnh (?): "Thi văn tập"

Lê Quý Đôn (1726 - 1784): "Thi văn tập"

Nguyễn Hữu Chỉnh (? - 1787) "Ngôn ẩn thi tập" "Quách tử Nghi phú"

Ôn Như Hầu (1741 - 1798) (tức Nguyễn Gia Thiều) "Ôn như thi tập" (2 tập) "Cung oán ngâm khúc"

Hoàng Quang (?): "Hoài nam ca khúc"

Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767): "Sãi Vãi" (năm 1781)

Nguyễn Đình Tố (?): "Tiến sĩ tán"

Ngô Chi Lan (?): "Thi tập"

Phạm Thấu: "Qua cửa ngũ môn"

Phạm Đan Phụng (Chiêu Lỳ): (1777 - 1813) "Phổ Chiêu Thiền sư thi văn tập"

THẾ KỶ THỨ 19

Đặng Đức Siêu (1755 - 1813): "Hồi loan cửu ca khúc" "Văn tế tập"

Nguyễn Du (1765 - 1820): "Kim Vân Kiều" "Ca tế chúng sinh"

Nguyễn Huy Tự (1743 - 1839): "Hoa tiên"

Phạm Đình Hổ (1768 - 1839): "Thi tập"

Hồ Xuân Hương ?)?: "Xuân Hương thi tập"

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1859): "Thi văn tập" "La thi tập"

Bà Huyện Thanh Quan (?): "Thi tập"

Lý Văn Phức (1785 - 1849: "Thi văn tập" "Phụ chỏm tiên lãm" "Nhị thập tứ hiếu"

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888): "Lục Vân Tiên" "Ngũ luân ca"

Minh Mệnh (1791 - 1840): "Tiểu bình Nam kỳ tặc khấu thi tập" "Ngự chế thi tập"

Tự Đức (Dực Tôn) (1829 - 1883): "Thi tập" "Thập điều" "Luận ngữ ca"

Nguyễn Đình Tâm: "Thi văn tập"

Phan Thanh Giản (1796 - 1867): "Sứ trình nhật ký" "Thi văn tập" "Sớ tấu"

Trương Vĩnh Ký

Dương Khuê (1835 - 1898): "Thi văn tập"

Tuy Lý Vương (1820 - 1897) "Vĩ Dạ thi tập"

Nguyễn Khuyến (1835 - 1909): "Quế san thi văn tập"

Lê Ngô Cát (?): "Nam sử diễn ca"

Từ Diễn Đồng (?): "Thi văn tập"

Nguyễn Hữu Tạo (?): "Thi tập" "Bài văn răn quân sĩ"

Nguyễn Văn Thành: "Trận vong chiến sĩ" (?)

Cao Bá Nhạ (? - 1851): "Tự tình ca"

Cao Bá Quát (? - 1854): "Thi văn tập"

Nguyễn Quí Tân ((1811 - 1856): "Thi văn tập"

Bà Bang Nhãn (?): "Thi văn tập"

Tôn Thọ Tường (1847 - 1883): "Thi tập"

Trương Vĩnh Hầu (?): "Tây hồ phú"

Tú Quỳ (?): "Đại Nam liệt truyện" "Nam hải dị nhân"

IV. - CẬN KIM THỜI ĐẠI

(Từ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 đến nay)

Từ đây, từ đầu thế kỷ 20, nền quốc văn ta đã ở vào thời đại toàn thịnh. Nền văn mới đương thành lập.

CÁC VĂN GIA GẦN ĐÂY

Chu Mạnh Trinh (1862 - 1905): "Thanh Tâm tài nhân thi tập" "Hương sơn phong cảnh"

Trần Kế Xương (1869 - 1906): "Thi văn tập"

Vũ Phạm Hàm (1864 - 1906): "Hương sơn ca"

Đặng Xuân Bảng (1828 - 1910): "Đăng khoa lục" "Việt Nam danh thần"

Dương Lâm (1851 - 1920): "Thi văn tập"

Nguyễn Bá Học (1895 - 1921) "Gia đình giáo dục" "Ấu học tu tri"

Bà Nhàn Khanh (?): "Nhàn Khanh thi tập"

Phan kế Bính (? - 1921): "Việt Nam phong tục" "Việt Nam khai quốc chí" "Hán Việt văn khảo" "Trần Hưng Đạo truyện"

Nguyễn Đình Nam (tức Thượng Hiền) (1865 - 1924): "Bài ca duy tân" "Huyết lệ ca"

Phan Hy Mã (1871 - 1925): "Đầu cáo chính phủ" (bản Nôm) "Thi văn tập"

Ngô Tập Xuyên (1878 - 1929): "Tây Hồ di thảo" "Chính học cùng tà thuyết"

*
* *

Còn các văn gia sau này, theo chúng tôi biết, tuy không có sách vở gì để lại, nhưng đến nay vẫn còn nhiều bài thi hoặc bài văn cũng có danh tiếng; bởi vậy chúng tôi vì lòng hiếu cổ, cũng xin liệt kê ra sau.

Trạng Quỳnh (?): "Đề tượng bà Banh" "Đề chùa bà Banh" v.v...

Phan Tuấn (?): "Đề phỗng đá"

Nguyễn Minh Triết (?): "Gà mái gọi con"

Thái Duy Thanh (?): "Vịnh núi ngũ Hành" "Vịnh Phan Thị Thuấn" "Thăng Long hoài cổ" v.v...

Nguyễn Văn Giai (?): "Nghèo nằm co" "Chê gái lấy chồng già"

Lương Hữu Khánh (?): "Qua đò sông Tam Kỳ"

Phạm Như Xương (?): "Quốc biến năm Ất dậu"

Ngô Thế Vinh (1802 - 1856): "Mong trả nợ đời" "Ăn chơi" v.v...

Chúa Trịnh (?): "Đền chùa tiên"

Trần Lệ Kỳ (?): "Chơi cho thích"

Vũ Lượng (?): "Tế trận vong tướng sĩ"

Quận Hẻo: "Chim trong lồng"

Nguyễn Thị Phí: "Khuê phụ thán" (10 bài)

Hoàng Giáp Liêu (?): "Than sự thế"

Nguyễn Huy Lượng: "Tụng cảnh Tây Hồ"

Võ Khoa: "Cảnh già" "Phong cảnh Ninh Giang"

Thư Điền: "Tự giác"

Nguyễn Đức Như: "Công đâu mà nghĩ"

Nguyễn Lễ: "An giấc"

Nguyễn Từ Mẫn: "Phê bình Chiêu Lỳ"

Nguyễn Huệ: "Nhắn chim bằng"

Hoàng Phan Thái: "Ghẹo sư"

Phan Văn Uyển: "Ba ông tam thế"

NAM KỲ

---

1. Ông DELOUSTAL đã dịch hai chương trong quyển này ra chữ Pháp là chương "Hình luật chí" để là "La justice dans l'ancien Annam" đăng trong tạp chí trường Bác Cổ (Bulletin de l'école francaise d'Extrême-Orient) và chương "Quốc dụng chí" để là "Ressources financières et économiques de l'Etat dans l'ancien Annam" đăng trong *Đông Pháp tạp chí* (Revue Indochinoise).
2. Quyển này ông AUBARET đã dịch ra chữ Pháp (Histoire et description de la Basse Cochinchine, Paris 1863).
3. Quyển này mới làm xong về xứ Trung kỳ, ông Phan Kế Bính đã dịch ra quốc ngữ đăng trong *Đông Dương tạp chí*.
4. 5. Hai tập này đã trích lục đăng trong *Nam Phong*.
6. Coi bản dịch đăng trong Nam Phong số 121-130.
7. Quyển này ông Phan Kế Bính đã dịch tập thứ nhất và sơ tập (nói về đời vua Gia Long) đăng trong *Đông Dương tạp chí*.

TIỂU SỬ
CÁC BẬC THI HÀO VIỆT NAM

Nguyễn Trãi 1380 - 1442 - Ông là con cụ Bảng nhãn Phi Khanh. Năm 21 tuổi, đậu Thái học sinh đời nhà Hồ. Quê ở huyện Phượng Nhỡn, sau đổi sang làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tức phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông bây giờ. Gặp lúc quốc biến, cha bị bắt đem sang Tàu, ông về ẩn ở Côn Sơn tìm cách báo thù rửa hận cho nước. Sau theo giúp vua Lê Thái tổ đánh quân Minh, lập được nhiều công to, nên sau khi đã bình định, ông được tấn phong Tế văn hầu, sung chức Nhập nội hành khiển. Được ít lâu sau ông về trí sĩ ở xã Tiên Viên (Bắc Ninh), sau vì mối hiềm nghi, ông bị tru di tam tộc, thu hết phẩm tước. Mãi đến đời vua Lê Thánh Tôn mới lại được khai phục nguyên hàm.

Ông rất chú trọng về văn chương, nền văn chương ta như đã hầu tàn về thế kỷ thứ 13 và 14, nay lại trung hưng lên. Ông viết nhiều sách còn truyền đến nay. Bài Bình Ngô đại cáo là một áng văn kiệt tác. Quyển Gia huấn ca là một quyển luân lý phổ thông, văn chương giản dị, ý tứ thông thường.

Lê Thánh Tôn (1441 - 1497) - Đức Bình Nguyên vương Tư Thành, con thứ tư vua Thái Tôn lên ngôi kỷ nguyên là Hồng Đức [1] miếu hiệu là Thánh Tôn. Ngài là một nhà chính trị giỏi, lại là một nhà văn hào có tiếng. Ngài chấn chỉnh

nho học, mở rộng các thể quốc văn. Nên văn thơ chữ nôm ngài nhiều, mà thể nào cũng lưu loát cả. Ngài tự đặt ra Quỳnh uyển Cửu ca và tự làm Tao Đàn Nguyên súy, ông Lương Thế Vinh và ông Đỗ Nhuận làm Tao Đàn Sái phu để cùng nhau ngâm vịnh. Non xanh nước biếc, các chỗ danh thắng trong nước, đều có thơ văn.

Ngài có làm ra bộ "Thân chinh ký sự" kể các công cuộc đánh dẹp giặc giã. Năm 1497 ngài mất, hưởng thọ 56 tuổi, ở ngôi 38 năm.

Nguyễn Bỉnh Khiêm [2] (1491 - 1585). - Ông sinh ở làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương, năm Tân hợi đời Hồng Đức thứ 33, con ông Thái học sinh Văn Định. Tương truyền rằng ông lên bốn tuổi đã thông hiểu các kinh truyện, khi lớn lên theo học ông Lương Đắc Bằng, được ông Lương yêu lắm, truyền cho quyển "Thái ất Thần kinh" một quyển sách sấm và số Thái ất, mà ông Lương được người ta cho trong khi đi sứ sang Tàu. Nhân lúc loạn lạc, Mạc cướp ngôi Lê, ông về ẩn ở quê nhà, năm 44 tuổi ông bất đắc dĩ ra thi, đậu Trạng nguyên khoa Đại chính thứ 6 (1535), làm quan đến Đại học sĩ tiến tước Trình quốc công, nên thường gọi là Trạng Trình. Năm 1544 ông về trí sĩ ở am Bạch Vân, dạy học trò như bọn ông Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, v.v... Ngày 28 tháng II năm Ất dậu (1585) ông mất, thọ 95 tuổi, học trò tôn ông làm Tuyết Giang phu tử.

Ông là một nhà học giả có tiếng về thập lục thế kỷ. Ông viết nhiều sách. Văn ông là thể văn của bậc ẩn giả, vừa hòa nhã, vừa đạo đức. Ông lại còn làm nhiều câu sấm, hiện nay còn truyền tụng.

Lê Quý Đôn (1726 - 1784). - Quê ở làng Diên Hà thuộc phủ Thái Bình, tức tỉnh Thái Bình bây giờ, sinh năm Quý Tị (1726) vào đời vua Lê Thuận Tôn. Ông học rộng tài cao, mười tuổi đậu Thủ khoa, 27 tuổi đậu Bảng nhãn (1752), làm quan ở triều vua Lê Hiển Tôn. Tính ông ưa thành thực, nên

văn chương rất giản dị. Năm 50 tuổi ông về trí sĩ dạy học trò, và viết sách.

Văn ông nhiều, song nay chỉ còn lại ít quyển thôi.

Đoàn Thị Điểm (1705 - 1746). - Người huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương, về đời vua Thuận Tôn nhà Lê. Văn chương hay, thường thường cùng các văn sĩ ngâm họa, ai cũng phục là tài. Bà năm ngoài 30 tuổi, lấy lẽ ông Nguyễn Kiều, mở trường học ở chốn kinh kỳ. Bà có đem quyển Chinh phụ ngâm bằng chữ Hán của ông Đặng Trần Côn dịch ra quốc văn. Bà thọ 41 tuổi.

Phạm Thái (1777 - 1813). - Hiệu là Đan Phượng, thường gọi là Chiêu Lỳ, sinh năm Đinh dậu ở xã An Thường, Đông Ngạn, thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông vốn là Cố Lê danh thần, nên đối với triều Nguyễn có vẻ lãnh đạm. Sau ông đi tu, lấy hiệu là Phổ Chiêu thiền sư [3]. Ông mất năm 35 tuổi. Ông có soạn tập "Sơ kính tân trang".

Văn ông có vẻ lâng mạn, tài tình, tô chuốt, cho nên đọc rất êm tai.

Nguyễn Hữu Chỉnh (? - 1787).[4] - Ông người huyện Chân Lộc (tức Nghi Lộc) tỉnh Nghệ An. Lúc bé thông minh có tiếng. Năm 16 tuổi đã thi đậu Hương cống, rồi đi theo với tướng Hoàng Ngũ Phúc đánh Nam có công, sau lại làm môn hạ tướng Hoàng Đình Bảo.

Chẳng được bao lâu, Bảo chết, ông định dựng cờ độc lập ở tỉnh Nghệ An, song việc không thành, lại phải theo về Tây Sơn, bày mưu đặt kế giúp rập được nhiều. Sau bị vua Tây Sơn nghi kỵ, nên bỏ ra Bắc giúp vua Lê đánh đuổi được dư đảng chúa Trịnh. Đến tháng 11 năm Đinh Vị (1787), ông bị Nguyễn Huệ sai tướng bắt đem hành tội tại Thăng Long.

Văn ông hùng dũng, có kẻ đoán rằng ông sẽ làm nên to, song không được lâu. Về văn chương ông thích nhất là lối thơ tứ tuyệt.

Nguyễn Gia Thiều (1741 - 1798). - Ông được phong tước Ôn Như hầu, người làng Liễu Ngạn, tổng Liễu Lâm, huyện Siêu Loại (Thuận Thành), tỉnh Bắc Ninh, sinh năm Cảnh Hưng thứ III. Ông là con nhà dòng dõi khanh tướng, thân phụ là Nguyễn Gia Cư được phong tước Đạt vũ hầu, mẫu thân là Quỳnh Liên quận chúa, con gái chúa Trịnh Cương.

Ông sinh vào thời loạn lạc, vua Lê chúa Trịnh tranh giành nhau, cho nên sinh ra chán ghét việc đời, chỉ uống rượu ngâm thơ cho qua ngày đoạn tháng. Ông rất sở trường lối văn ca tán, có đặt ra các điệu hát như *Sơn trung am Sở từ điệu*. Văn nôm ông hay lắm, có làm ra hai tập "Ôn Như thi tập"[5] cả thảy là 1.000 bài, chia ra hai tập, tiền tập có 500 bài, hậu tập có 500 bài, và tập "Cung oán ngâm khúc" là tập thơ rất có giá trị.

Nguyễn Du (1765 - 1820). - Quán tại Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, sinh năm Ất dậu Cảnh Hưng thứ 26 (1765). Ông tự là Tố Như, lại có hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn liệp hộ con cụ Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm. Lúc bé thụ nghiệp phụ huynh trong nhà, năm 19 tuổi đậu Sinh đồ.

Gặp khi Tây Sơn dấy binh, ông lui về trước thư lập ngôn, vui cùng non nước, quyết lánh bụi trần. Đến lúc vua Gia Long lên ngôi, ba lần trưng triệu, ông bất đắc dĩ phải ra làm quan (1802). Năm 1813 được phong Đông các Đại học sĩ, sung Bắc hành Chánh sứ. Đến năm Minh Mệnh nguyên niên, ông mất ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (16.9.1820).

Trong khi đi sứ Tàu, ông có làm quyển *Bắc hành thi tập,* cùng *Thanh hiên tiền hậu tập* v.v... Nhân ông thấy bộ *Thanh tâm tài nhân* của Tàu lời văn kém mà câu chuyện lại đúng vào tâm sự mình, ông bèn đem diễn ra văn nôm, tức là quyển: *Đoạn trường tân thanh*, chính là tập *Kim Vân Kiều*, hay truyện *Thúy Kiều* bây giờ.

Đoạn trường tân thanh là một tập văn chương kiệt tác

của nước ta, từ điệu dồi dào, ý tứ rộng rãi. Cảnh, tình đều phô diễn một cách dễ dàng bằng một lối văn réo rắt, nghe rất êm tai.

Nguyễn Văn Thành (? - 1816). - Ông người Thừa Thiên sau vào ở Gia Định. Thủa bé ông ham xem sách sử, mà võ nghệ lại tinh thông. Lúc lớn, theo phụ thân ra giúp vua Gia Long. Công giúp rập không phải nhỏ mà việc làm thật là tư cách một nhà võ tướng có cơ mưu. Sau khi Nguyễn triều nhất thống, ông được ra làm Tổng trấn Bắc Hà, rồi lại được về Huế làm Quốc sử Tổng tài. Mãi sau chỉ vì một việc ghen tỵ, nên bị vua Gia Long ép vào cái thế phải tự tử.

Văn chương ông rất là lỗi lạc. Tương truyền lúc ông làm Tổng trấn Bắc thành, nhân ngày lễ Trận vong tướng sĩ, ông đọc một bài văn tế, lúc đọc xong người ta tưởng như nghe bên kia sông có tiếng quỷ khóc, ma kêu.

Hồ Xuân Hương (?). - Bà sinh vào khoảng đời vua Lê Hiến Tông, tại phường Khán Xuân (cạnh Tây hồ), huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Nội, nay là tỉnh Hà Đông. Tổ tiên xưa người ở Nghệ An, sau ra Bắc ở. Bà thông minh dĩnh tuệ, năm 13 tuổi đã biết làm văn thơ. Chồng con dang dở, bà lấy hai đời chồng, sau chỉ được có một con trai. Bà thường vẫn giao thiệp với các văn nhân bấy giờ, ngâm vịnh cũng nhiều.

Thơ bà bóng bảy, ý nghĩa dồi dào, song có nhiều giọng lả lơi cợt nhả, kém vẻ nghiêm trang.

Nguyễn Thánh Tổ (1791 - 1840). - Ngài là Hoàng tử Đảm triều Nguyễn, lên ngôi tháng giêng năm Canh Thìn (1820), niên hiệu là Minh Mệnh. Ngài sùng đạo Khổng Mạnh, mở nhà Quốc tử giám, mở kỳ thi hội để tuyển lấy các Tiến sĩ, và ban thưởng cho các nhà làm văn thơ. Ngài có làm *Ngự chế Tiểu bình Nam kỳ Tặc khấu thi tập* bằng chữ nho, và *Ngự chế thi tập* vừa chữ nho vừa chữ nôm. Ngài mất năm Canh tí (1840), thọ 50 tuổi, ở ngôi được 21 năm.

Ngài viết văn nôm cũng nhiều, giọng văn rất hùng tráng trang nghiêm, đặc sắc nhất là thể văn tứ tuyệt và bát cú.

Nguyễn Quý Tân (1811 - 1856) - Người làng Thượng Cốc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương,liệt vào "Hải đông thất quận hào kiệt). Lúc trẻ đã có tiếng hay chữ, đến năm Minh Mệnh thứ 18, thi đậu Tiến sĩ. Ông vốn không thích quan trường, cho nên vua cho làm Thanh tra các quan lại ở Bắc kỳ.

Văn chương ông cứng cáp, và phần nhiều có ý hài hước.

Đặng Đức Siêu (1755 - 1813). - Ông người ở Bồng Sơn, tỉnh Bình Định, đậu Hương tiến năm 16 tuổi. Triều đức Duệ tôn nhà Nguyễn, làm quan ở tòa Hàn lâm, sau vì loạn Tây Sơn, ông mới cáo về. Đến lúc vua Gia Long lên ngôi, vời ra làm Hoàng tử Phụ đạo, dần dần thăng tiến đến Lễ bộ Thượng thư. Ông mất năm Gia Long thứ 11 (1813).

Ông văn hay chữ tốt, làm rất nhiều văn tế chữ nôm.

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1859). - Ông sinh ngày 1 tháng 2 năm Mậu tuất, về triều vua Lê Hiển tôn năm thứ 38, tại làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông học thông minh, nhưng vì nhà nghèo học muộn mãi đến 40 tuổi mới đậu Giải nguyên. Ông là một nhà văn học kiêm cả võ nghệ nên được cử đi đánh Nùng Văn Vân, sau lại cùng Tổng đốc Lê Văn Đức đi đánh Phan Bá Vành. Đến năm 1841 lại đi đánh Trấn tây với tướng quân Trương Minh Giảng. Trong khi làm quan tại Bắc kỳ, có công khai khẩn được nhiều ruộng đất ở vùng bể, như là Quảng Yên, Tiền Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Ninh Bình). Hoạn hải ba đào, khi chìm khi nổi, tuổi đã 70 mới về hưu, mà chức tước cũng chỉ là Binh bộ Thị lang kiêm Thừa Thiên Phủ doãn. Tự do ngao du sơn thủy, mãi đến năm Tự Đức thứ 12, ông mất tại quê nhà vào ngay 14 tháng 2, hưởng thọ 82 tuổi.

Văn ông rắn rỏi, xác thực, ít ưa văn vẻ. Đặc sắc nhất là thể văn ca trù.

Bà Huyện Thanh Quan (?) Nhũ danh là gì không rõ. Bà là con ông đại nho họ Dương, người làng Nghi Tàm, huyện Hoàn Long (thuộc tỉnh Hà Đông bấy giờ). Chồng bà là ông Lưu Nghi, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì (Hà Đông), đậu Cử nhân khoa Tân tỵ (1821) đời Minh Mệnh, làm tri huyện ở huyện Thanh Quan (Thái Bình) nên người đời gọi bà là Bà huyện Thanh Quan. Sau bà vào Huế làm "Cung trung giáo tập", vua Tự Đức có ban cho thơ chữ và thơ nôm, bà phụng họa cũng nhiều, vua rất quý trọng.

Thơ nôm của bà nay còn truyền lại nhiều bài.

Phan Thanh Giản (1796 - 1867). - Ông tự là Tịnh bá, hiệu là Lương Khê, biệt hiệu là Mai Xuyên, tổ tiên ở bên Tàu, đến đời nhà Minh dời sang Vĩnh Bình thuộc tỉnh Vĩnh Long, tức là Bến Tre bây giờ. Ông sinh vào đời Lê Hiển Tôn, đậu Tiến sĩ năm Minh Mệnh thứ 7 (1826), ông được phái vào Gia Định để ký hòa ước, sang năm sau lại sung Chánh sứ sang Tây. Lúc về, lại vào làm Kinh lược miền Tây Nam kỳ. Gặp khi quốc vận gian nan, ông thẹn mình không giữ nổi Nam kỳ, phải nhượng vào tay nước Pháp, nên ông quay về uống thuốc độc tự tử vào ngày 5 tháng 7 năm Tự Đức thứ hai mươi. Khi ông đã mất rồi, vua Tự Đức cho đục bỏ tên ông ở bia tiến sĩ và cách tuột phẩm tước. Mãi đến năm Đồng Khánh nguyên niên mới được khai phục nguyên hàm và tạc lại bia Tiến sĩ.

Ông là một nhà văn học có tiếng ở Nam kỳ, thường ngày được vua Tự Đức ban khen. Văn nôm ông rất gọn gàng, ít ưa văn vẻ.

Nguyễn Dực Tôn (1828 - 1883). - Ngài húy Hồng Nhậm, con thứ hai vua Thiệu Trị, lên ngôi năm 19 tuổi (1847) hiệu là Tự Đức. Ngài làm vua gặp lúc nước nhà bối rối mà cũng không xao nhãng văn thơ, nhất là ngài thường chú ý về đường đạo đức. Ngài dịch quyển *Luận ngữ* ra quốc văn và làm nhiều sách khác như: *Thập điều, Tự học ca,* v.v... Ngài

sửa sang việc thi cử, đặt ra Nhã sĩ khoa và Cát sĩ khoa. Lại mở Tập hiền viện để hội các quan làm thơ ngâm vịnh. Ngài mất ngày 16 tháng 6, năm Quí Mùi (1883), thọ 55 tuổi, ở ngôi 35 năm.

Cao Bá Quát (? - 1854). - Ông người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, đậu Cử nhân năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) làm Giáo thụ ở Quốc Oai, thuộc tỉnh Sơn Tây. Có tiếng là văn hay chữ tốt, song không được đắc dụng, vì có ý kiêu ngạo khác đời. Năm 1854 ông theo Lê Duy Cự nổi loạn, đánh phá mạn Sơn Tây. Rồi ông bị bắt và xử tử, bấy giờ là năm Tự Đức thứ 8. Lúc ông chết rồi, cả nhà đều bị tầm nã, giam chấp và đày đi xa.

Ông rất thích lối văn ca trù, câu đối, nhiều bài còn truyền tụng.

Tuy Lý Vương (1820 -1897). - Ông là con thứ 2 vua Minh Mệnh, sinh ngày 19 tháng 12 năm Gia Long thứ 18 (1820) tức là ngày vua Gia Long băng hà. Tên tự là Miên Trinh, biệt hiệu là Tĩnh Phố. Vốn người thông minh dĩnh ngộ, năm 8 tuổi thụ giáo quan Thái phó Lê Dưỡng Hòa. Năm 13 tuổi, thi ca và thơ phú đã nổi tiếng. Từ năm 1854, mới bắt đầu vào chính giới. Năm 1883, vì việc Hường Sâm, là con đức ông, âm mưu với vua Hiệp Hòa để toan trừ bọn quyền thần là Nguyễn Văn Tường và Tôn Hòa chẳng may việc vỡ lở, vua Hiệp Hòa liền bị giết, Hường Sâm và em là Hường Tư bị xử giảo, đức ông Tuy Lý cùng các con khác đều bị đi đày ở Quảng Ngãi. Đến năm Đồng Khánh nguyên niên (1886), đức ông mới được triệu về, tiến phong vương tước. Lúc vua Đồng Khánh băng hà, đức ông đứng đầu ban Phụ chánh giúp vua Thành Thái cầm quyền chính trị trong nước. Ngày 24 tháng 10 năm Đinh Dậu, Thành Thái thứ 9, đức ông mất được nhà nước làm lễ quốc tang. Hiện mồ ở Dương Xuân Thượng, cách thành Huế hai ba cây số.

Văn chương đức ông rất tài tình. Có làm bộ "Vĩ Dạ hợp

tập" cả bộ II quyển, in năm 1875 và nhiều sách khác nữa.

Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898). - Ông người Vĩnh Thành huyện Minh Lý, tỉnh Vĩnh Long. Ông biết 27 thứ tiếng nước ngoại quốc, và trong đám "toàn cầu thập bát văn hào" ông dự vào thứ 17. Ông là người trước nhất làm quyển Pháp *Việt Tự điển*.

Nguyễn Văn Siêu (1797 - 1872). - Ông hiệu là Phương Đình, tự là Tốn Ban, quê ở làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, sinh đồng thời với ông Quát, nổi tiếng văn thơ, đời gọi là "Thần Siêu Thánh Quát", đậu Phó bảng năm Minh Mệnh (1838), trải thờ ba triều (Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức), làm quan đến Lễ bộ Thượng thư, mất năm Tự Đức thứ 25 (1872) thọ 74 tuổi.

Đặng Xuân Bảng (1828 - 1910). - Ông tên tự là Hi Long, hiệu là Thiện Đình, quê tại Hành Thiện, tỉnh Nam Định, sinh năm Mậu Tí, Minh Mệnh thứ chín. Ông đậu đầu Tam giáp khoa thi Bính Thìn (1856). Ông là bậc lịch duyệt lão thành, văn chương rất hùng, sự nghiệp rất rực rỡ. Ông mất năm Duy Tân thứ 4, hưởng thọ 83 tuổi. Ông có soạn sách *Đăng khoa lục* và *Việt Nam danh thần truyện*.

Nguyễn Khuyến (1835 - 1709). - Ông biệt hiệu là Quế Sơn, tên là Thắng, đậu Giải nguyên năm Tự Đức thứ 23, năm sau lại đậu Hội nguyên và Đình nguyên cho nên người ta thường gọi là Tam nguyên. Ông quê ở làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Làm quan đến Tổng đốc, sau thấy việc đời bối rối không hợp ý mình, ông bèn cáo quan về dạy học.

Văn chương của ông đủ cả mọi lối, giọng có vẻ ưu thời, và lối nào nghe cũng hay lắm.

Dương Khuê (1835 - 1898). - Ông biệt hiệu là Vân Trì, người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông. Thân sinh là cụ Dương Quang đậu ba khoa Tú tài,

(cáo phong gia nghị đại phu thiêm sứ phủ thiêm sử tả phó đô ngự sử).

Ông người rất thông minh, văn hay chữ tốt, khoa đầu ông đi thi đậu Cử nhân (nhất cử đăng khoa), khoa sau ông thi hội lại đậu ngay Tiến sĩ. Sau ông làm Tổng đốc Nam Định, lại làm Tham tá Nha kinh lược. Khi ông hưu trí lại được thưởng thụ hàm Binh bộ thượng thư. Em là ông Dương Lâm đồng thời nổi tiếng văn hay, bạn là ông Tam nguyên Yên Đổ, cùng là tay thơ nôm rất xuất sắc. Các ông lúc bấy giờ cùng nhau ngâm vịnh nhiều lắm.

Ông mất năm Nhâm Dần tháng 3 ngày mồng 6, hưởng thọ 63 tuổi. Ông Tam nguyên Yên Đổ nghe tin ông mất, có làm bài văn khóc ông rất hay.

Dương Lâm (1845 - 1915). - Ông biệt hiệu là Vân Hồ người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông thi đậu Giải nguyên năm Mậu dần, làm quan đến Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện đại học sĩ. Ông là bào đệ ông Dương Khuê; bạn là ông Tam nguyên Yên Đổ, đều là tay hay thơ có tiếng gần đây. Văn ông hiện có nhiều bài truyền tụng.

Chu Mạnh Trinh (1862 - 1905). - Thường gọi là quan Án Chu, người làng Phú Thị, huyện Đông Anh, tỉnh Hưng Yên, đậu Tiến sĩ năm Thành Thái thứ chín (1897) làm quan đến Án sát, thì cáo về hưu.

Ông người rất tài tình, chữ tốt văn hay, các nghề chơi như thơ, đàn đều giỏi. Thơ nôm ông cũng sở trường, ông có làm tập thơ vịnh Kiều đề là *Thanh tâm tài nhân thi tập* và bài *Hương sơn nhật trình ca* là những bài văn tuyệt tác.

Văn ông có vẻ tài tình, thật là tiêu biểu cho lối lãng mạn trong văn giới nước ta.

Trần Kế Xương [6] (1869 - 1906). - Ông trước tên là Trần Cao Xương, sau đổi làm Tế Xương, sau lại đổi là Kế Xương, hiệu ông là Vị Thành, tên chữ là Tử Thịnh, người làng Vị

Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông sinh vào năm Canh ngọ đời vua Tự Đức thứ 23. Ông học hành khá, văn chương hay, song vì có tính lãng mạn, cho nên đi thi mấy lần, đều phạm trường qui, mãi sau mới đậu Tú tài.

Ông rất sính quốc văn, thường thường tập hợp anh em bàn luận văn thơ. Thơ ông phần nhiều hài hí, lại ít dùng chữ nho nên dễ hiểu lắm. Và đáng để cho học trò xem đọc.

Vũ Phạm Hàm [7] (1864 - 1906). - Thường gọi ông Thám Hàm, người làng Đôn Thư, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông. Sinh năm Giáp tý, niên hiệu Tự Đức thứ 17. Cụ thân sinh là con thứ cụ Phủ Thiên Phúc. Ông rất thông minh, học giỏi có tiếng, mọi người vẫn gọi ông là thần đồng. Ông đậu Thủ khoa năm Giáp thân (1884) thi hội đậu Thám hoa năm Quý tỵ (1894), lần lượt làm Đốc học Hà Đông, rồi Đốc học Ninh Bình, năm Tân Sửu (1901) về Án sát Hải Dương. Ông mất ngày 17 tháng năm, năm Bính Ngọ niên hiệu Thành Thái thứ 18, hưởng thọ được 43 tuổi.

Ông rất sở trường về văn chữ Hán, văn nôm ông làm ra cũng nhiều, như bài *Hương Sơn phong cảnh ca* lời văn rất là tao nhã.

Phạm Quí Thích (?) - Ông hiệu là Lập Trai, người Hải Dương, đậu Tiến sĩ đời Cảnh Hưng, ra làm quan thời Lê Mạc. Sau khi vua Gia Long thống nhất, nhà vua vời ông ra làm quan, ông cáo bệnh không được. Ít lâu cố từ về. Ông dạy học trò nhiều người thành đạt, như các ông Nguyễn Lý, Nguyễn Văn Siêu đều là học trò ông. Ông có một tập thơ chữ truyền lại là *"Thảo đường thi tập"*.

Phan Văn Ái (?) - Ông là người làng Đồng Tỉnh về Bắc Ninh, đậu Phó bảng. Ông có tài, song không đại dụng với đời, nên thơ văn có nhiều bài cảm kích.

Bà Bang Nhãn (?) - Bà là vợ ông Phan Quỳ, tục thường gọi là ông Bang Nhãn, người ở Quảng Nam. Bà có tài làm

thơ nôm, ngâm vịnh cũng nhiều.

Hàn Thuyên (?) - Quê làng Lai Hạ huyện Thanh Lâm xứ Hải Dương nay thuộc huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh. Thi đậu Thái học sinh đời vua Trần Nhân Tôn, làm quan đến chức Hình bộ thượng thư. Vốn ở họ Nguyễn, vì làm bài tế đuổi được cá sấu ra khỏi sông Phú Lương cho nên được vua ban cho họ Hàn. Văn thơ quốc âm theo luật thơ Hán là khởi tự ông, bởi vậy đời sau gọi lối thơ nôm là thơ "Hàn luật".

Có soạn một tập thơ Nôm gọi là *Phi sa tập* nhưng đã thất truyền.

Nguyễn Sĩ Cố (?) - Làm quan Nội thị học sĩ đời vua Trần Thánh Tôn qua đời Trần Nhân Tôn rồi đến đời Trần Anh Tôn thì thăng làm Thiên chương học sĩ, coi việc giảng dạy Ngũ kinh. Có tài về thơ phú quốc âm, và vì khéo khôi hài, cho nên người ta thường ví với Đông Phương Sóc là một ông quan có tài hí lộng đời nhà Hán bên Tàu.

Mạc Đĩnh Chi (?) - Vốn là dòng dõi họ Cơ nhà Châu [8]. Hiệu Tiết phu, quê làng Lũng Động huyện Chí Linh nay thuộc phủ Nam Sách tỉnh Hải Dương. Tướng người xấu xí bé nhỏ, nhà nghèo mà cha chết sớm, may được Chiêu Quốc công nuôi dạy. Thi đậu Trạng nguyên khoa Giáp Thìn niên hiệu Hưng Long thứ mười hai đời vua Trần Anh Tôn, từng có lần đi sứ sang Tàu và làm quan đến chức Đại liêu ban Tả bộc xạ. Hiện nay tại làng An Ninh còn di chỉ nền nhà dạy học gọi là "Trạng nguyên cổ đường", và tại làng Lũng Động thì có miếu thờ làm Thành hoàng.

Trương Hán Siêu (?) - Tự là Thăng Phủ, quê làng Phúc Thành huyện An Ninh nay là làng Phúc Am huyện Gia Khánh tỉnh Ninh Bình. Xuất thân là môn khách của Trần Hưng Đạo, sau được vua bổ làm Hàn lâm học sĩ rồi làm quan đến chức Tham tri chính sự.

Có soạn các bài *Bạch đằng giang phú, Linh tế tháp ký,*

Quan nghiêm tự bi văn, và cùng danh sĩ Nguyễn Trung Ngạn soạn tập *Hoàng triều đại điển.*

Chu Văn An (?) - Tự là Linh Triệt, hiệu là Tiều Ẩn, quê làng Quang Liệt, huyện Thanh Đàm nay là làng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông. Thi đậu Thái học sinh đời vua Trần Minh Tôn được vua cho làm Quốc tử giám tư nghiệp và coi việc dạy học cho Thái tử. Đến đời vua Trần Dụ Tôn, dâng sớ xin chém bảy gian thần mà không được vua nghe, liền từ chức về làng lập trường dạy học ở núi Lân Phụng huyện Chí Linh. Học trò có nhiều người hiển đạt như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát.

Đến lúc mất, được vua sai quan đến dụ tế, ban tên thụy là Văn Trinh công, tên hiệu là Khang Tiết tiên sinh, lại cho được tòng tự ở văn miếu. Có soạn tập *Tiều ẩn thi.*

Phạm Sư Mạnh (?) - Hiệu là Úy trai, quê làng Dương Nham, huyện Hiệp Sơn, xưa Hải Dương, theo học Chu Văn An, thi đậu Thái học sinh đời vua Trần Minh Tôn, làm quan đến chức Tham tri chính sự. Từng có thời phụng chiếu đi kiểm duyệt các đạo binh cho nên lịch lãm khắp nơi trong nước. Có soạn tập thơ *Hiệp thạch tập.*

Ngô Lan Chi (?) - Nữ sĩ đời vua Lê Thánh Tôn. Quê làng Phù Lỗ, huyện Kim Anh, xứ Phúc Yên, chồng là Phù Thúc Hoành ở làng Phù Xà làm quan đến chức Đông các đại học sĩ. Bà nổi tiếng giỏi thi ca từ khúc, thường được vua triệu vào hầu thơ, rồi lại phong chức Phù gia nữ học sĩ và sai dạy các cung nhân.

Có tập thơ *Mai trang tập* nhưng hiện đã thất truyền.

Nguyễn Minh Triết (?) - Quê làng Dược Sơn huyện Chí Linh, trấn Hải Dương, cháu của Tiến sĩ Nguyễn Minh Thiệu đời nhà Mạc. Năm năm mươi tư tuổi, đang triều Lê Trung hưng, thi đậu Thám hoa, rồi dần dần làm quan đến chức Binh bộ thượng thư, phong tước Cẩm quận công. Năm

tám mươi tuổi mới về trí sĩ, mười sáu năm sau tạ thế, được vua ban tên thụy là Văn Đấu.

Ngô Thì Sĩ (?) - Tự là Thế Lộc, hiệu là Ngô Phong và Nhị Thanh Cư sĩ, quê làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, xứ Hà Đông, thi đậu Tiến sĩ đời vua Lê Cảnh Hưng. Thoạt đầu làm Đốc đồng ở Thái Nguyên, rồi làm Hiến sát ở Thanh Hóa, rồi làm Tham chính ở Nghệ An. Hồi này vì lầm lẫn trong việc khảo duyệt quan lại, bị cách chức về làng. Về sau lại được Trịnh Sâm vời ra làm chức Thiêm đô ngự sử, rồi bổ làm Hiệp trấn ở Lạng Sơn. Hồi này có dụng công sửa sang động Nhị Thanh thành một nơi thắng tích.

Có soạn các sách *Anh ngôn thi tập, Ngọ phong văn tập, Nhị thanh động tập, Việt sử tiêu án, Hải Dương chí lược.* Con là Ngô Thì Nhậm cũng là một tay văn học nổi tiếng một thời.

Đặng Trần Côn (?) - Quê làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, xứ Hà Đông, thi đậu Hương cống vào gần cuối đời nhà Lê, được bổ làm Huấn đạo sau thăng làm Ngự sử đài Chiếu khám. Có soạn bộ *Bích câu kỳ ngộ* và khúc *Chinh phụ ngâm,* cả hai đều bằng chữ Hán, cùng rất nhiều thơ phú truyền tụng trong đời.

Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) Tên tục là Nghi, hiệu là Đạm Am, tổ tiên vốn ở Nghệ An, sau dời vào làng An Hòa huyện Hương Trà xứ Thừa Thiên. Thi đậu Hương tiến, làm quan dưới đời chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát đến chức Lại bộ kiêm Tào vận sứ và được phong tước Nghi biểu hầu.

Có soạn bài hài văn *Sãi vãi, Đạm am tập,* và mười bài thơ họa *Hà tiên thập vịnh* của Mạc Thiên Tích ở Hà Tiên.

Nguyễn Đình Tố (?) - Quê làng Bình Đầu huyện Đông An trấn Hải Dương. Thi đậu Tiến sĩ niên hiệu Cảnh Hưng thứ ba đời vua Lê Hiển Tôn. Có soạn bài *Tán Tiến sĩ.*

Nguyễn Quỳnh (?) Thường gọi Cống Quỳnh hoặc Trạng

Quỳnh. Quê làng Bột Thượng huyện Hoằng Hóa xứ Thanh Hóa, thi đậu Hương cống đời vua Lê Hiển Tôn. Vốn là một thiên tài dĩnh ngộ, giỏi sự khôi hài và thơ hí hước, tình tình hòa hoa phóng đãng, mà khinh thế ngạo vật vô cùng. Đến nay còn để lại một số giai thoại trong lúc sinh thời. Ông mất vào năm Hồng Đức thứ 23.

Phan Huy Ích (1750 - 1822) - Tổ tiên ở làng Thu Hoạch xứ Nghệ An sau dời ra ở làng Thụy Khuê phủ Quốc Oai trấn Sơn Tây. Con của Khuê phong hầu Phan Huy Cẩn, hiệu là Dụ Am, thi đậu Tiến sĩ đời Lê mạt, sau làm quan triều Tây Sơn đến chức Thượng đại phu Thị trung ngự sử và phong tước Thụy nham hầu. Từng sung sứ bộ sang Tàu và được triều nhà Thanh phục là học vấn uyên thâm. Khi Tây Sơn mất ngôi, liền bị nhà Nguyễn nọc đánh đòn trước nơi Văn miếu.

Có soạn bài *Nhật nguyệt vấn đáp* và các sách *Tinh sa kỷ hành, Ngâm lục văn tập, Dụ am thi tập.* Lại cũng có dịch khúc *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn mà hiện nay người ta chưa biết đích danh bản dịch vẫn lưu hành là của ông hay của Đoàn Thị Điểm.

Phan Huy Chú (1782 - 1840) - con của Phan Huy Ích, vốn tên là Hiệu sau kiêng húy đổi là Chú, tự là Lâm Khanh, hiệu là Mai Phong, thi đậu Tú tài đời vua Gia Long liền trong hai khóa. Năm 1821 đời vua Minh Mệnh, dâng lên vua một bộ sách gồm 49 quyển, nhan đề là *"Lịch triều hiến chương loại chí"* là một bộ bách khoa toàn thư có giá trị khảo cứu về các chế độ văn hóa từ xưa. Nhân vậy được vua bổ làm Hàn lâm viện biên tu, sau theo sứ bộ sang Tàu, rồi làm Phủ thừa ở Thừa Thiên. Kế đó lại được sang Tàu lần nữa rồi lại theo sứ bộ sang Nam Dương. Chót hết được làm Tư vụ Công bộ rồi xin cáo quan về nhà dạy học.

Ngoài bộ *Lịch triều hiến chương,* còn soạn các sách *Hoàng Việt địa dư chí, Hoa thiều ngâm lục, Hoa trình tục ngâm, Dương trình ký kiến.*

Phan Huy Vịnh (1799 - 1870) - Cháu nội của Phan Huy Ích, cháu điệt của Phan Huy Chú, con của Thượng thư Phan Huy Thực. Tên tục là Hoạt, tự là Hàm Phủ, hiệu là Sài Phong, thi đậu Cử nhân đời vua Minh Mệnh, làm quan đến chức Lễ bộ Thượng thư đời vua Tự Đức, và từng được làm chánh sứ sang Tàu.

Có soạn sách *Sứ trình tùy bút* bằng chữ nôm, và dịch bản *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị rất được lưu truyền.

Phạm Đình Hổ (1768 - 1839) - Tự là Bỉnh Trực, hiệu là Tùng Hiên và Đông Dã tiều, tục gọi là Chiêu Hổ. Quê làng Đan Loan huyện Đường An nay là phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương. Năm 1821, khi vua Minh Mệnh ra Bắc, được vời đến chầu, liền dâng vua hai quyển *Lê triều hội điển* và *Bang giao điển lệ*. Nhân vậy sau được bổ làm Hành tẩu Hàn lâm viện, rồi sau thăng dần đến chức Quốc tử giám Tế tửu.

Ngoài hai bộ sách kể trên đây, còn soạn các sách *An Nam chí, Ô châu lục, Ai Lao sứ trình, Tang thương ngẫu lục, Vũ trung tùy bút*. Tương truyền khi còn trẻ thường hay xướng họa với Hồ Xuân Hương.

Nguyễn Án (1770 - 1815) - Tự là Kính Phủ, hiệu là Ngu Hổ, quê làng Du Lâm huyện Đông Ngạn nay thuộc phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh. Vốn tính thông minh hiếu học, lại nhân sẵn sách của tằng tổ là Binh bộ thị lang Nguyễn Bá mua về khi đi sứ Bắc cho nên nhờ đó mà xem rộng biết nhiều. Năm 1805 đời vua Gia Long, được bổ làm tri huyện nhưng sau bận việc lại cáo quan về. Hai năm sau đó, nhân gặp khoa thi, thi đậu Cử nhân rồi được bổ làn Tri huyện ở Tiên Minh. Ít lâu, bị bệnh mà mất.

Có soạn tập thơ *Phong lâm mình lại thi tập*, và góp công với Phạm Đình Hổ soạn cuốn *Tang thương ngẫu lục*.

Lý Văn Phức (1785 - 1849) - Tự là Lân Chi, hiệu là Khắc Trai, ông tổ từ bên Tàu lánh nạn sang ở làng Hồ Khẩu

huyện Vĩnh Thuận nay thuộc huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông. Thi đậu Cử nhân năm 1819 đời vua Gia Long, làm quan đến chức Tham tri thì bị cách. Năm 1830 đời Minh Mệnh mới được vời ra đi sứ các nước phương Nam rồi mấy năm sau lại đi sứ Bắc Kinh. Cuối cùng được làm Lang trung Lễ bộ rồi thăng Quang lộc tự khanh.

Có soạn các sách chữ Hán như *Tây hành kiến văn lục, Việt hành ngâm, Kinh hải tục ngâm,* và chữ nôm như *Nhị thập tứ hiếu diễn âm, Bất phong lưu truyện, Sứ trình tiện lãm khúc.*

Ngô Thế Vinh (?) - Hiệu là Trúc Đường, thường gọi Nghè Vinh, quê làng Bái Dương tỉnh Nam Định. Thi đậu Tiến sĩ năm Kỷ Sửu niên hiệu Minh Mệnh thứ mười. Làm quan ít năm rồi cáo về làng dạy học, đào tạo được nhiều người thành đạt sau này.

Nguyễn Hữu Tạo (?) - Tự là Thành Tri, quê làng Đông Ngạc tỉnh Hà Đông, thi đậu Tiến sĩ năm Giáp Thìn niên hiệu Thiệu Trị thứ tư, được bổ làm Bố chính ở Sơn Tây. Năm 1860 tại Tuyên Quang có giặc Thổ, liền được sai đi chiêu dụ, nhân vậy có một bài *Hành quân túc sự* để răn bảo quân binh.

Ngô Điền (?) - Quê vùng Nam Định, thi đậu Hoàng giáp đời vua Tự Đức. Trước làm quan trong nội các, sau thuyên đi nhậm ở một tỉnh xa xôi. Do vậy, lâu không được về quê, nên có viết tập *Thu dạ lữ hoài ngâm* để than thở niềm tư gia ở nơi đất khách.

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) - Thường gọi là Đồ Chiểu, là tự Mạnh Trạch, hiệu là Trọng Phủ rồi Hối Trai. Quê làng Tân Khánh huyện Bình Dương tỉnh Gia Định. Năm 1843 thi đậu Tú tài, ít năm sau đang ở Huế chờ thi thì lại phải về quê cư tang sinh mẫu. Lúc này bỗng bị bệnh đau mắt rồi mù. Từ đó, dạy học và chữa thuốc sinh nhai. Trong hồi

này tuy sống nghèo túng quanh năm nhưng nhất định không nhận sự giúp đỡ của chính quyền thuộc địa.

Có soạn các sách *Lục Vân Tiên, Dương từ Hà mậu, Ngư tiều vấn đáp y thuật.*

Tôn Thọ Tường (1847 - 1883) - Thường gọi là Đốc phủ Tường, quê ở Gia Định. Ngay khi miền đông Nam kỳ thất thủ, liền ra giúp chánh quyền thuộc địa, và được làm đến chức Đốc phủ sứ. Từng làm được nhiều bài thơ Vịnh sử xuất sắc, trong đó cố ý ký thác tâm sự để mong bào chữa cho việc cộng tác với người Tây.

Huỳnh Mẫn Đạt (1807 - 1883) - Quê làng Tân Hội huyện Tân Long tỉnh Gia Định. Thi đậu Cử nhân năm 1831 đời vua Minh Mệnh, đến đời Tự Đức thì làm đến chức Tuần phủ ở Hà Tiên. Đến khi Nam Kỳ thất thủ thì bỏ về ẩn dật. Sinh thời từng kết bạn văn thơ với Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.

Đào Duy Từ (1572 - 1634) - Quê làng Hoa Trai huyện Ngọc Sơn xứ Thanh Hóa, con của Đào Tá Hán là một quản giáp phường hát bội và sau là một lính quan coi đội nữ nhạc trong cung. Thuở nhỏ tính rất hiếu học, được bạn là Ngô Thì Hiến ở huyện Lôi Dương giúp đỡ nên càng ngày học càng sâu rộng, không những về văn chương nghĩa lý mà cả về thao lược binh thư. Tuy nhiên vì là nhà ca xướng, không được ứng thí, cho nên bực chí mới bỏ vào Quy Nhơn. Vào đây thoạt đầu phải đi chăn trâu độ nhật. Về sau được quan Khám lý Trần Đức Hòa tri ngộ, gả con gái và tiến lên chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Rồi đó được chúa dùng làm chức Nội tán, bày mưu đắp lũy để chống lại chúa Trịnh ở Đàng ngoài. Vì có công lớn ấy, được phong là Tán trị Dực vận, Kim tử Vinh lộc đại phu tước Lộc Khê hầu.

Có soạn các bài *Ngọa long cương văn, Tư dung văn* bằng quốc âm, và một bộ binh thư nhan đề là *Hổ trướng khu cơ.*

Nguyễn Thượng Hiền (1865 - 1924) - Hiệu là Mai Sơn, quê làng Liên Bạt tỉnh Hà Đông, thi đậu Cử nhân hồi mười bảy tuổi, sau đậu Hoàng giáp, rồi được bổ làm Đốc học ở tỉnh Nam Định. Năm 1908, sau khi vua Thành Thái bị truất phế, liền từ chức rồi bỏ sang Trung Hoa theo nhóm Phan Bội Châu. Về sau sinh ra yếm thế, liền bỏ đi tu ở Hàng Châu. Từng có một tập thơ đặt tên là *"Nam chi tập"*.

Nguyễn Văn Giai (?) - Quê làng Hồ Khẩu thuộc huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông, con hàng thứ ba nên tục gọi "Ba Giai". Từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh, về sau sống rất phóng túng và thường hay bày trò trêu cợt để làm vui. Từng có làm một bài lục bát đặt tên là *"Chính khí ca"* để ghi việc thất thủ Hà thành vào năm 1882.

Lương Hữu Khánh (?) - Công thần thời Lê Trung hưng. Con của Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, quê làng Hội trào huyện Hoằng Hóa trấn Thanh Hóa. Năm mười tám tuổi theo học Trạng Trình, rồi thi đậu Hương cống đời nhà Mạc. Về sau được họ Trịnh vời ra trọng dụng và làm quan đến chức Binh bộ thượng thư.

Trạng Giáp Hải (?) - Hiệu là Tiết Trai, quê làng Bát Tràng nay thuộc huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh. Thi đậu Trạng nguyên khoa Mậu Tuất niên hiệu Đại Chính thứ chín đời vua Mạc Đăng Doanh (1538). Có tài văn chương và tài chính trị. Làm quan đến chức Thượng thư và được phong tước là Đệ quận công.

Phạm Văn Nghị (?) - Quê làng Tam Đăng tỉnh Nam Định, thi đậu Hoàng giáp đời vua Tự Đức, tục gọi là "Hoàng giáp Tam đăng". Làm quan nổi tiếng thanh liêm, sau cáo quan về dạy học và nổi tiếng danh sĩ một thời.

Lê Ngô Cát (1827 - 1875) - Tự là Bá Hanh, hiệu là Trung Mai, quê làng Hương Lang huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Đông. Thi đậu Cử nhân khoa Mậu Thân đầu đời Tự Đức

(1848), thoạt đầu làm giáo thụ, sau thăng tri huyện, rồi thăng Hàn lâm viện biên tu sung vào việc soạn bộ *"Việt sử quốc ngữ"* mà về sau Phạm Đình Toái sửa chữa và đổi tên là *"Đại nam quốc sử diễn ca"*. Xong việc soạn sách, được bổ làm Án sát ở Cao Bằng, rồi ít lâu thì tạ thế.

Trần Khánh Dư (?) - Là tôn thất nhà Trần, phải cách chức ra ở Chí Linh (Hải Dương) đốt củi bán than. Sau giặc Nguyên sang xâm lược, vua Trần Nhân Tôn cho theo đánh giặc, nên bậc danh tướng

Trần Danh Lâm (?) - Ông đỗ tiến sĩ triều nhà Nguyễn, người làng Bảo Triêu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, bổ làm Đốc Thị tỉnh Nghệ An, có soạn nhiều bài văn tế rất hay.

---

1. *Hồng Đức thi văn tập* (xem trong *Quốc học Tùng san đệ ngũ*)
2. *Bạch Vân am thi văn tập* (xem *Quốc học Tùng san đệ nhất*)
3. *Phố Chiêu thiền sư thi văn tập* (xem *Quốc học Tùng san đệ tứ*).
4. *Bằng quận thi văn tập* (xem *Quốc học Tùng san đệ lục*).
5. *Ôn như hầu thi văn tập* (xem *Quốc học Tùng san đệ ngũ*).
6. *Vị Xuyên thi tập văn* (xem *Quốc học Tùng san đệ nhị tập*).
7. Ông tên là Hàm họ Phạm, nguyên cụ tổ họ Phạm là con nuôi cụ tổ họ Vũ, đến đời ông đổi họ Vũ đứng đầu, họ Phạm là tên đệm, từ đó gọi họ là Vũ Phạm.
8. Nhà Châu mất nước, Cơ Chất Khiết chạy đến quận Trác Lộc sau đó làm quan Chấp Kích Lang ở nước Hàn, vì có Quân công được cho theo họ Mạc và ban đất phong Trịnh ấp. Bây giờ ở huyện Nhân khẩu phủ, Hà Giang còn có nơi gọi là Mạc Châu tức là nơi phát tích họ Mạc. Từ đời Mạc Chất Khiết trở về sau, đời nào cũng hiển đạt và thiên cư dần về phía nam Trung Quốc. Đến đời Nam Tống, họ Mạc sinh tụ ở Quảng Đông rất thịnh, sau có một chi từ Phiên Ngung, tức là Quảng Châu dời sang làng Lũng Động huyện Chí Linh xứ Hải Dương nước ta. Được vài đời thì sinh ra hai anh em Mạc Hiền Tích và Mạc Kiển Quang cùng đậu văn học thủ tuyển đời vua Lý Nhân Tôn. Lại qua năm đời nữa thì đến Mạc Đĩnh Chi.

LỜI BẠT

GS. HÀ VĂN CẦU

Trong vòng vài ba trăm năm trở lại đây, đã có nhiều người làm công tác sưu tập - đúng hơn là tuyển tập - thơ và văn của những nhà thơ, nhà văn của dân tộc; tuyển của một nhà cũng có mà tuyển của nhiều nhà cũng có.

Nhưng hầu như tuyệt đại đa số những người làm tuyển tập chỉ chú ý đến mảng thơ văn viết bằng chữ Hán - dân gian gọi là chữ Nho - thứ chữ quan hành, chữ học hành thi cử của những người trí thức, những tài tử có nhiều tài tứ rút từ các điển cố nước ngoài. Mặt khác, còn do các tác giả xưa coi nhẹ thứ "nôm na mách quế" nên ít người viết, ít người chép, ít người in. Quý lắm thì cũng chỉ ghi vào mấy trang giấy, bỏ vào cái túi nhỏ, khi cần đem đến khoe với các bạn hữu thì đeo tòng teng ở sau nách và gọi đó là "trửu hậu thi" (thơ ở sau khuỷu tay - một ý tứ khiêm tốn, giấu diếm việc làm thơ, nôm na như một sự vụng trộm!)

Những nhà sưu tập thơ nôm xưa thường chỉ tập hợp được một vài trăm bài và công việc phổ biến cũng rất khó nhọc.

Phải đợi đến cuối những năm 20 của thế kỷ này, Việt Nam ta mới có một cuốn sưu tập thơ lớn hàng ngàn trang

tuyển chọn về nội dung và hình thức như Lê Quý Đôn, không có thiện bản (bản tốt nhất) để làm bản chính và các dị bản để hiệu đính, cũng không bình luận, đánh giá các sáng tác của người xưa.

Nhà thơ Tản Đà, khi được "ủy thác toàn trách nhiệm muốn thêm, bớt hoặc chú giải tùy ý", cũng chỉ có một nhận xét "việc là hơi có ý tham,thời không khỏi xô bồ mà mắt cá thắng hạt trai, thực bệnh chung kim cổ". Tuy vậy nhà thơ cũng "không dám san tước e có phụ công người sưu tập" đồng thời cũng "không có thêm một bài nào".

Bậc túc nho như cụ Dương Bá Trạc, sau khi đọc bản thảo cũng chỉ nhận xét:

"... quyển sách này cũng có thể giúp vào một phần việc làm cho quốc hoa của ta có ngày phát dương, quốc hồn của ta có ngày hoán khởi, cái lâu đài quốc văn ta có ngày gây dựng được thì cái công phu của người in quyển sách này có phải là uổng đâu".

Thì ra các bậc thức giả lúc ấy luôn coi VĂN ĐÀN BẢO GIÁM như một kích tố góp phần vào công việc thúc đẩy nền thơ văn nước nhà. Và điều đó đã xảy ra.

Lần tái bản năm 1934, các học giả, thi gia lớn như Cẩm Đài, Lệ Thần (Trần Trọng Kim), Á Nam (Trần Tuấn Khải), Tản Đà (Nguyễn Khắc Hiếu)... đều bỏ ra "nhiều ngày giờ xem xét rất công phu, khiến cho bộ sách thêm phần giá trị".

Vào năm 1968, ở Sài Gòn, trước khi tái bản lần thứ ba, ông Hư Chu cũng bỏ công sức xem xét lại.

Và lần này, tái bản lần thứ tư, NXB Văn học cũng có sự xem xét lại kỹ càng, nhưng vẫn coi trọng nguyên bản xưa, các tác giả không ghi rõ đầu đề, người sưu tầm phải đặt tên cho từng bài, có bài trúng, có bài chưa, nhưng nhà xuất bản cũng không sửa chữa một cách võ đoán.

***

Về nội dung biên soạn, tuy không nói ra song đọc đến trang cuối, trước khi gấp sách lại, ta cũng thấy được ý tứ người sưu tập. Đó là thái độ với các tác giả, đối với nội dung các bài thơ, đối với các đối tượng được đề vịnh.

Đối với tác giả, cụ Trần rất trân trọng những nhà thơ viết nên những câu đầy uất khí và nước mắt:

Thoán lai thế sự kim năng ngữ
Thuyết đáo nhân tình kiếm dục minh...[1]

hoặc:

Đêm qua chớp bể với mưa nguồn
Đêm nảo, đêm nao tớ cũng buồn...

Lại khuyên người con trai:

Bất đam hồ nhẫm tịch chi tư tình
Bất nịch hồ phòng vi chi thiên ái

và khuyên người con gái:

Gái thuyền quyên ở cho có ngãi
Giốc một lòng sửa túi nâng khăn
Bất đố kỵ, bất kiêu căng
Cho vẹn chữ tòng phu xuất giá...

Đặc biệt, người đọc thấy rất rõ thái độ khinh ghét của người sưu tập khi đưa vào trong sách những câu thơ đầy ẩn ý đối với bọn người cam tâm làm tay sai cho ngoại bang:

Mượn màu son phấn ông kia nọ
Cới lốt cân đai chú điếm đàng..

Ở những bài có ẩn ý sâu xa, soạn giả phát biểu ý kiến của mình thông qua lời chú giải. Thí dụ chú bài thơ Đề Truyện Kiều:

Duyên trước nhạt phèo con đĩ Đạm

(1) Các câu này và những câu sau đều rút từ những bài trong bộ sách, cho nên độc giả tìm hiểu lời dịch trực tiếp của từng bài. Ở đây xin phép được lược qua.

Tình sau lăn lóc bố cu Từ...

Soạn giả chú: Tục truyền bài này có ý xỏ xiên ông Tuần phủ Từ Đạm!

Đối với Hoàng Cao Khải, vào những năm đầu thế kỷ, ít ai dám chửi thẳng, nhưng soạn giả dám chê ông ta dốt một cách văn chương, mát mẻ và lạnh lùng. Ông Hoàng Vịnh Trưng Vương:

Cột đồng Đông Hán tìm đâu thấy
Chỉ thấy Tây hồ bóng nước gương.

Soạn giả chú: "Tác giả có lẽ nghĩ rằng Tây hồ là hồ Lãng Bạc mà Trưng Vương tự tử năm xưa. (Soạn giả không cần đính chính về hồ Lãng Bạc khác với hồ Dâm Đàm, hồ Xác Cáo!)

Hoặc bài Chiêm phi My-ê (cũng của ông Hoàng):

Chứng minh đã có mười phương Phật
Sống thác cùng nhau một giống Hời!

Soạn giả chú: "Tác giả có lẽ nghĩ rằng người Chiêm theo đạo Phật" (Tác giả không nói về đạo Hồi của người Chăm Pa xưa).

Để rồi, mấy chục trang sau, ta lại được đọc bài thơ về một ông Hàn Lâm nhầm Ông Trọng thành Trọng Ông! Một sự so sánh đầy thú vị!

Về bài thơ Khóc Thị Bằng, lúc đó mọi người vẫn xem là của Tự Đức, trong đó có câu:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi...

cực hay và xúc động.

Soạn giả bình: "Bài này có nên tin theo một thuyết nói là của vua Tự Đức, một ông vua rất mực nghiêm trang?" - Quả đúng như dự đoán của soạn giả, hơn mười năm sau, Ngô Tất Tố, trong Thi Văn bình chú, đã dựa vào một số tư liệu

thơ văn ở quê hương ông - cũng là quê hương của Ôn Như Hầu - đã khẳng định bài thơ đó là của Nguyễn Gia Thiều.

Những năm đầu thế kỷ là những năm "tân cựu giao giới" chút lòng phong kiến còn sót lại trong tim óc con người móc nối với kỹ thuật Âu Mỹ sau chiến tranh đã tạo nên một bức tranh "vừa mừng, vừa giận", của thời thế nước non.

Trong số những nhà nho đỗ đạt cao, có những người từ quan về ở ẩn, thơ văn đầy đau đớn như thơ cụ Tam Nguyên. Cũng có nhà nho, đành phải nhận một chức quan nhỏ, nhưng vẫn giữ mình trong sạch.

Kiếm xu không phải mình không thạo
Bắt nạt dân đen có lẽ nào...

Có mấy câu nói về một người chuyên đi xin cơm rượu tế người chết, ăn uống no say về nhà còn khoe khoang với vợ là được thiên hạ coi trọng, soạn giả bình: "Câu này ý nói đời dối trá, man trá, chẳng cứ gì một Tề nhân, đời bây giờ thế cả!".

Có nhiều bài rất hay về nội dung, nhà thơ Tản Đà đã dẫn một cách ngắn gọn tài tình,song đôi chỗ, nhà thơ lỗi lạc viết quá ngắn không hết được chỗ khả kính, khả ái của tác giả. Ví dụ: nhà thơ bình bài "Hà Nội ba mươi sáu phố phường" là "lăng băng mà rất vui" hoặc bình bài "Tự thán" của Công chúa Ngọc Hân là "loi thoi mà cảm". Thế nào là lăng băng? Thế nào là loi thoi? Chúng ta không cảm được mà chỉ thấy nhà thơ đã phụ công của soạn giả quá nhiều (nhất là sau khi đã đọc kỹ Ngọc Hân).

Về nội dung, đọc xong, chúng ta cũng thấy công việc sưu tập thật khó, không phải việc của một người, mà tư liệu lại quá ít, không có các dị bản để đối chiếu, đúng như nhà xuất bản nói "... Công việc chúng tôi làm lúc này chẳng khác người lên rừng đẵn gỗ, dẫu gặp gỗ tốt hay xấu, hãy đem chất đống lên đó..."

Rõ ràng, đây mới là công việc tập hợp để khỏi rơi vãi, mất mát, trong lúc đã và đang rơi vãi mất mát.

Tuy vậy, trong công trình sưu tập này, chúng ta cũng thấy còn sót một số bài mang tính chất thời đại. Ví dụ bài thơ của Tú Xương:

Mợ bảo vần Tây có khó gì
Cho tiền đi học để đi thi
Thôi thôi lạy mợ xanh căng lạy
Mả tổ tôi không táng bút chì.

Có lẽ bài thơ đó được làm trước năm 1898 (lúc cụ Tú 28 tuổi), chương trình thi Hương có thêm hai môn Quốc ngữ và Pháp văn. Hoặc bài thơ "Thề với ăn mày" cũng của cụ Tú.

Lại như bài "Di chúc" của cụ Tam Nguyên Yên Đổ, theo một dị bản lưu hành ở Thái Bình, trong bản chữ Hán có câu:

Sở đắc tân sắc bằng
Phong hoàn nạp Sứ phủ!

Nghĩa: có được bằng sắc gì thì gói lại trả cho tòa Sứ phủ!

Tiếc rằng bản dịch lại dịch thành:

Lại thuê một lũ thợ kèn
Vừa đi vừa thổi mỗi bên năm thằng.

Như vậy, hai câu thơ dịch ấy là của tác giả hay của người khác mà vì sợ mếch lòng quan Tây đã sửa thêm vào?

Tiếc rằng soạn giả đã được sống vào những năm cuối đời của cụ Tam Nguyên, được chứng kiến những nhà nho bất đắc chí, ngoảnh mặt lại với thời cuộc lúc đó, lại không ghi được một chữ nào về sự kiện trên? Chắc cũng là do thiếu tư liệu.

Lại nói đến bài thơ Tôn phu nhân qui Thục của Tôn Thọ Tường, có câu kết:

Thà mất lòng anh, được bụng chồng!

Mất lòng vua ta để được lòng Tây! Thật đáng khinh bỉ.

Một nhà thơ miền Nam, cụ Cử Phan đã họa lại mạnh như một nhát gươm:

Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng!

Không thể chấp nhận được sự phản bội của một viên quan đương thời đối với vua ta. Vậy mà trong công trình, không thấy có bài thơ họa này. Và còn nhiều bài khác nữa.

Thật đáng tiếc!

***

Về hình thức, soạn giả có đôi ba chỗ còn thiếu sót. Thiếu sót đó chính vì do thiếu tư liệu đối chiếu. Một vài ví dụ nhỏ: Thơ của Nguyễn Gia Thiều:

Xong lại Tây hiên tìm liễn xạ
Rồi sang Đông viện lấy bình nhang.

Thơ hạn vần của Yên Đỗ:

Bực gì bằng GÁI chực phòng không

Thơ Nhất vợ nhì Giời cũng của Yên Đổ:

Khéo như con Tạo cũng KHÔNG hai

Những chữ gạch chân đều được ghi sai.

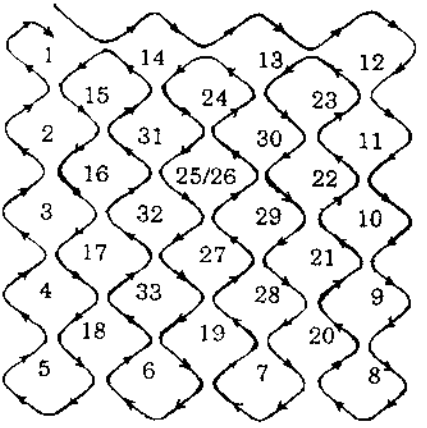
Riêng bài *Chức cẩm hồi văn* là bài đáng được đi sâu tìm hiểu kỹ về mặt hình thức thì soạn giả lại bỏ qua. Vốn bài thơ ấy được viết theo một hình thức "mê cung" mà nếu không có chìa khóa thì người đọc không thể biết nên bắt đầu từ đâu. Nắm được cách đọc, cũng thú vị và sung sướng như người thưởng thức nội dung. Ở trong nghệ thuật Chèo, các nghệ sĩ xưa đã dùng lời của bài này làm thành câu hát "Chức cẩm hồi văn" và chính vì vậy mà các nghệ sĩ lớn trong làng Chèo đều nắm được cách đọc như sau:

Bắt đầu từ A, đọc theo chiều mũi tên đi theo đường dích dắc đến B rồi bắt vào số 1, lần lượt 2, 3, 4 đến số 33.

Riêng số 25 và 26 cùng đứng chung trong một ô vì đó là

hai chữ Thiên Tử, không được phép tách ra làm ô.

Theo soạn giả thì đây là bài thơ mà các nhà nho Việt Nam tin rằng là do Tô Huệ, người thời Tấn làm ra. Và nhiều người vẫn yên chí như vậy.



Cho đến gần đây, Nhà xuất bản *Cổ tịch Thượng Hải* ấn hành cuốn *Thú vị thi tam bách thư* do Từ Nguyên tuyển chú thì chúng ta mới biết rằng bai thơ Gấm dệt (Chức cẩm hồi văn) của Tô Huệ gồm có 841 chữ (từ). (Bài in trong Văn Đàn Bảo Giám chỉ có 280 chữ/từ). Phần khảo tả trong *Thú vị thi tam bách thư* dịch như sau:

"Tô Huệ, tự là Nhược Lan, người đất Thủy Bình (nay ở phía đông nam Hưng Bình tỉnh Hiệp Tây), là con gái Tô Đạo Chất làm quan lệnh ở Trần Lưu thời nhà Tần, và là vợ của Đậu Thao. Khoảng năm Vĩnh Hòa (350) thời Tấn Mục Công, Đậu Thao, làm Thứ Sử Tần châu, có tội phải đày đi Lưu Sa. Tô Huệ thương nhớ chồng, dệt gấm thành bài thơ theo hình thức vòng quanh (toàn có) để gửi tặng chồng. Bài thơ này gồm có 841 chữ, đọc dọc, đọc ngang, đọc chéo, đọc xuôi, đọc ngược đều thành thơ. Người đời sau tìm tòi đọc thành 7958 bài thơ 3 chữ, 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ và 7 chữ.

Các nhà khảo chứng như Lưu Nghĩa Khánh, thời Nam Tống, tác giả Thuyết Uyển, Nghiêm Vũ thời Bắc Tống, tác giả Thương Lăng thi thoại, Tang Thế Xương thời Nam Tống, tác giả Hồi Văn Loại Tụ đều xác nhận bức dệt miêu tả trên đây là của Tô Huệ và bài Hồi Văn đó còn có tên là "Toàn cơ đồ"

Theo bức ảnh chụp trong Thú vị thi tam bách thư thì

bức gấm này hình vuông mỗi chiều Tám tấc, chia làm 29 hàng, mỗi hàng 29 chữ (từ) (29x29=841), dệt thành năm màu: đỏ, xanh, tím, nâu, vàng, toàn bộ các chữ đều ngay ngắn, không đan chéo xuôi ngược như bài Chức Cẩm Hồi Văn in trong Văn Đàn Bảo Giám.

Trước năm 1945, ở làng tôi có lưu truyền câu chuyện một ông Cống sinh họ Trần (thời Thiệu Trị) về làng, treo một bài thơ ở đình làng và treo giải thưởng cho các nho sĩ trong làng đọc (nhưng không ai đọc được).

Bài thơ đó chính là bài chép trong Văn Đàn Bảo Giám. Tương truyền bài thơ đó là do Lê Quý Đôn chép khi đến Liêu Xá theo lời mời của tiến sĩ Lê Hữu Kiều vào khoảng giữa thế kỷ XVIII.

Không biết đúng sai ra sao, nhưng chắc chắn bài này (280 chữ) không phải là của nàng Tô Huệ! Có lẽ là một sáng tác thuần Việt Nam!

Tiếc rằng trên 70 năm về trước, soạn giả không có tư liệu để khảo cứu. Vậy xin treo vấn đề lại ở đây để các bậc thức giả góp ý. (Chỉ xin lưu ý: Người dịch bài này là ông tiến sĩ Ngô Thế Vinh thời Nguyễn, tức là không xa chúng ta bao nhiêu).

Tuy có chỗ còn bất cập, song Văn Đàn Bảo Giám vẫn là một soạn phẩm công phu, góp phần làm sống mãi nhiều áng thơ tưởng như đã mai một, đem lại cho người đọc hôm nay nhiều tư liệu quý hiếm của cha ông xưa.

Chúng ta trân trọng vốn cũ của cha ông bao nhiêu thì lại càng biết ơn công người sưu tập để trao truyền lại cho chúng ta vốn cũ đó bấy nhiêu.

Người đó có cái tên không bao giờ phai mờ: TRẦN TRUNG VIÊN

Ngày 19 tháng 5 năm 1998

HÀ VĂN CẦU

VÀI LỜI NÓI THÊM

Thế kỷ XX là thế kỷ đầy biến cố. Nhân loại phải trải qua hai cuộc Đại chiến thế giới (1914 đến 1918 - 1939 đến 1945) nhiều hỗn loạn và đau thương.

Đất nước Việt Nam sau gần 100 năm bị đô hộ, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã cùng nhân dân cầm vũ khí đấu tranh sinh tử trong nửa thế kỷ mới giành được Tự do, Độc lập toàn vẹn. Nền văn hóa dân tộc cũng phải chịu nhiều ảnh hưởng.

Cách đây hơn hai chục năm, bốn nhà văn hóa có tên tuổi cùng chung viết cuốn "LƯỢC TRUYỆN CÁC TÁC GIẢ VIỆT NAM" do NXB Khoa học Xã hội in, phát hành năm 1972, trong đó quyển 2, trang 174 có nhắc đến nhà văn Trần Trung Viên và các tác phẩm, trong đó có bộ VĂN ĐÀN BẢO GIÁM, một công trình sưu tầm; ông Nam Ký sưu tầm phần ảnh các danh nhân, thi hào.

Bản lược truyện này còn có nhiều thiếu sót, đó là điều khó tránh khỏi.

Là người con (trưởng nam) của ông Trần Trung Viên, nay cũng đã ngoài tuổi thất thập với 41 năm chiến đấu và công tác liên tục, tôi đã nhiều năm kiếm tìm cuốn sách đó, một di sản tinh thần của người cha đã cống hiến cho nền Văn hóa truyền thống của đất Việt có chiều dày lịch sử.

Nhân dịp bộ sách được tái bản, tôi xin phép được nói rõ

thêm đôi điều:

Trong những ngày đầu Toàn quốc Kháng chiến (19.2.1946) khi những người thanh niên quyết tử Thủ đô còn chiến đấu 60 ngày đêm trong nội thành, ông cùng gia đình chạy tản cư cùng mọi người ra vùng ngoại thành. Lúc đó ông là công chức của Sở Vô tuyến điện Đông Dương của Chính phủ ta (Service d'électrique L'Indochine), trụ sở tại phố Phạm Ngũ Lão (tên cũ là Rue Concession). Sau khi Trung đoàn Thủ đô rút ra ngoài lên Việt Bắc; giặc Pháp bắt đầu mở rộng phạm vi chiếm đóng. Mặt trận Cầu Diễn bị phá vỡ, xe tăng địch tiến theo đường đê về phía Xuân Mai. Chúng bị phục kích rồi, rồi do lực lượng yếu, du kích đã rút lui, địch tràn vào làng Sấu Dá thuộc huyện Đan Phượng, Hà Đông hung hãn cướp phá, bắt giết để trả thù. Gia đình ông đã bị bọn lính lê dương sát hại cả 7 người cùng với dân làng. Tài sản, tiền nong và hai bao tải sách, trong đó có một số sách chưa xuất bản cũng bị thất tán tại đây. Hôm đó là ngày 2.3.1947 tức 10.2 Đinh Hợi (không phải năm 1946 như trong quyển lược truyện đã ghi). Như vậy, ông sinh năm 1890 đến năm mất 1947 thọ 57 tuổi.

Tám năm sau, cuộc chiến đấu của nhân dân ta thắng lợi, cùng Đại đoàn 308 chiến thắng trở về tiếp quản Thủ đô, tôi đã trở lại vùng này, được nhân dân giúp đỡ, tìm được mộ của gia đình, tôi đã cải táng đưa cả gia đình về yên nghỉ tại Nghĩa Trang Thành Phố (Yên Kỳ, đất Vĩnh Phú cũ). Biết làm sao được, vì chiến tranh là bấc trắc, đổ vỡ và tang tóc.

Khi còn sống, ông là công chức Sở Tài Chính Đông dương cùng nhà thơ Tú Mỡ, rồi chuyển về Sở Vô Tuyến điện Đông Dương như đã nói phần trên. Còn công việc viết lách thì ông viết trong mọi thời gian, ngày cũng như đêm. Nghề và nghiệp luôn gắn bó với nhau. Một phía là cuộc sống mưu sinh ổn định, một đằng là sự say mê sự nghiệp văn chương. Cũng có một thời gian cùng bạn bè, ông tự đứng ra sáng lập

cho ra đời tờ *Nước Non* tuần báo vào khoảng 1936-1938 tại tư gia 11-13 Rue Résident Miribel (nay là phố Trần Nhân Tôn). Về tôn chỉ của tờ báo, tôi nhớ có được đọc hai câu thơ trong một bài của số 1 mở đầu.

Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi chưa về cùng non [1]

Tờ tuần báo tồn tại được mấy tháng thì bị vỡ nợ, đóng cửa vì Sở Kiểm duyệt Bắc kỳ gây nhiều khó dễ như ý nghĩa tâm huyết của tên tuần báo, bằng cách, báo thì ra định kỳ, gần sát ngày phát hành thì bài vở nộp kiểm duyệt mới được trả lại, nhiều bài bị xóa cấm đăng, trở tay không kịp và thế là phải tự đóng cửa để trở lại cuộc đời công chức buồn tẻ.

Ông cũng là người văn võ song toàn, là môn sinh trưởng tràng của lò võ cụ Cử Tốn phố Hàng Đào, một thành viên của Đông Kinh nghĩa thục thời bấy giờ. Trong các đầu sách mà ông đã viết, xuất bản lúc bấy giờ, mà quyển Lược truyện ghi còn thiếu như: *Hán văn tự học, Lối võ thực hành* (ý muốn xây dựng tinh thần thượng võ trong thanh niên), *Quân Bãi Sậy* (nói về Nguyễn Thiện Thuật), *Quả dưa đỏ* (Mai An Tiêm), *Tháng ba sấm động* (nói về Nguyễn Hữu Cầu), *Ba Vành* (nói về cuộc khởi nghĩa của nông dân Thái Bình), *Thánh địa lý Tả Ao* (truyền thuyết)... và có viết nhiều bài trong các tờ *Mai, Tri Tân, v.v....*

Đất nước thống nhất đã 23 năm, đến nay ba quyển VĂN ĐÀN BẢO GIÁM được tái bản thành một quyển trọn vẹn. Khiếm khuyết là riêng phần ảnh các danh nhân, thi hào thì không còn. Thiết nghĩ việc làm tuy muộn còn hơn không bao giờ làm.

Tôi nghĩ rằng, bộ sách này còn có thể giúp ích cho nền Văn học sử nước nhà. Được sự giúp đỡ, khuyến khích của nhiều bạn bè thân hữu, của một số bậc trí giả như cụ Mai Vy, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, nhà thơ Cù Huy Cận, nhà dịch

thuật và lý luận sân khấu Vũ Đình Phòng, Giáo sư Hà Văn Cầu, ông Đoàn Tử Huyến... sách đã được Nhà Xuất bản Văn học tái bản để độc giả cùng thưởng lãm...

Mạch vàng đất nước dài lâu,
Tiền nhân để lại, cùng nhau giữ gìn.

Sau hết, cho phép tôi gửi ở đây tấm lòng biết ơn và vô cùng cảm tạ.

Thăng Long, mùa thu Mậu Dần (1998)

TRẦN VY HOÀNG

MỤC LỤC

- *Lời nhà xuất bản* 5
- *Tựa (Trần Trung Viên)* 7
- *Tựa (Dương Bá Trạc)* 9
- *Bài tựa (Tản Đà)* 11
- *Cùng các độc giả* 15

THẤT NGÔN BÁT CÚ

1. Lê Thánh Tôn
   - Người bù nhìn 17
   - Cái chổi 18
   - Cái xe điếu 18
   - Cái cối xay 18
   - Người nấu bếp 19
   - Thằng đánh dậm 19
   - Qua đèo Ngang 19
   - Hoa sen 20
   - Cái điếu 20
   - Người thợ cạo 20
   - Người đi xin 21
   - Thằng mõ 21
   - Cái nón 21
   - Con chó đá 22
   - Đề miếu Vũ Nương 22
   - Lời mẹ Vương Lãng tiễn sứ giả 22
   - Đến làng Tam Chế 23
   - Nhớ chuyện Vũ Nương 23
   - Đề đền Lễ Khôi 23
2. Trần Khánh Dư
   - Bán than 24
3. Đặng Dung
   - Thuật Hoài 24

4. Lê Quý Đôn
- Trách mình biếng học 25
- Trương Lương 25
- Gia Cát Lượng 26
- Từ Thức động 26
- Bài dịch 26
5. Nguyễn Gia Thiều
- Sai thằng cam 27
- Cung oán thi (8 đoạn) 27
6. Chúa Trịnh Sâm
- Tây Hồ 29
- Động Hương Tích 30
- Chùa tiên 30
7. Nguyễn Hữu Chỉnh
- Than thân (6 đoạn) 31
8. Lương Hữu Khánh
- Cùng sang chuyến đò 32
9. Phan Mậu Hiên
- Xử thế 33
10. Cựu thần nhà Lê
- Khóc vua Chiêu Thống 33
11. Văn thần đời Lê
- Lý ông Trọng 34
- Bạch Đằng Giang 34
- Mẫu đơn 35
- Vịnh xuân 35
- Tàn xuân lữ xá 35
- Phù Đổng thiên vương 36
- Giang thiên mộ tuyết 36
- Động Đình thu nguyệt 36
- Trưng Vương 37
- Canh một 37
- Khổng thánh 37

12. Văn thần đời Mạc
- Tô công phụng sứ (2 đoạn) 38
- Lâm tuyền kỳ ngộ 38
13. Đặng Đức Siêu
- Tối ba mươi tết 40
14. Phan Huy Ích
- Tiễn quan Trấn thủ 41
- Nhớ quan Trấn thủ 41
- Quan Trấn về doanh 41
15. Nguyễn Đình Ngọc
- Ngũ thập ngũ tự thọ 42
- Đọc sử 42
- Dạy con 43
16. Phạm Thấu
- Qua cửa ngũ môn 43
17. Ngô Thế Vinh
- Cáo quan về nhà 44
18. Nguyễn Liên Phong
- Nhớ Phan Công Cát 44
19. Phạm Thái
- Tự trào 45
- Cảm thán 45
- Gửi cho tình nhân 45
- Khóc cô Trương Quỳnh Như 46
- Mơ tưởng Quỳnh Như 46
20. Bà Bang Nhãn
- Ngũ hành sơn 47
21. Thái Duy Thanh
- Ngũ hành sơn 47
22. Quan Hiệp Đào
- Thuật hoài 48
- Hồ Trúc Bạch 48
23. Nguyễn Minh Triết
- Hà tiện 49

24. Trạng Giáp Hải
- Bình thi 49
- Bài dịch của Nam Phong 49
- Bài họa của Trạng Giáp Hải 49
- Bài dịch của Nam Phong 49
25. Bà Nhàn Khanh
- Mừng em họ đậu tú tài 51
- Vịnh cung Thường Nga 51
- Vịnh cảnh Sơn Vi 51
- Bà Chiêu cải giá 52
- Đề đền Phù Đổng 52
- Mừng cháu đỗ Cử nhân 52
26. Thương Tân Phi (Phan Quốc Quang)
- Khuê phụ thán (10 đoạn) 53
- Tục Khuê phụ thán (10 đoạn) 56
27. Nguyễn Bỉnh Khiêm
- Cảm hứng và bài dịch 59
- Nhân tình thế thái (49 đoạn) 59
- Mùa thu chơi thuyền 73
28. Nguyễn Quỳnh
- Trêu cô hàng nước xứ Nghệ (2 đoạn) 73
- Đổi thư ông giáo thụ 74
- Đề tượng bà Banh 74
29. Vũ Duy Thanh
- Thơ túng 75
- Thăm cảnh Nhiệt Đàm 75
- Nhớ thầy học cũ 75
- Đề nhà học cũ 76
- Tiễn đưa Nguyễn Tri Phương vào Nam chống giặc 76
- Qua đèo Hải Vân 77
- Qua suối Bạch Đàn 77
30. Nguyễn Công Trứ
- Tự cao 77
- Đợi thời 78

- Đi thi 78
- Trò đời 78
- Phường danh lợi 79
- Tình say sưa 79
- Cảnh Tết 79
- Thói đời 80
- Cây cau 80
- Cảnh hàn vi nuôi vợ đẻ 80
- Tương tư 81
- Trống đại trong triều 81
- Phận nghèo 82
- Bỡn cô đào già 82
- Than nghèo 83
- Tự tại 84
- Trận mưa đầu mùa 85
- Đề tranh mỹ nhân 85
- Tự vịnh (Mỗi câu 1 tên con bài) 85
- Từ biệt vợ 86
- Than thân 86
- Nhẫn nhục 87
- Lòng người 87
- Thỏa mộng công hầu 88
- Thói đời 88
- Chuyện đời 89
- Chửi đời 89

31. Bà huyện Thanh Quan
- Tức cảnh chiều thu 89
- Nhớ nhà 90
- Qua đèo ngang 90
- Hoài cổ 91
- Chơi chùa Trấn Quốc 91
- Buổi chiều lữ thứ 91
- Chơi đài Khán Xuân 92

32. Hồ Xuân Hương
- Tự tình 92
- Qua sông phụ sóng 93
- Không chồng mà chửa 93
- Cái quạt 93
- Tranh Tố nữ 94
- Tát nước 94
- Dệt cửi 95
- Cái giếng 95
- Hòn đá ông Chồng bà Chồng 95
- Tự tình 96
- Bà lang khóc chồng 96
- Nên câu tuyệt diệu 96
- Hang Thánh hóa ở Sài Sơn 97
- Qua Kẽm Trống 97
- Hang Cắc cớ 97
- Quán khách vào Thanh Hóa 98
- Qua đèo Ba Dội 98
- Đến chùa Quán Sứ 99
- Chùa Hương 99
- Cây đu 99
- Ngán nỗi chồng chung 100
- Khóc ông Phủ Vĩnh Tường 100
- Trăng thu 100
- Chợ Trời chùa Thầy 101
- Chế sư 101
- Quan thị 101
- Học trò dòm trộm 102
- Trống thủng 102

33. Nguyễn Văn Lạc
- Tổ sư hát bội 102
- Con trâu 103
- Thư tạ hương đảng 103
- Cùng nhau bị bắt 104

- Chó chết trôi 104
- Vịnh đôi gà chọi 104
- Ăn chơi 105
- Có quan hùng dũng 105
34. Tuy Lý Vương
- Cũng phải xơi ngơi 106
- Đề nhà mát 106
35. Nguyễn Dực Tôn (vua Tự Đức)
- Ngẫm sự đời 106
- Xuân hứng (2 đoạn) 107
- Khóc Thị Bằng 108
36. Em gái Minh Mạng
- Thơ sách họa lấy chồng 108
37. Vua Thành Thái
- Bắc tuần ngự chế 109
- Bài dịch 109
- Sầu tây bể Cấp 109
38. Hoàng Giáp Liêu
- Than thế sự 110
39. Phạm Như Xương
- Quốc biến năm Ất Dậu 110
40. Cụ huyện Thư Điền
- Thức giấc 111
41. Cử Tuệ
- Chim bồ câu 111
42. Cụ Mền Quán Vinh
- Nợ phong lưu 112
43. Tú Quỳ
- Hát bội 112
- Vịnh con dế duổi 112
44. Cụ Thượng Võ Khoa
- Cảnh già 113
- Phong cảnh Linh Giang 113

45. Đỗ Giang
- Tết giao thừa 114
46. Án Sát Siêu
- Vấn nguyệt 114
47. Trần Quý Khoách
- Tiễn đưa Nguyễn Biểu 115
- Bài họa 115
48. Đông Hồ (Lâm Tấn Phác)
- Hai giọt lệ 115
49. Lê Ngô Cát
- Cảm tác 116
50. Lê Trung Đình
- Nước lụt 116
51. Nguyễn Hữu Tạo
- Hành quân tức sự 117
52. Đặng Xuân Bảng
- Tự vịnh 117
- Cảm hứng 118
- Đề núi Dục Thúy 118
- Đêm nghỉ ở Thạch Hà 118
- Giữ mực thanh liêm 119
- Vui thú nhà nông 119
- Đề núi Hàm Rồng 119
- Đề núi Phật Huỳnh 120
- Đề động Bích Đào, Nga Sơn 120
- Ngẫu hứng 121
53. Đoàn Như Khuê
- Má hồng tóc bạc 121
54. Phạm Quý Thích
- Vịnh Kiều và phỏng ý bài trên 122
55. Nguyễn Hữu Huân
- Khi bị lưu đày 122
- Khi được tha về 123
- Cây bắp 123

- Khi bị đóng gông 124
56. Phan Thanh Giản
- Ký nội 124
- Gần sáng 124
- Đi sứ sang Pháp 125
- Việc nước không thành 125
57. Nguyễn Tri Phương
- Tiễn Phan Thanh Giản 126
58. Phạm Việt Chánh
- Điếu Phan Thanh Giản 126
59. Tôn Thọ Tường
- Hỏng thi cảm tác 127
- Lai kinh thọ tội 127
- Đến chùa cây mai cảm tác 127
- Đĩ già đi tu 128
- Tự thuật 128
- Từ Thứ quy Tào 128
- Vịnh Kiều 129
- Bái Công khóc Hạng Võ 129
- Tôn phu nhân quy Thục 129
- Theo sứ sang Tây 130
- Tự thuật (10 đoạn) 130
60. Phan Văn Trị
- Chùa hư 133
- Cảnh An Giang 133
- Hạt lúa 134
- Thợ may 134
- Ngư ông (2 đoạn) 134
- Nhượng địa 135
- Hát bội 135
61. Nguyễn Đình Chiểu
- Cảm tác 136
- Chạy giặc 136
- Tự thuật 137

- Điếu Phan Thanh Giản 137
- Điếu Phan Thanh Tòng 137
- Điếu Trương Công Định 138
62. Huỳnh Mẫn Đạt
- Cảnh chiều 138
- Dạ nguyệt phiếm châu 139
- Chiêu Quân xuất tái 139
- Mưa đêm 139
- Gã móm 140
- Đĩ đi tu 140
- Trâu già 140
- Chiêu Quân 141
- Núp chào cùng hổ 141
63. Lê Duy Đồng
- Điếu bái miếu đường 141
- Bài dịch 142
64. Đặng Trần Thường
- Qua đèo Ngang 142
65. Nguyễn Thiện Kế
- Vịnh Kiều 143
- Tri phủ Vĩnh Tường 143
- Tổng đốc Hải Dương 143
- Tuần phủ Thái Bình 144
- Khóc vợ bé 144
66. Bùi Hữu Nghĩa
- Quan đế 145
- Hà âm mộ cảnh 145
- Thuyền qua Thoại Sơn 145
- Khuyến học 146
- Thời cuộc cảm tác 146
- Tuổi già bệnh cũ 146
67. Nguyễn Tử Mẫn
- Tự vịnh 147

68. Sương Nguyệt Anh
- Đáp họa một bài thơ ướm hỏi 147
- Nguyên xướng của một nho gia 148
- Đáp họa một bài thơ ướm hỏi 148
- Nguyên xướng của một phủ quan 148
69. Nguyễn Thượng Hiền
- Đất này rộn rã 149
70. Trần Bích San
- Tam thướng Hải Vân 149
- Bài dịch 150
71. Nguyễn Thông
- Nam Kỳ thất thủ 150
72. Trần Cao Vân
- Con cóc 151
- Hỏa xa 151
- Chết chém 151
73. Đỗ Minh Tâm
- Thuyền nặng ra khơi 152
- Vịnh Kiều 152
- Cục cứt trôi sông 153
74. Trịnh Hoài Đức
- Qua đèo Hải Vân 153
- Tạ mẹ đi sứ 153
75. Nguyễn Can Mộng
- Đề núi Dục Thúy 154
76. Hoàng Cao Khải
- Trưng Vương 154
- Tô Hiến Thành 155
- Chiêm phi Mị Ê 155
- Công chúa Huyền Trân 155
77. Nguyễn Văn Giai (Ba Giai)
- Diễu quan Đề 156
- Hà Thành hiểu vọng 156
- Nằm co 157

- Nói khoác 157
- Chê gái lấy chồng già 157
- Tình khứ lưu 158
- Hoàng Diệu tuẫn tiết 158
78. Nguyễn Quý Tân (Nghè Tân)
- Về hưu 158
79. Chu Mạnh Trinh (Nghè Phú Thị)
- Kiều đi thanh minh 159
- Kiều tiếp Kim Trọng 159
- Kiều tự bán mình 160
- Kiều mắc Tú Bà 160
- Kiều mắc Sở Khanh 160
- Kiều lấy Thúc Sinh 161
- Kiều ở nhà chùa 161
- Kiều báo ân báo oán 161
- Kiều khóc Từ Hải 162
- Kiều tự trẫm mình 162
- Tổng vịnh truyện Kiều 162
- Cổ loa hữu cảm 163
- Bản dịch Cổ Loa của Tiên Đàm 163
80. Dương Khuê
- Ngũ thập ngũ tự thọ 163
- Tự vịnh 164
- Đánh cờ 164
- Tiễn sứ thần 164
81. Bùi kỷ (Bảng Kỷ)
- Tự thán 165
82. Phan Chu Trinh
- Thời cảm 165
- Đưa bạn Trần Quý Cáp 166
- Đập đá ở Côn Lôn 166
- Lưu giản 166
- Đèn sáp 167

83. Khuyết danh
- Nguyễn Hữu Huân 167
- Bài dịch của Phan Bội Châu 168
84. Phan Bội Châu
- Nghĩ xem sự thế 168
- Ngồi tù cảm tác 168
- Mộng du thi xã 169
85. Dương Bá Trạc
- Bà Triệu 169
- Bà Phan Thị Thuấn 170
- Nguyễn Văn Quyên 170
- Bà Nguyễn Thị Kim 170
- Nguyễn Cao 171
86. Nguyễn Khuyến (Tam nguyên Yên Đổ)
- Hỏa lò 170
- Tết phong lưu 172
- Núi Non Nước 172
- Cảnh chùa Đọi 172
- Mừng lão hàng thịt thượng thọ thất tuần 173
- Mừng một ông Nghè 173
- Xuân cảm 173
- Nhàn du 174
- Tiệc hát 174
- Chuyện cũ 174
- Xuân hứng 175
- Nước lụt 175
- Than nợ 175
- Bà già gửi thư lấy chồng 176
- Con vịt 176
- Già đời 177
- Không chồng trông bông lông 176
- Bỡn một bà kia 176
- Nhân sinh thích chí 178
- Khuyên người lấy lẽ 178

- Cối xay 178
- Tự trào 179
- Cắt tóc 179
- Than già 179
- Cô kia lội lụt 180
- Quan tỉnh Hà Nam 180
- Cảnh lên lão 180
- Cảnh mùa hè 181
- Dựng nhà Tế đường 181
- Túy cẩm 181
- Thu ẩm 182
- Thu điếu 182
- Thu vịnh 182
- Gửi bạn làm Đốc học 183
- Tổng vịnh nàng Kiều 183
- Kiều đi thanh minh 183
- Kiều tự bán mình 184
- Kiều mắc Hoạn thư 184
- Một bài tập Kiều 184
- Cô tiểu ngủ ngày 185
- Đưa người làm mối 185
- Tạ người cho hoa trà 185
- Ông Nghè giấy (2 đoạn) 186
- Chợ trời Hương Tích 186
- Nước lụt Hà Nam 187
- Hỏi thăm nước lụt 187
- Gửi bạn cố tri 188
- Tiếp bạn suông tình 188
- Gặp khi mất mùa 188
- Nhất vợ nhì trời 189
- Chơi núi Long Đội 189
- Hội Tây 189
- Đùa bạn làm Đốc học 190
- Về nghỉ nhà 190

- Lão cảm 190
- Chơi núi An Lão 191
- Tặng bạn ra làm quan 191
- Ngẫu hứng 191
- Quốc kêu cảm hứng 192
- Bỡn một thầy đồ 192
- Hỏi thăm mất cướp 193
- Bài họa gửi lại 193
- Ly ngư bạt hổ 193
- Chợ Đồng 194
- Khuyên vợ cả 194
- Tiễn quan Án Hà Nam 194
- Tặng bạn mở Ty rượu 195
- Mừng cô Tư Hồng 195
- Vào hè 196

87. Trần Tế Xương
- Dại khôn 196
- Than nghèo 196
- Chế bạn 197
- Vị Hoàng hoài cổ 197
- Ông cử tục huyền 198
- Gửi Phan Bội Châu 198
- Buồn về đạo học 198
- Cảnh nghèo 199
- Quan tại gia 199
- Vấn thân 200
- Mùa nực mặc áo bông 200
- Đi thi 200
- Ốm và đau mắt 201
- Tự trào 201
- Tự trào 201
- Tình nghèo 202
- Tự trào 202
- Chờ xem yết bảng 202

- Hồng thi (2 đoạn) 203
- Tự tích 204
- Gần Tết than thân 204
- Ngẫu hứng 204
- Lạc đường 205
- Nước lụt 205
- Đại hạn 205
- Trách người 206
- Than nghèo (3 đoạn) 206
- Tự đắc 207
- Gái ở chùa 207
- Thương tiếc cho ai 208
- Đùa bạn trong tù 208
- Vịnh cô đào 208
- Hữu cảm 209
- Khóc vợ một ông Tú ở Phong Châu 209
- Ngày xuân ngẫu hứng 209
- Năm mới 210
- Buồn đêm dài 210
- Nhớ người xa cách 211
- Hỏi thăm ông Ấm 211
- Cô tây đi tu 211
- Vay nợ sư không được 212
- Trời hôm 212
- Tết viếng cô Ký 212
- Đi thi gặp bạn 213
- Nhắn sĩ tử 213
- Hương thí tự trào 213
- Bảo học trò đi thi 214
- Học trò ngủ gật 214
- Bàn đèn thuốc phiện 214
- Ông lão 215
- Chế một ông Hàn 215
- Tát nước 215

- Gửi cho cố nhân 216
- Tự thán 216
- Mưa tháng bảy 217
- Bắt được đồng tiền 217
- Gửi cho cô đào 217
- Phòng Không 218
- Cười người tái giá (2 đoạn) 218
- Tặng người quen 219
- Xuân nhật tự vịnh 219
- Mỉa một bà kia 219
- Than thân chưa đạt 220
- Trông trăng 221
- Bão lụt 221
- Hà Nam tức sự 222
- Xuân hứng 222
- Họa vận bài trên 222
- Quá vui ra dại 223
- Trêu anh chàng sắt giả danh thầy đồ 223
- Bỡn một ông Cử 224
- Bỡn người làm mối 224
- Cười người lang chạ 224
- Giễu bạn ở tù ra 225
- Chồng bị tù 225
- Lấy lẽ 225
- Lấy lẽ thứ tư 226
- Cô hầu 226
- Ông lão ve gái 226
- Cô đào mang thai 227
- Đang ốm nghe vợ khấn cầu 227
- Gửi tình nhân (2 đoạn) 228
- Cười mình 228
- Rượu say 229
- Đi xa dạy học 229
- Vịnh đùa 229

- Nhớ mỹ nhân 230
- Xuân tình 230
- Hỏi trăng cho nước 230
- Chinh phụ 231
- Vịnh tết Trung Thu 231
- Không vay mà phải trả 231
- Cười một nhà nho 232
- Lên đồng 232
- Cháu khóc cô 232
- Người xinh cái bóng cũng xinh 233
- Bỡn quan Phó Bảng 233
- Cái đất Vị hoàng 233
- Khen vợ 234
- Mừng nghị viên 234
- Lo xa 235
- Khoa thi 235
- Đèn chạy quân 235

88. Khuyết danh
- Hoa cúc (2 đoạn) 236
- Tức Cảnh 236
- Dứt lục 237
- Tát nước 237
- Hồ Hoàn Kiếm 237
- Đau bụng 238
- Gái hồng nhan 238
- Khuyên học 238
- Học trò ngủ gật 239
- Cung oán 239
- Hỏi muỗi 240
- Mảnh sành 240
- Than đời 240
- Than nước lụt 241
- Núi hùm 241
- Đền Ngọc Sơn 241

- Đọc ngược 242
- Hán Đế khuyên nhủ Chiêu Quân 242
- Chiêu Quân vào chầu Hán Đế 242
- Cây chi nghề (Mỗi câu có tên một thú vật) 243
- Nhớ cô đào 243
- Chửa hoang 243
- Tết suông 244
- Hai ả lên đồng 244
- Gửi về quê thăm vợ 244
- Vũng Bình Than 245
- Đề núi Lã Vọng (2 đoạn) 245
- Vịnh bà Phan Thị Thuấn (2 đoạn) 246
- Thăng Long hoài cổ 247
- Than thời loạn 247
- Tự đắc 247
- Cảnh ông giáo thụ 248
- Gửi tình nhân 248
- Chơi Tây Hồ nhớ bạn 248
- Cái Cẳng đánh nhau 249
- Chở thuyền chơi trăng 249
- Cảnh gõ đầu trẻ 249
- Vua Hán Cao Tổ 250
- Hưu quan lục thập tự thọ 250
- Đề truyện Thị Kính 250
- Ghẹo cô sư 251
- Chơi chùa 251
- Đề truyện Kiều 252
- Tới kỳ thi 252
- Hằng Nga 252
- Nhàn 253
- Đời người chóng già 253
- Nhớ bạn 253
- Than thân học trò 254
- Quan Công cư Tào 254

- Canh khuya 254
- Vịnh núi Dục Thúy 255
- Đề chùa Hương Sơn 255
- Điếu hút thuốc lào 256
- Con chó đá 256
- Đèn chạy quân 256
- Cái điếu 257
- Cây gạo chùa Bào 257
- Vịnh Phan Thanh Giản 257
- Nhớ Phan Thanh Giản 258
- Đề Dục Thúy Sơn 259
Chú thích phần Thất ngôn bát cú 259

THẤT NGÔN LỤC CÚ

1. Nguyễn Công Trứ
- Bỡn tình nhân 268

THẤT NGÔN TỨ CÚ

2. Hàn Thuyên
- Bài văn đuổi cá sấu 269
3. Lê Thánh Tôn
- Con voi 270
- Con cóc 270
- Dệt vải 270
4. Nguyễn Trãi
- Hỏi cô bán chiếu 271
- Bài đáp của Nguyễn Thị Lộ 271
5. Nguyễn Công Trứ
- Đời người thắm thoắt 271
6. Nguyễn Quý Tân (Nghè Tân)
- Chim bồ câu 272
7. Phạm Văn Nghị
- Đến động Liên hoa 272
8. Nguyễn Gia Thiều (Ôn Như Hầu)
- Miếng tình 272

9. Nguyễn Khuyến (Tam nguyên Yên Đổ)
- Ông Phỗng đá 273
- Ông tượng đất 273
- Tượng canh đền 273
- Cũng chẳng chừa 274
- Hỏi đá 274
- Trời nói 274
- Trời bảo 274
10. Trần Tế Xương (Tú Xương)
- Tự trào 275
- Người hát tuồng 275
- Chiêm bao 275
- Chợt tỉnh 275
- Nghe họ chúc nhau 276
- Nho tàn 276
- Chúc tết 277
- Rủ chơi xuân 277
- Xuân bỡn làng thơ 277
- Đọc sách đêm xuân 277
- Hỏi xuân 278
- Ông Nghè giấy 278
- Thưởng xuân 278
- Đêm xuân trời mưa 278
- Hai chừa 279
- Bỡn một ông Ấm 279
- Ả đào lấy khách 280
- Nhớ bạn 280
- Trách bạn 280
- Diễu người thi đỗ 280
- Đề ảnh 280
- Bị mất hai hào 281
- Dạ hoài 281
- Đi đò gặp bạn 281
- Muốn tới thăm hoa 282

- Đêm buồn 282
- Bỡn một ông Cử 282
- Đùa ông Phủ 282
- Ông Huyện 283
- Tú Tây Hồ, đồ Xuân Dục 283
- Trông lầm 283
- Tranh nhau đỗ đầu 283
- Đùa một ông Hàn 284
- Mỉa ông sơ khảo 284
- Hốt của trời 284
- Chị Hằng 284
- Sư bị tù 285
- Đưa bạn đi thi 285
- Ông Nghè mới 285
- Chế quan Đốc 285
- Mừng em làm nhà 286
- Mừng một ông trùm 286
- Lắm quan 286
- Giễu một ông Đội 286
- Mừng một ông lang 287
- Chửi dát giường 287
- Ngón chầu 287
- Đổi thi 287
- Gửi bạn 288
- Kết pháo 288

11. Hồ Xuân Hương
- Bánh trôi 288
- Khóc Tổng Cóc 288
- Sư bị ong châm 289
- Giễu hai anh đồ 289
- Sư chưa diệt tình 289
- Này mấy anh kia 289
- Đồng tiền hoẻn 290
- Bên Tề bên Sở 290

- Ốc nhồi 290
- Đề đền Thái thú 290
- Quả mít 291
- Dỗ kẻ khóc chồng 291
- Miếng cau mời khách 291
- Chiêu Hổ sai hẹn cho vay 291
- Bài họa của Chiêu Hổ 292
- Thơ đùa Chiêu Hổ 292
- Bài họa của Chiêu Hổ 292
- Lại đùa Chiêu Hổ 292
- Bài họa của Chiêu Hổ 292
- Thơ dương vật 293
12. Đoàn Như Khuê
- Bể thảm 293
13. Nguyễn Quỳnh (Cống Quỳnh)
- Phố Hiến 294
- Bỡn cô có lúa 295
14. Đặng Minh Khiêm
- Lý Thường Kiệt 295
- Bài dịch của Hoàng Xuân Hãn 295
15. Nguyễn Lễ (Tiến sĩ đời Mạc)
- Ẩn dật 296
16. Quan Thượng Giai
- Đèn chạy quân 296
17. Từ Đạo Hạnh
- Di Ngôn 296
- Bài dịch của Ngô Tất Tố 297
18. Nguyễn Khải Xuyên
- Qua núi Điệp Sơn 298
19. Bà Ngô Chi Lan
- Vịnh Xuân 298
- Vịnh Hạ 299
- Vịnh Thu 298
- Vịnh Đông 298

20. Đặng Trần Thường
- Đi vay 298
21. Bà Bang Nhãn
- Qua cửa Hàn 299
22. Trần Dụ Tông
- Trần Thái Tông 299
- Bài dịch khuyết danh 299
23. Nguyễn Hữu Chỉnh (Cống Chỉnh)
- Cái pháo 300
24. Tuy Lý Vương
- Vô đề 300
25. Khuyết Danh
- Nên chừa rượu 300
- Nước lụt tượng bụt trôi 301
- Con cua 301
- Đề núi non bộ 301
Chú thích phần Thất ngôn tứ cú 302

THẤT NGÔN CỔ PHONG

1. Nguyễn Khuyến
- Chỗ lội làng Ngang 303

THẤT NGÔN TRƯỜNG THIÊN

1. Khuyết Danh
- Bài tổng luận Kiều 304
- Ông lang viết thơ cho tình nhân 309

SONG THẤT LỤC BÁT

1. Ngọc Hân Công chúa
- Ai tư vãn 311
2. Nguyễn Hữu Cầu (Quận He)
- Chim trong lồng 317
3. Hồng Vân
- Tự thán 318

4. Dương Lâm
- Chơi chùa Hương 319
5. Nguyễn Khuyến
- Tiễn biệt 320
- Chơi núi Nam Sơn 320
6. Phạm Sĩ Vy
- Bản dịch bài phú Xích Bích 321
7. Trần Danh Lâm
- Bài phụ Đồng tiên 323
8. Ngô Điền
- Thu dạ lữ hoài ngâm 325
9. Trần Tế Xương
- Bài ca vợ chồng Ngâu 330
10. Tô Huệ
- Chức cẩm hồi văn 330
- Bài dịch Chức cẩm hồi văn 332
11. Cao Bá Nhạ
- Tự tình khúc 333
12. Nguyễn Du
- Bài Chiêu hồn 348
13. Hồ Xuân Hương
- Đánh cờ người 353
14. Nguyễn Khuyến
- Ưu phụ từ 354
- Lời vợ phường chèo (bài dịch của tác giả) 355
- Ly phụ từ 355
- Lời gái góa (bài dịch của tác giả) 356
15. Khuyết danh
- Thuật hoài 357
- Bài hát cổ bồn của Trang Tử 365
- Bài dịch Khuyết Danh 366
Chú thích phần Song thất lục bát 366

LỤC BÁT

1. Lê Ngô Cát
- Thơ bà Triệu Ẩu 368
2. Đặng Huy Trứ
- Bà Triệu Ẩu 368
3. Đồ Nghệ
- Nhân ảnh vấn đáp 369
4. Nguyễn Trãi
- Tự thán 377
5. Nguyễn Khuyến
- Chúc thọ bà Hoàng Giáp Tam đăng 377
- Tặng cô đào Lựu 378
- Hát ru em 378
- Bắc đồ mắc lừa gái 379
6. Đào Duy Từ
- Ngọa Long Cương văn 381
7. Lý Văn Phức
- Bất phong lưu truyện 385
8. Chu Mạnh Trinh
- Hương Sơn hành trình 388
9. Trần Tế Xương
- Đi hát mất ô 392
- Nhớ bạn (2 bài) 392
- Sông Lấp Nam Định 393
- Hỏi ông trăng 393
- Hỏi ông trời 394
10. Bà Nhàn Khanh
- Tự thuật 394
- Tự tình 395
11. Ngô Thế Vinh
- Mong trả nợ đời 397
12. Nguyễn Công Trứ
- Cuộc rượu 398
- Nhàn ngâm 398

13. Dương Khuê
- Hà Nội tức cảnh 398
- Lời hẹn 399
- Hỏi thăm bạn ở Hưng Hóa 399
14. Nguyễn Hữu Tạo
- Bài răn quân sĩ 399
15. Nguyễn Thượng Hiền
- Chơi Sài Sơn 401
16. Khuyết danh
- Tự tình 402
- Vịnh cái nón 408
- Chơi Sài Sơn 408
- Hà Nội ba mươi sáu phố phường 408
- Tống thần Cùng 410
- Câu rằng 412
- Năng nhẫn bất năng nhẫn hành 412
- Vịnh thủy tiên 423
Chú thích phần Lục bát 423

THƠ NGŨ NGÔN

1. Nguyễn Dục Tôn (vua Tự Đức)
- Tứ thi 424
- Bài dịch của Thượng Tân Thị 424
2. Trần Tế Xương (Tú Xương)
- Than cùng 425
- Tết của cô đào 425
- Thế cũng đòi thi 426
- Tự vịnh 426
- Tự trào 426
3. Bùi Kỷ (Bằng Kỷ)
- Mặt trăng 427
- Ngẫu cảm 427
4. Dương Bá Trạc
- Hai Bà Trưng 428

5. Nguyễn Khuyến
- Nhà sư 428
- Mùa hạ 429
- Điếu Dương Khuê văn 429
- Bài khóc Dương Khuê 430
- Di chúc văn 432
- Tự dịch bài Di chúc 433
6. Trương Hán Siêu
- Nhàn du 434
- Bản dịch Nam Phong 435
7. Nguyễn Gia Thiều (Ôn Như Hầu)
- Cảnh nhỏ 435
8. Khuyết Danh
- Tự trào 435
- Thu giang 436
- Chùa Vô Vi 436
- Hồ Tây 436
Chú thích phần Thơ ngũ ngôn 436

THƠ YẾT HẬU

1. Chiêu Lỳ Phạm Thái
- Tự trào 437
- Cha mắng con cờ bạc 437
- Con trách cha nghiện rượu 437
- Than nỗi chồng con 438
- Bợm rượu 438
- Con lươn 438

KINH NGHĨA

1. Lê Quý Đôn
- Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng 439
- Mẹ ơi con muốn lấy chồng 441
Chú thích phần Kinh nghĩa 443

VĂN THƯ

1. Trịnh Kiểm
- Thư dụ Phan Quận Công 444

VĂN HỊCH

1. Lê Duy Mật
- Bài Hịch đánh Trịnh 447
2. Đoàn Phát
- Cử nghĩa hịch văn 451
3. Lê Huy Giao
- Bài Hịch dụ các người trung nghĩa miền Bắc 452
Chú thích 456

VĂN SÁCH

1. Lê Quý Đôn
- Lấy chồng cho đáng tấm chồng 457
2. Khuyết Danh
- Văn sách Kiều 460
3. Phạm Thái (Chiêu Lỳ)
- Khóc cô Trương Quỳnh Như 463
4. Nguyễn Từ Mẫn
- Phê bình ông Chiêu Lỳ 464
5. Chu Mạnh Trinh
- Bài tựa truyện Kiều 464
- Bản dịch Đoàn Quỳ 466
Chú thích phần Văn sách 467

VĂN TẾ

1. Đặng Đức Siêu
- Vua Gia Long tế Bá Đa Lộc 469
- Hoàng tử Cảnh tế ông Bá Đa Lộc 471
- Bài tế Phò mã Chưởng hậu quân Võ Tánh và Lễ bộ thượng thư Ngô Tòng Châu 473
2. Vũ Lượng
- Bài tế tận vong tướng sĩ 475

3. Trần Tế Xương
- Bài tế sống vợ 479
- Vợ tế chồng 480
4. Ngọc Hân công chúa
- Văn tế vua Quang Trung 482
5. Phan Huy Ích
- Văn tế Tướng sĩ trận vong 484
- Văn tế Tướng sĩ rằm tháng Bảy 486
6. Võ Phát (Bang Nhu)
- Văn tế Cao Thắng 488
7. Bùi Viện
- Văn tế lão mẫu 490
8. Khuyết Danh
- Tế sống tình nương 494
- Văn tế khóc mẹ 498
- Văn tế thuốc phiện 499
- Văn tế cô đầu 502
- Khóc sư và cụ đạo 504
Chú thích phần Văn tế 506

VĂN XUÔI CỔ

1. Lý Văn Phức
- Tự thuật ký 509
2. Nguyễn Trãi
- Bình Ngô đại cáo 511
3. Trúc Khê
- Bản dịch Bình Ngô đại cáo 515
4. Dương Xuyên Hầu
- Thư gửi Tả Đình Hầu 520
5. Tả Đình Hầu
- Đáp lại Dương Xuyên Hầu 522
6. Khuyết danh
- Thuyền về gặp gió 523
- Gửi thăm bạn học 525

- Đáp lại bạn học 525
- Kính thăm cha mẹ 526
- Cha mẹ đáp lại 526
- Tiễn chồng đánh giặc 527
- Chồng đáp lại vợ 528
- Khuyên thế nhân 528
Chú thích phần Văn xuôi cổ 531

THỂ VĂN BIỀN NGẪU

1. Lê Quý Đôn
- Mẹ ơi con muốn lấy chồng 532
2. Vũ Duy Thanh
- Cổ kinh danh thắng 536
3. Nguyễn Cư Trinh
- Truyện sãi vãi 539
4. Phạm Gia Huệ
- Thái hòa cảnh tượng chí 553
5. Khuyết Danh
- Lạc đệ tự hối 555
- Thúy Sơn thu mộng ký 557
- Bài chiếu khuyên thần dân đầu năm 558
- Bài biểu chúc Tết 559
Chú thích Thể văn biền ngẫu 560

CÁC THỂ TẢN VĂN

1. Trương Hán Siêu
- Bài ký tháp Linh Tế 561
2. Nguyễn Trãi
- Băng hồ di sử lục 563
- Bài dụ tướng sĩ thành Thanh Nghệ 564
3. Thân Nhân Trung
- Vua Lê Thánh Tông 565
4. Nguyễn Bỉnh Khiêm
- Quán Trung Tân 566

VĂN PHÚ

1. Phan Văn Ái
- Bài phú Thầy đồ đi trọ 568
- Lẳng lơ phú 570
2. Nguyễn Đình Tố
- Bài phú Tiến sĩ 572
3. Quan Nghè Thụ Ích
- Tống thần cùng phú 573
4. Nguyễn Huy Lượng
- Tụng cảnh Tây hồ 576
5. Phạm Thái (Chiêu lỳ)
- Phản Tây hồ tụng 583
6. Mạc Đĩnh Chi
- Ngọc tỉnh liên phú 591
- Bài dịch Khuyết danh 594
7. Thị Kính
- Quan âm tống sử văn 596
8. Đỗ Thế Giai
- Ngọc thụ hoa chi 599
- Lâm tuyền khách 601
- Hồng nhan bạc phận phú 602
9. Phạm Quang Sán
- Bài phú cờ bạc 606
10. Trần Văn Nghĩa
- Thế tục phú 610
11. Cao Bá Quát
- Tài tử đa cùng phú 611
12. Nguyễn Công Trứ
- Hàn nho 613
- Trương Lương 616
13. Trương Vĩnh Ký
- Ngư tiều trường điệu 618
- Giặc đến nhà đàn bà phải đánh 619

14. Nguyễn Thượng Hiền
- Bài phú cải lương hồi nước ta mới duy tân 623
15. Nguyễn Khuyến
- Bài phú thầy đồ ngông 626
16. Trần Tế Xương
- Bài phú thầy đồ đi trọ 631
- Bài phú hỏng thi 632
17. Khuyết Danh
- Quá xuân phú 634
- Lạc đệ phú 636
- Tần cung nữ oán Bái công 639
- Phú đồ Nghệ 642
- Phú răn cờ bạc 643
- Thuốc phiện 646
- Tế thần 649
- Ngũ canh phú 652
Chú thích phần Văn phú 653

CA TRÙ

1. Ngô Thế Vinh
- Thanh phong minh nguyệt 657
- Ăn chơi 658
- Tài sắc mà chi 658
2. Vũ Phạm Hàm
- Hương Sơn phong cảnh 659
3. Bà Nhàn Khanh
- Lấy chi ghẹo mận trêu đào 661
4. Thượng Võ Khoa
- Cuốn chiếu hết nhân tình 662
5. Nguyễn Đức Như
- Mặc đời 663
6. Trần Lê Kỷ
- Chơi cho thích 663
7. Lê Thánh Tôn

- Hương Sơn phong cảnh 664
8. Trịnh Đình Thái
- Nhàn là thích 665
9. Bùi Mai Điểm (Tú Điểm)
- Trống chầu 666
10. Cao Ngọc Anh
- Giang dạ cầm thi 667
11. Nguyễn Đức Đàm
- Mối tình vương giả 667
- Muốn tu chẳng được 668
- Đàn ai trên bến 669
12. Lê Đức Mao
- Bài hát xuân đình 669
- Bài hát mừng xuân 670
13. Phan Huy Vịnh
- Tỳ bà hành tự 671
- Bài dịch bài tự 671
14. Đỗ Phủ
- Thu hứng 672
- Bài dịch Thu hứng của Phan Huy Vịnh 672
15. Bạch Cư Dị
- Bài Tỳ hành bà 673
- Bài dịch Tỳ bà hành 675
16. Phạm Thái (Chiêu Lỳ)
- Tình xuân 678
17. Nguyễn Công Trứ (Ca trù)
- Kiếp nhân sinh 679
- Vịnh Trần Đoàn 680
- Cảnh xuân 681
- Cảnh hè 681
- Cảnh thu 682
- Cảnh đông 682
- Gánh gạo đưa chồng 683
- Nghe tiếng Tỳ bà 683

- Vịnh tiền Xích Bích 684
- Vịnh hậu Xích Bích 685
- Thoát vòng danh lợi 685
- Quân tử cố cùng 686
- Tự tình 686
- Chơi xuân kẻo hết 687
- Công danh 687
- Thanh nhàn 688
- Thân danh 689
- Tài tình 689
- Yêu hoa 690
- Cuộc thi tửu 690
- Nợ phong lưu 691
- Vãn cảnh chiều 691
- Chữ tình 692
- Thành Thăng Long 692
- Lo gì chẳng có lúc chơi 693
- Liệt nữ Nguyễn Thị Kim 694
- Hàn Tín 694
- Tình hay tiền 695
- Buồn về tình 695
- Quen thú vẫy vùng 696
- Kim tiền 696
- Hữu chí cánh thành 697
- Đạo Phật 698
- Thú rượu thơ 699
- Chức phận trượng phu 699
- Rõ mặt tu mi 700
- Công danh bất lụy 700
- Cán cân tạo hóa 701
- Thú nguyệt hoa 701
- Chơi tổ tôm 702
- Chí anh hào 702
- Kiếp phù thế 703

- Chí nam nhi 703
- Chơi là lãi 704
- Sĩ tụng 704
- Ngất ngưởng 705
- Thú say 706
18. Dương Lâm
- Mừng ông Nghè mới 707
- Lễ phong thân phụ 707
- Tự mừng sinh nhật 708
19. Dương Khuê
- Cùng ai dan díu 708
- Tặng cô đào Phẩm 709
- Tặng cô đào Cúc 709
- Tặng cô đào Ngọ 710
- Tặng cô đào Cần 710
- Tặng cô đào góa 711
- Thăm cô đào ốm 712
- Hồng tuyết 712
- May rủi 713
- Nợ phong lưu 713
- Cảm hoài 714
- Nói hớt 714
- Xin hỏi Thúc Lang 715
- Cái dại 715
20. Nguyễn Hữu Độ
- Khánh thành sinh từ Nguyễn Hữu Độ 716
- Chơi trăng 717
21. Nguyễn Thượng Hiền
- Chơi Tây Hồ 718
- Chơi Sài Sơn 718
22. Tú Xuất
- Dại khôn 719
23. Chu Mạnh Trinh
- Thúy Kiều oan trái 719

- Thúy Kiều lưu lạc 720
- Hương Sơn phong cảnh 721
24. Nguyễn Quý Tân
- Tự khen mình 721
25. Cao Bá Quát
- Thất tịch 722
- Phận hồng nhan 723
- Tìm sở thích 723
- Cuộc phong trần 724
- Chán đời 724
- Tự tình 725
- Mặc đời 725
- Nhủ tình nhân 725
26. Trần Tế Xương
- Dán câu đối Tết 726
- Cậu Mán 727
- Đánh tổ tôm 727
- Kim tiền 728
- Giễu bạn 728
- Đĩ rạc đi tu 729
- Chơi ả đào 729
- Cảnh tết ở nhà cô đầu 730
- Ngẫu chiếm 730
27. Nguyễn Khuyến
- Bóng đè cô đào Sen 731
- Hỏi ông phỗng đá 731
- Giả cách điếc 732
- Mẹ mốc 732
- Chơi Tây Hồ 733
- Túy ông 733
- Vườn Bùi 734
- Đùa chế ông đồ Cự Lộc 734
- Đĩ cầu Nôm 735

28. Nguyễn Khắc Hiếu (Tản Đà)
- Đời đáng chán 736
- Lục xuất Kỳ Sơn 737
- Gặp xuân 737
- Giang hà nhật hạ nhân giai trọc 738
29. Khuyết Danh
- Chúc thọ 738
- Nhớ quê 739
- Mỗi người mỗi thú 739
- Chinh phụ 740
- Trời chẳng chiều người 740
- Tặng đào nương 741
- Chơi xuân kẻo già 741
- Anh hùng vô tận 742
- Thế sự 742
- Trung thu 743
- Nhân sinh thích chí 743
- Thúy Kiều 744
- Anh hùng thuyền quyên 744
- Phong cảnh lâm tuyền 745
- Nguyễn Triều nhất thống 745
- Nga Sơn tiều ẩn 745
- Trung thu vọng nguyệt 746
- Đêm thu hội yến 746
- Uống rượu trông trăng 747
- Một ngày là nghĩa 747
- Tài tình 748
- Xa cũng như gần 748
- Nhân sinh đắc ý 749
- Của đời người thế 749
- Có không không có 750
- Tiễn biệt 750
- Cảnh nhàn 751
- Cảnh phong lưu 751

- Tơ tình quấn quít 751
- Tơ tình ai gỡ 752
- Hoa nguyệt 752
- Nhớ người viễn khách 753
- Nhớ chinh phu 753
- Cáo quan về nhà 754
- Trung thu nguyệt 754
- Khai thắng tịch 755
- Thu hứng và bài dịch 755
- Quyết khoa 756
- Trăng thu 756
- Lư giang 757
- Tình là dại 757
- Thề non nước 758
- Thiên Thai 759
- Thi hỏng 759
- Tuổi qua thì 759
- Mượn rượu làm vui 760
- Non xanh nước biếc 760
- Đông hết sang xuân 761
- Động Đào nguyên 761
- Mối tơ tình 761
- Chung tình 762
- Cảnh chiều thu 763
- Có chí thì nên 763
- Mừng thượng thọ 764
- Thi hỏng 764
- Đôi chim chích 765
- Khách chơi hoa 766
- Viếng cô Hồ Xuân Hương 766
- Tương tiến tửu 767
- Muộn chữ công danh 767
- Tìm thú nước non 768
- Vinh quy 769

- Lợi danh chẳng đoái 769
- Thú phong lưu 769
- Gánh tương tư 770
- Chơi cho thích 771
- Ngao du sơn thủy 771
- Chơi cho phỉ chí 772
- Thú cầm ca 772
- Đi quân thứ 772
- Cảnh xuân 773
- Của kho vô tận 773
- Phong hứng 774
- Hoa hứng 774
- Tuyết hứng 775
- Nguyệt hứng 775
- Cầm hứng 776
- Kỳ hứng 777
- Thi hứng 777
- Tửu hứng 778
- Cầm kỳ thi tửu 778
- Bạc mệnh lời chung 780
- Bĩ cực thái lai 780
- Xuân có một thì 781
- Chơi trăng trên sông 781
- Chơi chùa Hương Tích 782
- Chơi cho thích chí 783
- Mối tơ duyên 784
- Dải đồng tâm 784
- Nhàn là hơn 784
- Tang bồng hồ thỉ 785
- Khi say 785
- Kiếp phù sinh 786
- Gửi cô đào Oanh 786
- Nợ nguyệt hoa 787
- Bài hát gửi thư 787

- Bài hát lối phú 789
- Bài hát Chửa khi 790
- Bài hát Bắc phản 791
- Mấy câu hát Mưỡu 791
- Bài hát Hà Liễu 792
- Bài dồn Đại thạch 792
- Mấy câu Ngâm Vọng 793
- Bài dồn Cung nam 793
- Nõi, Mưỡu Đại thạch 794
- Bài hát Dâng hương 794
- Bài hát Hà vị 795
- Bài hát cung Bắc 796
- Bài hát Thiên Thai 797
- Bài hát Tương Tiến tửu 799
- Bài hát ru hời 800
- Ru hời ru 801
- Bài hãm Tiếc xuân 801
- Tỳ bà nữ 802
- Tiễn biệt 802
- Cho đủ mùi đời 803
- Giang đầu hạnh hưu khách lai 803
- Triệu Tử Long 804
- Gỡ sao xong nợ 804
- Chữ nhàn 805
- Chú thích phần Ca trù 805

HÁT XẨM

1. Nguyễn Khuyến
- Mục hạ vô nhân 817
2. Khuyết Danh
- Tấm vóc đại hồng 818
- Thi lễ con nhà 819
- Vả lại giận trời 819
- Nghĩ lại kẻo già 820

- Vằng vặc trăng rằm 820
- Vả giận trăng già 821
- Lơ lửng đầu câu 821
- Nó chẳng ra gì 822
- Cái đêm hôm rằm 822
- Chỉ nẻo đưa đường 823
- Nước chảy đôi dòng 823
- Như cánh hoa nhài 823
- Đắp nấm trồng chanh 824
- Năm vợ ngồi hầu 824
- Thịt cá cơm canh 825
- Mình nhớ ta chăng 825
- Sương lạnh trăng mờ 825
- Lên ngọn sông Ngâu 826
- Ngọn gió hiu hiu 827
- Anh lát đá hoa 827
- Thích bốn chữ vàng 827
- Thôi lại nghĩ gần 828
- Được mấy anh hùng 828
- Ông trăng lại tròn 829
- Em ở trong phòng 829
- Tề lao xáo xác 830

GIAI THOẠI LÀNG VĂN

1. Đắp chiếu nằm rơm 831
2. Ông Cống làm trâu 831
3. Đề tranh tam giáo 832
4. Muốn hóa dưa hồng 833
5. Bỡn cô hàng Chấn 833
6. Ba ông Tam thế 833
7. Trịnh Sâm - Nguyễn Khản 834
8. Chân lão cầm thú 835
9. Trêu bợn nhà sư 835
10. Câu đối khóc mẹ 836

11. Câu đối hàng phân 837
12. Thợ cối thanh tra 837
13. Đề miếu Hạng Võ 839
14. Qua cửa Thần Phù 840
15. Đối chữ sách 840
16. Đối chữ bóng 841
17. Đi một mình 841
18. Khóc chồng con 841
19. Thử tài thích thực 842
20. Vương Toán 842
21. Đế vương khẩu khí 843
22. Lưu vong khóc mẹ 844
23. Trạng Hiền 844
24. Phỉ xa bất đông 846
25. Giễu quan chột mắt 846
26. Ngô Thì Nhậm 847
27. Mừng đẻ con trai 847
28. Gái thử tài trai 848
29. Đơn trâu 848
30. Viếng ông lão chết 849
31. Bài thơ văn võ 850
32. Trách thần Châu chấu 851
33. Nhắn chim Bằng 851
34. Gan sắt đá 852
35. Tấm vóc đồng tiền 852
36. Thơ sấm 853
37. Một giày bốn lọng 854
38. Khẩu khí 854
39. Vịnh con rận 855
40. Thơ khổ vận 856
41. Vỏ quít dầy 856
42. Quan án họ Cao 856
43. Câu đối mỉa đời 857
44. Kinh lịch Lại ty 858

45. Đối xược Thừa ty 858
46. Thất nghiệp nằm đình 859
47. Vạn lý trường thành 859
48. Tài biện bác 859
49. Thơ rủa mát 860
50. Trạng Ngọt 860
51. Nguyễn Hòe 861
52. Kết án con vịt 864
53. Thơ thăm vợ 864
54. Thử tài rể mới 865
55. Ghẹo quan võ 865
56. Lòng tiết tháo 866
57. Những câu đối khó 866
58. Sứ Tàu bị lỡm 867
59. Ngấp nghé con thầy 867
60. Nói lỡm 868
61. Qua cửa Đó 868
62. Bị mắng 868
63. Thách vịnh 869
64. Hay thơ 869
65. Chữa thẹn 870
66. Phê đơn 870
67. Thoái khách 870
68. Võng váy 871
69. Nói lái 871
70. Qua làng Bần 871
71. Đối chiết tự 872
72. Khẩu chiếm 872
73. Sự lạ Cống Chỉnh 872
74. Đề cánh cửa 873
75. Ăn xin 873
76. Thơ nói ngược 874
77. Thơ hiểm 874
78. Cương thường điên đảo 876

79. Lỡm thì được lỡm 876
80. Bi thử giai cẩu 877
81. Đề núi non bộ 878
82. Câu đối khóc vua 878
83. Câu đối khởi nghĩa 879
84. Giặt áo cho mẹ 880
85. Bồ tiên thi 880
86. Chữ nhất 881
87. Răng cắn lưỡi 882
88. Thơ đề mo cau 883

NHỮNG CÂU TẠP ĐỐI

89. Rể út phúng bố vợ 883
90. Hàng thịt khóc chồng con 883
91. Thầy đồ dạy học 884
92. Vãi viếng sư 884
93. Viếng một người còn cha già 884
94. Tên cá tên sao 885
95. Ba dê bốn ngựa 885
96. Ba sĩ một bách 885
97. Phương trời một gánh 885
98. Cụ đồ tự vịnh 886
99. Dán cửa tòa án 886
100. Vũ vũ thị thị 886
101. Hai hạp ba bị 886
102. Vợ khách khóc chồng Ngô 887
103. Cảnh ngộ nhà nho 887
104. Dán điếm sở làng 887
105. Đi gặp đám ma 887
106. Ả đào khóc mẹ 888
107. Lý trưởng dạy học 888
108. Viếng bà thân gia 888
109. Cảm Tết 889
110. Tặng bạn 889

111. Tặng thiếp 889
112. Bát tiết đôi bồ 889
113. Dán nhà 890
114. Viếng người làng 890
115. Viếng bố vợ 890
116. Mừng đám cưới 890
117. Tặng bạn 891
118. Đối lại nhà sư 891
119. Khóc vợ 891
120. Khóc vợ 891
121. Thú quê 892
122. Tiên chỉ lên lão 892
123. Khóc cha chết 892
124. Cùm xích 893
125. Chết chém 893
126. Viếng họ Cao 893
127. Khóc chồng thợ nhuộm 894
128. Vợ nam chồng khách 894
129. Câu đối tên cây 894
130. Ứng đối Mạc Đĩnh Chi 895

HÁN VIỆT VĂN BIỂU

1. Hán văn lược biểu 902
2. Việt văn lược biểu 906

TIỂU SỬ CÁC BẬC THI HÀO VIỆC NAM

1. Nguyễn Trãi 912
2. Lê Thánh Tôn 912
3. Nguyễn Bỉnh Khiêm 913
4. Lê Quý Đôn 913
5. Đoàn Thị Điểm 914
6. Phạm Thái 914
7. Nguyễn Hữu Chỉnh 914
8. Nguyễn Gia Thiều 915

9. Nguyễn Du 915
10. Nguyễn Văn Thành 916
11. Hồ Xuân Hương 916
12. Nguyễn Thánh Tổ 916
13. Nguyễn Quý Tân 917
14. Đăng Đức Siêu 917
15. Nguyễn Công Trứ 917
16. Bà Huyện Thanh Quan 918
17. Phan Thanh Giản 918
18. Nguyễn Dực Tôn (Tự Đức) 918
19. Cao Bá Quát 919
20. Tuy Lý Vương 919
21. Trương Vĩnh Ký 920
22. Nguyễn Văn Siêu 920
23. Đặng Xuân Bảng 920
24. Nguyễn Khuyến 920
25. Dương Khuê 920
26. Dương Lâm 921
27. Chu Mạnh Trinh 921
28. Trần Kế Xương 921
29. Vũ Phạm Hàm 922
30. Phạm Quý Thích 922
31. Phan Văn Ái 922
32. Bà Bang Nhãn 922
33. Hàn Thuyên 923
34. Nguyễn Sĩ Cố 923
35. Mạc Đĩnh Chi 923
36. Trương Hán Siêu 923
37. Chu Văn An 924
38. Phạm Sư Mạnh 924
39. Ngô Lan Chi 924
40. Nguyễn Minh Triết 924
41. Ngô Thì Sĩ 925
42. Đặng Trần Côn 925

43. Nguyễn Cư Trinh 925
44. Nguyễn Đình Tố 925
45. Nguyễn Quỳnh 925
46. Phan Huy Ích 926
47. Phan Huy Chú 926
48. Phan Huy Vịnh 927
49. Phạm Đình Hổ 927
50. Nguyễn Án 927
51. Lý Văn Phức 927
52. Ngô Thế Vinh 928
53. Nguyễn Hữu Tạo 928
54. Ngô Điền 928
55. Nguyễn Đình Chiểu 928
56. Tôn Thọ Tường 929
57. Huỳnh Mẫn Đạt 929
58. Đào Duy Từ 929
59. Nguyễn Thượng Hiền 930
60. Nguyễn Văn Giai 930
61. Lương Hữu Khánh 930
62. Trạng Giáp Hải 930
63. Phạm Văn Nghị 930
64. Lê Ngô Cát 930
65. Trần Khánh Dư 931
66. Trần Danh Lâm 931
Lời bạt (Hà Văn Cầu) 932
Vài lời nói thêm (Trần Vy Hoàng) 942
Mục lục 946

VĂN ĐÀN BẢO GIÁM

TRẦN TRUNG VIÊN
Sưu tập

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập : PHÒNG BIÊN TẬP TỔNG HỢP
Trình bày & bìa : Minhtri Design Co.
Sửa bản in : Hà Nguyên Thạch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM
*ĐT : (84.8) 8483481 - 8469858 * Fax : (84.8) 8483481*

Liên kết xuất bản :

CTY VĂN HÓA MINH TRÍ - NS. VĂN LANG
25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.I, TP.HCM
ĐT : 8.242157 - 8233022 - Fax : 84.8.235079

In 1000 cuốn khổ 14.5 x 20.5 cm tại Xưởng in CN Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt Nam. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 680/3. Cục xuất bản cấp ngày 17.06.2003. Trích ngang kế hoạch xuất bản số 238/VHGP Nhà xuất bản Văn Học cấp ngày 04.07.2003. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2004.

Trần Trung Viên

sưu tập

Văn Đàn Bảo Giám

vh

nhà xuất bản VĂN HỌC

Nhà Sách VĂN LANG
25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1,TP.HCM
ĐT :8242157 - 8233022 - FAX :8235079
9 Phan Đăng Lưu, Q.BT,TP. HCM-ĐT:8413306
E-mail : vanlangmt@yahoo.com

8 935073 008177

Giá: 140.000đ